

**ĐÔI DÒNG NHÂN DỊP TÁI BẢN NĂM 2015**

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

大般涅槃經

## TẬP I (QUYỂN 1 - QUYỂN 6)

TAM TẠNG PHÁP SƯ ĐÀM VÔ SẨM Hán dịch

ĐOÀN TRUNG CÒN - NGUYỄN MINH TIẾN Việt dịch và chú giải

NGUYỄN MINH HIỂN hiệu đính Hán văn

TÁI BẢN CÓ CHỈNH SỬA VÀ BỔ SUNG

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

**B**ản dịch và chú giải hoàn chỉnh của bộ kinh này được xuất bản lần đầu tiên năm 2009. Từ đó đến nay chúng tôi đã nhận được rất nhiều phản hồi từ độc giả khắp nơi, trong nước cũng như ngoài nước. Từ những thông tin phản hồi này, chúng tôi đã nghiêm túc tiếp nhận, nghiên cứu từng vấn đề được độc giả góp ý, cũng như tiếp tục khảo cứu sâu hơn nhiều vấn đề khác liên quan đến ý nghĩa kinh văn, nhằm giúp cho bản dịch càng thêm hoàn thiện, sáng tỏ hơn. Duyên lành đã đủ, nay kinh này được tái bản, quả là một tin vui cho người Phật tử.

Bản in năm 2009 đã được độc giả khắp nơi nồng nhiệt đón nhận. Hơn 300 bộ kinh đã được gửi sang Hoa Kỳ, Canada, Pháp, Đức, Australia... theo yêu cầu qua điện thư của Phật tử tại các nước này. Ngoài ra, hàng trăm bộ kinh cũng được thỉnh về các ngôi chùa lớn trong khắp nước. Dịch giả đã nhận được nhiều thư viết tay cũng như điện thoại, email... từ độc giả bày tỏ sự vui mừng về việc in ấn hoàn thành bộ kinh. Đầu năm 2013, Đài Truyền hình An Viên (AVG) thực hiện bộ phim phóng sự chuyên đề “Người dịch Kinh Phật”, giới thiệu với khán thính giả trên cả nước về công trình chuyển dịch kinh này, phát sóng lần đầu tiên vào ngày 23 tháng 2 năm 2013 và phát lại nhiều lần sau đó. Tháng 9 năm 2013, Trung tâm Sách Kỷ lục Việt Nam (Vietnam Records Book Center) chính thức công bố bản Việt dịch này xác lập Kỷ lục Quốc gia. Hầu hết các website Phật giáo trên toàn thế giới cũng nhanh chóng phổ biến bản dịch này đến với Phật tử khắp nơi. Có thể nói, những tín hiệu tích cực từ người đọc cũng như giới truyền thông trong và ngoài nước đối với việc lưu hành bản kinh này là hết sức khả quan.

Trước sự quan tâm ưu ái của đông đảo Phật tử các giới, chúng tôi tự nhận thấy trách nhiệm của mình là phải tiếp tục hoàn thiện hơn nữa bản dịch kinh này để đáp ứng sự mong đợi cũng như nhu

câu tu học của người Phật tử. Vì thế, trong suốt thời gian qua, chúng tôi đã dành rất nhiều thời gian để không ngừng rà soát và chỉnh sửa kỹ lưỡng từng phần trong bản dịch, cố gắng làm cho bản dịch càng thêm rõ ràng và trong sáng, mong có thể chuyển tải được ý nghĩa thâm sâu trong từng câu kinh đến với người đọc.

Ngoài những chỉnh sửa hoàn thiện về nội dung, trong lần tái bản này chúng tôi cũng phân chia lại toàn bộ các phẩm kinh theo sát với cấu trúc Hán văn trong Đại Chánh tân tu Đại Tạng Kinh. Hiện nay Đại Chánh tạng đã trở thành tạng kinh được sử dụng rộng rãi nhất, và chúng tôi cũng đã xây dựng thành công một phiên bản điện tử trực tuyến của tạng kinh này, cho phép người dùng sử dụng hoàn toàn miễn phí tại địa chỉ <http://rongmotamhon.net>. Vì thế, việc trình bày theo Đại Chánh tạng sẽ tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người đọc trong việc tham khảo, đối chiếu kinh văn.

Cuối cùng, việc tái bản kinh này là một thuận duyên lớn lao cho người học Phật. Chúng tôi xin tri ân tất cả những sự giúp đỡ, khuyến khích, trực tiếp cũng như gián tiếp cho Phật sự này. Đặc biệt, chúng tôi chân thành ghi nhận nơi đây lòng nhiệt thành hộ trì Chánh pháp của vợ chồng anh Nguyễn Hữu Cứ và chị Nguyễn Phước Lan Hương, đã hoan hỷ gánh vác mọi chi phí cần thiết trong công việc. Nếu không có sự hăng tâm hăng sản của vợ chồng anh chị, chắc chắn việc in ấn cũng như tái bản bộ kinh này đã không thể nào thực hiện được.

Nguyện cầu hồng ân Tam bảo gia trì cho tất cả những ai có duyên may gặp được Pháp bảo này đều sẽ phát tâm Bồ-đề kiên cố, tinh tấn tu tập để tiến đến tự giác giác tha, giác hạnh viên mãn.

**Nam-mô Bổn Sư Thích-ca Mâu-ni Phật**

Trân trọng,

**Nguyễn Minh Tiến**

## LỜI NÓI ĐẦU

**K**inh Đại Bát Niết-bàn là một bộ kinh đồ sộ trong kho tàng kinh điển Phật giáo, được một cao tăng miền Trung Ấn Độ là ngài Đàm-vô sấm mang đến Trung Hoa vào khoảng thế kỷ 5 và cũng được chính vị này khởi công dịch sang chữ Hán. Trong Đại tạng kinh (bản Đại Chánh tân tu), kinh này được xếp vào Tập 12, kinh số 374 (40 quyển) và kinh số 377 (2 quyển Hậu phần).

Việc chuyển dịch kinh này sang tiếng Việt đã được nhiều bậc tiền bối nghĩ đến từ lâu. Công trình muôn màng của chúng tôi chỉ hy vọng góp thêm được phần nào dù nhỏ nhoi trong việc giúp người đọc có sự tiếp nhận dễ dàng hơn đối với bộ kinh này. Ngoài ra, việc khảo đính và giới thiệu trọn vẹn nguyên bản Hán văn sẽ rất có ý nghĩa trong việc giữ gìn và lưu truyền kinh điển Đại thừa một cách chuẩn xác hơn, vì ngoài việc tạo điều kiện lưu giữ bản Hán văn, hình thức in ấn này sẽ giúp người đọc có thể đối chiếu, tham khảo khi có sự nghi ngại hay không rõ trong bản dịch. Điều này cũng sẽ giúp các bậc cao minh dễ dàng nhận ra và chỉ dạy cho những chỗ sai sót, để bản dịch nhờ đó càng được hoàn thiện hơn. Và dĩ nhiên, mục đích cuối cùng của tất cả những điều trên chính là để giúp cho sự học hỏi và tu tập theo lời Phật dạy được đúng hướng hơn. Bởi vì hơn ai hết, người Phật tử luôn hiểu rằng chính những lời dạy của Đức Phật được lưu giữ trong kinh điển là chỗ y cứ quan trọng và chắc chắn nhất cho con đường tu tập của mỗi người.

Mặc dù công trình đã được tiến hành với sự cẩn trọng tối đa trong phạm vi khả năng của những người thực hiện, từ việc khảo đính văn bản Hán văn cho đến việc tham khảo, chuyển dịch, chú giải... nhưng e rằng cũng không thể tránh được ít nhiều sai sót. Vì thế, dưới đây chúng tôi sẽ cố gắng trình bày đôi nét về quá trình thực hiện công việc để quý độc giả có thể có một cái nhìn khái quát về những gì chúng tôi đã thực hiện cũng như phương cách mà chúng tôi đã vận dụng, qua đó sẽ dễ dàng hơn trong việc đưa ra những lời chỉ dạy giúp chúng tôi hoàn thiện hơn nữa công việc đã làm. Chúng tôi xin chân thành đón nhận và biết ơn mọi sự góp ý từ quý độc giả gần xa cả về nội dung lẫn hình thức của lần xuất bản này.

Về mặt văn bản, chúng tôi chọn sử dụng bản dịch Hán văn của ngài Đàm-vô-sám (40 quyển) vừa được đề cập ở trên. Riêng 2 quyển cuối cùng (Hậu phần) là bản dịch của hai ngài Nhã-na-bạt-đà-la và Hội Ninh. Tuy nhiên, kinh Đại Bát Niết-bàn còn có rất nhiều bản dịch khác.

Trong kinh tạng Nguyên thủy được dịch từ tiếng Pali (Nam Phạn) cũng có kinh này, nhưng ngắn hơn nhiều so với bản dịch trong Hán tạng được chúng tôi sử dụng. Tuy nhiên, về các chi tiết, sự kiện được đề cập đến trong kinh thì hai bản dịch này có rất nhiều điểm tương đồng. Vì thế, chúng tôi đã sử dụng bản Việt dịch kinh này của Hòa thượng Thích Minh Châu (Trường bộ kinh, kinh số 16, Mahāparinibbāna sutta) để tham khảo đối chiếu ở những chỗ có liên quan.

Trong Hán tạng còn có một số bản dịch khác. Bản dịch đời Đông Tấn (317-420) của ngài Pháp Hiển cũng có tên là Đại Bát Niết-bàn kinh, gồm 3 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng thuộc Tập 1, kinh số 7; bản dịch đời Tây Tấn của ngài Bạch Pháp Tổ là Phật Bát Nê-hoàn kinh (2 quyển), được xếp vào Đại Chánh tạng, Tập 1, kinh số 5. Ngoài ra còn có một bản dịch tên Bát Nê-hoàn kinh (2 quyển) đã mất tên người dịch, được xếp vào Đại Chánh tạng Tập 1, kinh số 6. Những bản này có lẽ đều dịch từ Phạn văn Nam truyền

thuộc kinh tạng Nguyên thủy nên nội dung tương tự với bản trong Trường bộ kinh do Hòa thượng Thích Minh Châu Việt dịch vừa nói ở trên. Nội dung của các bản này chỉ được tham khảo ở một số chi tiết tương đồng khi kể lại sự kiện đức Phật nhập Niết-bàn, còn nói chung không có sự ghi chép đầy đủ những lời dạy của Phật như trong bản dịch của ngài Đàm-vô-sám.

Một bản dịch khác đặc biệt đáng chú ý là Phật thuyết Đại Bát Nê-hoàn kinh, cũng do ngài Pháp Hiển đời Đông Tấn dịch, 6 quyển, được xếp vào Đại Chánh tạng ở Tập 12, kinh số 376. Dựa vào nội dung thì bản dịch này cũng chính là bản kinh mà ngài Đàm-vô-sám đã dịch.

Từ điển Phật Quang cho biết ngài Pháp Hiển sanh năm 340 và mất trong khoảng năm 418 đến 423. Như vậy, cũng có thể xem như đồng thời với ngài Đàm-vô-sám (385-433). Ngài được cha mẹ cho vào chùa từ năm 3 tuổi, làm sa-di đến năm 20 tuổi thì thọ giới Cụ túc. Với sức học uyên thâm, ngài thường than tiếc với mọi người rằng kinh luật lưu hành thời ấy ở Trung Hoa có quá nhiều khiếm khuyết. Vì thế, ngài quyết tâm sang tận Ấn Độ để học hỏi và thỉnh kinh điển về. Năm 399, ngài chính thức rời Trường An để thực hiện ý định này. Tuy ngài hướng về Trung Ấn Độ, nhưng trong suốt cuộc hành trình kéo dài nhiều năm ngài đã ghé qua rất nhiều nơi khác nhau trên đường đi như Đôn Hoàng, Vu Điền... thậm chí có đến ở đảo Tích Lan (Sri Lanka) trong 2 năm. Đến năm 413 ngài mới về lại Trung Hoa, rồi cùng với ngài Phật-đà-bạt-đà-la (Buddhabhadra, 359-429) bắt đầu chuyển dịch kinh luật sang Hán ngữ. Ngài đã dịch những kinh luật như Ma-ha Tăng-kỳ luật, Phật thuyết Đại Bát Nê-hoàn kinh, Tập A-tì-đàm tâm luận, Tập tạng kinh... Cứ theo những chi tiết còn được biết thì rất có thể thời điểm ngài dịch kinh Đại Bát Nê-hoàn cũng gần với thời điểm ngài Đàm-vô-sám dịch kinh Đại Bát Niết-bàn.

Chúng tôi tin rằng hai vị này có thể đã không biết đến công trình của nhau, và Phạn bản mà ngài Pháp Hiển sử dụng có thể là do chính ngài đã mang về trong chuyến đi Ấn Độ. Vì thế, việc

tham khảo thêm bản dịch này của ngài Pháp Hiển được chúng tôi cho là cực kỳ quan trọng trong việc giúp làm rõ những chỗ còn khó hiểu trong kinh văn. Trong khi ngài Đàm-vô-sám là một cao tăng Ấn Độ học tiếng Trung Hoa để dịch kinh, thì ngược lại ngài Pháp Hiển lại là một cao tăng Trung Hoa sang Ấn Độ học Phạn ngữ. Chỉ riêng điều này cũng đủ để chúng ta có thể tin chắc rằng hai bản dịch của 2 vị sẽ có rất nhiều yếu tố bổ sung cho nhau.

Và sự thật đúng là như thế. Chúng tôi xin nêu một vài ví dụ cụ thể để quý vị có thể thấy rõ việc này. Khi dịch đến một câu nói của Bồ Tát Ca-diếp là: “如來常身猶如畫石。 *Như Lai thường thân do như họa thạch.*” (Thân Như Lai thường còn như hình khắc trên đá.) Chúng tôi xét thấy dựa theo ý kinh trong toàn đoạn thì nghĩa câu này có phần khiên cưỡng, thậm chí là mâu thuẫn. Khi tham khảo bản dịch của ngài Pháp Hiển thì thấy câu này được dịch là: “如來法身真實常住，非磨滅法，我意諦信猶如畫石。” (*Như Lai pháp thân chân thật thường trụ, phi ma diệt pháp, ngã ý đế tín do như họa thạch.*) Nghĩa là: “Pháp thân Như Lai chân thật thường trụ, không phải pháp hoại diệt, lòng con đã tin chắc điều đó như khắc sâu vào đá.” Theo đây mà suy đoán thì có lẽ bản dịch của ngài Đàm-vô-sám vì một lý do nào đó đã mất đi mấy chữ, ít nhất cũng là phần tương đương với 8 chữ Hán được chúng tôi gạch chân trong câu trên. Đây là sự bổ sung về mặt văn bản, vì như đã nói, rất có thể hai vị đã dùng 2 Phạn bản khác nhau.

Trong một trường hợp khác, bản dịch ngài Đàm-vô-sám chép là: “譬如陶師作已還破。 - *Thí như đào sư tác dĩ hoàn phá.*” (Ví như người thợ làm đồ gốm, làm ra rồi phá bỏ.) Tất cả các bản Việt dịch đã có và cả các bản Anh ngữ đều dịch với ý tương tự như vậy, cho dù một câu như thế thật hết sức khó hiểu!

Bản dịch của ngài Pháp Hiển đã giúp chúng tôi giải tỏa khó khăn này. Trong vị trí tương đương của câu này, ngài dịch là: 譬如陶家埴埴作器有作有壞 - *Thí như đào gia duyên thực tác khí, hữu tác hữu hoại.* Như vậy là quá rõ ràng! Không phải “làm ra rồi phá bỏ (!)”, mà phải hiểu là “có làm ra ắt có ngày hư hoại”.

Đây được dùng để ví với các pháp thế gian được tạo tác nên không thường tồn; khác với sự giải thoát của Như Lai là không do tạo tác mà thành nên không có sự hư hoại, thay đổi.

Tuy nhiên, điều vô cùng đáng tiếc là bản dịch Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển (6 quyển) ngắn hơn nhiều so với bản dịch của ngài Đàm-vô-sám, chỉ tương đương đến hết phẩm thứ 5 của bản kinh Đại Bát Niết-bàn, nghĩa là vừa hết quyển 10, còn lại 30 quyển sau là không có trong bản Đại Bát Nê-hoàn. Chúng ta có thể tạm suy đoán là phần Phạn bản này tương đương với phần đầu mà ngài Đàm-vô-sám đã mang sang Trung Hoa lần đầu tiên, và phần được thỉnh lần thứ hai tại xứ Vu Điền có lẽ ngài Pháp Hiển không có.

Vì nhiều lý do nên sau khi so sánh cân nhắc chúng tôi vẫn quyết định chọn bản dịch của ngài Đàm-vô-sám làm văn bản chính, và những sự tham khảo đối chiếu như trên chỉ được đưa vào phần chú giải để người đọc hiểu rõ vấn đề hơn, hoàn toàn không dám tùy tiện sửa đổi trong chính văn kinh.

Như trên đã nói qua về các bản văn được sử dụng để tham khảo. Bây giờ xin lược nói đôi nét về văn bản chính. Bản dịch của ngài Đàm-vô-sám được gọi là Bắc bản, thực hiện vào triều đại Bắc Lương (397-439). Ngoài ra còn có Nam bản là bản Đại Bát Niết-bàn kinh (36 quyển), do nhóm của ngài Huệ Nghiêm thực hiện vào triều Tống (960-1279), được xếp vào Đại Chánh tạng, Tập 12, kinh số 375. Ở đầu bản kinh văn này cho biết nhóm của ngài Huệ Nghiêm đã căn cứ vào bản kinh Nê-hoàn để bổ sung vào. (*Tống đại sa-môn Huệ Nghiêm đẳng y Nê-hoàn kinh gia chi* - 宋代沙門慧嚴等依泥洹經加之). Nê-hoàn kinh ở đây chỉ cho bản dịch kinh Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển.

Nam bản thật ra không khác biệt nhiều với Bắc bản, vì nhóm của ngài Huệ Nghiêm đã sử dụng chính bản dịch của ngài Đàm-vô-sám để khắc in lại, với một số thay đổi như đổi tựa đề một số phẩm và phân chia các quyển khác hơn. Vì thế Nam bản chỉ có 36 quyển so với Bắc bản có đến 40 quyển. Trong suốt quá trình

chuyển dịch, chúng tôi sẽ cố gắng lưu ý độc giả những chỗ khác biệt này.

Ngoài ra, vì đây là một bộ kinh quan trọng nên có rất nhiều bản số giải đã được thực hiện qua các triều đại. Chẳng hạn như Đại Bát Niết-bàn Kinh tập giải (71 quyển, Đại Chánh tạng, Tập 37, kinh số 1763) của ngài Bảo Lượng (444 - 509) vào đời Lương (502 - 557); Đại Bát Niết-bàn Kinh nghĩa ký (10 quyển, Đại Chánh tạng, Tập 37, kinh số 1764) của ngài Huệ Viễn vào đời Tùy (581-618); Đại Bát Niết-bàn kinh huyền nghĩa (2 quyển, Đại Chánh tạng, Tập 38, kinh số 1765) cũng vào đời Tùy... Trong quá trình chuyển dịch, chúng tôi có tham khảo các bản số giải này để tìm hiểu ý kinh rõ hơn.

Riêng về bản dịch Hán văn của ngài Đàm-vô-sám, có lẽ chúng ta cần tìm hiểu đôi nét về cuộc đời vị cao tăng này nói chung, và về công trình Hán dịch kinh này nói riêng.

Ngài là cao tăng người miền Trung Ấn Độ, xuất thân từ một gia đình Bà-la-môn, tên Phạn ngữ là Dharmaraka, Hán dịch âm là Đàm-vô-sám, cũng còn đọc là Đàm-ma-sám hay Đàm-ma-la-sám, dịch nghĩa là Pháp Phong. Trước ngài học giáo lý Tiểu thừa, tinh thông kinh luận, biện tài ứng đáp không ai bằng. Sau gặp được thiên sư Bạch Đầu, được nghe kinh Đại Bát Niết-bàn này liền tự sanh lòng hổ thẹn, chuyển sang tu học giáo pháp Đại thừa.

Năm 20 tuổi ngài đã có thể tụng đọc thông suốt kinh điển cả Đại thừa lẫn Tiểu thừa. Ngài lại còn giỏi về chú thuật, được vua kính trọng và người đương thời tôn xưng là Đại Chú Sư. Sau ngài đến xứ Kế Tân, mang theo 5 phẩm đầu của kinh Đại Bát Niết-bàn, cùng với kinh Bồ Tát Giới và kinh Bồ Tát Giới Bản. Tiếp đó, ngài sang xứ Quy Tư. Nhưng cả hai xứ này người dân đa phần chuộng theo Tiểu thừa, nên sau ngài lại sang đến Đôn Hoàng là kinh đô nhà Tây Lương thời bấy giờ.

Niên hiệu Huyền Thủy thứ nhất đời Bắc Lương, tức năm 412, Hà Tây Vương là Thư Cừ Mông Tồn thỉnh ngài đến thành Cô Tàng và lưu lại đó, tiếp đãi rất trọng hậu. Ngài nhân dịp này liền

dành trọn 3 năm để học chữ Hán. Sau đó, ngài khởi sự phiên dịch phần đầu kinh Đại Bát Niết-bàn sang Hán ngữ. Như vậy, sớm nhất thì bản dịch kinh này cũng phải khởi đầu từ khoảng năm 416. Chúng ta nhớ lại, ngài Pháp Hiển trở về Trung Hoa năm 413 và bắt đầu dịch kinh, rồi viên tịch trong khoảng năm 418-423, vậy bản dịch kinh Đại Bát Niết-bàn chắc chắn phải được thực hiện trong khoảng cùng thời gian này.

Vì bản kinh Đại Bát Niết-bàn ngài mang theo chưa đủ trọn bộ, ngài liền đến xứ Vu Điền, tìm thỉnh được phần tiếp theo, nhưng vẫn chưa trọn bộ. Ngài lại trở về Cô Tàng tiếp tục công việc phiên dịch. Khi ấy, Thái Vũ Đế của Bắc Ngụy nghe danh ngài là người tài giỏi liền sai sứ đến đón về. Mông Tồn trong lòng lo lắng, sợ e ngài về với Bắc Ngụy tất Ngụy sẽ có nhiều chỗ dùng đến, đối nghịch với mình. Vì vậy, nhân khi ngài lên đường trở về Ấn Độ để thỉnh phần cuối kinh Đại Bát Niết-bàn sang dịch, Mông Tồn liền sai người chặn giữa đường mà hại chết. Phần cuối của kinh, được gọi là Hậu phần Đại Bát-Niết-bàn kinh, gồm 2 quyển, vì thế phải đợi đến về sau mới được hai vị sa-môn là Nhã-na-bạt-đà-la và Hội Ninh dịch trong khoảng đời Đường (618 - 907).

Ngài Đàm-vô-sám sinh năm 385 và bị hại chết vào năm 433. Kinh điển do ngài dịch, người sau ghi lại số lượng không giống nhau. Theo Xuất Tam Tạng Ký Tập thì ngài dịch được 11 bộ kinh, gồm 117 quyển, nhưng theo Đại Đường Nội Điển Lục thì số kinh ngài dịch là 24 bộ, gồm 151 quyển. Số lượng thật sự còn giữ được đến nay trong Đại Chánh tạng là 23 bộ. Phần lớn những kinh do ngài chuyển dịch đều là kinh điển Đại thừa như kinh Bi Hoa, kinh Đại Phương Đẳng Đại Tập, kinh Kim Quang Minh... và một số bản văn trong Luật tạng. Trong số này, kinh Bi Hoa (10 quyển) đã được chúng tôi Việt dịch và xuất bản năm 2007.

Qua những chi tiết còn được biết về cuộc đời ngài Đàm-vô-sám và công trình Hán dịch kinh này, chúng ta có thể thấy rõ mối quan tâm đặc biệt của ngài cũng như những gian nan vất vả mà ngài đã trải qua để có thể hoàn tất bản dịch kinh này. Thậm chí vì muốn

hoàn tất bộ kinh với 2 quyển cuối, ngài đã không ngại đường xa nguy hiểm, quyết lòng lặn lội trở về Ấn Độ thỉnh kinh, để rồi cuối cùng phải bỏ mạng giữa đường đi. Cứ nghĩ đến việc này thì sẽ thấy mỗi câu mỗi chữ trong bản Hán văn mà ngày nay chúng ta còn có duyên may được đọc thật là quý giá biết bao nhiêu!

Mặc dù không tránh khỏi một vài khiếm khuyết, rất có thể xuất phát từ sự sai lệch ngay trong Phạn bản, hoặc do quá trình khắc bản qua nhiều lần đã làm thay đổi, nhưng chúng tôi vẫn cho rằng bản dịch Hán văn của ngài Đàm-vô-sám là bản đầy đủ và ưu việt nhất trong tất cả các bản đã được nhắc đến. Có rất nhiều đoạn kinh văn hết sức súc tích và không kém phần diễn cảm, dù chưa thể gọi là văn chương trác tuyệt nhưng cũng đủ để thể hiện học vấn uyên thâm của người viết. Thật khó có thể tin rằng người viết ra những đoạn văn hay như thế lại là một người Ấn Độ chỉ mới học chữ Hán trong khoảng 3 năm!

Trở lại với vấn đề Việt dịch kinh này, như đã nói từ đầu, có nhiều vị tiên bối trước chúng tôi đã quan tâm đến việc chuyển dịch kinh này. Vì thế, trong suốt quá trình thực hiện công việc, chúng tôi đã may mắn có cơ hội tham khảo một số những công trình đã thực hiện trước, xin nêu cụ thể dưới đây.

Trước hết là bản Việt dịch của Cố học giả Đoàn Trung Còn. Bản dịch này được dịch giả tự xuất bản trước năm 1975 từ quyển 1 đến quyển 11, chia làm 2 tập. Phần còn lại, từ quyển 12 đến quyển 42 là bản thảo viết tay, trước đây lưu giữ tại Viện Chuyên tu (Làng Vạn Hạnh, Bà Rịa Vũng Tàu), sau đó được chuyển cho cư sĩ Chân Nguyên. Khi biết chúng tôi có sự quan tâm đến các công trình Phật học, cư sĩ Chân Nguyên đã giao lại bản thảo viết tay này cho chúng tôi để xem xét việc xuất bản.

Mặc dù bản dịch này có giá trị tham khảo rất cao, vì Học giả Đoàn Trung Còn không chỉ thực hiện việc chuyển dịch mà còn tra khảo nhiều tư liệu để biên soạn các chú giải cho bản dịch của mình, nhưng chúng tôi nhận thấy không thể xuất bản vào thời điểm hiện nay vì cách dùng từ ngữ cũng như văn phong diễn đạt

nói chung đều đã quá xưa cũ, không còn phù hợp và rất khó hiểu đối với độc giả ngày nay. Hơn nữa, những chú giải của ông cũng cần phải biên soạn lại, do điều kiện thiếu tư liệu trước đây, cũng như những hạn chế nhất định trong sự tham khảo đối chiếu.

Kèm theo bản Việt dịch này còn có phần viết tay toàn bộ bản Hán văn, mà theo suy đoán của chúng tôi là dựa vào bản khắc gỗ cũng được lưu giữ tại Viện Chuyên tu. Bản khắc gỗ Hán văn này thuộc Càn Long tạng, khi biết chúng tôi đang thực hiện công trình này, Đại đức Thích Thiện Thuận ở Viện Chuyên tu đã hoan hỷ cho chúng tôi mượn dùng.

Tiếp đến là bản Việt dịch của Hòa thượng Thích Trí Tịnh. Chúng tôi hiện có bản dịch này do Thành hội Phật giáo TP. HCM ấn hành năm 1991. Ngoài ra, nó cũng được lưu hành trên mạng Internet tại Thư viện Hoa sen (<http://thuvienhoasen.org/p16a158/kinh-dai-bat-niet-ban>), được ghi là do Tịnh xá Minh Đăng Quang xuất bản tại Hoa Kỳ vào năm 1990. Bản này không in kèm Hán văn và cũng không thấy ghi rõ là dịch từ bản Hán văn nào, nhưng căn cứ vào những ghi chú phân đoạn của Hòa thượng thì biết là đã dịch từ Bắc bản chứ không phải Nam bản (40 quyển chứ không phải 36 quyển). Tuy vậy, tựa đề các phẩm có sửa lại theo Nam bản, chẳng hạn như phẩm đầu tiên là phẩm Tựa (Tự phẩm) thay vì là phẩm Thọ mạng, phần thứ nhất (Thọ mạng phẩm - đệ nhất) như trong Bắc bản. Hòa thượng cũng dịch cả 2 quyển Hậu phần của các ngài Nhã-na-bạt-đà-la và Hội Ninh. Mặt khác, khi trình bày bản Việt dịch, Hòa thượng đã căn cứ vào các phẩm kinh để phân chia, không dựa theo sự phân chia các quyển như trong bản Hán văn. Trong quá trình chuyển dịch, chúng tôi có tham khảo bản dịch này ở những nơi cần thiết.

Ngoài ra còn có bản Việt dịch của cư sĩ Tuệ Khai (Phan Rang), được thực hiện với sự chứng nghĩa của Hòa thượng Thích Đồng Minh. Chúng tôi không biết bản dịch này đã xuất bản hay chưa, chỉ sử dụng bản lưu hành trên Internet tại trang Quảng Đức (<http://quangduc.com/p157a3904/kinh-dai-bat-niet-ban-36-quyen>).

Bản này ghi rõ là dịch từ Nam bản đời Tống và không dịch 2 quyển Hậu phần.

Ngoài các bản Việt dịch kể trên, chúng tôi còn sử dụng 2 bản dịch Anh ngữ của kinh này. Bản thứ nhất có tên là *The Mahayana Mahaparinirvana Sutra*, được *Kosho Yamamoto* dịch sang Anh ngữ từ bản Hán văn của ngài Đàm-vô-sám, với sự hiệu đính của Tiến sĩ *Tony Page* (Nirvana Publications, London, 1999-2000). Bản này không dịch 2 quyển Hậu phần. Theo sự phân đoạn thì bản này được dịch từ Nam bản. Hiện có thể tìm được trên Internet ở địa chỉ: <http://www.nirvanasutra.net/>

Bản dịch Anh ngữ thứ hai do Charles Patton dịch sang Anh ngữ từ bản Hán văn của ngài Đàm-vô-sám, nhưng chỉ gồm một số phẩm, không trọn bộ. Cụ thể là chúng tôi đã đọc được các phẩm thứ 1, 2, 3, 4, 5, 6, 10, 11 và 15. Bản này được dịch giả ghi rõ là dịch từ Nam bản. Hiện có thể xem trên mạng Internet ở địa chỉ: <http://fodian.net/world/0375.html>

Việc sử dụng các bản dịch Anh ngữ đặc biệt hữu ích khi chuyển dịch những đoạn văn mô tả mà cách dùng chữ của bản Hán văn trở nên khó hiểu vì từ ngữ với ý nghĩa được dùng hiện nay không còn thông dụng nữa. Chẳng hạn, khi bản Hán văn dùng “*chân kim vi hướng* - 真金爲向” thì chúng tôi đã không khỏi có phần lúng túng. Ông Đoàn Trung Còn dịch là “*vàng ròng làm hướng*”, xem như không dịch chữ *hướng*, và mô tả như vậy thì không ai có thể hiểu được gì cả! Hòa thượng Trí Tịnh bỏ hẳn chi tiết này (và nhiều chi tiết khác) không dịch! Khi tham khảo cả 2 bản Anh ngữ đều thấy dịch chữ “*hướng 向*” là “*windows*”. Sau đó, chúng tôi liền tra khảo lại các tự điển Hán ngữ thì thấy quả thật chữ này có một nghĩa là “*cửa sổ*”, nhưng ngày nay chẳng mấy ai dùng đến nghĩa này. Vì thế, câu trên phải được hiểu là “*các cửa sổ đều bằng vàng ròng*”...

Tất cả các bản dịch kể trên đều chỉ được chúng tôi sử dụng với mục đích tham khảo thuần túy, hoàn toàn không có sự trích dẫn hay sử dụng lại bất cứ phần nào trong đó. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn đặt tên Cố học giả Đoàn Trung Còn như người đồng thực

hiện công trình này vì lòng tôn kính chân thành đối với những nỗ lực tiên phong trong công việc mà ông đã thực hiện trước đây một cách không mệt mỏi cho đến tận cuối đời.

Mặc dù vậy, sự tham khảo cùng lúc nhiều bản dịch đòi hỏi chúng tôi phải luôn tỉnh táo trong công việc, không để bị cuốn hút hoàn toàn theo cách hiểu của những người đi trước, vì trong một số trường hợp thì điều đó có thể dẫn đến sự hiểu sai văn kinh. Chẳng hạn, trong một đoạn kinh văn dùng cụm từ “*ngũ thập thất phiền não*” (五十七煩惱), các bản trước đây đều dịch là “*57 loại phiền não*”. Hòa thượng Trí Tịnh bỏ qua không dịch cụm từ này, cư sĩ Tuệ Khai và Cố học giả Đoàn Trung Còn đều dịch là “*57 phiền não*”. Tham khảo cả 2 bản Anh ngữ cũng đều dịch là “*57 illusions*”... Như vậy, trong số năm vị đi trước thì đã có bốn vị cùng một ý, một vị không dịch. Nhưng chúng tôi không dám chấp nhận ngay cách dịch này, vì phân vân với con số 57 chưa từng gặp trong các kinh văn khác. Vì thế, chúng tôi đã cố gắng thận trọng đọc qua các bản số giải và cuối cùng tìm được một cách giải thích hợp lý hơn. Theo đó, cụm từ này phải được hiểu là “*ngũ, thập, thất phiền não*”, hay nói theo văn số giải là: “*Ngũ thập thất giả, tam chủng phiền não dã*.” Như vậy thì ý nghĩa đã trở nên rõ ràng. Ba loại phiền não được tuần tự kể ra, bao gồm *ngũ cái, thập triền* và *thất sử*. Để chỉ ba loại phiền não này, văn kinh đã nói quá ngắn gọn, và cách viết xưa kia không có dấu chấm câu nên người đọc rất dễ nhầm lẫn.

Ngoài ra, những khác biệt giữa Bắc bản và Nam bản cũng được chúng tôi đặc biệt chú ý, vì Nam bản được thực hiện dựa trên Bắc bản với những chỉnh sửa của người đi sau, nên rất có thể sẽ có những chỉnh sửa hợp lý, giúp kinh văn được rõ ràng và chuẩn xác hơn. Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp mà sự chỉnh sửa tỏ ra không hợp lý, và như thế cần phải tôn trọng Bắc bản, vốn là bản được ra đời trước. Chẳng hạn, trong một đoạn kinh văn Bắc bản dùng “*chư vương chúng trung*” (諸王衆中) được Nam bản sửa lại thành “*chư tứ chúng trung*” (諸四衆中). Căn cứ vào ý kinh đang đề cập đến một đối tượng rộng hơn là “*tứ chúng*”, chúng tôi tin

rằng Bắc bản không có sai lầm ở đây. Nhưng các bản trước đây dịch là “ở giữa các vị vua” là không chuẩn xác, cần phải hiểu là “ở giữa các vị vua và dân chúng”, nghĩa là “chư vương, chúng trung” (諸王, 衆中) chứ không phải “chư vương chúng trung”.

Một số độc giả vẫn có thể sẽ đặt câu hỏi: “*Vì sao phải thực hiện một bản dịch mới, trong khi đã có một số bản dịch hiện đang lưu hành?*” Để trả lời câu hỏi này, về phần mình chúng tôi chỉ có thể nói là đã thực hiện công việc vì một sự thôi thúc không thể cưỡng lại khi may mắn được đọc hiểu bản kinh này từ Hán tạng. Có rất nhiều cảm xúc chân thành và mạnh mẽ mà chúng tôi tự thấy không thể không cố gắng chia sẻ cùng mọi người, và chính từ đó mà bản dịch này ra đời. Tâm nguyện chia sẻ của chúng tôi có đạt được hay không, điều đó xin tùy nơi sự đánh giá khách quan của độc giả. Về phần mình, chúng tôi chỉ biết cố gắng hết sức trong việc này mà thôi.

Mỗi người có thể tiếp cận bản kinh này theo một cách khác nhau. Về mặt lịch sử, kinh này thuật lại suốt thời gian đức Phật sắp nhập Niết-bàn cho đến sau khi ngài nhập Niết-bàn và đại chúng phân chia xá-lợi Phật để xây tháp thờ kính. Vì thế, không ít người có thể sẽ cố gắng tìm kiếm trong kinh này những chi tiết liên quan đến sự kiện đức Phật nhập Niết-bàn, vì đây là một sự kiện cực kỳ quan trọng trong cuộc đời ngài, liên quan đến sự truyền thừa tiếp nối của Tăng đoàn Phật giáo thời bấy giờ tại Ấn Độ, và do đó cũng liên quan cả đến sự truyền bá Phật giáo về sau ra khắp nơi trên thế giới.

Về mặt học thuật, chỉ riêng độ dài của một văn bản Hán văn đã ra đời và tồn tại từ hơn 15 thế kỷ qua cũng đã đủ là một đề tài hấp dẫn các nhà nghiên cứu, vì tự nó đã là một tài liệu bảo lưu rất nhiều yếu tố cổ xưa mà ngày nay khó lòng tìm lại được.

Về mặt tư tưởng, kinh này hàm chứa hầu hết những tư tưởng quan trọng trong Phật giáo, từ những vấn đề đơn giản và gần gũi như quan điểm và lời dạy của đức Phật về việc ăn chay, cho đến những vấn đề phức tạp và trừu tượng như tánh Phật, thường và vô thường, ngã và vô ngã...

Về mặt giáo lý, kinh này ghi lại những lời dạy của đức Phật trước lúc nhập Niết-bàn, nên có giá trị như một sự đúc kết cuối cùng tất cả những gì ngài đã giảng dạy trong suốt cuộc đời. Trước một thánh chúng có thể nói là đông đảo nhất, không chỉ bao gồm hầu như tất cả các đệ tử xuất gia và tại gia của Phật mà còn có rất đông đồ chúng của các giáo phái ngoại đạo đương thời, đức Phật đã tuần tự giải tỏa tất cả những nghi vấn được đặt ra vào thời điểm then chốt cuối cùng này. Nhiều vị thầy ngoại đạo đã quy phục, và tất cả bốn chúng đệ tử Phật đều không còn ai nghi ngại điều gì. Đức Phật cũng đã ân cần dặn dò về tương lai đạo pháp, về những nguyên tắc mà người đệ tử Phật cần phải tuân theo trên con đường tu tập... Tất cả những điều đó đã làm cho kinh này trở thành một trong những bộ kinh hết sức thiết yếu đối với những người học Phật.

Tuy vậy, thực tế là cho đến nay vẫn còn khá ít người biết đến kinh này. Một số người tuy cũng đã từng có cơ hội đọc qua nhưng dường như không mấy lưu tâm tìm hiểu kỹ. Và số người thực sự chuyên tâm nghiên ngẫm trọn bộ kinh này dường như rất hiếm gặp. Điều này có thể xuất phát từ nguyên nhân trước tiên là kinh này có số trang khá nhiều đối với phần lớn những người đọc thông thường. So với những kinh thông dụng như kinh A-di-đà, kinh Kim cang, kinh Địa tạng... thì kinh này dày hơn rất nhiều lần! Mặt khác, những vấn đề đề cập đến trong kinh đòi hỏi người đọc phải có một nền tảng khá vững vàng về Phật học mới có thể tiếp nhận được. Chính vì thế, rất nhiều người tuy đã thỉnh được kinh này nhưng chỉ là để đặt vào một nơi tôn nghiêm, trang trọng nhất và cất giữ như một báu vật, thay vì là thường xuyên mang ra nghiên ngẫm để tu tập theo những lời dạy trong kinh.

Rào chắn ngôn ngữ cũng là một trở ngại quan trọng. Có thể nói số người thông thạo Hán văn để đọc được kinh này trong Hán tạng ngày nay không còn bao nhiêu. Nhưng ngay cả đối với những vị này thì việc đọc trọn bộ kinh cũng không phải dễ dàng, vì chỉ riêng việc văn bản Hán văn này đã được viết ra từ cách đây hơn 15 thế kỷ cũng đã đủ để chúng ta hình dung được



sự khó khăn để nhận hiểu nó một cách trọn vẹn. Vì thế, phần lớn người đọc phải dựa hoàn toàn vào bản Việt dịch, và nếu người dịch không luôn luôn tâm niệm điều này thì việc đọc hiểu bản dịch cũng không thể là dễ dàng và trọn vẹn đối với đa số độc giả. Chẳng hạn, có nhiều thuật ngữ rất quen thuộc đối với người dịch, nhưng chúng lại vô cùng khó hiểu đối với những ai hoàn toàn không biết Hán văn. Do đó, nếu trong bản Việt dịch không có sự chú giải một cách toàn diện và hệ thống thì người đọc cũng khó lòng nhận hiểu.

Để giảm nhẹ khó khăn này, ngoài việc cố gắng diễn đạt kinh văn theo cách rõ ràng và dễ hiểu nhất, chúng tôi đồng thời cũng chú giải cho rất nhiều từ ngữ, thuật ngữ khó hiểu. Sau đó, tất cả các từ ngữ đã được chú giải - thường là khi chúng xuất hiện lần đầu tiên trong kinh văn - sẽ được tập hợp lại và sắp xếp theo vần ABC trong một Bảng tra cứu đặt ở phần sau cùng của bộ kinh. Như vậy, trong suốt quá trình đọc kinh, nếu gặp phải một từ ngữ khó mà không có chú giải tại chỗ, người đọc có thể sử dụng ngay bảng tra cứu này và dễ dàng tìm được sự giải thích cần thiết. Mặc dù vậy, vì số trang in quá lớn phải phân chia thành nhiều tập nên đôi khi chúng tôi cũng đặt các chú giải lặp lại ở một số nơi khác nhau. Điều này là để tạo sự thuận lợi hơn cho người đọc.

Mặt khác, bất cứ ai đã từng học qua chữ Hán đều biết được tính chất cô đọng, súc tích nhiều khi đến mức rất khó diễn đạt hết ý nghĩa của những câu văn Hán cổ. Để giúp người đọc dễ nhận hiểu hơn, trong một số trường hợp chúng tôi đã thêm vào một số từ hoặc cụm từ không trực tiếp xuất hiện trong nguyên bản, nhưng có thể được hiểu do hàm ý của câu văn hoặc đoạn văn đó.

Chẳng hạn như trong câu sau đây:

“Vì là có nên trừ bỏ [quan niệm cho rằng tánh Phật như] sừng thỏ; vì là không nên trừ bỏ [quan niệm cho rằng tánh Phật như] hư không.”

Những chữ trong ngoặc vuông là không trực tiếp xuất hiện trong nguyên bản. Nếu y theo từ ngữ mà dịch thì câu văn trên không có

những phần trong ngoặc vuông này. Tuy nhiên, theo sự nhận hiểu của chúng tôi từ toàn cảnh văn kinh thì việc thêm vào các phần này vào sẽ làm rõ ý hơn, nên có thể giúp người đọc dễ hiểu hơn.

Như vậy, các phần trong ngoặc vuông là do chúng tôi căn cứ vào sự nhận hiểu của mình khi dịch để thêm vào, và được trình bày như vậy để phân biệt rõ với phần kinh văn dịch sát theo nguyên bản. Bằng cách này, người đọc có thể chấp nhận hoặc không chấp nhận cách hiểu tạm xem là chủ quan của chúng tôi, để suy xét và nhận hiểu theo cách riêng của mình. Tuy vậy, chúng tôi cũng vẫn hết sức thận trọng suy xét trước khi thực hiện bất cứ sự bổ sung nào theo cách này.

Ngoài ra, phạm vi đề cập quá rộng của kinh này cũng là một khó khăn lớn đối với người đọc. Không giống như phần lớn các bộ kinh khác, thường chỉ xoay quanh một số chủ đề chính yếu, kinh này đề cập đến rất nhiều vấn đề, và mỗi một vấn đề đều có tầm vóc lớn lao, quan trọng, không thể xem nhẹ. Vì thế, việc theo dõi nắm bắt tất cả những vấn đề được trình bày trong kinh quả thật không phải chuyện dễ dàng. Do đó, để giảm bớt khó khăn này cho người đọc, sau khi đã trình bày trọn vẹn bản Việt dịch chúng tôi sẽ có một phần Tổng quan về tất cả các phần đã nêu trong kinh, tương tự như một bảng lược đồ để người đọc có thể căn cứ vào đó mà nắm bắt hoặc quay lại nghiên cứu từng vấn đề một cách dễ dàng hơn. Tuy nhiên, người đọc cần lưu ý rằng đây hoàn toàn không phải là sự tóm tắt ý nghĩa của từng phẩm kinh hay toàn bộ kinh, vì đó là điều gần như không thể thực hiện! Phần Tổng quan này chỉ phục vụ như một bản đồ chỉ dẫn để người đọc có thể dễ dàng nhận ra vấn đề mình quan tâm hoặc còn đang vướng mắc nằm ở phần nào trong toàn bộ kinh, và như thế sẽ có thể tìm đến đó để đọc lại hoặc nghiên cứu kỹ hơn.

Tất cả những điểm khó khăn hoặc trở ngại trong quá trình đọc kinh như vừa nêu trên đều có thể vượt qua nếu người đọc có được một sự say mê và những xúc cảm chân thành khi đọc kinh này. Mặc dù vậy, điều đó thật không dễ có được, và không chỉ tùy

thuộc hoàn toàn vào người dịch. Một bản dịch dù đã nỗ lực hoàn thiện và cung cấp mọi điều kiện thuận lợi cho người đọc, nhưng nếu chính bản thân người đọc không có sự nỗ lực và chú tâm khi đọc thì hầu như cũng không thể gặt hái được kết quả gì. Vì thế, theo thiên ý của chúng tôi thì quý vị cần phải có sự chuẩn bị chu đáo trước khi bắt đầu đọc kinh này, sao cho có thể toàn tâm toàn ý với việc đọc kinh mà không bị phân tán tư tưởng bởi bất cứ ngoại duyên nào. Nếu thực hiện được điều này, có thể nói là quý vị đã nắm chắc được đến một nửa khả năng sẽ được lợi lạc trong việc đọc kinh. Một nửa khả năng còn lại phụ thuộc vào các yếu tố mà chúng tôi sẽ trình bày tiếp theo sau đây.

Nếu quý vị đã từng nghe giới thiệu về bộ kinh này và đã hết sức mong muốn được đọc nó, thì khi quý vị đang đọc những dòng này, rất có thể quý vị đã hết sức nôn nóng muốn lướt thật nhanh qua những trang đầu để đi thẳng vào nội dung kinh. Hơn thế nữa, rất có thể trong lòng quý vị còn hình thành một ý định là sẽ đọc ngay một lần trọn bộ kinh này, để xem trong đó có hàm chứa những gì đã từng được nghe người khác xưng tán, ca ngợi hay không. Tuy nhiên, nếu điều đó là sự thật, chúng tôi xin quý vị hãy dừng ngay lại và kiên nhẫn đọc tiếp những dòng dưới đây.

Việc đọc kinh với một tâm niệm hối hả, nôn nóng chắc chắn sẽ không bao giờ mang đến cho quý vị những kết quả tích cực. Cuộc sống của chúng ta vốn đã có quá nhiều thời gian phải chạy đua, phải bôn ba hối hả và nôn nóng... Nhưng tất cả những quãng thời gian đó đều không để lại được gì làm thỏa mãn nhu cầu nuôi dưỡng đời sống tâm linh vốn luôn tồn tại trong mỗi chúng ta. Chính vì thế mà chúng ta mới phải tìm đến với đạo Phật, với kinh điển... Do đó, thật vô lý nếu ta vẫn tiếp tục hối hả và nôn nóng ngay cả khi đọc kinh!

Nếu quý vị là người bận rộn - mà trong thời đại ngày nay thì có đến 99% khả năng điều đó là đúng - và không có nhiều thời gian dành cho việc đọc kinh, quý vị vẫn nên sử dụng bất cứ quãng thời gian ít ỏi nào có được để đọc kinh một cách thật thư

thả, chậm rãi. Ý tôi muốn nói là, thay vì đọc mỗi lần được 10 trang kinh với tốc độ “thông thường” của mình chẳng hạn, quý vị vẫn có thể dừng lại thật chậm rãi để chỉ đọc một vài trang thôi! Nhưng một vài trang kinh đó sẽ thực sự có đủ điều kiện để thấm sâu vào lòng và giúp khai mở kho tàng trí tuệ sẵn có trong quý vị.

Có thể quý vị sẽ đặt câu hỏi: Đọc như thế thì đến bao giờ mới xong bộ kinh đồ sộ này? Nhưng điều đó thật ra hoàn toàn không quan trọng! Cho dù quý vị thực sự không đọc được hết trọn bộ kinh, thì mỗi một dòng kinh mà quý vị đọc qua cũng đã kịp ươm mầm trí tuệ trong tâm thức quý vị. Còn nếu hối hả cố đọc cho xong trọn bộ kinh mà không gặt hái được gì thì có khác nào chưa từng đọc kinh?

Chúng tôi khởi sự công trình này từ khoảng trước năm 2000, và cho đến khi quý vị bắt đầu đọc được những dòng này thì gần 10 năm đã trôi qua. Trong suốt thời gian đó, sự thật là chúng tôi không có đủ may mắn để được dành trọn thời gian cho việc dịch kinh, vì là người cư sĩ nên chúng tôi không tránh khỏi việc bận rộn lo toan cho cuộc sống của bản thân và gia đình. Tuy vậy, chúng tôi đã luôn cố gắng để không bao giờ cảm thấy hối hả, nôn nóng mỗi khi tiếp cận với kinh văn, cho dù đây là một công trình tưởng chừng như vượt quá nỗ lực của chúng tôi và sự kéo dài thời gian trong công việc thậm chí đã có những lúc làm chúng tôi phải băn khoăn tự hỏi về khả năng hoàn tất.

Vì thế, nếu quý vị cảm thấy việc đọc hết trọn bộ kinh này là một mục tiêu không dễ thực hiện, thì điều đó là hoàn toàn có thể hiểu được. Nhưng chúng tôi mong rằng quý vị sẽ không vì lý do đó mà cố đọc lướt nhanh qua những trang kinh, vì chắc chắn điều đó sẽ không mang lại bất cứ kết quả tốt đẹp nào. Xin hãy tin chúng tôi, chỉ cần quý vị tiếp cận kinh văn với sự chân thành và an tĩnh, thì mỗi một trang kinh quý vị đọc qua đều có thể trở thành một bài thuyết pháp hoàn chỉnh, có khả năng khai mở trí tuệ Bát-nhã sẵn có nơi quý vị. Và nếu có thể đọc kinh theo cách như thế thì việc đọc qua trọn bộ kinh này cũng sẽ không còn là vấn đề khó khăn nữa.

Tất cả kinh điển Phật giáo đều hàm chứa ít nhất hai tầng nghĩa. Tầng nghĩa thứ nhất được diễn đạt bởi ngôn ngữ quy ước, giúp chúng ta nắm hiểu được những sự kiện, chi tiết được mô tả trong kinh văn. Nhưng tầng nghĩa này chỉ là một phần rất nhỏ so với những gì kinh văn muốn chuyển tải. Ví như một núi băng trôi trên mặt đại dương, cái mà chúng ta nhìn thấy được chỉ là phần chóp nhọn rất nhỏ, trong khi phần chìm sâu bên dưới mặt nước là cả một khối lượng khổng lồ. Cũng vậy, tầng nghĩa thứ nhất vừa nói trên chỉ là phần rất nhỏ so với tầng nghĩa thứ hai là những gì hàm chứa phía sau lớp vỏ ngôn ngữ.

Tuy nhiên, để tiếp cận được với tầng nghĩa thứ hai này, quý vị không thể sử dụng sự phán đoán, suy luận của trí óc, mà phải nhờ đến năng lực trực giác, tức là sự rung động hay cảm nhận trực tiếp của tâm thức, không thông qua bất cứ quá trình suy diễn nào, vì mọi quá trình suy diễn tất yếu đều bị giới hạn bởi những khái niệm mà chúng ta ai ai cũng sẵn có.

Nói cách khác, để có thể tiếp nhận được tầng nghĩa thứ hai này, ta không thể chỉ đọc kinh đơn thuần bằng trí óc, mà nhất thiết phải cần đến một tâm thức thật an tĩnh, sáng suốt. Đây chính là lý do vì sao ta không thể đọc kinh với sự hối hả và nôn nóng.

Tất nhiên, chúng ta cũng không thể phủ nhận mối tương quan giữa hai tầng nghĩa của kinh văn. Để có thể cảm nhận nghĩa kinh bằng trực giác thì trước hết chúng ta phải nắm hiểu được một cách trọn vẹn phần ý nghĩa được diễn đạt qua ngôn ngữ. Cũng như để khám phá được núi băng khổng lồ đang trôi trên đại dương kia, chúng ta trước hết phải nhìn thấy được phần chóp nhỏ nổi lên bên trên mặt nước của nó. Tương tự như thế, chính nhờ nắm hiểu trọn vẹn những ý nghĩa trên bề mặt ngôn ngữ của kinh văn mà chúng ta mới có thể làm sinh khởi trong tâm thức những hình tượng, cảm xúc tương quan, và từ đó mới có khả năng đạt đến sự trực nhận những gì kinh văn muốn nói. Quá trình này là cả một sự nỗ lực toàn tâm toàn ý và có thể sẽ diễn ra không hoàn toàn giống nhau tùy theo từng trường hợp của mỗi người.

Trong quá trình thực hiện công trình, chúng tôi luôn dành thời gian để đọc kỹ lại từng phẩm kinh sau khi chuyển dịch xong, vừa để rà soát lại những lỗi do sơ sót, vừa là để nắm hiểu ý kinh trước khi tiếp tục chuyển dịch phần tiếp theo. Mỗi lần đọc lại kinh văn như thế, chúng tôi đều có được những cảm nhận mới mẻ hơn, sâu sắc hơn đối với từng đoạn kinh văn.

Lấy ví dụ như ngay từ phẩm đầu tiên trong kinh này, mặc dù đã nghiên ngẫm cân nhắc từng câu chữ trong suốt quá trình chuyển dịch, nhưng đến khi đọc lại toàn bộ phẩm kinh chúng tôi vẫn có được nhiều sự cảm nhận mới, và phải đến lần đọc lại thứ ba chúng tôi mới có được những cảm xúc cuốn hút, say mê thực sự đối với từng câu chữ, từng chi tiết được tuần tự diễn đạt trong kinh văn.

Khi bắt đầu chuyển dịch phẩm kinh đầu tiên, chúng tôi có cảm tưởng đây chỉ là phần kinh văn mang tính “thủ tục”, vì không diễn đạt gì nhiều ngoài việc mô tả và liệt kê những đối tượng chúng sanh lần lượt kéo nhau đến xin cúng dường đức Phật sau khi biết tin Phật sắp nhập Niết-bàn. Thậm chí có nhiều chi tiết mô tả được lặp đi lặp lại đôi khi làm chúng tôi cảm thấy như có phần nào tẻ nhạt, vô vị. Tuy nhiên, đến khi đọc kỹ lại toàn văn kinh chúng tôi mới nhận ra được dụng ý của từng chi tiết mô tả, và trình tự xuất hiện một cách hợp lý của chúng trong kinh không chỉ đơn giản là để kể lại sự việc, mà còn có tác dụng như những nét cọ dần dần vẽ lên trong tâm thức người đọc những hình ảnh tương quan nhất định, gần như tái hiện toàn bộ khung cảnh và mọi sự kiện đã diễn ra trước lúc đức Phật nhập Niết-bàn.

Và đến lần đọc lại thứ ba thì chúng tôi bất chợt dâng tràn một nguồn cảm xúc hầu như không thể mô tả! Bức tranh hoành tráng của rừng Sa-la nơi đức Phật nhập Niết-bàn như hiện ra rõ rệt trong tâm thức chúng tôi, với tầng tầng lớp lớp các loài chúng sanh từ khắp mười phương vũ trụ cùng quy tụ về, từ những loài súc sanh hạ đẳng cho đến chư thiên các cõi trời, rồi đến cả chư Bồ Tát ở các cõi Phật phương xa... cho đến trong thế giới loài người là nhân dân, vua chúa, quan binh, tăng ni, cư sĩ... Tất cả đều tìm

về vây quanh đáng Đại Giác Thế Tôn trùng trùng bất tận, nhưng không có bất cứ một sự chen chúc, hỗn độn nào... Ngược lại, không khí trang nghiêm và hùng tráng bao trùm cả Pháp hội, khiến cho mỗi một cá thể xuất hiện trong đó đều như tan hòa với toàn thể đại chúng, và cảm xúc chung của toàn đại chúng chính là sự bi thương và tôn kính đối với đáng Như Lai đang sắp thị hiện Niết-bàn...

Sự cảm nhận được những hình ảnh như thế khiến chúng tôi như nhất thời vượt qua mọi giới hạn của các nguyên lý vật lý thông thường, không còn chịu bất cứ một sự hạn cuộc nào trong các khái niệm như nhiều và ít, lớn và nhỏ, gần và xa... Hơn thế nữa, mọi ý niệm về thời gian và không gian cũng hầu như bị xóa sạch, với vô số hình ảnh trang nghiêm diễm lệ như đồng thời hiện ra xen lẫn nhau trong sự hóa hiện vô biên của chư vị Bồ Tát, không thể và cũng không cần thiết phải phân biệt giữa trên và dưới, trong và ngoài, trước và sau, đã qua và sắp đến...

Chính từ nơi nguồn cảm xúc này mà chúng tôi luôn có thể thực hiện công việc một cách không mệt mỏi, luôn say mê và cuốn hút vào công việc với một sự hứng khởi gần như bất tận. Và cũng chính từ kinh nghiệm tự thân này mà trong suốt quá trình chuyển dịch chúng tôi luôn trân trọng từng câu chữ, từng chi tiết nhỏ trong kinh văn, không dám tùy tiện bỏ qua hoặc để sót bất cứ điều gì. Hơn nữa, chúng tôi thiết nghĩ, có thể có những chi tiết nào đó mà khi đọc thoáng qua ta không cảm nhận được gì, nhưng lại có thể là nguồn khơi dậy cảm xúc cho chính ta trong những lần đọc lại sau này, với một tâm thức thanh tịnh và sáng suốt hơn; hoặc cũng có thể là nguồn khơi dậy cảm xúc đối với những người đọc khác...

Tất cả những ai chỉ dừng lại trong thế giới duy lý sẽ không thể nào hình dung được những gì mà người đọc kinh này có thể cảm nhận được. Và cũng chính vì thế mà sự chú tâm đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc đọc kinh. Khi tâm thức không bị cuốn hút và phân tán bởi những yếu tố trần cảnh từ bên ngoài, chúng ta mới có thể có được sự sáng suốt cần thiết để trực nhận được những ý nghĩa sâu xa hàm chứa trong từng câu kinh. Hầu

hết các kinh điển Đại thừa đều mượn việc mô tả các hình tượng, sự kiện như một phương tiện khơi dậy trực giác, và chính từ sự phát khởi được trí tuệ trực giác mà người đọc kinh mới có thể tiếp nhận được những lời dạy thuộc về Chân đế hay Đệ nhất nghĩa đế. Đó là những ý nghĩa hoàn toàn không thể đạt đến thông qua sự suy diễn.

Điều tiếp theo mà chúng tôi muốn đề cập đến nơi đây chính là đức tin. Theo suy nghĩ của riêng chúng tôi, nếu quý vị chưa có được một lòng tin sâu vững vào Tam bảo thì quý vị chưa nên vội đọc kinh này. Một số học giả có thể sẽ phản đối điều này, vì đối với họ thì việc đọc kinh chỉ là để tìm kiếm trong đó những tư tưởng triết lý, những lập luận biện minh cho điều này hay điều khác, hoặc quá lắm cũng chỉ là những chuẩn mực đạo đức nào đó... giống như vô số những sách vở thế tục khác. Mặc dù những điều này quả thật cũng có thể tìm thấy trong kinh văn, nhưng đó hoàn toàn không phải là những giá trị chân thật và rất rạo mà người đọc kinh cần đạt đến. Và vì thế, khi đến với kinh điển Đại thừa thì các vị học giả này chắc chắn sẽ không đạt được gì khác hơn là sự hoang mang nghi ngại, hoặc chí ít cũng là một nỗi thất vọng tràn trề. Là những người Phật tử, chúng tôi hoàn toàn không mong muốn quý vị sẽ vấp phải sự hoang mang nghi ngại hay thất vọng tràn trề tương tự như thế.

Trong rất nhiều kinh điển, đức Phật đã từng khuyến cáo rằng giáo pháp Đại thừa ví như cơn mưa lớn, chỉ có lợi cho những loài cây lớn có gốc rễ vững chắc; còn đối với những cây cỏ nhỏ yếu, chắc chắn sẽ phải bị vùi dập, nghiêng ngả, thậm chí còn có thể bị bật gốc cuốn trôi đi... Gốc rễ vững chắc ở đây chính là đức tin sâu vững nơi Tam bảo, vào đức Phật và giáo pháp do ngài truyền dạy, được ghi chép thành kinh điển. Đức tin đó hoàn toàn không phải một bản năng tự nhiên sẵn có nơi mỗi người hay một số người, mà là một thành quả tất yếu của quá trình tu tập, hành trì theo đúng lời Phật dạy. Đây chính là lý do vì sao trong lần Chuyển Pháp luân đầu tiên tại vườn Lộc Uyển đức Phật đã không hề đề

cập đến tánh Phật của chúng sanh hay bất cứ một phần giáo pháp nào khác thuộc phạm vi Đại thừa.

Nhưng nói như thế cũng không có nghĩa là một sự loại trừ bất cứ đối tượng nào ra khỏi phạm vi giáo hóa của kinh này, vì sự thật là mỗi chúng ta đều có thể tự nuôi dưỡng cho mình một đức tin sâu vững bằng cách khởi sự thực hành từ những điều căn bản nhất trong Phật pháp. Nếu quý vị có thể kiên trì giữ gìn Năm giới, tiến đến việc nỗ lực thực hành Mười điều thiện và thành tâm lễ bái hình tượng chư Phật bất cứ khi nào có thể, chắc chắn quý vị sẽ sớm đạt được một lòng tin sâu vững. Lòng tin này không phải được ban cho quý vị bởi một phép lạ nhiệm mầu nào, mà sự thật là nó xuất phát từ sự an vui lợi ích tất yếu có được từ sự thực hành như trên. Và một khi đã có được lòng tin sâu vững nhờ thực hành giáo pháp, quý vị sẽ có thể tiếp nhận được những ý nghĩa sâu xa trong giáo pháp. Quý vị sẽ có thể bắt đầu nhận hiểu được từ những ý nghĩa cơ bản nhất về Tứ diệu đế, cho đến Thập nhị nhân duyên... và sau đó dần dần tiến đến việc đọc hiểu được kinh này.

Mặc dù có những khó khăn được nêu ra như trên, tâm nguyện của chúng tôi khi chuyển dịch kinh này vẫn là mong sao nó có thể đến được với tất cả mọi người, để bản hoài của chư Phật mười phương được gửi gắm nơi đây không phải chịu sự mai một bởi thời gian. Trên tinh thần đó, chúng tôi xin thành tâm cầu nguyện cho tất cả chúng sanh đều có được cơ hội tiếp xúc và lãnh thọ kinh này.

Trong quá trình thực hiện công trình, chúng tôi đã tham khảo nhiều tư liệu, công trình hiện có, kể cả những thông tin liên quan trong các từ điển Phật học Hán ngữ, Anh ngữ cũng như Việt ngữ. Chúng tôi xin ghi nhận nơi đây những đóng góp quý báu của tất cả các tác giả, soạn giả của những công trình đã được sử dụng và xin gửi lời tri ân chân thành đến tất cả quý vị.

Cuối cùng, mặc dù bản Việt dịch trọn bộ kinh này đã đến tay quý vị, nhưng chúng tôi chưa bao giờ dám nghĩ rằng công việc

chuyển dịch kinh này đã được hoàn tất. Mọi sai sót sẽ tiếp tục được loại bỏ hoặc sửa chữa, hoàn thiện ngay khi phát hiện. Vì thế, xin nhắc lại một lần nữa là chúng tôi luôn mong mỗi nhận được những ý kiến đóng góp, chỉ dạy từ tất cả quý vị. Mọi thư từ góp ý xin gửi về địa chỉ:

Nguyễn Minh Tiến

ấp 3, xã Sông Xoài, huyện Tân Thành, tỉnh BRVT

Hoặc gửi email về: [nguyenminh@rongmotamhon.net](mailto:nguyenminh@rongmotamhon.net)

Ngoài ra, toàn bộ nội dung kinh này cũng sẽ được giới thiệu trên website Rộng mở tâm hồn (<http://rongmotamhon.net>) trong phần Kinh điển. Quý vị có thể vào xem và góp ý thông qua kênh giao tiếp của website này. Chúng tôi luôn sẵn lòng đón nhận và chân thành cảm ơn quý vị.

Những gì cần làm và có thể làm chúng tôi đều đã cố gắng hết sức mình. Tuy vậy, chúng tôi vẫn luôn tự biết rằng mỗi một điểm hạn chế trong năng lực và trình độ của chúng tôi đều tất yếu sẽ dẫn đến một khó khăn tương ứng cho quý vị trong quá trình đọc hiểu kinh văn. Vì vậy, chúng tôi xin chân thành nhận lỗi và mong rằng quý vị có thể niệm tình tâm nguyện vị tha của chúng tôi mà bỏ qua cho những sự yếu kém đó. Chúng tôi cũng xin thành tâm sám hối trước mười phương chư Phật vì tự bản thân mình đã không có đủ trí tuệ và biện tài vô ngại để có thể diễn giảng giáo pháp Đại thừa của chư Phật theo một cách hoàn hảo nhất. Nguyện cho trong đời này và vô số đời sau nữa vẫn sẽ không ngừng tu tập theo Chánh pháp để có được năng lực hộ trì và rộng truyền giáo pháp Đại thừa ra khắp mọi nơi, làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Cuối cùng, cho dù chúng tôi đã hết sức nỗ lực trong công việc, nhưng nếu không có sự đảm đương về mặt tài chánh của vợ chồng anh Nguyễn Hữu Cứ (Công ty Văn hóa Hương Trang, nhà sách Quang Bình - <http://huongtrang.net>) thì có lẽ quý vị đã không

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

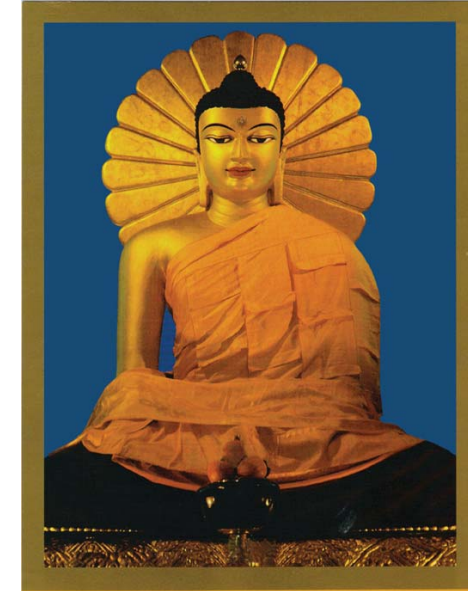
thể có trong tay bộ kinh Đại thừa vô giá này. Vì thế, nhân đây chúng tôi xin có lời chân thành tri ân và tán thán công đức hỗ trợ việc lưu hành kinh điển của vợ chồng anh Nguyễn Hữu Cứ.

Nguyện đem mọi công đức có được trong việc làm này hồi hướng về tất cả chúng sanh trong pháp giới. Nguyện cho tất cả đều sớm khai mở tuệ giác vô thượng, đồng thành Phật đạo.

Những gì cần nói đã nói xong. Xin cảm ơn quý vị đã dành thời gian đọc qua hết những lời dông dài này. Bây giờ, xin mời quý vị lắng lòng thanh tịnh để bắt đầu tiếp nhận kinh văn.

Trân trọng,  
**NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN**

願  
解  
如  
來  
真  
實  
義  
我  
今  
見  
聞  
得  
受  
持



無  
上  
甚  
深  
微  
妙  
法  
百  
千  
萬  
劫  
難  
遭  
遇

### NAM MÔ BỐN SƯ THÍCH-CA MÂU-NI PHẬT

Kinh Phật dạy rằng: “Thấy kinh như thấy Phật.”

Kinh điển Đại thừa hiện ở nơi đây, tức mười phương chư Phật đều hiện hữu nơi đây, chư Bồ Tát hộ pháp cũng tụ hội quanh đây. Người đọc kinh này nếu muốn hiểu được ý nghĩa nhiệm mầu sâu xa trong văn kinh, trước hết phải có lòng tin sâu như vậy, sau đó nên chí thành phát lời nguyện rằng:

“Chánh pháp Như Lai nhiệm mầu sâu xa không gì hơn được, dù trải qua trăm ngàn muôn kiếp tìm cầu cũng không dễ gặp. Nay con đã nhận được Kinh điển Đại thừa Đại Bát Niết-bàn này để tu tập hành trì, nguyện khai mở trí tuệ để thấu hiểu nghĩa lý sâu xa chân thật trong từng lời thuyết giảng của đức Như Lai.”

**Nam-mô Bốn sư Thích-ca Mâu-ni Phật**

Hình trang bên:

Tượng Phật Thích-ca Mâu-ni tại Bồ-đề Đạo tràng (Bodh Gaya)  
Hình do đức Đạt-lai Lạt-ma XIV gửi tặng.

## BẢNG TRA NỘI DUNG VIỆT DỊCH TRONG TOÀN BỘ KINH

TẬP	PHẨM	TÊN PHẨM - PHẦN	TỪ TRANG... ĐẾN TRANG...
TẬP I	Phẩm 1 (100 trang)	Thọ mạng, phần 1	82 - 116
		Thọ mạng, phần 2	190 - 232
		Thọ mạng, phần 3	294 - 315
	Phẩm 2 (12 trang)	Thân Kim cương	316 - 327
	Phẩm 3 (3 trang)	Công đức danh tự	328 - 330
	Phẩm 4 (206 trang)	Tánh Như Lai, phần 1	378 - 405
		Tánh Như Lai, phần 2	466 - 499
		Tánh Như Lai, phần 3	548 - 579
		Tánh Như Lai, phần 4	54 - 87
		Tánh Như Lai, phần 5	154 - 191
Tánh Như Lai, phần 6		246 - 278	
Tánh Như Lai, phần 7		338 - 344	
TẬP II	Phẩm 5 (28 trang)	Đại chúng thừa hồi	345 - 372
	Phẩm 6 (20 trang)	Thị hiện bệnh	422 - 441
TẬP III	Phẩm 7 (107 trang)	Thánh hạnh, phần 1	442 - 451
		Thánh hạnh, phần 2	506 - 540
		Thánh hạnh, phần 3	50 - 78
		Thánh hạnh, phần 4	134 - 166
Phẩm 8 (189 trang)	Hạnh thanh tịnh, phần 1	220 - 251	
	Hạnh thanh tịnh, phần 2	304 - 335	
	Hạnh thanh tịnh, phần 3	380 - 406	
	Hạnh thanh tịnh, phần 4	460 - 492	
	Hạnh thanh tịnh, phần 5	62 - 98	
	Hạnh thanh tịnh, phần 6	152 - 179	
TẬP IV	Phẩm 9 (5 trang)	Hạnh Anh nhi	180 - 184
	Phẩm 10 (197 trang)	Bồ Tát Quang Minh... , phần 1	244 - 282
		Bồ Tát Quang Minh... , phần 2	328 - 356
		Bồ Tát Quang Minh... , phần 3	406 - 436
		Bồ Tát Quang Minh... , phần 4	492 - 525

TẬP	PHẨM	TÊN PHẨM - PHẦN	TỪ TRANG... ĐẾN TRANG...
TẬP V	Phẩm 11 (223 trang)	Bồ Tát Quang Minh... , phần 5	64 - 102
		Bồ Tát Quang Minh... , phần 6	144 - 168
		Bồ Tát Sư Tử Hống, phần 1	228 - 263
		Bồ Tát Sư Tử Hống, phần 2	326 - 365
		Bồ Tát Sư Tử Hống, phần 3	422 - 456
		Bồ Tát Sư Tử Hống, phần 4	514 - 549
TẬP VI	Phẩm 12 (181 trang)	Bồ Tát Sư Tử Hống, phần 5	58 - 95
		Bồ Tát Sư Tử Hống, phần 6	154 - 191
		Bồ Tát Ca-diếp, phần 1	232 - 257
		Bồ Tát Ca-diếp, phần 2	298 - 322
		Bồ Tát Ca-diếp, phần 3	374 - 405
		Bồ Tát Ca-diếp, phần 4	482 - 519
TẬP VII	Phẩm 13 (88 trang)	Bồ Tát Ca-diếp, phần 5	54 - 86
		Bồ Tát Ca-diếp, phần 6	134 - 160
		Kiều-trần-như, phần 1	226 - 269
HẬU PHẦN	Phẩm 1 (23 trang)	Kiều-trần-như, phần 2	328 - 366
		Kiều-trần-như, phần 3	432 - 436
		Lời dạy cuối cùng	437 - 459
		Phẩm 2 (16 trang)	Duyên dứt về nguồn
Phẩm 3 (22 trang)	Linh ứng khi trà-tỳ	536 - 557	
	Phẩm 4 (17 trang)	Phân chia xá-lợi	558 - 574

Tổng cộng có 13 phẩm chánh kinh, 4 phẩm Hậu phần, gồm 1.437 trang Việt dịch.

# 大般涅槃經

## 卷第一壽命品第一之一

如是我聞。一時，佛在拘尸那城，力士生地，阿利羅跋提河邊，娑羅雙樹間。

爾時，世尊與大比丘，八十億百千人俱，前後圍繞。二月十五日，臨涅槃時。以佛神力，出大音聲。其聲徧滿乃至有頂。隨其類音，普告衆生。今日如來，應正徧知，憐愍衆生，覆護衆生，等視衆生，如羅睺羅，爲作歸依，屋舍室宅。大覺世尊，將欲涅槃，一切衆生，若有所疑，今悉可問，爲最後問。

爾時世尊，於晨朝時，從其面門，放種種光。其明雜色，青，黃，赤，白，玻瓈，瑪瑙，光徧照此三千大千佛之世界。乃至十方，亦復如是。其中所有六趣衆生，遇斯光者，罪垢煩惱，一切消除。是諸衆生，見聞是已，心大憂愁。同時舉聲，悲啼號哭。嗚呼，慈父。痛哉，苦哉。舉手拍頭，椎胸叫喚。其中或有身體顫慄，涕泣哽噎。

爾時，大地，諸山，大海，皆悉震動。

時，諸衆生共相謂言。且各裁抑，莫大愁苦。當疾往詣拘尸那城，力士生處。至如來所，頭面禮敬。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHẤT - THỌ MẠNG PHẨM - *Đệ nhất chi nhất*

Như thị ngã văn: Nhất thời, Phật tại Câu-thi-na thành, Lực-sĩ sanh địa, A-ly-la-bạt-đề hà biên, sa-la song thọ gian.

Nhĩ thời Thế Tôn dĩ đại tỳ-kheo, bát thập ức bá thiên nhân câu, tiền hậu vi nhiều. Nhị ngoạt thập ngũ nhật, lâm Niết-bàn thời, dĩ Phật thần lực, xuất đại âm thanh. Kỳ thanh biến mãn, nãi chí Hữu đảnh. Tùy kỳ loại âm, phổ cáo chúng sanh: “Kim nhật Như Lai, Ứng, Chánh biến tri, lâm mãn chúng sanh, phú hộ chúng sanh, đẳng thị chúng sanh, như La-hầu-la, vi tác quy y, ốc xá thất trạch. Đại giác Thế Tôn tương dục Niết-bàn. Nhất thiết chúng sanh nhược hữu sở nghi, kim tất khả vấn, vi tối hậu vấn.”

Nhĩ thời, Thế Tôn ư thân triều thời, từng kỳ diện môn phóng chủng chủng quang. Kỳ minh tạp sắc: thanh, hoàng, xích, bạch, pha lê, mã não. Quang biến chiếu thử tam thiên đại thiên Phật chi thế giới, nãi chí thập phương diệc phục như thị. Kỳ trung sở hữu lục thú chúng sanh, ngũ tư quang giả, tội cấu phiền não nhất thiết tiêu trừ. Thị chư chúng sanh kiến văn thị dĩ, tâm đại ưu sầu đồng thời cử thanh, bi đê hào khóc: Ô hô Từ phụ! Thống tai! Khổ tai! Cử thủ phách đầu, chùy hung khiếu hoán. Kỳ trung hoặc hữu thân thể chiến lật, thế khắp ngạnh ế.

Nhĩ thời đại địa, chư sơn, đại hải giai tất chấn động.

Thời, chư chúng sanh cộng tương vị ngôn: Thả các tài ức, mặc đại sầu khổ. Đương tạt vãng nghệ Câu-thi-na thành, Lực



勸請如來莫般涅槃。住世一劫，若減一劫。互相執手，復作是言。世間空虛，衆生福盡。不善諸業增長出世。仁等今當速往，速往。如來不久必入涅槃。復作是言。世間空虛，世間空虛。我等從今無有救護，無所宗仰，貧窮孤露。一旦遠離無上世尊。設有疑惑，當復問誰。

時，有無量諸大弟子。尊者摩訶迦旃延，尊者薄俱羅，尊者優波難陀，如是等諸大比丘，遇佛光者。其身顫掉，乃至大動不能自持。心濁迷悶發聲大喚，生如是等種種苦惱。

爾時，復有八十百千諸比丘等，皆阿羅漢，心得自在，所作已辦。離諸煩惱，調伏諸根。如大龍王有大威德。成就空慧，逮得己利。如栴檀林，栴檀圍繞。如師子王，師子圍繞。成就如是無量功德，一切皆是佛之真子。

於其晨朝，日始初出，離常住處。嚼楊枝時，遇佛光明，竝相謂言。仁等速疾漱口澡手。作是言已，舉身毛豎，徧體血現，如波羅奢華。涕泣盈目，生大苦惱。爲欲利益安樂衆生。成就大乘第一空行。顯發如來方便密教。爲不斷絕種種說法，爲諸

sĩ sanh xú, chí Như Lai sở, đầu diện lễ kính: “Khuyến thỉnh Như Lai mặc bát Niết-bàn, trụ thế nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp.” Hồ tương chấp thủ, phục tác thị ngôn: “Thế gian không hư! Chúng sanh phước tận! Bất thiện chư nghiệp tăng trưởng xuất thế! Nhân đặng kim cương tốc vãng, tốc vãng! Như Lai bất cửu tất nhập Niết-bàn.” Phục tác thị ngôn: “Thế gian không hư! Thế gian không hư! Ngã đặng tòng kim vô hữu cứu hộ, vô sở tôn ngưỡng, bản cùng cô lộ, nhất đán viễn ly Vô thượng Thế Tôn! Thiết hữu nghi hoặc đương phục vấn thù?”

Thời, hữu vô lượng chư đại đệ tử: Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, Tôn giả Bạc-câu-la, Tôn giả Ưu-ba-nan-đà... Như thị đặng chư đại tỳ-kheo, ngộ Phật quang giả, kỳ thân chiến trạo, nãi chí đại động bất năng tự trì, tâm trước mê muội phát thanh đại hoán, sanh như thị đặng chủng chủng khổ não.

Nhĩ thời, phục hữu bát thập bá thiên chư tỳ-kheo đặng giai A-la-hán, tâm đắc tự tại. Sở tác dĩ biện, ly chư phiền não, điều phục chư căn. Như đại long vương hữu đại oai đức, thành tựu không huệ, đãi đắc kỳ lợi. Như chiêm-đàn lâm, chiêm-đàn vi nhiều. Như sư tử vương, sư tử vi nhiều. Thành tựu như thị vô lượng công đức, nhất thiết giai thị Phật chi chân tử.

Ư kỳ thân triều, nhật thủy sơ xuất, ly thường trụ xứ. Tước dương chi thời, ngộ Phật quang minh, tịnh tương vị ngôn: Nhân đặng tốc tạt thấu khẩu tảo thủ! Tác thị ngôn dĩ, cử thân mao thọ, biến thể huyết hiện, như ba-la-xa hoa, thế khắp doanh mục, sanh đại khổ não. Vị dục lợi ích an lạc chúng sanh, thành tựu Đại thừa đệ nhất không hạnh, hiển phát Như Lai phương tiện Mật giáo. Vị bất đoạn tuyệt chủng chủng thuyết pháp, vị chư chúng sanh điều phục nhân duyên cố, tạt chí Phật sở,

衆生調伏因緣故。疾至佛所，稽首佛足，繞百千帀，合掌恭敬，卻坐一面。

爾時，復有拘陀羅女，善賢比丘尼，優波難陀比丘尼，海意比丘尼，與六十億比丘尼等，一切亦是大阿羅漢。諸漏已盡，心得自在，所作已辦，離諸煩惱，調伏諸根。猶如大龍，有大威德，成就空慧。亦於晨朝，日初出時，舉身毛豎，徧體血現，如波羅奢華。涕泣盈目，生大苦惱。亦欲利益安樂衆生，成就大乘第一空行，顯發如來方便密教。爲不斷絕種種說法，爲諸衆生調伏因緣故，疾至佛所，稽首佛足，繞百千帀，合掌恭敬，卻坐一面。

於比丘尼衆中，復有諸比丘尼，皆是菩薩，人中之龍，位階十地安住不動。爲化衆生，現受女身，而常修集四無量心，得自在力，能化作佛。

爾時，復有一恒河沙菩薩摩訶薩，人中之龍，位階十地，安住不動，方便現身。其名曰，海德菩薩，無盡意菩薩，如是等菩薩摩訶薩，而爲上首。其心皆悉敬重大乘，安住大乘，深解大乘，愛樂大乘，守護大乘。善能隨順一切世間，作是誓言。諸未度者當令得度。

已於過世無數劫中修持淨戒，善持所行，解未解

khể thủ Phật túc, nhiều bá thiên táp, hiệp chưởng cung kính, khước tọa nhất diện.

Nhĩ thời, phục hữu Câu-đà-la nữ, Thiện Hiền tỳ-kheo ni, Ưu-ba-nan-đà tỳ-kheo ni, Hải Ý tỳ-kheo ni, dũ lục thập ức tỳ-kheo ni đẵng, nhất thiết diệc thị Đại A-la-hán, chư lậu dĩ tận, tâm đắc tự tại, sở tác dĩ biện, ly chư phiền não, điều phục chư căn. Do như đại long, hữu đại oai đức, thành tựu Không huệ. Diệc ư thần triêu, nhật sơ xuất thời, cử thân mao thọ, biến thể huyết hiện, như ba-la-xa hoa, thế khắp doanh mục, sanh đại khổ não. Diệc dục lợi ích an lạc chúng sanh, thành tựu Đại thừa đệ nhất không hạnh, hiển phát Như Lai phương tiện Mật giáo. Vị bất đoạn tuyệt chủng chủng thuyết pháp, vị chư chúng sanh điều phục nhân duyên cố, tạt chí Phật sở, khể thủ Phật túc, nhiều bá thiên táp, hiệp chưởng cung kính, khước tọa nhất diện.

Ư tỳ-kheo ni chúng trung, phục hữu chư tỳ-kheo ni, giai thị Bồ Tát nhân trung chi long, vị giai thập địa an trụ bất động. Vị hóa chúng sanh, hiện thọ nữ thân, nhi thường tu tập tứ vô lượng tâm, đắc tự tại lực, năng hóa tác Phật.

Nhĩ thời, phục hữu nhất Hằng hà sa Bồ Tát ma-ha-tát, nhân trung chi long, vị giai thập địa, an trụ bất động, phương tiện hiện thân. Kỳ danh viết: Hải Đức Bồ Tát, Vô Tận Ý Bồ Tát, như thị đẵng Bồ Tát ma-ha-tát, nhi vi thượng thủ. Kỳ tâm giai tât, kính trọng Đại thừa, an trụ Đại thừa, thâm giải Đại thừa, ái nhạo Đại thừa, thủ hộ Đại thừa. Thiện năng tùy thuận nhất thiết thế gian tác thị thế ngôn: Chư vị độ giả, đương linh đắc độ.

Dĩ ư quá thế vô số kiếp trung tu trì tịnh giới, thiện trì sở hành, giải vị giải giả, thiệu Tam bảo chủng, sử bất đoạn tuyệt.

者，紹三寶種，使不斷絕。於未來世，當轉法輪，以大莊嚴而自莊嚴，成就如是無量功德。等觀衆生如視一子。亦於晨朝，日初出時，遇佛光明，舉身毛豎，徧體血現，如波羅奢華，涕泣盈目，生大苦惱。亦爲利益安樂衆生，成就大乘第一空行，顯發如來方便密教。爲不斷絕種種說法，爲諸衆生調伏因緣故，疾至佛所，稽首佛足，繞百千匝，合掌恭敬，卻坐一面。

爾時，復有二恒河沙等諸優婆塞，受持五戒，威儀具足。其名曰，威德無垢稱王優婆塞，善德優婆塞等，而爲上首。深樂觀察諸對治門。所謂，苦，樂，常，無常，淨，不淨，我，無我，實，不實，歸依，非歸依，衆生，非衆生，恒，非恒，安，非安，爲，無爲，斷，不斷，涅槃，非涅槃，增上，非增上。常樂觀察如是等法對治之門，亦欲樂聞無上大乘。如所聞已，能爲他說。

善持淨戒，渴仰大乘。既自充足，復能充足餘渴仰者。善能攝取無上智慧，愛樂大乘，守護大乘。善能隨順一切世間，度未度者，解未解者，紹三寶種使不斷絕。於未來世，當轉法輪，以大莊嚴而自莊嚴。心常深味清淨戒行，悉能成就如是功德。於諸衆生生大悲心，平等無二如視一子。

Ư vị lai thế đương chuyển pháp luân, dĩ đại trang nghiêm, nhi tự trang nghiêm, thành tựu như thị vô lượng công đức. Đẳng quan chúng sanh như thị nhất tử. Diệc ưu thần triêu, nhật sơ xuất thời, ngộ Phật quang minh, cử thân mao thọ, biến thể huyết hiện, như ba-la-xa hoa, thể khắp doanh mục, sanh đại khổ não. Diệc vị lợi ích an lạc chúng sanh, thành tựu Đại thừa đệ nhất không hạnh, hiển phát Như Lai phương tiện Mật giáo. Vị bất đoạn tuyệt chủng chủng thuyết pháp, vị chư chúng sanh điều phục nhân duyên cố, tậ chí Phật sở, khể thủ Phật túc, nhiễu bá thiên táp, hiệp chưởng cung kính, khước tọa nhất diện.

Nhĩ thời, phục hữu nhị Hằng hà sa đẳng, chư ưu-bà-tắc, thọ trì ngũ giới, oai nghi cụ túc. Kỳ danh viết: Oai Đức Vô Cấu Xưng Vương Ưu-bà-tắc, Thiện Đức Ưu-bà-tắc đẳng, nhi vi thượng thủ. Thâm nhạo quan sát chư đối trị môn. Sở vị: khổ, lạc, thường, vô thường, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, thật, bất thật, quy y, phi quy y, chúng sanh, phi chúng sanh, hằng, phi hằng, an, phi an, vi, vô vi, đoạn, bất đoạn, Niết-bàn, phi Niết-bàn, tăng thượng, phi tăng thượng. Thường nhạo quán sát như thị đẳng pháp đối trị chi môn, diệc dục nhạo văn vô thượng Đại thừa. Như sở văn dĩ, năng vị tha thuyết.

Thiện trì tịnh giới, khát ngưỡng Đại thừa. Ký tự sung túc, phục năng sung túc dư khát ngưỡng giả. Thiện năng nhiếp thủ vô thượng trí tuệ, ái nhạo Đại thừa, thủ hộ Đại thừa. Thiện năng tùy thuận nhất thiết thế gian độ vị độ giả, giải vị giải giả, thiệu Tam bảo chủng, sử bất đoạn tuyệt. Ư vị lai thế đương chuyển pháp luân, dĩ đại trang nghiêm nhi tự trang nghiêm. Tâm thường thâm vị thanh tịnh giới hạnh, tất năng thành tựu như thị công đức. Ư chư chúng sanh sanh đại bi tâm, bình đẳng vô nhị như thị nhất tử.

亦於晨朝，日初出時，爲欲闍毗如來身故，人人各取香木萬束，栴檀，沈水，牛頭栴檀，天木香等。是一一木文理及附，皆有七寶，微妙光明，譬如種種雜彩畫飾。以佛力故，有是妙色，青，黃，赤，白，爲諸衆生之所樂見。諸木皆以種種香塗，鬱金，沈水，及膠香等。

散以諸華而爲莊嚴，優鉢羅華，拘物頭華，波頭摩華，分陀利華。諸香木上，懸五色幡，柔軟微妙，猶如天衣，憍奢耶衣，芻摩繒綵。是諸香木，載以寶車。是諸寶車，出種種光，青，黃，赤，白，轆，輻，皆以七寶廁填。是一一車，駕以駟馬。是一一馬，駿疾如風。一一車前，豎立五十七寶妙幢，真金羅網，彌覆其上。一一寶車復有五十微妙寶蓋。

一一車上垂諸華鬘，優鉢羅華，拘物頭華，波頭摩華，分陀利華。其華純以真金爲葉，金剛爲臺。是華臺中多有黑蜂，遊集其中，歡娛受樂。又出妙音，所謂，無常，苦，空，無我。是音聲中，復說菩薩本所行道。復有種種歌舞，妓樂，箏笛，篳篥，簫瑟，鼓吹。是樂音中復出是言。苦哉，苦哉，世間空虛。一一車前有優婆塞，擎四寶案。是諸案上有種

Diệp ưu thần triều, nhật sơ xuất thời, vị dục trà-tỳ Như Lai thân cố, nhân nhân các thủ hương mộc vạn thúc, chiêm-đàn trầm thủy, ngư đầu chiêm-đàn, thiên mộc hương đẳng. Thị nhất nhất mộc văn lý cập phụ giai hữu thất bảo, vi diệu quang minh, thí như chủng chủng tạp thái họa sức. Dĩ Phật lực cố hữu thị diệu sắc: thanh, hoàng, xích, bạch, vi chư chúng sanh chi sở nhạo kiến. Chư mộc giai dĩ chủng chủng hương đồ, uất kim, trầm thủy, cập giao hương đẳng.

Tán dĩ chư hoa nhi vị trang nghiêm: ưu-bát-la hoa, câu-vật-dầu hoa, ba-đầu-ma hoa, phân-đà-ly hoa. Chư hương mộc thượng, huyền ngũ sắc phan, nhu nhuyễn vi diệu, do như thiên y: kiêu-xa-da y, sô-ma tăng thái. Thị chư hương mộc, tải dĩ bảo xa. Thị chư bảo xa xuất chủng chủng quang: thanh, hoàng, xích, bạch, viên, phúc giai dĩ thất bảo xí điền. Thị nhất nhất xa, giá dĩ tứ mã. Thị nhất nhất mã, tuần tạt như phong. Nhất nhất xa tiền thọ lập ngũ thập thất bảo diệu tràng, chân kim la võng, di phú kỳ thượng. Nhất nhất bảo xa, phục hữu ngũ thập vi diệu bảo cái.

Nhất nhất xa thượng thùy chư hoa man: ưu-bát-la hoa, câu-vật-dầu hoa, ba-đầu-ma hoa, phân-đà-ly hoa. Kỳ hoa thuần dĩ chân kim vi diệp, kim cang vi đài. Thị hoa đài trung đa hữu hắc phong du tập kỳ trung, hoan ngẫu thọ lạc. Hựu xuất diệu âm, sở vị: vô thường, khổ, không, vô ngã. Thị âm thanh trung phục thuyết Bồ Tát bản sở hành đạo.. Phục hữu chủng chủng ca vũ kỹ nhạc: tranh địch, không hầu, tiêu sắt, cổ xuy. Thị nhạc âm trung, phục xuất thị ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Thế gian không hư! Nhất nhất xa tiền hữu ưu-bà-tắc, kinh tứ bảo án. Thị chư án thượng hữu chủng chủng hoa: ưu-bát-la

種華，優鉢羅華，拘物頭華，波頭摩華，分陀利華，鬱金諸香，及餘熏香，微妙第一。

諸優婆塞，為佛及僧，辦諸食具，種種備足，皆是栴檀，沈水，香薪，八功德水之所成熟。其食甘美，有六種味，一苦，二酸，三甘，四辛，五鹹，六淡。復有三德，一者輕軟，二者淨潔，三者如法。

作如是等，種種莊嚴，至力士生處，娑羅雙樹間。復以金沙徧布其地。以加陵伽衣，欽婆羅衣，及繒綵衣，而覆沙上，周帀徧滿十二由旬，為佛及僧，敷置七寶師子之座。其座高大如須彌山。是諸座上皆有寶帳垂諸瓔珞。諸娑羅樹悉懸種種微妙幡蓋，種種好香以塗樹身，種種名華以散樹間。

諸優婆塞各作是念。一切衆生若有所乏，須食，與食，須飲，與飲，須頭，與頭，須目，與目，隨諸衆生所須之物，皆悉給與。作是施時離欲瞋恚，穢濁毒心，無餘思惟，求世福樂，唯期無上清淨菩提。

是優婆塞等，皆已安住於菩薩道。復作是念，如來今者受我食已，當入涅槃。作是念已，身毛皆豎，徧體血現，如波羅奢華，涕泣盈目，生大苦惱。各各齎持供養之具，載以寶車，香木，幢幡，寶蓋，飲食，疾至佛所，稽首佛足。以其所持供養之具，

hoa, câu-vật-dầu hoa, ba-đầu-ma hoa, phân-đà-ly hoa, uất kim chư hương, cập dư huân hương vi diệu đệ nhất.

Chư ưu-bà-tắc vị Phật cập Tăng, biện chư thực cụ chủng chủng bị túc, giai thị chiêm-đàn, trầm thủy hương tân, bát công đức thủy chi sở thành thực. Kỳ thực cam mỹ, hữu lục chủng vị: nhất khổ, nhị toan, tam cam, tứ tân, ngũ hàm, lục đạm. Phục hữu tam đức: nhất giả khinh nhuễn, nhị giả tịnh khiết, tam giả như pháp.

Tác như thị đẳng chủng chủng trang nghiêm, chí Lực sĩ sanh xứ, sa-la song thọ gian. Phục dĩ kim sa, biến bố kỳ địa. Dĩ ca-lăng-già y, khâm-bà-la y cập tăng thái y nhi phú sa thượng, châu táp biến mãn thập nhị do-tuần, vị Phật cập Tăng phu trí thất bảo sư tử chi tòa. Kỳ tòa cao đại như Tu-di sơn. Thị chư tòa thượng giai hữu bảo trướng thùy chư anh lạc. Chư sa-la thọ tất huyền chủng chủng vi diệu phan cái, chủng chủng hảo hương dĩ đồ thọ thân, chủng chủng danh hoa dĩ tán thọ gian.

Chư ưu-bà-tắc các tác thị niệm: Nhất thiết chúng sanh nhược hữu sở pháp: tu thực dữ thực, tu ẩm dữ ẩm, tu đầu dữ đầu, tu mục dữ mục. Tùy chư chúng sanh sở tu chi vật giai tất cấp dữ. Tác thị thí thời ly dục sân khuể, uế trước độc tâm, vô dư tư duy, cầu thế phước lạc, duy kỳ vô thượng thanh tịnh bồ-đề.

Thị ưu-bà-tắc đẳng, giai dĩ an trụ ư Bồ Tát đạo. Phục tác thị niệm: Như Lai kim giả thọ ngã thực dĩ đương nhập Niết-bàn. Tác thị niệm dĩ thân mao giai thọ, biến thể huyết hiện, như ba-la-xa hoa, thể khắp doanh mục, sanh đại khổ não. Các các tê trì cúng dường chi cụ, tải dĩ bảo xa, hương mộc, tràng phan, bảo cái, ẩm thực, tạt chí Phật sở, khể thủ Phật túc. Dĩ kỳ sở trì cúng dường chi cụ, cúng dường Như Lai, nhiều bá thiên táp, cử thanh hào khắp, ai động thiên địa! Chùy hung

供養如來，繞百千帀，舉聲號泣，哀動天地。椎胸大叫，淚下如雨。復相謂言。苦哉，仁者，世間空虛，世間空虛。便自舉身，投如來前，而白佛言。唯願如來，哀受我等最後供養。

世尊知時，默然不受。如是三請，悉皆不許。諸優婆塞不果所願，心懷悲惱，默然而住。猶如慈父唯有一子，卒病喪亡，送其屍骸，置於塚間，歸還悵快，愁憂苦惱。諸優婆塞憂愁苦惱，亦復如是。以諸供具，安置一處，卻在一面，默然而坐。

爾時，復有三恒河沙諸優婆夷，受持五戒，威儀具足。其名曰，壽德優婆夷，德鬘優婆夷，毗舍佉優婆夷等，八萬四千，而為上首，悉能堪任護持正法。為度無量百千衆生，故現女身。訶責家法，自觀己身如四毒蛇。是身常為無量諸蟲之所啖食。是身臭穢，貪欲獄縛。是身可惡，猶如死狗。是身不淨，九孔常流。是身如城，血肉筋骨皮裹其上，手足以為卻敵樓櫓，目為竅孔，頭為殿堂，心王處中。如是身城，諸佛世尊之所棄捨。

凡夫愚人常所味著。貪婬，瞋恚，愚癡羅刹止住其中。是身不堅，猶如蘆葦，伊蘭，水沫，芭蕉之樹。是身無常，念念不住，猶如電光，暴水，幻燄。亦如畫水，隨畫隨合。是身易壞，猶如河岸，臨峻大

đại khiếu, lệ há như vũ! Phục tương vị ngôn: Khổ tai! Nhân giả! Thế gian không hư! Thế gian không hư! Tiệt tự cử thân, đầu Như Lai tiên, nhi bạch Phật ngôn: Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã đặng tối hậu cúng dường.

Thế Tôn tri thời, mặc nhiên bất thọ. Như thị tam thỉnh tất giai bất hứa. Chư ưu-bà-tắc bất quả sở nguyện, tâm hoài bi não, mặc nhiên nhi trụ. Do như từ phụ duy hữu nhất tử, thốt bệnh táng vong, tống kỳ thi hài, trí ư trung gian, quy hoàn trưởng ướng, sâu ưu khổ não. Chư ưu-bà-tắc ưu sâu khổ não, diệc phục như thị. Dĩ chư cúng cụ, an trí nhất xứ, khước tại nhất diện, mặc nhiên nhi tọa.

Nhĩ thời, phục hữu tam Hằng hà sa chư ưu-bà-di, thọ trì ngũ giới, oai nghi cụ túc, kỳ danh viết: Thọ Đức Ưu-bà-di, Đức-man Ưu-bà-di, Tỳ-xá-khư Ưu-bà-di đặng, bát vạn tứ thiên, nhi vi thượng thủ. Tất năng kham nhiệm hộ trì Chánh pháp. Vị độ vô lượng bá thiên chúng sanh, cố hiện nữ thân. Ha trách gia pháp, tự quán kỷ thân như tứ độc xà. Thị thân thường vi vô lượng chư trùng chi sở táp thực. Thị thân xú uế, tham dục ngục phược. Thị thân khả ố, do như tử cầu. Thị thân bất tịnh, cửu khổng thường lưu. Thị thân như thành, huyết nhục cân cốt, bì quả kỳ thượng; thủ túc dĩ vi khước địch lâu lỗ; mục vi khiếu khổng; đầu vi diện đường, tâm vương xử trung. Như thị thân thành, chư Phật Thế Tôn chi sở khí xả.

Phàm phu ngu nhân thường sở vị trước. Tham dâm, sân khuể, ngu si la-sát chỉ trụ kỳ trung. Thị thân bất kiên, do như lô vi, y-lan, thủy mặc, ba tiêu chi thọ. Thị thân vô thường, niệm niệm bất trụ, do như điện quang, bạo thủy, huyền diệm. Diệc như họa thủy, tùy họa tùy hiệp. Thị thân dị hoại, do như hà ngạn, lâm tuấn đại thọ. Thị thân bất cử, đương vi hồ lang,

樹。是身不久，當為狐狼，鷄，梟，鷂，鷲，烏，鵲，  
 餓狗之所食噉。誰有智者當樂此身。寧以牛跡盛大  
 海水，不能具說是身無常，不淨，臭穢。寧丸大地，  
 使如棗等，漸漸轉小，猶葶藶子，乃至微塵，不能具  
 說是身過患。是故當捨如棄涕唾。

以是因緣，諸優婆夷，以空，無相，無願之法，  
 常修其心，深樂諮受大乘經典。聞已，亦能為他演  
 說。護持本願，毀咎女身，甚可患厭，性不堅牢。心  
 常修集如是正觀，破壞生死無際輪轉。渴仰大乘，既  
 自充足，復能充足餘渴仰者。深樂大乘，守護大乘。  
 雖現女身，實是菩薩。善能隨順一切世間，度未度  
 者，解未解者，紹三寶種，使不斷絕。於未來世，當  
 轉法輪，以大莊嚴而自莊嚴。堅持禁戒，皆悉成就如  
 是功德，於諸衆生生大悲心，平等無二如視一子。

亦於晨朝，日初出時，各相謂言。今日，宜應  
 至雙樹間。諸優婆夷所設供具，倍勝於前，持至佛  
 所，稽首佛足，繞百千匝，而白佛言。世尊，我等今  
 者為佛及僧，辦諸供具。唯願如來哀受我供。

如來默然而不許可。諸優婆夷不果所願，心懷惆  
 悵，卻坐一面。

chí, kiêu, điều, thúu, ô, thuốc, ngựa cầu chi sở thực đạm. Thù  
 hữu trí giả đương nhạo thủ thân? Ninh dĩ ngư tích thanh  
 đại hải thủy, bất năng cụ thuyết thị thân vô thường, bất tịnh,  
 xú uế! Ninh hoàn đại địa, sử như tảo đẳng, tiệm tiệm chuyển  
 tiểu, du đình lịch tử, nãi chí vi trần, bất năng cụ thuyết thị  
 thân quá hoạn! Thị cố đương xả như khí di thóa.

Dĩ thị nhân duyên, chư ưu-bà-di, dĩ không, vô tướng, vô  
 nguyện chi pháp, thường tu kỳ tâm, thâm nhạo tư thọ Đại  
 thừa kinh điển. Văn dĩ, diệc năng vị tha diễn thuyết. Hộ trì bốn  
 nguyện, hủy cứu nữ thân, thậm khả hoạn yếm, tánh bất kiên  
 lao. Tâm thường tu tập như thị chánh quán, phá hoại sanh tử  
 vô tế luân chuyển. Khát ngưỡng Đại thừa, ký tự sung túc, phục  
 năng sung túc dư khát ngưỡng giả. Thâm nhạo Đại thừa, thủ  
 hộ Đại thừa. Tuy hiện nữ thân, thật thị Bồ Tát. Thiện năng tùy  
 thuận nhất thiết thế gian, độ vị độ giả, giải vị giải giả, thiệu  
 Tam-bảo chủng, sử bất đoạn tuyệt. Ư vị lai thế, đương chuyển  
 Pháp-Luân, dĩ đại trang nghiêm nhi tự trang nghiêm. Kiên trì  
 cấm giới, giai tất thành tựu như thị công đức, ư chư chúng sanh  
 sanh đại bi tâm, bình đẳng vô nhị như thị nhất tử.

Diệc ư thân triều, nhật sơ xuất thời, các tướng vị ngôn:  
 Kim nhật, nghi ưng chí song thọ gian. Chư ưu-bà-di sở thiết  
 cúng cụ, bội thắng ư tiền, trì chí Phật sở, khể thủ Phật túc,  
 nhiều bách thiên táp, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng  
 kim giả vị Phật cập Tăng, biện chư cúng cụ. Duy nguyện Như  
 Lai ai thọ ngã cúng.

Như Lai mặc nhiên nhi bất hứa khả. Chư ưu-bà-di bất quả  
 sở nguyện, tâm hoài trù trưởng, khước tọa nhất diện.

爾時，復有四恒河沙，毗耶離城，諸離車等，男女大小，妻子眷屬，及閻浮提諸王眷屬。為求法故，善修戒行，威儀具足，摧伏異學壞正法者。常相謂言，我等當以金銀倉庫，為令甘露無盡正法深奧之藏久住於世。願令我等常得修學。若有誹謗佛正法者，當斷其舌。復作是願，若有出家毀禁戒者，我當令罷還俗策使。有能深樂護持正法，我當敬重如事父母。若有眾僧能修正法，我當隨喜，令得勢力。

常欲樂聞大乘經典。聞已，亦能為人廣說，皆悉成就如是功德。其名曰，淨無垢藏離車子，淨不放逸離車子，恆水無垢淨德離車子，如是等。各相謂言。仁等今可速往佛所。所辦供養種種具足。

一一離車，各嚴八萬四千大象，八萬四千駟馬寶車，八萬四千明月寶珠。天木，栴檀，沈水，薪束，種種各有八萬四千。一一象前，有寶幢，幡，蓋。其蓋小者，周帀縱廣滿一由旬。幡最短者，長三十二由旬。寶幢卑者，高百由旬。持如是等供養之具，往至佛所，稽首佛足，繞百千帀，而白佛言。世尊，我等今者為佛及僧，辦諸供具。唯願如來哀受我供。

Nhĩ thời, phục hữu tứ Hằng hà sa, Tỳ-da-ly thành, chư Ly-xa đảng, nam nữ đại tiểu, thê tử quyến thuộc, cập Diêm-phù-đề chư vương quyến thuộc, vị câu Pháp cố, thiện tu giới hạnh, oai nghi cụ túc, tội phục dị học hoại Chánh pháp giả. Thường tương vị ngôn: Ngã đảng đương dĩ kim ngân thương khố, vi linh cam lộ vô tận Chánh pháp thâm áo chi tạng cứu trụ ư thế. Nguyên linh ngã đảng thường đắc tu học. Nhược hữu phỉ báng Phật Chánh pháp giả, đương đoạn kỳ thiệt. Phục tác thị nguyện: Nhược hữu xuất gia hủy cấm giới giả, ngã đương linh bãi hoàn tục sách sử. Hữu năng thâm nhạo hộ trì Chánh pháp, ngã đương kính trọng như sự phụ mẫu. Nhược hữu chúng Tăng năng tu Chánh pháp, ngã đương tùy hỷ, linh đắc thế lực.

Thường dục nhạo văn Đại thừa kinh điển. Văn dĩ, diệc năng vị nhân quảng thuyết, giai tất thành tựu như thị công đức. Kỳ danh viết: Tịnh Vô Cấu Tạng Ly-xa tử, Tịnh Bất Phóng Dật Ly-xa tử, Hằng Thủy Vô Cấu Tịnh Đúc Ly-xa tử, như thị đảng, các tương vị ngôn: Nhân đảng kim khả tốc vãng Phật sở. Sở biện cúng dường chủng chủng cụ túc.

Nhất nhất Ly-xa, các nghiêm bát vạn tứ thiên đại tượng, bát vạn tứ thiên tứ mã bảo xa, bát vạn tứ thiên minh nguyệt bảo châu. Thiên mộc chiên-đàn, trầm thủy, tân thúc, chủng chủng các hữu bát vạn tứ thiên. Nhất nhất tượng tiền, hữu bảo tràng, phan, cái. Kỳ cái tiểu giả, châu táp túng quảng mãn nhất do-tuần. Phan tối đoản giả, trường tam thập nhị do-tuần. Bảo tràng ty giả, cao bá do-tuần. Trì như thị đảng cúng dường chi cụ, vãng chí Phật sở, khể thủ Phật túc, nhiều bách thiên táp, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đảng kim giả, vị Phật cập Tăng, biện chư cúng cụ. Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã cúng.



如來默然而不許可。諸離車等不果所願，心懷愁惱，以佛神力，去地七多羅樹，於虛空中默然而住。

爾時，復有五恆河沙大臣，長者，敬重大乘，若有異學謗正法者，是諸人等力能摧伏，猶如雷雨摧折草木。其名曰，日光長者，護世長者，護法長者，如是之等而為上首，所設供具，五倍於前，俱共往詣娑羅雙樹間，稽首佛足，繞百千帛，而白佛言。世尊，我等今者為佛及僧，設諸供具。唯願哀愍受我等供。

如來默然而不受之。諸長者等不果所願，心懷愁惱，以佛神力，去地七多羅樹，於虛空中默然而住。

爾時，復有六恆河沙毗舍離王，及其後宮夫人，眷屬。閻浮提內所有諸王，除阿闍世，并及城邑聚落人民。其名曰，月無垢王等，各嚴四兵，欲往佛所。是一一王各有一百八十萬億人民眷屬。是諸車兵駕以象馬。象有六牙，馬疾如風。莊嚴供具，六倍於前。寶蓋之中，有極小者，周帛縱廣滿八由旬。幡極短者，十六由旬。寶幢卑者，三十六由旬。

Như Lai mặc nhiên nhi bất hứa khả. Chư Ly-xa đặng bắt quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, dĩ Phật thân lực, khứ địa thất đa-la thọ, ư hư không trung mặc nhiên nhi trụ.

Nhĩ thời, phục hữu ngũ Hằng hà sa đại thần, trưởng giả, kính trọng Đại thừa, nhược hữu dị học báng Chánh pháp giả, thị chư nhân đặng lực năng tồ phục, do như bạc vũ tồ chiết thảo mộc. Kỳ danh viết: Nhật Quang Trưởng giả, Hộ Thế Trưởng giả, Hộ Pháp Trưởng giả, như thị chi đặng, nhi vi thượng thủ, sở thiết cúng cụ, ngũ bội ư tiên, câu cộng vãng nghệ sa-la song thọ gian, khể thủ Phật túc, nhiều bá thiên táp, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đặng kim giả vị Phật cập Tăng, thiết chư cúng cụ. Duy nguyện ai mãn, thọ ngã đặng cúng.

Như Lai mặc nhiên nhi bất thọ chi. Chư trưởng giả đặng bắt quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, dĩ Phật thân lực, khứ địa thất đa-la thọ, ư hư không trung mặc nhiên nhi trụ.

Nhĩ thời, phục hữu lục Hằng hà sa Tỳ-xá-ly vương, cập kỳ hậu cung phu nhân, quyến thuộc, Diêm-phù-đề nội sở hữu chư vương, trừ A-xà-thế, tinh cập thành ấp tụ lạc nhân dân. Kỳ danh viết: Nguyệt Vô Cấu Vương đặng, các nghiêm tứ binh, dục vãng Phật sở. Thị nhất nhất vương các hữu nhất bá bát thập vạn ức nhân dân quyến thuộc. Thị chư xa binh giá dĩ tượng mã. Tượng hữu lực nha, mã tạt như phong. Trang nghiêm cúng cụ, lục bội ư tiên. Bảo cái chi trung, hữu cực tiểu giả, châu táp túng quảng mãn bát do-tuần. Phan cực đoản giả, thập lục do-tuần. Bảo tràng ty giả, tam thập lục do-tuần.

是諸王等皆悉安住於正法中，惡賤邪法，敬重大乘，深樂大乘，憐愍衆生等如一子。所持飲食，香氣流布滿四由旬。亦於晨朝，日初出時，持是種種上妙甘膳，詣雙樹間，至如來所，而白佛言。世尊，我等爲佛及比丘僧，設是供具。唯願如來哀愍受我最後供養。

如來知時亦不許可。是諸王等不果所願，心懷愁惱，卻住一面。

爾時，復有七恒河沙諸王夫人，唯除阿闍世王夫人。爲度衆生，現受女身。常觀身行，以空，無相，無願之法薰修其心。其名曰，三界妙夫人，愛德夫人，如是等諸王夫人，皆悉安住於正法中，修行禁戒，威儀具足，憐愍衆生等如一子。各相謂言，今宜速往詣世尊所。

諸王夫人所設供養，七倍於前。香華，寶幢，繒綵，幡蓋，上妙飲食。寶蓋小者，周帀縱廣十六由旬。幡最長者，三十六由旬。寶幢卑者，六十八由旬。飲食香氣周徧流布滿八由旬。持如是等供養之具，往如來所，稽首佛足，繞百千帀，而白佛言。世尊，我等爲佛及比丘僧，設是供具。唯願如來哀愍受我最後供養。

Thị chư vương đẳng giai tất an trụ ư Chánh pháp trung, ố tiện tà pháp, kính trọng Đại thừa, thâm nhạo Đại thừa, lân mãn chúng sanh đẳng như nhất tử. Sở trì ẩm thực, hương khí lưu bố mãn tứ do-tuần. Diệc ư thân triêu, nhật sơ xuất thời, trì thị chủng chủng thượng diệu cam thiện, nghệ song thọ gian, chí Như Lai sở, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng vị Phật cập Tỳ-kheo tăng, thiết thị cúng cụ. Duy nguyện Như Lai ai mãn thọ ngã tối hậu cúng dường.

Như Lai tri thời diệc bất hứa khả. Thị chư vương đẳng bất quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, khước trụ nhất diện.

Nhĩ thời, phục hữu thất Hằng hà sa chư vương phu nhân, duy trừ A-xà-thế vương phu nhân. Vị độ chúng sanh, hiện thọ nữ thân. Thường quán thân hạnh, dĩ Không, Vô tướng, Vô nguyện chi pháp huân tu kỳ tâm. Kỳ danh viết: Tam Giới Diệu Phu nhân, Ái Đức Phu nhân, như thị đẳng chư vương phu nhân, giai tất an trụ ư Chánh pháp trung, tu hành cấm giới, oai nghi cụ túc, lân mãn chúng sanh đẳng như nhất tử. Các tướng vị ngôn: Kim nghi tốc vãng, nghệ Thế Tôn sở.

Chư vương phu nhân sở thiết cúng dường, thất bội ư tiên: hương hoa, bảo tràng, tăng thái, phan cái, thượng diệu ẩm thực. Bảo cái tiểu giả, châu táp túng quảng thập lục do-tuần. Phan tối đoản giả, tam thập lục do-tuần. Bảo tràng ty giả, lục thập bát do-tuần. Ẩm thực hương khí, châu biến lưu bố mãn bát do-tuần. Trì như thị đẳng cúng dường chi cụ, vãng Như Lai sở, khể thủ Phật túc, nhiễu bá thiên táp, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng vị Phật cập Tỳ-kheo tăng, thiết thị cúng cụ. Duy nguyện Như Lai ai mãn thọ ngã tối hậu cúng dường.

如來知時默然不受。時諸夫人不果所願，心懷愁惱，自拔頭髮，搥胸大哭，猶如新喪所愛之子。卻在一面，默然而住。

爾時，復有八恒河沙諸天女等。其名曰，廣目天女，而為上首，作如是言。汝等諸姊，諦觀，諦觀，是諸大眾所設種種上妙供具，欲供如來及比丘僧。我等亦當如是，嚴設微妙供具，供養如來。如來受已，當入涅槃。

諸姊。諸佛如來出世甚難。最後供養亦復倍難。若佛涅槃，世間空虛。

是諸天女愛樂大乘，欲聞大乘。聞已，亦能為人廣說。渴仰大乘，既自充足，復能充足餘渴仰者。守護大乘，若有異學憎嫉大乘，勢能摧滅，如電摧草。護持戒行，威儀具足。善能隨順一切世間，度未度者，脫未脫者。於未來世當轉法輪，紹三寶種，使不斷絕。修學大乘，以大莊嚴而自莊嚴，成就如是無量功德。等慈眾生如視一子。

亦於晨朝，日初出時，各取種種天木香等，倍於人間所有香木。其木香氣能滅人中種種臭穢。白車白蓋，駕四白馬。一一車上皆張白帳。其帳四邊懸諸金

Như Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. Thời chư phu nhân bất quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, tự bạt đầu phát, chùy hung đại khóc, do như tân táng sở ái chi tử. Khước tại nhất diện, mặc nhiên nhi trụ.

Nhĩ thời, phục hữu bát Hằng hà sa chư thiên nữ đẳng. Kỳ danh viết: Quảng Mục thiên nữ, nhi vi thượng thủ, tác như thị ngôn: Nhữ đẳng chư tử! Đế quán, đế quán! Thị chư đại chúng sở thiết chủng chủng thượng diệu cúng cụ, dục cúng Như Lai cập Tỳ-kheo tăng. Ngã đẳng diệc đương như thị, nghiêm thiết vi diệu cúng cụ, cúng dường Như Lai. Như Lai thọ dĩ, đương nhập Niết-bàn.

Chư tử! Chư Phật Như Lai xuất thế thậm nan. Tối hậu cúng dường diệc phục bội nan! Nhược Phật Niết-bàn, thế gian không hư.

Thị chư thiên nữ ái nạo Đại thừa, dục văn Đại thừa. Văn dĩ, diệc năng vị nhân quảng thuyết. Khát ngưỡng Đại thừa, ký tự sung túc, phục năng sung túc dư khát ngưỡng giả. Thủ hộ Đại thừa, nhược hữu dị học tăng tạt Đại thừa, thế năng tội diệt, như bạc tội thảo. Hộ trì giới hạnh, oai nghi cụ túc. Thiện năng tùy thuận nhất thiết thế gian, độ vị độ giả, thoát vị thoát giả. Ứ vị lai thế đương chuyển Pháp luân, thiệu Tam bảo chủng, sử bất đoạn tuyệt. Tu học Đại thừa, dĩ đại trang nghiêm nhi tự trang nghiêm, thành tựu như thị vô lượng công đức. Đẳng từ chúng sanh như thị nhất tử.

Diệc ư thân triều, nhật sơ xuất thời, các thủ chủng chủng thiên mộc hương đẳng, bội ư nhân gian sở hữu hương mộc. Kỳ mộc hương khí năng diệt nhân trung chủng chủng xú uế. Bạch xa bạch cái, giá tứ bạch mã. Nhất nhất xa thượng giai trương bạch trướng. Kỳ trướng tứ biên huyền chư kim linh. Chủng chủng

鈴。種種香華，寶幢，幡蓋，上妙甘膳，種種伎樂，敷師子座。其座四足純紺琉璃。於其座後，各各皆有七寶倚牀。一一座前，復有金机。復以七寶而為燈樹，種種寶珠以為燈明。微妙天華徧布其地。

是諸天女設是供已，心懷哀感，涕淚交流，生大苦惱。亦為利益安樂眾生，成就大乘第一空行，顯發如來方便密教，亦為不斷種種說法，往詣佛所，稽首佛足，繞百千帀，而白佛言。世尊，唯願如來哀受我等最後供養。

如來知時默然不受。諸天女等不果所願心懷憂惱。卻在一面默然而住。

爾時，復有九恒河沙諸龍王等，住於四方。其名曰，和修吉龍王，難陀龍王，婆難陀龍王，而為上首。是諸龍王，亦於晨朝，日初出時，設諸供具，倍於人天，持至佛所，稽首佛足，繞百千帀，而白佛言。唯願如來哀受我等最後供養。

如來知時默然不受。是諸龍王不果所願，心懷愁惱，卻坐一面。

爾時，復有十恒河沙等諸鬼神王，毗沙門王而為上首，各相謂言。仁等，今者可速詣佛。所設供

hương hoa, bảo tràng, phan cái, thượng diệu cam thiện, chủng chủng kỹ nhạc, phu sư tử tòa. Kỳ tòa tứ túc thuần hám lưu ly. Ư kỳ tòa hậu, các các giai hữu thất bảo ỷ sàng. Nhất nhất tòa tiền, phục hữu kim kỳ. Phục dĩ thất bảo nhi vi đặng thọ, chủng chủng bảo châu dĩ vi đặng minh. Vi diệu thiên hoa, biến bố kỳ địa.

Thị chư thiên nữ thiết thị cúng dĩ, tâm hoài ai cảm, thế lệ giao lưu, sanh đại khổ não. Diệc vị lợi ích an lạc chúng sanh, thành tựu Đại thừa đệ nhất không hạnh, hiển phát Như Lai phương tiện Mật giáo, diệc vị bất đoạn chủng chủng thuyết pháp, vãng nghệ Phật sở, khể thủ Phật túc, nhiều bá thiên táp, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã đặng tối hậu cúng dường.

Như Lai tri thời, mặc nhiên bất thọ. Chư thiên nữ đặng bất quả sở nguyện, tâm hoài ưu não, khước tại nhất diện, mặc nhiên nhi trụ.

Nhĩ thời, phục hữu cửu Hằng hà sa chư long vương đặng, trụ ư tứ phương. Kỳ danh viết: Hòa-tu-kiết Long vương, Nan-đà Long vương, Bà-nan-đà Long vương, nhi vi thượng thủ. Thị chư Long vương, diệc ư thần triêu, nhật sơ xuất thời, thiết chư cúng cụ, bội ư nhân thiên, trì chí Phật sở, khể thủ Phật túc, nhiều bá thiên táp, nhi bạch Phật ngôn: Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã đặng tối hậu cúng dường.

Như Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. Thị chư long vương bất quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, khước tọa nhất diện.

Nhĩ thời, phục hữu thập Hằng hà sa đặng chư quỷ thần vương, Tỳ-sa-môn Vương nhi vi thượng thủ, các tướng vị ngôn: Nhân đặng, kim giả khả tốc nghệ Phật. Sở thiết cúng cụ bội ư

具，倍於諸龍，持往佛所，稽首佛足，繞百千帀，而白佛言。唯願如來哀受我等最後供養。

如來知時默然不受。是鬼神王不果所願，心懷愁惱，卻坐一面。

爾時，復有二十恒河沙金翅鳥王，降怨鳥王而為上首。

復有三十恒河沙乾闥婆王，那羅達王而為上首。

復有四十恒河沙緊那羅王，善見王而為上首。

復有五十恒河沙摩睺羅伽王，大善見王而為上首。

復有六十恒河沙阿修羅王，睒婆利王而為上首。

復有七十恒河沙陀那婆王，無垢河水王，跋提達多王等，而為上首。

復有八十恒河沙等羅刹王，可畏王而為上首。捨離惡心，更不食人，於怨憎中生慈悲心。其形醜陋，以佛神力，皆悉端正。

復有九十恒河沙樹林神王，樂香王而為上首。

復有千恒河沙持咒王，大幻持咒王而為上首。

復有一億恒河沙貪色鬼魅，善見王而為上首。

chư long, trì vãng Phật sở, khể thủ Phật túc, nhiều bá thiên tấp, nhi bạch Phật ngôn: Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã đảnh tối hậu cúng dường.

Như Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. Thị quỷ thần vương bất quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, khước tọa nhất diện.

Nhĩ thời, phục hữu nhị thập Hằng hà sa Kim sí điều vương, Hàng Oán Điều vương nhi vi thượng thủ.

Phục hữu tam thập Hằng hà sa Càn-thát-bà vương, Na-la-đạt Vương nhi vi thượng thủ.

Phục hữu tứ thập Hằng hà sa Khẩn-na-la vương, Thiện Kiến Vương nhi vi thượng thủ.

Phục hữu ngũ thập Hằng hà sa Ma-hầu-la-già vương, Đại Thiện Kiến vương nhi vi thượng thủ.

Phục hữu lục thập Hằng hà sa A-tu-la vương, Siểm-bà-ly vương nhi vi thượng thủ.

Phục hữu thất thập Hằng hà sa Đà-na-bà vương, Vô Cấu Hà Thủy vương, Bạt-đề-đạt-đa vương đảnh, nhi vi thượng thủ.

Phục hữu bát thập Hằng hà sa đảnh La-sát vương, Khả Úy vương nhi vi thượng thủ. Xả ly ác tâm, cánh bất thực nhân, ư oán tắng trung sanh từ bi tâm. Kỳ hình xú lậu, dĩ Phật thần lực, giai tất đoan chánh.

Phục hữu cửu thập Hằng hà sa Thọ lâm thần vương, Nhạo Hương vương nhi vi thượng thủ.

Phục hữu thiên Hằng hà sa Trì-chú vương, Đại Huyền Trì-chú vương nhi vi thượng thủ.

Phục hữu nhất ức Hằng hà sa tham sắc quỷ mị, Thiện Kiến vương nhi vi thượng thủ.

復有百億恒河沙天諸婬女，藍婆女，鬱婆尸女，帝路沾女，毗舍佉女，而為上首。

復有千億恒河沙地諸鬼王，白濕王而為上首。

復有千萬億恒河沙等諸天子，及諸天王，四天王等。

復有十萬億恒河沙等四方風神，吹諸樹上，時，非時華，散雙樹間。

復有十萬億恒河沙主雲雨神，皆作是念。如來涅槃，焚身之時，我當注雨令火時滅。眾中熱悶，為作清涼。

復有二十恒河沙大香象王，羅睺象王，金色象王，甘味象王，紺眼象王，欲香象王等，而為上首。敬重大乘，愛樂大乘，知佛不久當般涅槃，各各拔取無量無邊諸妙蓮華，來至佛所，頭面禮佛，卻住一面。

復有二十恒河沙等師子獸王，師子吼王而為上首。施與一切眾生無畏，持諸華菓，來至佛所，稽首佛足，卻住一面。

復有二十恒河沙等諸飛鳥王，鳧，鴈，鴛，鴦，孔雀諸鳥，乾闥婆鳥，迦蘭陀鳥，鳩鵲，鸚鵡，俱翅羅

Phục hữu bá ức Hằng hà sa thiên chư thể nữ, Lam-bà nữ, Uát-bà-thi nữ, Đế-lộ-triêm nữ, Tỳ-xá-khư nữ nhi vi thượng thủ.

Phục hữu thiên ức Hằng hà sa địa chư Quý vương, Bạch Tháp nương nhi vi thượng thủ.

Phục hữu thiên vạn ức Hằng hà sa đẳng chư thiên tử, cập chư thiên vương, Tứ Thiên vương đẳng.

Phục hữu thập vạn ức Hằng hà sa đẳng tứ phương phong thần, xuy chư thọ thượng, thời, phi thời hoa, tán song thọ gian.

Phục hữu thập vạn ức Hằng hà sa chủ vân vũ thần, giai tác thị niệm: Như Lai Niết-bàn, phân thân chi thời, ngã đương chú vũ linh hỏa thời diệt. Chúng trung nhiệt muộn, vị tác thanh lương.

Phục hữu nhị thập Hằng hà sa đại hương tượng vương, La-hầu Tượng vương, Kim sắc Tượng vương, Cam vị Tượng vương, Hám nhân Tượng vương, Dục hương Tượng vương đẳng, nhi vi thượng thủ. Kính trọng Đại thừa, ái nhạo Đại thừa, tri Phật bát cửu dương bát Niết-bàn, các các bạt thủ vô lượng vô biên chư diệu liên hoa, lai chí Phật sở, đầu diện lễ Phật, khước trụ nhất diện.

Phục hữu nhị thập Hằng hà sa đẳng sư tử thú vương, Sư Tử Hống vương, nhi vi thượng thủ. Thí dữ nhất thiết chúng sanh vô úy, trì chư hoa quả, lai chí Phật sở, khể thủ Phật túc, khước trụ nhất diện.

Phục hữu nhị thập Hằng hà sa đẳng chư phi điều vương, phù, nhạn, uyên, ương, khổng tước chư điều, càn-thát-bà điều, ca-lan-đà điều, cô cóc, anh vũ, câu-sí-la điều, bà-hy-già điều, ca-lăng-tần-già điều, kỳ-bà-kỳ-bà điều. Như thị đẳng

鳥，婆喜伽鳥，迦陵頻伽鳥，耆婆耆婆鳥。如是等諸鳥，持諸華菓，來至佛所，稽首佛足，卻住一面。

復有二十恒河沙等水牛牛羊。往至佛所出妙香乳。其乳流滿拘尸那城。所有溝坑色香美味悉皆具足。成是事已卻住一面。

復有二十恒河沙等四天下中諸神仙人。忍辱仙等而為上首。持諸香華及諸甘菓來詣佛所。稽首佛足繞佛三匝。而白佛言。唯願世尊。哀受我等最後供養。

如來知時默然不許。時諸仙人不果所願。心懷愁惱卻住一面。

閻浮提中一切蜂王。妙音蜂王而為上首。持種種華來詣佛所。稽首佛足繞佛一匝卻住一面。

爾時閻浮提中比丘比丘尼一切皆集。唯除尊者摩訶迦葉阿難二眾。

復有無量阿僧祇恒河沙等世界中間。及閻浮提所有諸山。須彌山王而為上首。其山莊嚴叢林蒼鬱。諸樹茂盛枝條扶踈蔭蔽日光。種種妙華周徧而有。龍泉流水清淨香潔。諸天龍神乾闥婆阿修羅迦樓羅

chư điều, trì chư hoa quả, lai chí Phật sở, khể thủ Phật túc, khước trụ nhất diện.

Phục hữu nhị thập Hằng hà sa đẳng thủy ngư, ngư, dương, vãng chí Phật sở, xuất diệu hương nhũ. Kỳ nhũ lưu mãn Câu-thi-na thành, sở hữu câu khanh, sắc hương mỹ vị tất giai cụ túc. Thành thị sự dĩ, khước trụ nhất diện.

Phục hữu nhị thập Hằng hà sa đẳng Tứ thiên hạ trung, chư thần tiên nhân, Nhẫn Nhục Tiên đẳng, nhi vi thượng thủ. Trì chư hương hoa cập chư cam quả, lai nghệ Phật sở, khể thủ Phật túc, nhiều Phật tam táp, nhi bạch Phật ngôn: Duy nguyện Thế Tôn ai thọ ngã đẳng tối hậu cúng dường.

Như Lai tri thời, mặc nhiên bất hứa. Thời chư tiên nhân bất quả sở nguyện, tâm hoài sâu não, khước trụ nhất diện.

Diêm-phù-đề trung, nhất thiết phong vương, Diệu Âm Phong Vương nhi vi thượng thủ. Trì chủng chủng hoa lai nghệ Phật sở, khể thủ Phật túc, nhiều Phật nhất táp, khước trụ nhất diện.

Nhĩ thời, Diêm-phù-đề trung, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, nhất thiết giai tập, duy trừ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, A-nan nhị chúng.

Phục hữu vô lượng a-tăng-kỳ Hằng hà sa đẳng thế giới trung gian, cập Diêm-phù-đề sở hữu chư sơn, Tu-di Sơn vương nhi vi thượng thủ. Kỳ sơn trang nghiêm, từng lâm ổng uất, chư thọ mậu thanh, chi điều phù sơ, ấm tế nhật quang. Chủng chủng diệu hoa, châu biến nhi hữu. Long tuyên lưu thủy, thanh tịnh hương khiết. Chư thiên, long, thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khản-na-la, ma-hầu-la-già, thần tiên chú thuật,

緊那羅摩睺羅伽。神仙咒術作倡伎樂。如是等衆彌滿其中。是諸山神亦來詣佛。稽首佛足卻住一面。

復有阿僧祇恒河沙等。四大海神及諸河神。有大威德。具大神足。所設供養。倍勝於前。諸神身光伎樂燈明。悉蔽日月令不復現。以占婆華散熙連河。來至佛所稽首佛足卻住一面。

爾時拘尸那城娑羅樹林。其林變白猶如白鶴。於虛空中自然而有七寶堂閣。彫文刻鏤綺飾分明。周帀欄楯衆寶雜廁。堂下多有流泉浴池。上妙蓮華彌滿其中。猶如北方鬱單越國。亦如忉利歡喜之園。

爾時娑羅樹林中間。種種莊嚴。甚可愛樂。亦復如是。是諸天人阿修羅等。咸睹如來涅槃之相。皆悉悲感愁憂不樂。

爾時四天王釋提桓因。各相謂言。汝等觀察諸天世人及阿修羅。大設供養欲於最後供養如來。我等亦當如是供養。若我最後得供養者。檀波羅蜜則爲成就滿足不難。

爾時四天王所設供養倍勝於前。持曼陀羅華摩訶曼陀羅華。迦枳樓伽華摩訶迦枳樓伽華。曼殊沙

tát xướng kỹ nhạc. Như thị đấng chúng, di mãn kỳ trung. Thị chư sơn thần diệc lai nghê Phật, khể thủ Phật túc, khước trụ nhất diện.

Phục hữu a-tăng-kỳ Hằng hà sa đấng Tứ đại hải thần, cập chư Hà thần, hữu đại oai đức, cụ đại thần túc, sở thiết cúng dường, bội thắng ư tiên. Chư thần thân quang, kỹ nhạc đấng minh, tất tế nhật nguyệt, linh bất phục hiện. Dĩ Chiêm-bà hoa, tán Hy-liên hà, lai chí Phật sở, khể thủ Phật túc, khước trụ nhất diện.

Nhĩ thời, Câu-thi-na thành, sa-la thọ lâm, kỳ lâm biến bạch, do như bạch hạc. Ư hư không trung tự nhiên nhi hữu thất bảo đường các, điều văn khắc lữ, ý sức phân minh, châu táp lan thuẩn, chúng bảo tạp xí. Đường hạ đa hữu lưu tuyên dục trì, thượng diệp liên hoa, di mãn kỳ trung, do như Bắc phương Uất-đan-việt quốc, diệc như Đào-lợi Hoan Hỷ chi viên.

Nhĩ thời, sa-la thọ lâm trung gian, chủng chủng trang nghiêm, thậm khả ái nhạo, diệc phục như thị. Thị chư thiên, nhân, a-tu-la đấng, hàm đồ Như Lai Niết-bàn chi tướng, giai tất bi cảm, sâu ưu bất lạc.

Nhĩ thời Tứ Thiên Vương, Thích-đề-hoàn-nhân, các tướng vị ngôn: Nhữ đấng quan sát chư thiên, thế nhân, cập a-tu-la, đại thiết cúng dường, dục ư tối hậu cúng dường Như Lai. Ngã đấng diệc đương như thị cúng dường. Nhược ngã tối hậu đắc cúng dường giả, Đản Ba-la-mật tác vi thành tựu, mãn túc bất nan.

Nhĩ thời Tứ Thiên Vương sở thiết cúng dường, bội thắng ư tiên, trì mạn-đà-la hoa, ma-ha mạn-đà-la hoa, ca-chỉ-lâu-già hoa, ma-ha ca-chỉ-lâu-già hoa, mạn-thù-sa hoa, ma-ha mạn-



華摩訶曼殊沙華。散多尼迦華摩訶散多尼迦華。愛樂華大愛樂華。普賢華。大普賢華。時華大時華。香城華大香城華。歡喜華大歡喜華。發欲華大發欲華。香醉華大香醉華。普香華大普香華天金葉華龍華。波利質多樹華拘毗羅樹華。復持種種上妙甘膳。來至佛所稽首佛足。是諸天人所有光明。能覆日月令不復現。以是供具欲供養佛。

如來知時默然不受。爾時諸天不果所願。愁憂苦惱卻住一面。

爾時釋提桓因及三十三天。設諸供具亦倍勝前。及所持華亦復如是。香氣微妙甚可愛樂。持得勝堂并諸小堂。來至佛所稽首佛足。而白佛言。世尊。我等深樂愛護大乘。唯願如來哀受我食。

如來知時默然不受。時諸釋天不果所願。心懷愁惱卻住一面。

乃至第六天所設供養展轉勝前。寶幢幡蓋。寶蓋小者覆四天下。幡最短者周圍四海。幢最卑者至自在天。微風吹幡出妙音聲。持上甘膳來詣佛所稽首佛足而白佛言。世尊。唯願如來哀受我等最後供養。

thù-sa hoa, tán-đa-ni-ca hoa, ma-ha tán-đa-ni-ca hoa, Ái lạc hoa, Đại ái lạc hoa, Phổ hiền hoa, Đại phổ hiền hoa, Thời hoa, Đại thời hoa, Hương thành hoa, Đại hương thành hoa, Hoan hỷ hoa, Đại hoan hỷ hoa, Phát dục hoa, Đại phát dục hoa, Hương túy hoa, Đại hương túy hoa, Phổ hương hoa, Đại phổ hương hoa, Thiên kim diệp hoa, Long hoa, ba-ly-chất-đa thọ hoa, câu-tỳ-đà-la thọ hoa. Phục trì chủng chủng thượng diệu cam thiện, lai chí Phật sở, khể thủ Phật túc. Thị chư thiên nhân, sở hữu quang minh, năng phú nhật nguyệt, linh bát phục hiện. Dĩ thị cúng cụ, dục cúng dường Phật.

Như Lai tri thời, mặc nhiên bất thọ. Nhĩ thời chư thiên, bất quả sở nguyện, sầu ưu khổ não, khước trụ nhất diện.

Nhĩ thời Thích-đề-hoàn-nhân, cập Tam thập tam Thiên, thiết chư cúng cụ, diệp bội thắng tiền, cập sở trì hoa, diệp phục như thị, hương khí vi diệu, thậm khả ái nhạo. Trì đắc thắng đường, tịnh chư tiểu đường, lai chí Phật sở, khể thủ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng thâm nhạo ái hộ Đại thừa. Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã thực.

Như Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. Thời chư Thích thiên bất quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, khước trụ nhất diện.

Nãi chí Đệ lục thiên, sở thiết cúng dường, triển chuyển thắng tiền: bảo tràng, phan, cái. Bảo cái tiểu giả, phú Tứ thiên hạ. Phan tối đoản giả, chu vi tứ hải. Tràng tối ty giả, chí Tự tại Thiên. Vi phong xuy phan, xuất diệu âm thanh. Trì thượng cam thiện, lai nghê Phật sở, khể thủ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã đẳng tối hậu cúng dường.

如來知時默然不受。是諸天等不果所願。心懷愁惱卻住一面。

上至有頂。其餘梵眾一切來集。爾時大梵天王及餘梵眾。放身光明徧四天下。欲界人天日月光明悉不復現。持諸寶幢繒綵幡蓋。幡極短者懸於梵宮至娑羅樹間。來詣佛所稽首佛足而白佛言。世尊。唯願如來。哀受我等最後供養。

如來知時默然不受。爾時諸梵不果所願。心懷愁惱卻住一面。

爾時毗摩質多阿修羅王。與無量阿修羅大眷屬俱。身諸光明勝於梵天。持諸寶幢繒綵幡蓋。其蓋小者覆千世界。上妙甘膳來詣佛所稽首佛足而白佛言。唯願如來。哀受我等最後供養。

如來知時默然不受。諸阿修羅不果所願。心懷愁惱卻住一面。

爾時欲界魔王波旬。與其眷屬諸天婁女。無量無邊阿僧祇眾。開地獄門施清淨水。因而告曰。汝等今者無所能為。唯當專念如來應正徧知。建立最後隨喜供養。當令汝等長夜獲安。時魔波旬於地獄中。悉除刀劍無量苦毒。熾然燄火靈雨滅之。以佛

Như Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. Thị chư thiên đặng bất quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, khước trụ nhất diện.

Thượng chí Hữu đỉnh, kỳ dư Phạm chúng, nhất thiết lai tập. Nhĩ thời Đại Phạm Thiên Vương, cập dư Phạm chúng, phóng thân quang minh, biến Tứ Thiên hạ, Dục giới nhân thiên. Nhật nguyệt quang minh, tất bất phục hiện. Trì chư bảo tràng, tăng thái phan cái. Phan cực đoản giả, huyền ư Phạm cung, chí sa-la thọ gian. Lai nghệ Phật sở, khể thủ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã đặng tối hậu cúng dường.

Như Lai tri thời, mặc nhiên bất thọ. Nhĩ thời chư Phạm bất quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, khước trụ nhất diện.

Nhĩ thời, Tỳ-ma-chất-đa A-tu-la Vương, dĩ vô lượng a-tu-la, đại quyến thuộc câu. Thân chư quang minh, thắng ư Phạm thiên. Trì chư bảo tràng, tăng thái phan cái, kỳ cái tiểu giả, phú thiên thế giới, thượng diệu cam thiện, lai nghệ Phật sở khể thủ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã đặng tối hậu cúng dường.

Như Lai tri thời, mặc nhiên bất thọ. Chư a-tu-la bất quả sở nguyện, tâm hoài sầu não, khước trụ nhất diện.

Nhĩ thời Dục giới Ma Vương Ba-tuần, dĩ kỳ quyến thuộc, chư thiên thể nữ, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ chúng, khai địa ngục môn, thí thanh tịnh thủy, nhân nhi cáo viết: Nhữ đặng kim giả, vô sở năng vi. Duy đương chuyên niệm Như Lai, Ứng, Chánh biến tri, kiến lập tối hậu tùy hỷ cúng dường. Đương linh nhữ đặng, trường dạ hoạch an. Thời ma Ba-tuần, ư địa ngục trung, tất trừ đao kiếm, vô lượng khổ độc: xí nhiên diễm hỏa, dâm vũ diệt chi. Dĩ Phật thần lực phục phát thị tâm: Linh

神力復發。是心。令諸眷屬皆捨刀劍弓弩鎧仗鉞槩長鉤金鎚鉞斧鬥輪胃索。所持供養倍勝一切人天所設。其蓋小者覆中千界。來至佛所稽首佛足而白佛言。我等今者愛樂大乘守護大乘。

世尊。若有善男子善女人。為供養故。為怖畏故。為誑他故。為財利故。為隨他故。受是大乘或真或偽。我等爾時當為是人除滅怖畏。說如是呪。

蹉枳，吒咤羅蹉枳，盧訶隸，摩訶盧訶隸，阿羅遮羅，多羅莎訶。

是咒能令諸失心者怖畏者說法者不斷正法者。為伏外道故。護己身故。護正法故。護大乘故。說如是咒。若有能持如是咒者無惡象怖。若至曠野空澤嶮處不生怖畏。亦無水火師子虎狼盜賊王難。

世尊。若有能持如是咒者。悉能除滅如是等怖。世尊。持是咒者我當護之如龜藏六。

世尊。我等今者不以諛諂說如是事。持是咒者我當至誠益其勢力。唯願如來。哀受我等最後供養。

爾時佛告魔波旬言。我不受汝飲食供養。我已受汝所說神咒。為欲安樂一切衆生四部衆故。佛說是已默然不受。如是三請皆亦不受。時魔波旬不果所願。心懷愁惱卻住一面。

chư quyển thuộc giai xả đao kiếm, cung nỏ, khải, trượng, mâu, sóc, trường câu, kim chùy, việt, phủ, đầu luân, quyển tác. Sở trì cúng dường, bội thắng nhất thiết nhân thiên sở thiết. Kỳ cái tiểu giả, phú trung thiên giới. Lai chí Phật sở, khể thủ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng kim giả, nhạo Đại thừa, thủ hộ Đại thừa.

Thế Tôn! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân vị cúng dường cố, vị bố úy cố, vị cưỡng tha cố, vị tài lợi cố, vị tùy tha cố, thọ thị Đại thừa, hoặc chân hoặc ngụy, ngã đẳng nhĩ thời đương vị thị nhân trừ diệt bố úy, thuyết như thị chú:

“Trác chỉ, trá sá la trác chỉ, lô ha lệ, ma ha lô ha lệ, a la già la, đa la tá ha.”

Thị chú năng linh chư thất tâm giả, bố úy giả, thuyết pháp giả, bất đoạn Chánh pháp giả, vị phục ngoại đạo cố, hộ kỷ thân cố, hộ Chánh pháp cố, hộ Đại thừa cố, thuyết như thị chú. Nhược hữu năng trì như thị chú giả, vô ác tượng bố. Nhược chí khoáng dã, không trạch, hiểm xứ, bất sanh bố úy. Diệt vô thủy hỏa, sư tử, hổ lang, đạo tặc, vương nạn.

Thế Tôn! Nhược hữu năng trì như thị chú giả, tất năng trừ diệt như thị đẳng bố. Thế Tôn! Trì thị chú giả, ngã đương hộ chi như quy tàng lục.

Thế Tôn! Ngã đẳng kim giả bất dĩ du siểm, thuyết như thị sự. Trì thị chú giả, ngã đương chí thành ích kỳ thế lục. Duy nguyện Như Lai ai thọ ngã đẳng tối hậu cúng dường.

Nhĩ thời, Phật cáo Ma Ba-tuần ngôn: Ngã bất thọ nhữ ẩm thực cúng dường. Ngã dĩ thọ nhữ sở thuyết thân chú, vị dục an lạc nhất thiết chúng sanh, tứ bộ chúng cố. Phật thuyết thị dĩ mặc nhiên bất thọ. Như thị tam thỉnh, giai diệt bất thọ. Thời Ma Ba-tuần bất quả sở nguyện, tâm hoài sầu não khước trụ nhất diện.

爾時大自在天王與其眷屬無量無邊及諸天衆。所設供具悉覆梵釋護世四王人天八部及非人等所有供具。梵釋所設猶如聚墨在珂貝邊悉不復現。寶蓋小者能覆三千大千世界。持如是等供養之具。來詣佛所稽首佛足繞無數帀而白佛言。世尊。我等所獻微末供具。喻如蚊子供養於我。亦如有人以一掬水投之大海。然一小燈助百千日。春夏之月衆華茂盛。有持一華益於衆華。以葶蘆子益於須彌。豈當有益大海日明衆華須彌。

世尊。我今所奉微末供具亦復如是。若以三千大千世界滿中香華伎樂幡蓋。供養如來尚不足言。何以故。如來爲諸衆生常於地獄餓鬼畜生諸惡趣中受諸苦惱。是故世尊。應見哀愍受我等供。

爾時東方去此無量無數阿僧祇恒河沙數微塵等世界。彼有佛土名意樂美音。佛號虛空等如來應供正徧知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。

爾時彼佛即告第一大弟子言。善男子。汝今宜往西方娑婆世界。彼土有佛號釋迦牟尼如來應供正徧知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。彼佛不久當般涅槃。

Nhĩ thời, Đại tự tại Thiên vương, dữ kỳ quyến thuộc, vô lượng vô biên, cập chư thiên chúng, sở thiết cúng cụ, tất phú Phạm, Thích, hộ thế Tứ vương, nhân thiên bát bộ, cập phi nhân đẳng, sở hữu cúng cụ. Phạm thích sở thiết do như tu mặc, tại kha bối biên, tất bất phục hiện. Bảo cái tiểu giả, năng phú tam thiên đại thiên thế giới. Trì như thị đẳng cúng dường chi cụ, lai nghệ Phật sở, khể thủ Phật túc, nhiều vô số tấp nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng sở hiến vi mạt cúng cụ, dụ như mân tử cúng dường ư ngã, diệc như hữu nhân dĩ nhất cục thủy, đầu chi đại hải, nhiên nhất tiểu đẳng, trợ bá thiên nhật, xuân hạ chi nguyệt, chúng hoa mậu thanh, hữu trì nhất hoa ích ư chúng hoa, dĩ đình lịch tử, ích ư Tu-di. Khởi đương hữu ích đại hải, nhật minh, chúng hoa, Tu-di?

Thế Tôn! Ngã kim sở phụng vi mạt cúng cụ, diệc phục như thị. Nhược dĩ tam thiên đại thiên thế giới, mãn trung hương hoa, kỹ nhạc, phan, cái cúng dường Như Lai, thượng bất túc ngôn. Hà dĩ cố? Như Lai vị chư chúng sanh, thường ư địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chư ác thú trung, thọ chư khổ não. Thị cố Thế Tôn ưng kiến ai mãn thọ ngã đẳng cúng.

Nhĩ thời, Đông phương khứ thủ vô lượng vô số a-tăng-kỳ Hàng hà sa số, vi trần đẳng thế giới, bỉ hữu Phật độ, danh Ý Lạc Mỹ Âm, Phật hiệu Hư Không Đẳng, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Nhĩ thời, bỉ Phật túc cáo đệ nhất đại đệ tử ngôn: Thiện nam tử! Nhữ kim nghi vãng Tây phương Ta-bà thế giới. Bỉ độ hữu Phật, hiệu Thích-ca Mâu-ni, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Bỉ Phật bất cử, đương bát Niết-bàn.

善男子。汝可持此世界香飯。其飯香美。食之安穩。可以此食奉獻彼佛世尊。世尊食已入般涅槃。

善男子。并可禮敬請決所疑。

爾時無邊身菩薩摩訶薩。即受佛教從座而起。稽首佛足右繞三匝。與無量阿僧祇菩薩俱。從彼國發來至此娑婆世界。應時此間三千大千世界大地六種震動。於是眾中梵釋四王魔王波旬摩醯首羅。如是大眾見是地動。舉身毛豎喉舌枯燥。驚怖顫慄各欲四散。自見其身無復光明。所有威德殄滅無餘。

是時文殊師利法王子。即從座起告諸大眾。諸善男子。汝等勿怖。汝等勿怖。何以故。東方去此無量無數阿僧祇恒河沙數微塵等世界。有世界名意樂美音。佛號虛空等如來應正徧知十號具足。彼有菩薩名無邊身。與無量菩薩欲來至此供養如來。以彼菩薩威德力故。令汝身光悉不復現。是故汝等應生歡喜勿懷恐怖。

爾時大眾悉皆遙見彼佛大眾。如明鏡中自觀己身。

時文殊師利復告大眾。汝今所見彼佛大眾如見此佛。以佛神力復當如是得見九方無量諸佛。

Thiện nam tử! Nhữ khả trì thủ thế giới hương phạn. Kỳ phạn hương mỹ, thực chi an ổn. Khả dĩ thủ tự phụng hiến bỉ Phật Thế Tôn. Thế Tôn thực dĩ nhập bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Tịnh khả lễ kính, thỉnh quyết sở nghi.

Nhĩ thời, Vô Biên Thân Bồ Tát ma-ha-tát, tức thọ Phật giáo, tùng tòa nhi khởi, khể thủ Phật túc, hữu nhiều tam táp, dữ vô lượng a-tăng-kỳ Bồ Tát, câu tùng bỉ quốc phát lai, chí thủ Ta-bà thế giới. Ứng thời thủ gian tam thiên đại thiên thế giới, đại địa lục chủng chấn động. Ư thị chúng trung, Phạm, Thích, Tứ vương, Ma vương Ba-tuần, Ma-hê-thủ-la, như thị đại chúng, kiến thị địa động, cử thân mao thọ, hầu thiệt khô táo, kinh bố chiến lật. Các dục tứ tán, tự kiến kỳ thân, vô phục quang minh, sở hữu oai đức diễn diệt vô dư.

Thị thời Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương Tử, tức tùng tòa khởi, cáo chư Đại chúng: Chư thiện nam tử! Nhữ đẳng vật bố. Nhữ đẳng vật bố. Hà dĩ cố? Đông phương khứ thủ vô lượng vô số a-tăng-kỳ, Hằng hà sa số vi trần đẳng thế giới, hữu thế giới danh Ý Lạc Mỹ Âm, Phật hiệu Hư Không Đẳng, Như Lai, Ứng, Chánh biến tri... thập hiệu cụ túc. Bỉ hữu Bồ Tát danh Vô Biên Thân, dữ vô lượng Bồ Tát, dục lai chí thủ, cúng dường Như Lai. Dĩ bỉ Bồ Tát oai đức lực cố, linh nhữ thân quang, tất bất phục hiện. Thị cố nhữ đẳng ứng sanh hoan hỷ, vật hoài khủng bố.

Nhĩ thời, Đại chúng tất giai dao kiến bỉ Phật Đại chúng, như minh kính trung tự quan kỷ thân.

Thời, Văn-thù-sư-lợi phục cáo Đại chúng: Nhữ kim sở kiến bỉ Phật Đại Chúng, như kiến thủ Phật. Dĩ Phật thân lực, phục đương như thị, đắc kiến cửu phương vô lượng chư Phật.

爾時大眾各相謂言。苦哉苦哉。世間空虛。世間空虛。如來不久當般涅槃。

是時大眾一切悉見無邊身菩薩及其眷屬。是菩薩身一一毛孔各各出生一大蓮華。一一蓮華各有七萬八千城邑。縱廣正等如毗耶離城。牆壁諸壑七寶雜廁。多羅寶樹七重行列。人民熾盛安穩豐樂。閻浮檀金以為卻敵。一一卻敵各有種種七寶林樹華葉茂盛。微風吹動出微妙音。其聲和雅猶如天樂。城中人民聞是音聲。即得受於上妙快樂。是諸壑中妙水盈滿。清淨香潔如真琉璃。是諸水中有七寶船。諸人乘之遊戲澡浴。共相娛樂快樂無極。

復有無量雜色蓮華。優鉢羅華。拘物頭華。波頭摩華。分陀利華。其華縱廣猶如車輪。其壑岸上多有園林。一一園中有五泉池。是諸池中復有諸華。優鉢羅華。拘物頭華。波頭摩華。分陀利華。其華縱廣亦如車輪。香氣馥馥甚可愛樂。其水清淨柔軟第一。鳧鴈鴛鴦遊戲其中。其園各有眾寶宮宅。一一宮宅縱廣正等滿四由旬。所有牆壁四寶所成。所謂金銀琉璃頗瓊。真金為向周帀欄楯。玫瑰為地金沙布上。是宮宅中多有七寶流泉浴池。一一池邊各有十八黃金梯階。閻浮檀金為芭蕉樹。如忉利天歡喜之園。

Nhĩ thời, Đại chúng các tướng vị ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Thế gian không hư! Thế gian không hư! Như Lai bất cửu đương bát Niết-bàn.

Thị thời, Đại chúng nhất thiết tất kiến Vô Biên Thân Bồ Tát cập kỳ quyến thuộc. Thị Bồ Tát thân nhất nhất mao khổng, các các xuất sanh nhất đại liên hoa. Nhất nhất liên hoa, các hữu thất vạn bát thiên thành ấp, tủng quảng chánh đẵng, như Tỳ-da-ly thành, tường bích chư tiệm, thất bảo tạp xỉ, đa-la bảo thọ, thất trùng hàng liệt. Nhân dân xỉ thạnh, an ổn phong lạc. Diêm-phù-đàn kim, dĩ vi cước địch. Nhất nhất cước địch, các hữu chủng chủng thất bảo lâm thọ, hoa quả mậu thạnh, vi phong xuy động, xuất vi diệu âm. Kỳ thanh hòa nhã, do như Thiên nhạc. Thành trung nhân dân văn thị âm thanh tức đắc thọ ư thượng diệu khoái lạc. Thị chư tiệm trung, diệu thủy doanh mãn, thanh tịnh hương khiết, như chân lưu ly. Thị chư thủy trung hữu thất bảo thuyền. Chư nhân thừa chi du hí tảo dục, cộng tương ngu lạc, khoái lạc vô cực.

Phục hữu vô lượng tạp sắc liên hoa: ưu-bát-la hoa, câu-vật-dầu hoa, ba-đầu-ma hoa, phân-đà-ly hoa. Kỳ hoa tủng quảng, do như xa luân. Kỳ tiệm ngạn thượng đa hữu viên lâm. Nhất nhất viên trung hữu ngũ tuyên trì. Thị chư trì trung phục hữu chư hoa: ưu-bát-la hoa, câu-vật-dầu hoa, ba-đầu-ma hoa, phân-đà-ly hoa. Kỳ hoa tủng quảng, diệc như xa luân, hương khí phân phức, thậm khả ái nhạo. Kỳ thủy thanh tịnh nhu nhuyễn đệ nhất. Phù, nhạn, uyên, ương du hỷ kỳ trung. Kỳ viên các hữu chúng bảo cung trạch. Nhất nhất cung trạch tủng quảng chánh đẵng mãn tứ do-tuần. Sở hữu tường bích, tứ bảo sở thành, sở vị: kim, ngân, lưu ly, pha lê, chân kim vi hướng, châu tạp lan thuần, mãn khôi vi địa, kim sa bố thượng. Thị cung trạch trung, đa hữu thất bảo lưu tuyên dục trì. Nhất nhất trì biên các hữu thập bát hoàng kim thê giai, diêm-phù-đàn kim vi ba tiêu thọ, như Đạo-lợi Thiên hoan hỷ chi viên.

是一一城各有八萬四千人王。一一諸王各有無量夫人婬女。共相娛樂歡喜受樂。其餘人民亦復如是。各於住處共相娛樂是中衆生不聞餘名。純聞無上大乘之聲。

是諸華中一一各有師子之座。其座四足皆紺琉璃。柔軟素衣以敷座上。其衣微妙出過三界。一一座上有一王坐。以大乘法教化衆生，或有衆生書持讀誦如說修行。如是流布大乘經典。

爾時無邊身菩薩安止如是無量衆生。於自己身令捨世樂。皆作是言。苦哉苦哉。世間空虛。如來不久當般涅槃。

爾時無邊身菩薩。與無量菩薩周匝圍繞。示現如是神通力已。持是種種無量供具。及以上妙香美飲食。若有得聞是食香氣。煩惱諸垢皆悉消滅。以是菩薩神通力故。一切大衆悉皆得見如是變化無邊身菩薩。身大無邊量同虛空。唯除諸佛餘無能見是菩薩身其量邊際。

爾時無邊身菩薩及其眷屬所設供養倍勝於前。來至佛所稽首佛足合掌恭敬而白佛言。世尊。唯願哀愍受我等食。

如來知時默然不受。如是三請悉亦不受。爾時

Thị nhất nhất thành các hữu bát vạn tứ thiên nhân vương. Nhất nhất chư vương các hữu vô lượng phu nhân thể nữ, cộng tương ngâu lạc, hoan hỷ thọ lạc. Kỳ dư nhân dân diệc phục như thị: các ư trụ xứ cộng tương ngu lạc. Thị trung chúng sanh bất văn dư danh, thuần văn vô thượng Đại thừa chi thanh.

Thị chư hoa trung nhất nhất các hữu sư tử chi tòa. Kỳ tòa tứ túc giai hám lưu ly, nhu nhuyễn tố y dĩ phu tòa thượng. Kỳ y vi diệu xuất quá tam giới. Nhất nhất tòa thượng hữu nhất vương tọa, dĩ Đại thừa pháp giáo hóa chúng sanh, hoặc hữu chúng sanh thư trì độc tụng, như thuyết tu hành, như thị lưu bố Đại thừa kinh điển.

Nhĩ thời, Vô Biên Thân Bồ Tát an chỉ như thị vô lượng chúng sanh, ư tự kỷ thân linh xả thế lạc, giai tác thị ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Thế gian không hư! Như Lai bất cử đương bát Niết-bàn.

Nhĩ thời, Vô Biên Thân Bồ Tát dĩ vô lượng Bồ Tát, châu tấp vi nhiều, thị hiện như thị thân thông lực dĩ, trì thị chúng chủng vô lượng cúng cụ, cập dĩ thượng diệu hương mỹ ẩm thực. Nhược hữu đắc văn thị thực hương khí, phiền não chư cấu giai tất tiêu diệt. Dĩ thị Bồ Tát thân thông lực cố, nhất thiết đại chúng tất giai đắc kiến như thị biến hóa: Vô Biên Thân Bồ Tát thân đại vô biên, lượng đồng hư không. Duy trừ chư Phật, dư vô năng kiến thị Bồ Tát thân kỳ lượng biên tế.

Nhĩ thời, Vô Biên Thân Bồ Tát, cập kỳ quyền thuộc, sở thiết cúng dường, bội thắng ư tiên, lai chí Phật sở, khể thủ Phật túc, hiệp chưởng cung kính, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện ai mãn, thọ ngã đẳng thực.

Như Lai tri thời mặc nhiên bất thọ. Như thị tam thỉnh tất diệc bất thọ. Nhĩ thời Vô Biên Thân Bồ Tát, cập kỳ quyền

無邊身菩薩及其眷屬。卻住一面。南西北方諸佛世界。亦有無量無邊身菩薩。所持供養倍勝於前。來至佛所乃至卻住一面皆亦如是。

爾時娑羅雙樹吉祥福地。縱廣二十二由旬大衆充滿間無空缺。爾時四方無邊身菩薩及其眷屬所坐之處。或如錐頭針鋒微塵。十方如微塵等諸佛世界諸大菩薩悉來集會。及閻浮提一切大衆亦悉來集。唯除尊者摩訶迦葉阿難二衆。阿闍世王及其眷屬。乃至毒蛇視能殺人蜚蜚蝮蝎及十六種行惡業者。一切來集。陀那婆神阿修羅等。悉捨惡念皆生慈心。如父如母如姊如妹。三千大千世界衆生。慈心相向亦復如是。除一闍提。

爾時三千大千世界。以佛神力故地皆柔軟。無有丘墟土沙礫石荆棘毒草。衆寶莊嚴猶如西方無量壽佛極樂世界。是時大衆悉見十方如微塵等諸佛世界。如於明鏡，自觀己身。見諸佛土，亦復如是。

爾時如來面門所出五色光明。其光明曜覆諸大會。令彼身光悉不復現。所應作已還從口入。時諸天人及諸會衆阿修羅等。見佛光明還從口入。皆大恐怖身毛爲豎。復作是言。如來光明出已還入。非無因緣必於十方所作已辦。將是最後涅槃之相。何

thuộc khước trụ nhất diện. Nam, Tây, Bắc phương chư Phật thế giới diệc hữu vô lượng Vô Biên Thân Bồ Tát, sở trì cúng dường, bội thắng ưu tiên, lai chí Phật sở, nãi chí, khước trụ nhất diện, giai diệc như thị.

Nhĩ thời, sa-la song thọ, kiết tường phước địa, tủng quảng nhị thập nhị do-tuần, Đại chúng sung mãn, gian vô không khuyết. Nhĩ thời, tứ phương Vô Biên Thân Bồ Tát cập kỳ quuyến thuộc, sở tọa chi xứ, hoặc như chùy đầu, châm phong, vi trần. Thập phương như vi trần đẳng, chư Phật thế giới, chư Đại Bồ Tát tất lai tập hội, cập Diêm-phù-đề nhất thiết Đại chúng diệc tất lai tập. Duy trừ Tôn giả Ma-ha Ca-diếp, A-nan nhị chúng, A-xà-thế Vương, cập kỳ quuyến thuộc, nãi chí độc xà thị năng sát nhân, khương lang thúc yết cập thập lục chủng hành ác nghiệp giả, nhất thiết lai tập. Đà-na-bà thân, a-tu-la đẳng, tất xả ác niệm giai sanh từ tâm, như phụ, như mẫu, như tử, như muội. Tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh, từ tâm tương hướng, diệc phục như thị, trừ nhất-xiển-đề.

Nhĩ thời, tam thiên đại thiên thế giới, dĩ Phật thân lực cố, địa giai nhu nhuyễn, vô hữu khuru khuru, thổ sa, lịch thạch, kinh cức, độc thảo, chúng bảo trang nghiêm, do như Tây phương Vô lượng thọ Phật Cực lạc thế giới. Thị thời, Đại chúng tất kiến thập phương như vi trần đẳng, chư Phật thế giới, như ưu minh kính, tự quan kỷ thân kiến chư Phật độ, diệc phục như thị.

Nhĩ thời, Như Lai diện môn sở xuất ngũ sắc quang minh. Kỳ quang minh diệc phú chư Đại hội, linh bỉ thân quang tất bát phục hiện, sở ứng tác dĩ hoàn tùng khẩu nhập. Thời chư thiên, Nhân, cập chư Hội chúng, a-tu-la đẳng, kiến Phật quang minh hoàn tùng khẩu nhập, giai đại khủng bố, thân mao vi thọ, phục tác thị ngôn: Như Lai quang minh xuất dĩ hoàn nhập, phi vô nhân duyên: tất ưu thập phương sở tác dĩ



其苦哉。何其苦哉。如何世尊。一旦捨離四無量  
心。不受人天所奉供養。聖慧日明從今永滅。無上  
法船於斯沈沒。嗚呼痛哉。世間大苦。

舉身椎胸悲號啼哭。支節顫動不能自持。身諸  
毛孔流血灑地。

大般涅槃經卷第十一  
終

biện, tương thị tối hậu Niết-bàn chi tướng. Hà kỳ khổ tai! Hà kỳ khổ tai! Như hà Thế Tôn, nhất đán xả ly Tứ vô lượng tâm, bất thọ nhân thiên sở phụng cúng dường? Thánh huệ nhật minh, từng kim vĩnh diệt. Vô thượng Pháp thuyền ư tư trầm một. Ô hô! Thống tai! Thế gian đại khổ!

Cử thân chùy hung, bi hào đê khốc, chi tiết chiến động, bất năng tự trì, thân chư mao khổng, lưu huyết sái địa.

*Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhất*  
*Chung*

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN MỘT

## PHẨM THỌ MẠNG

### Phẩm thứ nhất - Phần một<sup>(1)</sup>

Chúng tôi được nghe đúng như thế này:<sup>(2)</sup> Vào lúc đức Phật đang ở tại thành Câu-thi-na, quê hương của tộc họ Lực-sĩ,<sup>(3)</sup> bên bờ sông A-ly-la-bạt-đề,<sup>(4)</sup> trong rừng cây Sa-la Song thọ.<sup>(5)</sup>

Bấy giờ, chung quanh đức Thế Tôn có tám mươi ức trăm ngàn vị đại tỳ-kheo cùng tụ hội theo hầu. Vào ngày rằm tháng hai, lúc Phật sắp vào Niết-bàn,<sup>(6)</sup> liền dùng thần lực phát ra âm thanh rất lớn. Âm thanh ấy vang dội khắp nơi, lên đến tận cõi trời Hữu đỉnh.<sup>(7)</sup> Mỗi loài chúng sanh đều nghe hiểu được âm thanh của Phật bằng ngôn ngữ của mình, cùng hiểu như nhau rằng:

“Hôm nay đức Như Lai, bậc xứng đáng nhận sự cúng dường của muôn loài, bậc luôn thương xót, che chở cho chúng sanh như con một của ngài là La-hầu-la, bậc làm chỗ nương nhờ, trú ẩn cho tất cả chúng sanh, bậc Đại Giác Thế Tôn sắp vào Niết-bàn. Tất cả chúng sanh, ai còn có điều nghi hoặc, hôm nay nên đến thưa hỏi Ngài, là lần thưa hỏi cuối cùng.”

Lúc ấy vừa rạng sáng, đức Thế Tôn từ nơi khoảng giữa hai lông mày phóng ra nhiều loại hào quang, có đủ các màu xanh, vàng, đỏ, trắng, pha lê, mã não. Hào quang ấy chiếu sáng khắp cõi thế giới tam thiên đại

thiên<sup>(8)</sup> của đức Phật Thích-ca, cho đến khắp cả mười phương cũng đều được chiếu sáng như vậy.

Khắp các cõi thế giới, những chúng sanh trong sáu đường<sup>(9)</sup> khi được hào quang ấy chiếu lên thân thể thì tất cả phiền não, tội lỗi đều được tiêu trừ. Hết thấy chúng sanh nhìn thấy hào quang và nghe âm thanh của Phật, lòng rất đau buồn, cùng nhau cất tiếng bi ai than khóc:

“Than ôi! Đấng cha lành của chúng ta! Đau đớn thay! Khổ não thay!”

Hết thấy đều vò đầu đập ngực mà khóc la; lại có những kẻ run rẩy cả thân hình, nghẹn ngào khóc không thành tiếng. Lúc ấy, khắp mặt đất, núi non, biển cả thấy đều chấn động.

Bấy giờ, tất cả chúng sanh bảo nhau rằng: “Chúng ta nên cố dần lòng, đừng quá buồn khổ. Hãy mau đến chỗ đức Như Lai ở thành Câu-thi-na, quê hương của tộc họ Lực-sĩ, đánh lễ ngài và kính bạch rằng: Chúng con xin khuyến thỉnh Như Lai đừng nhập Niết-bàn, ngài nên trụ thế cho trọn một kiếp hoặc một kiếp giảm.”<sup>(10)</sup>

Rồi mọi người lại nắm tay nhau, cùng nói rằng: “Thế gian sắp trống rỗng! Phước của chúng sanh hết rồi! Các nghiệp bất thiện sẽ ngày càng nhiều hơn ở thế gian! Mọi người hãy nhanh chân lên, nhanh lên! Chẳng bao lâu nữa đức Như Lai sẽ nhập Niết-bàn.”

Mọi người lại than vãn rằng: “Thế gian sắp trống rỗng! Thế gian sắp trống rỗng! Từ nay chúng ta không còn ai là người cứu hộ, không còn ai để kính ngưỡng, chúng ta sẽ trở nên bần cùng, cô cút, trong chốc lát đã phải xa lìa đấng Vô thượng Thế Tôn! Như có điều chi nghi hoặc, chúng ta còn biết thưa hỏi với ai?”

Lúc ấy, có vô số các vị đệ tử lớn như: Tôn giả Ma-ha Ca-chiên-diên, Tôn giả Bạc-câu-la, Tôn giả Ưu-ba-nan-đà... Các vị đại tỳ-kheo như vậy, khi gặp hào quang của Phật chiếu đến thì run rẩy cả thân hình, xúc động mạnh mẽ không sao tự kiềm chế được, tinh thần bán loạn, sầu muộn mê muội, lớn tiếng khóc than, sanh ra khổ não muôn phần!

Lại có tám trăm vạn tỳ-kheo, thấy đều là bậc A-la-hán, tâm đã được tự tại, đã làm xong việc cần làm, lìa khỏi các phiền não, điều phục các căn, như loài rồng lớn có oai đức lớn, thành tựu trí tuệ Không,<sup>(11)</sup> được sự lợi ích cho bản thân. Như rừng chiên-đàn có nhiều cây chiên-đàn vây quanh, như chúa sư tử có nhiều sư tử vây quanh, những vị thành tựu được vô lượng công đức như vậy đều là những đệ tử chân chánh luôn theo hầu quanh Phật.

Vừa lúc tảng sáng, mặt trời vừa mọc, các vị tỳ-kheo ấy rời khỏi chỗ ở của mình. Đang khi súc miệng, chải răng bằng nhánh dương, các vị gặp hào quang của Phật chiếu đến liền bảo nhau rằng: “Mọi người nên súc miệng, rửa tay nhanh nhanh lên!” Vừa nói xong thì khắp thân thể các vị đều sồn ọc, lông trên người dựng ngược, máu hiện dưới da, đỏ như hoa ba-la-xa, nước mắt đượm tròng, buồn đau sâu khổ vô cùng. Nhưng vì muốn lợi ích và an lạc cho chúng sanh, vì muốn thành tựu hạnh Không<sup>(12)</sup> bậc nhất của Đại thừa, làm rõ bày giáo pháp phương tiện sâu kín của Như Lai, vì muốn các môn thuyết pháp không bị dứt mất, vì muốn điều phục hết thảy chúng sanh, nên các vị ấy liền nhanh chóng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, đi quanh Phật trăm ngàn vòng,<sup>(13)</sup> chấp tay cung kính rồi lui xuống ngồi sang một bên.

Lúc ấy, lại có bà Câu-đà-la, tỳ-kheo ni Thiện Hiền, tỳ-kheo ni Ưu-ba-nan-đà, tỳ-kheo ni Hải Ý, cùng với sáu mươi ức các vị tỳ-kheo ni, tất cả đều là các bậc Đại A-la-hán, các lậu<sup>(14)</sup> đã dứt, tâm được tự tại, đã làm xong việc cần làm, lìa khỏi các phiền não, điều phục các căn, như những vị đại long vương có oai đức lớn, thành tựu trí tuệ Không. Cũng vào lúc tảng sáng, khi mặt trời vừa mọc, khắp thân thể các vị đều sồn ọc, lông trên người dựng ngược, máu hiện dưới da, đỏ như hoa ba-la-xa, nước mắt đượm tròng, buồn đau sâu khổ vô cùng. Nhưng cũng vì muốn lợi ích và an lạc cho chúng sanh, vì muốn thành tựu hạnh Không bậc nhất của Đại thừa, làm rõ bày giáo pháp phương tiện sâu kín của Như Lai, vì muốn các môn thuyết pháp không bị dứt mất, vì muốn điều phục hết thảy chúng sanh, nên các vị ấy liền nhanh chóng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, đi quanh Phật trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính, rồi lui xuống ngồi sang một bên.

Trong chúng tỳ-kheo ni, lại có những vị tỳ-kheo ni đều là bậc Bồ Tát, như rồng giữa loài người,<sup>(15)</sup> đều đạt tới địa vị thứ mười<sup>(16)</sup> là địa vị rốt ráo của Bồ Tát, trụ yên ở cảnh giới bất động,<sup>(17)</sup> các vị vì muốn giáo hóa chúng sanh nên thị hiện thân nữ, thường tu tập Bốn tâm vô lượng,<sup>(18)</sup> đạt được sức tự tại, có thể hóa hiện làm Phật.

Lúc ấy, lại có chư Đại Bồ Tát nhiều như số cát một sông Hằng,<sup>(19)</sup> như rồng giữa loài người, đều đạt tới địa vị thứ mười là địa vị rốt ráo của Bồ Tát, trụ yên ở cảnh trí bất động, tùy phương tiện mà hiện thân, trong số đó các ngài Bồ Tát Hải Đức, Bồ Tát Vô Tận Ý... là những bậc đứng đầu. Các ngài thấy đều đem lòng kính trọng Đại thừa, trụ yên nơi Đại thừa, hiểu sâu Đại thừa, ưa

thích Đại thừa, bảo vệ gìn giữ Đại thừa. Các ngài khéo tùy thuận tất cả thế gian, có phát nguyện rằng: “Đối với những chúng sanh chưa được cứu độ, sẽ khiến cho được cứu độ.”

Trong vô số kiếp đã qua, các ngài từng tu trì giới hạnh trong sạch, khéo giữ việc hành trì, giải thoát cho những người chưa được giải thoát, nối tiếp hạt giống Tam bảo không để dứt tuyệt. Trong đời vị lai, các ngài sẽ quay bánh xe Pháp, dùng sự trang nghiêm tốt đẹp để tự trang nghiêm mình. Các ngài đều thành tựu vô lượng công đức như vậy, yêu thương tất cả chúng sanh như con một của mình.

Cũng vào lúc tảng sáng, khi mặt trời vừa mọc, khắp thân thể các ngài đều sồn ốc, lông trên người dựng ngược, máu hiện dưới da, đỏ như hoa ba-la-xa, nước mắt đượm tròn, buồn đau sâu khổ vô cùng. Nhưng cũng vì muốn lợi ích và an lạc cho chúng sanh, vì muốn thành tựu hạnh Không bậc nhất của Đại thừa, làm rõ bày giáo pháp phương tiện sâu kín của Như Lai, vì muốn các môn thuyết pháp không bị dứt mất, vì muốn điều phục hết thấy chúng sanh, nên các ngài liền nhanh chóng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ sát chân Phật, đi quanh Phật trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính, rồi lui xuống ngồi sang một bên.

Lúc ấy, lại có những ưu-bà-tắc,<sup>(20)</sup> nhiều như số cát hai sông Hằng, là những người thọ trì Năm giới,<sup>(21)</sup> trọn vẹn oai nghi của người tu tại gia. Trong số ấy, có ưu-bà-tắc Oai Đức Vô Cấu Xưng Vương, ưu-bà-tắc Thiện Đức là những vị đứng đầu. Các vị ưu-bà-tắc này thích quán sát sâu xa các pháp môn đối trị như là: khổ đối với vui, thường đối với vô thường, tịnh đối với bất tịnh, ngã đối

với vô ngã, thật đối với không thật, quy y đối với không quy y, chúng sanh đối với phi chúng sanh, thường còn đối với không thường còn, an ổn đối với không an ổn, hữu vi đối với vô vi, đoạn đối với bất đoạn, Niết-bàn đối với không phải Niết-bàn, tăng thượng đối với không tăng thượng...

Các vị ấy thường ưa thích quán sát các pháp môn đối trị như vậy, lại cũng thích nghe pháp Đại thừa cao trổi nhất. Được nghe rồi liền có thể giảng thuyết cho kẻ khác nghe. Các vị ấy khéo giữ giới hạnh trong sạch, khao khát ngưỡng mộ Đại thừa. Khi đã được đầy đủ, lại có thể làm cho những người đang khao khát ngưỡng mộ cũng được đầy đủ như mình. Những vị ấy khéo thâm nhiếp và giữ lấy trí tuệ cao trổi nhất, ưa thích Đại thừa, bảo vệ gìn giữ Đại thừa, khéo tùy thuận tất cả thế gian. Những vị ưu-bà-tắc ấy hóa độ những những người chưa được hóa độ, giải thoát những người chưa được giải thoát, nối tiếp hạt giống Tam bảo chẳng để cho dứt tuyệt. Ở đời vị lai, các vị sẽ quay bánh xe Pháp, sẽ dùng sự trang nghiêm tốt đẹp mà tự trang nghiêm mình, lòng thường vui thích sâu xa nơi giới hạnh thanh tịnh. Tất cả đều có thể thành tựu những công đức như vậy. Đối với chúng sanh đều sanh lòng đại bi, yêu thương tất cả như con một của mình, không có sự phân biệt.

Cũng vào lúc tảng sáng, khi mặt trời vừa mọc, vì muốn dự lễ trà tỳ đức Như Lai, ai nấy đều mang theo cả muôn bó củi thơm như chiên-đàn, trầm thủy, ngưi đầu chiên-đàn, thiên mộc hương... Từ nơi mỗi cây gỗ thơm ấy đều tỏa chiếu ánh sáng thất bảo vi diệu, như những bức họa tô điểm nhiều màu. Nhờ sức thần của Phật nên có đủ những màu đẹp như xanh, vàng, đỏ, trắng... chúng sanh

đều ưa nhìn. Những cây gỗ ấy lại được tẩm vào nhiều loại hương thơm nữa như hương cỏ uất kim, hương trầm thủy, hương keo...

Người ta lại rải nhiều thứ hoa để thêm trang nghiêm, như hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa ba-đầu-ma, hoa phân-đà-ly. Ở trên đầu những cây gỗ thơm lại treo những lá phan ngũ sắc mềm mại, mịn màng và tốt đẹp, dường như vải lụa cõi trời, như vải kiêu-xa-da, vải sô-ma, lụa nhiều màu.

Người ta lại dùng xe báu mà chở những cây gỗ thơm ấy. Từ những chiếc xe báu tỏa chiếu rất nhiều ánh hào quang màu xanh, vàng, đỏ, trắng... Gọng xe, trục xe đều là bảy báu làm thành. Mỗi xe đều thắng bốn ngựa, mỗi ngựa đều có sức chạy nhanh như gió. Trước mỗi đầu xe có treo 50 bức màn thật đẹp bằng bảy báu, có lưới bằng vàng che phủ phía trên. Mỗi xe báu lại có 50 cái lọng quý tuyệt đẹp.

Trên mỗi xe còn treo những dây hoa như hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa ba-đầu-ma, hoa phân-đà-ly. Những hoa ấy có cánh hoa bằng vàng ròng, đài hoa bằng kim cương. Giữa đài hoa có nhiều con ong màu đen bay đến tụ tập vui thích, phát ra những âm thanh vi diệu, diễn giải những lý vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong âm thanh ấy cũng kể lại sự hành đạo của Phật trước kia, khi còn là Bồ Tát. Lại có rất nhiều các thứ ca múa kỹ nhạc, đàn tranh, sáo địch, không hầu, ống tiêu, đàn sắt, trống phách... Trong tiếng nhạc lại phát ra những lời này: “Khổ thay! Khổ thay! Thế gian sắp trống rỗng!”

Phía trước mỗi chiếc xe có những vị ưu-bà-tắc nâng hương án bằng bốn thứ báu.<sup>(22)</sup> Trên những hương án ấy

có nhiều thứ hoa như hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa ba-đầu-ma, hoa phân-đà-ly, lại có hương uất-kim và các thứ hương xông khác có mùi thơm vi diệu nhất.

Vì muốn cúng dường Phật và chư tăng, các vị ưu-bà-tắc cũng bày biện đầy đủ các món ăn, tất cả đều được nấu bằng củi thơm chiên-đàn, trầm thủy, và bằng nước tám công đức.<sup>(23)</sup> Các món ăn ấy đều thơm ngon, đủ sáu mùi vị: đắng, chua, ngọt, cay, mặn và lạt. Lại có ba đặc tính là nhẹ mềm, tinh khiết và đúng theo pháp.<sup>(24)</sup>

Sắp đặt mọi thứ trang nghiêm như vậy rồi, những vị ưu-bà-tắc ấy liền đi đến quê hương của tộc họ Lực-sĩ, nơi rừng cây Sa-la Song thọ. Những vị ấy lại dùng cát vàng mà rải khắp trên mặt đất, dùng vải ca-lăng-già, vải khâm-bà-la và vải lụa nhiều màu mà phủ trên cát, bao trùm một vùng rộng 12 do-tuần,<sup>(25)</sup> và cũng vì Phật và chư tăng mà chuẩn bị các tòa sư tử bằng bảy thứ báu.<sup>(26)</sup> Tòa ấy cao lớn như núi Tu-di, trên các chỗ ngồi đều có giăng che trướng báu, có treo những xâu chuỗi ngọc rủ xuống. Trên những cây sa-la đều có treo nhiều lá phướn và lọng che cực kỳ đẹp đẽ. Lại đem hương tốt bôi lên thân cây và đem nhiều thứ hoa quý mà rải trong khoảng giữa các cây sa-la.

Những vị ưu-bà-tắc ấy, thấy đều phát nguyện rằng: “Trong tất cả chúng sanh, như có điều gì thiếu thốn: cần ăn ta sẽ cho ăn, cần uống ta sẽ cho uống, cho đến cần dầu, mắt ta sẽ bố thí cho dầu, mắt... Tùy ý cần vật chi, ta đều cung cấp đủ cả. Trong khi làm việc bố thí như vậy, ta lìa khỏi lòng tham dục, giận hờn, lòng độc địa như bản, không còn ý nghĩ cầu sự phước lạc ở đời, chỉ mong được quả bồ-đề trong sạch và cao trở nhất mà thôi.”

Những vị ưu-bà-tắc ấy đã trụ yên nơi đạo bồ-đề rồi, lại phát khởi ý niệm rằng: “Hôm nay Như Lai thọ nhận bữa cơm của chúng ta rồi sẽ nhập Niết-bàn.” Niệm tưởng như vậy rồi, khắp thân thể các vị đều sồn ốc, lông trên người dựng ngược, máu hiện dưới da, đỏ như hoa ba-la-xa, nước mắt đượm tròng, buồn đau sâu khổ vô cùng!

Các vị ấy đem theo đủ các món cúng dường, dùng xe quý mà chở gỗ thơm, cờ phướn, lọng quý, đồ ăn thức uống, nhanh chóng đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật. Rồi đem các món ấy mà cúng dường đức Như Lai, đi quanh cung kính cả trăm ngàn vòng, cất tiếng kêu khóc, đau xót cảm động cả trời đất! Thầy đều đấm ngực mà khóc than, lệ tuôn như mưa! Họ lại bảo nhau rằng: “Khổ thay! Nay các vị! Thế gian sẽ trống rỗng! Thế gian sẽ trống rỗng!” Liên đó, các vị ấy đến phủ phục trước đức Như Lai và bạch rằng: “Xin Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Đức Thế Tôn biết là chưa phải lúc nên lặng thinh chẳng nhận. Các vị thỉnh cầu như vậy đến ba lần, nhưng Phật vẫn không nhận. Sở nguyện không thành, các vị ưu-bà-tắc lấy làm bi ai áo não, lẳng lặng đứng yên một chỗ. Ví như người cha lành chỉ có một đứa con, bỗng mang bệnh mất đi, khi đem thi hài đứa con an táng rồi trở về nhà, trong lòng bần thần đã dụi, ưu sầu khổ não. Các vị ưu-bà-tắc ấy cũng ưu sầu khổ não như vậy. Các vị ấy bèn đem những món cúng dường đặt tại một chỗ, rồi lui xuống lẳng lặng ngồi sang một bên.

Lúc ấy, lại có các vị ưu-bà-di<sup>(27)</sup> nhiều như số cát ba sông Hằng. Đó là những người thọ trì năm giới, trọn vẹn oai nghi của hàng phụ nữ tu tại gia. Có những vị như

ưu-bà-di Thọ Đức, ưu-bà-di Đức Man, ưu-bà-di Tỳ-xá-khư... tám vạn bốn ngàn vị đứng đầu như vậy. Tất cả đều đủ sức gánh vác, ủng hộ, giữ gìn Chánh pháp. Vì cứu độ vô lượng trăm ngàn chúng sanh nên các vị thị hiện thân nữ. Các vị thường chê bỏ cuộc sống gia đình, tự quán tưởng thân thể như loài rắn có bốn thứ độc.<sup>(28)</sup> Thân này thường bị vô số côn trùng đục khoét. Thân này hôi thối, nhơ nhớp, lòng tham dục là nhà lao giam hãm, trói buộc nó. Thân này đáng chán ghét, khác nào như con chó chết. Thân này chẳng trong sạch, từ nơi chín lỗ<sup>(29)</sup> thường chảy ra những chất dơ nhớp. Thân này như một thành ấp, phía ngoài là lớp da, che phủ những thứ máu, thịt, gân, xương bên trong; tay và chân ví như lâu canh, vọng gác để ngăn ngừa quân địch; mắt như cửa thông ra ngoài; đầu như cung điện, tâm như vua ngự trong đó. Cái thân như thành ấp ấy, chư Phật Thế Tôn đều dứt bỏ.

Kẻ phàm ngu thường mê đắm cái thân này. Tham dâm, nóng giận, ngu si là bọn la-sát ngừng nghỉ và trú ngụ trong đó. Thân này không bền chắc, chỉ như lau sậy, như hoa y-lan,<sup>(30)</sup> như bọt nước, như thân cây chuối. Thân này là vô thường, chẳng lúc nào ngưng biến đổi, như tia chớp, như thác nước, như ngọn lửa ma trời. Thân này lại như làn vạch xuống nước, vừa vạch xong thì mặt nước đã liền như cũ. Thân này rất dễ hư hoại, như cây cao lớn mọc sát ven sông.<sup>(31)</sup> Thân này chẳng lâu dài, như miếng môi ngon của loài chồn, sói, chim chí, chim kiêu, điều hâu, ó, quạ, chim khách, chó đói... Ai là người có trí mà lại ưa thích thân này chẳng? Ví như có thể đem hết nước biển cả mà chứa vào dấu chân con bò, nhưng cũng không thể nào nói ra hết được những nỗi

vô thường, như nhớp, xấu xa, hôi hám của thân này! Ví như có thể vò nát trái đất này và bóp nhỏ lại bằng trái táo, rồi dần dần thu nhỏ như hạt đình lịch,<sup>(32)</sup> cho đến như một hạt bụi cực nhỏ, nhưng cũng không thể nói hết những lỗi lầm, tai hại của thân này! Bởi vậy, nên xả bỏ nó đi như khắc bỏ đờm dãi.

Bởi nhân duyên ấy, các vị ưu-bà-di thường tu tâm mình bằng các pháp: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Các vị rất thích thưa hỏi và vâng lãnh kinh điển Đại thừa. Được nghe rồi, các vị cũng có thể giảng thuyết cho kẻ khác nghe. Các vị giữ gìn bốn nguyện, chê trách thân nữ rất đáng lo sợ và chán ngán, vốn tánh không bền chắc. Lòng thường tu tập phép quán tưởng chánh đáng như vậy, phá đứt được vòng sanh tử không bờ bến. Các vị khao khát, ngưỡng mộ Đại thừa, khi đã được đầy đủ, các vị lại có thể làm cho những người đang khao khát ngưỡng mộ cũng được đầy đủ như mình. Các vị rất ưa thích Đại thừa, bảo vệ, giữ gìn Đại thừa. Tuy thị hiện thân nữ nhưng thật ra các vị đều là Bồ Tát. Các vị khéo tùy thuận tất cả thế gian, cứu độ những người chưa được cứu độ, giải thoát những người chưa được giải thoát, nối tiếp hạt giống Tam bảo chẳng để cho đứt tuyệt. Ở đời vị lai, các vị sẽ quay bánh xe Pháp, dùng sự trang nghiêm rất tốt đẹp mà tự trang nghiêm mình, giữ gìn giới cấm một cách kiên cố. Các vị thành tựu được những công đức như vậy. Đối với chúng sanh, các vị sanh lòng đại bi, bình đẳng yêu thương tất cả đồng như con một của mình.

Cũng vào lúc tảng sáng, khi mặt trời vừa mọc, các vị ưu-bà-di ấy bảo nhau rằng: “Hôm nay chúng ta phải

đến rừng cây Song thọ.” Các vị đem theo những thức cúng dường nhiều hơn cả các vị ưu-bà-tắc như đã kể trên. Đi đến chỗ Phật, các vị đánh lễ sát chân Phật, đi quanh cung kính cả trăm ngàn vòng rồi bạch rằng: “Thế Tôn! Nay vì Phật và chư tăng, chúng con đã sắm sửa các món cúng dường. Xin Như Lai thương xót, nhận cho sự cúng dường của chúng con.”

Đức Như Lai lặng thinh chẳng nhận. Sở nguyện không thành, các vị ưu-bà-di lấy làm buồn bã, bèn lui xuống đứng sang một bên.

Lúc ấy, lại có những người thuộc tộc họ Ly-xa<sup>(33)</sup> ở thành Tỳ-da-li,<sup>(34)</sup> kẻ nam người nữ, kẻ lớn người nhỏ, cùng với vợ con, quyến thuộc, cùng quyến thuộc của các vua trong cõi Diêm-phù-đê, tất cả nhiều như số cát bốn sông Hằng. Vì cầu pháp, họ khéo tu giới hạnh, đầy đủ các oai nghi, thắng phục được những kẻ theo tà phái hủy hoại Chánh pháp. Họ thường bảo nhau rằng: “Chúng ta nên đem vàng bạc, tài sản thế gian mà làm cho cam lộ, kho báu sâu kín của Chánh pháp vô tận được tồn tại lâu dài ở đời. Nguyện cho chúng ta thường được tu học. Nếu có kẻ phỉ báng Chánh pháp của Phật, ta nên chặn đứt ngay những lời lẽ của họ.” Họ lại có nguyện rằng: “Nếu có những người xuất gia hủy phá giới cấm, chúng tôi sẽ buộc họ phải trở lại thế tục mà làm hạng tội tử. Còn như những vị có thể gắng sức hộ trì Chánh pháp, chúng tôi sẽ kính trọng, hầu hạ như cha mẹ. Nếu có chúng tăng thường tu theo Chánh pháp, chúng tôi sẽ vui vẻ tán trợ, giúp cho chư tăng ấy được thêm sức mạnh.”

Các vị ấy thường thích nghe kinh điển Đại thừa. Được nghe rồi, cũng có thể nói rộng ra cho người khác nghe.

Các vị đều thành tựu công đức như vậy. Tên của các vị là: Ly-xa Tịnh Vô Cấu Tạng, Ly-xa Tịnh Bất Phóng Dật, Ly-xa Hàng Thủy Vô Cấu Tịnh Đức... Các vị ấy bảo nhau rằng: “Hôm nay, chúng ta nên nhanh chân đến chỗ đức Phật.” Rồi các vị liền chuẩn bị đầy đủ các thứ cúng dường. Mỗi người trong họ Ly-xa đều chuẩn bị tám mươi bốn ngàn thốt voi lớn, tám mươi bốn ngàn cỗ xe báu thắng bằng bốn ngựa, tám mươi bốn ngàn hạt bảo châu minh nguyệt. Còn có những bó củi bằng cây thiên mộc, chiêm-đàn, trầm thủy, mỗi thứ cũng đủ số tám mươi bốn ngàn. Phía trước mỗi thốt voi đều có cờ báu, phướn, lọng. Những cái lọng nhỏ nhất chu vi ngang dọc cũng choán trọn một do-tuần. Những lá phướn ngắn nhất, bề dài cũng đến ba mươi hai do-tuần. Những cây cờ thấp nhất cũng cao đến trăm do-tuần. Mang theo những thứ cúng dường như vậy, các vị ấy đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân Phật, đi quanh Phật cả trăm ngàn vòng cung kính rồi bạch rằng: “Thế Tôn! Hôm nay, vì Phật và chư tăng, chúng con chuẩn bị các món cúng dường. Xin Như Lai đem lòng thương xót, thọ nhận sự cúng dường của chúng con.”

Như Lai lặng thinh không nhận. Sở nguyện không thành, những người họ Ly-xa lấy làm sầu não. Nhờ sức thần của Phật, họ rời khỏi mặt đất, bay lên cao đến bảy cây đa-la<sup>(35)</sup> và đứng lặng giữa hư không.

Lúc ấy, lại có những vị đại thần, trưởng giả, nhiều như số cát năm sông Hằng, đều là những người kính trọng Đại thừa. Nếu có những kẻ học theo thuyết khác phỉ báng Chánh pháp, những vị ấy đều đủ sức thắng phục như mưa đá làm hư gãy cây cỏ. Trong số các vị ấy

có trưởng giả Nhật Quang, trưởng giả Hộ Thế, trưởng giả Hộ Pháp là những vị đứng đầu. Các vị ấy chuẩn bị những thức cúng dường nhiều gấp năm lần so với những thứ vừa nói trên, cùng nhau đi đến rừng Sa-la Song thọ, cúi đầu lạy sát chân Phật, đi quanh Phật cả trăm ngàn vòng cung kính, rồi bạch rằng: “Thế Tôn! Hôm nay vì Phật và chư tăng, chúng con đã sửa soạn các món cúng dường. Xin Như Lai thương xót, thọ nhận sự cúng dường của chúng con.”

Như Lai lặng thinh chẳng nhận. Sở nguyện không thành, các vị trưởng giả lấy làm sầu não. Nhờ sức thần của Phật, họ đều rời khỏi mặt đất, bay lên cao đến bảy cây đa-la và đứng lặng giữa hư không.

Lúc ấy lại có vua thành Tỳ-xá-ly cùng phu nhân, hậu cung và quyến thuộc, cùng với các vua trong cõi Diêm-phù-đề như vua Nguyệt Vô Cấu... và nhân dân các thành ấp, làng mạc, nhiều như số cát sáu sông Hằng, trừ ra vua A-xà-thế là vắng mặt. Mỗi vị vua đều có quân đội uy nghiêm đủ bốn hạng quân,<sup>(36)</sup> sắp đến chỗ Phật. Mỗi vua có một trăm tám mươi muôn ức nhân dân và quyến thuộc. Các chiến xa đều thắng bằng voi hoặc ngựa. Voi có sáu ngà, ngựa có thể chạy nhanh như gió. Những thức cúng dường bày ra nhiều gấp sáu lần so với những thứ vừa nói trên. Trong số lọng quý, những cái nhỏ nhất chu vi ngang dọc cũng chiếm trọn 8 do-tuần. Những lá phướn ngắn nhất cũng dài đến 16 do-tuần. Những cờ quý, nhỏ thấp nhất cũng đến 36 do-tuần.

Các vua ấy đều đã vãng vàng trong Chánh pháp. Các vị khinh ghét tà pháp, kính trọng Đại thừa, hết sức ưa thích Đại thừa. Các vị thương yêu chúng sanh đồng như



con một của mình. Những thức ăn uống mà các vị đem theo tỏa hương thơm ra quanh đó đến 4 do-tuần. Cũng vừa lúc tảng sáng, khi mặt trời vừa mọc, các vua ấy mang theo rất nhiều thức ăn ngon ngọt bậc nhất, đến chỗ Phật nơi rừng Sa-la Song thọ, bạch rằng: “Thế Tôn! Nay vì Phật và chư tỳ-kheo tăng, chúng con đã chuẩn bị mọi thức cúng dường. Xin Như Lai rủ lòng thương xót, nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên cũng không nhận. Sở nguyện không thành, các vua ấy lấy làm sầu não, bèn lui xuống đứng sang một bên.

Lúc ấy lại có những vị phu nhân của các vua, nhiều như số cát bảy sông Hằng, chỉ trừ phu nhân của vua A-xà-thế. Vì độ chúng sanh, các vị ấy thị hiện mang thân nữ, nhưng thường quán xét các hạnh của thân. Các vị tu tâm bằng những pháp: Không, Vô tướng, Vô nguyện. Trong số các vị ấy, phu nhân Tam Giới Diệu, phu nhân Ái Đức là những vị đứng đầu. Các vị phu nhân ấy, thấy đều đã vững vàng trong Chánh pháp, thọ trì giới cấm, đầy đủ oai nghi, thương yêu chúng sanh đồng như con một của mình. Các vị nói với nhau rằng: “Hôm nay chúng ta phải nhanh chóng đến chỗ đức Thế Tôn.”

Các vị phu nhân ấy chuẩn bị những thức cúng dường nhiều gấp bảy lần so với những thứ vừa nói trên, như: hương, hoa, cò báu, vải lụa, lọng, phướn, những thức ăn uống ngon bậc nhất. Những lọng báu nhỏ nhất, chu vi ngang dọc cũng đến 16 do-tuần. Những lá phướn ngắn nhất cũng đến 36 do-tuần. Những cây cò báu nhỏ, thấp nhất cũng đến 68 do-tuần. Hương thơm từ thức ăn thức uống tỏa ra quanh đó đến 8 do-tuần. Các vị đem theo

mọi thức cúng dường như vậy, đến chỗ Như Lai, cúi lạy sát chân Phật, đi quanh Phật cả trăm ngàn vòng cung kính, rồi bạch rằng: “Thế Tôn! Chúng con chuẩn bị mọi thức cúng dường này để dâng lên Phật và chư tỳ-kheo tăng. Xin Như Lai rủ lòng thương xót, nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng này của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh chẳng nhận. Bấy giờ, sở nguyện không thành nên các vị phu nhân trong lòng sầu não, vò đầu bứt tóc, đấm ngực kêu khóc lớn tiếng như có đứa con yêu vừa chết. Rồi các vị lui xuống đứng yên một bên.

Lúc ấy lại có các vị thiên nữ, nhiều như số cát tám sông Hằng. Trong số ấy, thiên nữ Quảng Mục là bậc đứng đầu, lên tiếng nói rằng: “Này các chị! Hãy nhìn cho kỹ! Hãy nhìn cho kỹ! Các hàng đại chúng kia đã chuẩn bị đủ mọi thức cúng dường tốt đẹp để cúng dường đức Như Lai và chư tỳ-kheo tăng. Chúng ta cũng nên làm như vậy, chuẩn bị nghiêm trang những thức cúng dường thật tốt đẹp để cúng dường Như Lai. Đức Như Lai sau khi thọ nhận sẽ nhập Niết-bàn. Thưa các chị! Rất khó mà gặp Phật ra đời. Được cúng dường đức Phật lần cuối cùng lại càng khó hơn! Nếu Phật nhập Niết-bàn, thế gian này sẽ trống rỗng!”

Các vị thiên nữ ấy ưa thích Đại thừa, muốn nghe pháp Đại thừa. Được nghe rồi, các vị cũng có thể giảng thuyết rộng cho người khác nghe. Các vị khao khát ngưỡng mộ Đại thừa. Khi đã được đầy đủ lại có thể làm cho những người đang khao khát ngưỡng mộ cũng được đầy đủ như mình. Các vị bảo vệ, gìn giữ Đại thừa. Nếu có kẻ học theo các pháp khác rồi đem lòng ganh ghét Đại

thừa, các vị đủ sức đả phá và tiêu diệt tà kiến của họ, như mưa đá làm hư hoại cây cỏ. Các vị hộ trì giới hạnh, đầy đủ oai nghi. Các vị khéo tùy thuận tất cả thế gian, cứu độ những kẻ chưa được cứu độ, giải thoát những kẻ chưa được giải thoát. Ở đời vị lai, các vị sẽ quay bánh xe Pháp, nối tiếp hạt giống Tam bảo chẳng để cho dứt tuyệt. Các vị tu học Đại thừa, dùng sự trang nghiêm tốt đẹp mà tự trang nghiêm mình. Các vị thành tựu vô lượng công đức như vậy, có lòng từ bình đẳng, đối với tất cả chúng sanh đều xem như con một của mình.

Cũng vào lúc tảng sáng, mặt trời vừa mọc, các vị thiên nữ ấy đem theo nhiều thứ gỗ thơm cõi trời, vượt xa các loại gỗ thơm có ở cõi người. Hương thơm từ những gỗ thơm ấy bay ra có thể làm mất đi mọi thứ xấu xa, hôi hám ở cõi người. Các vị cũng đem theo những cỗ xe trắng có che lọng trắng, kéo bằng bốn con ngựa bạch, trên xe có giăng màn trướng màu trắng, bốn bên mỗi bức trướng đều có treo những chuông vàng. Lại có đủ các loại hương, hoa, cờ báu, lọng, phướn, những thức ăn ngon bậc nhất, các thứ kỹ nhạc, đều bày giăng nơi tòa sư tử. Bốn chân của tòa sư tử toàn bằng ngọc lưu ly xanh. Phía sau mỗi tòa đều có giường nằm bằng bảy món báu, phía trước lại có một án nhỏ bằng vàng. Lại dùng bảy món báu mà làm thành những cây đèn, và dùng mọi thứ châu báu mà làm ánh sáng đèn. Những đóa hoa trời vi diệu rải khắp trên mặt đất nơi ấy.

Các vị thiên nữ chuẩn bị mọi thức cúng dường rồi, trong lòng xúc cảm đau đớn, nước mắt chan hòa, khổ não vô cùng. Nhưng vì muốn lợi ích và an lạc cho chúng sanh, vì muốn thành tựu hạnh Không bậc nhất của Đại

thừa, làm rõ bày giáo pháp phương tiện sâu kín của Như Lai, vì muốn các môn thuyết pháp không bị dứt mất, nên các vị ấy liền đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, đi quanh Phật trăm ngàn vòng cung kính, rồi bạch rằng: “Thế Tôn! Nguyên đức Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh không nhận. Sở nguyện chẳng thành, các vị thiên nữ trong lòng sầu não, lui xuống đứng yên một bên.

Lúc ấy, lại có các vị long vương ở bốn phương, nhiều như số cát chín sông Hằng. Trong hàng long vương ấy, long Vương Hòa-tu-kiết, long Vương Nan-đà, long Vương Bà-nan-đà là những vị đứng đầu. Cũng vào lúc tảng sáng, khi mặt trời vừa mọc, các vị long vương chuẩn bị những món cúng dường gấp bội phần so với của loài người và chư thiên. Các vị ấy đem đến chỗ Phật, cúi đầu lạy sát chân Phật, đi quanh Phật cả trăm ngàn vòng, rồi bạch rằng: “Nguyên đức Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh không nhận. Sở nguyện chẳng thành, các vị long vương trong lòng sầu não, ngồi sang một bên.

Lúc ấy lại có các vua quỷ thần, nhiều như số cát mười sông Hằng. Trong các vua ấy, vua Tỳ-sa-môn là vị đứng đầu. Họ bảo nhau rằng: “Các vị! Hôm nay nên nhanh chóng đến chỗ Phật ngự.” Rồi họ chuẩn bị các thức cúng dường nhiều gấp bội phần so với của các vị long vương vừa nói trên, mang đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát

chân Phật, đi quanh Phật trăm ngàn vòng cung kính, rồi bạch rằng: “Nguyện đức Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh chẳng nhận. Sở nguyện không thành, các vị vua quý thân trong lòng sâu nã, lui lại ngồi sang một bên.

Lúc ấy, lại có các vị vua của loài chim cánh vàng, <sup>(37)</sup> nhiều như số cát 20 sông Hằng. Trong đó, chim chúa Hàng Oán là vị đứng đầu.

Lại có các vị vua của loài càn-thát-bà, nhiều như số cát 30 sông Hằng. Trong đó, vua Na-la-đạt là vị đứng đầu.

Lại có các vị vua của loài khẩn-na-la, nhiều như số cát 40 sông Hằng. Trong đó, vua Thiện Kiến là vị đứng đầu.

Lại có các vị vua của loài ma-hầu-la-già, nhiều như số cát 50 sông Hằng. Trong đó, vua Đại Thiện Kiến là vị đứng đầu.

Lại có các vị vua của loài a-tu-la, nhiều như số cát 60 sông Hằng. Trong đó, vua Siêm-bà-ly là vị đứng đầu.

Lại có các vị vua của loài đà-na-bà, nhiều như số cát 70 sông Hằng. Trong đó, vua Vô Cấu Hà Thủy và vua Bạc-đề-đạt-đa là những vị đứng đầu.

Lại có các vị vua của loài la-sát, nhiều như số cát 80 sông Hằng. Trong đó, vua Khả Ủy là vị đứng đầu. Các vị này đã lìa bỏ tâm ác độc, mãi mãi chẳng còn ăn thịt người. Đối với sự oán ghét, các vị sanh lòng từ bi. Hình tướng của họ vốn xấu xí, nhưng nhờ sức thần của Phật, thấy đều trở nên đoan chính.

Lại có các vị vua của loài thần cây trong rừng, nhiều

như số cát 90 sông Hằng. Trong đó, vua Nhạo Hương là vị đứng đầu.

Lại có các vị vua của loài trì-chú, nhiều như số cát một ngàn sông Hằng. Trong đó, vua Trì-chú Đại Huyền là bậc đứng đầu.

Lại có loài quý mỹ tham sắc, nhiều như số cát một ức sông Hằng. Trong đó, vua Thiện Kiến là vị đứng đầu.

Lại có các vị thể nữ trên cõi trời, nhiều như số cát một trăm ức sông Hằng. Trong hàng thể nữ ấy, các cô Lam-bà, Uất-bà-thi, Đế-lộ-triêm, Tỳ-xá-khư là những vị đứng đầu.

Lại có các vị quý vương dưới mặt đất, nhiều như số cát ngàn ức sông Hằng. Trong đó, Bạch Thấp vương là vị đứng đầu.

Lại có các vị thiên tử trên các cõi trời, nhiều như số cát ngàn muôn ức sông Hằng, cùng các vị Thiên vương và bốn Thiên vương [ở bốn phương]...

Lại có các vị thần gió ở bốn phương, nhiều như số cát mười vạn ức sông Hằng. Các vị ấy thổi trên các cây, làm cho những hoa nở đúng mùa và không đúng mùa đều rơi rải khắp rừng cây Sa-la Song thọ.

Lại có các vị thần lo việc mây mưa, nhiều như số cát mười muôn ức sông Hằng. Thấy đều phát sanh ý nghĩ này: “Như Lai sắp nhập Niết-bàn. Đến lúc thiêu nhục thân ngài, chúng ta sẽ làm mưa để rưới tắt lửa. Khi ấy, đại chúng đang lúc phiền muộn nóng nẩy, chúng ta sẽ làm cho tất cả đều được mát mẻ.”

Lại có các vị voi chúa lớn, nhiều như số cát 20 sông Hằng. Trong số ấy, voi chúa La-hầu, voi chúa Kim Sắc,

voi chúa Cam Vị, voi chúa Hám Nhãn, voi chúa Dục Hương là những vị đứng đầu. Các vị kính trọng Đại thừa, ưa thích Đại thừa, biết rằng còn chẳng bao lâu Phật sẽ buông bỏ tất cả mà nhập Niết-bàn, nên các vị mang theo vô số những hoa sen thơm đẹp đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, rồi lui xuống đứng sang một bên.

Lại có các vị sư tử chúa, nhiều như số cát 20 sông Hằng. Trong đó, chúa Sư Tử Hống là bậc đứng đầu. Các sư tử ấy ban phát cho tất cả chúng sanh đức không sợ sệt, đều mang theo nhiều hoa quả đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi lui xuống đứng sang một bên.

Lại có các vị vua của loài chim và các loài chim như: chim phù, chim nhận, uyên, ương, se sẻ, càn-thát-bà, ca-lan-đa, sáo, két, câu-si-la, bà-hi-già, ca-lăng-tần-già, kỳ-bà-kỳ-bà... nhiều như số cát 20 sông Hằng. Các loài chim ấy đều mang theo hoa quả đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi lui xuống đứng sang một bên.

Lại có những trâu, bò, dê... nhiều như số cát 20 sông Hằng, cùng đến chỗ Phật, tuôn ra những loại sữa ngon ngọt thơm tho. Sữa ấy chảy đầy khắp các mương rãnh, hầm hố trong thành Câu-thi-na, có đủ các màu sắc, hương thơm và vị ngọt. Sau khi hiến sữa, tất cả đều lui xuống đứng sang một bên.

Lại có các vị thần tiên<sup>(38)</sup> trong khắp bốn cõi thiên hạ, nhiều như số cát 20 sông Hằng, do vị tiên Nhãn Nhục đứng đầu. Các vị ấy mang theo hoa thơm và trái ngọt đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, đi quanh Phật ba vòng cung kính rồi bạch rằng: “Nguyện đức Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh không nhận. Sở nguyện chẳng thành, các vị thần tiên ấy trong lòng sâu não, lui xuống đứng sang một bên.

Lại có tất cả những con ong chúa trong cõi Diêm-phù-đề, trong đó có ong chúa Diệu Âm dẫn đầu, mang theo đủ các loại hoa đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, bay quanh Phật một vòng cung kính rồi lui xuống tránh sang một bên.

Lúc ấy, tất cả tỳ-kheo và tỳ-kheo ni trong cõi Diêm-phù-đề đều tụ hội lại, chỉ trừ hai chúng của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và của ngài A-nan.

Lại có các quả núi ở khoảng giữa thế giới và trong cõi Diêm-phù-đề, nhiều như số cát vô số sông Hằng. Trong các núi ấy, núi chúa Tu-di là đứng đầu. Những núi ấy trang nghiêm, rừng rú sum suê, cây cối tươi tốt, cành nhánh san sát che bóng mặt trời. Các thứ hoa thơm lạ nở đầy khắp núi. Suối chảy như rồng uốn khúc, nước trong sạch, thơm tho. Chư thiên, loài rồng, thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già và các vị thần tiên chú thuật, thấy đều xướng họa đàn ca khắp nơi trong núi. Các thần núi ấy cũng đi đến chỗ Phật ngự, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi lui xuống đứng sang một bên.

Lại có các thần bốn biển cả và các thần sông nhiều như số cát vô số sông Hằng. Các vị ấy có oai đức lớn, đủ phép thần túc lớn.<sup>(39)</sup> Các vị chuẩn bị những thức cúng dường nhiều gấp bội so với những thứ vừa nói trên. hào quang nơi thân các vị thần ấy và ánh đèn sáng soi khi các vị múa hát làm cho không còn ai có thể nhìn thấy mặt trời, mặt trăng. Các vị dùng hoa chiêm-bà rải trên

sông Hy-liên, cùng đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật rồi lui xuống đứng sang một bên.

Bấy giờ, toàn cảnh rừng cây sa-la ở thành Câu-thi-na đều đổi sang màu trắng như bạch hạc. Trên hư không tự nhiên có những nhà cửa, lầu gác bằng bảy báu, chạm hình khắc chữ và thêu dệt đường nét rõ ràng, có các món báu bao quanh theo những lan can. Phía dưới các nhà cửa, lầu gác ấy lại có suối nước, ao tắm. Trong ấy có những hoa sen đẹp và thơm tho nhất nở rộ khắp nơi, giống như cõi Uất-đan-việt ở phương bắc, lại cũng giống như vườn Hoan Hỷ ở cung trời Đao-lợi.

Lúc ấy, ở khoảng giữa rừng cây sa-la cũng có đủ mọi sự trang nghiêm vui thích như vậy. Các hàng chư thiên, người và a-tu-la đều thấy rõ tướng Niết-bàn của Như Lai, thấy đều cảm động, đau xót, ưu sầu chẳng vui.

Lúc ấy, bốn vị thiên vương và Đế-thích bảo nhau rằng: “Các ngài hãy xem kìa! Chư thiên, loài người và a-tu-la đều thiết lễ cúng dường rất lớn, đều muốn cúng dường đức Như Lai lần cuối cùng. Chúng ta cũng nên cúng dường như vậy. Nếu chúng ta được cúng dường Phật lần cuối cùng, chúng ta sẽ thành tựu hạnh bố thí một cách trọn vẹn và dễ dàng.”

Lúc ấy, bốn vị thiên vương chuẩn bị các thức cúng dường nhiều gấp bội so với những thứ vừa nói trên. Các vị đem theo những hoa mạn-đà-la, hoa ca-chỉ-lâu-già, hoa mạn-thù-sa, hoa tán-đa-ni-ca, hoa ái lạc, hoa phổ hiên, hoa thời, hoa hương thành, hoa hoan hỷ, hoa phát dục, hoa hương tủy, hoa phổ hương, mỗi thứ đều có đủ hai loại cỡ nhỏ và cỡ lớn; cùng với các hoa thiên kim diệp, hoa long, hoa ba-lị-chất-đa, hoa câu-tỳ-đà-la...

Các vị lại mang theo đủ các thức ăn ngon bậc nhất đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật. Hào quang của các vị ấy chiếu ra làm cho không còn ai có thể nhìn thấy mặt trời, mặt trăng. Các vị mang đến những lễ vật ấy, đều muốn cúng dường Phật.

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh không nhận. Sở nguyện chẳng thành, Đế-thích và chư thiên buồn đau khổ não, lui xuống đứng sang một bên.

Cho đến chư thiên ở cõi trời thứ sáu trong Dục giới<sup>(40)</sup> cũng chuẩn bị các thức cúng dường. Những thức cúng dường đem đến sau lại dần dần tăng nhiều hơn những thứ đã đem đến trước, như: cờ báu, lọng, phướn... Lọng báu nhỏ nhất cũng che trùm Bốn cõi thiên hạ.<sup>(41)</sup> Lá phướn ngắn nhất cũng bao quanh được bốn biển. Cờ nhỏ thấp hơn hết cũng từ mặt đất lên tới cõi trời Tự tại. Gió nhẹ thổi động những lá phướn, phát ra âm thanh vi diệu. Chư thiên mang theo những thức ăn ngon nhất đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật rồi bạch rằng: “Nguyện đức Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh không nhận. Sở nguyện chẳng thành, chư thiên ấy trong lòng sầu não, lui xuống đứng sang một bên.

Các vị chư thiên từ cõi trời Phạm thiên trở lên cho đến cõi trời Hữu đỉnh<sup>(42)</sup> đều đến tụ họp. Lúc ấy, vua Đại Phạm thiên và chư thiên ở cõi trời ấy phóng hào quang từ nơi thân thể mình ra, chiếu khắp Bốn cõi thiên hạ và Dục giới của loài người với chư thiên. Do ánh sáng ấy, không còn ai trông thấy được mặt trời, mặt trăng. Các ngài đem theo cờ báu, lọng và phướn bằng lụa. Lá

phướn ngắn nhất cũng treo từ trời Phạm thiên xuống tới giữa những cây sa-la. Các vị đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi bạch rằng: “Nguyện đức Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh không nhận. Sở nguyện chẳng thành, chư thiên ở cõi Phạm thiên trong lòng sâu não, lui xuống đứng sang một bên.

Lúc ấy, vua Tỳ-ma-chất-đa của loài a-tu-la cùng với vô số a-tu-la và tất cả quyến thuộc thấy đều hội họp. Hào quang nơi thân các vị ấy trội hơn cả hào quang của chư thiên ở cảnh trời Phạm thiên. Các vị ấy đem theo cờ báu, lọng và phướn bằng lụa. Những chiếc lọng nhỏ nhất cũng che trùm cả ngàn thế giới.<sup>(43)</sup> Các vị ấy đem theo thức ăn ngon ngọt bậc nhất đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, rồi bạch rằng: “Nguyện đức Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh không nhận. Sở nguyện chẳng thành, các vị a-tu-la trong lòng sâu não, lui xuống đứng sang một bên.

Lúc ấy, Ma vương Ba-tuần ở Dục giới cùng với quyến thuộc, các thể nữ cõi trời và vô số chúng ma đến mở cửa địa ngục, bố thí nước thanh tịnh, nhân đó bảo rằng: “Nay các người không thể làm được điều gì cả, chỉ nên chuyên tâm niệm tưởng đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri... tùy tâm hoan hỷ chuẩn bị các thức cúng dường lần cuối cùng. Nhờ đó, các người sẽ được sự an vui lâu dài.”

Lúc ấy, ma Ba-tuần dẹp bỏ hết đao kiếm và vô số các món khổ độc ở địa ngục; lửa đang cháy bùng rất mạnh bỗng bị mưa lớn làm cho tắt hẳn. Nhờ oai thần của Phật, Ma vương lại phát tâm rằng: “Xin cho quyến thuộc của ta đều bỏ hết đao kiếm, cung nỏ, áo giáp, trượng, xà mâu, giáo sóc, câu móc dài, chùy sắt, rìu, búa, vòng đánh, dây trói...” Rồi Ma vương và quyến thuộc đem theo những thức cúng dường trội hơn tất cả những thứ mà loài người và chư thiên đã mang đến. Lọng nhỏ nhất cũng che trùm cả một trung thiên thế giới.<sup>(44)</sup> Tất cả đều đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật rồi bạch rằng: “Nay chúng con ưa thích Đại thừa, muốn gìn giữ bảo vệ Đại thừa. Bạch Thế Tôn! Như có kẻ nam người nữ lòng lành vì muốn cúng dường, hoặc vì sợ sệt, hoặc vì dối gạt kẻ khác, hoặc vì của cải lợi lộc, hoặc vì nương theo người khác mà nhận lãnh pháp Đại thừa này, dù là chân thật hay dối trá, lúc đó chúng con cũng vì người ấy mà dứt trừ sự sợ sệt, thuyết ra câu chú này:

*“Trác chỉ, trá sá la trác chỉ, lô ha lệ, ma ha lô ha lệ, a la già la, đa la tá ha!”*

“Chú này có thể làm cho những kẻ mất hồn, những kẻ sợ sệt, những người thuyết pháp đều chẳng gián đoạn Chánh pháp. Chúng con vì muốn hàng phục ngoại đạo, gìn giữ tự thân, bảo vệ Chánh pháp, bảo vệ Đại thừa nên thuyết ra chú này. Những ai có thể trì chú này, hình tượng hung dữ không làm cho họ sợ. Nếu đến nơi đồng không, đăm vắng, chỗ nguy hiểm, cũng chẳng sanh tâm sợ sệt. Cũng khỏi bị những nạn như nước, lửa, sư tử, cọp, chó sói, trộm cướp, phép vua luật nước...”

“Bạch Thế Tôn! Nếu ai trì được chú này thì dứt hết mọi

nổi lo sợ kể trên. Thế Tôn! Chúng con sẽ bảo hộ người trì chú ấy như cái mu rùa bảo hộ toàn thân con rùa.

“Bạch Thế Tôn! Hôm nay, chúng con không đem lòng nịnh hót mà nói ra việc ấy. Đối với người trì chú này, chúng con sẽ đem hết lòng thành mà giúp thêm sức mạnh cho người ấy. Nguyện đức Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con.”

Lúc ấy, đức Phật bảo Ma vương Ba-tuần rằng: “Ta không thọ nhận những thức ăn uống do ông cúng dường. Nhưng vì muốn làm an lạc cho tất cả chúng sanh, cho Bốn bộ chúng<sup>(45)</sup> nên ta chấp nhận thân chú mà ông vừa thuyết đó.”

Nói rồi, đức Phật lặng thinh không nhận cúng dường. Ma vương thỉnh cầu đến ba lần, Phật vẫn không nhận. Lúc ấy, sở nguyện chẳng thành, Ma vương Ba-tuần trong lòng sầu não, lui xuống đứng sang một bên.

Lúc ấy, vua trời Đại Tự tại cùng với vô số quyến thuộc và chư thiên ở cõi trời của ngài cũng chuẩn bị những thức cúng dường bao trùm hơn tất cả những thức cúng dường của vua Phạm thiên, Đế-thích, bốn Thiên vương Hộ thế<sup>(46)</sup> và của tám bộ trời người<sup>(47)</sup> với hàng phi nhân.<sup>(48)</sup> So với những thức cúng dường này, những thức cúng dường của Phạm thiên và Đế-thích chỉ như chấm mực đen đặt cạnh các loại ngọc quý, không thể tỏa sáng được. Những lọng báu nhỏ nhất của các vị cũng có thể che trùm trọn cõi tam thiên đại thiên thế giới.

Các vị mang theo mọi thức cúng dường như vậy đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, đi quanh Phật vô số vòng cung kính rồi bạch rằng: “Thế Tôn! Những

lễ vật mà chúng con muốn cúng dường đây thật là nhỏ nhen, chỉ giống như lễ vật của con muỗi mang đến cúng dường chúng con; lại cũng giống như người đem một bụm nước giữa hai bàn tay mà đổ xuống biển cả; như ánh sáng một ngọn đèn nhỏ mà góp vào ánh sáng của trăm ngàn mặt trời; như trong mùa xuân, mùa hạ, các loài hoa đều tươi tốt, lại có người cầm một đóa hoa để làm tăng thêm số hoa; như lấy hạt đing lịch để làm cho núi Tu-di to lớn thêm! Những việc làm như vậy há có ích gì cho biển cả, cho ánh sáng mặt trời, cho đám hoa và cho núi Tu-di kia đâu?

“Bạch Thế Tôn! Lễ vật mà chúng con phụng hiến hôm nay cũng ít ỏi, nhỏ bé như vậy. Dầu cho đem tất cả hương, hoa, kỹ nhạc, phướn, lọng trong toàn cõi tam thiên đại thiên thế giới mà cúng dường Như Lai, cũng chẳng gọi là đủ. Vì sao vậy? Vì Như Lai đã thường vì chúng sanh mà chịu mọi khổ não trong các đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vậy xin Như Lai rủ lòng thương xót, nhận cho sự cúng dường của chúng con.”

Lúc ấy, về phương đông cách cõi Ta-bà này vô số thế giới nhiều như số cát của vô số con sông Hằng, nhiều như số hạt bụi cực nhỏ, có một cõi Phật tên là Ý Lạc Mỹ Âm. Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Hư Không Đẳng, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Bấy giờ, đức Phật Hư Không Đẳng bảo vị đại đệ tử lớn nhất của ngài rằng: “Thiện nam tử! Hôm nay ông nên sang thế giới Ta-bà ở phương tây. Ở cõi ấy có Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni, Như Lai, Ứng cúng, Chánh

biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ, Thế gian giải, Vô thượng sĩ Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Còn không bao lâu nữa đức Phật ấy sẽ nhập Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ông nên mang theo cơm gạo thơm của thế giới này. Cơm ấy thơm tho ngon ngọt, ăn vào sẽ được an ổn. Có thể dùng món cơm này phụng hiến đức Phật ấy, ngài dùng xong sẽ nhập Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Các ông đều nên kính lễ đức Phật ấy và thỉnh cầu ngài giảng rõ cho những chỗ còn chưa rõ [trong Chánh pháp].”

Lúc ấy, Đại Bồ Tát Vô Biên Thân<sup>(49)</sup> vâng lời dạy của Phật Hư Không Đẳng, bèn đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, đi quanh Phật ba vòng cung kính theo tay mặt, rồi dẫn theo vô số các vị Bồ Tát từ cõi thế giới ấy cùng đến thế giới Ta-bà. Đúng lúc ấy, trong cõi tam thiên đại thiên thế giới này, khắp mặt đất chấn động theo sáu cách.<sup>(50)</sup> Bấy giờ, đại chúng gồm tất cả những vị đi theo Phạm Vương, Đế-thích, Tứ Thiên vương, Ma vương Ba-tuần, Ma-hê-thủ-la bỗng thấy mặt đất chấn động như vậy thì lông trên mình đều dựng ngược, cổ họng và lưỡi khô khan, sanh lòng sợ sệt, run rẩy... Tất cả đều muốn phân tán đi bốn phương. Khi nhìn lại thân mình, các vị thấy chẳng còn hào quang và oai nghi phước đức đều đã mất hết.

Lúc ấy Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi liền đứng dậy khỏi chỗ ngồi, bảo đại chúng rằng: “Chư thiện nam tử! Các vị đừng hoảng sợ. Vì sao vậy? Về phương đông cách cõi Ta-bà này vô số thế giới nhiều như số cát của vô số sông Hằng, nhiều như số hạt bụi cực nhỏ, có một cõi

Phật tên là Ý Lạc Mỹ Âm. Đức Phật ở cõi ấy hiệu là Hư Không Đẳng, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri... đủ mười danh hiệu. Ở cõi ấy có một vị Bồ Tát tên là Vô Biên Thân, cùng với vô số Bồ Tát muốn đến cõi này cúng dường đức Như Lai của chúng ta. Do oai đức của các vị Bồ Tát ấy nên đã làm cho hào quang nơi thân các vị không hiện ra được nữa. Vậy các vị nên sanh lòng hoan hỷ, chớ nên sợ sệt.”

Bấy giờ, đại chúng của đức Phật Thích-ca nhìn xa về phương đông đều thấy được đức Phật Hư Không Đẳng và đại chúng của ngài, ví như nhìn vào tấm gương mà thấy rõ chính mình.

Liên đó, ngài Văn-thù-sư-lợi lại bảo đại chúng: “Nay các vị đã thấy rõ đức Phật kia [ở phương đông] và đại chúng của ngài, cũng như thấy đức Phật Thích-ca nơi đây. Nhờ oai thần của Phật, các vị sẽ được nhìn thấy cả vô số chư Phật ở chín phương khác.”<sup>(51)</sup>

Bấy giờ, đại chúng đều bảo nhau rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Thế gian sắp trống rỗng! Thế gian sắp trống rỗng! Còn không bao lâu Như Lai sẽ nhập Niết-bàn.”

Ngay lúc ấy, ai nấy trong đại chúng đều nhìn thấy Bồ Tát Vô Biên Thân và quyến thuộc<sup>(52)</sup> của ngài. Nơi thân Bồ Tát ấy, mỗi lỗ chân lông đều xuất hiện một đóa hoa sen lớn. Mỗi hoa sen chứa bảy muôn tám ngàn thành áp. Mỗi thành áp đều rộng lớn vuông vức bằng đô thành Tỳ-da-ly; tường trong, tường ngoài và những hào sâu đều xây đắp bằng bảy báu xen lẫn nhau, những cây quý đa-la mọc lên có thứ tự, gồm bảy lớp. Trong thành ấy nhân dân phồn thịnh, an ổn, phong phú, vui vẻ. Những lâu canh đều được làm bằng vàng ròng. Ở mỗi lâu canh



có những cây bằng bảy báu mọc thành rừng, hoa trái tươi tốt, gió nhẹ thổi lay động, phát ra âm thanh vi diệu. Âm thanh ấy hòa nhã như nhạc trời. Nhân dân trong thành nghe được âm thanh ấy lấy làm khoái lạc, sung sướng vô cùng. Trong những hào vây quanh thành chứa đầy nước ngọt, thơm tho và trong vắt như lưu ly. Trên mặt nước có những chiếc thuyền bằng bảy báu. Những người ngồi thuyền, hoặc đi du ngoạn hay tắm rửa, cùng nhau vui hưởng sự khoái lạc vô cùng.

Lại có vô số những hoa sen đủ màu, như hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa ba-đầu-ma, hoa phân-đà-ly.<sup>(53)</sup> Những hoa ấy đều lớn như bánh xe. Dọc theo bờ hào có nhiều vườn tược. Mỗi cảnh vườn có ao năm suối.<sup>(54)</sup> Trong ao ấy lại cũng có các loại hoa sen: hoa ưu-bát-la, hoa câu-vật-đầu, hoa ba-đầu-ma, hoa phân-đà-ly. Những hoa ấy cũng lớn như bánh xe, hương thơm lan tỏa rất đáng ưa thích. Nước dưới ao trong sạch, chạm vào có cảm giác hết sức mềm mại. Những loài chim phù, chim nhạn, uyên ương đều bay đến dạo chơi nơi ấy. Trong mỗi cảnh vườn tược có nhiều cung điện nhà cửa. Mỗi cung điện nhà cửa ngang dọc vuông vức choán trọn bốn do-tuần. Những tường trong và tường ngoài đều xây bằng bốn món báu là vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Các cửa sổ trên tường đều bằng vàng ròng, có lan can bao quanh. Mặt đất toàn là các thứ ngọc và đá quý, có trải cát bằng vàng. Trong nhiều cung điện nhà cửa lại có suối nước và ao tắm bằng bảy báu. Bên ao có thang mười tám bậc để lên xuống, toàn bằng vàng ròng. Có những cây chuối bằng vàng diêm-phù-đàn,<sup>(55)</sup> giống như vườn Hoan Hỷ<sup>(56)</sup> ở cung trời Đao-lợi.

Mỗi thành ấy đều có tám mươi bốn ngàn vị vua. Mỗi vị đều có vô số phu nhân và thể nữ, cùng nhau vui hưởng mọi sự thích thú, vui sướng. Ngoài ra, nhân dân ở đó cũng vậy, mỗi người đều ở tại chỗ của mình mà tận hưởng cuộc sống sung sướng. Chúng sanh trong những thành ấy chẳng nghe tiếng gì khác ngoài những âm thanh diễn giảng pháp Đại thừa cao trổi nhất.

Trong mỗi hoa sen đều có tòa sư tử. Các tòa sư tử ấy có bốn chân bằng ngọc lưu ly xanh, trên tòa có trái vải lụa mịn màng, rất đẹp, là loại tốt nhất trong Ba cõi.<sup>(57)</sup> Trên mỗi tòa đều có một vị vua ngự và giáo hóa chúng sanh bằng pháp Đại thừa, hoặc có những chúng sanh đang sao chép, thọ trì, đọc tụng kinh điển Đại thừa, tu hành theo đúng như kinh dạy và lưu truyền rộng rãi như vậy.

Lúc ấy, Bồ Tát Vô Biên Thân làm cho vô số chúng sanh được nghỉ ngơi an ổn rồi, sau đó mỗi người đều tự dứt bỏ cuộc vui thế sự, than thở rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Thế gian sắp trống rỗng! Còn không bao lâu đức Như Lai sẽ nhập Niết-bàn.”

Bấy giờ, Bồ Tát Vô Biên Thân cùng vô số các Bồ Tát vây quanh đã thị hiện sức thần thông như vậy rồi, liền mang đến đủ các thức cúng dường nhiều vô số, cùng với những thức ăn uống thơm tho, ngon ngọt bậc nhất. Nếu ai ngửi được hương thơm của những thức ăn ấy thì mọi sự ô nhiễm phiền não đều dứt sạch. Nhờ sức thần thông của Bồ Tát ấy, tất cả đại chúng đều được nhìn thấy sự biến hóa: Bồ Tát Vô Biên Thân hiện thân lớn vô biên, đồng như hư không, ngoài chư Phật ra thì không ai có thể thấy được thân của Bồ Tát cao lớn đến mức nào.

Lúc ấy, Bồ Tát Vô Biên Thân cùng quyến thuộc chuẩn bị những thức cúng dường trội hơn tất cả những thứ đã nói trước, rồi đi đến chỗ Phật, cúi đầu làm lễ sát chân Phật, chấp tay cung kính bạch rằng: “Thế Tôn! Nguyên đức Như Lai rủ lòng thương xót nhận cho bữa cơm cúng dường của chúng con.”

Đức Như Lai biết là chưa phải lúc nên lặng thinh chẳng nhận. Ba lần thưa thỉnh như vậy, Phật vẫn không nhận. Sở nguyện chẳng thành, Bồ Tát Vô Biên Thân cùng quyến thuộc liền lui xuống đứng sang một bên.

Lại ở các cõi Phật về phương nam, phương tây, phương bắc cũng có vô số vị Bồ Tát Vô Biên Thân mang theo những thức cúng dường trội hơn những thức cúng dường đã nói trước, cùng đi đến chỗ Phật, cuối cùng cũng đều lui xuống đứng sang một bên như vậy.<sup>(58)</sup>

Bấy giờ, tại vùng đất an lành ở rừng Sa-la Song thọ, trong khoảng chu vi hai mươi hai do-tuần, đại chúng tụ họp đầy kín không còn chỗ trống. Lúc ấy, những tòa ngòai của các vị Bồ Tát Vô Biên Thân và quyến thuộc từ bốn phương đến chỉ nhỏ bé như mũi dùi, mũi kim, như những hạt bụi cực nhỏ. Chư Đại Bồ Tát từ các cõi Phật mười phương nhiều như số hạt bụi cực nhỏ cũng đều đến nhóm họp, và tất cả đại chúng ở khắp cõi Diêm-phù-đề cũng đến nhóm họp. Chỉ còn thiếu hai chúng của Tôn giả Ma-ha Ca-diếp và của ngài A-nan, với vua A-xà-thế và quyến thuộc. Ngoài ra, cho đến những loài rắn độc mà mắt nhìn cũng đủ làm chết người, những loài bọ hung, rắn đất, bò cạp và 16 loại chuyên làm ác nghiệp, tất cả cũng đều tụ hội. Các vị thần đà-na-bà, a-tu-la đều bỏ những tư tưởng xấu, khởi sanh lòng từ,

đối với nhau như cha, mẹ, chị em. Các chúng sanh trong cõi tam thiên đại thiên thế giới cũng đều sanh lòng từ đối với nhau như thế, chỉ trừ những kẻ nhất-xiển-đề.<sup>(59)</sup>

Lúc ấy, nhờ oai thần của Phật, trong khắp cõi tam thiên đại thiên thế giới mặt đất bỗng trở nên mềm mại, không có những gò nổng, đất cát, sỏi đá, gai góc, cỏ độc... các món báu đơm kết làm cho xinh đẹp, dường như thế giới Cực Lạc ở phương tây của đức Phật A-di-đà. Đại chúng thấy đều thấy rõ các thế giới của chư Phật trong mười phương, nhiều như những hạt bụi cực nhỏ, ví như người ta nhìn vào tấm gương thấy được chính mình, ai nấy đều thấy các cõi Phật một cách rõ ràng như vậy.

Lúc ấy, từ nơi khoảng giữa hai chân mày đức Như Lai phóng ra hào quang năm sắc. Hào quang ấy sáng rực rỡ, bao trùm cả đại hội, khiến cho hào quang nơi thân của mỗi vị trong đại hội đều chẳng hiện ra được. Hào quang của Phật sau khi đã phóng ra rồi, liền theo nơi miệng của ngài mà quay trở vào.

Bấy giờ, chư thiên, loài người, a-tu-la và hết thảy chúng hội nhìn thấy hào quang của Phật quay trở vào trong miệng ngài, thấy đều lấy làm sợ hãi, rùng mình rợn ốc, nói rằng: “Hào quang của Như Lai phóng ra rồi lại quay trở vào, không thể không có nhân duyên, ắt là việc cần làm của Phật trong mười phương đã xong, đây là tướng trạng cuối cùng ngài sắp nhập Niết-bàn. Khổ thay! Khổ thay! Tại sao chỉ trong chốc lát đức Thế Tôn đã buông bỏ bốn tâm vô lượng,<sup>(60)</sup> chẳng nhận sự cúng dường của loài người và chư thiên? Ánh sáng của mặt trời trí tuệ từ nay dứt mất! Con thuyền Chánh pháp vô

thượng hôm nay sắp chìm mất! Ôi! Đau đớn thay! Khổ  
nào thay cho thế gian!”

Ai nấy đều đứng dậy, đấm ngực kêu la, khóc lóc bi ai,  
tay chân run rẩy, không tự kiềm chế được, máu tươi ứa  
ra từ các lỗ chân lông trên người họ, rơi vấy đầy trên  
mặt đất.

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN HẾT QUYỂN MỘT

## CHÚ GIẢI

1. Trong Nam bản thì phẩm này được gọi là phẩm Tựa (Tự phẩm).
2. Tất cả các bản Việt dịch kinh điển từ trước đến nay đều mặc nhiên xem đây là lời ngài A-nan thuật lại để xác tín rằng kinh này do Phật thuyết và chính ngài được nghe. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng cách hiểu như thế chưa hoàn toàn chuẩn xác vì mấy lý do sau đây. Thứ nhất, chính trong kinh này có thuật lại đoạn di ngôn của đức Phật về việc đặt câu “như thị ngã văn” ở đầu tất cả các kinh điển, nhưng đó là sự dặn dò chung cho tất cả đệ tử Phật chứ không phải riêng ngài A-nan, mặc dù ngài là người thưa hỏi. Vì thế, đại từ “tôi” ở đây phải được hiểu là người nói lại hoặc ghi chép lại kinh Phật, cho dù người đó là bất cứ ai trong số các đệ tử của Phật. Thứ hai, tuy ngài A-nan là bậc Đa văn đệ nhất, nhưng Đại hội kết tập kinh điển không chỉ duy nhất có mình ngài. Ngược lại, ngài Ca-diếp mới là chủ trì đại hội và có sự tham dự của 500 vị A-la-hán, trong đó ngài A-nan là người chứng quả sau cùng. Như vậy, ngoài yếu tố đa văn ra thì tất cả các vị khác đều là những người có sự tu tập và chứng ngộ trước ngài A-nan. Do đó các vị không đến Đại hội chỉ để nghe ngài A-nan tuyên thuyết lại kinh điển, mà còn giữ vai trò xác nhận và bổ sung những chỗ thiếu sót. Điều này có thể được chứng minh ngay trong kinh này, vì từ đầu kinh đã có đoạn nói rõ là ngài A-nan và ngài Ca-diếp đều không có mặt. Vậy “tôi” ở đây không thể là ngài A-nan. Trong kinh Lăng nghiêm cũng có trường hợp tương tự, khi ngài A-nan gặp nạn Ma-đăng-già nữ, không có mặt tại Pháp hội, nhưng mọi chi tiết vẫn được kể rõ trong kinh, vậy chắc chắn phải là do những vị khác bổ sung vào. Thứ ba, kinh điển sau khi Phật nhập diệt chỉ được truyền lại bằng cách trực tiếp, người này đọc cho người kia nghe, vì chưa được ghi chép thành văn tự. Như vậy, đại từ “tôi” buộc phải được dùng bởi tất cả những ai đứng ra truyền lại kinh điển cho người khác, và điều này còn trải qua nhiều thế kỷ trước khi chính thức có sự ghi chép kinh điển. Vì những lý do đó, chúng tôi cho rằng đại từ “tôi” không nhất thiết chỉ riêng ngài A-nan. Mặt khác, khi kinh điển đã chính thức được ghi chép lại, thì đây phải là kết quả việc làm của nhiều người trong Đại hội kết tập chứ không phải của riêng một người, nên việc sử dụng đại từ “chúng tôi” là thích hợp hơn. Ngoài ra, chữ “văn” cần phải dịch là “được nghe” để nhấn mạnh việc người nghe không chỉ tình cờ nghe được, mà là một sự tiếp nhận chính thức và đáng tin cậy; chữ “như thị” phải dịch là “đúng như thế này” mới hợp với ý nghĩa của nó thường được dùng trong kinh Phật. Chúng ta đều biết, đức Phật thường dùng chữ “như thị” mỗi khi xác nhận một sự việc hay một câu nói nào đó là hoàn toàn đúng thật.
3. Thành Câu-thi-na (Kusinagara), gọi tắt là Câu-thi, Câu-na; dịch nghĩa là Giác thành, vì thành này có ba góc. Đức Phật nhập Niết-bàn tại thành này vào ngày rằm tháng hai. Lực-sĩ (*Licavi*), cũng đọc là Lê-xa, Ly-xa, là tộc họ có quyền thế nhất ở thành Câu-thi-na và thành Duy-da-ly vào thời bấy giờ. Xin lưu ý đây là từ phiên âm nên không có nghĩa liên quan đến từ “lực sĩ” trong tiếng Hán Việt.

4. A-ly-la-bạt-đề (*Ajitavati*, Hyranyavati): một con sông ở Ấn Độ, gần thành Câu-thi-na, gần bờ sông có mọc rất nhiều cây sa-la. Cũng gọi là sông Hy-liên.
5. Sa-la (*sāla*), dịch nghĩa là kiên cố, bền chắc. Gần thành Câu-thi-na có rừng cây sa-la, mỗi cây đều có hai thân sồng đôi, nên gọi là rừng Sa-la Song thọ.
6. Niết-bàn (Sanskrit: *Nirvāṇa*, Pāli: *Nibbāna*) dịch nghĩa là tịch diệt, an lạc, giải thoát. Đây là mục đích cuối cùng của người tu học Phật. Tuy nhiên, mỗi tông phái trong đạo Phật hiểu Niết-bàn theo một cách không hoàn toàn giống nhau. Nhưng nói chung đều nhìn nhận đây là kết quả cao nhất của việc tu tập. Không nên hiểu Niết-bàn theo nghĩa hư vô, trống rỗng như nhiều người vẫn thường lầm tưởng. Cũng không nên hiểu đây chỉ là từ đơn giản thay cho các từ khác như chết, viên tịch... Thật ra, Niết-bàn là một cảnh giới rất rạo được Phật miêu tả trong rất nhiều kinh điển Đại thừa, mà qua đó có thể hiểu là cảnh giới giải thoát tuyệt đối, dứt sạch mọi triền phược và chứng đắc thể tánh thường tồn của vạn hữu.
7. Cõi trời Hữu đỉnh (Hữu đỉnh thiên): Cõi trời cao nhất, cũng gọi là Sắc cứu cánh thiên.
8. Thế giới Tam thiên đại thiên: Một cõi đại thiên thế giới do một vị Phật xuất thế giáo hóa. Cứ một ngàn cõi thế giới hợp thành một tiểu thiên thế giới, một ngàn cõi tiểu thiên thế giới hợp thành một trung thiên thế giới, lại một ngàn cõi trung thiên thế giới hợp thành một đại thiên thế giới. Vì tính lên đến ba lần một ngàn, nên quen gọi là tam thiên, nhưng đúng ra chỉ nên gọi là đại thiên thế giới.
9. Lục thú, cũng gọi là lục đạo: sáu đường luân hồi, bao trùm tất cả mọi loài chúng sanh. Đó là: cõi trời, cõi người, cõi a-tu-la, địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh.
10. Kiếp hay kiếp-ba, phiên âm từ Phạn ngữ kalpa, chỉ một quãng thời gian rất dài, hầu như không thể tính đếm. Trong kinh luận có nhiều chỗ giải thích khác nhau về thời gian này. Như có lần Phật dạy: “Như có quả núi lớn ở gần thành ấp, người dân ở đó cứ một trăm năm lại đến dùng một tấm vải quất vào quả núi, cho đến khi quả núi ấy mòn sạch đi vẫn chưa hết một kiếp.” Như vậy có thể hình dung thời gian một kiếp là rất lâu. Kiếp giảm thường được giải thích là từ khi tuổi thọ con người được 84.000 năm, cứ qua một trăm năm thì giảm đi một tuổi, cho đến lúc chỉ còn là 10 tuổi thì gọi là một kiếp giảm.
11. Trí tuệ Không (Không huệ): trí tuệ có được do tu tập pháp quán Không, thấy được thật tánh của tất cả các pháp chính là tánh Không.
12. Thành tựu hạnh Không: chỉ sự tu chứng Tánh Không, tức thật tánh của các pháp, vì tất cả các pháp đều do nhân duyên sanh, không hề có một thực thể nào tồn tại độc lập.
13. Theo phong tục thời cổ Ấn Độ, người ta đi vòng quanh theo chiều bên phải để tỏ lòng cung kính. Đi quanh Phật cả trăm ngàn vòng là muốn tỏ ý hết sức cung kính. Khi viếng các tháp Phật, người ta cũng đi quanh như vậy, gọi là nhiễu tháp.
14. Lậu: dịch từ tiếng Sanskrit là *āśrava*, (Pāli: *āsava*) chỉ sự rỉ chảy làm cho ô nhiễm. Chính do các phiền não phát sanh từ tham, sân, si, khiến sáu căn chạy

theo sáu trần làm thân tâm ô nhiễm, giống như vật chứa bị rỉ chảy. Vì thế, đây cũng được xem là tên khác của phiền não. Khi chứng đắc quả A-la-hán thì các lậu (hay phiền não) đều dứt sạch nên gọi là vô lậu.

15. Rỗng giữa loài người: (nhân trung chi long): chỉ những bậc kiệt xuất, phi thường, nổi bật giữa những người tầm thường. Vì quan niệm ngày xưa cho rồng là loài cao quý, linh diệu.
16. Địa vị thứ mười, tức là Pháp vân địa trong Thập địa. Bồ Tát tu tập, lần lượt chứng đủ 10 địa vị từ thấp đến cao gọi là Thập địa (十地, Sanskrit: *daśabhūmi*), được kể như sau: 1. Hoan hỷ địa (歡喜地, Sanskrit: *pramuditā-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát hoan hỷ trên đường tu học, phát tâm cứu độ tất cả chúng sanh thoát khỏi luân hồi (*saṃsāra*), không còn nghĩ đến bản thân mình nữa. Bồ Tát vì thế thực hiện hạnh bố thí (*dāna*) không cầu phước đức, chứng được thực tính vô ngã (*anātman*) của tất cả các pháp (dharma). 2. Ly cấu địa (離垢地, Sanskrit: *vimalā-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát nghiêm trì giới luật (*śīla*) và thực hành thiền định (*dhyāna*, *samādhi*), lìa xa cấu nhiễm. 3. Phát quang địa (發光地, Sanskrit: *prabhākārī-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát chứng được luật vô thường (*anitya*), tu trì tâm mình, thực hành nhẫn nhục (*kṣānti*) khi gặp chướng ngại trên đường hóa độ chúng sanh. Ở địa vị này, Bồ Tát trừ được ba độc là tham, sân, si và được bốn cấp định an chỉ (*dhyāna*) của bốn xứ, chứng đạt năm phần trong lục thông (*abhijñā*). 4. Diệm huệ địa (熾慧地, Sanskrit: *arciṣmatī-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát trừ dứt mọi quan niệm sai lầm, tu tập trí tuệ (*prajñā*) và 37 pháp Bồ-đề phần (*bodhipākṣika-dharma*), cũng gọi là 37 phẩm trợ đạo. 5. Cực nan thắng địa (極難勝地, Sanskrit: *sudurjayā-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát nhập định, đạt được trí tuệ, từ đó liễu ngộ được Tứ diệu đế và chân như, diệt hết các mối nghi ngờ và phân biệt, lại tiếp tục hành trì 37 giác chi. 6. Hiện tiền địa (現前地, Sanskrit: *abhimukhī-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát liễu ngộ tất cả pháp là vô ngã, chứng được lý Mười hai nhân duyên và chuyển hóa trí phân biệt thành trí bát-nhã, nhận thức được tánh Không. Bồ Tát ở địa vị này đã đạt trí tuệ Bồ-đề (Sanskrit: *bodhi*), nhờ đó có thể nhập Niết-bàn thường trụ (Sanskrit: *pratiṣṭhita-nirvāṇa*), vì lòng từ bi thương xót chúng sanh mà trụ lại thế gian, nhưng không bị sanh tử ràng buộc. Cảnh giới này gọi là Niết-bàn vô trụ (Sanskrit: *apraṭiṣṭhita*). 7. Viễn hành địa (遠行地, Sanskrit: *dūdraṅgamā-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát có đầy đủ mọi khả năng, phương tiện (Sanskrit: *upāya*) để giáo hóa chúng sanh. Ở địa vị này, Bồ Tát có thể tùy nguyện lực hóa thân ở bất kỳ hình tướng nào. 8. Bất động địa (不動地, Sanskrit: *acalā-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát không còn bị dao động bởi bất kỳ một cảnh ngộ nào, và biết chắc khi nào mình sẽ đạt quả vị Phật. 9. Thiện huệ địa (善慧地, Sanskrit: *sādhumatī-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát đạt trí tuệ viên mãn, có đủ Thập lực (Sanskrit: *daśabala*), Lục thông (Sanskrit: *ṣaḍabhijñā*), Bốn tự tín và Tám giải thoát, thông đạt mọi giáo pháp và giảng dạy cho chúng sanh. 10. Pháp vân địa (法雲地, Sanskrit: *dharmameghā-bhūmi*): Đạt địa vị này, Bồ Tát chứng đạt nhất thiết trí (Sanskrit: *sarvajñatā*), đạt

hạnh. Ở địa vị này, Bồ Tát có Pháp thân viên mãn, ngự trên tòa sen với vô số Bồ Tát chung quanh trên cung trời Đâu-suất. Quả vị Phật lúc này đã được chư Phật ấn chứng. Kinh điển có nói đến các vị Bồ Tát đã đạt đến địa vị này là Bồ Tát Di Lặc (Sanskrit: *Maitreya*), Bồ Tát Quán Thế Âm (Sanskrit: *Avalokiteśvara*) và Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi (Sanskrit: *Mañjuśrī*).

17. Bất động (不動, Sanskrit: *acalā*): Không còn bị lay động, lồi cuốn bởi các trần cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.
18. Bốn tâm vô lượng (Tứ vô lượng tâm, 四無量心, Sanskrit, *Pāli*: *caturbrahmavihāra*): là bốn tâm nguyện rộng lớn không có giới hạn của Phật và các vị Bồ Tát. Bốn tâm này đối trị bốn phiền não là sân hận, ganh tị, buồn bực và tham muốn, lại làm lợi ích cho vô lượng vô số chúng sanh, nên gọi là bốn tâm vô lượng, đó là: 1. Từ vô lượng (Sanskrit: *maitrī*). 2. Bi vô lượng (Sanskrit, *Pāli*: *karuṇā*) 3. Hỷ vô lượng (Sanskrit, *Pāli*: *muditā*). 4. Xả vô lượng (Sanskrit: *upekṣā*).
19. Số cát sông Hằng (Hằng hà sa số): số lượng rất lớn, không thể tính đếm, cũng như số cát của con sông Hằng. Trong kinh Phật thường dùng cách nói này để diễn đạt những số lượng rất lớn.
20. Ưu-bà-tắc: cư sĩ nam, người Phật tử tu tại gia thuộc phái nam. Người phái nữ gọi là ưu-bà-di (cư sĩ nữ).
21. Năm giới (Ngũ giới): là giới luật của người Phật tử tại gia, bao gồm: không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.
22. Bốn thứ báu là vàng, bạc, lưu ly và pha lê.
23. Bát công đức thủy: Nước có tám công đức. Đó là loại nước có đủ tám tính chất như sau: 1. Trừng tịnh: lắng gạn trong sạch. 2. Thanh lãnh: trong trẻo mát lạnh. 3. Cam mỹ: mùi vị ngon ngọt. 4. Khinh nhuyễn: nhẹ nhàng mềm mại. 5. Nhuận trạch: thấm nhuần tươi mát. 6. An hòa: yên ổn hòa nhã. 7. Trừ được đói khát và vô số khổ não. 8. Trưởng dưỡng thân tứ đại, tăng trưởng các thiện căn.
24. Đúng theo pháp (như pháp), nghĩa là món ăn mà các vị tỳ-kheo có thể thọ dụng đúng như giới luật chế định.
25. Do-tuần (yojana), cũng đọc là do-diên hay du-thiện-na, là đơn vị đo chiều dài của Ấn Độ cổ xưa. Có nhiều thuyết nói khác nhau, xưa kia được dùng chỉ quãng đường trung bình một vị vua có thể dẫn quân đi qua trong một ngày. Theo các nhà nghiên cứu cận đại như J. Flect và Major Vost thì một do-tuần có chiều dài khoảng từ 7.300 đến 8.500 mét. Ở đây nói rộng 12 do-tuần có nghĩa là mỗi bề ngang dọc đều 12 do-tuần.
26. Bảy thứ báu là vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não.
27. Ưu-bà-di: cư sĩ nữ, người đệ tử Phật tu tại gia thuộc phái nữ.
28. Loài rắn có bốn thứ độc (Tứ độc xà) là loài rắn độc hại nhất. Bốn thứ độc của chúng là: 1. Chỉ nhìn cũng đủ hại người (kiến độc) 2. Chỉ chạm vào cũng đủ hại người (xúc độc) 3. Cắn người có thể hại người (khiết độc) 4. Hơi gió phát ra cũng có thể hại người (hư độc).
29. Chín lỗ (cửu khổng): hai tai, hai mũi, hai mắt, một miệng và hai đường đại tiểu tiện.

30. Một loại cây nở hoa màu hồng rất đẹp nhưng có mùi hôi lan xa đến hàng mấy chục dặm. Đây dùng hoa y-lan để so sánh với những phiền não tụ tập trong thân.
31. Cây lớn mọc sát ven sông: chỉ sự không bền chắc, vì có thể ngã đổ bất cứ lúc nào. Trong Quy Sơn cảnh sách văn có ví dụ “ngạn thọ, tỉnh đằng” (岸樹, 井藤 cây ven bờ vực, dây leo vách giếng) có lẽ cũng xuất phát từ đây.
32. Một loại hạt rất nhỏ màu vàng đen, dùng làm vị thuốc. Có người nói là hạt của cây rau dầy.
33. Ly-xa (Sanskrit: *Liçavi*) tộc họ có quyền thế nhất ở thành Tỳ-da-li, cũng là họ Lục-sĩ đã nói ở trước.
34. Tỳ-da-li (Sanskrit: *Vaiśālī*) Cũng viết là Tỳ-xá-li, Di-da-li, một đô thành lớn ở miền Trung Ấn Độ, dịch nghĩa là Quảng Nghiêm. Đây là nơi cư trú của Bồ Tát Duy-ma-cật, vị cư sĩ hiện thân thuyết pháp trong kinh Duy-ma-cật.
35. Đa-la: tên cây phiên âm từ Phạn ngữ là *tāla*, tên khoa học là *borassus flabelliformis*, mọc phổ biến ở Ấn Độ, Myanma, *Śrī* Lanka và một số vùng nhiệt đới thuộc châu Phi. Cây cao to, mọc thẳng, hoa trắng lớn, trái chín màu đỏ, ăn được. Lá cây có phiến lớn, rộng, xua dùng để viết chữ lên và lưu giữ được, gọi là lá bối-đa-la, hay lá bối, đặc biệt là giai đoạn đầu tiên của việc ghi chép kinh điển chủ yếu dùng loại lá bối này, nên gọi là bối điệp kinh. Chiều cao cây trung bình khoảng bảy, tám mươi thước cổ (mỗi thước cổ khoảng 0,33 mét), nhưng trong Huệ uyển âm nghĩa nói rằng người xưa ước lệ chiều cao cây này là 10 trượng (tức 100 thước cổ) để làm đơn vị đo chiều cao. Nếu vậy thì ngang tầm một cây đa-la tức là khoảng hơn 30 mét, bảy cây là khoảng hơn 200 mét.
36. Bốn hạng quân (Tứ binh) khác nhau hợp thành quân đội, đó là: 1. Tượng binh (quân cưỡi voi), 2. Kỵ binh (quân cưỡi ngựa), 3. Xa binh (quân đi xe) và 4. Bộ binh (quân đi bộ).
37. Kim sí điểu: loài chim rất lớn, cánh màu vàng.
38. Là những vị ẩn tu nơi các vùng rừng núi, chứng đắc thần thông, được trường thọ.
39. Tức là Tứ thần túc, cũng gọi là Tứ như ý túc (四如意足; Sanskrit: *cattvāra rddhipādāḥ*), bao gồm: 1. Dục (Sanskrit: *chanda*) thần túc, sự tập trung ý chí mạnh mẽ; 2. Tinh tấn (Sanskrit: *vīrya*) thần túc, nghị lực mạnh mẽ; 3. Tâm (Sanskrit: *citta*) thần túc, sự chú tâm; 4. Trạch pháp (Sanskrit: *mīmāṃsā*) thần túc, chú tâm vào sự tra xét, tìm tòi.
40. Tức là cõi trời Tha hóa tự tại, là cõi trời cao nhất trong Lục dục thiên, cũng gọi là cõi trời Tự tại.
41. Bốn cõi thiên hạ (Tứ thiên hạ): mỗi thế giới được chia theo bốn phương của núi Tu-di, gọi là Bốn châu hay Bốn cõi thiên hạ, gồm có: Phương bắc là Câu-lô châu, hay Uất-đan-việt châu, phương nam là Thiệm-bộ châu, hay Diêm-phù-đề châu, phương tây là Ngưu-hóa châu hay Cô-da-ni châu, phương đông là Thắng-thần châu hay Phất-bà-đề châu.

42. Hữu đỉnh thiên: tức là Sắc cứu cánh thiên, cảnh trời cao nhất trong ba Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới
43. Ngàn thế giới: tức là một tiểu thiên thế giới.
44. Trung thiên thế giới: tức là một ngàn tiểu thiên thế giới.
45. Bốn bộ chúng: Hai chúng xuất gia là tỳ-kheo và tỳ-kheo ni, và hai chúng tại gia là cư sĩ nam (ưu-bà-tắc) và cư sĩ nữ (ưu-bà-di).
46. Bốn Thiên Vương hộ thế: Bốn vị vua trời có trách nhiệm thủ hộ bốn phương trong thế giới Ta-bà. Bốn ngài ở lưng chừng theo bốn phía núi Tu-di, gồm có: 1. Trì Quốc Thiên Vương, cai quản phương đông; 2. Quảng Mục Thiên Vương, cai quản phương tây; 3. Tăng Trưởng Thiên Vương, cai quản phương nam; 4. Đa Văn Thiên Vương, cai quản phương bắc.
47. Tám bộ trời người: Tám loài chúng sanh thường dự nghe và ủng hộ Phật mỗi khi Phật giảng kinh Đại thừa. Cũng gọi là Tám bộ chúng: 1. Thiên (chư thiên, các vị cư trú từ các cõi trời Dục giới trở lên) 2. Long (loài rồng) 3. Dạ-xoa (loài quỷ Dạ-xoa biết tu hành, hộ pháp) 4. Càn-thát-bà (thần âm nhạc) 5. A-tu-la (loài có thần lực như chư thiên nhưng oai nghi, hình sắc thua kém hơn nhiều, cũng gọi là loài phi thiên) 6. Ca-lâu-la (thần chim cánh vàng) 7. Khẩn-na-la (loài đầu người mà có sừng) 8. Ma-hầu-la-già (loài rắn lớn).
48. Hàng phi nhân: hạng chúng sanh không phải người, không có thể xác như loài người. Tuy có thể biến hóa ra hình người nhưng không phải người nên gọi là phi nhân.
49. Tức là vị đại đệ tử lớn nhất của đức Phật Hư Không Đẳng vừa nói trên.
50. Chấn động sáu cách (Lục chủng chấn động): Theo kinh Đại phẩm Bát-nhã, quyển 1, thì 6 cách chấn động này là: 1. Phương đông vọt lên, phương tây chìm xuống. 2. Phương tây vọt lên, phương đông chìm xuống. 3. Phương nam vọt lên, phương bắc chìm xuống. 4. Phương bắc vọt lên, phương nam chìm xuống. 5. Bốn phương vọt lên, ở giữa chìm xuống. 6. Ở giữa vọt lên, bốn phương chìm xuống.
51. Phương đông và chín phương kia, tức là mười phương. Trong kinh Phật thường dùng khái niệm mười phương (thập phương), bao gồm các phương đông, tây, nam, bắc, đông bắc, tây bắc, đông nam, tây nam, cùng với phương trên (thượng phương) và phương dưới (hạ phương). Điều này cũng có nghĩa là đức Phật đã thấy biết được trái đất của chúng ta là một thế giới treo lơ lửng giữa hư không, và về cả hai phía trên dưới còn có vô số thế giới khác. Cách hiểu này, cho đến nay khoa học vẫn chỉ xác định được một phần, đó là việc trái đất “lơ lửng” giữa khoảng không. Còn về những thế giới khác, điều thú vị là mặc dù chưa có được bằng chứng khoa học nào, nhưng cũng chưa từng có nhà khoa học nào phủ nhận. Tất cả đều mặc nhiên tin rằng đây là một điều rất có thể có, mặc dù vẫn còn nằm ngoài những hiểu biết hiện tại của con người. Nếu so với những hiểu biết của khoa học phương Tây trước thời Galileo Galilei (1564 - 1642) và những khám

phá gây chấn động giới khoa học của ông này, chúng ta hoàn toàn có thể tin được là trong tương lai con người sẽ còn có thể hiểu thêm rất nhiều điều mới lạ về vũ trụ và các thế giới khác. Một số người thời nay, khi đọc kinh điển Đại thừa không tin nổi những điều mâu nhiệm, vi diệu mô tả trong kinh, cụ thể như những gì được mô tả trong phẩm kinh này. Điều đó có khác gì những kẻ đương thời với Galileo đã buộc tội ông chỉ vì không hiểu nổi những điều ông đã khám phá về vũ trụ. Lấy cái biết hạn hẹp của chúng ta mà đo lường trí tuệ của chư Phật thì khác nào như ếch ngồi đáy giếng bàn chuyện trời cao?

52. Quyển thuộc: Trong kinh này cũng như nhiều kinh điển khác, từ quyển thuộc của một vị nào đó nên được hiểu theo nghĩa rộng là chỉ tất cả những người thường quy tụ chung quanh vị ấy, là những người có cùng khuynh hướng, sở thích và cung cách hành xử. Khi nói quyển thuộc của ma cũng là với nghĩa này.
53. Đây là 4 loại hoa sen có 4 màu: hoa ưu-bát-la màu xanh, hoa câu-vật-đầu màu vàng, hoa ba-đầu-ma màu đỏ, hoa phân-đà-lỵ màu trắng.
54. Ao năm tuổi: tức là có 5 con suối cùng chảy vào một cái ao.
55. Vàng diêm-phù-đàn: Phạm ngữ: *Jambunadasuvarṇa*, tên loại vàng quý nhất có màu vàng tía, có xuất xứ từ đáy một con sông chảy dưới rừng cây diêm-phù, nên gọi tên là diêm-phù-đàn.
56. Vườn Hoan Hỷ, cũng gọi là Hoan Lạc, vườn Hỷ Lâm, là một trong bốn khu vườn của cõi trời Đao-lợi. Vườn này nằm ở phía bắc, bên ngoài thành Hỷ Kiến. Khi chư thiên vào vườn thì tự nhiên sanh tâm hoan hỷ, nên gọi tên là vườn Hoan Hỷ.
57. Ba cõi (Tam giới), bao gồm: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.
58. Kể từ đoạn nói về chư đại tỳ-kheo chúng cho đến đoạn này nói về chư Bồ Tát Vô Biên Thân, cả thấy đã có 52 hội chúng tuần tự kéo đến rừng Sa-la nơi đức Phật sắp nhập Niết-bàn. Các bản luận giải thường gọi đây là “ngũ thập nhị chúng” để chỉ chung tất cả các loài chúng sanh trong Ba cõi. Đây là số hội chúng đông đảo nhất trong suốt cuộc đời hoàng hóa của đức Phật Thích-ca Mâu-ni, vì bao gồm tất cả các loài chúng sanh khác nhau, với căn cơ và nghiệp quả khác nhau, không giống như đa số các Pháp hội khác thường chỉ dành cho một số thành phần thích hợp nhất định.
59. Nhất-xiển-đề (Sanskrit: *icchantika*) là hạng người mất hẳn niềm tin nơi Tam bảo.
60. Bốn tâm vô lượng (Sanskrit: *catvāri-apramāṇāni*, Pāli: *catasso-appamaññāyo*) tức Tứ vô lượng tâm, cũng còn gọi là Tứ phạm trú (Sanskrit, Pāli: *caturbrahmavihāra*), gồm có: Từ (Sanskrit: *maitrī*), Bi (Sanskrit, Pāli: *karuṇā*), Hỷ (Sanskrit, Pāli: *muditā*), và Xả (Sanskrit: *upekṣā*). Chư Phật và Bồ Tát đều đã thành tựu bốn tâm này. Vì những tâm này rộng lớn vô biên, không thể đo lường nên gọi là tâm vô lượng. Bốn tâm vô lượng này đối trị bốn phiền não là sân hận, ganh tị, buồn bực và tham muốn.

# 大般涅槃經

## 卷第二壽命品第一之二

爾時會中有優婆塞。是拘尸那城工巧之子。名曰純陀。與其同類十五人俱。為令世間得善果故。捨身威儀從座而起。偏袒右肩右膝著地。合掌向佛悲泣墮淚。頂禮佛足而白佛言。唯願世尊及比丘僧。哀受我等最後供養。為度無量諸衆生故。

世尊我等從今無主無親。無救無護無歸無趣貧窮饑困。欲從如來求將來食。唯願哀愍受我微供。然後乃入於般涅槃。

世尊。譬如剎利若婆羅門毗舍首陀。以貧窮故遠至他國。役力農作得好調牛。良田平正。無諸沙澗惡草株杌唯希天雨。言調牛者喻身口七。良田平正喻於智慧。除去沙澗惡草株杌喻諸煩惱。

世尊。我今身有調牛良田除去株杌。唯希如來甘露法雨。貧四姓者即我身是貧。於無上法之財寶。唯願哀愍除斷我等貧窮困苦。拯及無量苦惱衆生。

我今所供雖復微少冀得充足如來大衆。我今無主無親無歸。願垂矜愍如羅睺羅。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NHỊ - THỌ MẠNG PHẨM - Đệ nhất chi nhị

Nhĩ thời, hội trung hữu ưu-bà-tắc, thị Câu-thi-na thành công xảo chi tử, danh viết Thuần-đà dữ kỳ đồng loại thập ngũ nhân câu. Vị linh thế gian đắc thiện quả cố, xả thân oai nghi, tòng tòa nhi khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chướng hướng Phật, bi khắp đọa lệ, đánh lễ Phật túc nhi bạch Phật ngôn: Duy nguyện Thế Tôn, cập tỳ-kheo tăng, ai thọ ngã đẳng tối hậu cúng dường, vị độ vô lượng chư chúng sanh cố.

Thế Tôn! Ngã đẳng tòng kim, vô chủ vô thân, vô cứu vô hộ, vô quy vô thú, bản cùng cơ khốn, dục tòng Như Lai, cầu tương lai thực. Duy nguyện ai mãn, thọ ngã vi cúng, nhiên hậu nãi nhập ư bát Niết-bàn.

Thế Tôn! Thí như sát-lợi, nhược bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà, dĩ bản cùng cố, viễn chí tha quốc, dịch lực nông tác, đắc hảo điều ngư, lương điền bình chánh, vô chư sa lỗ, ác thảo, châu ngột, duy hy thiên vũ. Ngôn điều ngư giả, dụ thân khẩu thất; lương điền bình chánh, dụ ư trí tuệ. Trừ khứ sa lỗ, ác thảo châu ngột, dụ trừ phiền não.

Thế Tôn! Ngã kim thân hữu điều ngư, lương điền, trừ khứ châu ngột. Duy hy Như Lai cam lồ pháp vũ. Bản tứ tánh giả, túc ngã thân thị, bản ư vô thượng pháp chi tài bảo. Duy nguyện ai mãn, trừ đoạn ngã đẳng bản cùng, khốn khổ, chủng cập vô lượng khổ não chúng sanh.

Ngã kim sở cúng, tuy phục vi thiếu, ký đắc sung túc Như Lai, đại chúng. Ngã kim vô chủ, vô thân, vô quy. Nguyện thù căn mãn như La-hầu-la.

爾時世尊一切種智無上調御告純陀曰。善哉善哉。我今為汝除斷貧窮。無上法雨雨汝身田令生法芽。汝今於我欲求壽命色力安樂。無礙辯才。我當施汝常命色力安無礙辯。何以故。

純陀。施食有二果報無差。何等為二。一者受已得阿耨多羅三藐三菩提。二者受已入於涅槃。我今受汝最後供養。令汝具足檀波羅蜜。

爾時，純陀即白佛言。如佛所說二施果報無差別者。是義不然。何以故。先受施者，煩惱未盡，未得成就一切種智，亦未能令衆生具足檀波羅蜜。後受施者，煩惱已盡，已得成就一切種智，能令衆生普得具足檀波羅蜜。先受施者，直是衆生。後受施者，是天中天。先受施者，是雜食身，煩惱之身。是後邊身，是無常身。後受施者，無煩惱身，金剛之身。法身，常身，無邊之身。云何而言二施果報等無差別。先受施者，未能具足檀波羅蜜，乃至般若波羅蜜。唯得肉眼，未得佛眼，乃至慧眼。後受施者，已得具足檀波羅蜜，乃至般若波羅蜜。具足佛眼，乃至慧眼。云何而言二施果報等無差別。

世尊。先受施者，受已食噉，入腹消化。得命，得

Nhĩ thời Thế Tôn, Nhất thiết chủng trí, Vô thượng điều ngự, cáo Thuần-đà viết: Thiện tai, thiện tai! Ngã kim vị nhĩ, trừ đoạn bản cùng. Vô thượng pháp vũ, vũ nhĩ thân điền, linh sanh pháp nha. Nhĩ kim ư ngã, dục cầu thọ mạng, sắc lực, an lạc, vô ngại biện tài. Ngã đương thí nhĩ thường mạng, sắc, lực, an, vô ngại biện. Hà dĩ cố?

Thuần-đà! Thí thực hữu nhĩ, quả báo vô sai. Hà đẳng vi nhĩ? Nhất giả thọ dĩ, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nhĩ giả thọ dĩ, nhập ư Niết-bàn. Ngã kim thọ nhĩ tối hậu cúng dường, linh nhĩ cụ túc Đàn Ba-la-mật.

Nhĩ thời, Thuần-đà tức bạch Phật ngôn: Như Phật sở thuyết, nhĩ thí quả báo, vô sai biệt giả, thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Tiên thọ thí giả, phiền não vị tận, vị đắc thành tựu Nhất thiết chủng trí, diệt vị năng linh chúng sanh cụ túc Đàn Ba-la-mật. Hậu thọ thí giả, phiền não dĩ tận, dĩ đắc thành tựu nhất thiết chủng trí, năng linh chúng sanh phổ đắc cụ túc Đàn Ba-la-mật. Tiên thọ thí giả, trực thị chúng sanh. Hậu thọ thí giả, thị thiên trung thiên. Tiên thọ thí giả, thị tạp thực thân, phiền não chi thân, thị hậu biên thân, thị vô thường thân. Hậu thọ thí giả, vô phiền não thân, kim cang chi thân, pháp thân, thường thân, vô biên chi thân. Vân hà nhi ngôn, nhĩ thí quả báo, đẳng vô sai biệt? Tiên thọ thí giả, vị năng cụ túc Đàn Ba-la-mật, nãi chí Bát-nhã ba-la-mật, duy đắc nhục nhãn, vị đắc Phật nhãn, nãi chí Huệ nhãn. Hậu thọ thí giả, dĩ đắc cụ túc Đàn Ba-la-mật, nãi chí Bát-nhã ba-la-mật, cụ túc Phật nhãn, nãi chí Huệ nhãn. Vân hà nhi ngôn, nhĩ thí quả báo, đẳng vô sai biệt?

Thế Tôn! Tiên thọ thí giả, thọ dĩ thực hám, nhập phúc tiêu hoá, đắc mạng, đắc sắc, đắc lực, đắc an, đắc vô ngại biện. Hậu



色，得力，得安，得無礙辯。後受施者，不食，不消，無五事果。云何而言二施果報等無差別。

佛言。善男子。如來已於無量無邊阿僧祇劫，無有食身，煩惱之身。無後邊身，常身，法身，金剛之身。

善男子。未見佛性者，名煩惱身，雜食之身，是後邊身。菩薩爾時受飲食已，入金剛三昧。此食消已，即見佛性，得阿耨多羅三藐三菩提。是故我言二施果報等無差別。菩薩爾時破壞四魔。今入涅槃亦破四魔。是故我言二施果報等無差別。菩薩爾時雖不廣說十二部經先已通達。今入涅槃廣為衆生分別演說。是故我言二施果報等無差別。

善男子。如來之身已於無量阿僧祇劫不受飲食。為諸聲聞說言。先受難陀難陀波羅二牧牛女所奉乳糜。然後乃得阿耨多羅三藐三菩提。我實不食。我今為於此會大眾。是故受汝最後所奉。實亦不食。

爾時大眾聞佛世尊普為大會受於純陀最後供養。歡喜踊躍同聲讚言。善哉善哉。希有純陀。汝今立字名不虛稱言。純陀者名解妙義。汝今建立如是大義。是故依實從義立名。故名純陀。汝今現世得大名利德願滿足。甚奇純陀。生在人中復得難得無上之利。

thọ thí giả, bất thực, bất tiêu, vô ngũ sự quả. Vân hà nhi ngôn, nhị thí quả báo, đẳng vô sai biệt?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Như Lai dĩ ư vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, vô hữu thực thân, phiền não chi thân, vô hậu biên thân, thường thân, pháp thân, kim cang chi thân.

Thiện nam tử! Vị kiến Phật tánh giả, danh phiền não thân, tạp thực chi thân, thị hậu biên thân. Bồ Tát nhĩ thời, thọ ẩm thực dĩ, nhập kim cang tam muội. Thủ thực tiêu dĩ tức kiến Phật tánh, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị cố ngã ngôn: nhị thí quả báo, đẳng vô sai biệt. Bồ Tát nhĩ thời, phá hoại tứ ma, kim nhập Niết-bàn, diệt phá tứ ma. Thị cố ngã ngôn: nhị thí quả báo, đẳng vô sai biệt. Bồ Tát nhĩ thời, tuy bất quảng thuyết thập nhị bộ kinh, tiên dĩ thông đạt. Kim nhập Niết-bàn, quảng vị chúng sanh, phân biệt diễn thuyết. Thị cố ngã ngôn: nhị thí quả báo, đẳng vô sai biệt.

Thiện nam tử! Như Lai chi thân, dĩ ư vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, bất thọ ẩm thực. vị chư Thanh văn, thuyết ngôn: Tiên thọ Nan-Đà, Nan-đà-ba-la, nhị mục ngư nữ sở phụng nhữ my, nhiên hậu nãi đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Ngã thật bất thực. Ngã kim vi ư thủ hội đại chúng, thị cố thọ nhữ tối hậu sở phụng, thật diệt bất thực.

Nhĩ thời, đại chúng văn Phật Thế Tôn, phổ vị đại hội, thọ ư Thuần-đà tối hậu cúng dường, hoan hỷ dũng dục, đồng thanh tán ngôn: Thiện tai, thiện tai! Hy hữu Thuần-đà! Nhữ kim lập tự, danh bất hư xưng. Ngôn Thuần-đà giả, danh “giải diệu nghĩa”. Nhữ kim kiến lập như thị đại nghĩa, thị cố y thật tòng nghĩa lập danh, cố danh Thuần-đà. Nhữ kim hiện thế, đắc đại danh lợi, đức nguyện mãn túc. Thậm kỳ Thuần-đà! Sanh tại nhân trung, phục đắc nan đắc vô thượng chi lợi!

善哉純陀。如優曇花世間希有。佛出於世亦復甚難。值佛生信聞法復難。佛臨涅槃最後供養。能辨是事復難於是。

南無純陀。南無純陀。汝今已具檀波羅蜜。猶如秋月十五日夜。清淨圓滿無諸雲翳。一切衆生無不瞻仰。汝亦如是。而為我等之所瞻仰。佛已受汝最後供養。令汝具足檀波羅蜜。南無純陀。是故說汝如月盛滿。一切衆生無不瞻仰。南無純陀。雖受人身心如佛心。汝今純陀。真是佛子。如羅睺羅等無有異。

爾時大眾即說偈言。

汝雖生人道  
已超第六天  
我及一切衆  
今故稽首請。  
人中最勝尊  
今當入涅槃  
汝應愍我等  
唯願速請佛。  
久住於世間  
利益無量衆  
演說智所讚  
無上甘露法。

Thiện tai Thuần-đà! Như ưu-đàm hoa, thế gian hy hữu, Phật xuất ư thế, diệc phục thậm nan. Trị Phật sanh tín, văn pháp phục nan, Phật lâm Niết-bàn, tối hậu cúng dường, năng biện thị sự, phục nan ư thị.

Nam-mô Thuần-đà! Nam-mô Thuần-đà! Nhữ kim dĩ cụ Đàn Ba-la-mật, do như thu nguyệt thập ngũ nhật dạ, thanh tịnh viên mãn, vô chư vân ế: nhất thiết chúng sanh, vô bất chiêm ngưỡng. Nhữ diệc như thị, nhi vi ngã đẳng chi sở chiêm ngưỡng. Phật dĩ thọ nhữ tối hậu cúng dường, linh nhữ cụ túc Đàn Ba-la-mật. Nam-mô Thuần-đà! Thị cố thuyết nhữ, như nguyệt thanh mãn, nhất thiết chúng sanh, vô bất chiêm ngưỡng. Nam-mô Thuần-đà! Tuy thọ nhân thân, tâm như Phật tâm. Nhữ kim Thuần-đà chân thị Phật tử, như La-hầu-la, đẳng vô hữu dị.

Nhĩ thời đại chúng tức thuyết kệ ngôn:

Nhữ tuy sanh nhân đạo,  
Dĩ siêu đệ lục thiên.  
Ngã cập nhất thiết chúng,  
Kim cố khể thủ thỉnh.  
Nhân trung tối thắng tôn,  
Kim đương nhập Niết-bàn.  
Nhữ ưng mẫn ngã đẳng,  
Duy nguyện tốc thỉnh Phật,  
Cửu trụ ư thế gian,  
Lợi ích vô lượng chúng.  
Diễn thuyết trí sở tán,  
Vô thượng cam lộ pháp.

汝若不請佛  
我命將不全  
是故應見為  
稽首調御師。

爾時純陀歡喜踊躍。譬如有人父母卒喪忽然還活。純陀歡喜亦復如是。復起禮佛。而說偈言。

快哉獲已利  
善得於人身  
蠲除貪恚等  
永離三惡道。  
快哉獲已利  
遇得金寶聚  
值遇調御師  
不懼墮畜生。  
佛如優曇花  
值遇生信難  
遇已種善根  
永滅餓鬼苦。  
亦復能損減  
阿修羅種類  
芥子投針鋒  
佛出難於是。  
我已具足檀  
度人天生死

Nhữ nhược bất tỉnh Phật,  
Ngã mạng tương bất toàn.  
Thị cố ưng kiến vi,  
Khê thủ Điều ngự sư.

Nhĩ thời Thuần-đà hoan hỷ đồng dục. Thí như hữu nhân, phụ mẫu tốt táng, hốt nhiên hoàn hoạt. Thuần-đà hoan hỷ, diệc phục như thị. Phục khởi lễ Phật, nhi thuyết kệ ngôn:

Khoái tai hoạch kỷ lợi,  
Thiện đắc ư nhân thân.  
Quyên trừ tham nhuế đẳng,  
Vĩnh ly tam ác đạo!  
Khoái tai hoạch kỷ lợi,  
Ngộ đắc kim bảo tụ.  
Trị ngộ Điều ngự sư,  
Bất cụ đọa súc sanh.  
Phật như ưu-đàm hoa,  
Trị ngộ sanh tín nan.  
Ngộ dĩ chủng thiện căn,  
Vĩnh diệt nạ quý khổ.  
Diệc phục năng tổn giảm,  
A-tu-la chủng loại.  
Giới tử đầu châm phong,  
Phật xuất nan ư thị.  
Ngã dĩ cụ túc đàn,  
Độ nhân thiên sanh tử.

佛不染世法  
 如蓮花處水。  
 善斷有頂種  
 永度生死流  
 生世為人難  
 值佛世亦難  
 猶如大海中  
 盲龜值浮孔。  
 我今所奉食  
 願得無上報  
 一切煩惱結  
 摧破不堅牢。  
 我今於此處  
 不求天人身  
 設使得之者  
 心亦不甘樂  
 如來受我供  
 歡喜無有量。  
 猶如伊蘭花  
 出於梅檀香  
 我身如伊蘭  
 如來受我供  
 如出梅檀香  
 是故我歡喜。  
 我今得現報  
 最勝上妙處  
 釋梵諸天等

Phật bất nhiễm thế pháp,  
 Như liên hoa xứ thủy.  
 Thiện đoạn hữu đỉnh chủng,  
 Vĩnh độ sanh tử lưu.  
 Sanh thế vi nhân nan,  
 Trị Phật thế diệt nan.  
 Do như đại hải trung,  
 Manh quy trị phù khổng!  
 Ngã kim sở phụng thực,  
 Nguyên đắc vô thượng báo.  
 Nhất thiết phiền não kiết,  
 Tồi phá bất kiên lao.  
 Ngã kim ư thủ xứ,  
 Bất cầu thiên nhân thân,  
 Thiết sử đắc chi giả,  
 Tâm diệt bất cam lạc.  
 Như Lai thọ ngã cúng,  
 Hoan hỷ vô hữu lượng!  
 Do như y-lan hoa,  
 Xuất ư chiên-đàn hương,  
 Ngã thân như y-lan,  
 Như Lai thọ ngã cúng,  
 Như xuất chiên-đàn hương,  
 Thị cố ngã hoan hỷ.  
 Ngã kim đắc hiện báo,  
 Tối thắng thượng diệu xứ,  
 Thích, Phạm, chư thiên đẳng,

悉來供養我。  
 一切諸世間  
 悉生大苦惱  
 以知佛世尊  
 欲入於涅槃。  
 高聲唱是言  
 世間無調御  
 不應捨衆生  
 應視如一子。  
 如來在僧中  
 演說無上法  
 如須彌寶山  
 安處于大海。  
 佛智能善斷  
 我等無明闇  
 猶如虛空中  
 起雲得清涼。  
 如來能善除  
 一切諸煩惱  
 猶如日出時  
 除雲光普照。  
 是諸衆生等  
 啼泣面目腫  
 悉皆為生死  
 苦水之所漂。  
 以是故世尊  
 應長衆生信

Tất lai cúng dường ngã.  
 Nhất thiết chư thế gian,  
 Tất sanh đại khổ não,  
 Dĩ tri Phật thế tôn,  
 Dục nhập ư Niết-bàn.  
 Cao thanh xướng thị ngôn:  
 Thế gian vô điều ngự,  
 Bất ưng xả chúng sanh,  
 Ứng thị như nhất tử.  
 Như Lai tại tăng trung,  
 Diễn thuyết vô thượng pháp,  
 Như Tu-di bảo sơn,  
 An xứ vu đại hải.  
 Phật trí năng thiện đoạn,  
 Ngã đẳng vô minh ám,  
 Do như hư không trung,  
 Khởi vân đặc thanh lương.  
 Như Lai năng thiện trừ  
 Nhất thiết chư phiền não,  
 Do như nhật xuất thời,  
 Trừ vân quang phổ chiếu.  
 Thị chư chúng sanh đẳng,  
 Đề khắp diện mục thũng,  
 Tất giai vi sanh tử  
 Khổ thủy chi sở phiêu.  
 Dĩ thị cố Thế Tôn,  
 Ứng trưởng chúng sanh tín,

為斷生死苦  
久住於世間。

佛告純陀。如是如是。如汝所說。佛出世難如  
優曇花。值佛生信亦復甚難。佛臨涅槃最後施食。  
能具足檀倍復甚難。汝今純陀。莫大愁苦應生踊躍  
喜自慶幸。得值最後供養如來。成就具足檀波羅  
蜜。不應請佛久住於世。汝今當觀諸佛境界悉皆無  
常。諸行性相亦復如是。即為純陀。而說偈言。

一切諸世間  
生者皆歸死  
壽命雖無量  
要必當有盡。  
夫盛必有衰  
合會有別離  
壯年不久停  
盛色病所侵。  
命為死所吞  
無有法常者  
諸王得自在  
勢力無等雙。  
一切皆遷動  
壽命亦如是  
眾苦輪無際  
流轉無休息。

Vị đoạn sanh tử khổ,  
Cửu trụ ư thế gian.

Phật cáo Thuần-đà: Như thị! Như thị! Như nữ sở thuyết,  
Phật xuất thế nan, như ưu-đàm hoa. Trị Phật sanh tín, diệc  
phục thậm nan. Phật lâm Niết-bàn, tối hậu thí thực, năng cụ  
túc đàn, bội phục thậm nan. Nữ kim Thuần-đà, mặc đại sầu  
khổ. Ứng sanh dũng dục, hỷ tự khánh hạnh, đắc trị tối hậu  
cúng dường Như Lai, thành tựu cụ túc Đàn Ba-la-mật, bất  
ưng thỉnh Phật cửu trụ ư thế. Nữ kim đương quán: chư Phật  
cảnh giới, tất giai vô thường, chư hành tánh tướng, diệc phục  
như thị. Túc vị Thuần-đà, nhi thuyết kệ ngôn:

Nhất thiết chư thế gian,  
Sanh giả giai quy tử.  
Thọ mạng tuy vô lượng,  
Yếu tất đương hữu tận.  
Phù thịnh tất hữu suy,  
Hiệp hội hữu biệt ly.  
Tráng niên bất cửu đình,  
Thạnh sắc bệnh sở xâm,  
Mạng vi tử sở thôn:  
Vô hữu pháp thường giả.  
Chư vương đắc tự tại,  
Thế lực vô đẳng song.  
Nhất thiết giai thiên động,  
Thọ mạng diệc như thị,  
Chúng khổ luân vô tế,  
Lưu chuyển vô hưu tức,

三界皆無常  
 諸有無有樂  
 有道本性相  
 一切皆空無。  
 可壞法流轉  
 常有憂患等  
 恐怖諸過惡  
 老病死衰惱。  
 是諸無有邊  
 易壞怨所侵  
 煩惱所纏裹  
 猶如蠶處繭  
 何有智慧者  
 而當樂是處。  
 此身苦所集  
 一切皆不淨  
 扼縛癱瘡等  
 根本無義利  
 上至諸天身  
 皆亦復如是。  
 諸欲皆無常  
 故我不貪著  
 離欲善思惟  
 而證於真實  
 究竟斷有者  
 今日當涅槃。  
 我度有彼岸

Tam giới giai vô thường,  
 Chư hữu vô hữu lạc,  
 Hữu đạo bản tánh tướng:  
 Nhất thiết giai không vô.  
 Khả hoại pháp lưu chuyển,  
 Thường hữu ưu hoạn đẳng  
 Khủng bố chư quá ác,  
 Lão bệnh tử suy não.  
 Thị chư vô hữu biên  
 Dịch hoại oán sở xâm,  
 Phiền não sở triển khỏa,  
 Do như tầm xứ kiến.  
 Hà hữu trí tuệ giả,  
 Nhi đương nhạo thị xứ?  
 Thủ thân khổ sở tập,  
 Nhất thiết giai bất tịnh:  
 Ách phược ung sang đẳng,  
 Căn bản vô nghĩa lợi.  
 Thượng chí chư thiên thân,  
 Giai diệc phục như thị.  
 Chư dục giai vô thường,  
 Cố ngã bất tham trước.  
 Ly dục thiện tư duy,  
 Nhi chúng ư chân thật,  
 Cứu cánh đoạn hữu giả.  
 Kim nhật đương Niết-bàn.  
 Ngã độ hữu bỉ ngạn,

已得過諸苦  
是故於今日  
純受上妙樂。  
以是因緣故  
證無戲論邊  
永斷諸纏縛  
今日入涅槃。  
我無老病死  
壽命不可盡  
我今入涅槃  
猶如大火滅  
純陀汝不應  
思量如來義  
當觀如來性  
猶如須彌山。  
我今入涅槃  
受持第一樂  
諸佛法如是  
不應復啼哭。

爾時純陀白佛言。世尊。如是如是。誠如聖教。我今所有智慧微淺猶如蚊虻。何能思議如來涅槃深奧之義。

世尊。我今已與諸大龍象菩薩摩訶薩斷諸結漏文殊師利法王子等。

世尊。譬如幼年初得出家。雖未受具即墮僧數。

Dĩ đắc quá chư khổ.  
Thị cố ư kim nhật,  
Thuần thọ thượng diệu lạc.  
Dĩ thị nhân duyên cố,  
Chứng vô hý luận biên,  
Vĩnh đoạn chư triền phược.  
Kim nhật nhập Niết-bàn,  
Ngã vô lão bệnh tử,  
Thọ mạng bất khả tận.  
Ngã kim nhập Niết-bàn,  
Do như đại hoả diệt.  
Thuần-đà nhữ bất ưng  
Tư lượng Như Lai nghĩa,  
Đương quán Như Lai tánh  
Do như Tu-di sơn.  
Ngã kim nhập Niết-bàn,  
Thọ trì đệ nhất lạc.  
Chư Phật pháp như thị,  
Bất ưng phục đề khóc.

Nhĩ thời Thuần-đà bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị, như thị. Thành như thánh giáo. Ngã kim sở hữu trí tuệ vi thiểu, do như mân manh, hà năng tư nghị Như Lai Niết-bàn thâm áo chi nghĩa?

Thế Tôn! Ngã kim dĩ dĩ chư đại long tượng: Bồ Tát ma-ha-tát đoạn chư kết lậu, Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử đẳng.

Thế Tôn! Thí như ấu niên, sơ đắc xuất gia, tuy vị thọ cụ, tức đoạ tăng số. Ngã diệc như thị. Dĩ Phật Bồ Tát thân thông



我亦如是。以佛菩薩神通力故。得在如是大菩薩數。是故我今欲令如來久住於世不入涅槃。譬如饑人終無變吐。願使世尊亦復如是。常住於世不入涅槃。

爾時文殊師利法王子告純陀言。純陀。汝今不應發如是言。欲使如來常住於世不般涅槃。如彼饑人無所變吐。汝今當觀諸行性相。如是觀行具空三昧。欲求正法應如是學。

純陀問言。文殊師利。夫如來者。天上人中最尊最勝。如是如來豈是行耶。若是行者為生滅法。譬如水泡速起速滅。往來流轉猶如車輪。一切諸行亦復如是。我聞諸天壽命極長。云何世尊是天中天。壽命更促不滿百年。如聚落主勢得自在。以自在力能制他人。是人福盡其後貧賤。人所輕憊為他策使。所以者何。失勢力故。世尊亦爾同於諸行。同諸行者則不得稱為天中天。何以故。諸行即是生死法故。是故文殊。勿觀如來同於諸行。

復次文殊師利。為知而說不知而說。而言如來同於諸行。設使如來同諸行者。則不得言於三界中為天中天自在法王。譬如人王有力士。其力當千。更無有能降伏之者。故稱此人一人當千。如是力士王所愛念。偏賜爵祿封賞自然。所以得稱當千人者。是人未

lực cố, đắc tại như thị đại Bồ Tát số. Thị cố ngã kim dục linh Như Lai cứu trụ ư thế, bất nhập Niết-bàn. Thí như cơ nhân, chung vô biến thổ. Nguyên sử Thế Tôn, diệc phục như thị, thường trụ ư thế, bất nhập Niết-bàn.

Nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử cáo Thuần-đà ngôn: Thuần-đà! Nhữ kim bất ưng phát như thị ngôn, dục sử Như Lai thường trụ ư thế, bất nhập Niết-bàn, như bỉ cơ nhân, vô sở biến thổ. Nhữ kim đương quán chư hành tánh tướng. Như thị quán hành, cụ không tam muội. Dục cầu Chánh pháp, ưng như thị học.

Thuần-đà vấn ngôn: Văn-thù-sư-lợi! Phù Như Lai giả, thiên thượng nhân trung, tối tôn tối thắng. Như thị Như Lai, khởi thị hành da? Nhược thị hành giả, vi sanh diệt pháp. Thí như thủy bào, tốc khởi tốc diệt, vãng lai lưu chuyển, do như xa luân. Nhất thiết chư hành, diệc phục như thị. Ngã văn chư thiên, thọ mạng cực trường. Vân hà Thế Tôn, thị thiên trung thiên, thọ mạng cánh xúc, bất mãn bá niên? Như tỵ lạc chủ, thế đắc tự tại. Dĩ tự tại lực, năng chế tha nhân. Thị nhân phước tận, kỳ hậu bản tiện, nhân sở khinh miết, vi tha sách sử. Sở dĩ giả hà? Thất thế lực cố. Thế Tôn diệc nhĩ, đồng ư chư hành. Đồng chư hành giả, tác bất đắc xưng vi thiên trung thiên. Hà dĩ cố? Chư hành tức thị sanh tử pháp cố. Thị cố Văn-thù, vật quán Như Lai đồng ư chư hành.

Phục thứ Văn-thù-sư-lợi! Vi tri nhi thuyết, bất tri nhi thuyết, nhi ngôn Như Lai đồng ư chư hành. Thiết sử Như Lai đồng chư hành giả, tác bất đắc ngôn, ư tam giới trung, vi thiên trung thiên tự tại Pháp vương. Thí như nhân vương, hữu đại lực sĩ, kỳ lực đương thiên, cánh vô hữu năng hàng phục chi giả, cố xưng thủ nhân, nhất nhân đương thiên. Như thị lực sĩ, vương sở ái niệm, thiên tứ tước lộc, phong thưởng tự nhiên, sở

必力敵於千。但以種種伎藝所能勝千故。故稱當千。如來亦爾。降煩惱魔陰魔天魔死魔。是故如來名三界尊。如彼力士一人當千。以是因緣成就具足種種無量真實功德。故稱如來應正遍知。

文殊師利。汝今不應憶想分別以如來法同於諸行。

譬如巨富長者生子。相師占之有短壽相。父母聞已知其不任紹繼家嗣。不復愛重視如芻草。夫短壽者，不為沙門，婆羅門等，男女大小之所敬念。若使如來同諸行者，亦復不為一切世間人天衆生之所奉敬。如來所說不變不異真實之法亦無受者。

是故文殊師利。不應說言如來同於一切諸行。

復次文殊師利。譬如貧女無有居家救護之者。加復病苦饑渴所逼。遊行乞丐止他客舍寄生一子。是客舍主驅逐令去。其產未久攜抱是兒欲至他國。於其中路遇惡風雨寒苦並至。多為蚊虻蜂螫毒蟲之所嚙食。經由恒河抱兒而渡。其水漂疾而不放捨。於是母子遂共俱沒。如是女人慈念功德。命終之後生於梵天。

文殊師利若有善男子欲護正法。勿說如來同於諸行不同諸行。唯當自責我今愚癡無有慧目。如來

dĩ đắc xưng, đương thiên nhân giả, thị nhân vị tất lực địch ư thiên. Đãn dĩ chủng chủng kỹ nghệ sở năng, năng thắng thiên cố, cố xưng đương thiên. Như Lai diệc nhĩ, hàng phiến não ma, ám ma, thiên ma, tử ma, thị cố Như Lai, danh tam giới tôn. Như bỉ lực sĩ, nhất nhân đương thiên. Dĩ thị nhân duyên, thành tựu cụ túc chủng chủng vô lượng chân thật công đức, cố xưng Như Lai, Ứng Chánh biến tri.

Văn-thù-sư-lợi! Nhữ kim bất ưng ức tưởng phân biệt, dĩ Như Lai pháp đồng ư chư hành.

Thí như cự phú trưởng giả sanh tử. Tướng sư chiêm chi, hữu đoán thọ tướng. Phụ mẫu văn dĩ, tri kỳ bất nhiệm thiệu kế gia tự, bất phục ái trọng, thị như sô thảo. Phù đoán thọ giả, bất vi sa-môn, bà-la-môn đẳng, nam nữ đại tiểu, chi sở kính niệm. Nhược sử Như Lai đồng chư hành giả, diệc phục bất vi nhất thiết thế gian, nhân thiên chúng sanh, chi sở phụng kính. Như Lai sở thuyết, bất biến bất dị chân thật chi pháp, diệc vô thọ giả.

Thị cố Văn-thù-sư-lợi! Bất ưng thuyết ngôn, Như Lai đồng ư nhất thiết chư hành.

Phục thứ Văn-thù-sư-lợi! Thí như bần nữ vô hữu cư gia cứu hộ chi giả, gia phục bệnh khổ, cơ khát sở bức. Du hành khát cái, chỉ tha khách xá, ký sanh nhất tử. Thị khách xá chủ khu trục linh khứ. Kỳ sản vị cứu, huê bảo thị nhi, dục chí tha quốc. Ư kỳ trung lộ, ngộ ác phong vũ, hàn khổ tịnh chí, đa vi mân manh, phong thích, độc trùng chi sở phẩm thực. Kinh do Hằng hà, bảo nhi nhi độ. Kỳ thủy phiêu tạt, nhi bất phóng xả. Ư thị mẫu tử, toại cộng câu một. Như thị nữ nhân, từ niệm công đức, mạng chung chi hậu, sanh ư Phạm thiên.

Văn-thù-sư-lợi! Nhược hữu thiện nam tử dục hộ Chánh pháp, vật thuyết Như Lai đồng ư chư hành, bất đồng chư hành. Duy đương tự trách: ngã kim ngu si, vô hữu huệ mục.

正法不可思議。是故不應宣說如來定是有為定是無為。若正見者。應說如來定是無為。何以故。能為衆生生善法故生憐愍故。如彼貧女在於恒河為愛念子而捨身命。

善男子。護法菩薩亦應如是。寧捨身命不說如來同於有為。當言如來同於無為。以說如來同無為故得阿耨多羅三藐三菩提。如彼女人得生梵天。何以故。以護法故。云何護法。所謂說言如來同於無為。

善男子。如是之人雖不求解脫解脫自至。如彼貧女不求梵天梵天自至。

文殊師利。如人遠行中路疲極寄止他舍。臥寐之中其室忽然大火卒起。即時驚寤。尋自思惟。我於今者定死無疑。具慚愧故以衣纏身。即便命終生忉利天。從是已後滿八十返作大梵王。滿百千世生於人中為轉輪王。是人不再生三惡趣。展轉常生安樂之處。以是緣故。文殊師利。若善男子。有慚愧者不應觀佛同於諸行。

文殊師利。外道邪見可說如來同於有為。持戒比丘不應如是於如來所生有為想。若言如來是有為者。即是妄語。當知是人死入地獄。如人自處於已舍宅。文殊師利。如來真實是無為法。不應復言是

Như Lai Chánh pháp, bất khả tư nghị. Thị cố bất ưng tuyên thuyết Như Lai, định thị hữu vi, định thị vô vi. Nhược Chánh kiến giả, ưng thuyết Như Lai, định thị vô vi. Hà dĩ cố? Năng vị chúng sanh, sanh thiện pháp cố, sanh lân mẫn cố. Như bỉ bản nữ, tại ư Hằng hà, vị ái niệm tử, nhi xả thân mạng.

Thiện nam tử! Hộ pháp Bồ Tát, diệc ưng như thị. Ninh xả thân mạng, bất thuyết Như Lai, đồng ư hữu vi. Đương ngôn: Như Lai đồng ư vô vi. Dĩ thuyết Như Lai đồng vô vi cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Như bỉ nữ nhân đắc sanh Phạm thiên. Hà dĩ cố? Dĩ hộ pháp cố. Vân hà hộ pháp? Sở vị thuyết ngôn: Như Lai đồng ư vô vi.

Thiện nam tử! Như thị chi nhân, tuy bất cầu giải thoát, giải thoát tự chí. Như bỉ bản nữ, bất cầu Phạm thiên, Phạm thiên tự chí.

Văn-thù-sư-lợi, như nhân viễn hành, trung lộ bì cực, ký chỉ tha xá. Ngọa my chi trung, kỳ thất hốt nhiên đại hỏa tốt khởi. Tức thời kinh ngộ, tâm tự tư duy: Ngã ư kim giả, định tử vô nghi. Cụ tầm quý cố, dĩ y triển thân, tức tiện mạng chung, sanh Đạo-lợi thiên. Tùng thị dĩ hậu, mãn bát thập phản, tác đại Phạm vương. Mãn bá thiên thế, sanh ư nhân trung, vi Chuyển luân Vương. Thị nhân bất phục sanh tam ác thú, triển chuyển thường sanh an lạc chi xứ. Dĩ thị duyên cố, Văn-thù-sư-lợi, nhược thiện nam tử, hữu tầm quý giả, bất ưng quán Phật đồng ư chư hành.

Văn-thù-sư-lợi! Ngoại đạo tà kiến, khả thuyết Như Lai đồng ư hữu vi. Trì giới tỳ-kheo, bất ưng như thị, ư Như Lai sở, sanh hữu vi tưởng. Nhược ngôn: Như Lai thị hữu vi giả, tức thị vọng ngữ. Đương tri thị nhân, tử nhập địa ngục, như nhân tự xử ư kỷ xá trạch. Văn-thù-sư-lợi! Như Lai chân thật, thị vô vi

有為也。汝從今日於生死中應捨無智求於正智當知如來即是無為。若能如是觀如來者。具足當得三十二相。速疾成就阿耨多羅三藐三菩提。

爾時文殊師利法王子讚純陀言。善哉善哉。善男子。汝今已作長壽因緣能知如來是常住法不變異法無為之法。汝今如是善覆如來有為之相。如被火人為慚愧故以衣覆身。以是善心生忉利天。復為梵王轉輪聖王。不至惡趣常受安樂。汝亦如是善覆如來有為相故。於未來世必定當得三十二相八十種好十八不共法無量壽命。不在生死常受安樂。不久得成應正遍知。

純陀。如來次後自當廣說我之與汝俱亦當覆如來有為。有為無為且共置之。汝可隨時速施飯食。如是施者。諸施中最。若比丘比丘尼優婆塞優婆夷。遠行疲極所須之物應當清淨隨時給與。如是速施即是具足檀波羅蜜根本種子。

純陀。若有最後施佛及僧。若多若少若足不足宜速及時。如來正爾當般涅槃。

純陀答言。文殊師利。汝今何故。貪為此食而言多少足與不足令我時施。

pháp. Bát ưng phục ngôn: thị hữu vi dã. Nhữ tùng kim nhật, ư sanh tử trung, ưng xả vô trí, cầu ư chánh trí. Đương tri Như Lai tức thị vô vi. Nhược năng như thị quán Như Lai giả, cụ túc đương đắc tam thập nhị tướng, tốc tạt thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Nhĩ thời Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử, tán Thuần-đà ngôn: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim dĩ tác trường thọ nhân duyên, năng tri Như Lai thị thường trụ pháp, bất biến dị pháp, vô vi chi pháp. Nhữ kim như thị, thiện phú Như Lai hữu vi chi tướng. Như bị hỏa nhân, vi tầm quý cố, dĩ y phú thân. Dĩ thị thiện tâm, sanh Đạo-lợi thiên, phục vi Phạm vương, Chuyển luân Thánh vương, bất chí ác thú, thường thọ an lạc. Nhữ diệc như thị, thiện phú Như Lai hữu vi tướng cố, ư vị lai thế, tạt định đương đắc tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, thập bát bất cộng pháp, vô lượng thọ mạng, bất tại sanh tử, thường thọ an lạc, bất cứu đắc thành Ứng, Chánh biến tri.

Thuần-đà! Như Lai thứ hậu tự đương quảng thuyết. Ngã chi dĩ nhữ, câu diệc đương phú Như Lai hữu vi. Hữu vi, vô vi, tả cộng trí chi. Nhữ khả tùy thời, tốc thí phạn tự. Như thị thí giả, chư thí trung tối. Nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, viễn hành bì cực, sở tu chi vật, ưng đương thanh tịnh, tùy thời cấp dĩ. Như thị tốc thí, tức thị cụ túc Đàn Ba-la-mật, căn bản chủng tử.

Thuần-đà! Nhược hữu tối hậu thí Phật cập tăng, nhược đa, nhược thiếu, nhược túc bất túc, nghi tốc cập thời, Như Lai chánh nhĩ, đương bát Niết-bàn.

Thuần-đà đáp ngôn: Văn-thù-sư-lợi! Nhữ kim hà cố, tham vị thử thực nhi ngôn đa thiếu, túc dĩ bất túc, linh ngã thời thí?

文殊師利。如來昔日苦行六年尚自支持。況於今日須臾間耶。

文殊師利。汝今實謂如來正覺受斯食耶。然我定知如來身者。即是法身非為食身。

爾時佛告文殊師利。如是如是。如純陀言。善哉純陀。汝已成就微妙大智。善入甚深大乘經典。

文殊師利語純陀言。汝謂如來是無為者。如來之身即是長壽。若作是知佛所悅可。

純陀答言。如來非獨悅可於我。亦復悅可一切衆生。

文殊師利言。如來於汝及以於我一切衆生皆悉悅可。

純陀答言。汝不應言如來悅可。夫悅可者則是倒想。若有倒想則是生死。有生死者即有為法。是故文殊。勿謂如來是有為也。若言如來是有為者。我與仁者俱行顛倒。

文殊師利。如來無有愛念之想。夫愛念者。如彼母牛愛念其子。雖復饑渴行求水草。若足不足忽然還歸。諸佛世尊無有是念。等視一切如羅睺羅。如是念者。即是諸佛智慧境界。

文殊師利。譬如國王調御駕駟。欲令驢車而及之者。無有是處。我與仁者亦復如是。欲盡如來微密深奧亦無是處。

Văn-thù-sư-lợi, Như Lai tích nhật, khổ hạnh lục niên, thượng tự chi trì, hưởng ư kim nhật, tu du gian da?

Văn-thù-sư-lợi! Nhữ kim thật vị Như Lai Chánh giác, thọ tư thực da? Nhiên ngã định tri Như Lai thân giả, tức thị pháp thân, phi vi thực thân.

Nhĩ thời, Phật cáo Văn-thù-sư-lợi: Như thị, như thị, như Thuần-đà ngôn. Thiện tai, Thuần-đà! Nhữ dĩ thành tựu vi diệu đại trí, thiện nhập thậm thâm Đại thừa kinh điển.

Văn-thù-sư-lợi ngữ Thuần-đà ngôn: Nhữ vị Như Lai thị vô vi giả, Như Lai chi thân, tức thị trường thọ. Nhược tác thị tri, Phật sở duyệt khả.

Thuần-đà đáp ngôn: Như Lai phi độc duyệt khả ư ngã, diệc phục duyệt khả nhất thiết chúng sanh.

Văn-thù-sư-lợi ngôn: Như Lai ư nhữ, cập dĩ ư ngã, nhất thiết chúng sanh, giai tất duyệt khả.

Thuần-đà đáp ngôn: Nhữ bất ưng ngôn: Như Lai duyệt khả. Phù duyệt khả giả, tác thị đảo tưởng. Nhược hữu đảo tưởng, tác thị sanh tử. Hữu sanh tử giả, tức hữu vi pháp. Thị cố Văn-thù, vật vị Như Lai thị hữu vi dã. Nhược ngôn Như Lai thị hữu vi giả, ngã dĩ nhân giả, câu hành điên đảo.

Văn-thù-sư-lợi! Như Lai vô hữu ái niệm chi tướng. Phù ái niệm giả, như bỉ mẫu ngư, ái niệm kỳ tử. Tuy phục cơ khát, hành cầu thủy thảo, nhược tức, bất tức, hốt nhiên hoàn quy. Chư Phật Thế Tôn vô hữu thị niệm, đẳng thị nhất thiết như La-hầu-la. Như thị niệm giả, tức thị chư Phật trí tuệ cảnh giới.

Văn-thù-sư-lợi! Thí như quốc vương, điều ngự giá tứ, dục linh lư xa, nhi cập chi giả, vô hữu thị xứ. Ngã dĩ nhân giả, diệc phục như thị. Dục tận Như Lai vi mật thâm áo, diệc vô thị xứ.

文殊師利。如金翅鳥飛昇虛空無量由旬。下觀大海悉見水性魚鱉龜龍之屬。及見己影如於明鏡見諸色像。凡夫少智不能籌量如是所見。我與仁者亦復如是。不能籌量如來智慧。

文殊師利語純陀言。如是如是。如汝所說。我於此事非為不達。直欲試汝諸菩薩事。

爾時世尊。從其面門出種種光。其光明曜照文殊身。文殊師利。遇斯光已即知是事。尋告純陀。如來今者現是瑞相。不久必當入於涅槃。汝先所設最後供養。宜時奉獻佛及大眾。

純陀當知。如來放是種種光明非無因緣。純陀聞已情塞默然。

佛告純陀。汝所奉施佛及大眾今正是時。如來正爾當般涅槃。第二第三亦復如是。

爾時純陀聞佛語已。舉聲啼哭悲噎而言。苦哉苦哉。世間空虛。復白大眾。我等今者一切當共五體投地。同聲勸佛莫般涅槃。

爾時世尊復告純陀。莫大啼哭令心憔悴。當觀是身。猶如芭蕉熱時之燄。水沫幻化乾闥婆城坏器

Văn-thù-sư-lợi! Như kim sí điểu, phi thăng hư không, vô lượng do-tuần, hạ quán đại hải, tất kiến thủy tánh ngư, biết, nguyên, đà, quy, long chi thuộc, cập kiến kỷ ảnh, như ư minh kính, kiến chư sắc tượng. Phạm phu thiếu trí, bất năng trừ lượng như thị sở kiến. Ngã dĩ nhân giả, diệc phục như thị, bất năng trừ lượng Như Lai trí tuệ.

Văn-thù-sư-lợi ngữ Thuần-đà ngôn: Như thị, như thị. Như nữ sở thuyết, ngã ư thử sự, phi vi bất đạt, trực dục thí nữ, chư Bồ Tát sự.

Nhĩ thời Thế Tôn, tùng kỳ diện môn, xuất chủng chủng quang. Kỳ quang minh diệu, chiếu Văn-thù thân. Văn-thù-sư-lợi, ngộ tư quang dĩ, tức tri thị sự, tâm cáo Thuần-đà: Như Lai kim giả, hiện thị thụ tượng, bất cứu tất đương nhập ư Niết-bàn. Nữ tiên sở thiết tối hậu cúng dường, nghi thời phụng hiến Phật cập đại chúng.

Thuần-đà đương tri, Như Lai phóng thị chủng chủng quang minh, phi vô nhân duyên. Thuần-đà văn dĩ, tình tắc mặc nhiên.

Phật cáo Thuần-đà: Nữ sở phụng thí Phật cập đại chúng, kim chánh thị thời, Như Lai chánh nhĩ, đương bát Niết-bàn. Đệ nhị, đệ tam, diệc phục như thị.

Nhĩ thời Thuần-đà văn Phật ngữ dĩ, cử thanh đê khóc, bi ế nhi ngôn: Khổ tai! Khổ tai! Thế gian không hư! Phục bạch đại chúng: Ngã đẳng kim giả nhất thiết đương cộng, ngũ thể đầu địa, đồng thanh khuyến Phật, mặc bát Niết-bàn.

Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Thuần-đà: Mặc đại đê khóc, linh tâm tiêu tụy. Đương quán thị thân, do như ba tiêu, nhiệt thời chi diệm, thủy mặc, huyễn hóa, càn-thát-bà thành, phôi

電光。亦如畫水臨死之囚熟果段肉。如織經盡如碓上下。當觀諸行猶雜毒食。有為之法多諸過患。

於是純陀復白佛言。如來不欲久住於世。我當云何而不啼泣。苦哉苦哉。世間空虛。唯願世尊。憐愍我等及諸衆生。久住於世勿般涅槃。

佛告純陀。汝今不應發如是言。憐愍我故久住於世。我以憐愍汝及一切。是故今欲入於涅槃。何以故。諸佛法爾。有為亦然。是故諸佛。而說偈言。

有為之法  
其性無常  
生已不住  
寂滅為樂。

純陀。汝今當觀一切行雜諸法。無我無常不住。此身多有無量過患猶如水泡。是故汝今不應啼泣。

爾時純陀復白佛言。如是如是。誠如尊教。雖知如來方便示現入於涅槃。而我不能不懷憂惱。覆自思惟復生慶悅。

佛讚純陀。善哉善哉。能知如來示同衆生方便涅槃。

純陀。汝今當聽如娑羅娑烏。春陽之月皆共集彼阿耨達池。諸佛亦爾。皆至是處。

khí, điện quang, diệc như họa thủy, lâm tử chi tù, thực quả, đoạn nhục, như chức kinh tận, như đối thương há. Đương quán chư hành, du tạp độc tự, hữu vi chi pháp, đa chư quá hoạn.

Ư thị, Thuần-đà phục bạch Phật ngôn: Như Lai bất dục cử trụ ư thế, ngã đương vân hà nhi bất đề khắp? Khổ tai! Khổ tai! Thế gian không hư! Duy nguyện Thế Tôn, lân mẫn ngã đấng, cập chư chúng sanh, cử trụ ư thế, vật bát Niết-bàn.

Phật cáo Thuần-đà: Nhữ kim bất ưng phát như thị ngôn: lân mẫn ngã cố, cử trụ ư thế. Ngã dĩ lân mẫn nhữ cập nhất thiết, thị cố kim dục nhập ư Niết-bàn. Hà dĩ cố! Chư Phật pháp nhĩ, hữu vi diệc nhiên. Thị cố chư Phật nhi thuyết kệ ngôn:

Hữu vi chi pháp,  
Kỳ tánh vô thường.  
Sanh dĩ bất trụ,  
Tịch diệt vi lạc.

Thuần-đà! Nhữ kim đương quán: Nhất thiết hành tạp, chư pháp vô ngã, vô thường, bất trụ. Thủ thân đa hữu vô lượng quá hoạn, do như thủy bào. Thị cố nhữ kim bất ưng đề khắp.

Nhĩ thời Thuần-đà phục bạch Phật ngôn: Như thị! Như thị. Thành như tôn giáo. Tuy tri Như Lai, phương tiện thị hiện, nhập ư Niết-bàn, nhi ngã bất năng bất hoài ưu não, phúc tự tư duy, phục sanh khánh duyệt.

Phật tán Thuần-đà: Thiện tai, thiện tai! Năng tri Như Lai, thị đồng chúng sanh, phương tiện Niết-bàn.

Thuần-đà! Nhữ kim đương thính. Như ta-la-ta điều, xuân dương chi nguyệt, giai cộng tập bỉ, A-nậu-đạt trì. Chư Phật diệc nhĩ, giai chí thị xứ.

純陀。汝今不應思惟諸佛長壽短壽。一切諸法皆如幻相。如來在中以方便力無所染著。何以故。諸佛法爾。

純陀。我今受汝所獻供養。為欲令汝度於生死諸有流故。若諸人天於此最後供養我者。悉皆當得不動果報常受安樂。何以故。我是衆生良福田故。汝若復欲為諸衆生作福田者。速辦所施不宜久停。

爾時純陀。為諸衆生得度脫故。低頭拭淚而白佛言。善哉世尊。我若堪任為福田時。則能了知如來涅槃及非涅槃。我等今者及諸聲聞緣覺智慧猶如蚊蟻。實不能量如來涅槃及非涅槃。

爾時純陀及其眷屬。愁憂啼泣圍遶如來。燒香散花盡心敬奉。尋與文殊從座而去。供辦食具。

其去未久。是時此地六種震動。乃至梵世亦復如是。

地動有二。或有地動或大地動。小動者名為地動。大動者名大地動。有小聲者名曰地動。有大聲者名大地動。獨地動者名曰地動。山河樹木及大海水一切動者名大地動。一向動者名曰地動。周迴旋轉名大地動。動名地動。動時能令衆生心動名大地

Thuần-đà! Nhữ kim bát ưng tư duy chư Phật trường thọ, đoản thọ. Nhất thiết chư pháp giai như huyễn tướng. Như Lai tại trung, dĩ phương tiện lực, vô sở nhiễm trước. Hà dĩ cố? Chư Phật pháp nhĩ.

Thuần-đà! Ngã kim thọ nhữ sở hiến cúng dường, vị dục linh nhữ độ ư sanh tử, chư hữu lưu cố. Nhược chư nhân thiên, ư thủ tối hậu cúng dường ngã giả, tất giai đương đắc bất động quả báo, thường thọ an lạc. Hà dĩ cố? Ngã thị chúng sanh lương phước điền cố. Nhữ nhược phục dục vị chư chúng sanh, tác phước điền giả, tốc biện sở thí, bất nghi cửu đình.

Nhĩ thời Thuần-đà, vị chư chúng sanh, đắc độ thoát cố, đê đầu vấn lệ, nhi bạch Phật ngôn: Thiện tai Thế Tôn! Ngã nhược kham nhiệm vị phước điền thời, tác năng liễu tri Như Lai Niết-bàn cập phi Niết-bàn. Ngã đẳng kim giả, cập chư Thanh văn, Duyên giác, trí tuệ do như mân nghị, thật bất năng lượng Như Lai Niết-bàn cập phi Niết-bàn.

Nhĩ thời Thuần-đà cập kỳ quyến thuộc, sâu ưu đê khắp, vi nhiều Như Lai, thiêu hương tán hoa, tận tâm kính phụng, tâm dữ Văn-thù, tùng tọa nhi khứ, cung biện thực cụ.

Kỳ khứ vị cứu, thị thời thử địa, lục chủng chấn động, nãi chí Phạm thế, diệc phục như thị.

Địa động hữu nhị: hoặc hữu địa động, hoặc đại địa động. Tiểu động giả, danh vi địa động, đại động giả, danh đại địa động. Hữu tiểu thỉnh giả, danh viết địa động. Hữu đại thỉnh giả, danh đại địa động. Độc địa động giả, danh viết địa động. Sơn hà thọ mộc, cập đại hải thủy, nhất thiết động giả, danh đại địa động. Nhất hướng động giả, danh viết địa động. Châu hồi triển chuyển, danh đại địa động. Động danh địa động. Động thời, năng linh chúng sanh tâm động, danh đại địa động. Bồ Tát sơ tùng Đâu-suất thiên, há Diêm-phù-đề thời, danh đại



動。菩薩初從兜率天下閻浮提時名大地動。從初生出家成阿耨多羅三藐三菩提轉於法輪及般涅槃名大地動。今日如來將入涅槃。是故此地如是大動。

時諸天龍夜叉乾闥婆阿修羅迦樓羅緊那羅摩睺羅伽人及非人。聞是語已身毛皆豎。同聲哀泣。而說偈言。

稽首禮調御  
我等今勸請  
遠離於大仙  
故無有救護。  
今見佛涅槃  
我等沒苦海  
愁憂懷悲惱  
猶如犢失母。  
貧窮無救護  
猶如困病人  
無醫隨自心  
食所不應食。  
衆生煩惱病  
常為諸見害  
遠離法醫師  
服食邪毒藥。  
是故佛世尊  
不應見捨離  
如國無君主

địa động. Tàng sơ sanh, xuất gia, thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, chuyển ư Pháp Luân, cập bát Niết-bàn, danh đại địa động. Kim nhật Như Lai tương nhập Niết-bàn. Thị cố thủ địa như thị đại động.

Thời chư thiên, Long, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, nhân cập phi nhân, văn thị ngữ dĩ, thân mao giai thọc, đồng thính ai khắp nhi thuyết kệ ngôn:

Khể thủ lễ Điều ngự,  
Ngã đẳng kim khuyến thỉnh.  
Viễn ly ư Đại tiên,  
Cố vô hữu cứu hộ.  
Kim kiến Phật Niết-bàn,  
Ngã đẳng một khổ hải,  
Sâu ưu hoài bi não,  
Do như độc thất mẫu.  
Bần cùng vô cứu hộ,  
Do như khốn bệnh nhân.  
Vô y tùy tự tâm,  
Thực sở bất ưng thực.  
Chúng sanh phiền não bệnh,  
Thường vi chư kiến hại,  
Viễn ly pháp y sư,  
Phục thực tà độc dục.  
Thị cố Phật Thế Tôn,  
Bất ưng kiến xả ly.  
Như quốc vô quân chủ,

人民皆饑饉。  
 我等亦如是  
 失蔭及法味  
 今聞佛涅槃  
 我等心迷亂。  
 如彼大地動  
 迷失於諸方  
 大仙入涅槃  
 佛日墜於地。  
 法水悉枯涸  
 我等定當死  
 如來般涅槃  
 衆生極苦惱  
 譬如長者子  
 新喪於父母。  
 如來入涅槃  
 如其不還者  
 我等及衆生  
 悉無有救護。  
 如來入涅槃  
 乃至諸畜生  
 一切皆愁怖  
 苦惱焦其心。  
 我等於今者  
 云何不愁惱  
 如來見放捨  
 猶如棄涕唾。

Nhân dân giai cơ cảo,  
 Ngã đẳng diệc như thị,  
 Thất ảm cập pháp vị.  
 Kim văn Phật Niết-bàn,  
 Ngã đẳng tâm mê loạn.  
 Như bỉ đại địa động,  
 Mê thất ư chư phương.  
 Đại tiên nhập Niết-bàn,  
 Phật nhật trụ ư địa,  
 Pháp thủy tất khô hạc,  
 Ngã đẳng định đương tử.  
 Như Lai bát Niết-bàn  
 Chúng sanh cực khổ não.  
 Thí như trưởng giả tử,  
 Tân táng ư phụ mẫu.  
 Như Lai nhập Niết-bàn,  
 Như kỳ bất hoàn giả.  
 Ngã đẳng cập chúng sanh,  
 Tất vô hữu cứu hộ.  
 Như Lai nhập Niết-bàn,  
 Nãi chí chư súc sanh,  
 Nhất thiết giai sâu bố,  
 Khổ não tiêu kỳ tâm.  
 Ngã đẳng ư kim giả,  
 Vân hà bát sâu não?  
 Như Lai kiến phóng xả,  
 Do như khí di thóa.

譬如日初出  
光明甚暉燄  
既能還自照  
亦滅一切闇。  
如來神通光  
能除我苦惱  
虛在大眾中  
譬如須彌山。

世尊。譬如國王生育諸子形貌端正心常愛念。先教伎藝悉令通利。然後將付魁膾令殺。

世尊。我等今日為法王子。蒙佛教誨已具正見願莫放捨。如其放捨則同王子。唯願久住不入涅槃。

世尊。譬如有人善學諸論。復於此論而生怖畏。如來亦爾通達諸法。而於諸法復生怖畏。若使如來久住於世。說甘露味充足一切。如是眾生則不復畏墮於地獄。

世尊。譬如有人初學作務。為官所收閉之囹圄。有人問之汝受何事。答言。我今受大憂苦。若其得脫則得安樂。世尊亦爾。為我等故修諸苦行。我等今者猶未得免生死苦惱。云何如來得受安樂。

世尊。譬如醫王善解方藥。偏以祕方教授其

Thí như nhật sơ xuất  
Quang minh thậm huy diệm,  
Kỷ năng hoàn tự chiếu,  
Diệt diệt nhất thiết ám,  
Như Lai thần thông quang,  
Năng trừ ngã khổ não.  
Xử tại Đại chúng trung,  
Thí như Tu-di sơn.

Thế Tôn! Thí như quốc vương, sanh dục chư tử, hình mạo đoan chánh, tâm thường ái niệm, tiên giáo kỹ nghệ, tất linh thông lợi, nhiên hậu tương phó khôi khoái linh sát.

Thế Tôn! Ngã đẳng kim nhật, vi Pháp vương tử, môn Phật giáo hồi, dĩ cụ chánh kiến. Nguyên mặc phóng xả. Như kỳ phóng xả. Tác đồng vương tử. Duy nguyện cứu trụ, bất nhập Niết-bàn.

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, thiện học chư luận, phục ư thử luận, nhi sanh bố úy. Như Lai diệt nhĩ, thông đạt chư pháp, nhi ư chư pháp, phục sanh bố úy. Nhược sử Như Lai cứu trụ ư thế, thuyết cam lộ vị, sung túc nhất thiết, như thị chúng sanh, tác bất phục úy đọa ư địa ngục.

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, sơ học tác vụ, vi quan sở thân, bế chi linh ngự. Hữu nhân vấn chi: “Nhữ thọ hà sự?” Đáp ngôn: “Ngã kim thọ đại ưu khổ. Nhược kỳ đắc thoát, tác đắc an lạc.” Thế Tôn diệt nhĩ, vị ngã đẳng cố, tu chư khổ hạnh. Ngã đẳng kim giả, du vị đắc miễn sanh tử khổ não. Vấn hà Như Lai đắc thọ an lạc?

Thế Tôn! Thí như y vương, thiện giải phương dược, thiên dĩ bí phương, giáo thọ kỳ tử, bất giáo kỳ dư ngoại thọ học giả.

子。不教其餘外受學者。如來亦爾。獨以甚深祕密之藏偏教文殊。遺棄我等不見顧愍。如來於法應無慳悋。如彼醫王偏教其子。不教外來諸受學者。彼醫所以不能普教。情存勝負故有祕惜。如來之心終無勝負。何故如是不見教誨。唯願久住莫般涅槃。

世尊。譬如老少病苦之人。離於善徑行於險路。路險澀難多受苦惱。更有異人見之憐愍。即便示以平坦好道。

世尊。我亦如是。所謂少者喻未增長法身之人。老者喻重煩惱。病者喻未脫生死。險路者喻二十五有。唯願如來。示導我等甘露正道。久住於世勿入涅槃。

爾時世尊告諸比丘。汝等比丘。莫如凡夫諸天人等愁憂啼哭。當勤精進繫心正念。

時諸天人阿修羅等。聞佛所說止不啼哭。猶如有人殯喪了已止不啼哭。

爾時世尊為諸大眾。說是偈言。

汝等當開意  
不應大愁苦  
諸佛法皆爾  
是故當默然。  
樂不放逸行  
守心正憶念

Như Lai diệc nhĩ. Độc dĩ thậm thâm bí mật chi tạng, thiên giáo Văn-thù, di khí ngã đẳng, bất kiến cố mẫn. Như Lai ư pháp, ưng vô khan lận như bỉ y vương, thiên giáo kỳ tử, bất giáo ngoại lai chư thọ học giả. Bỉ y sở dĩ bất năng phổ giáo, tình tồn thắng phụ, cố hữu bí tích. Như Lai chi tâm, chung vô thắng phụ. Hà cố như thị, bất kiến giáo hối? Duy nguyện cứu trụ, mặc bát Niết-bàn.

Thế Tôn! Thí như lão thiếu bệnh khổ chi nhân, ly ư thiện kính, hành ư hiểm lộ. Lộ hiểm sát nan, đa thọ khổ não. Cánh hữu dị nhân, kiến chi lân mẫn, tức tiệ thị dĩ bình thảo hảo đạo.

Thế Tôn! Ngã diệc như thị. Sở vị thiếu giả, dụ vị tăng trưởng pháp thân chi nhân. Lão giả, dụ trọng phiền não. Bệnh giả, dụ vị thoát sanh tử. Hiểm lộ giả, dụ nhị thập ngũ hữu. Duy nguyện Như Lai, thị đạo ngã đẳng cam lộ Chánh đạo, cứu trụ ư thế, vật nhập Niết-bàn.

Nhĩ thời, Thế Tôn cáo chư tỳ-kheo: Nhữ đẳng tỳ-kheo! Mặc như phạm phu chư thiên nhân đẳng, sâu ưu đề khốc. Đương cần tinh tấn, hệ tâm chánh niệm.

Thời, chư thiên nhân, a-tu-la đẳng, văn Phật sở thuyết, chỉ bất đề khốc, do như hữu nhân, tẩn tán liễu dĩ, chỉ bất đề khốc.

Nhĩ thời, Thế Tôn, vị chư Đại chúng, thuyết thị kệ ngôn:

Nhữ đẳng đương khai ý,  
Bất ưng đại sâu khổ,  
Chư Phật pháp giai nhĩ,  
Thị cố đương mặc nhiên.  
Lạc bát phóng dật hạnh,  
Thủ tâm chánh ức niệm,

遠離諸非法  
慰意受歡樂。

復次比丘。若有疑惑今皆當問。若空不空。若常無常。若苦非苦。若依非依。若去不去。若歸非歸。若恆非恆。若斷非斷。若衆生非衆生。若有若無。若實不實。若真不真。若滅不滅。若密不密。若二不二。如是等種種法中有所疑者。今應諮問。我當隨順為汝斷之。亦當為汝先說甘露。然後乃當入於涅槃。

諸比丘。佛出世難人身難得。值佛生信是事亦難。能忍難忍是亦復難。成就禁戒具足無缺得阿羅漢果是事亦難。如求金沙優曇鉢花。汝諸比丘。離於八難得人身難。汝等遇我不應空過。我於往昔種種苦行。今得如是無上方便。為汝等故無量劫中捨身手足頭目髓腦。是故汝等不應放逸。

汝等比丘。云何莊嚴正法寶城。具足種種功德珍寶戒定智慧為塹塹埤塹。汝今遇是佛法寶城。不應取此虛偽之物。譬如商主遇真寶城。取諸瓦礫而便還家。汝亦如是。值遇寶城取虛偽物。

汝諸比丘。勿以下心而生知足。汝等今者。雖得出家。於此大乘不生貪慕。汝諸比丘。身雖得服

Viễn ly chư phi pháp,  
Ủy ý thọ hoan lạc.

Phục thứ tỳ-kheo! Nhược hữu nghi hoặc, kim giai đương vấn: Nhược không, bất không. Nhược thường, vô thường, nhược khổ, phi khổ, nhược y, phi y, nhược khứ, bất khứ, nhược quy, phi quy, nhược hằng, phi hằng, nhược đoạn, phi đoạn, nhược chúng sanh, phi chúng sanh, nhược hữu, nhược vô, nhược thật, bất thật, nhược chân, bất chân, nhược diệt, bất diệt, nhược mật, bất mật, nhược nhị, bất nhị. Như thị đẳng chủng chủng pháp trung, hữu sở nghi giả, kim ưng tư vấn. Ngã đương tùy thuận, vị nữ đoạn chi, diệt đương vị nữ, tiên thuyết cam lộ, nhiên hậu nãi đương nhập u Niết-bàn.

Chư tỳ-kheo! Phật xuất thế nan. Nhân thân nan đắc. Trị Phật sanh tín, thị sự diệt nan. Năng nhẫn nan nhẫn, thị diệt phục nan. Thành tựu cấm giới, cụ túc vô khuyết, đắc A-la-hán quả, thị sự diệt nan, như cầu kim sa, ưu-đàm-bát hoa. Nữ chư tỳ-kheo! Ly u bát nạn, đắc nhân thân nan. Nữ đẳng ngộ ngã, bất ưng không quá. Ngã ư vãng tích, chủng chủng khổ hạnh, kim đắc như thị vô thượng phương tiện. Vị nữ đẳng cố, vô lượng kiếp trung, xả thân thủ túc, đầu mục tủy não. Thị cố nữ đẳng bất ưng phóng dật.

Nữ đẳng tỳ-kheo! Vân hà trang nghiêm Chánh pháp bảo thành? Cụ túc chủng chủng công đức trân bảo, Giới, Định, Trí tuệ, vi tường tiệm bì nghệ. Nữ kim ngộ thị Phật pháp bảo thành, bất ưng thủ thủ hư ngụy chi vật. Thí như thương chủ, ngộ chân bảo thành, thủ chư ngỗ lịch, nhi tiện hoàn gia. Nữ diệt như thị, trị ngộ bảo thành, thủ hư ngụy vật!

Nữ chư tỳ-kheo! Vật dĩ hạ tâm, nhi sanh tri túc. Nữ đẳng kim giả, tuy đắc xuất gia, u thủ Đại thừa, bất sanh tham

袈裟染衣。其心猶未得染大乘清淨之法汝諸比丘雖行乞食經歷多處。初未曾乞大乘法食。汝諸比丘。雖除鬚髮未為正法除諸結使。

汝諸比丘今當真實教敕汝等。我今現在大眾和合。如來法性真實不倒。是故汝等應當精進攝心勇猛摧諸結使。十力慧日既滅沒已。汝等當為無明所覆。

諸比丘。譬如大地諸山藥草為衆生用。我法亦爾。出生妙善甘露法味。而為衆生種種煩惱病之良藥。我今當令一切衆生及以我子四部之衆。悉皆安住祕密藏中。我亦復當安住是中入於涅槃。何等名為祕密之藏。猶如ㄣ字三點。若並則不成伊。縱亦不成。如摩醯首羅面上三目。乃得成伊三點。若別亦不得成。我亦如是。解脫之法亦非涅槃。如來之身亦非涅槃。摩訶般若亦非涅槃。三法各異亦非涅槃。我今安住如是三法。為衆生故名入涅槃。如世伊字。

爾時諸比丘。聞佛世尊定當涅槃。皆悉憂愁身毛為豎涕淚盈目。稽首佛足遶無量匝白佛言。世尊。快說無常苦空無我。

世尊。譬如一切衆生跡中象跡為上。是無常想亦

mộ. Nhữ chư tỳ-kheo! Thân tuy đắc phục cà-sa nhiễm y, kỳ tâm du vị đắc nhiễm Đại thừa thanh tịnh chi pháp. Nhữ chư tỳ-kheo! Tuy hành khát thực, kinh lịch đa xứ, sơ vị tăng khát Đại thừa pháp thực. Nhữ chư tỳ-kheo! Tuy trừ tu phát, vị vị Chánh pháp, trừ chư kết sử.

Nhữ chư tỳ-kheo! Kim đương chân thật giáo sắc nhữ đẳng. Ngã kim hiện tại, đại chúng hòa hiệp. Như Lai Pháp tánh, chân thật bất đảo. Thị cố nhữ đẳng, ứng đương tinh tấn, nhiếp tâm dũng mãnh, tồ chư kết sử. Thập lực huệ nhật ký diệt một dĩ, nhữ đẳng đương vi vô minh sở phú.

Chư tỳ-kheo! Thí như đại địa, chư sơn dược thảo vi chúng sanh dụng. Ngã pháp diệt nhĩ, xuất sanh diệu thiện cam lộ pháp vị, nhi vi chúng sanh chủng chủng phiền não bệnh chi lương dược. Ngã kim đương linh nhất thiết chúng sanh, cập dĩ ngã tử tứ bộ chi chúng, tất giai an trụ bí mật tạng trung. Ngã diệt phục đương an trụ thị trung, nhập ư Niết-bàn. Hà đẳng danh vi bí mật chi tạng? Do như y tự, tam điểm nhược tịnh, tắc bất thành Y, tung diệt bất thành. Như Ma-hê-thủ-la diện thượng tam mục, nãi đắc thành y. Tam điểm nhược biệt, diệt bất đắc thành. Ngã diệt như thị. Giải thoát chi pháp, diệt phi Niết-bàn. Như Lai chi thân, diệt phi Niết-bàn. Ma-ha Bát-nhã, diệt phi Niết-bàn. Tam pháp các dị, diệt phi Niết-bàn. Ngã kim an trụ như thị tam pháp, vị chúng sanh cố, danh nhập Niết-bàn, như thế Y tự.

Nhĩ thời, chư tỳ-kheo văn Phật Thế Tôn định đương Niết-bàn. Giai tất ưu sầu, thân mao vi thọ, thế lệ doanh mục, khể thủ Phật túc, nhiều vô lượng táp, bạch Phật ngôn: Thế Tôn khoái thuyết: vô thường, khổ, không, vô ngã.

Thế Tôn! Thí như nhất thiết chúng sanh tích trung, tượng tích vị thượng. Thị vô thường tướng, diệt phục như thị, ư chư

復如是。於諸想中最为第一。若有精勤修習之者。能除一切欲界欲愛色無色愛無明憍慢及無常想。

世尊。如來若離無常想者。今則不應入於涅槃。若不離者。云何說言修無常想離三界愛無明憍慢及無常想。

世尊。譬如農夫秋月之時深耕其地能除穢草。是無常想亦復如是。能除一切欲界欲愛色無色愛無明憍慢及無常想。

世尊。譬如耕田秋耕為勝。如諸跡中象跡為勝。於諸想中。無常想勝。

世尊。譬如帝王知命將終。恩赦天下獄囚繫閉。悉令得脫然後捨命。如來今者亦應如是。度諸衆生一切無知無明繫閉。皆令解脫。然後乃當入於涅槃。我等今者皆未得度。云何如來便欲放捨入於涅槃。

世尊。譬如有人為鬼所持。遇良咒師以咒力故便得除差。如來亦爾。為諸聲聞除無明鬼。令得安住摩訶般若解脫等法如世伊字。

世尊。譬如香象為人所縛。雖有良師不能禁制。頓絕羈鎖自恣而去。我未如是脫五,十,七煩惱繫縛。云何如來便欲放捨入於涅槃。

tưởng trung, tối vi đệ nhất, nhược hữu tinh cần tu tập chi giả, năng trừ nhất thiết dục giới dục ái, sắc, vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn, cập vô thường tưởng.

Thế Tôn! Như Lai nhược ly vô thường tưởng giả, kim tác bất ưng nhập ư Niết-bàn. Nhược bất ly giả, vân hà thuyết ngôn: tu vô thường tưởng, ly tam giới ái, vô minh, kiêu mạn, cập vô thường tưởng?

Thế Tôn! Thí như nông phu, thu nguyệt chi thời, thâm canh kỳ địa, năng trừ uesthảo. Thị vô thường tưởng diệt phục như thị, năng trừ nhất thiết Dục giới dục ái, sắc, vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn, cập vô thường tưởng.

Thế Tôn! Thí như canh điền, thu canh vi thắng, như chư tích trung, tượng tích vi thắng, ư chư tướng trung, vô thường tướng thắng.

Thế Tôn! Thí như đế vương, tri mạng tương chung, ân xá thiên hạ, ngục tù hệ bế, tất linh đắc thoát, nhiên hậu xả mạng. Như Lai kim giả, diệt ưng như thị, độ chư chúng sanh, nhất thiết vô tri vô minh hệ bế, giai linh giải thoát, nhiên hậu nãi đương nhập ư Niết-bàn. Ngã đẳng kim giả, giai vị đắc độ. Vân hà Như Lai tiện dục phóng xả, nhập ư Niết-bàn?

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, vi quỷ sở trì, ngộ lương chú sư, dĩ chú lực cố, tiện đắc trừ sai. Như Lai diệt nhĩ, vị chư Thánh văn, trừ vô minh quỷ, linh đắc an trụ Ma-ha Bát-nhã, giải thoát đẳng pháp, như thế Y tự.

Thế Tôn! Thí như hương tượng, vi nhân sở phục, tuy hữu lương sư, bất năng cấm chế, đốn tuyệt kỳ tỏa, tự tứ nhi khứ. Ngã vị như thị thoát ngũ, thập, thất phiền não hệ phục. Vân hà Như Lai tiện dục phóng xả, nhập ư Niết-bàn?

世尊。如人病瘡值遇良醫所苦得除。我亦如是。多諸患苦邪命熱病。雖遇如來病未除愈。未得無上安隱常樂。云何如來便欲放捨入於涅槃。

世尊。譬如醉人不自覺知。不識親疎母女姊妹。迷荒淫亂言語放逸。臥糞穢中。時有良師與藥令服。服已吐酒還自憶識。心懷慚愧深自剋責。酒為不善諸惡根本。若能除斷則遠眾罪。

世尊。我亦如是。往昔已來輪轉生死。情色所醉貪嗜五欲。非母母想非姊姊想。非女女想。於非眾生生眾思想。是故輪轉受生死苦。如彼醉人臥糞穢中。如來今當施我法藥。令我還吐煩惱惡酒。而我未得醒悟之心。云何如來便欲放捨入於涅槃。

世尊。譬如有人歎芭蕉樹以為堅實。無有是處。世尊。眾生亦爾。若歎我，人，眾生，壽命，養育知見作者，受者，是真實者。亦無是處。我等如是修無我想。

世尊。譬如漿滓無所復用。是身亦爾無我無主。世尊。如七葉花無有香氣。是身亦爾無我無主。我等如是心常修習無我之想。如佛所說一切諸法無我我所。汝諸比丘應當修習。如是修已則除我慢。離我慢已便入涅槃。

Thế Tôn! Như nhân bệnh ngược, trị ngộ lương y, sở khổ đắc trừ. Ngã diệc như thị, đa chư hoạn khổ, tà mạng nhiệt bệnh, tuy ngộ Như Lai, bệnh vị trừ dữ, vị đắc vô thượng an ổn thường lạc. Vân hà Như Lai tiện dục phóng xả, nhập ư Niết-bàn?

Thế Tôn! Thí như túy nhân, bất tự giác tri, bất thức thân sơ, mẫu, nữ, tử muội, mê hoang dâm loạn, ngôn ngữ phóng dật, ngọa phẩn uế trung. Thời hữu lương sư, dĩ dược linh phục. Phục dĩ thổ tửu, hoàn tự ức thức, tâm hoài tâm quý, thâm tự khắc trách: tửu vi bất thiện, chư ác căn bản. Nhược năng trừ đoạn, tác viễn chúng tội.

Thế Tôn! Ngã diệc như thị. Vãng tích dĩ lai, luân chuyển sanh tử, tình sắc sở túy, tham thị ngũ dục. Phi mẫu, mẫu tưởng, phi tử, tử tưởng, phi nữ, nữ tưởng: Ư phi chúng sanh, sanh chúng sanh tưởng. Thị cố luân chuyển thọ sanh tử khổ, như bỉ túy nhân, ngọa phẩn uế trung. Như Lai kim đương thí ngã pháp dược, linh ngã hoàn thổ phiền não ác tửu. Nhi ngã vị đắc tỉnh ngộ chi tâm. Vân hà Như Lai tiện dục phóng xả, nhập ư Niết-bàn?

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, thân ba tiêu thọ, dĩ vi kiên thật, vô hữu thị xứ. Thế Tôn! Chúng sanh diệc nhĩ. Nhược thân ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, dưỡng dục tri kiến tác giả, thọ giả, thị chân thật giả, diệc vô thị xứ. Ngã đẳng như thị, tu vô ngã tưởng.

Thế Tôn! Thí như tương chỉ, vô sở phục dụng. Thị thân diệc nhĩ, vô ngã, vô chủ. Thế Tôn! Như thất diệp hoa, vô hữu hương khí. Thị thân diệc nhĩ, vô ngã vô chủ. Ngã đẳng như thị, tâm thường tu tập vô ngã chi tưởng, như Phật sở thuyết: Nhất thiết chư pháp, vô ngã, ngã sở, nhữ chư tỳ-kheo, ưng đương tu tập. Như thị tu dĩ, tác trừ ngã mạn, ly ngã mạn dĩ, tiện nhập Niết-bàn.



世尊。譬如鳥跡。空中現者。無有是處。有能修習無我想者而有諸見。亦無是處。

爾時世尊讚諸比丘。善哉善哉。汝等善能修無我想。

時諸比丘即白佛言。世尊。我等不但修無我想。亦更修習其餘諸想。所謂苦想無常想無我想。

世尊。譬如人醉其心暝眩。見諸山河石壁草木宮殿屋舍日月星辰皆悉迴轉。

世尊。若有不修苦無常想無我等想。如是之人不名為聖。多諸放逸流轉生死。世尊。以是因緣我等善修如是諸想。

爾時佛告諸比丘言。諦聽諦聽。汝向所引醉人喻者。但知文字未達其義。何等為義。如彼醉人見上日月實非迴轉生迴轉想。衆生亦爾。為諸煩惱無明所覆生顛倒心。我計無我常計無常。淨計不淨樂計為苦。以為煩惱之所覆故。雖生此想不達其義。如彼醉人於非轉處而生轉想。我者即是佛義。常者是法身義。樂者是涅槃義。淨者是法義。

汝等比丘。云何而言。有我想者，憍慢貢高，流

Thế Tôn! Thí như diểu tích, không trung hiện giả, vô hữu thị xứ. Hữu năng tu tập vô ngã tưởng giả, nhi hữu chư kiến, diệc vô thị xứ.

Nhĩ thời, Thế Tôn tán chư tỳ-kheo: Thiện tai, thiện tai! Nhữ đẳng thiện năng tu vô ngã tưởng.

Thời chư tỳ-kheo, tức bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng bất dẫn tu vô ngã tưởng, diệc cánh tu tập kỳ dư chư tưởng, sở vị: khổ tưởng, vô thường tưởng, vô ngã tưởng.

Thế Tôn! Thí như nhân túy, kỳ tâm minh huyễn, kiến chư sơn hà, thạch bích, thảo mộc, cung điện, ốc xá, nhật nguyệt, tinh thần, giai tất hồi chuyển.

Thế Tôn! Nhược hữu bất tu khổ, vô thường tưởng, vô ngã đẳng tưởng, như thị chi nhân, bất danh vi thánh, đa chư phóng dật, lưu chuyển sanh tử. Thế Tôn! Dĩ thị nhân duyên, ngã đẳng thiện tu như thị chư tưởng.

Nhĩ thời, Phật cáo chư tỳ-kheo ngôn: Đế thánh! Đế thánh! Nhữ hướng sở dẫn túy nhân dụ giả. Dẫn tri văn tự, vị đạt kỳ nghĩa. Hà đẳng vi nghĩa? Như bỉ túy nhân, kiến thượng nhật nguyệt, thật phi hồi chuyển, sanh hồi chuyển tưởng. Chúng sanh diệc nhĩ, vi chư phiền não vô minh sở phú, sanh điên đảo tâm: ngã, kế vô ngã, thường, kế vô thường, tịnh, kế bất tịnh, lạc, kế vi khổ. Dĩ vi phiền não chi sở phú cố, tuy sanh thử tưởng, bất đạt kỳ nghĩa, như bỉ túy nhân ư phi chuyển xứ, nhi sanh chuyển tưởng. Ngã giả, tức thị Phật nghĩa, Thường giả, thị Pháp thân nghĩa, Lạc giả, thị Niết-bàn nghĩa, Tịnh giả, thị pháp nghĩa.

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Vân hà nhi ngôn: Hữu ngã tưởng giả, kiêu mạn cống cao, lưu chuyển sanh tử? Nhữ đẳng nhược ngôn: “Ngã diệc tu tập vô thường, khổ tưởng, vô ngã tưởng.”

轉生死。汝等若言。我亦修習無常苦想無我想。是三  
種修無有實義。我今當說勝三修法。

苦者計樂。樂者計苦。是顛倒法。

無常計常。常計無常。是顛倒法。

無我計我。我計無我。是顛倒法。

不淨計淨。淨計不淨。是顛倒法。

有如是等四顛倒法。是人不知正修諸法。

汝諸比丘。於苦法中生於樂想。於無常中生於常想。於無我中生於我想。於不淨中生於淨想。世間亦有常樂我淨。出世亦有常樂我淨。世間法者有字無義。出世間者有字有義。何以故。世間之法有四顛倒故不知義。所以者何。有想顛倒心倒見倒。以三倒故世間之人。樂中見苦。常見無常。我見無我。淨見不淨。是名顛倒。以顛倒故世間知字而不知義。何等為義。無我者名為生死。我者名為如來。無常者聲聞緣覺。常者如來法身。苦者一切外道。樂者即是涅槃。不淨者即有為法。淨者諸佛菩薩所有正法。是名不顛倒。以不倒故知字知義。若欲遠離四顛倒者。應知如是常樂我淨。

時諸比丘白佛言。世尊。如佛所說離四倒者。則得了知常樂我淨。如來今者永無四倒。則已了知

Thị tam chủng tu, vô hữu thật nghĩa. Ngã kim đương thuyết thắng tam tu pháp.

Khổ giả kế lạc, lạc giả kế khổ, thị diên đảo pháp.

Vô thường kế thường, thường kế vô thường, thị diên đảo pháp.

Vô ngã kế ngã, ngã kế vô ngã, thị diên đảo pháp.

Bất tịnh kế tịnh, tịnh kế bất tịnh, thị diên đảo pháp.

Hữu như thị đẳng tứ diên đảo pháp, thị nhân bất tri chánh tu chư pháp.

Nhữ chư tỳ-kheo! Ư khổ pháp trung, sanh ư lạc tưởng, ư vô thường trung, sanh ư thường tưởng, ư vô ngã trung, sanh ư ngã tưởng, ư bất tịnh trung, sanh ư tịnh tưởng. Thế gian diệt hữu thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế diệt hữu thường, lạc, ngã, tịnh. Thế gian pháp giả, hữu tự vô nghĩa. Xuất thế gian giả, hữu tự hữu nghĩa. Hà dĩ cố? Thế gian chi pháp, hữu tứ diên đảo, cố bất tri nghĩa. Sở dĩ giả hà? Hữu tưởng diên đảo, tâm đảo, kiến đảo. Dĩ tam đảo cố, thế gian chi nhân, lạc trung kiến khổ, thường kiến vô thường, ngã kiến vô ngã, tịnh kiến bất tịnh. Thị danh diên đảo. Dĩ diên đảo cố, thế gian tri tự, nhi bất tri nghĩa. Hà đẳng vi nghĩa? Vô ngã giả, danh vi sanh tử. Ngã giả, danh vi Như Lai. Vô thường giả, Thanh văn, Duyên giác. Thường giả, Như Lai pháp thân. Khổ giả, nhất thiết ngoại đạo. Lạc giả, tức thị Niết-bàn. Bất tịnh giả, tức hữu vi pháp. Tịnh giả, chư Phật Bồ Tát sở hữu Chánh pháp. Thị danh bất diên đảo. Dĩ bất đảo cố, tri tự tri nghĩa. Nhược dục viễn ly tứ diên đảo giả, ưng tri như thị thường, lạc, ngã, tịnh.

Thời, chư tỳ-kheo bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, ly tứ đảo giả, tắc đắc liễu tri thường, lạc, ngã, tịnh. Như Lai kim giả, vĩnh vô tứ đảo, tắc dĩ liễu tri thường, lạc, ngã, tịnh. Nhược dĩ liễu tri thường, lạc, ngã, tịnh, hà cố bất trụ nhất kiếp, bán kiếp, giáo đạo ngã đẳng, linh ly tứ đảo, nhi kiến

常樂我淨。若已了知常樂我淨。何故不住一劫半劫教導我等令離四倒而見放捨欲入涅槃。如來若見顧念教敕。我當至心頂受修習。如來若入於涅槃者。我等云何與是毒身同共止住修於梵行。我等亦當隨佛世尊入於涅槃。

爾時佛告諸比丘。汝等不應作如是語。我今所有無上正法悉以付囑摩訶迦葉。是迦葉者。當為汝等作大依止。猶如如來為諸衆生作依止處。摩訶迦葉亦復如是。當為汝等作依止處。譬如大王多所統領。若遊巡時悉以國事付囑大臣。如來亦爾。所有正法亦以付囑摩訶迦葉。

汝等當知。先所修習無常苦想非是真實。譬如春時有諸人等在大池浴乘船遊戲失琉璃寶沒深水中。是時諸人悉共入水求覓是寶。競捉瓦石草木沙礫。各各自謂得琉璃珠歡喜持出乃知非真。是時寶珠猶在水中。以珠力故水皆澄清。於是大衆乃見寶珠。故在水下。猶如仰觀虛空月形。是時衆中有一智人。以方便力安徐入水即便得珠。

汝等比丘。不應如是修習無常苦無我想不淨想等以為實義。如彼諸人各以瓦石草木沙礫而為寶珠。汝等應當善學方便。在在處處常修我想常樂淨想。

phóng xả, dục nhập Niết-bàn? Như Lai nhược kiến cố niệm giáo sắc, ngã đương chí tâm đỉnh thọ tu tập. Như Lai nhược nhập ư Niết-bàn giả, ngã đẳng vân hà dĩ thị độc thân, đồng cộng chỉ trụ, tu ư Phạm hạnh? Ngã đẳng diệc đương tùy Phật Thế Tôn, nhập ư Niết-bàn.

Nhĩ thời, Phật cáo chư tỳ-kheo: Nhữ đẳng bất ưng tác như thị ngũ. Ngã kim sở hữu vô thượng Chánh pháp, tất dĩ phó chúc Ma-ha Ca-diếp. Thị Ca-diếp giả, đương vị nhữ đẳng, tác Đại y chỉ. Do như Như Lai, vị chư chúng sanh, tác Y chỉ xứ, Ma-ha Ca-diếp diệc phục như thị, đương vị nhữ đẳng, tác Y chỉ xứ. Thí như đại vương, đa sở thống lãnh, nhược du tuần thời, tất dĩ quốc sự, phó chúc đại thần. Như Lai diệc nhĩ, sở hữu Chánh pháp, diệc dĩ phó chúc Ma-ha Ca-diếp.

Nhữ đẳng đương tri, tiên sở tu tập vô thường, khổ tướng, phi thị chân thật. Thí như xuân thời, hữu chư nhân đẳng, tại đại trì dục, thừa thuyền du hý, thất lưu ly bảo, một thâm thủy trung. Thị thời chư nhân, tất cộng nhập thủy, cầu mịch thị bảo, cạnh tróc ngoã thạch, thảo mộc sa lịch. Các các tự vị đắc lưu ly châu, hoan hỷ trì xuất, nãi tri phi chân. Thị thời, bảo châu du tại thủy trung. Dĩ châu lực cố, thủy giai trừng thanh. Ư thị, đại chúng nãi kiến bảo châu, cố tại thủy hạ, do như ngưỡng quan hư không nguyệt hình. Thị thời chúng trung, hữu nhất trí nhân, dĩ phương tiện lực, an từ nhập thủy, tức tiện đắc châu.

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Bất ưng như thị tu tập vô thường, khổ, vô ngã tướng, Bất tịnh tướng đẳng, dĩ vi thật nghĩa, như bỉ chư nhân, các dĩ ngoã thạch, thảo mộc, sa lịch, nhi vi bảo châu! Nhữ đẳng ưng đương thiện học phương tiện. Tại tại xứ xứ, thường tu ngã tướng, thường, lạc, tịnh tướng. Phục ưng đương tri, tiên sở tu tập, tứ pháp tướng mạo, tất thị diên đảo. Dục

復應當知先所修習四法相貌悉是顛倒。欲得真實修諸想者。如彼智人巧出寶珠。所謂我想常樂淨想。

爾時諸比丘白佛言。世尊。如佛先說諸法無我汝當修學。修學是已則離我想。離我想者則離憍慢。離憍慢者得入涅槃。是義云何。

佛告諸比丘。善哉善哉。汝今善能諮問是義為自斷疑。譬如國王闇鈍少智。有一醫師性復頑嚚。而王不別厚賜俸祿。療治衆病純以乳藥。亦復不知病起根原。雖知乳藥復不善解。或有風病冷病熱病一切諸病悉教服乳。是王不別是醫知乳好醜善惡。

復有明醫曉八種術。善療衆病知諸方藥。從遠方來。是時舊醫不知諮受。反生貢高輕慢之心。彼時明醫即便依附請以為師。諮受醫方祕奧之法。語舊醫言。我今請仁以為師範。唯願為我宣暢解說。

舊醫答言。卿今若能為我給使四十八年。然後乃當教汝醫法。

時彼明醫即受其教。我當如是。我當如是。隨我所能當給走使。

是時舊醫即將客醫共入見王。是時客醫即為王說種種醫方及餘伎藝。大王當知。應善分別此法如是可以治國。此法如是可以療病。

đắc chân thật tu chư tướng giả, như bỉ trí nhân, xảo xuất bảo châu, sở vị: ngã tướng, thường, lạc, tịnh tướng.

Nhĩ thời, chư tỳ-kheo bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật tiên thuyết: Chư pháp vô ngã, nữ đương tu học. Tu học thị dĩ, tác ly ngã tướng. Ly ngã tướng giả, tác ly kiêu mạn. Ly kiêu mạn giả, đắc nhập Niết-bàn. Thị nghĩa vân hà?

Phật cáo chư tỳ-kheo: Thiện tai, thiện tai! Nữ kim thiện năng tư vấn thị nghĩa: vi tự đoạn nghi. Thí như quốc vương, ám độn thiếu trí. Hữu nhất y sư, tánh phục ngoan ngân. Nhi vương bất biệt, hậu tứ bồng lộc. Liệu trị chúng bệnh, thuần dĩ nữ dược. Diệc phục bất tri bệnh khởi căn nguyên. Tuy tri nữ dược, phục bất thiện giải, hoặc hữu phong bệnh, lãnh bệnh, nhiệt bệnh, nhất thiết chư bệnh, tất giáo phục nữ. Thị vương bất biệt thị y tri nữ hảo xú, thiện ác.

Phục hữu minh y, hiểu bát chủng thuật, thiện liệu chúng bệnh, tri chư phương dược, tòng viễn phương lai. Thị thời, cự y bất tri tư thọ, phản sanh cống cao khinh mạn chi tâm. Bỉ thời, minh y tức tiện y phụ, thỉnh dĩ vi sư, tư thọ y phương, bí áo chi pháp, ngữ cự y ngôn: “Ngã kim thỉnh nhân, dĩ vi sư phạm. Duy nguyện vị ngã, tuyên sớng giải thuyết.”

Cự y đáp ngôn: “Khanh kim nhược năng vi ngã cấp sử, tứ thập bát niên, nhiên hậu nữi đương giáo nữ y pháp.”

Thời, bỉ minh y tức thọ kỳ giáo: “Ngã đương như thị, ngã đương như thị. Tùy ngã sở năng, đương cấp tẩu sử.”

Thị thời, cự y tức tương khách y, cộng nhập kiến vương. Thị thời, khách y tức vị vương thuyết chủng chủng y phương cập dư kỹ nghệ: “Đại vương đương tri, ưng thiện phân biệt: Thủ pháp như thị, khả dĩ trị quốc. Thủ pháp như thị, khả dĩ liệu bệnh.”

爾時國王聞是語已。方知舊醫癡騃無智。即便驅逐令出國界。然後倍復恭敬客醫。是時客醫作是念言。欲教王者今正是時。即語王言。大王。於我實愛念者當求一願。

王即答言。從此右臂及餘身分隨意所求一切相與。

彼客醫言。王雖許我一切身分。然我不敢多有所求。今所求者。願王宣令一切國內。從今已往不得復服舊醫乳藥。所以者何。是藥毒害多傷損故。若欲服者當斬其首。斷乳藥已終更無有橫死之人。常處安樂。故求是願。

時王答言。汝之所求蓋不足言。尋為宣令一切國內。有病之人皆悉不聽以乳為藥。若為藥者當斬其首。

爾時客醫以種種味和合眾藥。謂辛苦鹹甜酢等味。以療眾病無不得差。其後不久王復得病。即命是醫。我今病重困苦欲死。當云何治。

醫占王病應用乳藥。尋白王言。如王所患應當服乳。我於先時所斷乳藥。是大妄語。今若服者最能除病。王今患熱正應服乳。

時王語醫汝今狂耶。為熱病乎。而言服乳能除此病。汝先言毒。今云何服欲欺我耶。先醫所讚。

Nhĩ thời, quốc vương văn thị ngũ dĩ, phương tri cự y si ngã vô trí: tức tiện khu trục, linh xuất quốc giới. Nhiên hậu bội phục cung kính khách y. Thị thời, khách y tác thị niệm ngôn: “Dục giáo vương giả, kim chánh thị thời.” Tức ngứ vương ngôn: “Đại vương ư ngã, thật ái niệm giả, đương cầu nhất nguyện.”

Wương tức đáp ngôn: “Tùng thủ hữu tý cập dư thân phận, tùy ý sở cầu, nhất thiết tương dĩ.”

Bỉ khách y ngôn: “Vương tuy hứa ngã, nhất thiết thân phận, nhiên ngã bất cảm đa hữu sở cầu. Kim sở cầu giả, nguyện vương tuyên lệnh: Nhất thiết quốc nội, tùng kim dĩ vãng, bất đắc phục phục cự y nhũ dục. Sở dĩ giả hà? Thị dục độc hại, đa thương tổn cố. Nhược dục phục giả, đương trăm kỳ thủ. Đoạn nhũ dục dĩ, chung cánh vô hữu hoạnh tử chi nhân, thường xử an lạc. Cố cầu thị nguyện.”

Thời vương đáp ngôn: “Nhũ chi sở cầu, cái bất tức ngôn.” Tầm vi tuyên lệnh: Nhất thiết quốc nội, hữu bệnh chi nhân, giai tất bất thính dĩ nhũ vi dục. Nhược vi dục giả, đương trăm kỳ thủ.

Nhĩ thời, khách y dĩ chủng chủng vị, hòa hiệp chủng dục, vị: tân, khổ, hàm, diêm, thổ đẳng vị. Dĩ liệu chủng bệnh, vô bất đắc sai. Kỳ hậu bất cứu, vương phục đắc bệnh, tức mạng thị y: “Ngã kim bệnh trọng, khốn khổ dục tử. Đương vân hà trị?”

Y chiêm vương bệnh, ưng dụng nhũ dục, tầm bạch vương ngôn: “Như vương sở hoạnh, ưng đương phục nhũ. Ngã ư tiên thời, sở đoạn nhũ dục, thị đại vọng ngũ. Kim nhược phục giả, tối năng trừ bệnh. Vương kim hoạnh nhiệt, chính ưng phục nhũ.”

Thời vương ngứ y: “Nhũ kim cuồng da, vi nhiệt bệnh hồ, nhi ngôn phục nhũ, năng trừ thủ bệnh? Nhũ tiên ngôn độc, kim vân hà phục? Dục khi ngã da? Tiên y sở tán, nhũ ngôn

汝言是毒。令我驅遣。今復言好最能除病。如汝所言。我本舊醫定為勝汝。

是時客醫復語王言。王今不應作如是語。如蟲食木有成字者。此蟲不知是字非字。智人見之終不唱言。是蟲解字。亦不驚怪。大王當知。舊醫亦爾。不別諸病悉與乳藥。如彼蟲道偶成於字。是先舊醫不解乳藥好醜善惡。

時王問言。云何不解。客醫答王。是乳藥者。亦是毒害。亦是甘露。云何是乳復名甘露。若是特牛不食酒糟滑草麥麩其犢調善。放牧之處不在高原亦不下濕。飲以清流不令馳走。不與特牛同共一群。飲餒調適行住得所。如是乳者能除諸病。是則名為甘露妙藥。除是乳已其餘一切皆名毒害。

爾時大王聞是語已。讚言大醫。善哉善哉。我從今日始知乳藥善惡好醜。即便服之病得除愈。

尋時宣令一切國內。從今已往當服乳藥。國人聞之皆生瞋恨。咸相謂言。大王。今者為鬼所持為狂顛耶。而誑我等復令服乳。一切人民皆懷瞋恨悉集王所王言。汝等不應於我而生瞋恨。而此乳藥服與不服。悉是醫教非是我咎。

爾時大王及諸人民踊躍歡喜倍共恭敬供養是醫。一切病者皆服乳藥病悉除愈。

thị độc, linh ngã khu khiển. Kim phục ngôn hảo, tối năng trừ bệnh. Như nữ sở ngôn, ngã bốn cữu y định vi thắng nữ.”

Thị thời, khách y phục ngũ vương ngôn: “Vương kim bất ưng tác như thị nữ. Như trùng thực mộc, hữu thành tự giả. Thủ trùng bất tri thị tự, phi tự. Trí nhân kiến chi, chung bất xướng ngôn: Thị trùng giải tự., diệc bất kinh quái. Đại vương đương tri, cữu y diệc nhĩ, bất biệt chư bệnh, tất dữ nữ dược, như bỉ trùng đạo, ngẫu thành ư tự. Thị tiên cữu y bất giải nữ dược, hảo xú, thiện ác.”

Thời, vương vấn ngôn: “Vân hà bất giải?” Khách y đáp vương: “Thị nữ dược giả, diệc thị độc hại, diệc thị cam lộ. Vân hà thị nữ phục danh cam lộ? Nhược thị tự ngư bất thực tửu tào, hoạt thảo, mạch dục, kỳ độc điều thiện. Phóng mục chi xú, bất tại cao nguyên, diệc bất hạ thấp, ẩm dĩ thanh lưu, bất linh trì tẩu, bất dữ đặc ngư đồng cộng nhất quần, ẩm ủy điều thích, hành trụ đắc sở. Như thị nữ giả, năng trừ chư bệnh. Thị tắc danh vi cam lộ diệu dược. Trừ thị nữ dĩ, kỳ dư nhất thiết, giai danh độc hại.”

Nhĩ thời Đại vương vấn thị nữ dĩ, tán ngôn đại y: “Thiện tai, thiện tai! Ngã tòng kim nhật, thủy tri nữ dược thiện ác, hảo xú.” Túc tiện phục chi, bệnh đắc trừ dữ.

Tâm thời tuyên lệnh: Nhất thiết quốc nội, tòng kim dĩ vãng, đương phục nữ dược. Quốc nhân văn chi, giai sanh sân hận, hàm tương vị ngôn: “Đại vương kim giả, vi quý sở trì, vi cuồng điên da, nhi cuồng ngã đẳng, phục linh phục nữ?” Nhất thiết nhân dân giai hoài sân hận, tất tập vương sở. Vương ngôn: “Nữ đẳng bất ưng ư ngã nhi sanh sân hận. Nhi thủ nữ dược, phục dữ bất phục, tất thị y giáo, phi thị ngã cữu.”

Nhĩ thời, Đại vương cập chư nhân dân, dưng dược hoan hỷ, bội cộng cung kính, cúng dường thị y. Nhất thiết bệnh giả, giai phục nữ dược, bệnh tất trừ dữ.

汝等比丘。當知如來應供正遍知明行足善逝世間解無上士調御丈夫天人師佛世尊。亦復如是。為大醫王出現於世。降伏一切外道邪醫。諸王眾中唱如是言。我為醫王欲伏外道。故唱是言。無我無人眾生壽命養育知見作者受者。

比丘當知。是諸外道。所言我者。如蟲食木偶成字耳。是故如來於佛法中唱言無我。為調眾生故。為知時故說是無我。有因緣故亦說有我。如彼良醫善知於乳是藥非藥。非如凡夫所計吾我。凡夫愚人所計我者。或有說言大如拇指。或如芥子。或如微塵。如來說我悉不如是。是故說言。諸法無我實非無我。何者是實。若法是實是真是常是主是依性不變易。是名為我。如彼大醫善解乳藥。如來亦爾。為眾生故說諸法中真實有我。

汝等四眾應當如是修習是法。

## 大般涅槃經卷第二

終

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Đương tri Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân Sư, Phật, Thế Tôn diệt phục như thị. Vi Đại y vương, xuất hiện ưu thế, hàng phục nhất thiết ngoại đạo tà y. Chư vương chúng trung, xướng như thị ngôn: “Ngã vi Y vương.” Dục phục ngoại đạo, cố xướng thị ngôn: “Vô ngã, vô nhân, chúng sanh, thọ mạng, dưỡng dục, tri kiến, tác giả, thọ giả.”

Tỳ-kheo đương tri, thị chư ngoại đạo, sở ngôn ngã giả, như trùng thực mộc, ngẫu thành tự nhi. Thị cố Như Lai, ư Phật pháp trung, xướng ngôn: vô ngã. Vị điều chúng sanh cố, vị tri thời cố, thuyết thị vô ngã. Hữu nhân duyên cố, diệt thuyết hữu ngã. Như bỉ lương y, thiện tri ưu nhũ, thị dục, phi dục. Phi như phàm phu sở kế ngô ngã. Phàm phu ngu nhân, sở kế ngã giả, hoặc hữu thuyết ngôn: đại như mẫu chỉ, hoặc như giới tử, hoặc như vi trần. Như Lai thuyết ngã, tất bất như thị. Thị cố thuyết ngôn: Chư pháp vô ngã, thật phi vô ngã. Hà giả thị thật? Nhược pháp thị thật, thị chân, thị thường, thị chủ, thị y, tánh bất biến dịch, thị danh vi ngã. Như bỉ đại y, thiện giải nhũ dục, Như Lai diệt nhi, vị chúng sanh cố, thuyết chư pháp trung, chân thật hữu ngã.

Nhữ đẳng tứ chúng ưng đương như thị tu tập thị pháp.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ nhị

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN HAI

### PHẨM THỌ MẠNG

#### Phẩm thứ nhất - Phần hai<sup>(1)</sup>

**B**ấy giờ, trong chúng hội có một vị ưu-bà-tắc ở thành Câu-thi-na tên là Thuần-đà, con nhà thợ thuyền, dẫn theo 15 người cũng thuộc trong giới mình. Vì muốn cho thế gian được quả lành, ông dẹp bỏ oai nghi của thân, từ chỗ ngồi đứng dậy, trần vai áo bên phải,<sup>(2)</sup> quỳ gối phải sát đất, hai tay chấp lại hướng về phía Phật, đầu xót rơi lệ, cúi đầu lễ sát chân Phật, rồi bạch Phật rằng: “Nguyện đức Thế Tôn và chư tỳ-kheo rủ lòng thương xót nhận cho sự cúng dường lần cuối cùng của chúng con, để cứu độ vô số chúng sanh.

“Bạch Thế Tôn! Từ nay chúng con không còn người làm chủ, không còn người thân thích, không còn người cứu vớt, bảo hộ, không còn nơi quy hướng, bản cùng, đối khổ, muốn nương đức Như Lai cầu lấy món ăn cho thuở tương lai. Xin ngài thương xót thọ nhận lễ cúng hèn mọn của chúng con rồi hãy nhập Niết-bàn.

“Thế Tôn! Ví như có một người thuộc giai cấp sát-ly hoặc giai cấp bà-la-môn, tỳ-xá, thủ-đà,<sup>(3)</sup> vì bản cùng nên đi tới một nước khác xa xôi. Người ấy ra sức làm ruộng nương, sắm được con trâu khỏe, dễ điều khiển, được ruộng tốt, bằng phẳng, đã dọn sạch không còn những cát sỏi, chất phèn, cỏ hoang, gốc cây. Người ấy chỉ còn mong được trời mưa xuống mà thôi.

“Trâu khỏe và dễ điều khiển, ví như bảy nghiệp lành của thân và khẩu.<sup>(4)</sup> Ruộng tốt và bằng phẳng, ví như trí tuệ. Những món cát sỏi, chất phèn, cỏ hoang, gốc cây đã bị dẹp trừ, ví như các phiền não đã trừ dứt.

“Thế Tôn! Nay thân chúng con có đủ trâu khỏe, dễ điều khiển; ruộng tốt và bằng phẳng; đã dọn sạch những món, cát sỏi, chất phèn, cỏ hoang, gốc cây. Chúng con chỉ còn mong chờ đức Như Lai ban cho cơn mưa pháp cam lộ<sup>(5)</sup> mà thôi.

“Người bản cùng nói trên chính là thân chúng con đây, thiếu thốn món của cải là Chánh pháp vô thượng. Xin Phật thương xót, dứt trừ sự bản cùng khốn khổ ấy cho chúng con và cứu giúp vô lượng chúng sanh khổ não.

“Mặc dầu lễ cúng của chúng con hôm nay là hèn mọn, nhưng cũng mong rằng được làm no lòng Như Lai và đại chúng. Từ nay chúng con không còn người làm chủ, không còn người thân thiết, không còn nơi quy hướng. Xin Như Lai rủ lòng thương xót chúng con như La-hầu-la.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn, bậc Nhất thiết chủng trí,<sup>(6)</sup> bậc Vô thượng Điều ngự, bảo Thuần-đà rằng: “Lành thay, lành thay! Hôm nay ta sẽ vì ông mà dứt trừ sự bản cùng. Ta sẽ đem mưa Pháp vô thượng mà rưới xuống đám ruộng tốt ở thân ông để làm cho mầm pháp mọc lên. Nay ông muốn cầu ở ta thọ mạng, sắc tướng, sức lực, an lạc, biện tài vô ngại. Ta sẽ ban cho ông được đời sống trường tồn, sắc tướng, sức lực, an lạc và tài biện thuyết vô ngại.

“Vì sao vậy? Thuần-đà! Có hai lần thí thực mà quả báo như nhau. Sao gọi là hai? Thứ nhất là, ta thọ thực



rồi sẽ đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.<sup>(7)</sup> Thứ hai là, ta thọ thực xong sẽ nhập Niết-bàn. Nay ta thọ nhận sự cúng dường lần cuối cùng này của ông, sẽ khiến cho ông được đầy đủ hạnh Bồ thí.”

Bấy giờ, Thuần-đà liền bạch Phật rằng: “Như Phật nói rằng quả báo hai lần thí thực ấy là như nhau, nghĩa ấy chẳng đúng!”

“Vì sao vậy? Người thọ thí lần trước, chưa dứt phiền não, chưa thành tựu Nhất thiết chủng trí, cũng chưa thể khiến cho chúng sanh được đầy đủ hạnh Bồ thí.

“Người thọ thí lần sau, phiền não đã dứt, đã thành tựu Nhất thiết chủng trí, lại có thể khiến cho chúng sanh thấy đều được đầy đủ hạnh Bồ thí.

“Người thọ thí lần trước, thật là chúng sanh. Người thọ thí lần sau, là bậc Thiên Trung Thiên.<sup>(8)</sup>

“Người thọ thí lần trước, đó là cái thân sống nhờ ăn uống, cái thân phiền não, cái thân còn phải trở lại cõi này, cái thân vô thường. Người thọ thí lần sau, đó là thân không phiền não, thân kim cang, là Pháp thân, là thân thường còn chẳng mất, là thân không giới hạn.

“Như vậy, vì sao lại nói rằng hai lần thí thực ấy quả báo chẳng khác gì nhau?

“Người thọ thí lần trước chưa có đầy đủ từ hạnh Bồ thí cho tới hạnh Trí tuệ;<sup>(9)</sup> chỉ có nhục nhãn mà thôi, chưa được Phật nhãn, thậm chí chưa được Huệ nhãn.<sup>(10)</sup>

“Người thọ thí lần sau, đã có đầy đủ từ hạnh Bồ thí cho tới hạnh Trí tuệ, lại được đầy đủ từ Huệ nhãn cho chí Phật nhãn.

“Như vậy, vì sao nói rằng hai lần thí thực ấy quả báo chẳng khác gì nhau?

“Bạch Thế Tôn! Người thọ thí lần đầu, thọ nhận rồi thì cho vào miệng mà ăn, thức ăn vào bụng thì tiêu hóa, nhờ đó mới được thọ mạng, sắc tướng, sức lực, an lạc, biện tài vô ngại.

“Người thọ thí lần sau, chẳng ăn, chẳng tiêu, cũng chẳng nhân đó mà được năm kết quả trên.<sup>(11)</sup>

“Như vậy, vì sao nói rằng hai lần thí thực ấy quả báo chẳng khác gì nhau?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Từ vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, Như Lai không hề có cái thân nuôi sống bằng thức ăn, cái thân phiền não; không có thân phải trở lại cõi này. [Như Lai thật chỉ có] thân thường tồn, thân Pháp, thân kim cang.

“Thiện nam tử! Người chưa thấy tánh Phật nên thân ấy gọi là thân phiền não, là thân sống nhờ ăn uống, là thân phải trở lại cõi này. Bấy giờ, khi Bồ Tát [sắp thành đạo], ăn uống xong bèn nhập Tam-muội Kim cang. Thức ăn ấy tiêu hóa rồi, Bồ Tát liền thấy tánh Phật, chứng quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Vì vậy, ta nói rằng quả báo của hai lần thí ấy chẳng khác gì nhau.

“Lúc bấy giờ, Bồ Tát phá bốn thứ ma,<sup>(12)</sup> nay vào Niết-bàn cũng phá bốn thứ ma. Vì vậy cho nên ta nói rằng quả báo của hai lần thí ấy chẳng khác gì nhau.

“Lúc bấy giờ, Bồ Tát tuy chưa thuyết rộng mười hai bộ kinh,<sup>(13)</sup> nhưng trước đó đã thông đạt rồi; nay sắp vào Niết-bàn, sẽ rộng vì tất cả chúng sanh mà phân biệt

diễn thuyết mười hai bộ kinh. Vì vậy cho nên ta nói rằng quả báo của hai lần thí ấy chẳng khác gì nhau.

“Thiện nam tử! Từ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp, thân Như Lai đã chẳng hề dùng các món ăn thức uống. Vì hàng Thanh văn nên mới nói rằng: Trước kia ta có thọ món cháo sữa của hai cô chăn bò là Nan-đà và Nan-đà-ba-la cúng dường, sau đó chúng quả A-nậu-đa-la Tam-miêu Tam-bồ-đề. Thật ra, ta chẳng hề ăn. Hôm nay, ta lại vì đại chúng trong hội này mà thọ nhận sự cúng dường lần cuối cùng của ông, thật ra cũng chẳng hề ăn.”

Lúc ấy, đại chúng nghe đức Phật dạy rằng ngài vì khắp cả đại hội nên thọ nhận bữa cúng dường cuối cùng của Thuần-đà, đều lấy làm vui mừng, phấn chấn, cùng cất tiếng khen rằng:

“Lành thay, lành thay! Ít có ai được như ông Thuần-đà! Tên ông đặt như vậy, thật là xứng đáng. Hai chữ “thuần-đà” có nghĩa là “hiểu được nghĩa lý vi diệu”.<sup>(14)</sup> Nay ông đã kiến lập được nghĩa lớn như vậy, cho nên y theo chỗ thật, tùy nghĩa mà đặt tên, gọi là Thuần-đà.

“Ông nay ở đời hiện tại được danh lợi lớn, đức nguyện đều đầy đủ. Lại thay Thuần-đà! Ông sanh ra ở cõi người, lại được điều lợi ích cao quý nhất, khó được nhất!

“Lành thay Thuần-đà! Như hoa ưu-đàm ít có ở thế gian. Phật xuất hiện ở thế gian, lại càng khó gặp hơn. Gặp Phật rồi đem lòng tin và nghe Pháp, lại càng khó hơn nữa. Khi Phật sắp nhập Niết-bàn, lại được bày biện lễ vật cúng dường lần cuối cùng như thế này, việc ấy lại là khó hơn cả.

“Đáng kính thay Thuần-đà! Đáng kính thay Thuần-đà! Nay hạnh bố thí của ông đã được đầy đủ như trăng

thu đêm rằm, đã trong sáng tròn đầy lại không bị mây che, mọi người đều chiêm ngưỡng. Ông cũng như thế, tất cả chúng tôi đều chiêm ngưỡng ông. Phật thọ nhận lễ cúng dường cuối cùng của ông rồi, sẽ làm cho hạnh bố thí của ông được đầy đủ. Đáng kính thay Thuần-đà! Vì vậy nên chúng tôi nói rằng ông như vàng trắng tròn đầy, mọi người đều chiêm ngưỡng. Đáng kính thay Thuần-đà. Tuy ông thọ thân người, nhưng tâm ông như tâm Phật. Thuần-đà! Hôm nay ông thật là con Phật, như La-hầu-la chẳng khác.

Lúc ấy, đại chúng liền đọc kệ rằng:

Ông tuy sanh cõi người,  
Đã vượt trời Tha hóa.  
Chúng tôi toàn đại chúng,  
Cùng cúi đầu cầu thỉnh.

Bạc Nhân trung Tối thắng,  
Nay sắp nhập Niết-bàn.  
Ông nên thương chúng tôi,  
Mau mau cầu thỉnh Phật:

Trụ lâu chốn thế gian,  
Lợi ích vô lượng chúng.  
Thuyết giảng pháp vô thượng,  
Pháp bậc trí ngợi khen.

Nếu ông không thỉnh Phật,  
Mạng chúng tôi chẳng còn!  
Nên mong ông tức thời:  
Đảnh lễ bậc Điều ngự.

Lúc ấy, Thuần-đà hết sức vui mừng phấn chấn. Ví như có một người kia, cha mẹ đã chết rồi bỗng nhiên

sống lại, lấy làm vui sướng. Sự vui sướng của Thuần-đà cũng giống như vậy. Ông liền đứng dậy lễ Phật và tụng kệ rằng:

Khoái thay được lợi mình,  
Khéo sanh ra làm người,  
Dẹp trừ tham, sân, si,  
Rời cả ba nẻo dữ!<sup>(15)</sup>

Khoái thay được lợi mình,  
Gặp được kho vàng ngọc,  
Gặp được đấng Điều ngự,  
Chẳng sợ đọa súc sanh!

Phật như hoa ưu-đàm,  
Khó gặp; gặp khó tin.  
Gặp rồi, trông thiện căn,  
Dứt tuyệt khổ nạ quý.

Lại trừ được mối lo,  
Sanh loài A-tu-la.  
Phật muôn đời khó gặp,  
Như hạt cải đầu kim.<sup>(16)</sup>

Con được tròn hạnh thí,  
Thoát sanh tử, trời người.  
Phật chẳng nhiệm việc đời,  
Như hoa sen ở nước.

Dứt luôn cảnh Hữu đỉnh,  
Vĩnh viễn vượt sanh tử.

Sanh làm người là khó,  
Gặp Phật lại càng khó,

Dường như giữa biển cả,  
Rùa mù gặp bọng nổi!<sup>(17)</sup>

Con nay hiến cơm này,  
Nguyện được quả cao nhất.  
Hết thả dây phiền não,  
Chặt đứt chẳng khó khăn.

Nay con ở chốn này,  
Chẳng cầu thân trời, người.  
Ví dầu sanh cảnh ấy,  
Lòng chẳng lấy làm vui.  
Phật nhận lễ con dâng,  
Vui sướng không kể xiết!

Con như hoa y-lan,<sup>(18)</sup>  
Được cúng dường Như Lai,  
Như tỏa hương chiên-đàn,<sup>(19)</sup>  
Nên con rất vui mừng.

Nay con được hiện báo,  
Đến nơi cao đẹp nhất.  
Chư thiên trời Thích, Phạm,  
Sẽ đến cúng dường con.  
Hết thả khắp thế gian,

Ắt sanh khổ não lớn,  
Vì biết Phật Thế Tôn,  
Đang muốn nhập Niết-bàn.  
Cùng lớn tiếng thưa rằng:  
“Thế gian không Điều ngự!  
Xin đừng bỏ chúng sanh,  
Xin thương như con một.”

Như Lai giữa chúng tăng,  
Diễn thuyết Pháp vô thượng,  
Như núi báu Tu-di,  
Vững vàng nơi biển cả.

Trí tuệ Phật khéo trừ,  
Lòng tăm tối chúng con,  
Ví như giữa hư không,  
Vén mây, trời trong sáng.

Như Lai khéo dẹp trừ,  
Hết thảy mọi phiền não,  
Ví như mặt trời hiện,  
Mây tan, ánh sáng chiếu.

Hết thảy mọi chúng sanh,  
Nghẹn ngào, khóc sưng mắt.  
Thấy bị khổ luân hồi,  
Làm trôi dạt khắp nơi.

Vì vậy, nguyện Thế Tôn,  
Tặng lòng tin của chúng,  
Vì cứu khổ sanh tử,  
Trụ lâu nơi thế gian.

Phật bảo Thuần-đà: “Đúng vậy, đúng vậy! Như ông đã nói, khó gặp Phật ra đời, cũng như hoa ưu-đàm. Gặp Phật rồi phát sanh lòng tin, lại càng khó hơn. Đến khi Phật sắp nhập Niết-bàn, được cúng dường Phật bữa cơm cuối cùng, nhân đó đầy đủ hạnh bố thí, việc ấy lại càng rất khó.

“Thuần-đà! Nay ông chớ nên sầu khổ thái quá. Nên sanh lòng phấn chấn, mừng vui vì được sự may mắn,

hạnh phúc lớn, được cúng dường Như Lai lần cuối cùng, thành tựu trọn vẹn hạnh bố thí. Không nên thỉnh Phật trụ thế lâu dài. Nay ông nên quán xét các cảnh giới của Phật đều là vô thường, tánh và tướng của các hành<sup>(20)</sup> lại cũng vô thường như vậy.”

Phật vì Thuần-đà thuyết kệ:

Hết thảy khắp thế gian,  
Có sanh đều có tử.  
Mạng sống dù kéo dài,  
Cũng có ngày phải dứt.

Có thanh ất có suy,  
Hợp nhau rồi phải lìa.  
Tuổi thanh xuân rất ngắn,  
Khỏe mạnh rồi ốm đau.  
Mạng sống rồi phải hết,  
Không có pháp nào thường.

Các vua được tự tại,  
Thế lực chẳng ai bằng,  
Hết thảy đều đời đời,  
Mạng sống cũng chẳng khác.

Vòng khổ não khôn cùng,  
Lưu chuyển không ngừng nghỉ.  
Ba cõi đều vô thường,  
Các cảnh chẳng gì vui.

Thấy rõ tánh thật tướng:  
Hết thảy đều rỗng không.  
Pháp hư hoại lưu chuyển,  
Thường lo âu, hoạn nạn,

Sợ hãi và tội lỗi,  
 Khổ già, suy, bệnh, chết.  
 Hết thấy đều không cùng.  
 Hư hoại, kẻ oán hại,  
 Phiền não buộc trói chặt,  
 Như tầm kia trong kén.  
 Những người có trí tuệ,  
 Ai ưa thích chốn này?  
 Thân này, muôn khổ họp,  
 Hết thấy đều nhớp nhơ,  
 Ung nhọt, trói, chèn ép,  
 Xét cùng, không ích lợi.  
 Cho đến thân chư thiên,  
 Cũng đều như vậy cả.

Tham dục đều vô thường,  
 Nên ta chẳng tham chấp.  
 Lìa dục, khéo suy xét,  
 Rõ được lý chân thật,  
 Đoạn dứt cả Ba cõi.

Nay Phật nhập Niết-bàn,  
 Sang đến tận bờ kia,  
 Đã vượt hết các khổ.  
 Nay chỉ thuần an vui,  
 Nhiệm mầu hơn tất cả.<sup>(21)</sup>  
 Vì nhân duyên như vậy,  
 Vượt ngoài mọi hí luận.  
 Vĩnh viễn dứt trói buộc.  
 Nay Phật nhập Niết-bàn,

Không còn: già, bệnh, chết,  
 Đời sống không thể dứt.  
 Nay Phật nhập Niết-bàn,  
 Như lửa lớn vụt tắt.

Thuần-đà, ông chẳng nên,  
 Suy lường nghĩa Như Lai.  
 Nên quán tánh Như Lai,  
 Như núi lớn Tu-di.

Nay Phật nhập Niết-bàn,  
 Thọ niềm vui bậc nhất.  
 Chư Phật đều như vậy,  
 Chẳng nên than khóc nữa.

Lúc ấy, Thuần-đà bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Phải vậy, phải vậy. Đúng như lời Phật dạy. Trí tuệ của con nay rất nông cạn, dường như loài muỗi mòng, làm sao bàn xét nổi ý nghĩa sâu kín Niết-bàn của Như Lai?”

“Thế Tôn! Nay con được đứng cùng với các vị Đại Bồ Tát, là hàng đại long tượng<sup>(22)</sup> trong chúng tăng, đã dứt sạch mọi phiền não, là những vị như ngài Văn-thù-sư-lợi Pháp vương tử đây.

“Thế Tôn! Ví như người còn trẻ, vừa mới xuất gia, tuy chưa thọ đủ giới nhưng cũng được dự vào hàng Tăng chúng. Con nay cũng vậy, nhờ sức thần của Phật và Bồ Tát mới được đứng vào hàng Đại Bồ Tát. Vì vậy mà nay con muốn thỉnh cầu Như Lai trụ lâu ở thế gian, đừng nhập Niết-bàn. Ví như người quá đói, hoàn toàn không có gì để nôn ra.<sup>(23)</sup> Nguyện cho đức Thế Tôn cũng vậy, thường trụ thế gian, không [xả bỏ mà] nhập Niết-bàn.”

Lúc ấy, Văn-thù-sư-lợi Pháp Vương tử bảo Thuần-đà rằng: “Thuần-đà! Nay ông chẳng nên nói ra lời như thế, muốn cho đức Như Lai thường trụ ở thế gian không nhập Niết-bàn, giống như người đói không có gì để nôn ra. Nay ông nên quán tánh và tướng của các hành. Quán các hành như vậy sẽ được đầy đủ phép Tam-muội Không. Muốn cầu Chánh pháp, phải học như thế.”

Thuần-đà hỏi: “Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Như Lai là bậc cao quý hơn hết trong khắp cõi trời người. Bậc Như Lai như thế, há có thể là các hành hay sao? Nếu là các hành, tức là pháp sanh diệt. Ví như bọt nước hiện đó, tan đó, những sự đến đi, dời chuyển, khác nào như bánh xe quay. Tất cả các hành lại cũng như vậy. Con nghe nói rằng đời sống của chư thiên rất lâu dài. Tại sao đời sống của đức Thế Tôn, vị cao quý nhất trong chư thiên lại ngắn ngủi chẳng đầy trăm năm?”

“Ví như người đứng đầu một thành ấp, do thế lực nên muốn làm gì tùy ý. Người ấy nhờ thế lực mà có thể chế ngự người khác. Về sau, đến khi hết phước người ấy thành kẻ nghèo hèn, bị người khinh miệt và bị kẻ khác sai khiến. Vì sao vậy? Vì đã mất hết thế lực. Đức Thế Tôn cũng vậy, như ngài nói là [Như Lai] đồng với các hành, tức chẳng thể xưng là bậc cao quý nhất trong chư thiên. Vì sao vậy? Các hành là pháp sanh tử. Thưa ngài Văn-thù! Vì vậy không nên quán xét đức Như Lai đồng với các hành.

“Lại nữa, thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ngài bảo rằng Như Lai đồng với các hành, đó là rõ biết mà nói hay không rõ biết mà nói? Nếu Như Lai đồng với các hành, tất không thể nói là bậc Tự tại Pháp vương cao quý nhất trong chư thiên, trong Ba cõi.

“Ví như một vị vua kia có một người đại lực sĩ, sức địch với ngàn người, rốt cùng chẳng ai có thể thắng được người ấy. Vì vậy nên xưng lực sĩ ấy là người địch nổi ngàn người. Người lực sĩ như thế được vua yêu mến, tự nhiên ban cho tước lộc, phong thưởng. Vì vậy được xưng là địch nổi ngàn người. [Thật ra] sức của người lực sĩ ấy chưa chắc địch nổi [sức của] ngàn người, chỉ vì biết dùng đủ các kỹ thuật, thế võ hay nên thắng được ngàn người. Vì vậy được xưng là địch nổi ngàn người.

Như Lai cũng thế, hàng phục được ma phiến não, ma ám, ma trời và ma chết, cho nên Như Lai mới được xưng là bậc đáng tôn kính nhất trong Ba cõi,<sup>(24)</sup> như người lực sĩ kia, một người địch nổi ngàn người. Vì nhân duyên ấy, ngài thành tựu đầy đủ vô lượng công đức chân thật, cho nên được xưng là Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri.

“Văn-thù-sư-lợi! Nay ngài không nên nghĩ tưởng phân biệt, cho rằng pháp Như Lai đồng với các hành.

“Ví như người trưởng giả rất giàu có, sanh ra đứa con. Thầy tướng đến xem trẻ ấy, nói rằng nó có tướng chết yếu. Cha mẹ nghe vậy, biết rằng nó không thể đảm nhiệm việc nối dõi tông môn, cho nên chẳng yêu trọng, coi như rơm cỏ. Nếu là kẻ yếu mạng thì chẳng được các vị sa-môn, bà-la-môn, hết thảy mọi người kính trọng. Nếu cho rằng Như Lai đồng với các hành thì tất cả chúng sanh trong thế gian, khắp cõi trời người đều chẳng phụng kính Ngài. Và pháp chân thật chẳng biến đổi mà Như Lai thuyết ra cũng chẳng ai thọ trì.

“Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Bởi vậy, không nên nói rằng Như Lai đồng với tất cả các hành.

“Lại nữa, thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ví như một cô

gái nghèo kia, không có nhà cửa, không ai cứu giúp, lại thêm bị bức bách vì bệnh khổ, đói khát. Cô lang thang khắp nơi xin ăn, dừng chân tại một quán trọ, ngụ ở đó và sanh được một đứa con. Chủ quán trọ bèn đuổi cô đi. Vừa sanh con chưa được bao lâu, cô phải ôm con, muốn đi sang nước khác. Trong khi đi đường, cô gặp phải gió mưa dữ dội, chịu lạnh, chịu khổ, lại bị nhiều muỗi mòng, ong độc, trùng độc cắn chích... Khi qua sông Hằng, cô vừa lội vừa ôm con. Sức nước chảy mạnh cuốn trôi, nhưng cô cũng chẳng bỏ con. Thế rồi mẹ con đều chết chìm. Cô gái ấy, nhờ công đức của niệm lành [hết lòng thương con] nên sau khi mạng chung được sanh lên cõi Phạm thiên.

“Văn-thù-sư-lợi! Nếu có vị thiện nam nào muốn ủng hộ Chánh pháp, chẳng nên nói rằng Như Lai đồng với các hành hoặc chẳng đồng với các hành. Chỉ nên tự trách rằng: Hiện nay mình ngu si, chẳng có con mắt trí tuệ. Chánh pháp của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, vì vậy chẳng nên tuyên thuyết rằng Như Lai nhất định là hữu vi hoặc nhất định là vô vi.

Như người có chánh kiến nên nói rằng Như Lai nhất định là vô vi. Vì sao vậy? Ngài vì chúng sanh, sanh ra các pháp lành, sanh lòng thương xót. Cũng như cô gái nghèo kia, ở dưới sông Hằng, vì lòng thương con nên liều bỏ cả thân mạng mình.

“Thiện nam tử! Bạc Bồ Tát hộ pháp cũng nên làm như vậy. Thà bỏ thân mạng mình, chớ đừng nói rằng Như Lai đồng với hữu vi. Nên nói rằng Như Lai đồng với vô vi. Nhờ nói rằng Như Lai đồng với vô vi nên đắc quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, cũng như cô gái kia được sanh lên cõi Phạm thiên. Vì sao vậy? Vì là

hộ trì Chánh pháp. Thế nào là hộ trì Chánh pháp? Là nói rằng: Như Lai đồng với vô vi.

“Thiện nam tử! Người như vậy dù chẳng cầu giải thoát cũng tự nhiên được giải thoát. Như cô gái nghèo kia chẳng cầu mà tự nhiên cũng được lên cõi Phạm thiên.

“Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ví như có người đi xa, giữa đường mỏi mệt, bèn vào nghỉ nhờ nơi nhà người khác. Đang khi ngủ, nhà ấy bỗng nhiên phát hỏa dữ dội. Người ấy bừng tỉnh lấy làm kinh sợ, nghĩ rằng: Hôm nay chắc chắn mình phải chết. Người ấy vì lòng hổ thẹn nên mặc quần áo che kín thân [trước lúc chết]. Sau đó mạng chung liền sanh lên cõi trời Đao-lợi. Từ đó về sau, sau 80 lần tái sanh liền được sanh làm vua trời Đại phạm. Trải qua trăm ngàn đời lại được sanh làm Chuyển luân vương trong loài người, không hề sanh trở lại trong ba đường dữ, cứ thường xoay chuyển sanh về những nơi an lạc. Văn-thù-sư-lợi! Vì lẽ ấy nên những vị thiện nam có lòng hổ thẹn, chẳng nên quán xét rằng Như Lai đồng với các hành.

“Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Những kẻ ngoại đạo tà kiến có thể nói rằng Như Lai đồng với hữu vi, còn những tỳ-kheo trì giới không nên nói như vậy. Chẳng nên ở chỗ Như Lai, phát sanh tư tưởng hữu vi. Như nói rằng: ‘Như Lai là hữu vi’, đó tức là nói điều sai trái. Nên biết rằng kẻ ấy khi chết sẽ vào địa ngục, xem địa ngục như nhà ở của mình.

“Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Đức Như Lai chân thật là pháp vô vi, chẳng nên nói đó là pháp hữu vi. Từ nay về sau, trong cõi sanh tử, ngài nên bỏ sự vô trí, cầu lấy chánh trí, nên biết rằng Như Lai tức là vô vi. Như ai

thường quán xét Như Lai như vậy, ắt sẽ được đầy đủ 32 tướng tốt, nhanh chóng thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.”

Lúc ấy, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi ngợi khen Thuần-đà: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông đã tạo được nhân duyên trường thọ, có thể biết được rằng Như Lai là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi, là pháp vô vi. Như vậy, nay ông đã khéo che khuất tướng hữu vi của Như Lai. Ví như người bị nạn lửa kia, vì lòng hổ thẹn nên lấy áo che thân [trước khi chết]. Nhờ lòng lành ấy được sanh lên cõi trời Đao-lợi, rồi sanh làm Phạm vương, Chuyển luân Thánh vương, chẳng đọa các đường dữ, thường được an lạc. Nay ông cũng vậy, khéo che khuất tướng hữu vi của Như Lai. Trong đời vị lai, ông chắc chắn sẽ được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười tám pháp không cùng chung với hai thừa,<sup>(25)</sup> đời sống dài vô hạn, chẳng ở nơi sanh tử, thường thọ hưởng an lạc, chẳng bao lâu nữa, ông sẽ thành bậc Ứng cúng, Chánh biến tri.

“Thuần-đà! Để sau rồi Như Lai sẽ tự ngài thuyết rộng. Nay ông với tôi, chúng ta đều nên che khuất tướng hữu vi của Như Lai. Thôi hãy gác chuyện hữu vi, vô vi lại, nay ông hãy tùy thời, mau cúng dường cơm nước. Bữa cúng dường hôm nay, công đức cao trời nhất. Như có những tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, từ xa đến đây cực nhọc, ông nên đem những món thanh tịnh mà cung cấp cho phải lúc. Hãy mau cúng dường như vậy đi, rồi ông sẽ được đầy đủ hạnh bố thí, là hạt giống căn bản.

“Thuần-đà! Nếu cúng dường Phật cùng chư tăng lần cuối, dù nhiều dù ít, dù đủ hay chẳng đủ, phải mau mau cho kịp giờ, chính là lúc Như Lai sắp nhập Niết-bàn.”

Thuần-đà đáp: “Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Sao nay ngài lại tham vì bữa ăn này mà nói rằng dù nhiều dù ít, dù đủ hay chẳng đủ, giục con phải cúng dường ngay bây giờ?”

“Văn-thù-sư-lợi! Ngày xưa, sáu năm khổ hạnh Như Lai còn chịu đựng nổi, huống chi ngày nay chỉ chờ trong khoảnh khắc?”

“Văn-thù-sư-lợi! Nay ngài thật cho rằng đức Như Lai Chánh giác có thọ dụng bữa cơm này hay sao? Nhưng con biết chắc rằng thân Như Lai là thân Pháp, chẳng phải là thân sống nhờ ăn uống.”

Lúc ấy, Phật bảo Văn-thù-sư-lợi rằng: “Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời Thuần-đà. Lành thay, Thuần-đà! Ông đã thành tựu đại trí vi diệu, khéo thâm nhập kinh điển Đại thừa rất sâu xa.”

Văn-thù-sư-lợi bảo Thuần-đà: “Ông nói rằng Như Lai là vô vi, thân Như Lai tức là trường thọ. Nếu ông rõ biết được vậy, chính là chỗ Phật rất hài lòng.”

Thuần-đà đáp: “Chẳng những Như Lai hài lòng với riêng con, ngài cũng hài lòng với tất cả chúng sanh.”

Văn-thù-sư-lợi nói: “Vậy đối với ông cũng như tôi và tất cả chúng sanh, Như Lai đều hài lòng.”

Thuần-đà đáp: “Xin ngài chớ nên nói rằng ‘Như Lai hài lòng’. Sự hài lòng chính là tư tưởng điên đảo. Nếu có tư tưởng điên đảo tức là có sanh tử. Có sanh tử tức là pháp hữu vi. Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Vì vậy không nên nói rằng Như Lai là hữu vi. Nếu nói Như Lai là hữu vi thì cả con và ngài đều thực hành theo pháp điên đảo!”



“Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Như Lai không hề có tư tưởng ái luyến. Sự ái luyến cũng giống như con bò mẹ nhớ nghĩ ái luyến với con bò con. Trong khi đói khát đi tìm nước uống và cỏ ăn, nhưng dù đủ hay chưa đủ, bỗng nhớ tới con liền chạy về. Chư Phật Thế Tôn không hề có sự nhớ nghĩ ái luyến như vậy, luôn xem tất cả chúng sanh bình đẳng như nhau, cũng như La-hầu-la là con một của ngài. Niệm tưởng [từ bi bình đẳng] như vậy chính là cảnh giới trí tuệ của chư Phật.

“Thưa ngài Văn-thù-sư-lợi! Ví như một vị vua, được người đánh xe đưa đi bằng xe bốn ngựa. Như muốn dùng xe lừa để chạy theo cho kịp, thật không thể được. Nay ngài với con cũng vậy. Như muốn thấu hết lẽ sâu kín và ẩn mật của Như Lai, thật không thể được!

“Văn-thù-sư-lợi! Ví như loài chim cánh vàng<sup>(26)</sup> bay lên hư không, cao đến vô số do-tuần, nhìn xuống biển cả thấy rõ những loài sống dưới nước như cá, ba ba, trạch, đà, rùa, rồng..., lại cũng thấy cả hình chiếu của mình, như người ta nhìn vào tấm gương sáng mà thấy được các màu sắc, hình ảnh. Kẻ phàm phu trí tuệ nhỏ hẹp không thể đo lường chỗ thấy như thế. Ngài và tôi cũng vậy, chúng ta không thể đo lường trí tuệ Như Lai.”

Văn-thù-sư-lợi nói với Thuần-đà rằng: “Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Chẳng phải ta không thấu đạt việc ấy, nhưng vì ta muốn đem việc của hàng Bồ Tát mà thử ông đó thôi.”

Lúc ấy, từ nơi khoảng giữa hai lông mày, Thế Tôn phóng ra đủ mọi loại hào quang. Những hào quang ấy sáng rực, chiếu lên thân ngài Văn-thù. Thấy hào quang rồi, ngài Văn-thù-sư-lợi biết rõ duyên có việc ấy liền

bảo Thuần-đà: “Nay Như Lai hiện ra tướng lành này tức là còn chẳng bao lâu sẽ nhập Niết-bàn. Vậy trước hết, ông hãy chuẩn bị lễ cúng dường lần cuối cùng đi, để kịp giờ phụng hiến Phật và đại chúng.

“Thuần-đà! Ông nên biết rằng Như Lai phóng ra đủ mọi loại hào quang, chẳng phải là không có duyên có.”

Thuần-đà nghe xong, lặng thinh chẳng tỏ ý gì cả.

Phật dạy Thuần-đà rằng: “Việc ông cúng dường Phật và đại chúng, nay đã đúng lúc rồi. Ngay bây giờ đây, Như Lai sắp nhập Niết-bàn.”

Phật lại dạy như vậy lần thứ hai, rồi lần thứ ba.

Lúc ấy, nghe Phật dạy như vậy rồi, Thuần-đà cất tiếng kêu khóc nghẹn ngào rằng: “Khổ thay! Khổ thay! Thế gian sắp trống rỗng!”

Rồi ông bạch với đại chúng: “Tất cả chúng ta hôm nay hãy gieo mình phủ phục xuống đất, đồng thanh khuyến thỉnh đức Phật đừng nhập Niết-bàn.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Thuần-đà [và đại chúng: “Các ông] chớ nên kêu khóc lớn tiếng chỉ khiến lòng buồn khổ yếu ớt.<sup>(27)</sup> [Các ông] nên quán thân này [không rắn chắc], chỉ như thân cây chuối; [không thật có], chỉ như [ảo ảnh] khi trời nắng nóng,<sup>(28)</sup> [không bền lâu], chỉ như bọt nước hiện; lại chỉ như trò ảo thuật, như thành càn-thát-bà,<sup>(29)</sup> như món đồ gốm chưa nung, như làn điện chớp, như hình vẽ lên mặt nước, như kẻ tử tù sắp chết, như trái cây chín muồi [sắp rụng], như miếng thịt cắt ra [sắp hư thối], như sợi chỉ dệt đã đến cuối khổ vải [không còn kéo dài được nữa]; [không có bản ngã,] chỉ như cái chày giở lên, giã xuống.<sup>(30)</sup>

“[Các ông] nên quán các hành như thức ăn có độc [và quán] các pháp hữu vi đều có nhiều lỗi lầm, tai hại.”

Liên đó, Thuần-đà lại bạch Phật: “Như Lai không muốn trụ lâu ở thế gian, con làm sao có thể không than khóc? Khổ thay! Khổ thay! Thế gian sắp trống rỗng! Nguyên đức Thế Tôn vì lòng thương xót chúng con và hết thảy chúng sanh nên trụ lâu ở thế gian, đừng nhập Niết-bàn.”

Phật dạy Thuần-đà: “Nay ông không nên nói rằng: ‘Vì lòng thương xót chúng con nên trụ lâu ở thế.’ Ta chính vì thương xót ông và tất cả chúng sanh nên nay mới nhập Niết-bàn. Vì sao vậy? Vì pháp của chư Phật là như thế; các pháp hữu vi cũng vậy. Vì thế chư Phật từng thuyết kệ rằng:

Các pháp hữu vi,  
Vốn tánh vô thường,  
Sanh rồi chẳng trụ.  
Tịch diệt là vui.

“Thuần-đà! Ông nên quán xét rằng: Tất cả các hành cùng với các pháp đều là vô ngã, vô thường, chẳng trụ. Thân này thường có vô số lỗi lầm tai hại, mong manh như bọt nước. Vì vậy, nay ông chẳng nên than khóc.”

Lúc ấy, Thuần-đà bạch Phật: “Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời Phật dạy. Tuy biết rằng Như Lai phương tiện thị hiện Niết-bàn, nhưng con chẳng thể ngăn lòng sầu não. Nay con suy xét kỹ, lại sanh lòng vui mừng.”

Phật khen Thuần-đà: “Lành thay, lành thay! Ông đã biết được Như Lai thị hiện [hình tướng] giống như chúng sanh, phương tiện nhập Niết-bàn.

“Thuần-đà! Ông hãy nghe đây. Như chim ta-la-ta, trong mấy tháng mùa xuân đều tụ họp tại ao A-nậu-đạt. Chư Phật cũng thế, đều đến chỗ [Niết-bàn] này.

“Thuần-đà! Nay ông không nên nghĩ rằng đời sống chư Phật là dài lâu hay ngắn ngủi. Tất cả các pháp đều như tướng ảo hóa. Khi ở trong [sự ảo hóa] đó, Như Lai dùng sức phương tiện nên không bị vướng nhiễm. Vì sao vậy? Vì Pháp của chư Phật là như thế.

“Thuần-đà! Nay ta thọ nhận sự dâng hiến cúng dường của ông là muốn giúp ông vượt thoát mọi cảnh giới hiện hữu, ra khỏi dòng sanh tử. Trong hàng trời, người, những ai có mặt tại lần cúng dường cuối cùng này đều sẽ được quả báo không lay chuyển, thường hưởng sự an vui. Vì sao vậy? Vì Như Lai là ruộng phước của chúng sanh. Nếu ông cũng muốn vì chúng sanh mà làm ruộng phước thì hãy mau chuẩn bị các thức cúng dường, đừng chần chờ nữa.”

Lúc ấy, Thuần-đà vì [nghĩ đến] sự độ thoát cho các chúng sanh nên cúi đầu gạt lệ bạch Phật: “Lành thay, bạch Thế Tôn! Như con có thể trở thành ruộng phước của chúng sanh, ắt con có thể biết được Như Lai có vào Niết-bàn hay không vào Niết-bàn. Hiện nay, chúng con và hàng Thanh văn, Duyên giác đều chỉ có trí tuệ nhỏ nhoi như loài muỗi, loài kiến... thật chẳng thể lường xét nổi Như Lai có vào Niết-bàn hay không vào Niết-bàn.”

Lúc ấy, Thuần-đà cùng với quyến thuộc của ông, thảy đều ưu sầu, khóc lóc, đi quanh Như Lai, đốt hương, rải hoa, hết lòng kính phụng; rồi cùng với Bồ Tát Văn-thù từ tòa ngai đứng dậy, đi lo chuẩn bị các thức cúng dường.<sup>(31)</sup>

Các vị đi chưa bao lâu thì mặt đất nơi ấy bỗng xảy ra sáu cách chấn động. Lên đến cõi Phạm thiên cũng chấn động như vậy.

Nói về mặt đất chấn động, có hai trường hợp. Một là địa động, hai là đại địa động. Chấn động nhỏ gọi là địa động, chấn động lớn gọi là đại địa động. Chấn động phát ra tiếng nhỏ gọi là địa động, chấn động phát ra tiếng lớn gọi là đại địa động. Chỉ có đất động mà thôi gọi là địa động. Núi, sông, cây cối, nước ở biển cả, tất cả đều động, gọi là đại địa động. Chấn động một hướng gọi là địa động, chấn động xoay quanh và lần ra khắp các nơi đều động gọi là đại địa động. Chỉ chấn động mặt đất gọi là địa động, cơn chấn động làm cho trong lòng chúng sanh đều xúc động gọi là đại địa động.

Lúc ban sơ, Bồ Tát từ cung trời Đâu-suất xuống cõi Diêm-phù-đề [xảy ra chấn động lớn] gọi là đại địa động. Khi đản sanh, lúc xuất gia, khi thành Phật, lúc chuyển pháp luân<sup>(32)</sup> và khi nhập Niết-bàn [đều có chấn động lớn], gọi là đại địa động. Hôm nay Như Lai sắp nhập Niết-bàn, cho nên ở cõi đất này có sự chấn động lớn như vậy.

Khi ấy, các hàng trời, rồng, dạ-xoa, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, loài người và loài phi nhân nghe biết việc ấy rồi đều thấy rùng mình rợn ốc, cùng khóc kể bi ai và đọc kệ rằng:

Cúi lạy bậc Điều ngự!  
 Nay chúng con khuyến thỉnh.  
 Rời xa đấng Pháp vương,  
 Chẳng còn ai cứu hộ.  
 Nay thấy Phật Niết-bàn,  
 Chúng con chìm biển khổ,

Buồn lo và đau đớn,  
 Như bò con mất mẹ.

Bần cùng, không ai cứu,  
 Như người bệnh khốn nguy,  
 Không thầy thuốc chỉ dẫn,  
 Ăn đồ chẳng nên ăn.

Bệnh phiền não chúng sanh,  
 Thường bị tà kiến hại,<sup>(33)</sup>  
 Rời xa đấng Y vương,  
 Dùng ngay loại thuốc độc.

Vì vậy Phật Thế Tôn,  
 Chẳng nên bỏ chúng con.  
 Như nước không vua trị,  
 Nhân dân đều nghèo đói.

Chúng con mất phúc lành,  
 Mất vị pháp, cũng vậy.  
 Nay nghe Phật Niết-bàn,  
 Chúng con lòng rối loạn.

Như đất đai chấn động,  
 Làm tán loạn các phương.  
 Như Lai nhập Niết-bàn,  
 Mặt trời Phật sa xuống,  
 Nước Pháp ắt cạn khô,  
 Chúng con chắc sẽ chết.

Như Lai nhập Niết-bàn,  
 Chúng sanh rất khổ não.  
 Như con vị trưởng giả,  
 Mới mất mẹ và cha.

Như Lai nhập Niết-bàn,  
Như cha mẹ chẳng về.  
Chúng con và chúng sanh,  
Đều không người cứu hộ.

Như Lai nhập Niết-bàn,  
Cho đến loài súc sanh,  
Hết thấy đều sâu khổ,  
Khổ não đốt tâm can.

Chúng con hôm nay đây,  
Làm sao không sâu não?  
Như Lai xả bỏ hết,  
Như khắc bỏ đàm dãi.

Như mặt trời mới mọc,  
Ánh sáng rất huy hoàng,  
Tự chiếu sáng trên không,  
Lại trừ hết tâm tối.

Hào quang thân thông Phật,  
Trừ được khổ chúng con.  
Phật ở trong đại chúng,  
Như núi lớn Tu-di.

“Thế Tôn! Ví như có vị quốc vương sanh được nhiều con, thấy đều có tướng mạo đoan chánh. Vua thường thương yêu con, trước dạy các nghề tinh xảo cho được thông thạo, rồi sau lại giao cho bọn đao phủ giết đi.”<sup>(34)</sup>

“Bạch Thế Tôn! Nay chúng con là con của đấng Pháp vương, nhờ ơn Phật dạy dỗ, đã có đủ Chánh kiến, xin Phật đừng bỏ chúng con. Nếu ngài buông bỏ, thì chúng con có khác nào những đứa con [bị đưa đi giết bỏ] của vị vua kia! Nguyện Phật trụ thế lâu dài, đừng nhập Niết-bàn.

“Thế Tôn! Ví như có người học thông thạo các bộ luận, nhưng đối với các bộ luận ấy lại sanh tâm sợ sệt, [thật không có lý]. Như Lai cũng thế, ngài đã thông đạt các pháp [có lẽ nào] đối với các pháp lại sanh tâm sợ sệt? Nếu đức Như Lai trụ thế dài lâu, thuyết dạy Chánh pháp cam lộ khiến cho ai nấy đều được đầy đủ thì chúng sanh chẳng còn phải lo sợ đọa vào địa ngục.

“Bạch Thế Tôn! Ví như có người mới tập sự [do sai sót nên] bị quan bắt giam vào ngục. Có người hỏi: “Ông thấy thế nào?” Đáp rằng: “Nay tôi thấy hết sức lo lắng khổ sở.” Nếu người ấy được ra [khỏi cảnh giam cầm] ắt sẽ rất an vui. Như Lai cũng thế, ngài vì chúng con tu hành mọi hạnh khổ, nay chúng con chưa được ra khỏi khổ não sanh tử, làm sao Như Lai có thể được hưởng an vui?

“Thế Tôn! Ví như người thầy thuốc rất giỏi, thông thạo các phương thuốc, chỉ truyền riêng những phương thuốc bí truyền cho con mà thôi, không truyền cho những người ngoài đến học. Như Lai cũng thế, ngài chỉ đem giáo pháp uyên áo sâu kín nhất dạy riêng cho ngài Văn-thù, đành bỏ rơi không đoái hoài thương xót đến tất cả chúng con.

“Như Lai đối với Chánh pháp lẽ ra không có lòng tham tiếc che giấu như người thầy thuốc kia, chỉ dạy riêng con mình, chẳng dạy cho người ngoài đến học. Sở dĩ thầy thuốc kia không thể truyền rộng nghề thuốc cho đời là vì còn có lòng so đo hơn kém, nên mới tham tiếc che giấu. Trong lòng Như Lai không hề có sự so đo hơn kém, vì sao không dạy dỗ chúng con? Nguyện Như Lai trụ thế dài lâu [giáo hóa chúng con], đừng nhập Niết-bàn.

“Bạch Thế Tôn! Ví như có những người già, trẻ con, người bệnh cùng rời khỏi con đường bằng phẳng thẳng tắp để đi theo con đường hiểm trở. Đường ấy thật gian nan khó đi, họ phải chịu nhiều khổ não. Có một người lạ thấy vậy thương xót, liền chỉ cho con đường thẳng bằng phẳng.

“Thế Tôn! Chúng con cũng giống như những người ấy. Người trẻ ví như chưa tăng trưởng pháp thân, người già ví như phiền não nặng nề, người bệnh ví như chưa thoát khỏi sanh tử, đường hiểm trở ví như 25 cảnh giới hiện hữu trong Ba cõi. Nguyện đức Như Lai chỉ cho chúng con đường Chánh đạo cam lộ. Xin Như Lai trụ thế dài lâu, đừng nhập Niết-bàn.”

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo chư tỳ-kheo: “Tỳ-kheo các ông chớ sầu than khóc lóc như hạng phàm phu trong cõi trời, người. Phải chuyên cần tinh tấn, giữ tâm chánh niệm.”

Lúc ấy, nghe lời Phật khuyên dạy, các hàng trời, người, a-tu-la đều ngưng khóc kể, giống như người chôn cất đứa con yêu, việc mai táng đã xong liền thôi khóc kể.

Bấy giờ, đức Thế Tôn liền vì đại chúng mà thuyết kệ rằng:

Các ông phải hiểu ra,  
Chớ nên sầu khổ lắm.  
Pháp chư Phật đều thế,  
Nên chấp nhận an nhiên.

Vui hạnh không biếng nhác,  
Giữ tâm thường chánh niệm.  
Lìa xa điều phi pháp,  
Tâm an, lòng được vui.

“Lại nữa, chư tỳ-kheo! Như có điều chi nghi hoặc, nay nên thưa hỏi. Chẳng hạn như hỏi về những lẽ không và chẳng không; thường và vô thường; khổ và không khổ; y theo và chẳng y theo; đi và chẳng đi; về và chẳng về; thường hằng và không thường hằng; đoạn diệt và không đoạn diệt; chúng sanh và chẳng phải chúng sanh; có và không; thật và chẳng thật; chân thật và không chân thật; diệt và chẳng diệt; bí mật và chẳng bí mật; phân hai và chẳng phân hai...

“Trong tất cả các pháp như vậy, ai còn có chỗ nghi, hôm nay nên thưa hỏi. Ta sẽ tùy thuận dứt nghi cho, lại cũng vì các ông mà giảng thuyết Chánh pháp cam lộ, rồi sau đó mới nhập Niết-bàn.

“Này chư tỳ-kheo! Phật ra đời hiếm có, thân người là khó được. Được gặp Phật, tin Phật lại càng rất khó. Có thể nhận chịu được điều khó nhận, lại cũng rất khó. Thành tựu giới cấm, chẳng có chi lầm lỗi, đắc quả A-la-hán, việc ấy cũng rất khó, như tìm vàng trong cát hay cầu được hoa ưu-đàm. Này chư tỳ-kheo! Lìa khỏi tám nạn<sup>(35)</sup> và được thân người là khó lắm. Các ông nay được gặp Phật, đừng để luống qua!

“Từ thuở xưa xưa Phật đã tu biết bao hạnh khổ, nay mới được phép phương tiện cao trời nhất như thế này. Vì các ông mà trong vô lượng kiếp xưa ta đã từng xả bỏ thân thể, tay chân, đầu mắt, tủy não... Vậy các ông chớ nên lơ là, biếng nhác.

“Này chư tỳ-kheo! Thế nào gọi là trang nghiêm thành báu Chánh pháp?<sup>(36)</sup> Đây đủ hết thảy mọi công đức, đó là trân bảo. Giới, định, huệ, đó là những tường cao, hào

sâu. Nay các ông gặp được thành quách quý báu là Phật pháp, chẳng nên nhận lấy những vật hư giả. Ví như người chủ đoàn buôn kia, gặp được cảnh thành đầy trân bảo, lại nhặt lấy những gạch ngói để mang về nhà! Các ông cũng thế, đã gặp được cảnh thành quý báu, lại nhặt lấy những vật hư giả!

“Này chư tỳ-kheo! Đừng lấy tâm nhỏ nhen mà tự cho là đầy đủ. Các ông nay tuy đã được xuất gia, nhưng chẳng có lòng hâm mộ đối với Đại thừa! Này chư tỳ-kheo! Các ông thân dù được mặc áo cà-sa nhuộm màu,<sup>(37)</sup> nhưng tâm còn chưa được nhuộm pháp Đại thừa trong sạch. Các ông tuy thực hành pháp khát thực, xin ăn trải qua nhiều xứ, nhưng chưa từng xin món ăn Chánh pháp Đại thừa. Các ông tuy cạo bỏ râu tóc, nhưng chưa vì Chánh pháp mà trừ bỏ mọi sự trói buộc và sai khiến.<sup>(38)</sup>

“Này chư tỳ-kheo! Hôm nay ta sẽ đem pháp chân thật mà dạy các ông. Hiện tại Như Lai đang ở giữa đại chúng hòa hợp này. Pháp tánh của Như Lai là chân thật, không điên đảo. Vì vậy, các ông nên tinh tấn, duy trì tâm dũng mãnh phá trừ, dứt sạch mọi sự trói buộc và sai khiến. Nếu đợi khi mặt trời trí tuệ có đủ mười sức<sup>(39)</sup> đã lặn khuất, các ông sẽ bị vô minh che lấp.

“Này chư tỳ-kheo! Ví như các loại cỏ thuốc trên khắp mặt đất, núi non đều là để cho chúng sanh dùng. Pháp Phật cũng thế, sanh ra vì pháp cam lộ linh diệu, là liều thuốc hay để trị mọi thứ bệnh phiền não cho chúng sanh. Nay ta sẽ làm cho tất cả chúng sanh và Bốn chúng đệ tử<sup>(40)</sup> của ta đều trụ yên trong tạng bí mật. Ta cũng sẽ trụ yên trong đó mà vào Niết-bàn.

“Sao gọi là tạng bí mật? Ví như chữ Y ( ㄚ ),<sup>(41)</sup> nếu viết ba chấm theo hàng ngang hay theo hàng dọc thì đều chẳng thành chữ Y. Phải như ba con mắt nơi gương mặt của thần Ma-hê-thủ-la mới thành hình dạng chữ Y. Nếu tách riêng biệt ba chấm cũng chẳng thành chữ Y.

“Như Lai cũng thế. Pháp giải thoát chẳng phải Niết-bàn. Thân Như Lai cũng chẳng phải Niết-bàn. Đại trí tuệ Bát-nhã cũng chẳng phải Niết-bàn. Ba pháp ấy riêng biệt cũng chẳng phải Niết-bàn. Nay ta vì chúng sanh, trụ yên [đầy đủ] trong ba pháp ấy, gọi là nhập Niết-bàn, cũng như [hình dạng] chữ Y của thế gian.”

Lúc ấy, chư tỳ-kheo nghe Phật quyết định nhập Niết-bàn, thấy đều ưu sầu, rùng mình rợn ớn, nước mắt đượm tròn, cúi đầu lay sát chân Phật, đi quanh Phật vô số vòng cung kính, rồi bạch Phật rằng:

“Thế Tôn thuyết dạy [cho chúng con] những lý vô thường, khổ, không, vô ngã thật đáng mừng thay!

“Bạch Thế Tôn! Ví như trong dấu chân của muôn loài thì dấu chân voi là to nhất. Phép quán tưởng vô thường cũng thế, là bậc nhất trong các phép quán tưởng. Như ai tinh cần tu tập phép quán tưởng ấy, có thể trừ diệt tất cả tâm tham dục và ái luyến trong Dục giới, tâm ái luyến trong cõi Sắc giới và Vô sắc giới, cũng như trừ được vô minh, kiêu mạn cùng với những tư tưởng vô thường.

“Bạch Thế Tôn! Nếu đức Như Lai lìa bỏ những tư tưởng vô thường thì hôm nay chẳng nên nhập Niết-bàn. Nếu chẳng lìa bỏ những tư tưởng vô thường, sao lại dạy

rằng: tu phép quán tưởng vô thường sẽ trừ dứt được sự ái luyến trong Ba cõi, trừ được vô minh, kiêu mạn và những tư tưởng vô thường?

“Bạch Thế Tôn! Ví như người làm ruộng kia, trong mùa thu có cày sâu đất ruộng mới trừ được cỏ dại. Phép quán tưởng vô thường này cũng vậy, trừ được tất cả tâm tham dục và ái luyến trong Dục giới, tâm ái luyến trong cõi Sắc giới và Vô sắc giới, cũng như trừ được vô minh, kiêu mạn cùng với những tư tưởng vô thường.

“Thế Tôn! Ví như việc cày ruộng vào mùa thu là tốt nhất, trong các dấu chân thì dấu chân voi là lớn nhất, trong các phép quán tưởng thì phép quán tưởng vô thường là bậc nhất.

“Bạch Thế Tôn! Ví như vị đế vương kia, biết mình sắp mạng chung bèn đại xá cho khắp thiên hạ, thả hết những kẻ bị giam cầm trong tù ngục, rồi sau đó mới băng hà. Hiện nay, Như Lai cũng nên như thế, độ thoát cho hết thảy chúng sanh trong chốn tù ngục vô minh, ngu si tăm tối, rồi sau đó mới nhập Niết-bàn. Nay chúng con đều chưa được độ thoát, sao đức Như Lai lại định bỏ rơi mà nhập Niết-bàn?

“Thế Tôn! Ví như có người kia bị quỷ nhập, may gặp ông thầy giỏi về chú thuật, dùng sức thần chú trừ dứt nạn cho người kia. Như Lai cũng thế, vì hàng Thanh văn mà trừ con quỷ vô minh, khiến họ được trụ yên nơi Đại trí tuệ Bát-nhã và các pháp giải thoát, cũng như chữ Y của thế gian.

“Thế Tôn! Ví như con voi kia bị người ta trói. Dù cho có thầy giỏi cũng không thể ngăn giữ được, liền phá mở xiềng khóa, tự mình thoát đi. Chúng con chưa được như vậy, chưa thoát ra khỏi sự trói buộc của các phiền não là Năm sự ngăn che, Mười triển phược và Bảy lậu hoặc,<sup>(42)</sup> sao đức Như Lai lại định bỏ rơi [chúng con] mà vào Niết-bàn?

“Bạch Thế Tôn! Ví như người mắc bệnh sốt rét, gặp được lương y nên dứt được bệnh khổ. Chúng con cũng như người bệnh ấy, chịu nhiều nạn khổ, tà mạng nóng nảy. Mặc dù được gặp Như Lai, nhưng bệnh còn chưa dứt, chưa được sự an vui mãi mãi cao trỗi nhất. Sao đức Như Lai lại định bỏ rơi [chúng con] mà nhập Niết-bàn?

“Thế Tôn! Ví như người say rượu chẳng còn biết gì, chẳng còn nhận ra kẻ thân người sơ, chẳng phân biệt được mẹ, con gái, chị, em gái... Người ấy mê muội, hoang dâm, hỗn loạn, nói năng bậy bạ, nằm trong đống phân nhơ nhớp. Lúc đó, có một vị lương y đem thuốc cho uống. Người ấy uống xong liền nôn hết rượu ra, tỉnh táo trở lại, lấy làm hổ thẹn, tự trách mình: ‘Rượu là thứ không tốt, là gốc rễ của mọi điều ác. Nếu ta trừ được nó, ắt sẽ tránh xa được mọi tội lỗi.’

“Thế Tôn! Chúng con cũng vậy. Từ xưa tới nay trôi lăn trong vòng sanh tử, mê say vì tình sắc, tham đắm năm dục.<sup>(43)</sup> Chẳng phải mẹ mà tưởng là mẹ, chẳng phải chị mà tưởng là chị, chẳng phải con gái mà tưởng là con gái, chẳng phải chúng sanh mà tưởng là chúng sanh... Vì vậy mà phải trôi lăn chịu khổ sanh tử, như người say rượu kia nằm trong đống phân nhơ nhớp. Nay đức Như

Lai ban cho chúng con thuốc pháp, giúp chúng con nôn ra hết rượu độc phiền não. Nhưng chúng con vẫn chưa được hoàn toàn tỉnh táo. Sao đức Như Lai lại định bỏ rơi [chúng con] mà nhập Niết-bàn?

“Thế Tôn! Ví như có người khen rằng thân cây chuối là cứng chắc, thật là vô lý. Thế Tôn! Chúng sanh cũng thế, nếu có ai khen các pháp ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, sự nuôi dưỡng, sự thấy biết,<sup>(44)</sup> kẻ tạo tác, người nhận chịu<sup>(45)</sup> mà cho là chân thật, cũng thật vô lý như vậy. Chúng con theo đó mà tu phép quán tưởng vô ngã.

“Thế Tôn! Ví như cặn bần của nước không dùng làm gì được. Thân này cũng vậy, vốn là vô ngã, không có [một thực thể nào là] chủ thể.

“Bạch Thế Tôn! Ví như hoa thất diệp không có mùi thơm. Thân này cũng vậy, vốn là vô ngã, thật không có chủ thể. Chúng con theo đó thường tu tập trong tâm phép quán tưởng vô ngã. Như Phật có dạy: ‘Hết thấy các pháp vốn không có cái ta, không có vật của ta, các tỳ-kheo nên tu tập theo lẽ ấy. Tu tập như vậy rồi có thể trừ được tâm ngã mạn,<sup>(46)</sup> lìa được tâm ngã mạn liền nhập Niết-bàn.’

“Thế Tôn! Ví như chim bay trên không trung mà để lại dấu chân, thật không có lý như vậy. Người thường tu tập phép quán tưởng vô ngã mà có các kiến chấp, cũng không có lý như vậy.”

Lúc ấy, đức Thế Tôn ngợi khen chư tỳ-kheo rằng: “Lành thay, lành thay! Các ông thật khéo tu tập phép quán tưởng vô ngã.”

Liền đó, chư tỳ-kheo bạch Phật: “Thế Tôn! Chúng con không chỉ tu phép quán tưởng vô ngã mà còn tu tập các phép quán tưởng khác nữa. Kể đủ ra là các phép quán tưởng: khổ, vô thường và vô ngã.”

“Thế Tôn! Ví như người say rượu, tâm trí mờ ám, thấy các cảnh núi sông, vách đá, cỏ cây, cung điện, nhà cửa, mặt trời, mặt trăng, tinh tú đều quay cuồng.

“Thế Tôn! Những ai không tu tập các phép quán tưởng: khổ, vô thường, vô ngã thì chẳng đáng gọi là bậc thánh. Những người ấy thường buông thả, biếng nhác, trôi lăn trong sanh tử. Thế Tôn! Bởi nhân duyên ấy, chúng con phải khéo tu tập những phép quán tưởng như vậy.”

Lúc ấy, Phật dạy chư tỳ-kheo rằng: “Các ông hãy nghe cho kỹ! Các ông vừa đưa ra thí dụ về người say rượu, ấy cũng là chỉ hiểu được văn tự mà chưa thấu đạt nghĩa lý. Thế nào là nghĩa lý? Như người say kia nhìn lên thấy mặt trời, mặt trăng, thật không quay cuồng mà tưởng như quay cuồng. Chúng sanh cũng thế, do các phiền não, vô minh che lấp, nên sanh tâm điên đảo: ngã cho là vô ngã; thường cho là vô thường; tịnh cho là bất tịnh; lạc cho là khổ.

“Đó là do phiền não che lấp, tuy sanh ra những tư tưởng ấy, nhưng chẳng thấu đạt nghĩa lý của chúng. Cũng như người say rượu kia, đối với vật không quay cuồng mà tưởng là quay cuồng. Ngã là nghĩa Phật; thường là nghĩa Pháp thân, lạc là nghĩa Niết-bàn, tịnh là nghĩa pháp.



“Này chư tỳ-kheo! Sao lại nói rằng người có ngã tưởng là kiêu mạn cống cao, trôi lăn mãi trong sanh tử? Như các ông nói rằng: ‘Chúng con cũng tu tập các phép quán tưởng vô thường, khổ, vô ngã.’ Ba phép tu ấy chẳng có nghĩa thật. Nay ta sẽ thuyết dạy ba phép vượt trội thù thắng hơn.

“Khổ cho là vui, vui cho là khổ, đó là pháp điên đảo.

“Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, đó là pháp điên đảo.

“Vô ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, đó là pháp điên đảo.

“Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, đó là pháp điên đảo.

“Người nào có bốn pháp điên đảo như vậy là không biết tu tập các pháp một cách chân chánh.

“Này chư tỳ-kheo! Ở trong pháp khổ mà tưởng là vui, ở trong vô thường mà tưởng là thường, ở trong vô ngã mà tưởng là hữu ngã, ở trong bất tịnh mà tưởng là tịnh. Thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh.

“Pháp thế gian chỉ là văn tự mà không có nghĩa chân thật. Pháp xuất thế gian có cả văn tự và nghĩa chân thật. Vì sao vậy? Vì thế gian có bốn điên đảo, cho nên chẳng biết được nghĩa chân thật. Vì sao như thế? Vì có tư tưởng điên đảo, tâm ý điên đảo, thấy biết điên đảo. Bởi có ba sự điên đảo này nên người thế gian ở chỗ vui mà cho là khổ, ở chỗ thường mà cho là vô thường, ở chỗ hữu ngã mà cho là vô ngã, ở chỗ tịnh mà cho là bất tịnh. Đó gọi là điên đảo.

“Vì điên đảo nên người thế gian biết văn tự mà không biết nghĩa chân thật. Thế nào là nghĩa chân thật? Vô ngã là sanh tử, ngã tức là Như Lai; vô thường là hàng Thanh văn và Duyên giác, thường tức là pháp thân Như Lai; khổ là tất cả ngoại đạo, lạc tức là Niết-bàn; bất tịnh là pháp hữu vi, tịnh tức là Chánh pháp của chư Phật, Bồ Tát. Đó gọi là không điên đảo.

“Vì không điên đảo nên biết được cả văn tự và nghĩa chân thật. Nếu muốn lìa xa bốn pháp điên đảo, cần phải biết rõ nghĩa chân thật thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.”

Bấy giờ, các vị tỳ-kheo bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Theo như Phật vừa dạy, lìa khỏi bốn pháp điên đảo thì biết rõ nghĩa chân thật thường, lạc, ngã, tịnh. Nay Như Lai vĩnh viễn dứt trừ bốn pháp điên đảo, ắt đã biết rõ thường, lạc, ngã, tịnh, vậy tại sao không trụ thế trọn một kiếp hoặc nửa kiếp để dạy dỗ, dắt dẫn chúng con, khiến chúng con lìa khỏi bốn pháp điên đảo, lại đành bỏ rơi chúng con mà nhập Niết-bàn?”

“Ví như đức Như Lai thương tưởng ở lại mà dạy dỗ, chúng con sẽ hết lòng lãnh thọ và tu tập. Bằng như đức Như Lai nhập Niết-bàn, chúng con làm sao có thể cùng tồn tại với cái thân độc hại này mà tu hạnh trong sạch? Chúng con cũng sẽ theo Phật Thế Tôn mà vào Niết-bàn.”

Lúc ấy, Phật dạy chư tỳ-kheo rằng: “Các ông chẳng nên nói như vậy. Chánh pháp vô thượng của ta đã phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp. Ca-diếp sẽ làm bậc Đại Y chỉ<sup>(47)</sup> cho các ông. Cũng như đức Như Lai là chỗ nương theo của tất cả chúng sanh, Ma-ha Ca-diếp cũng vậy, sẽ là chỗ nương theo cho tất cả các ông.

“Ví như vị đại vương kia, thống lãnh nhiều xứ. Mỗi khi đi tuần du bên ngoài, liền đem việc nước mà giao phó cho vị đại thần. Như Lai cũng thế, đem Chánh pháp mà phó chúc cho Ma-ha Ca-diếp.

“Các ông nên biết rằng, trước đây [các ông] tu tập những phép quán tưởng vô thường và khổ là những pháp không chân thật.

“Ví như vào mùa xuân, có nhiều người đến một cái ao lớn thả thuyền rong chơi, làm rớt một hạt bảo châu lưu ly chìm xuống nước sâu. Liền đó, mọi người đều lặn xuống đáy nước để tìm bảo châu. Họ đua nhau hốt lấy những gạch, đá, cỏ, cây, cát, sỏi... Ai nấy đều cho rằng mình đã được hạt châu lưu ly, mừng rỡ mà nổi lên khỏi mặt nước, mới biết là không phải.

“Lúc đó, hạt châu vẫn còn ở dưới nước. Do tính chất của hạt châu, nên nước cả vùng ấy được lắng trong. Bấy giờ, mọi người nhìn xuống đáy nước đều thấy hạt bảo châu, cũng như người ta ngẩng lên hư không nhìn thấy mặt trăng vậy. Ngay lúc đó, trong đám đông ấy có một người có trí, dùng sức phương tiện, từ từ lặn xuống nước và nhặt được hạt châu.

“Này chư tỳ-kheo! Chớ nên tu tập những phép quán tưởng vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh theo cách như vậy mà cho là nghĩa chân thật, khác nào những người kia hốt lấy gạch, đá, cỏ, cây, cát, sỏi... mà cho là bảo châu!

“Các ông nên khéo học phương tiện. Bất kỳ lúc nào và ở đâu cũng thường tu những pháp quán tưởng thường, lạc, ngã, tịnh. Lại nên biết rằng, bốn phép quán tưởng vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh mà các ông đã tu tập

trước kia đều là điên đảo cả. Muốn tu các pháp quán tưởng cho đúng lẽ chân thật, phải như người có trí kia, biết dùng phép khéo léo để lấy hạt bảo châu ra khỏi nước. Ấy là các pháp quán tưởng thường, lạc, ngã, tịnh.”

Lúc ấy, chư tỳ-kheo bạch Phật: “Thế Tôn! Trước đây, Phật có dạy: ‘Các pháp đều là vô ngã, các ông nên tu học lẽ ấy. Tu học như vậy rồi thì lìa được tư tưởng chấp ngã. Khi lìa khỏi tư tưởng chấp ngã, ắt lìa khỏi kiêu mạn. Lìa khỏi kiêu mạn liền được nhập Niết-bàn.’ Vậy nghĩa ấy là thế nào?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Nay các ông khéo hỏi nghĩa ấy, đó là tự mình dứt nghi. Ví như một vị vua kia ngu si, kém trí. Vua có một người thầy thuốc tánh tình ngoan cố, ngu dại. Nhưng vua chẳng biết phân biệt, ban cấp bổng lộc [cho ông ta] một cách rộng rãi. Thầy thuốc ấy liệu trị các bệnh chỉ dùng duy nhất một món sữa làm thuốc mà thôi, lại chẳng biết nguyên nhân gây bệnh. Tuy biết dùng sữa làm thuốc, nhưng lại chẳng biết cách dùng, nên cho dù là trúng gió, cảm lạnh hay nóng sốt... đối với hết thảy các bệnh đều bảo uống sữa. Nhưng ông vua ấy không phân biệt được là người thầy thuốc kia có hiểu được chỗ lành dữ, tốt xấu của sữa hay không.

“Lại có một thầy thuốc sáng suốt từ phương xa đến. Vị này hiểu rành tám môn y thuật, khéo liệu trị các bệnh, thông thạo các phương thuốc. Bấy giờ, người thầy thuốc của vua chẳng những không chịu học hỏi, lại sanh lòng cao ngạo, khinh dễ. Người thầy thuốc sáng suốt kia liền mặc y phục chỉnh tề đến xin thỉnh ông ấy làm thầy để học

những phương pháp sâu kín trong nghề thuốc, thưa rằng: ‘Nay tôi nhận ông làm thầy, xin vì tôi mà giảng dạy.’

“Người thầy thuốc của vua đáp rằng: ‘Như ông chịu hầu hạ ta trong 48 năm, ta sẽ dạy nghề thuốc cho ông.’

“Liền đó, người thầy thuốc kia nhận lời và thưa rằng: ‘Tôi sẽ làm như vậy. Tùy theo sức mình, tôi sẽ làm người hầu hạ để thầy sai khiến.’

“Thế rồi, người thầy thuốc của vua liền đưa người thầy thuốc mới này vào bái kiến đức vua. Lúc ấy, vị thầy thuốc giỏi liền đem mọi phương pháp trị bệnh và đủ các tài nghệ khéo léo mà giảng giải cho vua nghe. Ông nói: ‘Đại vương nên biết, phải khéo phân biệt. Những phương pháp như thế này nên dùng để trị nước... Những phương pháp như thế này nên dùng để trị bệnh...’

“Bấy giờ, vua nghe qua rồi mới biết rằng người thầy thuốc của mình là một kẻ khờ khạo, vô trí, liền đuổi ông ta ra khỏi nước. Sau đó, vua lại càng thêm cung kính vị thầy thuốc giỏi. Nhân khi ấy, vị này nghĩ rằng: ‘Đây chính là lúc có thể bảo vua nghe theo.’ Bèn tâu vua rằng: ‘Như đại vương thật có lòng thương tưởng, xin cho tôi cầu xin một điều.’

“Vua đáp: ‘Từ cánh tay mặt của trẫm đây cho đến các bộ phận khác trong thân thể, tùy ý khanh muốn những gì, trẫm đều thuận cho.’

“Vị thầy thuốc giỏi liền tâu rằng: ‘Tuy đại vương hứa cho tôi mọi bộ phận trong thân thể, nhưng tôi đâu dám cầu xin thái quá như vậy. Nay chỉ xin vua ra lệnh này: Từ nay về sau, khắp trong nước chẳng ai được dùng sữa làm thuốc theo như lời dạy của người thầy thuốc cũ. Vì

sao vậy? Món thuốc ấy độc hại, gây nhiều thương tổn. Nếu ai còn dùng sẽ bị chém đầu. Trừ bỏ được món thuốc sữa ấy thì chẳng còn ai phải chết oan uổng, mọi người thường được an vui. Vì vậy nên tôi thỉnh cầu điều ấy.’

“Vua liền đáp rằng: ‘Việc khanh thỉnh cầu đó [ta chấp thuận ngay] chẳng cần phải bàn nữa!’ Vua bèn truyền lệnh đi khắp nơi rằng: ‘Khắp trong nước, những ai có bệnh đều không được dùng sữa làm thuốc. Nếu ai dùng sẽ bị chém đầu.’

“Bấy giờ, vị thầy thuốc giỏi dùng đủ các vị như: cay, đắng, mặn, ngọt, chua... mà bào chế thành nhiều loại thuốc, dùng trị các chứng bệnh, bệnh nào cũng được khỏi cả.

“Chẳng bao lâu sau, nhà vua lại mắc bệnh, liền triệu ông vào hỏi rằng: ‘Nay trẫm có bệnh nặng, khốn khổ muốn chết. Vậy nên trị cách nào?’

“Vị thầy thuốc giỏi xem bệnh cho vua xong, thấy nên dùng sữa làm thuốc, bèn tâu rằng: ‘Như bệnh của vua đây cần phải uống sữa. Trước đây tôi bảo dứt hẳn món sữa làm thuốc, thật là lời nói dối. Nay nếu vua uống sữa vào, có thể trừ được bệnh. Vua đang bị nóng nhiệt, đúng là phải uống sữa vậy.’

“Lúc ấy, vua nói rằng: ‘Nay khanh điên rồi hay sao lại cho là uống sữa có thể trừ được bệnh nóng? Trước kia khanh nói là [sữa] độc, nay sao lại bảo [ta] uống? Khanh muốn khinh thường trẫm đó sao? Món thuốc mà thầy thuốc trước đây khen, khanh bảo là độc, bảo ta ra lệnh cấm. Nay khanh lại nói rằng tốt, có thể trừ bệnh. Như lời khanh nói, thì thầy thuốc trước đây của ta ắt là giỏi hơn khanh vậy.’

“Bấy giờ, vị thầy thuốc giỏi tâu vua rằng: ‘Nay đại vương không nên nói vậy. Ví như loài mối ăn cây, có khi thành hình chữ viết. Nhưng những con mối ấy chẳng biết đó là chữ hay không phải là chữ. Người có trí thấy vậy, chẳng hề nói rằng con mối biết chữ, và cũng chẳng lấy làm lạ lùng, kinh sợ. Đại vương nên biết, người thầy thuốc trước cũng như vậy đó, chẳng biết phân biệt các bệnh, tất cả đều cho uống sữa làm thuốc, cũng như những con mối ăn cây, ngẫu nhiên mà thành hình chữ viết. Ông ấy thật ra chẳng hiểu được những chỗ tốt xấu, lành dữ của món sữa làm thuốc.’

“Lúc ấy, vua liền hỏi: ‘Thế nào là chẳng hiểu?’

“Vị thầy thuốc giỏi đáp: ‘Món sữa thuốc ấy là thứ độc hại, mà cũng là chất cam lộ. Sữa như thế nào gọi là cam lộ? Như con bò cái chẳng ăn hèm rượu, các loại cỏ trơn nhót, cám, và con bò con thì hiền hòa. Khi người chăn bò dắt đi ăn, không chọn những vùng cao, cũng không đưa xuống những nơi ẩm thấp; khi cho bò uống nước, liền dắt đến dòng nước trong; chẳng cho bò chạy nhanh, chẳng cho ở chung bầy với bò đực; giữ cho bò con bú sữa mẹ điều độ, đi đứng đều đúng chỗ, đúng nơi. Được như vậy thì sữa bò ấy có thể trừ các bệnh. Đó gọi là món thuốc cam lộ linh diệu. Ngoài thứ sữa ấy ra, các thứ sữa khác đều là độc hại.’

“Lúc ấy, vua nghe xong mấy lời ấy liền khen rằng: ‘Lành thay, lành thay! Từ nay trẫm mới biết được những lẽ tốt xấu, lành dữ của món sữa thuốc.’ Vua liền uống sữa và được khỏi bệnh.

“Sau đó, vua truyền lệnh rằng: ‘Từ nay trở đi, khắp trong nước đều phải dùng món sữa làm thuốc.’

“Nghe lệnh truyền ấy, người trong nước đều lấy làm tức giận, bảo nhau rằng: ‘Đại vương nay hẳn đã bị quỷ ám hay điên cuồng rồi nên mới đối gạt chúng ta, bảo chúng ta phải uống sữa trở lại?’

“Tất cả nhân dân đều ôm lòng giận tức, kéo nhau đến chỗ cung vua. Vua liền bảo rằng: ‘Các người chẳng nên sanh lòng tức giận với ta. Đối với loại sữa dùng làm thuốc, dù uống hay không uống đều theo lời thầy thuốc, chẳng phải lỗi nơi ta.’ [Rồi vua đem lời thầy thuốc đã nói trước đây mà giải thích với tất cả mọi người.]

“Lúc ấy, vua và nhân dân đều lấy làm vui mừng phấn chấn, càng thêm cung kính cúng dường vị thầy thuốc ấy. Tất cả những người bệnh được uống món sữa thuốc đều khỏi bệnh.

“Này chư tỳ-kheo! Nên biết rằng Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn cũng như vậy đó. Ngài là bậc Đại y vương xuất hiện ở thế gian, hàng phục tất cả những tà y ngoại đạo, ở giữa các vị vua và dân chúng<sup>(48)</sup> tự xưng rằng: ‘Ta là bậc y vương.’ Vì muốn hàng phục ngoại đạo, nên ta lại nói rằng: ‘Không có ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, sự nuôi dưỡng, sự thấy biết, kẻ tạo tác, người nhận chịu.’

“Này chư tỳ-kheo! Nên biết rằng kẻ ngoại đạo nói có ngã cũng chỉ giống như con mối ăn cây, ngẫu nhiên mà thành hình chữ viết. Vì vậy, đức Như Lai ở trong pháp Phật mà thuyết dạy là vô ngã. Vì điều phục chúng sanh, vì biết lúc thích hợp, nên nói pháp vô ngã như vậy.

“Khi đủ nhân duyên lại thuyết pháp hữu ngã. Như vị lương y kia, biết rành tính chất của sữa, cũng là thuốc mà cũng không phải là thuốc, không giống như chỗ những kẻ phàm phu suy lường cái ngã mà ta thuyết dạy.

“Kẻ phàm phu ngu si chấp lấy cái ngã [của riêng mình], hoặc nói là nó lớn như ngón tay cái, hoặc nhỏ bằng hạt cải, hoặc như hạt bụi rất nhỏ. Đức Như Lai thuyết cái ngã [chân thật] chẳng phải như vậy.

“Cho nên Phật dạy rằng: ‘Các pháp là vô ngã, nhưng thật chẳng phải vô ngã.’ Thế nào là thật? Nếu như có pháp là chân thật, là thường tồn, là chủ thể, là chỗ nương theo, bản tánh không thay đổi, đó gọi là ngã.

“Ví như vị lương y đại tài kia hiểu rành về món thuốc sữa; Như Lai cũng thế, vì chúng sanh mà thuyết dạy rằng: ở trong các pháp đúng thật là có ngã.

“Nay bốn chúng<sup>(49)</sup> các ông nên tu tập pháp này theo đúng như vậy.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN HẾT QUYỂN HAI

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản là phẩm thứ hai: Thuần-dà.
2. Theo phong tục Ấn Độ, khi một người tự vạch áo để trần vai bên phải lộ ra có ý nghĩa là tự hạ mình hết sức, để tỏ lòng tôn kính với người đối diện. Vì hạ mình hết mức, nên ở trên có nói là “đẹp bỏ oai nghi của thân”.
3. Bà-la-môn (Sanskrit: brahmana), sát-lỵ (Sanskrit: kshatriya), tỳ-xá (Sanskrit: Vaisya) thủ-dà (Sanskrit: Sūdra) là bốn giai cấp của xã hội Ấn Độ thời xưa.
4. Bảy nghiệp lành của thân và khẩu (Thân khẩu thất) Thân có ba nghiệp, khẩu có bốn nghiệp. Ba nghiệp lành của thân là: 1. Không giết hại, thường phóng sanh, cứu vớt mạng sống cho muôn loài. 2. Không trộm cắp, thường cứu giúp, bố thí những gì mình có cho tất cả chúng sanh. 3. Không tà dâm, thường tôn trọng, bảo vệ hạnh phúc gia đình của mình và người khác. Bốn nghiệp lành của miệng: 4. Không nói dối, thường nói lời chân thật, xây dựng, tạo sự đoàn kết gắn bó và hòa hợp cho mọi người. 5. Không nói trau chuốt, không nói thô tục, thường nói những lời thuận theo đạo lý, có ích. 6. Không nói hai lưỡi, đâm thọc, gây bất hòa, chia rẽ, thường nói lời hòa nhã, yêu thương. 7. Không nói lời độc ác, thường nói những lời tốt lành.
5. Cam lộ (Sanskrit: amrta): Chất nước ngon ngọt, được tin là uống vào sẽ được khỏe mạnh và sống lâu. Pháp của Phật làm lợi ích thân tâm cho tất cả chúng sanh, nên ví như nước cam lộ.
6. Nhất thiết chủng trí: Trí tuệ biết được tất cả mọi sự việc, trí tuệ bao trùm tất cả, được dùng để chỉ trí tuệ giác ngộ hoàn toàn của Phật.
7. A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề: (Sanskrit: Anuttarā-samyak-saṃbodhi), Hán dịch là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác (無上正等正覺), cũng tức là quả vị Phật.
8. Thiên Trung Thiên: Một tôn hiệu của Phật, xưng tụng Phật là vị chẳng những được loài người lễ bái, lại được tất cả chư thiên trong Ba cõi đều tôn trọng hơn hết, là bậc cao trổi nhất trong hàng chư thiên.
9. Tức là Sáu pháp ba-la-mật, ở đây lược nói. Kể đủ là: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ.
10. Nhục nhãn: mắt thịt, mắt của người thường, chỉ thấy được trong giới hạn nhất định của mắt. Huệ nhãn là khả năng nhìn thấy do sự khai mở trí tuệ, nên sáng suốt và không bị giới hạn như mắt thường. Phật nhãn là khả năng nhìn thấy sau khi chứng quả Vô thượng Bồ-đề, thành Phật, nghĩa là chỉ có chư Phật Thế Tôn mới có mà thôi.
11. Tức là thọ mạng, sắc tướng, sức lực, an lạc, biện tài vô ngại.

12. Bốn thứ ma (Tứ ma): 1. Phiền não ma, 2. Ấm ma (Ma ngũ ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), 3. Tử ma (Ma chết), 4. Tha hóa tự tại thiên tử ma (Ma vương và thuộc hạ của ma vương ở cõi trời Tha hóa tự tại hiện đến).
13. Mười hai bộ kinh (Thập nhị bộ kinh): 1. Tu-đa-la (Sanskrit: **Sūtra**), dịch nghĩa: kệ kinh, pháp bản. 2. Kỳ-dạ (Sanskrit: **Geya**), dịch nghĩa: ứng tụng, trùng tụng. 3. Hòa-ca-la-na (Sanskrit: **Vyakarana**), dịch nghĩa: thọ ký. 4. Già-đà (Sanskrit: **Gāthā**), dịch nghĩa: phúng tụng, cô khởi tụng. 5. Ưu-đà-na (Sanskrit: **Udana**), dịch nghĩa: tự thuyết. 6. Ni-đà-na (Sanskrit: **Nidāna**), dịch nghĩa: nhân duyên. 7. A-ba-đà-na (Sanskrit: **Avadāna**), dịch nghĩa: thí dụ. 8. Y-đế-mục-đa-già (Sanskrit: **Itivrtaka**), dịch nghĩa: bốn sự. 9. Xà-đà-già (Sanskrit: **Jātaka**), dịch nghĩa: bốn sanh. 10. Tỳ -phật-lược (Sanskrit: **Vaipulya**), dịch nghĩa: Phương quảng. 11. A-phù-đà-đạt-ma (Sanskrit: **Adbhutadharma**), dịch nghĩa: Vị tăng hữu. 12. Ưu-ba-đề-xá (Sanskrit: **Upadēsa**), dịch nghĩa: Luận nghị.
14. Thuần-đà: phiên âm từ tiếng Phạn là Cunda, Hán dịch là “giải diệu nghĩa”, nghĩa là hiểu được nghĩa lý vi diệu.
15. Ba nẻo dữ (Tam ác đạo): 1. Ngạ quỷ, 2. Địa ngục, 3. Súc sanh.
16. Hạt cải đầu kim: điều khó khăn, rất khó xảy ra, ví như khó gieo cho hạt cải nằm ngay trên đầu cây kim. Sanh ra được gặp Phật cũng rất khó như vậy.
17. Rùa mù gặp bông nổi: Ví như giữa biển cả có con rùa mù, trăm năm mới nổi lên một lần. Lại có một khúc cây bông, trăm năm mới trôi qua chỗ con rùa một lần. Như vậy, để cho con rùa nổi lên gặp được và chui vào bông cây thật khó lắm thay! Trong kinh Phật, ví dụ này thường được dùng để nói đến những điều rất ít có.
18. Hoa y-lan màu hồng rất đẹp nhưng có mùi hôi lan xa đến hàng bốn chục dặm.
19. Hoa y-lan (rất hôi hám) mà có thể tỏa được mùi thơm như chiên-đàn, cũng ví như thân mình hèn mọn, nhỏ nhoi mà được Như Lai thọ nhận cúng dường nên có thể thành tựu công đức lớn lao.
20. Các hành (chư hành): Hành nghĩa là dời chuyển (thiên lưu). Các pháp hữu vi do nhân duyên mà sanh ra, dời chuyển trong ba đời, từ quá khứ, đến hiện tại, sang vị lai. Các pháp hữu vi ấy rất nhiều, hoặc ở nơi tâm, hoặc ở nơi cảnh, gọi chung là các hành.
21. Bài kệ này trong Nam bản chỉ đến đây là hết, không có những câu tiếp theo.
22. Long tượng: con voi khỏe nhất trong loài voi, chỉ bậc kiệt xuất, vượt trội hơn cả. Như con ngựa hay được gọi là long mã, con voi chúa trong loài voi cũng gọi là long tượng. Trong kinh Phật thường ví các vị Bồ Tát, A-la-hán là bậc long tượng, vì các vị là kiệt xuất, vượt trội hơn cả trong muôn loài chúng sanh.
23. Nguyên văn là: 譬如饑人終無變吐。(Thí như cơ nhân, chung vô biến thổ.) Ví như người đói, hoàn toàn không có gì để nôn ra. Hai chữ “biến thổ”, tuy nghĩa đen là nôn mửa ra, nhưng tham khảo Đại Bát Niết-bàn Kinh Sớ của ngài Quán Đảnh (đời Tùy) thấy giải thích rằng: 譬大眾戀慕饑渴, 願如來住, 終無變

吐。(Thí đại chúng luyến mộ cơ khát, nguyện Như Lai trụ, chung vô biến thổ.) Có thể hiểu là: Ví sự lưu luyến, ngưỡng mộ của đại chúng như người đói khát, nguyện đức Như Lai thường trụ thế gian, rốt cùng không xả bỏ. Cũng theo văn kinh mà hiểu, thì ý nguyện của ông Thuần-đà là muốn thỉnh Phật trụ thế, không nhập Niết-bàn, nên ông dùng ví dụ như người đang đói, trong bụng không có gì để nôn ra, và nguyện cho đức Như Lai cũng như người ấy, rốt cùng cũng không xả bỏ đại chúng mà nhập Niết-bàn.

24. Tam giới tôn: bậc cao quý trong ba cõi, tức là Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.
25. Mười tám pháp không cùng chung với hai thừa (thập bát bất cộng pháp): là mười tám pháp chỉ đáng Như Lai mới có, A-la-hán và Duyên giác không có, cũng gọi là Thập bát bất cộng pháp, gồm: 1. Thân vô thất (Thân không có lỗi); 2. Khẩu vô thất (Lời nói không có lỗi); 3. Niệm vô thất (Ý tưởng không có lỗi); 4. Vô dị tưởng (Không có tư tưởng khác biệt, tâm luôn bình đẳng không phân biệt); 5. Vô bất định tâm (Tâm thường an định); 6. Vô bất tri dĩ xả (Rõ biết tất cả mọi chuyện nhưng đều buông bỏ); 7. Dục vô diệt (Lòng mong muốn cứu độ chúng sanh không dứt mất); 8. Tinh tấn vô diệt (Sự tinh tấn cứu độ chúng sanh không dứt mất); 9. Niệm vô diệt (Đối với Chánh pháp của ba đời chư Phật, tất cả trí tuệ đều đầy đủ, không có sự thối chuyển); 10. Huệ vô diệt (Trí tuệ đầy đủ không cùng tận); 11. Giải thoát vô diệt (Có đủ hai loại giải thoát là giải thoát hữu vi và giải thoát vô vi, dứt trừ hoàn toàn mọi phiền não); 12. Giải thoát trí kiến vô diệt (Đối với Giải thoát trí kiến trí tuệ sáng suốt, phân biệt vô ngại); 13. Nhất thiết thân nghiệp tùy trí tuệ hành (Hết thảy nghiệp của thân được thực hành theo trí tuệ); 14. Nhất thiết khẩu nghiệp tùy trí tuệ hành (Hết thảy nghiệp của lời nói được thực hành theo trí tuệ); 15. Nhất thiết ý nghiệp tùy trí tuệ hành (Hết thảy nghiệp của ý được thực hành theo trí tuệ); 16. Trí tuệ tri quá khứ thế vô ngại (Trí tuệ rõ biết đời quá khứ không ngăn ngại); 17. Trí tuệ tri vị lai thế vô ngại (Trí tuệ rõ biết đời vị lai không ngăn ngại); 18. Trí tuệ tri hiện tại thế vô ngại (Trí tuệ rõ biết đời hiện tại không ngăn ngại).
26. Chim cánh vàng, tức là Kim sí điểu, một loài chim rất lớn.
27. Nguyên bản Hán văn là “linh tâm tiêu tụy”, nhưng theo Nam bản thì câu này là: “chỉ tự loạn tâm” (chỉ tự làm cho tâm mình tán loạn). Cả hai nghĩa đều hợp lý.
28. Nguyên bản dùng “như nhiệt thời viêm”, chỉ hơi nắng nóng lung linh lúc giữa trưa, tạo thành ảo giác như trên vùng sa mạc hoặc trên mặt đường, khiến người đi đường lầm tưởng như phía trước có mặt nước.
29. Cũng gọi là càn thành, là thành quách do loài càn-thát-bà dùng ảo thuật mà tạo ra, không hề có thật, chỉ hiện trong chốc lát rồi biến mất.
30. Các ví dụ nêu ra ở đây đều nhằm chỉ rõ bản chất thật sự của thân xác thịt này chỉ là bất tịnh, là giả tạm, là vô ngã, là không thật.
31. Theo Nam bản thì từ đây chấm dứt phẩm Thuần-đà, bắt đầu phẩm Ai thán (phẩm thứ ba), nhưng vẫn còn trong quyển 2.

32. Tức là lần thuyết pháp đầu tiên, tại thành Ba-la-nại, trong vườn Lộc uyển với 5 anh em ông Kiều-trần-như.
33. Tà kiến: kiến giải, quan điểm của những kẻ còn phiền não, mê lầm. Tất cả có sáu mươi hai tà kiến.
34. Chỗ này theo Nam bản là “giao phó cho bọn chiêm-đà-la”.
35. Tám nạn (Bát nạn): (Sanskrit: avakan) là tám điều kiện bất lợi, tám trường hợp không may có thể xảy ra trên con đường tu học, khiến cho việc tu tập Phật pháp rất khó khăn. Tám nạn bao gồm: 1. Địa ngục (地獄; Sanskrit: naraka). 2. Súc sanh (畜生; Sanskrit: tiryāṅc). 3. Ngạ quỷ (餓鬼; Sanskrit: preta); 4. Trường thọ thiên (長壽天; Sanskrit: dīrghāyurdeva), là cõi trời thuộc Sắc giới với thọ mạng cao. Thọ mạng cao cũng là một chướng ngại vì nó làm mê hoặc người tu, khiến dễ quên đi những nỗi khổ của sanh lão bệnh tử trong luân hồi. 5. Biên địa (邊地; Sanskrit: pratyantajanapāda), là những vùng không nằm nơi trung tâm, không thuận tiện cho việc tu học Chánh pháp. 6. Căn khuyết (根缺; Sanskrit: indriyavaikalya), không có đủ giác quan hoặc các giác quan bị tật nguyên như mù, câm, điếc... 7. Tà kiến (雅見; Sanskrit: mithyādarśana), những kiến giải sai lệch, bất thiện. 8. Như Lai bất xuất sanh (如來不出生; Sanskrit: tathāgatānām anutpāda), nghĩa là sanh sống trong thời gian không có Phật hoặc giáo pháp của Phật xuất hiện.
36. Thành báu Chánh pháp (Chánh pháp bảo thành): Chánh pháp do Phật thuyết dạy ví như thành quách bằng các món báu.
37. Áo cà-sa của chư tỳ-kheo được nhuộm các màu nâu hoặc vàng để xóa đi các màu khác trước khi mặc, cũng gọi là hoại sắc (làm cho mất màu).
38. Trói buộc và sai khiến, tức các Kết sử (結使, Sanskrit: saṃyojana), là những trói buộc, ngăn trở người tu tập trên đường đạt đến sự giải thoát. Vì có sức trói buộc thân tâm, nên gọi là kết (thắt buộc, trói buộc). Vì có sức sai khiến, xúi giục người ta hành động sai trái, nên gọi là sử (sai khiến). Có 10 kết sử được kể ra là: 1. Thân kiến (身見; Sanskrit: satkāya-dṛṣṭi; Pali: sakkāyadiṭṭhi), chấp rằng có một bản ngã hình thành nơi thân thể. 2. Nghi (疑; Sanskrit: vicikitsā; Pali: vicikicā), không tin vào Chánh giáo; 3. Giới cấm thủ (戒禁取; ; Sanskrit: śīlavrata-parāmarśa; Pali: sīlabbata-parāmāsa), bám chấp vào giới luật nhưng là thọ trì những giới sai lầm của ngoại đạo, theo tà kiến; 4. Dục tham (欲貪; Sanskrit: kāma-rāga); 5. Sân khuể (瞋恚; Sanskrit: vyāpāda), sân hận, nóng giận; 6. Sắc tham (色貪; Sanskrit: rūpa-rāga); 7. Vô sắc tham (無色貪; Sanskrit: arūpa-rāga); 8. Mạn (kiêu mạn) (慢; Sanskrit: māna); 9. Trạo cử (hội hộp không yên) (掉舉; Sanskrit: auddhatya; Pali: uddhacca); 10. Vô minh (無明; Sanskrit: avidyā; Pali: avijjā). Theo cách phân chia trên đây, hành giả tu chúng nhờ đoạn trừ dần các mối trói buộc, theo trình tự như chúng được kể ra ở trên. Tuy nhiên, trong kinh luận cũng đề cập đến Thập sử theo cách khác, phân chia thành hai loại gồm 5 độn sử và 5 lợi sử. Năm độn sử là: tham, sân, si, mạn và nghi. Năm lợi sử là thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ kiến và giới cấm thủ kiến.
39. Mặt trời trí tuệ có đủ mười sức (Thập lực huệ nhật): chỉ đức Phật.

40. Tứ bộ chúng, hay tứ chúng, đó là: tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc và ưu-bà-di. Nói cách khác, đó là tăng ni và nam nữ cư sĩ.
41. Đây là mô tả chữ Y trong Phạm ngữ, có dạng ba dấu chấm hợp lại: 𑖦
42. Nguyên bản dùng “ngũ thập thất phiền não”, các bản trước đây (kể cả các bản Anh ngữ) đều dịch là “năm mươi bảy phiền não”. Tuy nhiên, theo Đại Bát Niết-bàn kinh sơ của ngài Quán Đảnh soạn vào đời Tùy thì ở đây chính là đang đề cập đến ngũ cái, thập triền và thất lậu. 1. Ngũ cái hay năm sự ngăn che, bao gồm tham, sân, si, trạo hối và thụy miên. 2. Thập triền hay Mười triền phược bao gồm 1. Vô tâm, không tự biết hổ thẹn; 2. Vô quý, không biết xấu hổ với người khác khi làm việc xấu; 3. Tật đố, ganh ghét, đố kỵ với thành tựu của người khác; 4. Khan tham, tham lam, tiếc rẻ tài vật sở hữu; 5. Hối, hối tiếc, hối với việc đã qua lòng thường nhớ nghĩ đến, lòng không an ổn; 6. Thụy miên, buồn ngủ, mê ngủ; 7. Trạo cử, tâm không an định, thường xôn xao, loạn động; 8. Hôn trầm, tâm thức mê muội, không tỉnh táo; 9. Phẫn hận, nóng giận, sân hận, để mất chánh niệm; 10. Phú tàng, cố ý che giấu việc xấu đã làm, không cho người khác biết mà tự mình cũng không sửa đổi. 3. Thất lậu hay Bảy lậu hoặc, gồm kiến lậu, tư lậu, căn lậu, ác lậu, thân cận lậu, thọ lậu và niệm lậu.
43. Năm dục (ngũ dục): Năm sự ham muốn, khi được thỏa mãn thì làm cho người ta cảm thấy vui thích, nên gọi là dục lạc. 1. Sắc dục: Ham muốn sắc đẹp. 2. Thanh dục: Ham muốn âm thanh êm dịu, thích tai. 3. Hương dục: Ham muốn mùi thơm. 4. Vị dục: Ham muốn vị ngon ngọt. 5. Xúc dục: Ham muốn sự đụng chạm êm ái.
44. Sự nuôi dưỡng, sự thấy biết: chỉ chung các tiến trình phát triển của thể xác và tinh thần theo sự nhận thức sai lầm của phàm phu, xét về bản chất rốt ráo là không có thật.
45. Các pháp do nhân duyên mà sanh, lại do nhân duyên mà diệt, nên vốn thật không có người làm (tác giả), người nhận chịu (thọ giả). Y theo phép quán vô ngã thì đạt được chỗ thấy biết chân thật như vậy.
46. Ngã mạn: tự cao, cho mình là hay, giỏi mà chê khinh người khác.
47. Đại y chỉ: bậc có đức hạnh và trí tuệ đủ để cho tất cả mọi người nương theo.
48. Nguyên bản dùng “chư vương chúng trung” (諸王衆中), các bản trước dịch là “ở giữa các vị vua”. Có lẽ Nam bản cũng hiểu như vậy và thấy là không hợp lý nên đã sửa lại là “chư tứ chúng trung” (諸四衆中). Chúng tôi giữ nguyên theo Bắc bản (là bản có trước) nhưng hiểu khác hơn là “chư vương, chúng trung”. Như vậy chỉ đến tất cả các vị vua và dân chúng của họ. Cách dùng “chư tứ chúng” là không thích hợp, ý nghĩa của “bốn chúng” lại hạn hẹp hơn trong ngữ cảnh này, dường như không hợp nghĩa kinh văn muốn nói.
49. Bốn chúng, Tứ chúng: tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, tức là tăng, ni, hàng cư sĩ nam và cư sĩ nữ.

# 大般涅槃經

## 卷第三壽命品第一之三

佛復告諸比丘。汝於戒律有所疑者今恣汝問。我當解說令汝心喜。我已修學一切諸法本性空寂了了通達。

汝等比丘。莫謂如來唯修諸法本性空寂。

復告諸比丘。汝於戒律有所疑者今可致問。

時諸比丘即白佛言。世尊。我等無有智慧能問如來應正遍知。所以者何。如來境界不可思議。所有諸定不可思議。所演教誨不可思議。是故我等無有智慧能問如來。

世尊。譬如老人年百二十身嬰長病寢臥牀席不能起居氣力虛劣餘命無幾。有一富人緣事欲行當至他方。以百斤金寄是老人而作是言。我今他行。以是寶物持用相寄。或十年還。二十年還。汝當還我。是時老人即便受之。而此老人復無繼嗣。其後不久病篤命終。所寄之物悉皆散失。財主行還債索無所。如是癡人不知籌量可寄不可寄。是故行還債索無所。以是因緣喪失財寶。

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ TAM - THỌ MẠNG PHẨM - *Đệ nhất chi tam*

Phật phục cáo chư tỳ-kheo: Nhữ ư giới luật, hữu sở nghi giả, kim tứ nhữ vấn. Ngã đương giải thuyết, linh nhữ tâm hỷ. Ngã dĩ tu học nhất thiết chư pháp, bốn tánh không tịch, liễu liễu thông đạt.

Nhữ đẳng tỳ-kheo! Mạc vị Như Lai duy tu chư pháp, bốn tánh không tịch.

Phục cáo chư tỳ-kheo: Nhữ ư giới luật, hữu sở nghi giả, kim khả trí vấn.

Thời, chư tỳ-kheo tức bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã đẳng vô hữu trí tuệ năng vấn Như Lai, Ứng, Chánh biến tri. Sở dĩ giả hà? Như Lai cảnh giới, bất khả tư nghị, sở hữu chư Định, bất khả tư nghị, sở diễn giáo hối, bất khả tư nghị. Thị cố ngã đẳng vô hữu trí tuệ năng vấn Như Lai.

Thế Tôn! Thí như lão nhân, niên bá nhị thập, thân anh trường bệnh, tầm ngọa sàng tịch, bất năng khởi cư, khí lực hư liệt, dư mạng vô kỷ. Hữu nhất phú nhân, duyên sự dục hành, đương chí tha phương. Dĩ bá cân kim, ký thị lão nhân, nhi tác thị ngôn: “Ngã kim tha hành, dĩ thị bảo vật, trì dụng tương ký. hoặc thập niên hoàn, nhị thập niên hoàn. Nhữ đương hoàn ngã.” Thị thời, lão nhân tức tiện thọ chi. Nhi thử lão nhân phục vô kế tự. Kỳ hậu bất cứu, bệnh đốc mạng chung. Sở ký chi vật, tất giai tán thất. Tài chủ hành hoàn, trái sách vô sở. Như thị si nhân, bất tri trừ lượng: khả ký bất khả ký. Thị cố hành hoàn, trái sách vô sở. Dĩ thị nhân duyên, táng thất tài bảo.



世尊。我等聲聞亦復如是。雖聞如來慇懃教誡。不能受持令法久住。如彼老人受他寄付。我今無智於諸戒律當何所問。

佛告諸比丘。汝等今者若問於我則能利益。一切衆生。是故告汝聽隨所疑恣意而問。

爾時諸比丘白佛言。世尊。譬如有人年二十五盛壯端正。多有財寶金銀琉璃。父母妻子眷屬宗親悉皆存在。亦有人來寄其寶物。語其人言。我有緣事欲至他處。事訖當還。汝當還我。是時壯人守護是物如自己。其人遇病即命家屬。如是金寶是他所寄。彼若來索悉皆還之。智者如是。善知籌量行還索物皆悉得之無所亡失。

世尊亦爾。若以法寶付囑阿難及諸比丘不得久住。何以故。一切聲聞及大迦葉悉當無常。如彼老人受他寄物。是故應以無上佛法付諸菩薩。以諸菩薩善能問答如是法寶。則得久住無量千世。增益熾盛利安衆生。如彼壯人受他寄物。以是義故。諸大菩薩乃能問耳。我等智慧猶如蚊虻。何能諮請如來深法。時諸聲聞默然而住。

爾時佛讚諸比丘言。善哉善哉。汝等。善得無漏之心阿羅漢心。我亦曾念以此二緣。應以大乘付諸菩薩令是妙法久住於世。

Thế Tôn! Ngã đẳng Thanh văn, diệc phục như thị. Tuy văn Như Lai ân cần giáo giới, bất năng thọ trì, linh Pháp cứu trụ, như bĩ lão nhân, thọ tha ký phó. Ngã kim vô trí, ư chư giới luật, đương hà sở vấn?

Phật cáo chư tỳ-kheo: Nhữ đẳng kim giả, nhược vấn ư ngã, tác năng lợi ích nhất thiết chúng sanh. Thị cố cáo nhữ: Thính tùy sở nghi, tú ý nhi vấn.

Nhĩ thời, chư tỳ-kheo bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thí như hữu nhân, niên nhị thập ngũ, thanh tráng đoan chánh, đa hữu tài bảo: kim, ngân, lưu ly. Phụ mẫu thê tử, quyến thuộc tông thân, tất giai tồn tại. Diệc hữu nhân lai, ký kỳ bảo vật, ngư kỳ nhân ngôn: “Ngã hữu duyên sự, dục chí tha xứ, sự ngật đương hoàn. Nhữ đương hoàn ngã.” Thị thời, tráng nhân thủ hộ thị vật, như tự kỷ hữu. Kỳ nhân ngộ bệnh, tức mạng gia thuộc: “Như thị kim bảo, thị tha sở ký. Bĩ nhược lai sách, tất giai hoàn chi.” Trí giả như thị, thiện tri trừ lượng: Hành hoàn sách vật, giai tất đắc chi, vô sở vong thất.

Thế Tôn diệc nhĩ. Nhược dĩ Pháp bảo, phó chúc A-nan cập chư tỳ-kheo, bất đắc cứu trụ. Hà dĩ cố? Nhất thiết Thanh văn cập Đại Ca-diếp, tất đương vô thường, như bĩ lão nhân, thọ tha ký vật. Thị cố, ưng dĩ Vô thượng Phật pháp, phó chư Bồ Tát. Dĩ chư Bồ Tát thiện năng vấn đáp, như thị Pháp bảo, tác đắc cứu trụ, vô lượng thiên thế, tăng ích xí thanh, lợi an chúng sanh, như bĩ tráng nhân thọ tha ký vật. Dĩ thị nghĩa cố, chư Đại Bồ Tát nãi năng vấn nhĩ. Ngã đẳng trí tuệ, do như môn manh, hà năng tư thỉnh Như Lai thâm Pháp? Thời, chư Thanh văn mặc nhiên nhi trụ.

Nhĩ thời, Phật tán chư tỳ-kheo ngôn: Thiện tai, thiện tai! Nhữ đẳng thiện đắc vô lậu chi tâm, A-la-hán tâm. Ngã diệc tăng niệm, dĩ thủ nhị duyên, ưng dĩ Đại thừa, phó chư Bồ Tát, linh thị Diệu pháp, cứu trụ ư thế.

爾時佛告一切大眾。善男子善女人。我之壽命不可稱量。樂說之辯亦不可盡。汝等宜可隨意諮問。若戒若歸。第二第三亦復如是。

爾時眾中有一菩薩摩訶薩。本是多羅聚落人也。姓大迦葉。婆羅門種。年在幼稚。以佛神力即從座起。偏袒右臂。遶百千匝。右膝著地合掌向佛。而白佛言。世尊。我於今者欲少諮問。若佛聽者乃敢發言。

佛告迦葉。如來應正遍知恣汝所問。當為汝說斷汝所疑令汝歡喜。

爾時迦葉菩薩摩訶薩白佛言。世尊。如來哀愍已垂聽許今當問之。然我所有智慧微少猶如蚊虻。如來世尊道德巍巍。純以旃檀師子難伏不可壞眾而為眷屬。如來之身猶真。金剛。色如琉璃。真實難壞。復為如是大智慧海之所圍遶。是眾會中諸大菩薩摩訶薩等。皆悉成就無量無邊深妙功德猶如香象。於如是等大眾之前豈敢發問。今當承佛神通之力及因大眾善根威德少發問耳。即於佛前說偈問曰。

云何得長壽  
金剛不壞身  
復以何因緣  
得大堅固力

Nhĩ thời, Phật cáo nhất thiết Đại chúng: Thiện nam tử! Thiện nữ nhân! Ngã chi thọ mạng, bất khả xưng lượng, lạc thuyết chi biện, diệc bất khả tận. Nhữ đẳng nghi khả tùy ý tư vấn, nhược giới, nhược quy. Đệ nhị, đệ tam, diệc phục như thị.

Nhĩ thời, chúng trung hữu nhất Bồ Tát ma-ha-tát, bổn thị Đa-la tụ lạc nhân dã, tánh Đại Ca-diếp, bà-la-môn chủng, niên tại ấu trĩ. Dĩ Phật thần lực, túc từng tọa khởi, thiên dẫn hữu kiên, nhiều bá thiên táp, hữu tất trước địa, hiệp chưởng hướng Phật, nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã ư kim giả, dục thiếu tư vấn. Nhược Phật thính giả, nãi cảm phát ngôn.

Phật cáo Ca-diếp: Như Lai, Ứng, Chánh biến tri, tứ nhữ sở vấn. Đương vị nhữ thuyết, đoạn nhữ sở nghi, linh nhữ hoan hỷ.

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát ma-ha-tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai ai mãn, dĩ thù thính hứa, kim đương vấn chi. Nhiên ngã sở hữu trí tuệ vi thiếu, do như mân manh. Như Lai Thế Tôn, đạo đức nguy nguy, thuần dĩ chiên-đàn sư tử nan phục bất khả hoại chúng, nhi vi quyến thuộc, Như Lai chi thân, du chân kim cang, sắc như lưu ly, chân thật nan hoại, phục vi như thị đại trí tuệ hải chi sở vi nhiều. Thị chúng hội trung, chư Đại Bồ Tát ma-ha-tát đẳng, giai tất thành tựu vô lượng vô biên thâm diệu công đức, do như hương tượng. Ư như thị đẳng đại chúng chi tiền, khởi cảm phát vấn? Kim đương thừa Phật thần thông chi lực, cập nhân đại chúng thiện căn oai đức, thiếu phát vấn nhĩ! Túc ư Phật tiền, thuyết kệ vấn viết:

Vân hà đắc trường thọ  
Kim cang bất hoại thân?  
Phục dĩ hà nhân duyên,  
Đắc Đại Kiên cố lực?

云何於此經  
究竟到彼岸  
願佛開微密  
廣為衆生說  
云何得廣大  
為衆作依止  
實非阿羅漢  
而與羅漢等  
云何知天魔  
為衆作留難  
佛說波旬說  
云何分別知  
云何諸調御  
心喜說真諦  
正善具成就  
演說四顛倒  
云何作善業  
大仙今當說  
云何諸菩薩  
能見難見性  
云何解滿字  
及與半字義  
云何共聖行  
如娑羅娑烏  
迦隣提日月  
太白與歲星

Vân hà ư thử Kinh,  
Cứu cánh đảo bỉ ngạn?  
Nguyện Phật khai vi mật,  
Quảng vị chúng sanh thuyết.  
Vân hà đắc quang đại  
Vị chúng tác y chỉ?  
Thật phi A-la-hán,  
Nhi dự La-hán đẳng.  
Vân hà tri thiên ma,  
Vị chúng tác lưu nạn?  
Phật thuyết, Ba-tuần thuyết,  
Vân hà phân biệt tri?  
Vân hà chư Điều ngự,  
Tâm hỷ thuyết chân đế?  
Chánh thiện cụ thành tựu,  
Diễn thuyết tứ diên đảo.  
Vân hà tác thiện nghiệp?  
Đại tiên kim đương thuyết.  
Vân hà chư Bồ Tát  
Năng kiến nan kiến tánh?  
Vân hà giải mãn tự,  
Cập dĩ bán tự nghĩa?  
Vân hà cộng thánh hạnh,  
Như ta-la-ta điều,  
Ca-lân-đề, nhật, nguyệt,  
Thái bạch dĩ tuế tinh?

云何未發心  
 而名為菩薩  
 云何於大眾  
 而得無所畏  
 猶如閻浮金  
 無能說其過  
 云何處濁世  
 不污如蓮華  
 云何處煩惱  
 煩惱不能染  
 如醫療眾病  
 不為病所污  
 生死大海中  
 云何作船師  
 云何捨生死  
 如蛇蛻故皮  
 云何觀三寶  
 猶如天意樹  
 三乘若無性  
 云何而得說  
 猶如樂未生  
 云何名受樂  
 云何諸菩薩  
 而得不壞眾  
 云何為生盲  
 而作眼目導  
 云何示多頭

Vân hà vị phát tâm,  
 Nhi danh vi Bồ Tát?  
 Vân hà ư đại chúng,  
 Nhi đắc vô sở úy,  
 Do như diêm-phù kim,  
 Vô năng thuyết kỳ quá?  
 Vân hà xử trước thế,  
 Bất ô như liên hoa?  
 Vân hà xử phiền não,  
 Phiền não bất năng nhiễm.  
 Như y liệu chúng bệnh,  
 Bất vi bệnh sở ô?  
 Sanh tử đại hải trung,  
 Vân hà tác thuyền sư?  
 Vân hà xả sanh tử,  
 Như xà thuế cố bì?  
 Vân hà quan Tam bảo,  
 Do như thiên ý thọ?  
 Tam thừa nhược vô tánh,  
 Vân hà nhi đắc thuyết?  
 Do như lạc vị sanh,  
 Vân hà danh thọ lạc?  
 Vân hà chư Bồ Tát,  
 Nhi đắc bất hoại chúng?  
 Vân hà vị sanh manh,  
 Nhi tác nhãn mục đạo?  
 Vân hà thị đa đầu?

唯願大仙說  
 云何說法者  
 增長如月初  
 云何復示現  
 究竟於涅槃  
 云何勇健者  
 示人天魔道  
 云何知法性  
 而受於法樂  
 云何諸菩薩  
 遠離一切病  
 云何為衆生  
 演說於祕密  
 云何說畢竟  
 及與不畢竟  
 如其斷疑網  
 云何不定說  
 云何而得近  
 最勝無上道  
 我今請如來  
 為諸菩薩故  
 願為說甚深  
 微妙諸行等  
 一切諸法中  
 悉有安樂性  
 唯願大仙尊  
 為我分別說

Duy nguyện Đại Tiên thuyết.  
 Vân hà thuyết pháp giả,  
 Tăng trưởng như nguyệt sơ?  
 Vân hà phục thị hiện,  
 Cứu cánh ư Niết-bàn?  
 Vân hà dũng kiện giả,  
 Thị nhân Thiên Ma đạo?  
 Vân hà tri pháp tánh,  
 Nhi thọ ư Pháp lạc?  
 Vân hà chư Bồ Tát  
 Viễn ly nhất thiết bệnh?  
 Vân hà vị chúng sanh,  
 Diễn thuyết ư bí mật?  
 Vân hà thuyết tất cánh,  
 Cập dĩ bất tất cánh?  
 Như kỳ đoạn nghi vông,  
 Vân hà bất định thuyết?  
 Vân hà nhi đắc cận  
 Tối thắng vô thượng đạo?  
 Ngã kim thỉnh Như Lai,  
 Vị chư Bồ Tát cố,  
 Nguyện vị thuyết thậm thâm  
 Vi diệu chư hạnh đẳng.  
 Nhất thiết chư pháp trung,  
 Tất hữu an lạc tánh.  
 Duy nguyện Đại tiên tôn,  
 Vị ngã phân biệt thuyết.

衆生大依止  
兩足尊妙藥  
今欲問諸陰  
而我無智慧  
精進諸菩薩  
亦復不能知  
如是等甚深  
諸佛之境界。

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。善男子。汝今未得一切種智。我已得之。然汝所問甚深秘藏。如一切智之所諮問等無有異。

善男子。我坐道場菩提樹下初成正覺。爾時無量阿僧祇恒河沙等諸佛世界有諸菩薩。亦曾問我是甚深義。然其所問句義功德亦皆如是等無有異。如是問者。則能利益無量衆生。

爾時迦葉菩薩復白佛言。世尊。我無智力能問如來如是深義。世尊。譬如蚊虻不能飛過大海彼岸。周遍虛空。我亦如是。不能諮問如來如是智慧大海法性虛空甚深之義。

世尊。譬如國王髻中明珠付典藏臣。藏臣得已頂戴恭敬增加守護。我亦如是頂戴恭敬增加守護如來所說方等深義。何以故。令我廣得深智慧故。

Chúng sanh Đại y chỉ,  
Lưỡng túc tôn diệu dược.  
Kim dục vấn chư âm,  
Nhi ngã vô trí tuệ.  
Tinh tán chư Bồ Tát,  
Diệc phục bát năng tri  
Như thị đẳng thậm thâm  
Chư Phật chi cảnh giới.

Nhĩ thời, Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim vị đắc nhất thiết chủng trí. Ngã dĩ đắc chi. Nhiên nhữ sở vấn thậm thâm bí tạng, như nhất thiết trí chi sở tư vấn, đẳng vô hữu dị.

Thiện nam tử! Ngã tọa đạo tràng, bồ-đề thọ hạ, sơ thành Chánh giác, nhĩ thời vô lượng a-tăng-kỳ Hằng hà sa đẳng chư Phật thế giới, hữu chư Bồ Tát diệc tăng vấn ngã thị thậm thâm nghĩa. Nhiên kỳ sở vấn, cú nghĩa công đức, diệc giai như thị, đẳng vô hữu dị. Như thị vấn giả, tác năng lợi ích vô lượng chúng sanh.

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã vô trí lực năng vấn Như Lai như thị thậm nghĩa. Thế Tôn! Thí như mân manh, bất năng phi quá đại hải bỉ ngạn, châu biến hư không. Ngã diệc như thị, bất năng tư vấn Như Lai như thị trí tuệ đại hải, Pháp tánh hư không, thậm thâm chi nghĩa.

Thế Tôn! Thí như quốc vương, kế trung minh châu, phó điển tạng thân. Tạng thân đắc dĩ, đỉnh đài cung kính, tăng gia thủ hộ. Ngã diệc như thị, đỉnh đài cung kính, tăng gia thủ hộ Như Lai sở thuyết phương đẳng thậm nghĩa. Hà dĩ cố? Linh ngã quảng đắc thậm trí tuệ cố.

爾時。佛告迦葉菩薩。善男子。諦聽諦聽。當爲汝說如來所得長壽之業。菩薩以是業因緣故得壽命長。是故應當至心聽受。若業能爲菩提因者。應當誠心聽受是義。既聽受已轉爲人說。

善男子。我以修習如是業故得阿耨多羅三藐三菩提。今復爲人廣說是義。

善男子。譬如王子犯罪繫獄。王甚憐愍愛念子故。躬自迴駕至其繫所。菩薩亦爾。欲得長壽應當護念一切衆生同於子想。生大慈大悲大喜大捨。授不殺戒教修善法。亦當安止一切衆生於五戒十善。復入地獄餓鬼畜生阿修羅等一切諸趣。拔濟是中苦惱衆生。脫未脫者。度未度者。未涅槃者令得涅槃。安慰一切諸恐怖者。以如是等業因緣故。菩薩則得壽命長遠。於諸智慧而得自在。隨所壽終生於天上。

爾時迦葉菩薩復白佛言。世尊。菩薩摩訶薩等視衆生同於子想。是義深隱我未能解。世尊。如來不應說言菩薩於諸衆生修平等心同於子想。所以者何。於佛法中有破戒者作逆罪者毀正法者。云何當於如是等人同子想耶。

佛告迦葉。如是如是。我於衆生實作子想如羅睺羅。

Nhĩ thời, Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Đế thính! Đế thính! Đương vị nữ thuyết Như Lai sở đắc trường thọ chi nghiệp. Bồ Tát dĩ thị nghiệp nhân duyên cố, đắc thọ mạng trường. Thị cố ưng đương chí tâm thính thọ. Nhược nghiệp năng vi bồ-đề nhân giả, ưng đương thành tâm thính thọ thị nghĩa. Ký thính thọ dĩ, chuyển vị nhân thuyết.

Thiện nam tử! Ngã dĩ tu tập như thị nghiệp cố, đắc A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Kim phục vị nhân, quảng thuyết thị nghĩa.

Thiện nam tử! Thí như vương tử, phạm tội hệ ngục. Vương thậm lân mẫn, ái niệm tử cố, cung tự hồi giá, chí kỳ hệ sở. Bồ Tát diệc nhĩ, dục đắc trường thọ, ưng đương hộ niệm nhất thiết chúng sanh, đồng ư tử tưởng. Sanh đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, thọ bát sát giới, giáo tu thiện pháp, diệc đương an chỉ nhất thiết chúng sanh ư Ngũ giới, Thập thiện. Phục nhập địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la đặng, nhất thiết chư thú, bát tế thị trung, khổ não chúng sanh. Thoát vị thoát giả, độ vị độ giả, vị Niết-bàn giả, linh đắc Niết-bàn. An ủy nhất thiết chư khủng bố giả. Dĩ như thị đặng nghiệp nhân duyên cố, Bồ Tát tác đắc thọ mạng trường viễn, ư chư trí tuệ, nhi đắc tự tại, tùy sở thọ chung, sanh ư thiên thượng.

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Bồ Tát ma-ha-tát đặng thị chúng sanh, đồng ư tử tưởng. Thị nghĩa thâm ẩn, ngã vị năng giải. Thế Tôn! Như Lai bất ưng thuyết ngôn: Bồ Tát ư chư chúng sanh, tu bình đẳng tâm, đồng ư tử tưởng. Sở dĩ giả hà? Ư Phật pháp trung, hữu phá giới giả, tác nghịch tội giả, hủy Chánh pháp giả. Vân hà đương ư như thị đặng nhân, đồng tử tưởng da?

Phật cáo Ca-diếp: Như thị, như thị. Ngã ư chúng sanh, thật tác tử tưởng, như La-hầu-la.

迦葉菩薩復白佛言。世尊。昔十五日僧布薩時。曾於受具清淨衆中有一童子。不善修習身口意業。在屏隈處盜聽說戒。密跡力士承佛神力。以金剛杵碎之如塵。

世尊。是金剛神極成暴惡。乃能斷是童子命根。云何如來視諸衆生同於子想如羅睺羅。

佛告迦葉。汝今不應作如是言。是童子者。即是化人非真實也。爲欲驅遣破戒毀法令出衆故。金剛密跡亦是化耳。

迦葉。毀謗正法及一闡提。或有殺生乃至邪見及故犯禁。我於是等悉生悲心同於子想如羅睺羅。

善男子。譬如國王諸群臣等有犯王法隨罪誅戮而不捨置。如來世尊不如此也。於毀法者。與驅遣羯磨訶責羯磨置羯磨舉罪羯磨不可見羯磨滅羯磨未捨惡見羯磨。

善男子。如來所以與謗法者作如是等降伏羯磨。爲欲示諸行惡之人有果報故。

善男子。汝今當知。如來即是施惡衆生無恐懼者。若放一光若二若五。或有遇者悉令遠離一切諸惡。如來今者具有如是無量勢力。

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Tích thập ngũ nhật, tăng Bối-tát thời, tăng ư thọ cụ, thanh tịnh chúng trung. Hữu nhất đồng tử, bất thiện tu tập thân khẩu ý nghiệp, tại bình ôi xứ, đạo thính thuyết giới. Mật Tích lực sĩ, thừa Phật thân Lực, dĩ kim cang chủ, toái chi như trần.

Thế Tôn! Thị kim cang thân, cực thành bạo ác, nãi năng đoạn thị đồng tử mạng căn. Vân hà Như Lai thị chư chúng sanh, đồng ư tử tưởng, như La-hầu-la?

Phật cáo Ca-diếp: Nhữ kim bất ưng tác như thị ngôn. Thị đồng tử giả, tức thị hóa nhân, phi chân thật dã. Vị dục khu khiển phá giới hủy pháp, linh xuất chúng cố. Kim cang Mật Tích, diệt thị hóa nhĩ.

Ca-diếp! Hủy báng Chánh pháp, cập nhất-xiển-đê, hoặc hữu sát sanh, nãi chí tà kiến cập cố phạm cấm, ngã ư thị đẳng, tất sanh bi tâm, đồng ư tử tưởng, như La-hầu-la.

Thiện nam tử! Thí như quốc vương, chư quân thân đẳng, hữu phạm vương pháp, tùy tội tru lục, nhi bất xả trí. Như Lai Thế Tôn, bất như thị dã. Ư hủy pháp giả, dĩ khu khiển Yết-ma, ha trách Yết-ma, trí Yết-ma, cử tội Yết-ma, bất khả kiến Yết-ma, diệt Yết-ma, vị xả ác kiến Yết-ma.

Thiện nam tử! Như Lai sở dĩ dĩ báng Pháp giả, tác như thị đẳng hàng phục Yết-ma, vị dục thị chư hành ác chi nhân, hữu quả báo cố.

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri, Như Lai tức thị thí ác chúng sanh, vô khủng úy giả. Nhược phóng nhất quang, nhược nhị, nhược ngũ, hoặc hữu ngộ giả, tất linh viễn ly nhất thiết chư ác. Như Lai kim giả, cụ hữu như thị vô lượng thế lực.



善男子。未可見法汝。欲見者。今當爲汝說其相貌。我涅槃後隨其方面有持戒比丘。威儀具足護持正法。見壞法者。即能驅遣呵責懲治。當知是人得福無量不可稱計。

善男子。譬如有王專行暴惡會遇重病。有鄰國王聞其名聲興兵而來規欲殄滅。是時病王無力勢故方乃恐怖改心修善。而是鄰王得福無量。持法比丘亦復如是。驅遣呵責壞法之人。令行善法得福無量。

善男子。譬如長者所居之處田宅屋舍生諸毒樹。長者知己即便斫伐永令滅盡。又如壯人首生白髮愧而剪拔不令生長。持法比丘亦復如是。見有破戒壞正法者。即應驅遣呵責舉處。若善比丘見壞法者。置不呵責驅遣舉處。當知是人佛法中怨。若能驅遣呵責舉處。是我弟子真聲聞也。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。如佛所言。則不等視一切衆生同於子想如羅睺羅。世尊。若有一人以刀害佛。復有一人持栴檀塗佛。佛於此二若生等心。云何復言。當治毀禁。若治毀禁是言則失。

佛告迦葉菩薩。善男子。譬如國王大臣宰相產育諸子。顏貌端正聰明點慧。若二三四將付嚴師而作是言。君可爲我教詔諸子。威儀禮節伎藝書疏校

Thiện nam tử! Vị khả kiến pháp, nữ dục kiến giả, kim đương vị nữ, thuyết kỳ tướng mạo. Ngã Niết-bàn hậu, tùy kỳ phương diện, hữu trì giới tỳ-kheo, oai nghi cụ túc, hộ trì Chánh pháp, kiến hoại Pháp giả, tức năng khu khiển, ha trách, trừng trị. Đương trì thị nhân, đắc phước vô lượng, bất khả xưng kể.

Thiện nam tử! Thí như hữu vương, chuyên hành bạo ác, hội ngộ trọng bệnh. hữu lân quốc vương, văn kỳ danh thanh, hưng binh nhi lai, quy dục diệt diệt. Thị thời, bệnh vương vô lực thế cố, phương nãi khủng bố, cải tâm tu thiện. Nhi thị lân vương đắc phước vô lượng. Trì Pháp tỳ-kheo, diệt phục như thị, khu khiển, ha trách hoại Pháp chi nhân, linh hành thiện Pháp, đắc phước vô lượng.

Thiện nam tử! Thí như trưởng giả, sở cư chi xứ, điền trạch ốc xá, sanh chư độc thọ. Trưởng giả tri dĩ, tức tiện chúc phạt, vĩnh linh diệt tận. Hựu như tráng nhân, thủ sanh bạch phát, quý nhi tiền bặt, bất linh sanh trưởng. Trì pháp tỳ-kheo, diệt phục như thị, Kiến hữu phá giới hoại Chánh pháp giả, tức ưng khu khiển, ha trách, cử xử. Nhược thiện tỳ-kheo kiến hoại Pháp giả, trí bất ha trách, khu khiển, cử xử, đương trì thị nhân, Phật pháp trung oán. Nhược năng khu khiển, ha trách, cử xử, thị ngã đệ tử, chân thanh văn dã.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở ngôn, tắc bất đẳng thị nhất thiết chúng sanh, đồng ư tử tướng, như La-hầu-la. Thế Tôn! Nhược hữu nhất nhân, dĩ đao hại Phật, phục hữu nhất nhân, trì chiền-đàn đồ Phật. Phật ư thủ nhị, nhược sanh đẳng tâm, vân hà phục ngôn, đương trì hủy cấm? Nhược trị hủy cấm, thị ngôn tắc thất.

Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Thí như quốc vương, đại thân, tể tướng, sản dục chư tử, nhan mạo đoan chánh, thông minh hiệt huệ. Nhược nhị, tam, tứ, tương phó nghiêm sư, nhi tác thị ngôn: “Quân khả vị ngã, giáo chiếu chư

計算數悉令成就。我今四子就君受學。假使三子病杖而死。餘有一子必當苦治要令成就。雖喪三子我終不恨。

迦葉。是父及師得殺罪不。

不也世尊。

何以故。以愛念故爲欲成就無有惡心。如是教誨得福無量。

善男子。如來亦爾。視壞法者等如一子。如來今以無上正法。付囑諸王大臣宰相比丘比丘尼優婆塞優婆夷。是諸國王及四部衆。應當勸勵諸學人等。令得增上戒定智慧。若有不學是三品法懈怠破戒毀正法者國王大臣四部之衆應當苦治。

善男子。是諸國王及四部衆當有罪不。

不也世尊。

善男子。是諸國王及四部衆尚無有罪。何況如來。

善男子。如來善修如是平等於諸衆生同一子想。如是修者。是名菩薩修平等心於諸衆生同一子想。

善男子。菩薩如是修習此業得壽命長。亦能善知宿世之事。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。如佛所說菩薩若有

tử, oai nghi lễ tiết, kỹ nghệ thơ số, giáo kế toán số, tất linh thành tựu. Ngã kim tứ tử, tựu quân thọ học. Giả sử tam tử, bệnh trọng nhi tử. Dư hữu nhất tử, tất đương khổ trị, yếu linh thành tựu. Tuy táng tam tử, ngã chung bất hận.”

Ca-diếp! Thị phụ cập sư, đắc sát tội phủ?

Phất dã! Thế Tôn.

Hà dĩ cố? Dĩ ái niệm cố, vị dục thành tựu, vô hữu ác tâm. Như thị giáo hối, đắc phước vô lượng.

Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ, thị hoại Pháp giả, đẳng như nhất tử. Như Lai kim dĩ Vô thượng Chánh pháp, phó chúc chư vương, đại thần, tể tướng, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Thị chư quốc vương cập Tứ bộ chúng, ưng đương khuyến lệ chư học nhân đẳng, linh đắc tăng thượng Giới, Định, Trí tuệ. Nhược hữu bất học thị tam phẩm pháp, giải đãi phá giới, hủy Chánh pháp giả, quốc vương, đại thần, Tứ bộ chi chúng, ưng đương khổ trị.

Thiện nam tử! Thị chư quốc vương cập Tứ bộ chúng, đương hữu tội phủ?

Phất dã! Thế Tôn.

Thiện nam tử! Thị chư quốc vương cập Tứ bộ chúng, thượng vô hữu tội, hà huống Như Lai?

Thiện nam tử! Như Lai thiện tu như thị bình đẳng, ư chư chúng sanh, đồng nhất tử tưởng. Như thị tu giả, thị danh Bồ Tát tu bình đẳng tâm: Ư chư chúng sanh, đồng nhất tử tưởng.

Thiện nam tử! Bồ Tát như thị tu tập thủ nghiệp, đắc thọ mạng trường, diệc năng thiện tri túc thế chi sự.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, Bồ Tát nhược hữu tu bình đẳng tâm, thị chư chúng

修平等心。視諸衆生同於子想得壽命長。如來不應作如是說。何以故。如知法人能說種種孝順之法。還至家中以諸瓦石打擲父母。而是父母是良福田多所利益。難遭難遇。應好供養反生惱害。是知法人言行相違。如來所言亦復如是。菩薩修習等心衆生同子想者。應得長壽善知宿命常住於世無有變易。今者世尊。以何因緣壽命極短同人間耶。如來將無於諸衆生生怨憎想。世尊。昔日作何惡業斷幾命根。得是短壽不滿百年。

佛告迦葉。善男子。汝今何緣於如來前發是麤言。如來長壽。於諸壽中最上最勝。所得常法。於諸常中最爲第一。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。云何如來得壽命長。

佛告迦葉。善男子。如八大河。一名恒河。二名閻摩羅。三名薩羅。四名阿利羅跋提。五名摩訶。六名辛頭。七名博叉。八名悉陀。是八大河及諸小河悉入大海。

迦葉。如是一切人中天上地及虛空壽命大河。悉入如來壽命海中。是故如來壽命無量。

復次迦葉。譬如阿耨達池出四大河。如來亦爾出一切命。

sanh, đồng ư tử tưởng, đắc thọ mạng trường. Như Lai bất ưng tác như thị thuyết. Hà dĩ cố? Như tri pháp nhân, năng thuyết chủng chủng hiếu thuận chi pháp. Hoàn chí gia trung, dĩ chư ngõa thạch, đả trịch phụ mẫu. Nhi thị phụ mẫu thị lương phước điền, đa sở lợi ích, nan tao nan ngộ, ưng hảo cúng dường, phản sanh nã hại. Thị tri pháp nhân, ngôn hạnh tương vi. Như Lai sở ngôn, diệc phục như thị. Bồ Tát tu tập đẳng tâm chúng sanh, đồng tử tưởng giả, ưng đắc trường thọ, thiện tri túc mạng, thường trụ ư thế, vô hữu biến dị. Kim giả Thế Tôn, dĩ hà nhân duyên, thọ mạng cực đoản, đồng nhân gian da? Như Lai tương vô ư chư chúng sanh, sanh oán tắng tưởng? Thế Tôn tích nhật, tác hà ác nghiệp, đoạn kỷ mạng căn, đắc thị đoản thọ, bất mãn bá niên?

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Nhữ kim hà duyên, ư Như Lai tiên, phát thị thô ngôn? Như Lai trường thọ, ư chư thọ trung, tối thượng tối thắng. Sở đắc thường pháp, ư chư thường trung, tối vi đệ nhất.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà Như Lai đắc thọ mạng trường?

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Như bát đại hà: Nhất danh Hằng hà, nhị danh Diêm-ma-la, tam danh Tát-la, tứ danh A-ly-la-bạt-đề, ngũ danh Ma-ha, lục danh Tân-đâu, thất danh Bác-xoa, bát danh Tát-đà. Thị bát đại hà cập chư tiểu hà, tất nhập đại hải.

Ca-diếp! Như thị nhất thiết nhân trung, thiên thượng, địa cập hư không, thọ mạng đại hà, tất nhập Như Lai thọ mạng hải trung. Thị cố Như Lai thọ mạng vô lượng.

Phục thứ, Ca-diếp! Thí như A-nậu-đạt trì, xuất tứ đại hà. Như Lai diệc nhĩ, xuất nhất thiết mạng.

迦葉。譬如一切諸常法中虛空第一。如來亦爾。於諸常中最為第一。

迦葉。如諸藥中醍醐第一。如來亦爾。於衆生中壽命第一。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。如來壽命若如是者。應住一劫若減一劫。常宣妙法如澍大雨。

迦葉。汝今不應於如來所生滅盡想。

迦葉。若有比丘比丘尼優婆塞優婆夷。乃至外道五通神仙得自在者。若住一劫若減一劫。經行空中坐臥自在。左脅出火右脅出水。身出煙燄猶如火聚。若欲住壽能得如意。於壽命中修短自在。如是五通尚得如是隨意神力。豈況如來於一切法得自在力。而當不能住壽半劫若一劫若百劫若百千劫若無量劫。以是義故。當知如來是常住法不變易法。如來此身是變化身非雜食身。為度衆生示同毒樹。是故現捨入於涅槃。

迦葉。當知佛是常法不變易法。汝等於是第一義中應勤精進一心修習。既修習已廣為人說。

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。出世之法與世間法有何差別。如佛言曰。佛是常法不變易法。世間亦說

Ca-diếp! Thí như nhất thiết chư thường pháp trung, Hư không đệ nhất. Như Lai diệc nhĩ, ư chư thường trung, tối vi đệ nhất.

Ca-diếp! Như chư dược trung, đề-hồ đệ nhất. Như Lai diệc nhĩ, ư chúng sanh trung, Thọ mạng đệ nhất.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai thọ mạng nhược như thị giả, ưng trụ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, thường tuyên diệu pháp, như chú đại vũ.

Ca-diếp! Nhữ kim bất ưng ư Như Lai sở, sanh diệt tận tưởng.

Ca-diếp! Nhược hữu tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nãi chí ngoại đạo, ngũ thông thần tiên, đắc tự tại giả, nhược trụ nhất kiếp, nhược giảm nhất kiếp, kinh hành không trung, tọa ngoại tự tại, tả hiệp xuất hỏa, hữu hiệp xuất thủy, thân xuất yên diệm, do như hỏa tự, nhược dục trụ thọ, năng đắc như ý. Ư thọ mạng trung, tu đoán tự tại. Như thị ngũ thông, thượng đắc như thị tùy ý thần lực, khởi hướng Như Lai, ư nhất thiết pháp, đắc tự tại lực, nhi đương bất năng trụ thọ bán kiếp, nhược nhất kiếp, nhược bá kiếp, nhược bá thiên kiếp, nhược vô lượng kiếp? Dĩ thị nghĩa cố, đương tri Như Lai thị thường trụ pháp bất biến dị pháp. Như Lai thủ thân, thị biến hóa thân, phi tạp thực thân, vị độ chúng sanh, thị đồng độc thọ. Thị cố hiện xả, nhập ư Niết-bàn.

Ca-diếp đương tri: Phật thị thường pháp, bất biến dị pháp. Nhữ đẳng ư thị đệ nhất nghĩa trung, ưng cần tinh tấn, nhất tâm tu tập. Kỳ tu tập dĩ, quảng vị nhân thuyết.

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Xuất thế chi pháp dĩ thế gian pháp, hữu hà sai biệt? Như Phật ngôn viết: Phật thị thường pháp, bất biến dị pháp. Thế gian diệc thuyết: Phạm thiên thị thường, Tự tại thiên thường, vô

梵天是常自在天常無有變易。我常性常微塵亦常。若言如來是常法者。如來何故不常現耶。若不常現有有何差別。何以故。梵天乃至微塵世性亦不現故。

佛告迦葉。譬如長者多有諸牛色雖種種同共一群。付放牧人令逐水草。但為醍醐不求乳酪。彼牧牛者搆已自食。長者命終所有諸牛悉為群賊之所抄掠。賊得牛已無有婦女。即自搆捋得已而食。

爾時群賊各相謂言。彼大長者畜養此牛不期乳酪但為醍醐。我等今者當設何方而得之耶。夫醍醐者。名為世間第一上味。我等無器。設使得乳無安置處。復共相謂唯有皮囊可以盛之。雖有盛處不知攢搖。漿猶難得況復生酥。

爾時諸賊為醍醐故加之以水。以水多故乳酪醍醐一切俱失。凡夫亦爾。雖有善法皆是如來正法之餘。何以故。如來世尊入涅槃後。盜竊如來遺餘善法若戒定慧。如彼諸賊劫掠群牛。諸凡夫人雖復得是戒定智慧。無有方便不能解說。以是義故不能獲得常戒常定常慧解脫。如彼群賊不知方便喪失醍醐。如彼群賊為醍醐故加之以水。凡夫亦爾。為解脫故說我衆生壽命士夫。梵天自在天微塵世性。戒定智慧及與解脫。非想非非想天即是涅槃。實亦不得解脫涅槃。如彼群賊不得醍醐。

hữu biến dị, ngã thường, tánh thường, vi trần diệt thường. Nhược ngôn: Như Lai thị thường pháp giả, Như Lai hà cố, bất thường hiện da? Nhược bất thường hiện, hữu hà sai biệt? Hà dĩ cố? Phạm thiên, nãi chí vi trần thế tánh, diệt bất hiện cố.

Phật cáo Ca-diếp: Thí như trưởng giả, đa hữu chư ngưu, sắc tuy chủng chủng, đồng cộng nhất quần. Phó phóng mục nhân, linh trục thủy thảo. Đăn vị đề-hồ, bất cầu nhũ lạc. Bỉ mục ngưu giả, câu dĩ tự thực. Trưởng giả mạng chung, sở hữu chư ngưu, tất vi quần tặc chi sở sao lược. Tặc đắc ngưu dĩ, vô hữu phụ nữ, tức tự câu lột, đắc dĩ nhi thực.

Nhĩ thời quần tặc các tương vị ngôn: “Bỉ đại trưởng giả súc dưỡng thử ngưu, bất kỳ nhũ lạc, đăn vị đề-hồ. Ngã đẳng kim giả đương thiết hà phương, nhi đắc chi da? Phù đề-hồ giả, danh vi thế gian đệ nhất thượng vị. Ngã đẳng vô khí, thiết sử đắc nhũ, vô an trí xứ.” Phục cộng tương vị: “Duy hữu bì nang, khả dĩ thịnh chi. Tuy hữu thịnh xứ, bất tri toàn dao. Tương du nan đắc, hưởng phục sanh tô!”

Nhĩ thời chư tặc, vị đề-hồ cố, gia chi dĩ thủy. Dĩ thủy đa cố, nhũ, lạc, đề-hồ, nhất thiết câu thất. Phạm phu diệt nhĩ. Tuy hữu thiện pháp, giai thị Như Lai Chánh pháp chi dư. Hà dĩ cố? Như Lai Thế Tôn nhập Niết-bàn hậu, đạo thiết Như Lai di dư thiện pháp, nhược Giới, Định, Huệ, như bỉ chư tặc, kiếp lược quần ngưu. Chư phạm phu nhân, tuy phục đắc thị Giới, Định, Trí tuệ, vô hữu phương tiện, bất năng giải thuyết. Dĩ thị nghĩa cố, bất năng hoạch đắc Thường Giới, Thường Định, Thường Huệ, Giải thoát. Như bỉ quần tặc, bất tri phương tiện, táng thất đề-hồ. Như bỉ quần tặc, vị đề-hồ cố, gia chi dĩ thủy. Phạm phu diệt nhĩ. Vị giải thoát cố, thuyết ngã, chúng sanh, thọ mạng, sĩ phu, Phạm thiên, Tự tại thiên, vi trần thế tánh, Giới, Định, Trí tuệ, cập dĩ Giải thoát, phi tưởng phi phi tưởng thiên, tức thị Niết-bàn. Thật diệt bất đắc Giải thoát Niết-bàn, như bỉ quần tặc bất đắc đề-hồ.

是諸凡夫有少梵行供養父母。以是因緣得生天上受少安樂。如彼群賊加水之乳。而是凡夫實不知因修少梵行供養父母得生天上。又不能知戒定智慧歸依三寶。以不知故說常樂我淨。雖復說之而實不知。是故如來出世之後。乃為演說常樂我淨。如轉輪王出現於世。福德力故群賊退散牛無損命。時轉輪王即以諸牛付一牧人多巧便者。是人方便即得醍醐。以醍醐故一切衆生無有患苦。法輪聖王出現世時。諸凡夫人不能演說戒定慧者。即便退散如賊退散。

爾時如來善說世法及出世法。為衆生故令諸菩薩隨而演說。菩薩摩訶薩既得醍醐。復令無量無邊衆生獲得無上甘露法味。所謂如來常樂我淨。

以是義故。善男子。如來是常不變易法。非如世間凡夫愚人。謂梵天等是常法也。此常法稱要是如來非是餘法。

迦葉。應當如是知如來身。迦葉。諸善男子善女人。常當繫心修此二字佛是常住。迦葉。若有善男子善女人修此二字。當知是人隨我所行至我至處。善男子。若有修習如是二字為滅相者。當知如來則於其人為般涅槃。善男子。涅槃義者。即是諸佛之法性也。

Thị chư phàm phu hữu thiểu Phạm hạnh, cúng dường phụ mẫu. Dĩ thị nhân duyên, đắc sanh thiên thượng, thọ thiểu an lạc. như bỉ quần tặc gia thủy chi nhũ, nhi thị phàm phu thật bất tri nhân tu thiểu Phạm hạnh, cúng dường phụ mẫu, đắc sanh thiên thượng. Hựu bất năng tri Giới, Định, Trí tuệ, quy y Tam bảo. Dĩ bát tri cố, thuyết thường, lạc, ngã, tịnh. Tuy phục thuyết chi, nhi thật bất tri. Thị cố Như Lai xuất thế chi hậu, nãi vị diễn thuyết thường, lạc, ngã, tịnh. Như chuyển luân vương xuất hiện ư thế, phước đức lực cố, quần tặc thối tán, ngư vô tổn mạng. Thời, Chuyển luân Vương tức dĩ chư ngư, phó nhất mục nhân, đa xảo tiện giả. Thị nhân phương tiện, tức đắc đề-hồ. Dĩ đề-hồ cố, nhất thiết chúng sanh, vô hữu hoạn khổ. Pháp luân Thánh vương xuất hiện thế thời, chư phàm phu nhân bất năng diễn thuyết giới, Định, Huệ giả, tức tiện thối tán, như tặc thối tán.

Nhĩ thời, Như Lai thiện thuyết thế pháp cập xuất thế pháp. Vị chúng sanh cố, linh chư Bồ Tát, tùy nhi diễn thuyết, Bồ Tát ma-ha-tát ký đắc đề-hồ, phục linh vô lượng vô biên chúng sanh, hoạch đắc vô thượng cam lộ pháp vị, sở vị: Như Lai thường, lạc, ngã, tịnh.

Dĩ thị nghĩa cố, thiện nam tử! Như Lai thị thường. Bất biến dị pháp, phi như thế gian, phàm phu ngu nhân vị Phạm thiên đẳng, thị thường pháp dã. Thủ thường pháp xưng, yếu thị Như Lai, phi thị dư pháp.

Ca-diếp, ưng đương như thị, tri Như Lai thân. Ca-diếp! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, thường đương hệ tâm, tu thủ nhị tự: Phật thị Thường trụ. Ca-diếp! Nhược hữu Thiện nam tử, thiện nữ nhân, tu thủ nhị tự, đương tri thị nhân, tùy ngã sở hành, chí ngã chí xứ. Thiện nam tử! Nhược hữu tu tập như thị nhị tự, vi diệt tướng giả, đương tri Như Lai, tác ư kỳ nhân, vi bát Niết-bàn. Thiện nam tử! Niết-bàn nghĩa giả, tức thị chư Phật chi Pháp tánh dã.

迦葉菩薩白佛言。世尊。佛法性者。其義云何。世尊。我今欲知法性之義。唯願如來哀愍廣說。夫法性者即是捨身。捨身者名無所有。若無所有身云何存。身若存者云何而言身有法性。身有法性云何得存。我今云何當知是義。

佛告迦葉菩薩。善男子。汝今不應作如是說滅是法性。夫法性者無有滅也。善男子。譬如無想天成就色陰而無色想。不應問言。是諸天等云何而住歡娛受樂。云何行想。云何見聞。

善男子。如來境界非諸聲聞緣覺所知。善男子。不應說言。如來身者是滅法也。善男子。如是滅法是佛境界。非諸聲聞緣覺所及。善男子。汝今不應思量如來何處住何處行何處見何處樂。

善男子。如是之義。亦非汝等之所知及。諸佛法身種種方便不可思議。

復次善男子。應當修習佛法及僧而作常想。是三法者。無有異想。無無常想。無變異想。若於三法修異想者。當知是輩清淨三歸則無依處。所有禁戒皆不具足。終不能證聲聞緣覺菩提之果。若能於是不可思議。修常想者則有歸處。

善男子。譬如因樹則有樹影。如來亦爾。有常

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Phật pháp tánh giả, kỳ nghĩa vân hà? Thế Tôn! Ngã kim dục tri pháp tánh chi nghĩa. Duy nguyện Như Lai, ai mẫn quảng thuyết. Phù pháp tánh giả, tức thị xả thân. Xả thân giả, danh vô sở hữu. Nhược vô sở hữu, thân vân hà tồn? Thân nhược tồn giả, vân hà nhi ngôn: Thân hữu pháp tánh? Thân hữu pháp tánh, vân hà đắc tồn? Ngã kim vân hà đương tri thị nghĩa?

Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Nhữ kim bất ưng tác như thị thuyết: diệt thị pháp tánh. Phù pháp tánh giả, vô hữu diệt dã. Thiện nam tử! Thí như vô tướng thiên, thành tựu sắc ấm, nhi vô sắc tướng. Bất ưng vấn ngôn: Thị chư thiên đẳng, vân hà nhi trụ hoan ngu thọ lạc? Vân hà hành tướng? Vân hà kiến văn?

Thiện nam tử! Như Lai cảnh giới, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri. Thiện nam tử! Bất ưng thuyết ngôn: Như Lai thân giả, thị diệt pháp dã. Thiện nam tử! Như thị diệt pháp, thị Phật cảnh giới, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở cập. Thiện nam tử! Nhữ kim bất ưng tư lương: Như Lai, hà xứ trụ? Hà xứ hành? Hà xứ kiến? Hà xứ nhạo?

Thiện nam tử! Như thị chi nghĩa, diệt phi nhữ đẳng chi sở tri cập. Chư Phật pháp thân, chủng chủng phương tiện, bất khả tư nghị.

Phục thứ, thiện nam tử! Ứng đương tu tập Phật, Pháp, cập Tăng, nhi tác thường tướng. Thị tam pháp giả, vô hữu dị tướng, vô vô thường tướng, vô biến dị tướng. Nhược ư tam pháp, tu dị tướng giả, đương tri thị bồi, thanh tịnh tam quy, tác vô y xứ. Sở hữu cấm giới, giai bất cụ túc. Chư bất năng chứng Thanh văn, Duyên giác, bồ-đề chi quả. Nhược năng ư thị bất khả tư nghị, tu thường tướng giả, tác hữu quy xứ.

Thiện nam tử! Thí như nhân thọ, tác hữu thọ ảnh. Như Lai diệt nhĩ, hữu thường pháp cố, tác hữu quy xứ, phi thị Vô

法故則有歸處。非是無常。若言如來是無常者。如來則非諸天世人所歸依處。

迦葉菩薩白佛言。世尊。譬如闇中有樹無影。

迦葉。汝不應言有樹無影。但非肉眼之所見耳。善男子。如來亦爾。其性常住是不變異。無智慧眼不能得見。如彼闇中不見樹影。凡夫之人於佛滅後說言如來是無常法。亦復如是。若言如來異法僧者。則不能成三歸依處。如汝父母各各異故。故使無常。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。我從今始當以佛法衆僧三事常住。啟悟父母乃至七世皆令奉持。甚奇世尊。我今當學如來法僧不可思議。既自學已亦當爲人廣說是義。若有諸人不能信受。當知是輩久修無常。如是之人我當爲其而作霜電。

爾時佛讚迦葉菩薩善哉善哉。汝今善能護持正法。如是護法不欺於人。以不欺人善業緣故。而得長壽善知宿命。

thường. Nhược ngôn: Như Lai thị vô thường giả, Như Lai tác phi chư thiên, thế nhân sở quy y xứ.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thí như ám trung, hữu thọ vô ảnh.

Ca-diếp! Nhữ bất ưng ngôn: Hữu thọ vô ảnh. Đãn phi nhục nhãn chi sở kiến nhĩ. Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ, kỳ tánh thường trụ, thị bất biến dị. Vô trí tuệ nhãn, bất năng đắc kiến, như bỉ ám trung, bất kiến thọ ảnh. Phàm phu chi nhân, ư Phật diệt hậu, thuyết ngôn: Như Lai thị vô thường pháp, diệt phục như thị. Nhược ngôn: Như Lai, dị pháp, Tăng giả, tác bất năng thành Tam quy y xứ, như nhữ phụ mẫu, các các dị cố, cố sử Vô thường!

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã từng kim thủy, đương dĩ Phật, Pháp, Chúng Tăng, tam sự thường trụ, khái ngộ phụ mẫu, nãi chí thất thế, giai linh phụng trì. Thập kỳ Thế Tôn! Ngã kim đương học Như Lai, Pháp, Tăng bất khả tư nghị. Kỳ tự học dĩ, diệt đương vị nhân, quảng thuyết thị nghĩa. Nhược hữu chư nhân bất năng tín thọ, đương tri thị bối, cửu tu vô thường. Như thị chi nhân, ngã đương vị kỳ, nhi tác sương bạc.

Nhĩ thời, Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai, thiện tai! Nhữ kim thiện năng hộ trì Chánh pháp. Như thị hộ pháp, bất khi ư nhân. Dĩ bất khi nhân, thiện nghiệp duyên cố, nhi đắc trường thọ, thiện tri túc mạng.



# 金剛身品

## 第二

爾時世尊復告迦葉。善男子。如來身者是常住身。不可壞身。金剛之身。非雜食身。即是法身。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說。如是等身我悉不見。唯見無常破壞微塵雜食等身。何以故。如來當入於涅槃故。

佛言。迦葉。汝今莫謂如來之身不堅可壞如凡夫身。

善男子。汝今當知。如來之身無量億劫堅牢難壞。非人天身非恐怖身非雜食身。如來之身非身是身。不生不滅。不習不修。無量無邊無有足跡。無知無形畢竟清淨無有動搖。無受無行不住不作。無味無雜非是有為。非業非果非行非滅非心非數不可思議。常不可思議無識離心亦不離心。

其心平等無有亦有。無有去來而亦去來。不破不壞不斷不絕。不生不滅非主亦主。非有非無非覺非觀。非字非不字。非定非不定。不可見了了見。無處亦處。無宅亦宅。無闇無明。無有寂靜。而亦寂靜。

# KIM CANG THÂN PHẨM

## Đệ nhị

Nhĩ thời, Thế Tôn phục cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Như Lai thân giả, thị thường trụ thân, bất khả hoại thân, kim cang chi thân, phi tạp thực thân, tức thị Pháp thân.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, như thị đẳng thân, ngã tất bất kiến. Duy kiến vô thường, phá hoại vi trần, tạp thực đẳng thân. Hà dĩ cố? Như Lai đương nhập ư Niết-bàn cố.

Phật ngôn Ca-diếp! Nhữ kim mạc vị Như Lai chi thân, bất kiên, khả hoại, như phàm phu thân.

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri, Như Lai chi thân, vô lượng ức kiếp, kiên lao, nan hoại, phi nhân thiên thân, phi khủng bố thân, phi tạp thực thân. Như Lai chi thân phi thân thị thân, bất sanh bất diệt, bất tạp bất tu, vô lượng vô biên, vô hữu túc tích, vô tri vô hình, tất cánh thanh tịnh, vô hữu động diêu, vô thọ vô hành, bất trụ bất tác, vô vị vô tạp, phi thị hữu vi, phi nghiệp phi quả, phi hành phi diệt, phi tâm phi số, bất khả tư nghị, thường bất khả tư nghị, vô thức ly tâm, diệt bất ly tâm.

Kỳ tâm bình đẳng. Vô hữu diệt hữu, vô hữu khứ lai, nhi diệt khứ lai, bất phá bất hoại, bất đoạn bất tuyệt, bất sanh bất diệt, phi chủ diệt chủ, phi hữu phi vô, phi giác phi quán, phi tự phi bất tự, phi định phi bất định, bất khả kiến, liễu liễu kiến, vô xứ diệt xứ, vô trạch diệt trạch, vô ám vô minh, vô hữu tịch tĩnh, nhi diệt tịch tĩnh.

是無所有不受不施。清淨無垢。無爭斷爭。住無住處。不取不墮。非法非非法。非福田非不福田。無盡不盡離一切盡。是空離空。雖不常住而亦常住非念念滅無有垢濁。無字離字。非聲非說亦非修習。非稱非量。非一非異。非像非相。諸相莊嚴。非勇非畏。無寂不寂。無熱不熱。不可睹見無有相貌。

如來度脫一切衆生，無度脫故。能解衆生，無有解故。覺了衆生，無覺了故。如實說法，無有二故。不可思量，無等等故。平如虛空，無有形貌，同無生性。不斷不常。常行一乘。衆生見三。不退不轉斷一切結。不戰不觸非性住性。非合非散。非長非短。非圓非方。非陰入界亦陰入界。非增非損。非勝非負。

如來之身成就如是無量功德。無有知者無不知者。無有見者無不見者。非有爲非無爲。非世非不世。非作非不作。非依非不依。非四大非不四大。非因非不因。非衆生非不衆生。非沙門非婆羅門。是師子大<sup>(1)</sup>師子。非身非不身。不可宣說。除一法相不可算數。般涅槃時不般涅槃。

如來法身皆悉成就如是無量微妙功德。

迦葉。唯有如來乃知是相。非諸聲聞緣覺所知。

<sup>1</sup> Bản khắc gỗ đời Minh khắc chữ 大 này là chữ 非 (phi), dường như phù hợp hơn với toàn văn cảnh

Thị vô sở hữu, bất thọ bất thí, thanh tịnh vô cấu, vô tránh đoạn tránh, trụ vô trụ xứ, bất thủ bất đọa, phi pháp, phi phi pháp, phi phước điền, phi bất phước điền, vô tận bất tận, ly nhất thiết tận, thị không, ly không, tuy bất thường trụ, nhi diệt thường trụ, phi niệm niệm diệt, vô hữu cấu trước, vô tự ly tự, phi thanh phi thuyết, diệt phi tu tập, phi xứng phi lượng, phi nhất phi dị, phi tượng phi tướng, chư tướng trang nghiêm, phi đồng phi úy, vô tịch bất tịch, vô nhiệt bất nhiệt, bất khả đở kiến, vô hữu tướng mạo.

Như Lai độ thoát nhất thiết chúng sanh, vô độ thoát cố; năng giải chúng sanh, vô hữu giải cố; giác liễu chúng sanh, vô giác liễu cố; như thật thuyết pháp, vô hữu nhị cố, bất khả tư lượng, Vô đẳng đẳng cố; bình như hư không, vô hữu hình mạo, đồng vô sanh tánh, bất đoạn bất thường, thường hành nhất thừa, chúng sanh kiến tam. Bất thối bất chuyển, đoạn nhất thiết kết, bất chiến bất xúc, phi tánh trụ tánh, phi hiệp phi tán, phi trường phi đoản, phi viên phi phương, phi ấm, nhập, giới, diệt ấm, nhập, giới, phi tăng phi tổn, phi thắng phi phụ.

Như Lai chi thân, thành tựu như thị vô lượng công đức, vô hữu tri giả, vô bất tri giả, vô hữu kiến giả, vô bất kiến giả, phi hữu vi, phi vô vi, phi thế, phi bất thế, phi tác, phi bất tác, phi y, phi bất y, phi tứ đại, phi bất tứ đại, phi nhân, phi bất nhân, phi chúng sanh, phi bất chúng sanh, phi sa-môn, phi bà-la-môn. Thị sư tử, đại sư tử, phi thân, phi bất thân, bất khả tuyên thuyết, trừ nhất pháp tướng, bất khả toán số, bất Niết-bàn thời, bất bát Niết-bàn.

Như Lai Pháp thân giai tất thành tựu như thị vô lượng vi diệu công đức.

Ca-diếp! Duy hữu Như Lai nãi tri thị tướng, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri.

迦葉。如是功德成如來身。非是雜食所長養身。

迦葉。如來真身功德如是。云何復得諸疾患苦。危脆不堅如坏器乎。迦葉。如來所以示病苦者。為欲調伏諸衆生故。

善男子。汝今當知。如來之身即金剛身。汝從今日常當專心思惟此義莫念食身。亦當為人說如來身即是法身。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來成就如是功德。其身云何當有病苦無常破壞。我從今日常當思惟。如來之身是常法身安樂之身。亦當為他如是廣說。

唯然世尊。如來法身金剛不壞。而未能知所因云何。

佛言。迦葉。以能護持正法因緣故。得成就是金剛身。

迦葉。我於往昔護法因緣。今得成就是金剛身常住不壞。

善男子。護持正法者，不受五戒，不修威儀。應持刀劍，弓箭，鈇稍。守護持戒清淨比丘。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若有比丘離於守護。獨處空閑塚間樹下。當說是人為真比丘。若有隨逐守護行者。當知是輩是禿居士。

Ca-diếp! Như thị công đức thành Như Lai thân, phi thị tạp thực sở trưởng dưỡng thân.

Ca-diếp! Như Lai chân thân, công đức như thị. Vân hà phục đắc chư tật hoạn khổ, nguy thụy, bất kiên như phôi khí hồ? Ca-diếp! Như Lai sở dĩ thị bệnh khổ giả, vị dục điều phục chư chúng sanh cố.

Thiện nam tử! Nhữ kim đương tri: Như Lai chi thân, tức kim cang thân. Nhữ tòng kim nhật, thường đương chuyên tâm tư duy thủ nghĩa. Mạc niệm thực thân, diệc đương vị nhân, thuyết Như Lai thân, tức thị Pháp thân.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai thành tựu như thị công đức, kỳ thân vân hà đương hữu bệnh khổ, Vô thường phá hoại? Ngã tòng kim nhật, thường đương tư duy Như Lai chi thân thị Thường Pháp thân, an lạc chi thân, diệc đương vị tha, như thị quảng thuyết.

Duy nhiên, Thế Tôn! Như Lai Pháp thân, kim cang bất hoại, nhi vị năng tri, sở nhân vân hà?

Phật ngôn: Ca-diếp! Dĩ năng hộ trì Chánh pháp nhân duyên, cố đắc thành tựu thị kim cang thân.

Ca-diếp! Ngã ư vãng tích hộ pháp nhân duyên, kim đắc thành tựu thị kim cang thân, thường trụ bất hoại.

Thiện nam tử! Hộ trì Chánh pháp giả, bất thọ Ngũ giới, bất tu oai nghi, ưng trì đao kiếm, cung tiễn, mâu sóc, thủ hộ trì giới thanh tịnh tỳ-kheo.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu tỳ-kheo ly ư thủ hộ, độc xử không nhân trung gian thọ hạ, đương thuyết thị nhân vi chân tỳ-kheo. Nhược hữu tùy trục thủ hộ hành giả, đương tri thị bố thí thốc cư sĩ.

佛告迦葉。莫作是語言禿居士。若有比丘隨所至處供身趣足。讀誦經典思惟坐禪。有來問法即為宣說。所謂布施持戒福德少欲知足。雖能如是種種說法。然故不能作師子吼。不為師子之所圍遶。不能降伏非法惡人。如是比丘不能自利及利眾生。當知是輩懈怠懶惰。雖能持戒守護淨行。當知是人無所能為。

若有比丘供身之具亦當豐足。復能護持所受禁戒。能師子吼廣說妙法。謂修多羅祇夜受記伽陀優陀那伊帝目多伽闍陀伽毘佛略阿浮陀達磨。以如是等九部經典為他廣說。利益安樂諸眾生故。唱如是言。涅槃經中制諸比丘。不應畜養奴婢牛羊非法之物。若有比丘。畜如是等不淨之物。應當治之。

如來先於異部經中說。有比丘畜如是等非法之物。某甲國王如法治之驅令還俗。若有比丘。能作如是師子吼時。有破戒者聞是語已。咸共瞋恚害是法師。是說法者。設復命終故名持戒自利利他。以是緣故我聽國主群臣宰相諸優婆塞護說法人。若有欲得護正法者。當如是學。

迦葉。如是破戒不護法者名禿居士。非持戒者得如是名。

Phật cáo Ca-diếp: Mạc tác thị ngữ, ngôn thốc cư sĩ. Nhược hữu tỳ-kheo, tùy sở chí xú, cung thân thú túc, độc tụng kinh điển, tư duy tọa thiền. Hữu lai vấn Pháp, túc vị tuyên thuyết, sở vị: bố thí, trì giới, phước đức, thiếu dục tri túc. Tuy năng như thị chủng chủng thuyết pháp, nhiên cố bất năng tác sư tử hống, bất vi sư tử chi sở vi nhiễu, bất năng hàng phục phi pháp ác nhân. Như thị tỳ-kheo bất năng tự lợi cập lợi chúng sanh, đương trì thị bối giải đãi lại nọa. Tuy năng trì giới, thủ hộ tịnh hạnh, đương trì thị nhân vô sở năng vi.

Nhược hữu tỳ-kheo, cung thân chi cụ, diệc đương phong túc, phục năng hộ trì sở thọ cấm giới, năng sư tử hống, quảng thuyết diệu pháp, vị: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ-ký, Già-dà, Ưu-dà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-dà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-dà-đạt-ma. Dĩ như thị đẳng cửu bộ kinh điển, vị tha quảng thuyết. Lợi ích an lạc chư chúng sanh cố, xướng như thị ngôn: Niết-bàn kinh trung, chế chư tỳ-kheo, bất ưng súc dưỡng nô tỳ, ngưi dương, phi pháp chi vật. Nhược hữu tỳ-kheo súc như thị đẳng bất tịnh chi vật, ưng đương trị chi.

Như Lai tiên ư dị bộ kinh trung, thuyết: hữu tỳ-kheo súc như thị đẳng phi pháp chi vật, mỗ giáp quốc vương, như pháp trị chi, khu linh hoàn tục. Nhược hữu tỳ-kheo năng tác như thị sư tử hống thời, hữu phá giới giả văn thị ngữ dĩ, hàm cộng sân khuể, hại thị Pháp sư. Thị thuyết pháp giả, thiết phục mạng chung, cố danh trì giới, tự lợi lợi tha. Dĩ thị duyên cố, ngã thính quốc chủ, quân thần tể tướng, chư Ưu-bà-tắc hộ thuyết pháp nhân. Nhược hữu dục đắc hộ Chánh pháp giả, đương như thị học.

Ca-diếp! Như thị phá giới, bất hộ pháp giả, danh thốc cư sĩ. Phi trì giới giả đắc như thị danh.

善男子。過去之世無量無邊阿僧祇劫。於此拘尸那城有佛出世。號歡喜增益如來應正遍知。明行足善逝。世間解。無上士。調御丈夫。天人師。佛世尊。

爾時世界廣博嚴淨豐樂安隱。人民熾盛無有饑渴。如安樂國諸菩薩等。彼佛世尊住世無量。化衆生已。然後乃於娑羅雙樹入般涅槃。佛涅槃後正法住世無量億歲。餘四十年佛法未滅。爾時有一持戒比丘。名曰覺德。多有徒衆眷屬圍遶能師子吼。班宣廣說九部經典。制諸比丘不得畜養奴婢牛羊非法之物。

爾時多有破戒比丘。聞作是說。皆生惡心執持刀杖。逼是法師。是時國王。名曰有德。聞是事已爲護法故。即便往至說法者所。與是破戒諸惡比丘極共戰鬥。令說法者得免危害。王於爾時身被刀劍箭稍之瘡。體無完處如芥子許。

爾時覺德尋讚王言。善哉善哉。王今真是護正法者。當來之世。此身當爲無量法器。王於是時得聞法已心大歡喜。尋即命終生阿闍佛國。而爲彼佛作第一弟子。其王將從人民眷屬。有戰鬥者。有隨喜者。一切不退菩提之心。命終悉生阿闍佛國。覺德比丘。卻後壽終亦得往生阿闍佛國。而爲彼佛作聲聞衆中第二弟子。若有正法欲滅盡時。應當如是受持擁護。

Thiện nam tử! Quá khứ chi thế, vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, ư thủ Câu-thi-na thành, hữu Phật xuất thế, hiệu Hoan Hỷ Tăng Ích, Như Lai, Ứng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thệ Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Nhĩ thời, thế giới quảng bác, nghiêm tịnh, phong lạc, an ổn. Nhân dân xí thịnh, vô hữu cơ khát, như An lạc quốc chư Bồ Tát đẳng. Bĩ Phật Thế Tôn trụ thế vô lượng. Hóa chúng sanh dĩ, nhiên hậu nãi ư Sa-la song thọ, nhập bát Niết-bàn. Phật Niết-bàn hậu, Chánh pháp trụ thế, vô lượng ức tuế. Dư tứ thập niên, Phật pháp vị diệt, nhĩ thời hữu nhất trì giới tỳ-kheo, danh viết Giác Đức, đa hữu đồ chúng quyến thuộc vi nhiều, năng sư tử hống, ban tuyên quảng thuyết cứu bộ kinh điển, chế chư tỳ-kheo, bất đắc súc dưỡng nô tỳ, ngư dương, phi pháp chi vật.

Nhĩ thời, đa hữu phá giới tỳ-kheo, văn tác thị thuyết, giai sanh ác tâm, chấp trì đao trượng, bức thị pháp sư. Thị thời, quốc vương danh viết Hữu Đức, văn thị sự dĩ, vị hộ pháp cố, túc tiện vãng chí thuyết pháp giả sở, dữ thị phá giới chư ác tỳ-kheo, cực cộng chiến đấu, linh thuyết pháp giả đắc miễn nguy hại, Vương ư nhĩ thời, thân bị đao, kiếm, tiến, sóc chi sang, thể vô hoàn xứ, như giới tử hứa.

Nhĩ thời, Giác Đức tâm tán vương ngôn: Thiện tai, thiện tai! Vương kim chân thị hộ Chánh pháp giả. Đương lai chi thế, thủ thân đương vi vô lượng pháp khí. Vương ư thị thời, đắc văn pháp dĩ, tâm đại hoan hỷ, tâm túc mạng chung, sanh A-súc Phật quốc, nhi vi bĩ Phật, tác đệ nhất đệ tử. Kỳ vương tương tòng nhân dân quyến thuộc, hữu chiến đấu giả, hữu tùy hỷ giả, nhất thiết bất thối bồ-đề chi tâm, mạng chung tất sanh A-súc Phật quốc. Giác Đức tỳ-kheo, khước hậu thọ chung, diệt đắc vãng sanh A-súc Phật quốc, nhi vi bĩ Phật, tác Thanh văn chúng trung, đệ nhị đệ tử. Nhược hữu Chánh pháp dục diệt tận thời, ưng đương như thị thọ trì ủng hộ.

迦葉。爾時王者則我身是。說法比丘迦葉佛是。迦葉。護正法者。得如是等無量果報。以是因緣我於今日得種種相以自莊嚴。成就法身不可壞身。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。如來常身猶如畫石。

佛告迦葉菩薩。善男子。以是因緣故。比丘比丘尼優婆塞優婆夷。應當勤加護持正法。護法果報廣大無量。

善男子。是故護法優婆塞等。應執刀杖擁護如是持法比丘。若有受持五戒之者。不得名為大乘人也。不受五戒為護正法乃名大乘。護正法者。應當執持刀劍器仗侍說法者。

迦葉白佛言。世尊。若諸比丘與如是等諸優婆塞持刀杖者。共為伴侶為有師耶為無師乎。為是持戒為是破戒。

佛告迦葉。莫謂是等為破戒人。

善男子。我涅槃後濁惡之世國土荒亂。互相抄掠人民饑餓。爾時多有為饑餓故發心出家。如是之人名為禿人。是禿人輩見有持戒威儀具足清淨比丘護持正法。驅逐令出若殺若害。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。是持戒人。護正法者。云何當得遊行村落城邑教化。

Ca-diếp! Nhĩ thời vương giả, tác ngã thân thị. Thuyết pháp tỳ-kheo, Ca-diếp Phật thị. Ca-diếp! Hộ Chánh pháp giả, đắc như thị đẳng vô lượng quả báo. Dĩ thị nhân duyên, ngã ư kim nhật, đắc chủng chủng tướng, dĩ tự trang nghiêm, thành tựu Pháp thân, bất khả hoại thân.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai thường thân, do như họa thạch.

Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên cố, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di ưng đương cần gia hộ trì Chánh pháp. Hộ pháp quả báo, quảng đại vô lượng.

Thiện nam tử! Thị cố hộ pháp Ưu-bà-tắc đẳng, ưng chấp đao trượng ủng hộ như thị trì pháp tỳ-kheo. Nhược hữu thọ trì Ngũ giới chi giả, bất đắc danh vi Đại thừa nhân dã. Bất thọ Ngũ giới, vị hộ Chánh pháp, nãi danh Đại thừa. Hộ Chánh pháp giả, ưng đương chấp trì đao kiếm, khí trượng, thị thuyết pháp giả.

Ca-diếp bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược chư tỳ-kheo, dữ như thị đẳng chư Ưu-bà-tắc trì đao trượng giả, cộng vi bạn lữ, vi hữu sư da, vi vô sư hồ? Vi thị trì giới, vi thị phá giới?

Phật cáo Ca-diếp: Mạc vị thị đẳng vi phá giới nhân.

Thiện nam tử! Ngã Niết-bàn hậu, trước ác chi thế, quốc độ hoang loạn, hổ tương sao lược, nhân dân cơ nọ. Nhĩ thời, đa hữu vị cơ nọ cố, phát tâm xuất gia. Như thị chi nhân, danh vi thốc nhân. Thị thốc nhân bối, kiến hữu trì giới, oai nghi cụ túc, thanh tịnh tỳ-kheo hộ trì Chánh pháp, khu trục linh xuất, nhược sát, nhược hại.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thị trì giới nhân, hộ Chánh pháp giả, vân hà đương đắc du hành thôn lạc thành ấp giáo hóa?

善男子。是故我今聽持戒人。依諸白衣持刀杖者以為伴侶。若諸國王大臣長者優婆塞等。為護法故雖持刀杖。我說是等名曰持戒。雖持刀杖不應斷命。若能如是即得名為第一持戒迦葉。言護法者。謂具正見能廣宣說大乘經典。終不捉持王者寶蓋油瓶穀米種種菓蔬。不為利養親近國王大臣長者。於諸檀越心無諂曲具足威儀摧伏破戒諸惡人等。是名持戒護法之師。能為眾生真善知識。其心弘廣譬如大海。

迦葉。若有比丘以利養故為他說法。是人所有徒眾眷屬。亦效是師貪求利養。是人如是便自壞眾。

迦葉眾有三種一者犯戒雜僧。二者愚癡僧。三者清淨僧。破戒雜僧則易可壞。持戒淨僧利養因緣所不能壞。

云何破戒雜僧。若有比丘雖持禁戒。為利養故與破戒者坐起行來。共相親附同其事業。是名破戒亦名雜僧。

云何愚癡僧。若有比丘在阿蘭若處。諸根不利聞鈍躑躅少欲乞食。於說戒日及自恣時。教諸弟子清淨懺悔。見非弟子多犯禁戒。不能教令清淨懺悔。而便與共說戒自恣。是名愚癡僧。

Thiện nam tử! Thị cố ngã kim thính trì giới nhân, y chư bạch y trì đao trượng giả, dĩ vi bạn lữ. Nhược chư quốc vương, đại thân, trưởng giả, ưu-bà-tắc đẳng, vị hộ pháp cố, tuy trì đao trượng, ngã thuyết thị đẳng danh viết trì giới, tuy trì đao trượng, bất ưng đoạn mạng. Nhược năng như thị, tức đắc danh vi Đệ nhất trì giới. Ca-diếp! Ngôn hộ pháp giả, vị cụ chánh kiến, năng quảng tuyên thuyết Đại thừa Kinh điển, chung bất tróc trì vương giả bảo cái, du bình, cốc mễ, chủng chủng quả lỏa, bất vị lợi dưỡng, thân cận quốc vương, đại thân, trưởng giả. Ư chư đàn-việt, tâm vô siểm khúc. Cụ túc oai nghi, tội phục phá giới, chư ác nhân đẳng. Thị danh trì giới hộ pháp chi sư, năng vi chúng sanh chân thiện tri thức. Kỳ tâm hoàng quảng, thí như đại hải.

Ca-diếp! Nhược hữu tỳ-kheo, dĩ lợi dưỡng cố, vị tha thuyết pháp, thị nhân sở hữu đồ chúng quyến thuộc diệc hiệu thị sư, tham cầu lợi dưỡng, thị nhân như thị, tiện tự hoại chúng.

Ca-diếp! Chúng hữu tam chủng: Nhất giả phạm giới tạp tăng, nhị giả ngu si tăng, tam giả thanh tịnh tăng. Phá giới tạp tăng, tắc dị khả hoại. Trì giới tịnh tăng, lợi dưỡng nhân duyên sở bất năng hoại.

Vân hà phá giới tạp tăng? Nhược hữu tỳ-kheo, tuy trì cấm giới, vị lợi dưỡng cố, dĩ phá giới giả, tọa khởi hành lai, cộng tương thân phụ, đồng kỳ sự nghiệp. Thị danh phá giới, diệc danh tạp tăng.

Vân hà ngu si tăng? Nhược hữu tỳ-kheo, tại A-lan-nhã xứ, chư căn bất lợi, ám độn đẳng môn, thiếu dục khát thực. Ư thuyết giới nhật cập tự tứ thời, giáo chư đệ tử thanh tịnh sám hối, kiến phi đệ tử đa phạm cấm giới, bất năng giáo linh thanh tịnh sám hối, nhi tiện dĩ cộng thuyết giới tự tứ. Thị danh ngu si tăng.

云何名清淨僧。有比丘僧。不為百千億數諸魔之所沮壞。是菩薩眾本性清淨。能調如上二部之眾。悉令安住清淨眾中。是名護法無上大師善持律者。為欲調伏利眾生故。知諸戒相若輕若重。非是律者則不證知。若是律者則便證知。

云何調伏利眾生故。若諸菩薩為化眾生常入聚落不擇時節。或至寡婦媼女舍宅。與同住止經歷多年。若是聲聞所不應為。是名調伏利益眾生。

云何知重。若見如來因事制戒。汝從今日慎更莫犯。如四重禁。出家之人所不應作。而便故作。非是沙門。非釋種子。是名為重。

云何為輕。若犯輕事如是三諫。若能捨者。是名為輕。非律不證者。若有讚說不清淨物應受用者。不共同止。是律應證者。善學戒律不近破戒。見有所行隨順戒律心生歡喜。如是能知佛法所行善能解說。是名律師。善解一字。善持契經。亦復如是。如是善男子。佛法無量不可思議。如來亦爾不可思議。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如是如是。誠如聖教。佛法無量不可思議。如來亦爾不可思議。故知如來常住不壞無有變異。我今善學。亦當為人廣宣是義。

Vân hà danh thanh tịnh tăng? Hữu Tỳ-kheo tăng, bất vi bá thiên úc số chư ma chi sở tự hoại, thị Bồ Tát chúng, bốn tánh thanh tịnh, năng điều như thượng nhị bộ chi chúng, tất linh an trụ thanh tịnh chúng trung. Thị danh hộ pháp Vô thượng Đại sư. Thiện trì luật giả, vị dục điều phục, lợi chúng sanh cố, tri chư giới tướng, nhược khinh nhược trọng. Phi thị luật giả, tác bất chúng tri, nhược thị luật giả, tác tiện chúng tri.

Vân hà điều phục, lợi chúng sanh cố? Nhược chư Bồ Tát, vị hóa chúng sanh, thường nhập tụ lạc, bất trạch thời tiết, hoặc chí quả phụ, dâm nữ xá trạch, dữ đồng trụ chỉ, kinh lịch đa niên. Nhược thị Thanh văn, sở bất ưng vi. Thị danh điều phục, lợi ích chúng sanh.

Vân hà tri trọng? Nhược kiến Như Lai nhân sự chế giới: Nhữ tòng kim nhật, thận cánh mạc phạm. Như tứ trọng cấm, xuất gia chi nhân, sở bất ưng tác. Nhi tiện cố tác, phi thị samôn, phi Thích chủng tử. Thị danh vi trọng.

Vân hà vi khinh? Nhược phạm khinh sự, như thị tam gián, nhược năng xả giả, thị danh vi khinh. Phi luật, bất chúng giả. Nhược hữu tán thuyết bất thanh tịnh vật, ưng thọ dụng giả, bất cộng đồng chỉ. Thị luật, ưng chúng giả. Thiện học giới luật, bất cận phá giới, kiến hữu sở hành tùy thuận giới luật, tâm sanh hoan hỷ. Như thị năng tri Phật pháp sở hành, thiện năng giải thuyết. Thị danh luật sư. Thiện giải nhất tự, thiện trì kế kinh, diệc phục như thị. Như thị thiện nam tử! Phật pháp vô lượng, bất khả tư nghị. Như Lai diệc nhĩ, bất khả tư nghị.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị, như thị. Thành như Thánh giáo. Phật pháp vô lượng bất khả tư nghị. Như Lai diệc nhĩ, bất khả tư nghị. Cố tri Như Lai thường trụ bất hoại, vô hữu biến dị. Ngã kim thiện học, diệc đương vị nhân, quảng tuyên thị nghĩa.



爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉。如來身者。即是金剛不可壞身。菩薩應當如是善學正見正知。若能如是了了知見。即是見佛金剛之身不可壞身。如於鏡中見諸色像。

## 名字功德品

### 第三

爾時如來復告迦葉。善男子。汝今應當善持是經文字章句所有功德。若有善男子善女人。聞是經名生四趣者。無有是處。何以故。如是經典乃是無量無邊諸佛之所修習。所得功德我今當說。

迦葉菩薩白佛言。世尊。當何名此經。菩薩摩訶薩云何奉持。

佛告迦葉。是經名為大般涅槃。上語亦善。中語亦善。下語亦善。義味深邃其文亦善。純備具足清淨梵行。金剛寶藏滿足無缺。汝今善聽。我今當說。

善男子。所言大者。名之為常。如八大河悉歸大海。此經如是。降伏一切諸結煩惱及諸魔性。然後要於大般涅槃放捨身命。是故名曰大般涅槃。

Nhĩ thời, Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai, thiện tai! Như Lai thân giả, tức thị kim cang bất khả hoại thân. Bồ Tát ưng đương như thị thiện học, chánh kiến chánh tri. Nhược năng như thị liễu liễu tri kiến, tức thị kiến Phật kim cang chi thân, bất khả hoại thân, như ư kính trung, kiến chư sắc tượng.

## DANH TỰ CÔNG ĐỨC PHẨM

### Đệ tam

Nhĩ thời, Như Lai phục cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Nhữ kim ưng đương thiện trì thị kinh, văn tự chương cú, sở hữu công đức. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thị kinh danh, sanh tứ thú giả, vô hữu thị xứ. Hà dĩ cố? Như thị kinh điển nãi thị vô lượng vô biên chư Phật chi sở tu tập. Sở đắc công đức, ngã kim đương thuyết.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Đương hà danh thủ kinh? Bồ Tát ma-ha-tát vân hà phụng trì?

Phật cáo Ca-diếp: Thị kinh danh vi Đại Bát Niết-bàn. Thượng ngữ diệc thiện, trung ngữ diệc thiện, hạ ngữ diệc thiện. Nghĩa vị thâm thúy, kỳ văn diệc thiện, thuần bị cụ túc thanh tịnh phạm hạnh, kim cang bảo tạng, mãn túc vô khuyết. Nhữ kim thiện thính, ngã kim đương thuyết.

Thiện nam tử! Sở ngôn đại giả, danh chi vi thường, như bát đại hà, tất quy đại hải. Thủ kinh như thị, hàng phục nhất thiết chư kết phiền não cập chư ma tánh. Nhiên hậu yếu ư Đại Bát Niết-bàn, phóng xả thân mạng. Thị cố danh viết Đại Bát Niết-bàn.

善男子。又如醫師有一秘方。悉攝一切所有醫方。善男子。如來亦爾。所說種種妙法秘密深奧藏門。悉皆入於大般涅槃。是故名爲大般涅槃。

善男子。譬如農夫春月下種常有希望。既收果實衆望都息。善男子。一切衆生亦復如是。修學餘經常悵滋味。若得聞是大般涅槃。悵望諸經所有滋味悉皆永斷。是大涅槃能令衆生度諸有流。

善男子。如諸跡中象跡爲最。此經如是。於諸經三昧最爲第一。

善男子。譬如耕田秋耕爲勝。此經如是諸經中勝。善男子。如諸藥中醍醐第一善治衆生熱惱亂心。是大涅槃爲最第一。

善男子。譬如甜酥八味具足。大般涅槃亦復如是八味具足。云何爲八。一者常。二者恒。三者安。四者清涼。五者不老。六者不死。七者無垢。八者快樂。是爲八味。具是八味。是故名爲大般涅槃。

若諸菩薩摩訶薩等安住是中。復能處處示現涅槃。是故名爲大般涅槃。

迦葉。善男子善女人。若欲於此大般涅槃而涅槃者。當如是學如來常住。法僧亦然。

Thiện nam tử! Hựu như y sư, hữu nhất bí phương, tất nhiếp nhất thiết sở hữu y phương. Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ, sở thuyết chủng chủng diệu pháp bí mật thâm áo tạng môn, tất giai nhập ư Đại Bát Niết-bàn, thị cố danh vi Đại Bát Niết-bàn.

Thiện nam tử! Thí như nông phu, xuân nguyệt há chủng, thường hữu hy vọng. Kỳ thu quả thật, chúng vọng đô túc. Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh diệt phục như thị, tu học chư kinh, thường hy tư vị. Nhược đắc văn thị Đại Bát Niết-bàn, hy vọng chư kinh sở hữu tư vị, tất giai vĩnh đoạn. Thị Đại Niết-bàn năng linh chúng sanh độ chư hữu lưu.

Thiện nam tử! Như chư tích trung, tượng tích vi tối. Thủ kinh như thị, ư chư kinh Tam-muội, tối vi đệ nhất.

Thiện nam tử! Thí như canh điền, thu canh vi thắng. Thủ kinh như thị, chư kinh trung thắng.

Thiện nam tử! Như chư dược trung, đề-hồ đệ nhất. Thiện trí chúng sanh nhiệt não loạn tâm, thị Đại Niết-bàn vi tối đệ nhất.

Thiện nam tử! Thí như diêm tô, bát vị cụ túc. Đại Bát Niết-bàn diệt phục như thị, bát vị cụ túc. Văn hà vi bát? Nhất giả thường, nhị giả hằng, tam giả an, tứ giả thanh lương, ngũ giả bất lão, lục giả bất tử, thất giả vô cấu, bát giả khoái lạc. Thị vi bát vị. Cụ túc bát vị, thị cố danh vi Đại Bát Niết-bàn.

Nhược chư Bồ Tát ma-ha-tát đẳng an trụ thị trung, phục năng xứ xứ thị hiện Niết-bàn, thị cố danh vi Đại Bát Niết-bàn.

Ca-diếp! Thiện nam tử, thiện nữ nhân nhược dục ư thủ Đại Bát Niết-bàn, nhi Niết-bàn giả, đương như thị học: Như Lai thường trụ, Pháp, Tăng diệt nhiên.

迦葉菩薩復白佛言。甚奇世尊。如來功德不可思議。法僧亦爾不可思議。是大涅槃亦不可思議。若有修學是經典者。得正法門能為良醫。若未學者。當知是人盲無慧眼無明所覆。

大般涅槃經卷第三  
終

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thâm kỳ Thế Tôn! Như Lai công đức bất khả tư nghị, Pháp, Tăng diệc nhĩ, bất khả tư nghị. Thị Đại Niết-bàn diệc bất khả tư nghị. Nhược hữu tu học thị kinh điển giả, đắc Chánh pháp môn, năng vi lương y. Nhược vị học giả, đương tri thị nhân manh vô huệ nhãn, vô minh sở phú.

*Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tam*  
*Chung*

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

## QUYỂN BA

### PHẨM THỌ MẠNG

#### Phẩm thứ nhất - Phần ba<sup>(1)</sup>

**P**hật dạy các tỳ-kheo: “Đối với giới luật, nếu còn có chỗ nghi, nay các ông cứ hỏi. Ta sẽ giảng giải khiến các ông được vui lòng. Ta đã tu học tất cả [các pháp môn] nên thông đạt sáng suốt bản tánh rỗng không vắng lặng của các pháp. Nhưng này các tỳ-kheo! Các ông chớ tưởng rằng Như Lai chỉ tu học riêng về bản tánh rỗng không vắng lặng của các pháp mà thôi.”

Phật lại dạy các vị tỳ-kheo lần nữa: “Đối với giới luật, như có chỗ nghi, nay các ông nên hỏi cho cặn kẽ.”

Lúc ấy, các vị tỳ-kheo liền bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Chúng con không có đủ trí tuệ để thưa hỏi đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri. Vì sao vậy? Vì cảnh giới của Như Lai không thể nghĩ bàn, các phép thiên định của Như Lai không thể nghĩ bàn, những điều khuyên dạy của Như Lai không thể nghĩ bàn. Nên chúng con không đủ trí tuệ để thưa hỏi Như Lai.

“Bạch Thế Tôn! Ví như có người già đến một trăm hai mươi tuổi, thân thường mang bệnh, nằm mãi trên giường, không thể ngồi dậy, khí lực hư yếu, mạng sống chẳng còn bao lâu. Có một người nhà giàu gặp việc phải ra đi đến

xứ khác, liền đem một trăm cân vàng đến gửi cho ông lão ấy và nói rằng: ‘Nay con đi xứ khác, đem tài sản quý báu này đến gửi nơi cụ. Hoặc mười năm, hoặc hai mươi năm nữa con sẽ trở về. Khi ấy, cụ sẽ trả lại cho con.’ Ông lão liền nhận lãnh số vàng. Nhưng ông lại chẳng có con cháu nối dòng. Chẳng bao lâu sau, ông bệnh nặng phải bỏ mình. Những vật gửi cho ông đều phải mất hết. Khi người chủ vàng trở về, chẳng biết đâu mà đòi. Như người ấy thật ngu si, chẳng biết suy tính chỗ đáng gửi hoặc không đáng gửi. Vì vậy nên khi trở về chẳng biết đâu mà đòi. Bởi duyên cố ấy mà mất hết tài sản quý giá.

“Thế Tôn! Hàng Thanh văn chúng con lại cũng như thế. Tuy nghe Như Lai ân cần truyền dạy giới luật, nhưng chúng con chẳng đủ sức thọ trì để làm cho Phật pháp trụ thế lâu dài, cũng như ông lão kia nhận vàng người ta trao gửi. Nay chúng con không có trí tuệ, đối với giới luật biết thưa hỏi gì đây?”

Phật dạy các tỳ-kheo: “Nay nếu các ông hỏi ta, ắt có lợi ích cho tất cả chúng sanh. Vậy nên ta bảo các ông: tùy theo chỗ nghi của mình, cứ tùy ý mà thưa hỏi.”

Lúc ấy, các tỳ-kheo bạch Phật: “Thế Tôn! Ví như người kia, tuổi vừa hai mươi lăm, khỏe mạnh, tráng kiện và là người ngay thẳng, chính trực. Người ấy có nhiều của báu, như: vàng, bạc, lưu ly... Cha mẹ vợ con, quyến thuộc, dòng họ thấy đều còn đủ. Lại có kẻ đem vật báu đến gửi cho người ấy, nói rằng: ‘Nay tôi có việc phải đi đến xứ khác, khi nào xong việc tôi sẽ trở về. Khi ấy, ông sẽ trả lại cho tôi.’

“Rồi người ấy giữ gìn của cải quý giá đó cũng như của mình. Khi có bệnh, người ấy bèn dặn người nhà rằng: ‘Số

vàng này của người ta gửi. Khi nào chủ vàng đến nhận, hãy trả đủ cho người ta.’

“Người có trí là như vậy, khéo biết suy lường. Khi trở về nhận vàng được đầy đủ, không mất mát chi cả.

“Đức Thế Tôn cũng vậy. Nếu đem Pháp bảo mà phó chúc cho A-nan cùng các tỳ-kheo thì chẳng thể giữ được lâu dài. Vì sao vậy? Tất cả các vị Thanh văn và Đại Ca-diếp đều là vô thường, như ông lão kia nhận vật do người khác gửi [mà không có khả năng giữ gìn].

“Vì vậy, Thế Tôn nên đem Phật pháp vô thượng mà giao phó cho các vị Bồ Tát. Bởi các vị Bồ Tát có thể khéo hỏi, khéo đáp, nên Pháp bảo sẽ được trụ lâu ngàn đời, tăng triển lớn lao và hưng thịnh, mang lại lợi ích, an lạc cho chúng sanh, như người trẻ tuổi tráng kiện kia nhận vật do người khác gửi [rồi đủ sức giữ gìn cẩn thận không để mất].

“Vì lẽ đó, các vị Đại Bồ Tát mới có thể thưa hỏi Như Lai. Trí tuệ của chúng con nhỏ nhoi như muỗi mòng, làm sao đủ sức thưa thỉnh pháp sâu xa của Như Lai?”

Bạch Phật rồi, các vị Thanh văn lặng thinh đứng yên.

Lúc ấy, đức Phật khen các tỳ-kheo rằng: “Lành thay, lành thay! Các ông khéo được tâm vô lậu, tâm A-la-hán. Ta đã từng nghĩ, vì phải có hai duyên như trên,<sup>(2)</sup> nên đem Đại thừa mà phó chúc cho các Bồ Tát, khiến cho diệu pháp này được trụ lâu dài ở thế gian.”

Bấy giờ, Phật bảo tất cả đại chúng rằng: “Thiện nam tử! Thiện nữ nhân! Thọ mạng của Như Lai không thể đo lường cho xiết, tài biện thuyết của Như Lai cũng không thể cùng tận. Các ông nên tùy ý hỏi ta, hoặc hỏi giới luật, hoặc hỏi chỗ nương dựa y theo.”

Phật dạy như vậy đến lần thứ hai, rồi lần thứ ba.

Lúc ấy, trong đại chúng có một vị đại Bồ Tát tuổi còn rất trẻ, gốc người bộ tộc Đa-la, họ Đại Ca-diếp, thuộc dòng bà-la-môn. Nương sức thần của Phật, vị này đứng dậy khỏi chỗ ngồi, vén trần vai áo bên tay mặt, nhiễu quanh Phật cả trăm ngàn vòng cung kính rồi quỳ gối bên mặt sát đất, chấp tay hướng về đức Phật bạch rằng: “Thế Tôn! Con nay có chút việc muốn thưa hỏi. Nếu Phật cho phép, con mới dám nói.”

Phật bảo Ca-diếp rằng: “Đức Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri cho phép ông tùy ý hỏi. Ta sẽ vì ông giảng thuyết, dứt chỗ nghi cho ông, làm cho ông được vui vẻ.”

Liền đó, Đại Bồ Tát Ca-diếp<sup>(3)</sup> bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Như Lai thương xót, đã hứa với con, nay con sắp hỏi. Tuy nhiên, trí tuệ của con nhỏ hẹp như muỗi mòng, đạo đức của Như Lai Thế Tôn thì cao vòi vọi, vây quanh ngài là đại chúng thấy đều như hương thơm chiên-đàn, như sư tử dũng mãnh khó mà chế phục, không thể hoại diệt. Thân Như Lai bền chắc như kim cang, màu sắc như ngọc lưu ly chân thật khó hoại diệt, lại có các vị đầy hợp thành biển đại trí tuệ vây quanh. Trong hội chúng này, các vị Đại Bồ Tát đều thành tựu những công đức sâu xa vi diệu vô lượng vô biên, như những con voi đang sức tráng kiện. Ở trước đại chúng như vậy, con lại dám thưa hỏi sao? Nhưng nay nhờ sức thần thông của Phật và oai đức căn lành của đại chúng, con sẽ đem một ít việc mà thưa hỏi Phật.”

Liền đó, Bồ Tát Ca-diếp đối trước Phật đọc kệ thưa hỏi rằng:

Làm sao được trường thọ,  
Thân kim cang chẳng hoại?  
Lại do nhân duyên nào,  
Được sức kiên cố lớn?

Làm sao nhờ kinh này,  
Cứu cánh được giải thoát?<sup>(4)</sup>  
Nguyện đem pháp sâu kín,  
Thuyết rộng với chúng sanh.

Làm sao được rộng lớn,  
Làm y chỉ<sup>(5)</sup> chúng sanh,  
Thật chẳng phải La-hán,  
Nhưng dự hàng La-hán?

Làm sao biết thiên ma,  
Làm trở ngại chúng tu?  
Phật thuyết, Ba-tuần thuyết,  
Làm sao phân biệt rõ?

Làm sao bậc Điều ngự,  
Vui lòng thuyết chân đế,  
Thành tựu đủ chánh thiện,  
Diễn thuyết bốn diên đảo.

Làm sao tạo nghiệp lành?  
Nay Như Lai nên thuyết.  
Làm sao các Bồ Tát,  
Thấy tánh rất khó thấy

Làm sao hiểu trọn chữ,  
Hoặc nghĩa lý nửa chữ?  
Làm sao chung Thánh hạnh,  
Như chim ta-la-ta,  
Ca-lân-đề, nhật nguyệt,  
Thái bạch với tuế tinh?

Làm sao chưa phát tâm,  
Cũng được xưng Bồ Tát?  
Làm sao giữa Đại chúng,  
Được đức chẳng run sợ,  
Ví như vàng diêm-phù,  
Không ai chỉ được lỗi?

Làm sao giữa bùn nhơ,  
Không nhiễm, như hoa sen?  
Làm sao giữa phiền não,  
Phiền não chẳng nhiễm ô,  
Như lương y trị bệnh,  
Chẳng bị bệnh lây truyền?

Làm sao như thuyền trưởng,  
Vượt biển lớn sanh tử?  
Làm sao lìa sanh tử,  
Như rắn lột bỏ da?

Làm sao quán Tam bảo,  
Giống như cây thiên ý?<sup>(6)</sup>  
Ba thừa nếu không tánh,  
Làm sao thuyết diễn ra?

Như niềm vui chưa sanh,  
Sao gọi là thọ lạc?  
Làm sao chư Bồ Tát,  
Được chúng chẳng hư hoại?

Làm sao vì người mù,  
Dẫn đường làm mất sáng?  
Làm sao hiện nhiều đầu?  
Xin Như Lai giảng thuyết.

Làm sao người thuyết pháp,  
Tăng trưởng như trăng non?<sup>(7)</sup>

Vì sao lại thị hiện,  
 Rốt cuộc vào Niết-bàn?  
 Làm sao bậc dũng kiện,  
 Dẫn lối trời, người, ma?  
 Làm sao hiểu tánh pháp,  
 Mà thường hưởng pháp lạc?  
 Làm sao chư Bồ Tát  
 Lìa xa tất cả bệnh?  
 Làm sao vì chúng sanh,  
 Diễn thuyết pháp bí mật?  
 Làm sao giảng rốt ráo,  
 Cùng pháp chẳng rốt ráo?  
 Như vì dứt lưới nghi,  
 Sao không thuyết xác định?  
 Làm sao được đến gần,  
 Đạo cao trỗi hơn hết?  
 Con nay thỉnh Như Lai,  
 Vì thương chư Bồ Tát,  
 Xin thuyết lẽ thâm sâu,  
 Của các hạnh vi diệu.  
 Trong tất cả các pháp,  
 Ất có tánh an vui.  
 Nguyện Như Lai Thế Tôn,  
 Vì chúng con giảng rõ.  
 Đại y chỉ chúng sanh!  
 Bạc đầy đủ phước trí!<sup>(8)</sup>  
 Nay muốn hỏi các ấm,<sup>(9)</sup>  
 Nhưng con không trí tuệ.  
 Chư Bồ Tát tinh tấn,

Cũng không thể biết rõ,  
 Cảnh giới rất sâu xa,  
 Của chư Phật Như Lai.

Lúc ấy, Phật khen Bồ Tát Ca-diếp rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông chưa được trí tuệ rõ biết tất cả, còn ta đã được rồi, nhưng chỗ thưa hỏi của ông về tạng bí mật sâu xa đó cũng giống như chỗ thưa hỏi của bậc có trí tuệ rõ biết tất cả, chẳng khác gì nhau.

“Thiện nam tử! Khi ta mới thành Chánh giác, còn ngồi tại đạo tràng nơi gốc cây bồ-đề, bấy giờ có vô số chư Bồ Tát từ các cõi Phật nhiều như số cát của vô số con sông Hằng, cũng từng đến hỏi ta về nghĩa sâu xa ấy. Những chỗ thưa hỏi ấy, từ câu văn, nghĩa lý và công đức cũng giống như những chỗ hỏi của ông, chẳng khác chi cả. Thưa hỏi được như vậy có thể làm lợi ích cho vô lượng chúng sanh.”

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Con chẳng có đủ sức trí tuệ để hỏi Như Lai về nghĩa rất sâu xa ấy. Thế Tôn! Ví như con muối, con mòng chẳng thể bay qua tới bờ bên kia biển cả, hoặc bay khắp hư không. Con đây cũng vậy, chẳng thể hỏi đức Như Lai về nghĩa lý thăm thẳm của biển cả trí tuệ, của hư không pháp tánh như vậy.

“Thế Tôn! Ví như một vị vua, gỡ ra hạt minh châu từ nơi búi tóc của mình, giao cho quan giữ kho. Quan giữ kho nhận rồi, cung kính đội đầu, gắng sức gìn giữ. Con đây cũng thế, cung kính đội đầu, gắng sức gìn giữ nghĩa sâu các kinh Phương đẳng<sup>(10)</sup> mà Như Lai giảng thuyết. Vì sao vậy? Vì có thể giúp cho con mở rộng trí tuệ sâu thẳm.”

Lúc ấy, Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp rằng: “Thiện nam tử! Hãy lắng nghe kỹ! Ta sẽ vì ông mà giảng thuyết về nghiệp trường thọ mà Như Lai đã được. Bồ Tát nhờ nhân duyên nghiệp này mà được thọ mạng lâu dài. Vậy ông nên hết lòng nghe và thọ lãnh. Như nghiệp này có thể là nhân của bồ-đề, ông nên thành tâm lắng nghe và nhận lấy nghĩa lý. Đã nghe nhận rồi, lại nên vì người khác mà giảng thuyết nghĩa ấy.

“Thiện nam tử! Nhờ tu tập nghiệp ấy nên ta đã được A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Nay ta lại vì chúng sanh mà thuyết rộng nghĩa ấy.

“Thiện nam tử! Ví như một người con của vua, phạm tội nên bị giam trong ngục. Vua rất xót xa, thương nhớ con, bèn tự mình ngồi xe đến tận nơi giam giữ. Bồ Tát cũng như thế, muốn được trường thọ nên hộ niệm tất cả chúng sanh, giống như người đời thương yêu đứa con duy nhất của mình. Bồ Tát sanh lòng đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, truyền thọ giới không giết hại, dạy tu pháp lành, lại nên làm cho tất cả chúng sanh được vững vàng trong Năm giới,<sup>(11)</sup> Mười điều lành.<sup>(12)</sup>

“Bồ Tát lại vào các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la... hết thấy các cảnh giới, cứu vớt những chúng sanh khổ não đang ở trong ấy. Bồ Tát giải thoát cho những chúng sanh chưa được giải thoát, hóa độ cho những chúng sanh chưa được hóa độ. Những chúng sanh chưa được Niết-bàn, Bồ Tát đều khiến cho đạt được Niết-bàn. Người an ủi tất cả những kẻ đang sợ sệt. Nhờ các nhân duyên của nghiệp như vậy, Bồ Tát được thọ mạng lâu dài, đối với các phép trí tuệ đều được tự tại; đến lúc mạng chung liền sanh về cõi trời.”

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Đại Bồ Tát đối với chúng sanh bình đẳng như nhau, đều giống như người đời thương yêu đứa con duy nhất của mình, nghĩa ấy sâu kín quá, con chưa hiểu nổi. Bạch Thế Tôn! Như Lai chẳng nên nói rằng: ‘Bồ Tát tu lòng bình đẳng đối với các chúng sanh, đều giống như người đời thương yêu đứa con duy nhất của mình.’ Vì sao vậy? Vì trong Phật pháp cũng có những kẻ phá giới, những kẻ phạm tội nghịch,<sup>(13)</sup> những kẻ hủy báng Chánh pháp. Đối với những kẻ ấy, lẽ nào có thể yêu thương như con một của mình hay sao?”

Phật bảo Ca-diếp: “Đúng vậy, đúng vậy! Đối với chúng sanh ta quả thật đều xem đồng như con một của ta là La-hầu-la.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Lúc trước, nhằm ngày rằm, đang khi chư tăng tụng bố-tát,<sup>(14)</sup> chúng hội đều là những vị thanh tịnh, đã từng thọ giới cụ túc của bậc tỳ-kheo. Lúc ấy, có một đồng tử chẳng khéo tu tập ba nghiệp thân, khẩu và ý, núp sau góc một tấm bình phong để lén nghe tụng giới. Vị lực sĩ Mật Tích liền nương sức thần của Phật, dùng chày kim cang đập đồng tử ấy nát ra như bụi.

“Bạch Thế Tôn! Thân Kim cang ấy phải rất là bạo ác mới có thể lấy mạng của đồng tử kia như vậy. Làm sao Như Lai bảo là đối với các chúng sanh đều xem như nhau, đồng như con một của ngài là La-hầu-la?”

Phật bảo Ca-diếp: “Nay ông chớ nên nói như vậy. Đồng tử kia chỉ là người hóa hiện, chẳng phải thật có, vì muốn xua đuổi những kẻ phá giới hủy pháp, khiến



họ ra khỏi chúng tăng. Vị Kim cang Mật Tích ấy cũng là hóa hiện.

“Ca-diếp! Những kẻ hủy báng Chánh pháp, cùng những kẻ nhất-xiên-đề,<sup>(15)</sup> những kẻ sát sanh, cho đến bọn tà kiến cùng những kẻ cố phạm giới cấm, ta đều thương xót họ tất cả, đều xem như con ta là La-hầu-la.

“Thiện nam tử! Ví như vị vua, nếu trong các quan có người phạm luật nước thì vua chiếu theo tội mà giết phạt chẳng tha. Như Lai Thế Tôn chẳng làm như vậy. Đối với kẻ hủy báng Chánh pháp, ngài dạy các phép yết-ma,<sup>(16)</sup> như yết-ma quở trách, yết-ma trục xuất, yết-ma khu biệt, yết-ma trách tội, yết-ma không ai được gặp, yết-ma dứt tuyệt, yết-ma chưa bỏ tà kiến xấu ác.<sup>(17)</sup>

“Thiện nam tử! Đối với kẻ hủy báng Chánh pháp, sở dĩ Như Lai dùng nhiều phép yết-ma hàng phục như vậy là muốn chỉ rõ cho những kẻ làm việc ác biết rằng thật có quả báo.

“Thiện nam tử! Nay ông nên biết: đối với những chúng sanh làm điều xấu ác, Như Lai là bậc bố thí cho họ sự an ổn chẳng sợ. Trong khi ngài phóng ra một luồng hào quang, hai luồng, hoặc năm luồng, nếu có những ai gặp được hào quang ấy sẽ lìa khỏi các điều xấu ác. Hiện nay, Như Lai có đủ vô lượng thế lực như vậy.

“Thiện nam tử! Với pháp chưa thể thấy, nếu ông muốn thấy thì nay ta sẽ vì ông giảng thuyết tướng mạo của pháp ấy. Sau khi ta nhập Niết-bàn, bất cứ nơi nào có tỳ-kheo trì giới, đầy đủ oai nghi, hộ trì Chánh pháp, nếu thấy kẻ phá hoại Chánh pháp thì có thể xua đuổi, quở trách, trừng trị. Nên biết rằng vị ấy sẽ được phước đức vô lượng, không thể kể xiết.

“Thiện nam tử! Ví như một vị vua chuyên làm việc bạo ác, rồi bị bệnh nặng. Có một vị vua nước láng giềng, nghe tiếng ác của vua ấy, bèn kéo binh đến định tiêu diệt. Lúc ấy, vị vua đang bệnh vì không có sức lực nên trong lòng kinh sợ, liền thay đổi tâm tánh mà tu tập việc lành. Vị vua láng giềng như vậy sẽ được phước đức vô lượng. Vị tỳ-kheo bảo vệ Chánh pháp cũng giống như thế, dùng việc xua đuổi, quở trách, trừng trị những kẻ phá hoại Chánh pháp, khiến cho họ tu các pháp lành, sẽ được phước đức vô lượng.

“Thiện nam tử! Ví như một vị trưởng giả, ở nơi xứ sở mình, vườn ruộng, nhà cửa, phòng xá bỗng sanh ra những cây độc. Trưởng giả biết vậy rồi liền đốn sạch, khiến những cây ấy đều dứt tuyệt.

“Lại cũng như một người tráng kiện mà trên đầu sanh tóc bạc, lấy làm hổ thẹn, bèn dùng cái niếp mà nhổ hết, chẳng để cho sanh trưởng.

“Vị tỳ-kheo bảo vệ Chánh pháp lại cũng như vậy, thấy có những kẻ phá giới luật, phá hoại Chánh pháp, liền nên xua đuổi, quở trách, nêu lỗi của họ ra mà phán xử.

“Như vị tỳ-kheo làm điều lành nhưng thấy kẻ phá hoại Chánh pháp mà vẫn để yên, chẳng xua đuổi, quở trách, chẳng nêu lỗi của họ ra mà phán xử, nên biết rằng người như vậy là kẻ oán tặc trong Phật pháp.

“Như có thể xua đuổi, quở trách, nêu lỗi của kẻ phá hoại Chánh pháp ra mà phán xử thì người ấy là đệ tử của ta, là bậc Thanh văn chân chính.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Theo như lời Phật vừa dạy thì chẳng phải đối với tất cả chúng sanh

bình đẳng như nhau, đều như con một của ngài là La-hầu-la!

“Thế Tôn! Như có một người dùng dao hại Phật, lại có người khác dùng hương thơm chiên-đàn mà tô điểm thân Phật. Nếu Phật có lòng bình đẳng đối với hai người ấy, sao lại dạy rằng nên trừng trị kẻ phá hủy giới cấm? Nếu trị kẻ hủy cấm, thì lời nói xem chúng sanh bình đẳng như con một của mình là chẳng đúng.”

Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Ví như một vị quốc vương, đại thần hay tể tướng, sanh dưỡng được nhiều đứa con, tướng mạo đoan chánh, thông minh trí tuệ. Những trẻ ấy, hoặc hai đứa, ba đứa hay bốn đứa đều được người cha giao phó cho một vị thầy rất nghiêm khắc và dạy rằng: “Thầy nên vì ta dạy bảo chúng nó cho thông thuộc các môn phong hóa, lễ nghi, kỹ nghệ, văn thơ, toán số... Bốn đứa con ta đây, từ nay theo thầy học tập. Giả như có ba đứa bị thầy đánh bằng gậy, mang bệnh mà chết. Chỉ còn một đứa, phải dạy răn nó một cách khở nhọc lắm mới được thành tựu. Dầu cho mất ba đứa con, ta cũng chẳng hề oán hận thầy.”

“Ca-diếp! Như vậy, người cha và người thầy có mắc tội giết hại chẳng?”

“Bạch Thế Tôn! Không. Tại sao vậy? Chỉ vì thương con, muốn cho chúng được thành người chứ không có lòng ác. Dạy dỗ như vậy thì được phước vô lượng.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Như Lai cũng thế. Ngài coi những kẻ phá hoại Chánh pháp cũng đồng như con một của ngài. Nay Như Lai đem Chánh pháp vô thượng mà phó chúc cho các quốc vương, đại thần, tể tướng,

tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Các vua, quan và Bốn bộ chúng ấy nên khuyến khích những ai tu học, khiến họ được tiến bộ và tăng trưởng giới, định, tuệ. Nhưng có ai chẳng tu học ba pháp ấy, biếng nhác, phá giới, hủy hoại Chánh pháp, thì các vị quốc vương, đại thần và Bốn bộ chúng nên trừng trị họ một cách nghiêm khắc.

“Thiện nam tử! Như vậy các quốc vương và Bốn bộ chúng ấy có phạm tội chẳng?”

“Bạch Thế Tôn! Không.”

“Thiện nam tử! Các quốc vương và Bốn bộ chúng ấy còn chẳng có tội, huống chi Như Lai?”

“Thiện nam tử! Như Lai khéo tu phép bình đẳng ấy, đối với chúng sanh đều xem đồng như con một của mình.

“Tu tập như vậy, gọi là Bồ Tát tu tâm bình đẳng, đối với chúng sanh đều xem đồng như con một của mình.

“Thiện nam tử! Bồ Tát nhờ tu tập nghiệp ấy, được thọ mạng lâu dài, lại có thể biết được mọi việc trong những đời trước của mình và của người.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Như Phật vừa dạy, nếu Bồ Tát tu tâm bình đẳng, đối với chúng sanh đều xem đồng như con mình thì được thọ mạng lâu dài.

“Như Lai chẳng nên thuyết dạy như thế. Tại sao vậy? Như một người hiểu biết đạo lý, hay thuyết dạy mọi điều hiểu thuận. Khi về nhà, người ấy lấy những gạch đá mà đánh ném cha mẹ. Nhưng cha mẹ vốn là ruộng phước, có nhiều lợi ích, khó được gần gũi, đáng lẽ người con phải cúng dường món ngon vật lạ, lại gây ra những

việc sâu não tai hại. Như người hiểu biết đạo lý ấy, lời nói và việc làm trái nghịch với nhau.

“Lời nói của Như Lai cũng vậy. Bồ Tát đã tu tập tâm bình đẳng, đối với chúng sanh đều xem đồng như con mình, đáng lẽ phải được trường thọ, biết rành chuyện đã qua, thường trụ ở thế, không hề có chuyện biến đổi. Nay vì nhân duyên gì mà đời sống của Thế Tôn rất ngắn, chẳng khác chi thọ mạng của người thế gian? Như vậy lẽ nào đức Như Lai không có đem lòng oán ghét chúng sanh? Ngày xưa, Thế Tôn đã làm các nghiệp ác gì, giết chết bao nhiêu sanh mạng, mà nay ngài phải chịu đoản thọ, sống chẳng được trăm năm?”

Phật bảo Ca-diếp rằng: “Thiện nam tử! Nay có duyên có gì mà đối trước Như Lai ông nói ra lời vụng về như thế? Sự trường thọ của Như Lai vẫn cao hơn, trội hơn tất cả mọi sự trường thọ. Pháp thường tồn mà Như Lai đã được là bậc nhất trong các pháp thường tồn.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai được thọ mạng lâu dài như thế nào?”

Phật dạy Ca-diếp: “Thiện nam tử! Như có tám con sông lớn là Hằng hà, Diêm-ma-la, Tát-la, A-ly-la-bạt-đề, Ma-ha, Tân-đâu, Bác-xoa và Tất-đà. Tám con sông lớn ấy với các sông con, chảy đều chảy vào biển cả.

“Ca-diếp! Những sông lớn là thọ mạng của tất cả chúng sanh trong khắp cõi trời, người, trên mặt đất, giữa hư không, chảy đều nhập vào biển cả là thọ mạng của Như Lai. Vì vậy, thọ mạng của Như Lai là vô lượng.

“Lại nữa, Ca-diếp! Ví như từ ao A-nậu-đạt có bốn con sông lớn chảy ra. Như Lai cũng thế, từ nơi Như Lai mà xuất hiện tất cả các sanh mạng.

“Ca-diếp! Ví như trong tất cả mọi pháp thường tồn, hư không là hơn hết. Như Lai cũng thế, là hơn hết trong mọi pháp thường tồn.

“Ca-diếp, như trong các loại thuốc, món đề-hồ là hơn hết. Như Lai cũng thế, đối với tất cả chúng sanh, thọ mạng của Như Lai là hơn hết.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu thọ mạng Như Lai là như vậy, ngài nên trụ thế cho trọn một kiếp hoặc một kiếp giảm, thường tuyên thuyết pháp nhiệm mầu như trời đổ mưa to.”

Phật dạy: “Ca-diếp! Nay ở chỗ Như Lai ông không nên phát sanh tư tưởng [cho rằng Như Lai là] diệt tận.

“Ca-diếp! Như có tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, cho đến những người tu hành ngoại đạo, thần tiên ngũ thông<sup>(18)</sup> đạt đến mức tự tại, nếu muốn trụ ở thế gian trọn một kiếp hay một kiếp giảm, đi lại trên hư không, ngồi và nằm trên ấy một cách tự tại, cho lửa phóng ra từ nơi hông trái, cho nước tuôn ra từ nơi hông mặt, từ nơi thân xuất hiện khói lửa, dường như có một đám lửa, hoặc muốn sống lâu, cũng đều được như ý. Các vị ấy muốn cho đời sống của mình dài hay ngắn cũng đều được cả. Những vị ngũ thông ấy còn được sức thần tùy ý như vậy, huống chi Như Lai đối với tất cả pháp, đã được sức tự tại, lại chẳng trụ được ở thế trong nửa kiếp, một kiếp, trăm kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp hay vô lượng kiếp hay sao?

“Bởi nghĩa ấy nên phải biết rằng Như Lai là pháp thường trụ, pháp không biến đổi. Thân này của Như Lai là thân biến hóa, chẳng phải thân do sự ăn uống

mà thành, chẳng qua vì hóa độ chúng sanh nên thị hiện giống như loài cây độc. Vì vậy ta mới hiện cách bỏ thân là nhập Niết-bàn.

“Ca-diếp! Nên biết rằng Phật là pháp thường tồn, pháp không biến đổi. Các ông nên ra sức tinh tấn, một lòng tu tập nghĩa đệ nhất ấy. Tu tập rồi, sẽ rộng vì người khác mà giảng thuyết.”

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Pháp xuất thế và pháp thế gian khác nhau như thế nào? Như Phật nói rằng: Phật là pháp thường tồn, pháp không biến đổi; thế gian cũng nói rằng: Phạm thiên là thường tồn, Tự tại thiên là thường tồn, không có biến đổi, ngã là thường tồn, tánh là thường tồn, vi trần cũng là thường tồn. Nếu nói Như Lai là pháp thường tồn, tại sao Như Lai chẳng thường hiện? Nếu chẳng thường hiện, thì có khác gì với [các pháp] thế gian? Vì sao vậy? Vì Phạm thiên... cho đến vi trần ở thế gian, vốn cũng chẳng thường hiện.”

Phật bảo Ca-diếp: “Ví như một trưởng giả có nhiều bò, màu sắc tuy khác nhau nhưng hợp thành một bầy. Ông giao bầy bò ấy cho một người chăn, dắt đi ăn cỏ, uống nước. Ông chỉ cần món đê-hồ mà thôi, chẳng cần món bơ sữa. Người chăn dắt bò đi, để cho chúng tự do ăn cỏ. Đến khi trưởng giả ấy qua đời, tất cả những con bò của ông đều bị bọn cướp trâu đoạt. Bọn cướp ấy được bò rồi, không có phụ nữ để trông nom, chăn dắt, thả bầy bò tự kéo nhau đi, gặm gì ăn nấy.

“Lúc ấy, bọn cướp nói với nhau rằng: ‘Ông đại trưởng giả kia nuôi bò, chẳng cần món bơ sữa, chỉ cần món đê-

hồ mà thôi. Bây giờ chúng ta nên làm thế nào để có món đê-hồ ấy? Vì trong thế gian, đê-hồ là món ăn ngon nhất. Chúng ta không có bồn chậu, như có được sữa cũng chẳng có chi mà đựng.’ Rồi họ lại bảo nhau: ‘Chúng ta chỉ có bao bằng da mà thôi, bao ấy đựng sữa cũng được. Nhưng dù có đồ đựng, chúng ta cũng không biết phải để yên hay khuấy cho đúng cách. Sữa đặc còn khó đựng, huống chi là bơ tươi!’ Lúc ấy, những tên cướp vì muốn có đê-hồ, bèn đổ thêm nước vào. Vì thêm nước nhiều nên sữa, bơ, đê-hồ... chẳng có được món nào cả.

“Những kẻ phàm phu cũng vậy đó. Tuy họ có pháp lành, nhưng pháp lành ấy chẳng qua là món đồ thừa của Chánh pháp Như Lai. Vì sao vậy? Sau khi Như Lai Thế Tôn vào Niết-bàn, những kẻ trộm cắp pháp lành thừa thừa của Như Lai như: giới, định, tuệ, cũng giống như những kẻ cướp đoạt lấy đàn bò kia vậy. Những kẻ phàm phu tuy họ cũng được giới, định và trí tuệ này, nhưng họ không biết phương tiện, không thể hiểu biết, giảng rõ. Vì lẽ ấy, họ không thể đạt được thường giới, thường định, thường huệ, giải thoát. Cũng như bọn cướp kia, chẳng biết phương cách nên làm hư hỏng món đê-hồ. Lại cũng như bọn cướp kia, vì muốn có đê-hồ bèn đổ thêm nước vào. Những kẻ phàm phu cũng vậy. Vì muốn giải thoát, bèn nói những pháp: ngã, chúng sanh, thọ mạng, linh hồn, Phạm thiên, Tự tại thiên, vi trần, thể tánh, giới, định, trí tuệ, với giải thoát, [tin rằng] cõi trời Phi tướng phi phi tướng tức là Niết-bàn. Thật ra họ chẳng được giải thoát, Niết-bàn, cũng như bọn cướp kia chẳng được đê-hồ.

“Những kẻ phàm phu ấy có chút ít Phạm hạnh,<sup>(19)</sup> phụng dưỡng cha mẹ. Nhờ nhân duyên ấy, họ sanh lên các cõi trời, hưởng thọ chút ít an lạc. Cũng như bọn cướp kia thêm nước vào sữa. Những phàm phu ấy thật chẳng biết rằng nhân họ có tu chút ít Phạm hạnh và nhờ phụng dưỡng cha mẹ, nên được sanh lên các cõi trời. Họ lại cũng chẳng biết giới, định, trí tuệ, quy y Tam bảo. Vì họ chẳng biết, nên họ thuyết thường, lạc, ngã, tịnh. Tuy họ thuyết những lẽ ấy nhưng thật không hiểu. Vậy nên sau khi Như Lai xuất hiện ở đời, ngài mới diễn thuyết thường, lạc, ngã, tịnh.

“Ví như khi có Chuyển luân vương ra đời, nhờ sức phước đức của người, bọn cướp liền rút lui và tan rã, những con bò khỏi mất mạng. Rồi đó, vị Chuyển luân vương đem bò mà giao phó cho một người chăn, người này có nhiều phương tiện hay, khéo léo, liền tạo ra được món đề-hồ. Nhờ đề-hồ ấy, tất cả chúng sanh không có bệnh khổ. Cũng như thế, khi đức Pháp Luân Thánh vương<sup>(20)</sup> ra đời, những kẻ phàm phu không diễn thuyết được giới, định, tuệ. Họ rút lui và tan rã như bọn cướp đã rút lui và tan rã do sức phước đức của vị Chuyển luân Thánh vương.

“Lúc ấy, Như Lai khéo thuyết những pháp thế gian và xuất thế gian. Ngài vì chúng sanh, khiến chư Bồ Tát diễn thuyết thích hợp. Hàng Đại Bồ Tát đã được món đề-hồ, lại khiến cho vô lượng vô biên chúng sanh cũng được món pháp cam lộ cao trổi hơn hết, đó là thường, lạc, ngã, tịnh của Như Lai.

“Thiện nam tử! Bởi nghĩa ấy, Như Lai là pháp thường, chẳng biến đổi, chẳng phải như những kẻ phàm phu ngu si trong thế gian gọi Phạm thiên v.v...

là pháp thường. Chỉ có Như Lai mới đáng xưng là pháp thường tồn mà thôi, ngoài ra không còn pháp [thường tồn] nào khác nữa.

“Ca-diếp! Nên biết thân Như Lai là như vậy. Ca-diếp! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân thường nên lưu tâm tu tập những chữ: ‘Phật là thường trụ’. Ca-diếp! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào tu tập hai chữ [thường trụ], nên biết rằng người ấy đã đi theo đường của ta đi và sẽ đến chỗ mà ta đã đến. Thiện nam tử! Như có ai tu tập hai chữ ấy để dứt tướng, nên biết rằng Như Lai ắt sẽ ở trước mặt người ấy thị hiện nhập Niết-bàn. Thiện nam tử! Nghĩa của Niết-bàn, tức là tánh pháp của chư Phật vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Tánh pháp của Phật ý nghĩa như thế nào? Thế Tôn! Nay con muốn biết nghĩa của tánh pháp, xin Như Lai đem lòng thương xót, thuyết rộng cho nghe.

“Bạch Thế Tôn! Nói tánh pháp tức là buông xả thân. Xả thân, tức không có món gì của mình. Nếu không có món gì của mình, làm sao còn có cái thân? Nếu thân vẫn còn, làm sao nói rằng: thân có tánh pháp? Thân có tánh pháp thì làm sao còn tồn tại được? Nay con nên hiểu nghĩa ấy như thế nào?”

Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Nay ông không nên nói rằng diệt mất là tánh pháp. Nói tánh pháp là không có sự diệt mất.

“Thiện nam tử! Ví như chư thiên ở cõi trời Vô tướng, có đủ hình sắc nhưng không có tư tưởng về hình sắc. Chớ nên hỏi rằng: ‘Chư thiên ấy hưởng sự vui vẻ khoái lạc như thế nào? Các Ngài nghĩ tưởng như thế nào? Thấy, nghe như thế nào?’

“Thiện nam tử! Cảnh giới của Như Lai, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể hiểu nổi. Thiện nam tử! Không nên nói rằng thân Như Lai là pháp diệt mất.

“Thiện nam tử! Pháp diệt mất của Như Lai là cảnh giới Phật, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể hiểu thấu. Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên xét nghĩ rằng: ‘Như Lai trụ ở đâu? Như Lai đi về đâu? Ở đâu thấy được Như Lai? Như Lai vui thích ở chốn nào?’

“Thiện nam tử! Những nghĩa như thế cũng là ngoài sự hiểu biết của các ông. Cũng như Pháp thân của chư Phật cùng đủ mọi phương tiện [của các ngài] đều không thể nghĩ bàn!

“Lại nữa, thiện nam tử! Đối với Phật, Pháp, Tăng đều nên khởi tư tưởng là thường tồn. Đối với ba pháp ấy, không nên khởi tư tưởng cho là khác nhau, là vô thường, là biến đổi. Như ai thường giữ tư tưởng cho rằng ba pháp ấy là khác biệt nhau, nên biết rằng những người ấy không thể nương theo Ba chỗ quy y trong sạch. Giới cấm mà họ thọ trì chẳng được đầy đủ. Rốt cuộc, họ không thể chứng các quả Thanh văn, Duyên giác, Bồ-đề. Nếu có thể đối với ba pháp không thể nghĩ bàn ấy tu tập tư tưởng là thường tồn, ắt sẽ có chỗ quay về nương tựa và noi theo.

“Thiện nam tử! Ví như nhân có cây mới có bóng cây. Như Lai cũng thế, bởi ngài có thường pháp nên mới có chỗ [để chúng sanh] quay về nương tựa và noi theo, không phải là vô thường. Nếu nói Như Lai là vô thường, ắt Như Lai không phải là chỗ quay về nương tựa và noi theo của chư thiên, loài người.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như trong bóng tối thì có cây mà chẳng có bóng.”

Phật dạy: “Ca-diếp! Ông không nên nói: ‘Có cây mà chẳng có bóng.’ Chẳng qua mắt thường chẳng thấy được bóng đó thôi. Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, tánh vốn thường trụ, không biến đổi. Những con mắt không có trí tuệ chẳng thấy được tánh thường trụ ấy, cũng như trong bóng tối, người ta chẳng thấy được bóng cây. Cũng vậy, khi Phật nhập diệt rồi, những kẻ phàm phu sẽ nói rằng: Như Lai là pháp vô thường.

“Nếu nói Như Lai khác với Pháp, khác với Tăng, tức không thành Ba chỗ quy y, cũng như cha mẹ các ông vốn là khác nhau, nên là vô thường!”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Từ nay con sẽ đem việc Phật, Pháp, Tăng là thường trụ giảng giải rõ cho cha mẹ đời này cho đến bảy đời trước, khiến tất cả đều kính vâng giữ theo lẽ ấy. Hay thay! Thế Tôn! Từ nay con phải học theo chỗ không thể nghĩ bàn của Như Lai, Pháp, Tăng. Đã tự mình học rồi, lại còn sẽ vì người khác mà giảng rộng nghĩa ấy. Như ai không thể tin nhận, nên biết rằng hạng người ấy theo pháp vô thường đã quá lâu. Đối với những người như thế, con sẽ vì họ [mà phá tan mọi kiến chấp sai lầm, như] sương và mưa đá [làm dập nát mọi thứ cây cỏ].”

Lúc ấy, Phật ngợi khen Bồ Tát Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Nay ông có thể khéo hộ trì Chánh pháp. Hộ trì Chánh pháp như vậy là không lừa dối người khác. Nhờ nghiệp duyên lành không lừa dối như thế, ông sẽ được trường thọ, khéo rõ biết được những việc từ đời trước.”<sup>(21)</sup>

# PHẨM THÂN KIM CANG

## Phẩm thứ nhì<sup>(22)</sup>

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Thân Như Lai là thân thường trụ, thân không thể hư hoại, thân kim cang, chẳng phải thân do sự ăn uống mà thành, chính là Pháp thân.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Con chẳng thấy được những thân mà Phật vừa nói đó. Con chỉ thấy duy có cái thân vô thường, cái thân hư hoại thành cát bụi, cái thân do ăn uống các thứ vào mà có đó thôi. Vì sao vậy? Vì Như Lai sắp nhập Niết-bàn.”

Phật dạy: “Ca-diếp! Nay ông không nên gọi thân Như Lai là không bền bỉ, phải chịu hư hoại như thân phàm phu.

“Thiện nam tử! Nay ông nên biết: thân Như Lai trải qua vô lượng ức kiếp vững bền, khó hoại, chẳng phải như thân của hàng trời người, chẳng phải là thân [chất chứa sự] sợ sệt, chẳng phải là thân do sự ăn uống các thứ vào mà tạo thành.

“Thân Như Lai thật chẳng phải thân mà là thân, chẳng sanh chẳng diệt, không có sự tu tập. Thân Như Lai là vô lượng vô biên, không có dấu vết, không thể nhận biết, nhìn thấy; rốt ráo trong sạch, không có sự dao động, không thọ nhận cũng không hành động; không chỗ trụ, không tạo tác, không có mùi vị, không hỗn tạp; chẳng phải hữu vi, chẳng phải nghiệp quả; chẳng phải hành, chẳng phải

[hành] diệt; chẳng phải tâm, chẳng phải [tâm] sở;<sup>(23)</sup> không thể nghĩ bàn. Sự thường tồn [của thân ấy] không thể nghĩ bàn, không [thuộc về ý] thức, vốn lìa khỏi tâm cũng chẳng lìa khỏi tâm.

“Tâm ấy bình đẳng, không có mà cũng có, không đến đi mà cũng đến đi, chẳng phá, chẳng hoại, chẳng đoạn, chẳng dứt, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng phải chủ mà cũng là chủ, chẳng có chẳng không, dứt bật mọi niệm tướng thô tháo hay tinh tế,<sup>(24)</sup> chẳng thuộc văn tự cũng chẳng phải không thuộc văn tự; chẳng phải định cũng chẳng phải không định; không thể thấy mà thấy rất rõ ràng minh bạch; không có nơi chốn mà cũng có nơi chốn, không có nhà mà cũng là có nhà, không tối tăm, không sáng suốt, không tịch tĩnh mà cũng là tịch tĩnh.

“Đó là không sở hữu, không thọ nhận, không bố thí, trong sạch chẳng nhiễm ô, không tranh giành, dứt bỏ sự tranh giành, trụ yên nơi không chỗ trụ, không nắm giữ, không buông rơi, không phải pháp, không phải phi pháp, chẳng phải ruộng phước cũng là ruộng phước; không cùng tận hay bất tận, lìa cả mọi sự cùng tận.

“Đó là sự trống không lìa khỏi trống không; tuy chẳng thường trụ cũng là thường trụ, chẳng phải diệt mất trong từng niệm,<sup>(25)</sup> không có bụi dơ, không thuộc văn tự, lìa cả văn tự, chẳng phải âm thanh, chẳng phải thuyết dạy, cũng chẳng phải sự tu tập; không thể cân nhắc đo lường, không duy nhất cũng không khác biệt; chẳng phải hình tượng, chẳng phải tướng trạng [mà đầy đủ] các tướng trang nghiêm; chẳng phải dừng cảm, chẳng phải sợ sệt; chẳng phải vắng lặng hay không vắng lặng; không có sự nóng nảy hay không nóng nảy; không thể nhìn thấy, không có tướng mạo!

“Như Lai không [khởi ý niệm đang] cứu độ bất cứ ai nên cứu độ được tất cả chúng sanh; không [khởi ý niệm đang] giải thoát bất cứ ai nên có thể giải thoát chúng sanh; không [khởi ý niệm đang] giúp cho bất cứ ai được tỉnh giác liễu ngộ, nên có thể khai ngộ cho chúng sanh. Vì không phân biệt, chia chẻ nên thuyết pháp đúng lý chân thật duy nhất. Vì là bậc Vô thượng<sup>(26)</sup> nên không thể xét lường; đồng như hư không chẳng có hình mạo; đồng với tánh vô sanh, không [nằm trong ý nghĩa] đoạn dứt hay thường còn; thường làm theo một thừa duy nhất,<sup>(27)</sup> [chỉ do] chúng sanh thấy có Ba thừa;<sup>(28)</sup> không có sự thối chuyển, dứt sạch mọi sự trói buộc; không đối nghịch, không xúc chạm; chẳng phải tánh trụ nơi tánh; không có những sự hợp tan, dài ngắn, vuông tròn... không phải các ấm, nhập, giới mà [thị hiện] là các ấm, nhập, giới;<sup>(29)</sup> không tăng thêm, không giảm bớt; không có sự hơn kém.

“Thân Như Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy, không ai biết được mà không ai là không biết; không ai thấy được mà không ai là không thấy; chẳng phải hữu vi, chẳng phải vô vi; chẳng phải thế gian, chẳng phải ngoài thế gian; chẳng phải tạo tác, chẳng phải không tạo tác; chẳng phải chỗ nương theo hay không nương theo; chẳng phải bốn đại, chẳng ngoài bốn đại; chẳng phải [do] nhân [tạo thành], cũng chẳng phải không [do] nhân [tạo thành]; chẳng phải chúng sanh, chẳng ngoài chúng sanh; chẳng phải sa-môn, chẳng phải bà-la-môn.

“[Thân] ấy là sư tử, đại sư tử;<sup>(30)</sup> là chẳng phải thân, chẳng phải không thân; là không thể tuyên thuyết, trừ ra một tướng của pháp; là không thể tính đếm, khi nhập Niết-bàn cũng chẳng phải nhập Niết-bàn.

“Pháp thân Như Lai thành tựu vô lượng công đức vi diệu như vậy!

“Ca-diếp! Chỉ có Như Lai mới biết được tướng ấy, hàng Thanh văn, Duyên giác không thể biết được.

“Ca-diếp! Công đức như vậy tạo thành thân Như Lai, chẳng phải là cái thân nuôi lớn bởi sự ăn uống các thứ.

“Ca-diếp! Thân chân thật của Như Lai có những công đức như vậy, làm sao có thể có những sự bệnh khổ, suy yếu, mong manh không bền chắc như món đồ gốm chưa nung?

“Này Ca-diếp! Sở dĩ Như Lai thị hiện có bệnh khổ, chỉ là vì muốn điều phục chúng sanh.

“Thiện nam tử! Nay ông nên biết, thân Như Lai chính là thân kim cang. Từ nay ông nên thường chuyên tâm suy xét nghĩa ấy, đừng nghĩ đến cái thân do sự ăn uống [tạo thành]. Ông cũng phải vì người khác mà giảng thuyết rằng thân Như Lai chính là Pháp thân.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai thành tựu công đức như vậy, làm sao thân ngài có thể bị những sự bệnh khổ, vô thường phá hoại? Từ nay con sẽ thường suy xét rằng thân Như Lai là pháp thân thường tồn, là thân an lạc. Con cũng sẽ vì người khác mà giảng rộng nghĩa này.

“Kính bạch Thế Tôn! Pháp thân Như Lai như kim cang chẳng hề hư hoại, nhưng con chưa biết nhờ nhân duyên gì có được thân ấy?”

Phật dạy: “Ca-diếp! Do nhân duyên hộ trì Chánh pháp mới được thành tựu thân kim cang như vậy!



“Ca-diếp! Thuở xưa, ta nhờ nhân duyên hộ trì Chánh pháp mà nay thành tựu thân kim cang này, thường trụ chẳng hề hư hoại.

“Thiện nam tử! Người hộ trì Chánh pháp chẳng thọ trì Năm giới, chẳng tu chĩnh oai nghi, [?]<sup>(31)</sup> cầm đao kiếm, cung tên, mâu sóc... mà đi theo che chở, bảo vệ cho vị tỳ-kheo trong sạch giữ gìn giới hạnh.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như có vị tỳ-kheo lìa khỏi những người che chở bảo vệ, riêng ở chỗ vắng vẻ, nơi cội cây trong vùng tha ma hoang địa, nên xưng rằng đó là tỳ-kheo chân chính. Còn như người tu hành mà có người khác luôn đi theo để che chở bảo vệ thì nên biết rằng đó chỉ là hạng cư sĩ trợ cầu mà thôi!”

Phật bảo Ca-diếp: “Không được nói rằng đó là hạng cư sĩ trợ cầu! Như có vị tỳ-kheo dù đến ở nơi đâu cũng chỉ nuôi thân vừa đủ, rồi lo đọc tụng kinh điển, suy gẫm, ngồi thiền. Như có ai đến hỏi pháp, liền giảng thuyết cho nghe, như giảng về phước đức của việc bố thí và việc trì giới, biết đủ, ít ham muốn... Tuy có thể giảng thuyết đủ các pháp như vậy, nhưng không đủ sức làm hạnh sư tử hống, không được các sư tử hầu quanh, không đủ sức hàng phục những kẻ ác phi pháp. Vị tỳ-kheo như vậy không thể làm lợi ích cho mình và lợi ích cho chúng sanh. Nên biết rằng đó là hạng người nhát gan, lười biếng. Tuy có thể trì giới, giữ hạnh trong sạch, nhưng nên biết rằng người ấy không làm nên việc gì.

“Như có vị tỳ-kheo, nuôi thân đầy đủ hoặc thường được sung túc, lại có thể hộ trì những giới cấm mà mình đã thọ, đủ sức làm hạnh sư tử hống, thuyết rộng diệu pháp, như chín bộ kinh điển là: Tu-đa-la, Kỳ-dạ, Thọ

ký, Già-đà, Ưu-đà-na, Y-đế-mục-đa-già, Xà-đà-già, Tỳ-phật-lược, A-phù-đà-đạt-ma.<sup>(32)</sup> Vị ấy vì người khác mà giảng rộng những kinh điển như vậy để làm lợi ích, an lạc cho chúng sanh. Vị ấy lại lớn tiếng tuyên thuyết rằng: ‘Trong kinh Niết-bàn ngăn cấm các tỳ-kheo không được nuôi dưỡng tôi tớ, bò, dê... cùng chứa trữ những vật không đúng Chánh pháp. Như tỳ-kheo nào chứa trữ những vật bất tịnh như vậy thì phải nghiêm trị.’

“Trước đó, trong các bộ kinh khác Như Lai cũng có dạy rằng: Như có tỳ-kheo nào chứa trữ những vật phi pháp như vậy thì quốc vương nên y theo pháp mà nghiêm trị, buộc phải hoàn tục.’

“Như vị tỳ-kheo trong khi đứng mãnh tuyên thuyết Chánh pháp như vậy, lại có những kẻ phá giới nghe được, cùng nhau oán hận, hãm hại pháp sư ấy. Vị pháp sư thuyết pháp ấy ví như có bị hại chết, cũng được xưng là bậc trì giới, làm lợi mình lợi người. Vì nhân duyên ấy, ta cho phép các vị quốc chủ, quân thần, tể tướng, các vị cư sĩ Theo bảo vệ người thuyết pháp. Như ai muốn hộ trì Chánh pháp, nên học theo cách đó.

“Này Ca-diếp! Những kẻ [làm tỳ-kheo mà] phá giới, không hộ trì Chánh pháp mới đáng gọi là cư sĩ trợ cầu. Không được dùng cách ấy mà gọi người trì giới.

“Thiện nam tử! Trong quá khứ cách đây vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp, ở tại thành Câu-thi-na này, có Phật ra đời hiệu là Hoan Hỷ Tăng Ích, Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

“Thuở ấy, cảnh giới của đức Phật này rộng lớn, trang nghiêm, thanh tịnh, dồi dào, an lạc. Nhân dân phần thanh, không hề bị nạn đói khát, đều giống như các vị Bồ Tát ở cõi nước An Lạc. Đức Phật ấy trụ thế giáo hóa chúng sanh đến vô lượng kiếp. Sau cùng, ngài đến rừng cây sa-la có hai cây sa-la mọc sòng đôi mà nhập Niết-bàn.

“Sau khi Phật nhập Niết-bàn, Chánh pháp trụ ở thế gian vô lượng ức năm. Rồi đến khoảng hơn bốn mươi năm trước khi Chánh pháp diệt, có một vị tỳ-kheo trì giới tên là Giác Đức. Vị này có nhiều đồ đệ theo hầu chung quanh, có khả năng tuyên dương Chánh pháp, giảng rộng được 9 bộ kinh điển, nghiêm cấm các tỳ-kheo không được nuôi dưỡng tôi tớ, bò, dê... cùng chứa trữ tài vật không đúng theo giới luật.

“Khi ấy, có nhiều tỳ-kheo phá giới nghe ngài tuyên thuyết như vậy, thấy đều sanh lòng ác. Họ cầm dao, xách gậy, kéo nhau đến bức bách vị pháp sư chân chính ấy.

“Bấy giờ, vị vua trong nước tên là Hữu Đức nghe biết việc ấy, vì lòng ủng hộ Chánh pháp liền ngự đến chỗ pháp sư, chiến đấu mãnh liệt chống lại những tỳ-kheo độc ác phá giới kia để bảo vệ pháp sư khỏi sự nguy hại.

“Khi ấy, thân vua phải chịu nhiều thương tích, khắp người không còn một chỗ nào lành lặn, dù là nhỏ như hạt cải.

“Tỳ-kheo Giác Đức khi ấy khen ngợi đức vua rằng: ‘Lành thay! Lành thay! Vua quả thật là người hộ trì Chánh pháp. Đời sau thân vua ắt sẽ trở thành vô lượng pháp khí.’

“Bấy giờ, vua được nghe thuyết pháp xong, lòng rất hoan hỷ, trút hơi từ bỏ cõi trần, liền sanh về nước Phật A-súc,<sup>(33)</sup> làm đệ tử bậc nhất của đức Phật ấy. Những nhân dân và quyến thuộc theo vua, hoặc có công chiến đấu hay có lòng tùy hỷ, tất cả đều được tâm Bồ-đề không thối chuyển, khi mạng chung đều được sanh về nước Phật A-súc.

“Tỳ-kheo Giác Đức sau khi mạng chung cũng được sanh về nước Phật A-súc, làm đệ tử thứ nhì trong chúng Thanh văn của đức Phật ấy.<sup>(34)</sup>

“Như vào lúc Chánh pháp sắp diệt tận, nên thọ trì và ủng hộ như vậy đó.

“Ca-diếp! Vị vua thuở ấy, tức là ta đây. Vị tỳ-kheo thuyết pháp chính là Phật Ca-diếp.<sup>(35)</sup>

“Ca-diếp! Người ủng hộ Chánh pháp được vô lượng quả báo như vậy đó. Nhờ nhân duyên ấy, nay ta được đủ các tướng tốt trang nghiêm, thành tựu Pháp thân, được thân không hư hoại.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Thân Như Lai [chân thật] thường trụ, [không phải pháp hoại diệt, lòng con đã tin chắc điều đó] như khắc sâu vào đá.”<sup>(36)</sup>

Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Bởi nhân duyên ấy, các hàng tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, nam nữ cư sĩ đều nên gắng sức hộ trì Chánh pháp. Quả báo của việc hộ trì Chánh pháp là rộng lớn khôn lường!

“Thiện nam tử! Vì vậy nên những người cư sĩ nam hộ pháp nên cầm dao, gậy mà bảo vệ, che chở vị tỳ-kheo giữ Chánh pháp. Như có những ai thọ trì Năm giới, cũng chưa được gọi là người Đại thừa. Dù chẳng

thọ Năm giới, nhưng có công hộ trì Chánh pháp, có thể gọi là Đại thừa. Người hộ trì Chánh pháp nên cầm đao kiếm, gậy gộc, khí giới mà hầu bên người thuyết pháp.”

Ca-diếp bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Như những tỳ-kheo làm bạn với những nam cư sĩ cầm đao gậy ấy, đó là có thầy dạy hay không có thầy dạy? Đó là trì giới hay phá giới?”

Phật dạy Ca-diếp: “Chớ nên bảo họ là những người phá giới.

“Thiện nam tử! Sau khi ta nhập Niết-bàn, đến đời trước ác, đất nước loạn lạc, người ta sẽ cướp giết lẫn nhau, nhân dân phải đói khổ. Khi ấy, sẽ có nhiều người vì đói khổ mà phát tâm xuất gia. Những người như vậy gọi là người [thế tục] trọc đầu, [chẳng phải tỳ-kheo]. Bọn trọc đầu ấy, nếu thấy các bậc tỳ-kheo trong sạch, giữ gìn giới luật, đầy đủ oai nghi, hộ trì Chánh pháp, họ liền xua đuổi hoặc giết hại.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Người trì giới, hộ trì Chánh pháp, làm sao có thể đi vào những nơi làng xóm, thành ấp để giáo hóa?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Vì vậy nên nay ta cho phép người trì giới [trong thời loạn lạc nhiều như ở đây] được nương cậy vào hàng cư sĩ cầm đao gậy, làm bạn với họ. Như có những quốc vương, đại thần, trưởng giả, nam cư sĩ lo việc hộ trì Chánh pháp, tuy cầm đao gậy nhưng ta cũng nói rằng những người ấy là bậc trì giới. Tuy cầm đao gậy nhưng chẳng [có tâm] giết hại. Nếu ai có thể làm như vậy thì được gọi là người trì giới bậc nhất.

“Ca-diếp! Người hộ pháp, nghĩa là người có đủ chánh kiến, đủ sức giảng rộng kinh điển Đại thừa, rốt cùng

cũng chẳng cầm nắm lọng báu của vua, bình dầu, gạo thóc, các loại trái cây... chẳng vì chỗ lợi dưỡng mà gần gũi, thân mật với quốc vương, đại thần, trưởng giả; đối với những kẻ tín thí, giữ lòng ngay thẳng không dua nịnh; đầy đủ oai nghi, khuất phục những kẻ phá giới và những kẻ xấu ác. Đó gọi là bậc thầy trì giới và hộ pháp, có thể làm thiện tri thức chân thật của chúng sanh. Người như vậy có tấm lòng sâu rộng như biển cả.

“Ca-diếp! Như có tỳ-kheo nào vì lợi dưỡng mà thuyết pháp với người khác, lại có đồ chúng quyến thuộc cũng xưng là thầy, tham cầu lợi dưỡng, người như vậy tự làm hư hoại chúng tăng.

“Ca-diếp! Chúng tăng có ba hạng: một là hạng tăng tạp nạp phá giới, hai là hạng tăng ngu si và ba là hàng tăng thanh tịnh.

“Hạng tăng tạp nạp phá giới dễ bị hư hoại. Hàng tăng thanh tịnh trì giới không thể do nhân duyên lợi dưỡng mà bị phá hoại được.

“Thế nào là hạng tăng tạp nạp phá giới? Như có những tỳ-kheo tuy giữ giới cấm, nhưng vì cầu lợi dưỡng nên quan hệ đi lại, nằm ngồi thân cận với kẻ phá giới, gần gũi và nhờ cậy họ, chung cùng việc làm với họ. Đó gọi là phá giới, cũng gọi là tăng tạp nạp.

“Thế nào là tăng ngu si? Như có những tỳ-kheo ở nơi chỗ tu hành vắng lặng, căn tánh không lanh lợi, u ám, mờ mịt, sống bằng phép khát thực ít ham muốn. Trong những ngày tụng giới và trong khi tự tứ thì dạy đệ tử phải sám hối cho trong sạch, còn khi thấy những kẻ chẳng phải đệ tử mình phạm nhiều giới cấm thì chẳng

thể dạy họ sám hối cho trong sạch, lại chung cùng với họ mà tụng giới và tụng tứ. Đó gọi là tăng ngu si.

“Thế nào là hàng tăng thanh tịnh? Như có những tỳ-kheo không bị chúng ma ngăn trở làm cho hư hoại. Đó là hàng chúng tăng Bồ Tát, bản tánh thanh tịnh, có thể điều phục hai hạng tăng nói trên, khiến họ được trụ yên trong chúng tăng thanh tịnh. Đó gọi là các bậc đại sư cao trội hơn hết ủng hộ Phật pháp. Khéo giữ theo giới luật, vì muốn điều phục chúng sanh, làm lợi ích chúng sanh nên biết rõ các tướng của giới có quan trọng hoặc ít quan trọng. Nếu không thuộc về giới luật thì các vị ấy không cần chứng biết, còn như đúng là giới luật thì các vị liền chứng biết [phân biệt rõ ràng].

“Thế nào là điều phục chúng sanh, làm lợi ích cho chúng sanh? Nếu như các vị Bồ Tát vì giáo hóa chúng sanh, thường vào những nơi làng xóm thôn ấp, bất chấp thời tiết [tốt xấu], hoặc đến nhà đàn bà góa, nhà của dân nữ, ở chung với họ trong nhiều năm. Nếu là hàng Thanh văn thì không nên làm như vậy. Đó gọi là điều phục, làm lợi ích chúng sanh.

“Thế nào là rõ biết phần quan trọng của giới? Như thấy Như Lai nhân việc mà chế giới, dạy rằng: ‘Từ nay các ông đừng tái phạm.’ Như Bốn trọng cấm<sup>(37)</sup> thì người xuất gia không được phạm vào. Nếu cố phạm vào thì chẳng phải là sa-môn, chẳng phải là dòng Thích tử.<sup>(38)</sup> Đó gọi là phần quan trọng.

“Thế nào là ít quan trọng? Nếu lỡ phạm vào các điều luật nhỏ nhặt, nghe người khác can gián [từ một] đến ba lần bèn từ bỏ việc đã phạm. Đó gọi là ít quan trọng. Việc

không đúng giới luật thì không chấp nhận. Ví như có người nói rằng những vật chẳng thanh tịnh là đáng thọ dụng thì không gằn gũ chung cùng với người ấy. Việc đúng giới luật thì nên chấp nhận, thuận theo. Người khéo học giới luật chẳng gằn với kẻ phá giới; thấy ai làm theo đúng với giới luật, liền sanh lòng vui vẻ. Như vậy có thể biết được chỗ làm theo Phật pháp, có thể giảng thuyết. Đó gọi là luật sư. Như có thể giải rộng nghĩa chân thật của Đại thừa,<sup>(39)</sup> có thể khéo gìn giữ Khế kinh, cũng là như vậy.

“Thiện nam tử! Phật pháp vô lượng, không thể nghĩ bàn như vậy. Như Lai cũng thế, không thể nghĩ bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Thật vậy, thật vậy! Đúng như lời Phật dạy. Phật pháp vô lượng, không thể nghĩ bàn. Như Lai cũng thế, không thể nghĩ bàn! Vậy nên biết rằng Như Lai là thường trụ, chẳng hư hoại, chẳng biến đổi. Nay con đã học hiểu được, rồi cũng sẽ vì người khác mà giảng rộng nghĩa ấy.”

Lúc ấy, Phật ngợi khen Bồ Tát Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Thân Như Lai tức là thân kim cang chẳng hoại. Bồ Tát nên học thông suốt lẽ ấy, thấy biết chân chánh. Nếu có thể thấy biết rành rẽ như vậy, tức là thấy được thân kim cang của Phật, thân không thể hư hoại, cũng như nhìn vào tấm gương mà thấy được các màu sắc hình ảnh vậy.”

# PHẨM CÔNG ĐỨC DANH TỰ

## Phẩm thứ ba

**L**úc ấy, đức Như Lai bảo Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Nay ông nên khéo giữ lấy kinh này, công đức sẵn có trong từng câu chữ. Người thiện nam, tín nữ nào nghe được tên kinh này, không thể sanh vào trong bốn cảnh giới xấu.<sup>(40)</sup> Tại sao vậy? Vì kinh điển này là chỗ tu tập của vô lượng vô biên chư Phật. Nay ta sắp nói ra chỗ được công đức.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nên đặt tên kinh là gì? Chư Đại Bồ Tát nên cung kính giữ gìn như thế nào?”

Phật dạy Ca-diếp: “Kinh này tên là Đại Bát Niết-bàn. Đầu kinh, giữa kinh cho đến cuối kinh đều là những lời lành cả. Nghĩa lý sâu xa, văn chương hay khéo, tinh tú thuần khiết, đầy đủ Phạm hạnh thanh tịnh, là kho tàng kim cương quý báu trọn đủ không thiếu. Nay ông hãy nghe cho kỹ, ta sẽ giảng thuyết.

“Thiện nam tử! Nói là đại, nghĩa là thường, như tám con sông lớn đều đổ về nơi biển cả. Kinh này cũng vậy, hàng phục tất cả phiền não trói buộc cùng các tánh ma. Sau đó mới nhập Đại Niết-bàn, buông bỏ thân mạng. Vì vậy nên gọi kinh này là Đại Bát Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Lại như vị thầy thuốc kia, có một phương thuốc bí truyền, có thể thâm nhiếp tất cả các phương thuốc khác. Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, tất cả các pháp môn bí mật, sâu kín của diệu pháp mà

Như Lai đã thuyết đều có đủ trong Đại Bát Niết-bàn. Vì vậy nên gọi kinh này là Đại Bát Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Ví như người làm ruộng, gieo giống vào mùa xuân rồi thì bắt đầu trông đợi. Đến khi thu hoạch rồi, liền dứt hết mọi sự trông mong. Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh cũng thế, trong khi tu học các kinh, thường trông mong được sự lợi ích. Nếu như nghe được kinh Đại Bát Niết-bàn này rồi, thì lòng trông mong sự lợi ích ở các kinh khác ắt sẽ không còn. Kinh Đại Bát Niết-bàn này có thể đưa chúng sanh thoát ra khỏi dòng sanh tử lưu chuyển.

“Thiện nam tử! Ví như trong các dấu chân, dấu chân voi là lớn nhất. Kinh này cũng thế, là cao trổi nhất trong những phép tam-muội của các kinh.

“Thiện nam tử! Ví như cày ruộng, cày lúc mùa thu là tốt nhất. Kinh này cũng thế, là hơn hết trong các kinh.

“Thiện nam tử! Ví như trong các món thuốc, món đề-hồ là bậc nhất. Vì khéo trị được lòng nóng nảy và não loạn của chúng sanh, nên pháp Đại Niết-bàn này cũng là bậc nhất.

“Thiện nam tử! Ví như món sữa ngọt có đủ tám vị, kinh Đại Bát Niết-bàn cũng có đủ tám vị. Thế nào là tám? Một là thường tồn, hai là không biến đổi, ba là yên ổn, bốn là trong sạch mát mẻ, năm là chẳng già suy, sáu là chẳng diệt mất, bảy là không nhiễm ô, tám là vui thích. Đó là tám vị. Bởi có đủ tám vị, nên gọi kinh này là Đại Bát Niết-bàn.

“Chư Đại Bồ Tát nếu trụ yên nơi kinh này thì có thể thị hiện Niết-bàn ở khắp mọi nơi, cho nên gọi kinh này là Đại Bát Niết-bàn.

“Ca-diếp! Như có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn do nơi kinh Đại Bát Niết-bàn này mà đạt được Niết-bàn, thì nên học lẽ này: ‘Như Lai là thường trụ, Pháp và Tăng cũng là thường trụ.’”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Hay lạ thay đức Thế Tôn! Công đức của Như Lai thật không thể nghĩ bàn! Pháp và Tăng cũng vậy, không thể nghĩ bàn! Kinh Đại Bát Niết-bàn này cũng không thể nghĩ bàn!”

“Nếu ai tu học kinh điển này, người ấy được pháp môn cao trở nhất, có thể làm bậc lương y. Nếu ai chưa tu học kinh này, nên biết rằng đó là người tối tăm, không có mắt huệ, bị vô minh che khuất.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN BA

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì phẩm này là phẩm thứ tư, có tựa là Trường thọ (Trường thọ phẩm, đệ tứ).
2. Hai duyên ấy là: 1. Phải có đời sống lâu dài, đủ để gìn giữ và lưu truyền Chánh pháp. 2. Phải có trí tuệ lớn lao, đủ để nắm hiểu Chánh pháp và giảng giải, tuyên thuyết với tất cả chúng sanh.
3. Xin lưu ý phân biệt vị Đại Bồ Tát Ca-diếp này với Đại Ca-diếp là vị đứng đầu chúng tỳ-kheo.
4. Cứu cánh đảo bể ngạn: Bờ bên kia (bể ngạn) chỉ Niết-bàn, khi đã dứt phiền não và thành Phật. Đối nghĩa với bờ bên này (thử ngạn) tức là luân hồi, còn phiền não, là chúng sanh. Kinh Phật dùng cụm từ đảo bể ngạn (đến bờ bên kia) theo tiếng Phạn là ba-la-mật-đa (pāramitā), hay nói gọn là ba-la-mật, Hán ngữ dịch nghĩa là độ, là đưa qua, vượt qua, có nghĩa là pháp môn giúp “đưa qua bờ bên kia”, đạt đến sự giải thoát. Đó là sáu pháp ba-la-mật hay còn gọi là Lục độ (六度), bao gồm: Bố thí độ (布施度 - Sanskrit: dāna pāramitā), Trì giới độ (持戒度 - Sanskrit: śīla pāramitā), Nhẫn nhục độ (忍辱度 - Sanskrit: kṣānti pāramitā), Tinh tấn độ (精進度 - Sanskrit: vīrya pāramitā), Thiền định độ (禪定度 - Sanskrit: dhyāna pāramitā) và Trí tuệ độ (智慧度 - Sanskrit: prajñā pāramitā).
5. Y chỉ (依止): Y (依) là nương dựa, chỉ (止) là dừng lại, ở yên. Y chỉ là chỗ để cho người ta nương dựa và dừng yên ở đó, tức là bậc có đủ phước đức và trí tuệ, đủ sức dìu dắt người khác, như Phật là bậc Y chỉ của tất cả chúng sanh.
6. Thiên ý thụ: cây thiên ý, một loại cây hiện theo chư thiên, do công đức mà ứng hiện. Mỗi khi chư thiên đi đến đâu thì đều tùy ý hiện theo, lại muốn cầu điều gì cũng được toại ý, nên gọi là cây thiên ý. (Huệ Lâm âm nghĩa, quyển 25) Người quy y Tam bảo, xem Tam bảo cũng như cây thiên ý của mình, dù đi đến đâu cũng đều được cây ấy che chở. Hơn nữa, nương theo Tam bảo thì được sự lợi lạc, an vui, nên có thể gọi là cầu điều gì cũng được toại nguyện.
7. Trăng non đầu tháng mỗi ngày đều lớn dần, tròn đầy hơn đêm trước, cho đến khi tròn đầy hoàn toàn vào giữa tháng. Đây ví sự tăng trưởng đều đặn của người thuyết giảng Chánh pháp, mỗi ngày một lớn mạnh hơn.
8. Lương túc tôn: Bậc đáng tôn kính có đủ phước đức và trí tuệ. Đây là một trong các danh xưng, tôn hiệu của Phật.
9. Các ấm (chư ấm): Bao gồm năm ấm là: 1. Sắc (色 - Sanskrit: rūpa), 2. Thọ (受 - Sanskrit: vedanā), 3. Tưởng (想 - Sanskrit: saṃjñā, Pali: saññā), 4. Hành (行 - Sanskrit: Saṃskāra, Pali: saṅkhāra), 5. Thức (識 - Sanskrit: vijñāna, Pali: viññāṇa). Năm ấm cũng được gọi là Năm uẩn (Ngũ uẩn - 五蘊).

10. Phương đẳng (方等), chỉ chung các kinh điển Đại thừa. Phương (方): hay phương quảng, nghĩa là vuông vức và rộng rãi, chứa đủ các pháp, từ nhỏ tới lớn, từ thấp tới cao. Đẳng (等): Bình đẳng, như nhau. Các kinh Đại thừa do Phật thuyết đều như nhau cả, chứa đủ diệu lý, thật tướng, bất cứ ai tu hành rốt ráo theo một bộ kinh Đại thừa nào, cũng có thể thành tựu trí tuệ Phật. Vì vậy nên gọi chung là Phương đẳng.
11. Năm giới (Ngũ giới): Năm giới của người Phật tử tại gia, bao gồm: không giết hại, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu.
12. Mười điều lành (Thập thiện): 1. Không sát sanh, thường làm việc tha thứ và phóng sanh. 2. Không trộm cắp, thường tu hạnh bố thí, giúp đỡ, san sẻ với mọi người. 3. Không tà dâm, luôn giữ lòng chung thủy một vợ một chồng. 4. Không nói dối, luôn nói lời chân thật. 5. Không nói lời trau chuốt, thô tục, thường nói những lời có ý nghĩa, có ích lợi. 6. Không nói đâm thọc, gây chia rẽ, thường nói những lời tạo ra sự đoàn kết, thương yêu nhau. 7. Không nói lời độc ác, gây tổn hại, thường nói những lời ôn hòa, nhu thuận. 8. Không tham lam, luôn quán xét rằng mọi thứ của cải vật chất đều chỉ là giả tạm, không thường tồn. 9. Không sân khuể, thường tu tập hạnh từ bi, nhẫn nhục. 10. Không ngu mê, tà kiến, thường sáng suốt tu tập theo chánh kiến.
13. Tội nghịch (Nghịch tội): Tội phản nghịch. Đối với người ân, thay vì phụng kính, trở đi làm hại. Tội nghịch thường là năm thứ (ngũ nghịch tội): 1. Giết cha, 2. Giết mẹ, 3. Giết A-la-hán, 4. Phá hòa hiệp tăng, 5. Làm thân Phật chảy máu, khởi ác ý đối với sở hành của đức Như-lai. Trong Bồ Tát giới kinh có ghi chép bảy thứ tội nghịch (Thất nghịch tội): 1. Làm cho thân Phật ra máu, như, chém đánh; ném đá...; 2. Giết cha; 3. Giết mẹ; 4. Giết hòa thượng; 5. Giết A-xà-lê; 6. Phá yết ma chuyển Pháp luân tăng; 7. Giết thánh nhân.
14. Bố-tát (Sanskrit: upavasatha, Pali: uposatha) nghĩa là: đoạn diệt đều ác, tăng trưởng điều thiện. Tụng bố-tát là tụng Giới bốn Ba-la-đề-mộc-xoa (Sanskrit: prātimokṣa, Pali: pātimokkha), hay giới luật. Theo quy định thông thường là mỗi tháng hai lần, vào các ngày sóc (mồng một) và ngày vọng (ngày rằm). Tuy nhiên, một số nơi cũng quy định vào các ngày 14 và cuối tháng.
15. Nhất-xiển-đề (Sanskrit: icchantika) kẻ chẳng có lòng tin nơi Tam Bảo.
16. Phép yết-ma (羯磨) Sanskrit: Karma, dịch là Tác pháp, là hình thức phán xét tập thể, do chúng tăng nhóm họp (thường ít nhất cũng phải từ 4 vị trở lên) mà xem xét đưa ra quyết định tùy theo từng trường hợp.
17. Kinh văn ở đây chỉ nhắc sơ lược về 7 pháp yết-ma này, và tên gọi nêu ra cũng không hoàn toàn trùng khớp với các tên được dùng trong Luật bộ. Chúng tôi tham khảo các bản văn khác nhau trong Hán tạng, xin cung cấp thêm một vài ý nghĩa về các phép yết-ma này như sau: 1. Hạ trách yết-ma (訶責羯磨): vị tỳ-kheo có tội phải chịu sự quả trách công khai trước chúng tăng; 2. Khu khiển yết-ma (驅遣羯磨), cũng gọi là khu xuất yết-ma: vị tỳ-kheo có tội (thường là khi hình thức

quả trách không có tác dụng) phải chịu sự trục xuất ra khỏi nơi ở của chúng tăng; 3. Trí yết-ma (置羯磨), cũng gọi là bất ngữ yết-ma, y chỉ yết-ma, vị tỳ-kheo có tội chịu sự khu biệt và giám sát, không ai trong tăng chúng được trò chuyện với vị ấy, và trong thời gian đó phải chuyên tâm học luật, suy gẫm tự hối; 4. Cử tội yết-ma (舉罪羯磨), cũng gọi là già bất chí bạch y gia yết-ma, vị tỳ-kheo có tội bị nghiêm cấm không được đến nhà cư sĩ; 5. Bất khả kiến yết-ma (不可見羯磨), cũng gọi là bất kiến cử tội yết-ma, bất kiến tấn yết-ma, vị tỳ-kheo có tội do không tự nhận biết, không thấy nhân quả, nên phải chịu phép yết-ma này, không được sống chung trong tăng chúng; 6. Diệt yết-ma (滅羯磨), cũng gọi là diệt tấn yết-ma, bất sám tội yết-ma, vị tỳ-kheo có tội nhưng không tin rằng nghiệp ác có chiêu cảm quả báo, không sanh tâm sám hối, nên phải chịu phép yết-ma này, không được sống chung trong tăng chúng; 7. Vị xả ác kiến yết-ma (未捨惡見羯磨), cũng gọi là ác kiến bất xả yết-ma, vị tỳ-kheo có tội vì không dứt bỏ được tà kiến, tin rằng ái dục không ngăn cản sự tu đạo (thuyết dục bất chướng đạo), nên phải chịu phép yết-ma này, không được sống chung trong tăng chúng. - Bảy hình thức yết-ma này dùng để sửa trị tỳ-kheo phạm tội, được gọi chung là Thất yết ma (Kammavācā), cũng gọi là Thất chủng tác pháp hay Thất trị pháp. Bốn hình thức đầu tiên áp dụng đối với những người có sai phạm về hành vi, phải chịu sự trách phạt, kiểm chế hoặc khu biệt trong phạm vi tăng đoàn. Ba hình thức sau áp dụng với những người không đủ tín tâm, không tin theo Chánh pháp, phải chịu sự trục xuất hẳn ra khỏi tăng đoàn.

18. Thần tiên ngũ thông: Tức là những vị tiên nhân lánh mình vào núi, tu thiền định, được trường thọ và đạt được năm phép thần thông: 1. Thiên nhãn thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Túc mạng thông, 4. Tha tâm thông, 5. Thần túc thông. Tuy nhiên, Ngũ thông này không đồng với Ngũ thông của Phật và Bồ Tát.
19. Phạm hạnh (梵行, Sanskrit: brahmacarya, Pali: brahmachariya), cũng gọi là tịnh hạnh, là phép tu hành thanh tịnh của hàng xuất gia, đoạn tuyệt sự dâm dục.
20. Pháp luân Thánh vương: cũng gọi: Pháp luân vương, vị vua chuyển bánh xe Pháp, tức là Phật Như Lai. Còn vị vua trị đời, gọi là Chuyển luân vương.
21. Tri túc mạng (Pali: Pubbenivāsanussatinānā): Biết được những đời trước, cũng gọi là Túc mạng thông, là một trong Ngũ thông. Người có tri túc mạng chẳng những biết những việc đời trước của mình và của người khác, còn có thể biết các việc đời này và đời sau nữa.
22. Theo Nam bản thì đây là phẩm thứ năm (Kim cang thân phẩm, đệ ngũ).
23. Theo nguyên bản “phi tâm phi số” thì phải hiểu ở đây là tâm số (心數), nhưng tâm số cũng chính là cách dùng khác của tâm sở (心所), chỉ các tâm hành khác nhau khởi sanh trong tâm.
24. Nguyên bản dùng “vô giác vô quán”, nhưng giác quán (覺觀) chính là cách dùng cũ của tầm tứ (尋伺). Tầm chỉ các niệm tưởng thô; tứ chỉ các niệm tưởng tinh tế. Tầm vọng động chính là do tầm tứ, nên tùy theo mức độ dứt trừ được tầm tứ mà đánh giá được sự định tâm của hành giả.

25. Niệm ở đây nên được hiểu theo cả hai ý nghĩa thông thường của nó. Một là ý niệm, hai là chỉ một quãng thời gian cực ngắn (như sự sanh khởi và diệt mất của một ý niệm).
26. Nguyên bản dùng Vô đẳng đẳng, dịch từ tiếng Sanskrit là Asamasama, là một trong các tôn hiệu của Phật. Vì Phật là bậc tối cao tôn quý thế gian không ai sánh bằng nên gọi là “vô đẳng”, lại vì chư Phật mười phương ba đời đều bình đẳng như nhau nên tôn xưng là “vô đẳng đẳng”, cũng đồng với nghĩa thường dùng hơn là Vô thượng (không còn ai hơn được).
27. Một thừa duy nhất (Nhất thừa), chỉ Phật thừa, cũng gọi là Như Lai thừa.
28. Ba thừa: Thanh văn thừa, Duyên giác thừa, Bồ Tát thừa.
29. Ấm, nhập, giới: Ba thành phần cấu tạo nên sự hiện hữu của con người và của mọi chúng sanh. Ấm là Năm ấm (hay Năm uẩn): sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nhập là mười hai nhập: sáu căn nhập với sáu trần, sáu trần nhập với sáu căn. Giới là mười tám giới: sáu căn, sáu trần và sáu thức.
30. Theo bản khắc gỗ đời Minh thì câu này phải dịch là: “Thân ấy là sư tử mà chẳng phải sư tử” (Thị sư tử phi sư tử).
31. Câu này dịch sát theo bản Hán văn “護持正法者, 不受五戒, 不修威儀。 Hộ trì Chánh pháp giả, bất thọ ngũ giới, bất tu oai nghi”. Nhưng chúng tôi xét thấy ý nghĩa có phần không rõ ràng, hơi khó hiểu. Tham khảo trong kinh Đại Bát Nê-hoàn, ở phần tương đương với câu này thì thấy ngài Pháp Hiển dịch như sau: “其護法者, 非為五戒亦非習行賢者律儀。於惡世中不惜身命, 執持利器防護法師諸持戒者, 是為護法。 - Kỳ hộ pháp giả, phi vi ngũ giới, diệc phi tập hành hiền giả luật nghi. Ư ác thế trung bất tích thân mạng, chấp trì lợi khí phòng hộ pháp sư, chư trì giới giả, thị vi hộ pháp.” Ý kinh trong câu này dịch ra như sau: “Người hộ pháp không chỉ là kẻ thọ trì Năm giới, cũng không chỉ là học làm theo những oai nghi của bậc hiền giả. Nếu trong đời xấu ác, không tiếc thân mạng, cầm khí giới đi theo bảo vệ các vị pháp sư, những người trì giới, đó mới gọi là hộ pháp.” So sánh hai bản thì thấy câu này trong kinh Đại Bát Nê-hoàn thật rõ nghĩa hơn. So sánh thêm đoạn đầu tiên ở trang 309 trong tập này.
32. Chín bộ kinh: 1. Tu-đa-la (sūtra), dịch nghĩa là Khế kinh. 2. Kỳ-dạ (geya) dịch nghĩa là Ứng tụng, hay Trùng tụng, 3. Hòa-ca-la-na (vyākaraṇa), cũng đọc là Hoa-già-la-na, dịch nghĩa là Thọ ký. 4. Già-dà (gāthā), dịch nghĩa là Phúng tụng, Cô khởi tụng. 5. Ưu-đà-na (udāna), dịch nghĩa là Tự thuyết. 6. Y-đế-mục-đa-già (itivr̥ttaka) dịch nghĩa là Bốn sự. 7. Xà-đà-già (jātaka), dịch nghĩa là Bốn sanh. 8. Tỳ-phật-lược (vaipulya), dịch nghĩa là Phương quảng. 9. A-phù-đà-đạt-ma (addhutadharma), dịch nghĩa là Vị tăng hữu. Đây là 9 bộ trong tổng số 12 bộ kinh do Phật thuyết dạy. Tuy nhiên, sự phân loại này mang tính tổng quát về nội dung, không phải dựa theo số lượng.

33. Phật A-súc (阿闍佛 - Sanskrit: Akobhya Buddha), tức là Phật Bất Động, cũng dịch là Phật Vô Động, được xem là cõi tịnh độ phương Đông, như cõi Phật A-di-đà là tịnh độ phương Tây. Xem thêm phẩm Phật A-súc trong kinh Duy-ma-cật.
34. Theo kinh Đại Bát Nê-hoàn, bản Hán dịch của ngài Pháp Hiển, thì tỳ-kheo Giác Đức (Phật-độ-đạt-đa - 佛度達多) sanh về làm đệ tử bậc nhất của Phật A-súc; vị quốc vương hộ pháp Hữu Đức (Bà-già-đạt-đa - 婆伽達多) làm đệ tử đứng hàng thứ nhì.
35. Phật Ca-diếp (Kayapa), tức là vị Phật thứ ba trong Hiền kiếp, ra đời sau Phật Câu-na-hàm Mâu-ni (Kanakamouni) và ngay trước Phật Thích-ca Mâu-ni.
36. Câu này nếu dịch sát theo bản Hán văn sẽ có phần khiên cưỡng, khó hiểu. Hòa thượng Trí Tịnh cũng dịch là: “Thân chơn thường của Như Lai cũng như khắc chạm vào đá.” Chúng tôi tham khảo kinh Đại Bát Nê-hoàn, bản Hán dịch của ngài Pháp Hiển thì thấy câu nói này của ngài Ca-diếp được ghi lại là: “如來法身真實常住, 非磨滅法, 我意諦信猶如畫石。” (Như Lai pháp thân chân thật thường trụ, phi ma diệt pháp, ngã ý đế tín do như hoạch thạch.) Nghĩa là: “Pháp thân Như Lai chân thật thường trụ, không phải pháp hoại diệt, lòng con đã tin chắc điều đó như khắc sâu vào đá.” Ý nghĩa câu này rõ ràng hơn rất nhiều. Theo đây mà suy đoán thì có lẽ bản dịch của ngài Đàm-vô-sấm vì một lý do nào đó đã mất đi mấy chữ, tương đương với 8 chữ Hán được chúng tôi gạch chân trong câu trên. Do vậy, chúng tôi thêm vào các chữ trong ngoặc vuông để làm rõ ý kinh.
37. Bốn giới cấm hệ trọng: Người xuất gia phạm một trong bốn cấm giới này thì không còn được đứng vào hàng tỳ-kheo, sa-môn nữa. Bốn giới cấm đó là: 1. Sát giới (Không được giết người). 2. Đạo giới (Không được trộm cắp). 3. Dâm giới (Không được phạm vào sự dâm dục) 4. Vọng ngữ giới (Không được nói dối rằng mình đã chứng thánh quả).
38. Đức Phật vốn dòng họ Thích-ca, hàng đệ tử sau này đều lấy tên trong đạo theo họ Thích, gọi là Thích tử. Vậy nên Thích tử có nghĩa là đệ tử Phật.
39. Nguyên bản dùng “nhất tự”, để ví với nghĩa lý rốt ráo chân thật của Đại thừa, khác với “bán tự” để chỉ giáo pháp quyền biến phương tiện thuộc Ba thừa.
40. Bốn cảnh giới xấu (Tứ thú hay Tứ ác thú): chỉ các cảnh giới địa ngục, nga quỷ, súc sanh và a-tu-la. Loài a-tu-la tuy cũng được hưởng phước gần giống như chư thiên nhưng họ mang tâm sân hận, thường gây gỗ đánh nhau nên ở đây cũng xem là một cảnh giới xấu.



# 大般涅槃經

## 卷第四如來性品第四之一

佛復告迦葉。善男子。菩薩摩訶薩分別開示大般涅槃。有四相義。何等為四。一者自正。二者正他。三者能隨問答。四者善解因緣義。

云何自正。若佛如來見諸因緣而有所說。譬如比丘見大火聚便作是言。我寧抱是熾燃火聚。終不敢於如來所說十二部經及祕密藏。謗言此經是波旬所說。若言如來法僧無常。如是說者為自侵欺。亦欺於人。寧以利刀自斷其舌。終不說言。如來法僧是無常也。若聞他說亦不信受。於此說者應生憐愍。如來法僧不可思議。應如是持。自觀己身猶如火聚。是名自正。

云何正他。佛說法時。有一女人乳養嬰兒。來詣佛所稽首佛足。有所顧念。心自思惟。便坐一面。爾時世尊知而故問。汝以愛念多含兒酥。不知籌量消與不消。爾時女人即白佛言。甚奇世尊。善能知我心中所念。唯願如來教我多少。世尊。我於今朝多與兒酥。恐不能消將無天壽。唯願如來為我

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ TƯ - NHƯ LAI TÁNH PHẨM - *Đệ tứ chi nhất*

Phật phục cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Bồ Tát ma-ha-tát, phân biệt khai thị Đại Bát Niết-bàn, hữu tứ tướng nghĩa. Hà đẳng vi tứ? Nhất giả tự chánh, nhị giả chánh tha, tam giả năng tùy vấn đáp, tứ giả thiện giải nhân duyên nghĩa.

Vân hà tự chánh? Nhược Phật Như Lai, kiến chư nhân duyên, nhi hữu sở thuyết. Thí như tỳ-kheo, kiến đại hỏa tụ, tiện tác thị ngôn: Ngã ninh bảo thị xí nhiên hỏa tụ, chung bất cảm ư Như Lai sở. Thuyết thập nhị bộ kinh cập bí mật tạng, báng ngôn: thủ kinh thị Ba-tuần sở thuyết. Nhược ngôn: Như Lai, Pháp, Tăng vô thường. Như thị thuyết giả, vi tự xâm khi, diệc khi ư nhân. Ninh dĩ lợi đao tự đoạn kỳ thiệt, chung bất thuyết ngôn: Như Lai, Pháp, Tăng thị vô thường dã. Nhược văn tha thuyết, diệc bất tín thọ. Ư thủ thuyết giả, ưng sanh lân mẫn. Như Lai, Pháp, Tăng bất khả tư nghị. Ưng như thị trì. Tự quán kỹ thân do như hỏa tụ. Thị danh tự chánh.

Vân hà chánh tha? Phật thuyết pháp thời, hữu nhất nữ nhân, nữ dưỡng anh nhi, lai nghệ Phật sở, khổ thủ Phật túc, hữu sở cố niệm, tâm tự tư duy, tiện tọa nhất diện. Nhĩ thời, Thế Tôn tri nhi cố vấn: “Nhữ dĩ ái niệm, đa hàm nhi tô, bất tri trừ lượng, tiêu dĩ bất tiêu.” Nhĩ thời, nữ nhân tức bạch Phật ngôn: “Thậm kỳ, Thế Tôn! Thiện năng tri ngã tâm trung sở niệm. Duy nguyện Như Lai giáo ngã đa thiểu. Thế Tôn! Ngã ư kim triều, đa dĩ nhi tô, khủng bất năng tiêu, tương vô yếu thọ? Duy nguyện Như Lai, vị ngã giải thuyết.” Phật ngôn:

解說。佛言。汝兒所食尋即消化增益壽命。女人聞已心大踊躍。復作是言。如來實說故我歡喜。世尊。如是為欲調伏諸衆生故。善能分別說消不消。亦說諸法無我無常。若佛世尊先說常者。受化之徒當言此法與外道同即便捨去。

復告女人。若兒長大能自行來。凡所食噉能消難消。本所與酥則不供足。我之所有聲聞弟子亦復如是。如汝嬰兒。不能消是常住之法。是故我先說苦無常。若我聲聞諸弟子等。功德已備堪任修習大乘經典。我於是經為說六味。云何六味。說苦醋味無常鹹味無我苦味樂如甜味我如辛味常如淡味。彼世間中有三種味。所謂無常無我無樂。煩惱為薪智慧為火。以是因緣成涅槃飯。謂常樂我。令諸弟子悉皆甘嗜。

復告女人。汝若有緣欲至他處。應驅惡子令出其舍。悉以寶藏付示善子。女人白佛。實如聖教。珍寶之藏應示善子。不示惡子。

姊。我亦如是。般涅槃時。如來微密無上法藏。不與聲聞諸弟子等。如汝寶藏不示惡子。要當付囑諸菩薩等。如汝寶藏委付善子。何以故。聲聞弟子生變異想謂佛如來真實滅度。然我真實不滅度

“Nhữ nhi sở thực, tầm tức tiêu hóa, tăng ích thọ mạng.” Nữ nhân văn dĩ, tâm đại dũng dục, phục tác thị ngôn: “Như Lai thật thuyết, cố ngã hoan hỷ. Thế Tôn như thị, vị dục điều phục chư chúng sanh cố, thiện năng phân biệt thuyết tiêu, bất tiêu, diệt thuyết chư pháp vô ngã, vô thường. Nhược Phật Thế Tôn tiên thuyết thường giả, thọ hóa chi đồ đương ngôn: Thủ pháp dữ ngoại đạo đồng.” Túc tiện xả khứ.

Phục cáo nữ nhân: “Nhược nhi trưởng đại, năng tự hành lai, phàm sở thực hám, năng tiêu nan tiêu, bốn sở dĩ tô, tác bất cung túc. Ngã chi sở hữu Thanh văn đệ tử, diệt phục như thị, như nữ anh nhi, bất năng tiêu thị thường trụ chi pháp. Thị cố ngã tiên thuyết khổ, vô thường. Nhược ngã Thanh văn, chư đệ tử đẳng, công đức dĩ bị, kham nhiệm tu tập Đại thừa kinh điển, ngã ư thị kinh, vị thuyết lục vị. Vân hà lục vị? Thuyết khổ: thố vị, vô thường: hàm vị, vô ngã: khổ vị, lạc như điềm vị, ngã như tân vị, thường như đạm vị. Bỉ thế gian trung, hữu tam chủng vị, sở vị: vô thường, vô ngã, vô lạc. Phiên nào vi tân, trí tuệ vi hỏa, dĩ thị nhân duyên, thành Niết-bàn phạn. Vị thường, lạc, ngã, linh chư đệ tử, tất giai cam thị.”

Phục cáo nữ nhân: “Nhữ nhược hữu duyên, dục chí tha xứ, ưng khu ác tử, linh xuất kỳ xá, tất dĩ bảo tạng, phó thị thiện tử?” Nữ nhân bạch Phật: “Thật như Thánh giáo, trân bảo chi tạng, ưng thị thiện tử, bất thị ác tử.”

Tỷ! Ngã diệt như thị. Bát Niết-bàn thời, Như Lai vi mật vô thượng pháp tạng, bất dĩ Thanh văn chư đệ tử đẳng, như nữ bảo tạng, bất thị ác tử, yếu đương phó chúc chư Bồ Tát đẳng, như nữ bảo tạng, ủy phó thiện tử. Hà dĩ cố? Thanh văn đệ tử sanh biến dị tưởng, vị Phật Như Lai chân thật diệt độ. Nhiên ngã chân thật, bất diệt độ dã. Như nữ viễn hành, vị hoàn

也。如汝遠行未還之頃汝之惡子便言汝死。汝實不死。諸菩薩等說言如來常不變易。如汝善子不言汝死。以是義故。我以無上祕密之藏付諸菩薩。

善男子。若有衆生謂佛常住不變異者。當知是家則為有佛。是名正他。

云何能隨問答者。若有人來問佛世尊。我當云何不捨錢財。而得名為大施檀越。

佛言。若有沙門婆羅門等。少欲知足不受不畜不淨物者。當施其人奴婢僕使。修梵行者施與女人斷酒肉者施以酒肉。不過中食施過中食。不著花香施以花香。如是施者施名流布。遍至他方。財寶之費不失毫釐。是則名為能隨問答。

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。食肉之人不應施肉。何以故。我見不食肉者有大功德。

佛讚迦葉。善哉善哉。汝今乃能善知我意。護法菩薩應當如是。

善男子。從今日始不聽聲聞弟子食肉。若受檀越信施之時。應觀是食如子肉想。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。云何如來不聽食肉。

善男子。夫食肉者斷大慈種。

chi khoảnh, nữ chi ác tử, tiện ngôn nữ tử. Nữ thật bất tử. Chư Bồ Tát đặng thuyết ngôn: Như Lai thường bất biến dị. Như nữ thiện tử bất ngôn nữ tử. Dĩ thị nghĩa cố, ngã dĩ vô thượng bí mật chi tạng, phó chư Bồ Tát.

Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh vị Phật thường trụ, bất biến dị giả, đương tri thị gia tắc vi hữu Phật. Thị danh chánh tha.

Vân hà năng tùy vấn đáp giả? Nhược hữu nhân lai, vấn Phật Thế Tôn: “Ngã đương vân hà, bất xả tiền tài, nhi đắc danh vi đại thí đàn-việt?”

Phật ngôn: “Nhược hữu sa-môn, bà-la-môn đặng, thiếu dục tri túc, bất thọ, bất súc bất tịnh vật giả, đương thí kỳ nhân nô tỳ, bộc sử. Tu Phạm hạnh giả, thí dĩ nữ nhân. Đoạn tử nhục giả, thí dĩ tửu nhục. Bất quá trung thực, thí quá trung thực. Bất trước hoa hương, thí dĩ hoa hương. Như thị thí giả, thí danh lưu bố, biến chí tha phương, tài bảo chi phí, bất thất hào ly.” Thị tắc danh vi năng tùy vấn đáp.

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thực nhục chi nhân, bất ưng thí nhục. Hà dĩ cố? Ngã kiến bất thực nhục giả hữu đại công đức.

Phật tán Ca-diếp: Thiện tai, thiện tai! Nữ kim nãi năng thiện tri ngã ý. Hộ Pháp Bồ Tát ưng đương như thị.

Thiện nam tử! Tùng kim nhật thủy, bất thính Thanh văn đệ tử thực nhục. Nhược thọ đàn-việt tín thí chi thời, ưng quán thị thực như tử nhục tướng.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Vân hà Như Lai bất thính thực nhục?

Thiện nam tử! Phù thực nhục giả, đoạn đại từ chủng.

迦葉又言。如來何故。先聽比丘食三種淨肉。

迦葉。是三種淨肉隨事漸制。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。何因緣故。十種不淨乃至九種清淨而復不聽。

佛告迦葉。亦是因事漸次而制當知即是現斷肉義。

迦葉菩薩復白佛言。云何如來。稱讚魚肉為美食耶。

善男子。我亦不說魚肉之屬為美食也。我說甘蔗，粳米，石蜜，一切穀麥及黑石蜜，乳，酪，酥，油，以為美食。雖說應畜種種衣服，所應畜者，要是壞色。何況貪著是魚肉味。

迦葉復言。如來若制不食肉者。彼五種味乳酪，酪漿，生酥，熟酥，胡麻油等，及諸衣服，憍奢耶衣，珂貝，皮革，金銀，盂器，如是等物亦不應受。

善男子。不應同彼尼乾所見。如來所制一切禁戒各有異意。異意故聽食三種淨肉。異想故斷十種肉。異想故一切悉斷。及自死者。

迦葉。我從今日制諸弟子。不得復食一切肉也。

迦葉。其食肉者。若行若住若坐若臥。一切衆

Ca-diếp hựu ngôn: Như Lai hà cố, tiên thính tỳ-kheo thực tam chủng tịnh nhục?

Ca-diếp! Thị tam chủng tịnh nhục, tùy sự tiệm chế.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Hà nhân duyên cố, thập chủng bất tịnh, nãi chí cứu chủng thanh tịnh, nhi phục bất thính?

Phật cáo Ca-diếp: Diệc thị nhân sự, tiệm thứ nhi chế. Đương tri túc thị hiện đoạn nhục nghĩa.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Vân hà Như Lai xưng tán ngư nhục, vi mỹ tự da?

Thiện nam tử! Ngã diệc bất thuyết ngư nhục chi thuộc, vi mỹ tự dã. Ngã thuyết cam giá, canh mẽ, thạch mật, nhất thiết cóc mạch cập hắc thạch mật, nhũ, lạc, tô, du dĩ vi mỹ tự. Tuy thuyết ưng súc chủng chủng y phục, sở ưng súc giá, yếu thị hoại sắc. Hà hướng tham trước thị ngư nhục vị?

Ca-diếp phục ngôn: Như Lai nhược chế bất thực nhục giả, bỉ ngũ chủng vị: nhũ lạc, lạc tương, sanh tô, thực tô, hồ ma du đẳng, cập chư y phục, kiêu-xa-da y, khoa bối, bì cách, kim ngân, vu khí, như thị đẳng vật, diệc bất ưng thọ?

Thiện nam tử! Bất ưng đồng bỉ ni-kiên sở kiến. Như Lai sở chế nhất thiết cấm giới, các hữu dị ý. Dị ý cố, thính thực tam chủng tịnh nhục. Dị tưởng cố, đoạn thập chủng nhục. Dị tưởng cố, nhất thiết tất đoạn, cập tự tử giả.

Ca-diếp! Ngã tòng kim nhật, chế chư đệ tử: bất đắc phục thực nhất thiết nhục dã.

Ca-diếp! Kỳ thực nhục giả, nhược hành, nhược trụ, nhược tọa, nhược ngọa, nhất thiết chúng sanh, văn kỳ nhục khí, tất

生聞其肉氣悉生恐怖。譬如有人近師子已。衆人見之聞師子臭亦生恐怖。

善男子。如人噉蒜臭穢可惡。餘人見之聞臭捨去。設遠見者猶不欲視。況當近之。諸食肉者亦復如是。一切衆生聞其肉氣。悉皆恐怖生畏死想。水陸空行有命之類悉捨之走。咸言此人是我等怨。是故菩薩不習食肉。為度衆生示現食肉。雖現食之其實不食。

善男子。如是菩薩清淨之食。猶尚不食。況當食肉。

善男子。我涅槃後。無量百歲。四道聖人悉復涅槃正法滅後。於像法中當有比丘。似像持律少讀誦經。貪嗜飲食長養其身。身所被服麤陋醜惡。形容顛顛無有威德。放畜牛羊擔負薪草。頭鬚爪髮悉皆長利。

雖服袈裟猶如獵師。細視徐行如貓伺鼠。常唱是言。我得羅漢。多諸病苦眠臥糞穢。外現賢善內懷貪嫉。如受啞法婆羅門等。實非沙門現沙門像。邪見熾盛誹謗正法。如是等人破壞如來所制戒律正行威儀。說解脫果離清淨法。及壞甚深祕密之教。各自隨意反說經律。而作是言。如來皆聽我等食肉。自生此論。言是佛說互共爭訟。各自稱是沙門釋子。

sanh khủng bố. Thí như hữu nhân, cận sư tử dĩ, chúng nhân kiến chi, văn sư tử xú, diệc sanh khủng bố!

Thiện nam tử! Như nhân hám toán, xú uế khả ố. Dư nhân kiến chi, văn xú xả khứ. Thiết viễn kiến giả, do bất dục thị, hưởng đương cận chi? Chư thực nhục giả, diệc phục như thị. Nhất thiết chúng sanh, văn kỳ nhục khí, tất giai khủng bố, sanh úy tử tưởng. Thủy, lục, không hành, hữu mạng chi loại, tất xả chi tẩu, hàm ngôn: Thủ nhân thị ngã đẳng oán. Thị cố Bồ Tát bất tập thực nhục. Vị độ chúng sanh, thị hiện thực nhục. Tuy hiện thực chi, kỳ thật bất thực.

Thiện nam tử! Như thị Bồ Tát, thanh tịnh chi tự, do thượng bất thực, hưởng đương thực nhục?

Thiện nam tử! Ngã Niết-bàn hậu, vô lượng bá tuế, Tứ Đạo Thánh nhân, tất phục Niết-bàn. Chánh pháp diệt hậu, ư Tượng pháp trung, đương hữu tỳ-kheo, tự tượng trì luật, thiếu độc tụng kinh, tham thị ẩm thực, trưởng dưỡng kỳ thân. Thân sở bị phục, thô lậu xú ác, hình dung tiêu tụy, vô hữu oai đức. Phóng súc ngư dương, đảm phụ tân thảo, đầu tu trao phát, tất giai trường lợi.

Tuy phục cà-sa, do như lạc sư, tế thị từ hành, như miêu tứ thủ. Thường xưng thị ngôn: “Ngã đắc La-hán.” Đa chư bệnh khổ, miên ngoạ phẩn uế. Ngoại hiện hiền thiện, nội hoài tham tật, như thọ á pháp bà-la-môn đẳng. Thật phi sa-môn, hiện sa-môn tượng, tà kiến xí thanh, phỉ báng Chánh pháp. Như thị đẳng nhân phá hoại Như Lai sở chế giới luật. Chánh hạnh oai nghi, thuyết giải thoát quả. Ly thanh tịnh pháp cập hoại thậm thâm bí mật chi giáo. Các tự tùy ý phản thuyết kinh luật, nhi tác thị ngôn: “Như Lai giai thính ngã đẳng thực nhục.” Tự sanh thủ luận, ngôn thị Phật thuyết. Hồ cộng tránh tụng, các tự xưng thị sa-môn Thích tử.

善男子。爾時復有諸沙門等。貯聚生穀受取魚肉。手自作食。執持油瓶寶蓋革屣。親近國王大臣長者。占相星宿勤修醫道畜養奴婢。金銀琉璃碑磬瑪瑙頗瓊真珠珊瑚琥珀璧玉珂貝。種種菓蓂學諸伎藝。畫師泥作造書教學。種植根栽蠱道咒術。和合諸藥作倡伎樂。香花治身，擣菹，圍碁學諸工巧。若有比丘能離如是諸惡事者。當說是人真我弟子。

爾時迦葉復白佛言。世尊。諸比丘比丘尼優婆塞優婆夷。因他而活。若乞食時得雜肉食。云何得食應清淨法。

佛言。迦葉。當以水洗令與肉別然後乃食。若其食器為肉所污。但使無味聽用無罪。若見食中多有肉者則不應受。一切現肉悉不應食者得罪。我今唱是斷肉之制。若廣說者則不可盡。涅槃時到。是故略說。是則名為能隨問答。

迦葉。云何善解因緣義。如有四部之眾來問我言。世尊。如是之義如來初出。何故不為波斯匿王說是法門深妙之義。或時說深。或時說淺。或名為犯。或名不犯。云何名墮。云何名律。云何名波羅提木叉義。佛言。波羅提木叉者。名為知足。成就威儀無所受畜。亦名淨命。墮者名四惡趣。又復墮

Thiện nam tử! Nhĩ thời phục hữu chư sa-môn đấng, trữ tụ sanh cốc, thọ thủ ngư nhục, thủ tự tác thực, chấp trì du bình, bảo cái, cách tỹ. Thân cận quốc vương, đại thân, trưởng giả, chiêm tướng tinh tú, cần tu y đạo. Súc dưỡng nô tỳ, kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, pha lê, trân châu, san hô, hổ phách, bích ngọc, khoa bối, chủng chủng quả lỏa. Học chư kỹ nghệ, họa sư nê tác, tạo thơ giáo học, chủng thực căn tài, cổ đạo chú thuật, hòa hiệp chư dược, tác xướng kỹ nhạc, hương hoa trị thân, sử bồ, vi kỳ, học chư công xảo. Nhược hữu tỳ-kheo năng ly như thị chư ác sự giả, đương thuyết thị nhân chân ngã đệ tử.

Nhĩ thời, Ca-diếp phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Chư tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, nhân tha nhi hoạt, nhược khát thực thời, đắc tạp nhục tự, vân hà đắc thực, ứng thanh tịnh pháp?

Phật ngôn: Ca-diếp! Đương dĩ thủy tẩy, linh dĩ nhục biệt, nhiên hậu nãi thực. Nhược kỳ tự khí vi nhục sở ô, dẫn sử vô vị, thính dụng vô tội. Nhược kiến tự trung, đa hữu nhục giả, tác bất ưng thọ. Nhất thiết hiện nhục, tất bất ưng thực. Thực giả đắc tội. Ngã kim xướng thị đoạn nhục chi chế, nhược quảng thuyết giả, tắc bất khả tận. Niết-bàn thời đáo, thị cố lược thuyết. Thị tắc danh vi năng tùy vấn đáp.

Ca-diếp! Vân hà thiện giải nhân duyên nghĩa? Như hữu tứ bộ chi chúng lai vấn ngã ngôn: “Thế Tôn! Như thị chi nghĩa, Như Lai sơ xuất, hà cố bất vị Ba-tư-nặc Vương, thuyết thị Pháp môn thâm diệu chi nghĩa? Hoặc thời thuyết thâm, hoặc thời thuyết thiểu, hoặc danh vi phạm, hoặc danh bất phạm? Vân hà danh đọa? Vân hà danh luật? Vân hà danh Ba-la-đề-mộc-xoa nghĩa?” Phật ngôn: “Ba-la-đề-mộc-xoa giả, danh vi tri túc, thành tựu oai nghi, vô sở thọ súc, diệt danh tịnh mạng. Đọa giả, danh tứ ác thú. Hựu phục đọa giả, đọa ư địa ngục nãi

者。墮於地獄乃至阿鼻。論其遲速過於暴雨。聞者驚怖。堅持禁戒不犯威儀。修習知足。不受一切不淨之物。又復墮者。長養地獄畜生餓鬼。以是諸義故名曰墮。

波羅提木叉者。離身口意不善邪業。律者八戒威儀深經善義。遮受一切不淨之物及不淨因緣。亦遮四重十三僧殘二不定法三十捨墮九十單墮四悔過法衆多學法七滅諍等。或復有人破一切戒。云何一切。謂四重法乃至七滅諍法。或復有人誹謗正法甚深經典。及一闡提具足成就盡一切相無有因緣。如是等人自言我是聰明利智。輕重之罪悉皆覆藏。覆藏諸惡如龜藏六。如是衆罪長夜不悔。以不悔故日夜增長。是諸比丘所犯衆罪終不發露。是使所犯遂復滋蔓。是故如來知是事已。漸次而制不得一時。

爾時有善男子善女人。白佛言。世尊。如來久知如是之事。何不先制將無。世尊。欲令衆生入阿鼻獄。譬如多人欲至他方迷失正路隨逐邪道。是諸人等不知迷故皆謂是道。復不見人可問是非。衆生如是迷於佛法不見正真。如來應為先說正道。敕諸比丘。此是犯戒此是持戒。當如是制。何以故。如來正覺是真實者知見正道。惟有如來天中之天。能說十善增上功德及其義味。是故啟請應先制戒。

chí A-tỳ. Luận kỳ trì tốc, quá ư bạo vũ. Văn giả kinh bố, kiên trì cấm giới, bất phạm oai nghi, tu tập tri túc, bất thọ nhất thiết bất tịnh chi vật. Hựu phục đọa giả, trưởng dưỡng địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Dĩ thị chư nghĩa, cố danh viết đọa.

Ba-la-đề-mộc-xoa giả, ly thân, khẩu, ý bất thiện tà nghiệp. Luật giả, bát giới oai nghi, thâm kinh thiện nghĩa, già thọ nhất thiết bất tịnh chi vật cập bất tịnh nhân duyên, diệc già tứ trọng, thập tam tăng tàn, nhị bất định pháp, tam thập xả đọa. Cửu thập đơn đọa, tứ hồi quá pháp, chúng đa học pháp, thất diệt tránh đảnh. Hoặc phục hữu nhân phá nhất thiết giới. Vân hà nhất thiết? Vị tứ trọng pháp nãi chí thất diệt tránh pháp. Hoặc phục hữu nhân phỉ báng Chánh pháp thậm thâm kinh điển, cập Nhất-xiển-đề, cụ túc thành tựu, tận nhất thiết tướng, vô hữu nhân duyên. Như thị đảnh nhân, tự ngôn: “Ngã thị thông minh lợi trí.” Khinh trọng chi tội, tất giai phú tàng. Phú tàng chư ác, như quy tàng lục. Như thị chúng tội, trưởng dạ bất hồi. Dĩ bất hồi cố, nhật dạ tăng trưởng. Thị chư tỳ-kheo, sở phạm chúng tội, chung bất phát lộ. Thị sở phạm toại phục tư man. Thị cố Như Lai, tri thị sự dĩ, tiệm thứ nhi chế, bất đắc nhất thời.

Nhĩ thời, hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như Lai cứu tri như thị chi sự, hà bất tiên chế? Tương vô Thế Tôn dục linh chúng sanh nhập A-tỳ ngục? Thí như đa nhân, dục chí tha phương, mê thất chánh lộ, tùy trục tà đạo. Thị chư nhân đảnh, bất tri mê cố, giai vị thị đạo. Phục bất kiến nhân, khả vấn thị phi. Chúng sanh như thị, mê ư Phật pháp, bất kiến chánh chân. Như Lai ung vị tiên thuyết chánh đạo, sắc chư tỳ-kheo: Thử thị phạm giới, thử thị trì giới. Đương như thị chế. Hà dĩ cố? Như Lai Chánh giác, thị chân thật giả, tri kiến Chánh đạo. Duy hữu Như Lai, thiên trung chi thiên, năng thuyết Thập thiện, tăng thượng công đức cập kỳ nghĩa vị. Thị cố khả thỉnh, ưng tiên chế giới.”

佛言。善男子。若言如來能為衆生宣說十善增上功德。是則如來視諸衆生如羅睺羅。云何難言將無。世尊。欲令衆生入於地獄。我見一人有墮阿鼻地獄因緣。尚為是人住世一劫若減一劫。我於衆生有大慈悲。何緣當誑如子想者令入地獄。

善男子。如王國內有納衣者。見衣有孔然後方補。如來亦爾。見諸衆生有入阿鼻地獄因緣。即以戒善而為補之。

善男子。譬如轉輪聖王先為衆生說十善法。其後漸漸有行惡者。王即隨事漸漸而斷。斷諸惡已然後自行聖王之法。

善男子。我亦如是雖有所說不得先制。要因比丘漸行非法。然後方乃隨事制之。樂法衆生隨教修行。如是等衆乃能得見如來法身。

如轉輪王所有輪寶不可思議。如來亦爾不可思議。法僧二寶亦不可思議。能說法者及聞法者皆不可思議。是名善解因緣義也。菩薩如是分別開示四種相義。是名大乘大涅槃中因緣義也。

復次自正者。所謂得是大般涅槃。正他者。我為比丘說言。如來常存不變。隨問答者。迦葉。因汝所問故。得廣為菩薩摩訶薩比丘比丘尼優婆塞優

Phật ngôn: “Thiện nam tử! Nhược ngôn Như Lai năng vị chúng sanh, tuyên thuyết Thập thiện, tăng thượng công đức, thị tác Như Lai thị chư chúng sanh như La-hầu-la. Vân hà nạn ngôn: Tương vô Thế Tôn dục linh chúng sanh nhập ư địa ngục? Ngã kiến nhất nhân hữu đọa A-tỳ Địa ngục nhân duyên, thượng vị thị nhân, trụ thế nhất kiếp nhược giảm nhất kiếp. Ngã ư chúng sanh, hữu đại từ bi, hà duyên đương cố gắng như tử tưởng giả, linh nhập địa ngục?”

Thiện nam tử! Như vương quốc nội, hữu nạp y giả, kiến y hữu khố, nhiên hậu phương bổ. Như Lai diệc nhi, kiến chư chúng sanh hữu nhập A-tỳ địa ngục nhân duyên, tức dĩ giới thiện, nhi vị bổ chi.

Thiện nam tử! Thí như Chuyển luân Thánh vương, tiên vị chúng sanh, thuyết Thập thiện pháp. Kỳ hậu tiệm tiệm hữu hành ác giả, vương tức tùy sự tiệm tiệm nhi đoạn. Đoạn chư ác dĩ, nhiên hậu tự hành Thánh vương chi pháp.

Thiện nam tử! Ngã diệc như thị. Tuy hữu sở thuyết, bất đắc tiên chế. Yếu nhân tỳ-kheo tiệm hành phi pháp, nhiên hậu phương nãi tùy sự chế chi. Nhạo pháp chúng sanh, tùy giáo tu hành. Như thị đẳng chúng nãi năng đắc kiến Như Lai Pháp thân.

Như Chuyển luân Vương, sở hữu luân bảo, bất khả tư nghị. Như Lai diệc nhi, bất khả tư nghị, Pháp, Tăng nhị bảo, diệc bất khả tư nghị. Năng thuyết pháp giả cập văn pháp giả giai bất khả tư nghị. Thị danh thiện giải nhân duyên nghĩa dã. Bồ Tát như thị phân biệt khai thị tứ chủng tướng nghĩa, thị danh Đại thừa Đại Niết-bàn trung, nhân duyên nghĩa dã.

Phục thứ, tự chánh giả, sở vị đắc thị Đại Bát Niết-bàn. Chánh tha giả, ngã vị tỳ-kheo, thuyết ngôn Như Lai thường tồn bất biến. Tùy vấn đáp giả, Ca-diếp, nhân nhữ sở vấn, cố đắc quảng vị Bồ Tát ma-ha-tát, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-



婆夷。說是甚深微妙義理。因緣義者。聲聞緣覺不解如是甚深之義。不聞伊字三點而成解脫涅槃摩訶般若成祕密藏。我今於此闡揚分別為諸聲聞開發慧眼。假使有人作如是言。如是四事云何為一非虛妄耶。即應反質是虛空無所有不動無礙。如是四事有何等異。是豈得名為虛妄乎。

不也世尊。如是諸句即是一義。所謂空義。自正。正他。能隨問答。解因緣義。亦復如是。即大涅槃等無有異。

佛告迦葉。若有善男子善女人作如是言。如來無常。云何當知是無常耶。如佛所言。滅諸煩惱名為涅槃。猶如火滅悉無所有。滅諸煩惱亦復如是故名涅槃。

云何如來為常住法不變易耶。如佛言曰。離諸有者乃名涅槃。是涅槃中無有諸有。

云何如來為常住法不變易耶。如衣壞盡不名為物。涅槃亦爾。滅諸煩惱不名為物。

云何如來為常住法不變易耶。如佛言曰。離欲寂滅名曰涅槃。如人斬首則無有首。離欲寂滅亦復如是。空無所有故名涅槃。

云何如來為常住法不變易耶。如佛言曰。

tác, ưu-bà-di, thuyết thị thậm thâm vi diệu nghĩa lý. Nhân duyên nghĩa giả, Thanh văn, Duyên giác bất giải như thị thậm thâm chi nghĩa, bát văn y tự, tam điểm nhi thành, giải thoát, Niết-bàn, ma-ha bát-nhã thành bí mật tạng. Ngã kim ư thủ, xiển dương phân biệt, vị chư Thanh văn, khai phát huệ nhãn. Giả sử hữu nhân, tác như thị ngôn: “Như thị tứ sự, vân hà vi nhất, phi hư vọng da?” Tức ưng phản chất: thị hư không, vô sở hữu, bất động, vô ngại. Như thị tứ sự hữu hà đẳng dị? Thị khởi đắc danh vi hư vọng hồ?

Phất dã, Thế Tôn! Như thị chư cú, tức thị nhất nghĩa, sở vị không nghĩa. Tự chánh, chánh tha, năng tùy vấn đáp, giải nhân duyên nghĩa, diệt phục như thị, tức Đại Niết-bàn, đẳng vô hữu dị.

Phật cáo Ca-diếp: Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân tác như thị ngôn: “Như Lai vô thường. Vân hà đương tri thị vô thường da? Như Phật sở ngôn: Diệt chư phiền não, danh vi Niết-bàn, do như hỏa diệt, tất vô sở hữu. Diệt chư phiền não, diệt phục như thị, cố danh Niết-bàn.”

Vân hà Như Lai vi thường trụ pháp, bất biến dị da? Như Phật ngôn viết: ly chư hữu giả, nãi danh Niết-bàn. Thị Niết-bàn trung, vô hữu chư hữu.

Vân hà Như Lai vi thường trụ pháp, bất biến dị da? Như y hoại tận, bất danh vi vật. Niết-bàn diệt nhĩ, diệt chư phiền não, bất danh vi vật.

Vân hà Như Lai vi thường trụ pháp, bất biến dị da? Như Phật ngôn viết: ly dục tịch diệt, danh viết Niết-bàn. Như nhân trảm thủ, tác vô hữu thủ. Ly dục tịch diệt, diệt phục như thị, không vô sở hữu, cố danh Niết-bàn.

Vân hà Như Lai vi thường trụ pháp, bất biến dị da? Như Phật ngôn viết:

譬如熱鐵  
 槌打星流  
 散已尋滅  
 莫知所在  
 得正解脫  
 亦復如是  
 已度婬欲  
 諸有淤泥  
 得無動處  
 不知所至

云何如來為常住法不變易耶。迦葉。若有人作如是難者名為邪難。迦葉。汝亦不應作是憶想。謂如來性是滅盡也。

迦葉。滅煩惱者不名為物。何以故。永畢竟故是故名常。是句寂靜為無有上。滅盡諸相無有遺餘。是句鮮白常住無退。是故涅槃名曰常住。如來亦爾常住無變。言流星者。謂煩惱也。散已尋滅莫知所在者。謂諸如來煩惱滅已不在五趣。是故如來是常住法無有變易。

復次迦葉。諸佛所師所謂法也。是故如來恭敬供養。以法常故諸佛亦常。

迦葉菩薩復白佛言。若煩惱火滅如來亦滅。是則如來無常住處。如彼逆鐵赤色滅已莫知所至。如

Thí như nhiệt thiết,  
 Chùy đả tinh lưu,  
 Tán dĩ tâm diệt,  
 Mạc tri sở tại!  
 Đắc chánh giải thoát,  
 Diệc phục như thị,  
 Dĩ độ dâm dục,  
 Chư hữu ú nê,  
 Đắc vô động xứ  
 Bất tri sở chí!

Vân hà Như Lai vi thường trụ pháp, bất biến dị da? Ca-diếp! Nhược hữu nhân tác như thị nạn giả, danh vi tà nạn. Ca-diếp! Nhữ diệc bất ưng tác thị ức tưởng: vị Như Lai tánh, thị diệt tận dã.

Ca-diếp! Diệt phiền não giả, bất danh vi vật. Hà dĩ cố? Vĩnh tất cánh cố, thị cố danh thường. Thị cú tịch tĩnh, vi vô hữu thượng. Diệt tận chư tướng, vô hữu di dư. Thị cú tiên bạch, thường trụ vô thối. Thị cố Niết-bàn, danh viết thường trụ. Như Lai diệc nhĩ, thường trụ vô biến. Ngôn lưu tinh giả, vị phiền não dã. Tán dĩ tâm diệt, mạc tri sở tại giả, vị chư Như Lai phiền não diệt dĩ, bất tại ngũ thú. Thị cố Như Lai thị thường trụ pháp, vô hữu biến dị.

Phục thứ, Ca-diếp! Chư Phật sở sư, sở vị pháp dã. Thị cố Như Lai, cung kính cúng dường, dĩ pháp thường cố, chư Phật diệc thường.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Nhược phiền não hỏa diệt, Như Lai diệc diệt. Thị tác Như Lai vô thường trụ xứ. Như bỉ tính thiết, xích sắc diệt dĩ, mạc tri sở chí. Như Lai

來煩惱亦復如是滅無所至。又如彼鐵熱與赤色滅已無有。如來亦爾。滅已無常滅煩惱火便入涅槃。當知如來即是無常。

善男子。所言鐵者名諸凡夫。凡夫之人雖滅煩惱滅已復生故名無常。如來不爾滅已不生是故名常。

迦葉復言。如鐵赤色滅已還置火中赤色復生。如來若爾應還生結。若結還生即是無常。

佛言。迦葉。汝今不應作如是言如來無常。何以故。如來是常。

善男子。如彼燃木滅已有灰。煩惱滅已便有涅槃。壞衣斬首破瓶等喻亦復如是。如是等物各有名字。名曰壞衣斬首破瓶。

迦葉。如鐵冷已可使還熱。如來不爾斷煩惱已畢竟清涼。煩惱熾火更不復生。

迦葉。當知無量衆生猶如彼鐵。我以無漏智慧熾火。燒彼衆生諸煩惱結。

迦葉復言。善哉善哉。我今諦知如來所說諸佛是常。

佛言。迦葉。譬如聖王素在後宮。或時遊觀在於後園。王雖不在諸嫔女中。亦不得言聖王命終。善男子。如來亦爾。雖不現於閻浮提界入涅槃中不

phiên não, diệt phục như thị, diệt vô sở chí. Hựu như bỉ thiết, nhiệt dĩ xích sắc, diệt dĩ vô hữu. Như Lai diệt nhĩ, diệt dĩ vô thường, diệt phiên não hỏa, tiện nhập Niết-bàn. Đương tri Như Lai tức thị vô thường.

Thiện nam tử! Sở ngôn thiết giả, danh chư phàm phu. Phàm phu chi nhân, tuy diệt phiên não, diệt dĩ phục sanh. Cố danh vô thường. Như Lai bất nhĩ, diệt dĩ bất sanh. Thị cố danh thường.

Ca-diếp phục ngôn: Như thiết xích sắc diệt dĩ, hoàn trí hỏa trung, xích sắc phục sanh. Như Lai nhược nhĩ, ứng hoàn sanh kết. Nhược kết hoàn sanh, tức thị vô thường.

Phật ngôn: Ca-diếp! Nhữ kim bất ưng tác như thị ngôn: Như Lai vô thường. Hà dĩ cố? Như Lai thị thường.

Thiện nam tử! Như bỉ nhiên mộc, diệt dĩ hữu khô. Phiên não diệt dĩ, tiện hữu Niết-bàn. Hoại y, trảm thủ, phá bình đẳng dụ, diệt phục như thị. Như thị đẳng vật, các hữu danh tự, danh viết: hoại y, trảm thủ, phá bình.

Ca-diếp! Như thiết lãnh dĩ, khả sử hoàn nhiệt. Như Lai bất nhĩ, đoạn phiên não dĩ, tất cánh thanh lương. Phiên não xí hỏa, cánh bất phục sanh.

Ca-diếp! Đương tri vô lượng chúng sanh, do như bỉ thiết. Ngã dĩ vô lậu trí tuệ xí hỏa, thiêu bỉ chúng sanh chư phiên não kết.

Ca-diếp phục ngôn: Thiện tai, thiện tai! Ngã kim đế tri Như Lai sở thuyết, Chư Phật thị thường.

Phật ngôn: Ca-diếp! Thí như Thánh vương, tố tại hậu cung, hoặc thời du quan tại ư hậu viên. Vương tuy bất tại chư thể nữ trung, diệt bất đắc ngôn “Thánh vương mạng chung.” Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ, tuy bất hiện ư Diêm-phù-đề giới, nhập Niết-bàn trung, bất danh vô thường. Như Lai xuất ư vô

名無常。如來出於無量煩惱入于涅槃安樂之處。遊諸覺華歡娛受樂。

迦葉復問。如佛言曰。我已久度煩惱大海。若佛已度煩惱海者。何緣復共耶輸陀羅生羅睺羅。以是因緣當知如來未度煩惱諸結大海。唯願如來說其因緣。

佛告迦葉。汝不應言如來久度煩惱大海。何緣復共耶輸陀羅生羅睺羅。以是因緣當知如來未度煩惱諸結大海。

善男子。是大涅槃能建大義。汝等今當至心諦聽。廣為人說莫生驚疑。若有菩薩摩訶薩住大涅槃須彌山王。如是高廣悉能令入葶蘆子糝。其諸衆生依須彌者亦無迫迮。無往來想如本不異。唯應度者見是菩薩以須彌山內葶蘆糝復還安止本所住處。

善男子。復有菩薩摩訶薩住大涅槃。能以三千大千世界置葶蘆糝。其中衆生亦無迫迮。及往來想如本不異。唯應度者見是菩薩以此三千大千世界置葶蘆糝。復還安止本所住處。

善男子。復有菩薩摩訶薩住大涅槃。能以三千大千世界內一毛孔。乃至本處亦復如是。

lượng phiền não, nhập vu Niết-bàn an lạc chi xứ, du chư giác hoa, hoan ngu thọ lạc.

Ca-diếp phục vấn: Như Phật ngôn viết: “Ngã dĩ cửu độ phiền não đại hải.” Nhược Phật dĩ độ phiền não hải giả, hà duyên phục cộng Da-du-đà-la, sanh La-hâu-la? Dĩ thị nhân duyên, đương tri Như Lai vị độ phiền não chư kết đại hải. Duy nguyện Như Lai thuyết kỳ nhân duyên.

Phật cáo Ca-diếp: Nhữ bát ưng ngôn: “Như Lai cửu độ phiền não đại hải, hà duyên phục cộng Da-du-đà-la, sanh La-hâu-la? Dĩ thị nhân duyên, đương tri Như Lai vị độ phiền não chư kết đại hải.”

Thiện nam tử! Thị Đại Niết-bàn, năng kiến đại nghĩa. Nhữ đẳng kim đương chí tâm đế thính, quảng vị nhân thuyết, mạc sanh kinh nghi. Nhược hữu Bồ Tát ma-ha-tát, trụ Đại Niết-bàn, Tu-di sơn vương, như thị cao quảng, tất năng linh nhập đình lịch tử khoái. Kỳ chư chúng sanh, y Tu-di giả, diệc vô bách trách, vô vãng lai tưởng, như bốn bát dị. Duy ưng độ giả, kiến thị Bồ Tát, dĩ tu di sơn, nạp đình lịch khoái, phục hoàn an chỉ bốn sở trụ xứ.

Thiện nam tử! Phục hữu Bồ Tát ma-ha-tát, trụ Đại Niết-bàn, năng dĩ tam thiên đại thiên thế giới, trí đình lịch khoái. Kỳ trung chúng sanh diệc vô bách trách cập vãng lai tưởng, như bốn bát dị. Duy ưng độ giả, kiến thị Bồ Tát, dĩ thủ tam thiên đại thiên thế giới, trí đình lịch khoái, phục hoàn an chỉ bốn sở trụ xứ.

Thiện nam tử! Phục hữu Bồ Tát ma-ha-tát, trụ Đại Niết-bàn, năng dĩ tam thiên đại thiên thế giới, nạp nhất mao khổng, nãi chí bốn xứ, diệc phục như thị.

善男子。復有菩薩摩訶薩住大涅槃。斷取十方三千大千諸佛世界。置於針鋒如貫棗葉。擲置他方異佛世界。其中所有一切衆生不覺往返為在何處。唯應度者乃能見之。乃至本處亦復如是。

善男子。復有菩薩摩訶薩住大涅槃。斷取十方三千大千諸佛世界。置於右掌如陶家輪。擲置他方微塵世界。無一衆生有往來想。唯應度者乃見之耳。乃至本處亦復如是。

善男子。復有菩薩摩訶薩住大涅槃。斷取一切十方無量諸佛世界悉內己身。其中衆生悉無迫迮。亦無往返及住處想。唯應度者乃能見之。乃至本處亦復如是。

善男子。復有菩薩摩訶薩住大涅槃。以十方世界內一塵中。其中衆生亦無迫迮往返之想。唯應度者乃能見之。乃至本處亦復如是。

善男子。是菩薩摩訶薩住大涅槃。則能示現種種無量神通變化。是故名曰大般涅槃。是菩薩摩訶薩所可示現如是無量神通變化。一切衆生無能測量。汝今云何能知如來習近愛欲生羅睺羅。

善男子。我已久住是大涅槃種種示現神通變化。於此三千大千世界百億日月百億閻浮提種種示

Thiện nam tử! Phục hữu Bồ Tát ma-ha-tát, trụ Đại Niết-bàn, đoạn thủ thập phương tam thiên đại thiên chư Phật thế giới, trí ư châm phong, như quán tảo diệp, trịch trí tha phương dị Phật thế giới. Kỳ trung sở hữu nhất thiết chúng sanh bất giác vãng phản, vi tại hà xứ. Duy ứng độ giả, nãi năng kiến chi. Nãi chí bốn xứ, diệp phục như thị.

Thiện nam tử! Phục hữu Bồ Tát ma-ha-tát, trụ Đại Niết-bàn, đoạn thủ thập phương tam thiên đại thiên chư Phật thế giới, trí ư hữu chưởng, như đào gia luân, trịch trí tha phương vi trần thế giới, vô nhất chúng sanh hữu vãng lai tưởng. Duy ứng độ giả, nãi kiến chi nhĩ. Nãi chí bốn xứ, diệp phục như thị.

Thiện nam tử! Phục hữu Bồ Tát ma-ha-tát, trụ Đại Niết-bàn, đoạn thủ nhất thiết thập phương vô lượng chư Phật thế giới, tất nạp kỷ thân. Kỳ trung chúng sanh, tất vô bách trách, diệp vô vãng phản cập trụ xứ tưởng. Duy ứng độ giả, nãi năng kiến chi. Nãi chí bốn xứ, diệp phục như thị.

Thiện nam tử! Phục hữu Bồ Tát ma-ha-tát, trụ Đại Niết-bàn, dĩ thập phương thế giới, nạp nhất trần trung. Kỳ trung chúng sanh diệp vô bách trách, vãng phản chi tưởng. Duy ứng độ giả, nãi năng kiến chi. Nãi chí bốn xứ, diệp phục như thị.

Thiện nam tử! Thị Bồ Tát ma-ha-tát, trụ Đại Niết-bàn, tác năng thị hiện chủng chủng vô lượng thân thông biến hóa. Thị cố danh viết Đại Bát Niết-bàn. Thị Bồ Tát ma-ha-tát sở khả thị hiện, như thị vô lượng thân thông biến hóa, nhất thiết chúng sanh, vô năng trắc lượng. Nhữ kim vân hà năng tri Như Lai tập cận ái dục, sanh La-hầu-la?

Thiện nam tử! Ngã dĩ cửu trụ thị Đại Niết-bàn, chủng chủng thị hiện thân thông biến hóa. Ư thủ tam thiên đại thiên thế giới, bá ức nhật nguyệt, bá ức Diêm phù đề, chủng chủng thị hiện,

現。如首楞嚴經中廣說。我於三千大千世界或閻浮提示現涅槃。亦不畢竟取於涅槃。或閻浮提示入母胎令其父母生我子想。而我此身畢竟不從愛欲和合而得生也。我已久從無量劫來離於愛欲。我今此身即是法身隨順世間示現入胎。

善男子。此閻浮提林微尼園。示現從母摩耶而生。生已即能東行七步唱如是言。我於人天阿修羅中最尊最上。父母人天見已驚喜生希有心。而諸人等謂是嬰兒。而我此身無量劫來久離是法。如來身者即是法身。非是肉血筋脈骨髓之所成立。隨順世間衆生法故示為嬰兒。

南行七步示現欲為無量衆生作上福田。西行七步示現生盡永斷老死是最後身。北行七步示現已度諸有生死。東行七步示為衆生而作導首。四維七步示現斷滅種種煩惱四魔種性。成於如來應正遍知。上行七步示現不為不淨之物之所染污猶如虛空。下行七步示現法雨滅地獄火。令彼衆生受安隱樂。毀禁戒者示作霜電。

於閻浮提生七日已又示剃髮。諸人皆謂我是嬰兒初始剃髮。一切人天魔王波旬沙門婆羅門。無有能見我頂相者。況有持刀臨之剃髮。若有持刀至我

như Thủ Lăng Nghiêm Kinh trung quảng thuyết. Ngã ư tam thiên đại thiên thế giới, hoặc Diêm phù đề, thị hiện Niết-bàn, diệt bất tất cánh thủ ư Niết-bàn. Hoặc Diêm phù đề, thị nhập mẫu thai, linh kỳ phụ mẫu sanh ngã tử tướng. Nhi ngã thủ thân, tất cánh bất tòng ái dục hòa hiệp nhi đắc sanh dã. Ngã dĩ cửu tòng vô lượng kiếp lai, ly ư ái dục. Ngã kim thủ thân, tức thị Pháp thân, tùy thuận thế gian, thị hiện nhập thai.

Thiện nam tử! Thủ Diêm phù đề, Lâm-vi-ni viên, thị hiện tòng mẫu, Ma-da nhi sanh. Sanh dĩ, tức năng đông hành thất bộ, xướng như thị ngôn: “Ngã ư nhân, thiên, A-tu-la trung, tối tôn tối thượng.” Phụ mẫu, nhân, thiên kiến dĩ kinh hỷ, sanh hy hữu tâm. Nhi chư nhân đẳng vị thị anh nhi. Nhi ngã thủ thân vô lượng kiếp lai, cửu ly thị pháp. Như Lai thân giả, tức thị Pháp thân, phi thị nhục huyết cân mạch cốt tủy chi sở thành lập. Tùy thuận thế gian chúng sanh pháp cố, thị vi anh nhi.

Nam hành thất bộ, thị hiện dục vị vô lượng chúng sanh, tác thượng phước điền. Tây hành thất bộ, thị hiện sanh tận, vĩnh đoạn lão tử, thị tối hậu thân. Bắc hành thất bộ, thị hiện dĩ độ chư hữu sanh tử. Đông hành thất bộ, thị vị chúng sanh, nhi tác đạo thủ. Tứ duy thất bộ, thị hiện đoạn diệt chủng chủng phiền não, tứ ma chủng tánh, thành ư Như Lai, Ứng, Chánh biến tri. Thượng hành thất bộ, thị hiện bất vi bất tịnh chi vật chi sở nhiễm ô, do như hư không. Hạ hành thất bộ, thị hiện pháp vũ, diệt địa ngục hỏa, linh bỉ chúng sanh thọ an ổn lạc, hủy cấm giới giả, thị tác sương bạc.

Ư Diêm phù đề, sanh thất nhật dĩ, hựu thị thế phát. Chư nhân giai vị ngã thị anh nhi. Sơ thủy thế phát, nhất thiết nhân, thiên, Ma vương Ba-tuần, sa-môn, bà-la-môn, vô hữu năng kiến ngã đỉnh tướng giả, huống hữu trì đao, lâm chi thế phát? nhược hữu trì đao, chí ngã đỉnh giả, vô hữu thị xứ. Ngã

頂者無有是處。我久已於無量劫中剃除鬚髮。為欲隨順世間法故示現剃髮。

我既生已父母將我入天祠中。以我示於摩醯首羅。摩醯首羅即見我時合掌恭敬立在一面。我已久於無量劫中捨離如是入天祠法。為欲隨順世間法故示現如是。我於閻浮示現穿耳。一切衆生實無有能穿我耳者。隨順世間衆生法故示現如是。復以諸寶作師子璫用莊嚴耳。然我已於無量劫中離莊嚴具為欲隨順世間法故作是示現。

示入學堂修學書疏。然我已於無量劫中具足成就。遍觀三界所有衆生無有堪任為我師者。為欲隨順世間法故示入學堂故名如來應正遍知。習學乘象盤馬擗力種種伎藝亦復如是。

於閻浮提而復示現為王太子。衆生皆見我為太子於五欲中歡娛受樂。然我已於無量劫中捨離如是五欲之樂。為欲隨順世間法故示如是相。相師占我若不出家當為轉輪聖王王閻浮提。一切衆生皆信是言。然我已於無量劫中捨轉輪位為法輪王。

於閻浮提現離婬女五欲之樂。見老病死及沙門已出家修道。衆生皆謂悉達太子初始出家。然我已於無量劫中出家學道。隨順世法故示如是。

cửu dĩ ư vô lượng kiếp trung, thể trừ tu phát, vị dục tùy thuận thế gian pháp cố, thị hiện thể phát.

Ngã ký sanh dĩ, phụ mẫu tương ngã nhập thiên từ trung, dĩ ngã thị ư Ma-hê-thủ-la. Ma-hê-thủ-la tức kiến ngã thời, hiệp chưởng cung kính, lập tại nhất diện. Ngã dĩ cửu ư vô lượng kiếp trung, xả ly như thị nhập thiên từ pháp. Vị dục tùy thuận thế gian pháp cố, thị hiện như thị. Ngã ư Diêm-phù, thị hiện xuyên nhĩ. Nhất thiết chúng sanh, thật vô hữu năng xuyên ngã nhĩ giả. Tùy thuận thế gian chúng sanh pháp cố, thị hiện như thị. Phục dĩ chư bảo, tác sư tử đàng, dụng trang nghiêm nhĩ. Nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, ly trang nghiêm cụ. Vị dục tùy thuận thế gian pháp cố, tác thị thị hiện.

Thị nhập học đường, tu học thơ số. Nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, cụ túc thành tựu, biến quan Tam giới sở hữu chúng sanh, vô hữu kham nhiệm vi ngã sư giả. Vị dục tùy thuận thế gian pháp cố, thị nhập học đường. Cố danh Như Lai, Ứng, Chánh Biến tri. Tập học thừa tượng, bàn mã, thô lục, chủng chủng kỹ nghệ, diệc phục như thị.

Ư Diêm-phù-đề, nhi phục thị hiện, vi vương thái tử. Chúng sanh giai kiến ngã vi thái tử, ư ngũ dục trung, hoan ngu thọ lạc. Nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, xả ly như thị ngũ dục chi lạc. Vị dục tùy thuận thế gian pháp cố, thị như thị tướng. Tướng sư chiêm ngã: nhược bất xuất gia, đương vi Chuyển luân Thánh vương, vương Diêm-phù-đề. Nhất thiết chúng sanh giai tín thị ngôn, nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, xả Chuyển luân vị, vi Pháp Luân vương.

Ư Diêm-phù-đề, hiện ly thể nữ ngũ dục chi lạc. Kiến lão, bệnh, tử cập sa-môn dĩ, xuất gia tu đạo. Chúng sanh giai vị: Tất-đạt thái tử sơ thủy xuất gia. Nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, xuất gia học đạo. Tùy thuận thế pháp, cố thị như thị.

我於閻浮提示現出家受具足戒精勤修道。得須陀洹果斯陀含果阿那含果阿羅漢果。衆人皆謂是阿羅漢果易得不難。然我已於無量劫中成阿羅漢果。為欲度脫諸衆生故坐於道場菩提樹下以草為座摧伏衆魔。衆皆謂我始於道場菩提樹下降伏魔軍。然我已於無量劫中久降伏已。為欲降伏剛彊衆生故現是化。

我又示現大小便利出息入息。衆皆謂我有大小便利出息入息。然我是身所得果報悉無如是大小便利出入息等。隨順世間故示如是。

我又示現受人信施。然我是身都無饑渴。隨順世法故示如是。

我又示同諸衆生故現有睡眠。然我已於無量劫中。具足無上深妙智慧遠離三有。

進止威儀，頭痛，腹痛，背痛，木鏘，洗足，洗手，洗面，漱口，嚼楊枝等。衆皆謂我有如是事。然我此身都無此事。手足清淨猶如蓮花。口氣淨潔如優鉢羅香。一切衆生謂我是人我實非人。

我又示現受糞掃衣浣濯縫打。然我久已不須是衣。

衆人皆謂羅睺羅者是我之子。輸頭檀王是我之父。摩耶夫人是我之母。處在世間受諸快樂。離如

Ngã ư Diêm-phù-đề, thị hiện xuất gia, thọ cụ túc giới, tinh cần tu đạo, đắc Tu-đà-hoàn quả, Tư-đà-hàm quả, A-na-hàm quả, A-la-hán quả. Chúng nhân giai vị: Thị A-la-hán quả, dị đắc bất nan. Nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, thành A-la-hán quả. Vị dục độ thoát chư chúng sanh cố, tọa ư đạo tràng, bồ-đề thọ hạ, dĩ thảo vi tòa, tồ phục chúng ma. Chúng giai vị ngã thủy ư đạo tràng, bồ-đề thọ hạ, hàng phục ma quân. Nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, cứu hàng phục dĩ. Vị dục hàng phục cang cường chúng sanh, cố hiện thị hóa.

Ngã hựu thị hiện đại tiểu tiện lợi, xuất tức nhập tức. Chúng giai vị, ngã hữu đại tiểu tiện lợi, xuất tức nhập tức. Nhiên ngã thị thân, sở đắc quả báo, tất vô như thị đại tiểu tiện lợi, xuất nhập tức đẳng. Tùy thuận thế gian, cố thị như thị.

Ngã hựu thị hiện thọ nhân tín thí. Nhiên ngã thị thân, đô vô cơ khát. Tùy thuận thế pháp, cố thị như thị.

Ngã hựu thị đồng chư chúng sanh cố, hiện hữu thụy miên. Nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, cụ túc vô thượng tâm diệu trí tuệ, viễn ly tam hữu.

Tấn chỉ oai nghi, đầu thống, phúc thống, bối thống, mộc tương, tẩy túc, tẩy thủ, tẩy diện, thẩu khẩu, tước dương chi đẳng. Chúng giai vị ngã hữu như thị sự. Nhiên ngã thủ thân, đô vô thủ sự. Thủ túc thanh tịnh, do như liên hoa, khẩu khí tịnh khiết, như Ưu-bát-la hương. Nhất thiết chúng sanh vị ngã thị nhân, ngã thật phi nhân.

Ngã hựu thị hiện thọ phẩn tảo y, hoán trạc, phùng, đả. Nhiên ngã cứu dĩ bát tu thị y.

Chúng nhân giai vị: La-hầu-la giả, thị ngã chi tử, Du-đầu-dàn vương, thị ngã chi phụ: Ma-da phu nhân, thị ngã chi mẫu, xử tại thế gian, thọ chư khoái lạc, ly như thị sự, xuất gia học



是事出家學道。衆人復言。是王太子瞿曇大姓。遠離世樂求出世法。然我久離世間愛欲。如是等事悉是示現。一切衆生成謂是人然我實非。

善男子。我雖在此閻浮提中數數示現入於涅槃。然我實不畢竟涅槃。而諸衆生皆謂如來真實滅盡。而如來性實不永滅。是故當知是常住法不變易法。

善男子。大涅槃者即是諸佛如來法界。我又示現閻浮提中出於世間。衆生皆謂我始成佛。然我已於無量劫中所作已辦。隨順世法故復示現於閻浮提初出成佛。

我又示現於閻浮提不持禁戒犯四重罪。衆人皆見謂我實犯。然我已於無量劫中。堅持禁戒無有漏缺。

我又示現於閻浮提為一闍提。衆人皆見是一闍提。然我實非一闍提也。一闍提者云何能成阿耨多羅三藐三菩提。

我又示現於閻浮提破和合僧。衆生皆謂我是破僧。我觀人天無有能破和合僧者。

我又示現於閻浮提護持正法。衆人皆謂我是護法悉生驚怪。諸佛法爾不應驚怪。

我又示現於閻浮提為魔波旬。衆人皆謂我是波旬。然我久於無量劫中離於魔事。清淨無染猶如蓮花。

đạo. Chúng nhân phục ngôn: “Thị vương thái tử, Cồ-đàm đại tánh, viễn ly thế lạc, cầu xuất thế pháp.” Nhiên ngã cứu ly thế gian ái dục. Như thị đẳng sự, tất thị thị hiện. Nhất thiết chúng sanh hàm vị thị nhân. Nhiên ngã thật phi.

Thiện nam tử! Ngã tuy tại thủ Diêm-phù-đề trung sắc sắc thị hiện nhập ư Niết-bàn. Nhiên ngã thật bất tất cánh Niết-bàn. Nhi chư chúng sanh giai vị Như Lai chân thật diệt tận. Nhi Như Lai tánh, thật bất vĩnh diệt. Thị cố đương tri thị thường trụ pháp, bất biến dị pháp.

Thiện nam tử! Đại Niết-bàn giả, tức thị chư Phật Như Lai Pháp giới. Ngã hựu thị hiện, Diêm-phù-đề trung, xuất ư thế gian. Chúng sanh giai vị ngã thủy thành Phật. Nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, sở tác dĩ biện. Tùy thuận thế pháp, cố phục thị hiện, ư Diêm-phù-đề, sơ xuất thành Phật.

Ngã hựu thị hiện, ư Diêm-phù-đề, bất trì cấm giới, phạm tứ trọng tội. Chúng nhân giai kiến, vị ngã thật phạm. Nhiên ngã dĩ ư vô lượng kiếp trung, kiên trì cấm giới, vô hữu lậu khuyết.

Ngã hựu thị hiện ư Diêm-phù-đề, vi nhất-xiển-đề. Chúng nhân giai kiến thị nhất-xiển-đề. Nhiên ngã thật phi nhất-xiển-đề dã. Nhất-xiển-đề giả, vân hà năng thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề?

Ngã hựu thị hiện, ư Diêm-phù-đề, phá hòa hiệp Tăng. Chúng sanh giai vị ngã thị phá Tăng. Ngã quán nhân thiên, vô hữu năng phá hòa hiệp Tăng giả!

Ngã hựu thị hiện, ư Diêm-phù-đề, hộ trì Chánh pháp. Chúng nhân giai vị ngã thị hộ Pháp, tất sanh kinh quái. Chư Phật pháp nhĩ, bất ưng kinh quái.

Ngã hựu thị hiện, ư Diêm-phù-đề, vi ma Ba-tuần. Chúng nhân giai vị ngã thị Ba-tuần. Nhiên ngã cứu ư vô lượng kiếp trung, ly ư ma sự, thanh tịnh vô nhiễm, do như liên hoa.

我又示現於閻浮提女身成佛。衆人皆言。甚奇女人能成阿耨多羅三藐三菩提。如來畢竟不受女身。為欲調伏無量衆生故現女像。憐愍一切諸衆生故。而復示現種種色像。

我又示現閻浮提中生於四趣。然我久已斷諸趣因。以業因故墮於四趣。為度衆生故生是中。

我又示現閻浮提中作梵天王。令事梵者安住正法。然我實非梵天而諸衆生咸皆謂我為真梵天。示現天像遍諸天廟亦復如是。

我又示現於閻浮提入婬女舍。然我實無貪欲之想。清淨不污猶如蓮花。為諸貪婬嗜色衆生。於四衢道宣說妙法。然我實無欲穢之心。衆人謂我守護女人。

我又示現於閻浮提入青衣舍。為教諸婢令住正法。然我實無如是惡業墮在青衣。

我又示現閻浮提中而作博士。為教童蒙令住正法。

我又示現於閻浮提入諸酒會博弈之處。示受種種勝負鬥爭。為欲拔濟彼諸衆生。而我實無如是惡業。而諸衆生皆謂我作如是之業。

我又示現久住塚間。作大鷲身度諸飛鳥。而諸

Ngã hựu thị hiện, ư Diêm-phù-đề, nữ thân thành Phật. Chúng nhân giai ngôn: “Thậm kỳ nữ nhân năng thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề!” Như Lai tất cánh bất thọ nữ thân. Vị dục điều phục vô lượng chúng sanh, cố hiện nữ tượng. Lân mẫn nhất thiết chư chúng sanh cố, nhi phục thị hiện chủng chủng sắc tượng.

Ngã hựu thị hiện, Diêm-phù-đề trung, sanh ư tứ thú. Nhiên ngã cửu dĩ đoạn chư thú nhân, dĩ nghiệp nhân cố, đọa ư tứ thú. Vị độ chúng sanh, cố sanh thị trung.

Ngã hựu thị hiện, Diêm-phù-đề trung, tác Phạm thiên vương, linh sự Phạm giả, an trụ Chánh pháp. Nhiên ngã thật phi Phạm thiên. Nhi chư chúng sanh, hàm giai vị ngã vi chân Phạm thiên. Thị hiện thiên tượng biến chư thiên miếu, diệc phục như thị.

Ngã hựu thị hiện, ư Diêm-phù-đề, nhập dâm nữ xá. Nhiên ngã thật vô tham dục chi tướng, thanh tịnh bất ô, do như liên hoa. Vị chư tham dâm thị sắc chúng sanh, ư tứ cù đạo, tuyên thuyết diệu pháp. Nhiên ngã thật vô dục uế chi tâm. Chúng nhân vị ngã thủ hộ nữ nhân.

Ngã hựu thị hiện, ư Diêm-phù-đề, nhập thanh y xá, vị giáo chư tỳ, linh trụ Chánh pháp. Nhiên ngã thật vô như thị ác nghiệp, đọa tại thanh y.

Ngã hựu thị hiện, Diêm-phù-đề trung, nhi tác bác sĩ, vị giáo đồng môn, linh trụ Chánh pháp.

Ngã hựu thị hiện, ư Diêm-phù-đề, nhập chư tửu hội, bác dịch chi xú, thị thọ chủng chủng thắng phụ đấu tranh, vị dục bạt tế bỉ chư chúng sanh. Nhi ngã thật vô như thị ác nghiệp. Nhi chư chúng sanh, giai vị ngã tác như thị chi nghiệp.

Ngã hựu thị hiện cửu trụ trung gian, tác đại thú thân, độ chư phi điều. Nhi chư chúng sanh, hàm vị ngã thị chân thật

衆生咸謂我是真實驚身。然我久已離於是業。為欲度彼諸鳥驚故示如是身。

我又示現閻浮提中作大長者。為欲安立無量衆生住於正法。又復示作諸王大臣王子輔相。於是衆中各為第一。為修正法故處王位。

我又示現閻浮提中疫病劫起多有衆生為病所惱。先施醫藥然後為說微妙正法。令其安住無上菩提。衆人皆謂是病劫起。

又復示現閻浮提中饑餓劫起。隨其所須供給飲食。然後為說微妙正法。令其安住無上菩提。

又復示現閻浮提中刀兵劫起。即為說法令離怨害。使得安住無上菩提。

又復示現為計常者說無常想。計樂想者為說苦想。計我想者說無我想。計淨想者說不淨想。若有衆生貪著三界。即為說法令離是處。度衆生故為說無上微妙法藥。為斷一切煩惱樹故。種植無上法藥之樹。為欲拔濟諸外道故演說正法。雖復示現為衆生師。而心初無衆生師想。為欲拔濟諸下賤故。現入其中而為說法。非是惡業受是身也。

如來正覺如是安住大般涅槃。是故名為常住無變。如閻浮提東弗于逮西瞿耶尼北鬱單越亦復如是。

thứ thân. Nhiên ngã cứu dĩ ly ư thị nghiệp. Vị dục độ bỉ chư diệu thứ cố, thị như thị thân.

Ngã hựu thị hiện, Diêm-phù-đề trung, tác đại trưởng giả, vị dục an lập vô lượng chúng sanh trụ ư Chánh pháp. Hựu phục thị tác chư vương, đại thân, vương tử, phụ tướng, ư thị chúng trung, các vi đệ nhất. Vị tu Chánh pháp, cố xử vương vị.

Ngã hựu thị hiện, Diêm-phù-đề trung, dịch bệnh kiếp khởi. Đa hữu chúng sanh, vị bệnh sở não. Tiên thí y dược, nhiên hậu vị thuyết vi diệu Chánh pháp, linh kỳ an trụ vô thượng bồ-đề. Chúng nhân giai vị thị bệnh kiếp khởi.

Hựu phục thị hiện, Diêm-phù-đề trung, cơ nạn kiếp khởi. Tùy kỳ sở tu, cung cấp ẩm thực, nhiên hậu vị thuyết vi diệu Chánh pháp, linh kỳ an trụ vô thượng bồ-đề.

Hựu phục thị hiện, Diêm-phù-đề trung, đao binh kiếp khởi. Tức vị thuyết pháp, linh ly oán hại, sử đắc an trụ vô thượng bồ-đề.

Hựu phục thị hiện, vị kế thường giả, thuyết vô thường tướng. Kế lạc tướng giả, vị thuyết khổ tướng. Kế ngã tướng giả, thuyết vô ngã tướng. Kế tịnh tướng giả, thuyết bất tịnh tướng. Nhược hữu chúng sanh tham trước Tam giới, tức vị thuyết pháp, linh ly thị xứ. Độ chúng sanh cố, vị thuyết vô thượng vi diệu pháp dược. Vị đoạn nhất thiết phiền não thọ cố, chủng thực vô thượng Pháp dược chi thọ. Vị dục bạt tế chư ngoại đạo cố, diễn thuyết Chánh pháp. Tuy phục thị hiện vi chúng sanh sư, nhi tâm sơ vô chúng sanh sư tướng. Vị dục bạt tế chư hạ tiện cố, hiện nhập kỳ trung, nhi vị thuyết pháp, phi thị ác nghiệp, thọ thị thân dã.

Như Lai Chánh giác, như thị an trụ Đại Bát Niết-bàn. Thị cố danh vi thường trụ vô biến. Như Diêm-phù-đề, Đông Phát-vu-đãi, Tây Cô-da-ni, Bắc Uất-đan-việt, diệc phục như thị. Như tứ thiên hạ, tam thiên đại thiên thế giới, diệc phục

如四天下三千大千世界亦復如是。二十五有如首楞嚴經中廣說。以是故名大般涅槃。若有菩薩摩訶薩安住如是大般涅槃。能示如是神通變化而無所畏。

迦葉。以是緣故汝不應言羅睺羅者是佛之子。何以故。我於往昔無量劫中已離欲有。是故如來名曰常住無有變易。

迦葉復言。如來云何名曰常住。如佛言曰如燈滅已無有方所。如來亦爾。既滅度已亦無方所。

佛言迦葉。善男子。汝今不應作如是言。燈滅盡已無有方所。如來亦爾既滅度已無有方所。

善男子。譬如男女然燈之時。燈爐大小悉滿中油。隨有油在其明猶存。若油盡已明亦俱盡。其明滅者喻煩惱滅。明雖滅盡燈爐猶存。如來亦爾。煩惱雖滅法身常存。

善男子。於意云何。明與燈爐為俱滅不。

迦葉答言。不也世尊。雖不俱滅然是無常。若以法身喻燈爐者。燈爐無常。法身亦爾應是無常。

善男子。汝今不應作如是難如世間言器。如來世尊無上法器。彼器無常非如來也。一切法中涅槃為常。如來體之故名為常。

như thị. Nhị thập ngũ hữu, như Thủ Lăng Nghiêm Kinh trung quảng thuyết. Dĩ thị cố danh Đại Bát Niết-bàn. Nhược hữu Bồ Tát ma-ha-tát an trụ như thị Đại Bát Niết-bàn, năng thị như thị thần thông biến hóa, nhi vô sở úy.

Ca-diếp! Dĩ thị duyên cố, nữ bát ưng ngôn: “La-hầu-la giả, thị Phật chi tử.” Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích, vô lượng kiếp trung, dĩ ly dục hữu. Thị cố Như Lai, danh viết thường trụ, vô hữu biến dị.

Ca-diếp phục ngôn: Như Lai vân hà danh viết thường trụ? Như Phật ngôn viết: Như đăng diệt dĩ, vô hữu phương sở. Như Lai diệt nhĩ, ký diệt độ dĩ, diệt vô phương sở.

Phật ngôn Ca-diếp: Thiện nam tử! Nữ kim bát ưng tác như thị ngôn: “Đăng diệt tận dĩ, vô hữu phương sở. Như Lai diệt nhĩ, ký diệt độ dĩ, vô hữu phương sở.”

Thiện nam tử! Thí như nam nữ, nhiên đăng chi thời, đăng lô đại tiểu, tất mãn trung du. Tùy hữu du tại, kỳ minh du tồn. Nhược du tận dĩ, minh diệt câu tận. Kỳ minh diệt giả, dụ phiền não diệt. Minh tuy diệt tận, đăng lô du tồn. Như Lai diệt nhĩ, phiền não tuy diệt, Pháp thân thường tồn.

Thiện nam tử! Ư ý vân hà? Minh dĩ đăng lô, vi câu diệt phủ?

Ca-diếp đáp ngôn: Phát dã, Thế Tôn. Tuy bất câu diệt, nhiên thị vô thường. Nhược dĩ Pháp thân dụ đăng lô giả, đăng lô vô thường, Pháp thân diệt nhĩ, ưng thị vô thường.

Thiện nam tử! Nữ kim bát ưng tác như thị nạn. Như thế gian ngôn khí, Như Lai Thế Tôn vô thượng Pháp khí. Bĩ khí vô thường, phi Như Lai dã. Nhất thiết pháp trung, Niết-bàn vi thường, Như Lai thể chi, cố danh vi thường.

復次善男子。言燈滅者是阿羅漢所證涅槃。以滅貪愛諸煩惱故喻之燈滅。阿那含者名曰有貪。以有貪故不得說言同於燈滅。是故我昔覆相說言。喻如燈滅。非大涅槃同於燈滅。阿那含者非數數來。又不還來二十五有。更不受於臭身蟲身食身毒身。是則名為阿那含也。若更受身名為那含。不受身者名阿那含。有去來者名曰那含。無去來者名阿那含。

大般涅槃經卷第四

終

Phục thứ, thiện nam tử! Ngôn đấng diệt giả, thị A-la-hán sở chứng Niết-bàn. Dĩ diệt tham ái chư phiền não cố, dụ chi đấng diệt. A-na-hàm giả, danh viết hữu tham. Dĩ hữu tham cố, bất đắc thuyết ngôn: “Đồng ư đấng diệt.” Thị cố ngã tích, phú tương thuyết ngôn dụ như đấng diệt. Phi Đại Niết-bàn đồng ư đấng diệt. A-na-hàm giả, phi sắc sắc lai, hựu bất hoàn lai, nhị thập ngũ hữu, cánh bất thọ ư xú thân, trùng thân, thực thân, độc thân. Thị tắc danh vi A-na-hàm dã. Nhược cánh thọ thân, danh vi Na-hàm, bất thọ thân giả, danh A-na-hàm. Hữu khứ lai giả, danh viết Na-hàm, vô khứ lai giả, danh A-na-hàm.

*Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ tứ*

*Chung*

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN BỐN

## PHẨM TÁNH NHƯ LAI

### Phẩm thứ tư - Phẩm một<sup>(1)</sup>

**P**hật lại bảo Bồ Tát Ca-diếp: “Thiện nam tử! Khi Đại Bồ Tát phân biệt và khai thị kinh Đại Bát Niết-bàn, có bốn ý nghĩa được biểu lộ. Thế nào là bốn? Một là tự sửa mình chân chánh, hai là làm cho kẻ khác trở nên chân chánh, ba là có thể tùy chỗ hỏi mà đáp, bốn là khéo giảng rõ nghĩa nhân duyên.

“Thế nào là tự sửa mình chân chánh? Như Phật Như Lai nhìn thấy các nhân duyên liền có chỗ thuyết dạy.

“Ví như có tỳ-kheo thấy đám lửa lớn, bèn nói rằng: ‘Thà tôi phải ôm đám lửa nóng ấy, chứ chẳng dám đối với tạng bí mật và Mười hai bộ kinh do Như Lai thuyết mà phỉ báng rằng: ‘Kinh ấy do Ma Ba-tuần thuyết.’

“Như người nói rằng: ‘Như Lai, Pháp, Tăng là vô thường.’ Người nói như vậy là tự đối gạt mình mà cũng đối gạt kẻ khác. Thà lấy dao bén tự cắt lưỡi mình, chứ không bao giờ nên nói rằng: ‘Như Lai, Pháp, Tăng là vô thường.’ Như nghe người khác nói ra lời ấy, cũng chớ nên tin nhận. Đối với kẻ nói ra lời ấy, nên đem lòng thương xót.

“Như Lai, Pháp, Tăng thật là không thể nghĩ bàn. Nên tin giữ lẽ ấy. Tự quán thân mình dường như đám lửa.

“Đó gọi là tự sửa mình chân chánh.

“Thế nào là làm cho kẻ khác trở nên chân chánh?

“Một lúc nọ, khi Phật đang thuyết pháp, có một phụ nữ còn đang cho con bú đến chỗ Phật ngự, cúi đầu lễ sát chân Phật rồi ngồi sang một bên, nhưng trong lòng vẫn có điều nghĩ tưởng.

“Lúc ấy, đức Thế Tôn biết ý nghĩ của cô ta nên dạy rằng: ‘Vì lòng thương con, cô đã cho con bú rất nhiều, chẳng biết số lượng, chẳng rõ là có tiêu hóa được hay không.’

“Liên đó, người phụ nữ bạch Phật rằng: ‘Lạ thay, Thế Tôn! Ngài biết được ý nghĩ trong lòng con. Xin Như Lai dạy con cách cho bú nhiều ít thế nào. Thế Tôn! Sáng nay con đã cho trẻ bú rất nhiều sữa, e rằng không tiêu hóa nổi, chẳng biết có hại mạng nó chăng? Xin đức Như Lai vì con giảng rõ.’

“Phật dạy: ‘Lượng sữa mà đứa con của cô đã bú, rồi sẽ tiêu hóa hết, giúp tăng thêm tuổi thọ.’

“Người phụ nữ nghe xong, trong lòng phấn chấn, lại bạch Phật: ‘Lời chân thật của Như Lai làm cho con vui mừng lắm.’ Như vậy, vì điều phục các chúng sanh, Thế Tôn đã khéo phân biệt nói các lẽ tiêu hoặc chẳng tiêu, lại cũng nói những lẽ vô ngã, vô thường của các pháp. Nếu trước hết, Phật Thế Tôn thuyết lẽ thường, những người theo học ngài tất sẽ nói rằng: ‘Pháp ấy cũng như pháp của ngoại đạo.’ Rồi họ sẽ bỏ ngài mà đi.

“Phật lại dạy người phụ nữ ấy rằng: ‘Nếu đứa con đã lớn, biết đi biết chạy, thì khi ăn vào có thể tiêu hóa được những món khó tiêu. Lúc đó, sữa của cô sẽ không đủ

cung cấp cho nó. Các đệ tử Thanh văn của ta cũng thế, họ như đứa con còn bú của cô, không tiêu hóa nổi pháp thường trụ này. Vì vậy nên trước hết, ta thuyết dạy họ những lẽ: khổ, vô thường. Đến khi nào các Thanh văn, đệ tử của ta có đủ công đức rồi, đủ sức tu tập kinh điển Đại thừa, ta mới thuyết với họ sáu vị ở kinh này. Thế nào là sáu vị? Ta thuyết dạy rằng: khổ, đó là vị chua; vô thường, đó là vị mặn; vô ngã, đó là vị đắng; lạc, đó là vị ngọt; ngã đó là vị cay; thường, đó là vị nhạt. Trong thế gian có ba vị, đó là: vô thường, vô ngã, vô lạc. Phiền não là củi, trí tuệ là lửa, với nhân duyên ấy được cơm Niết-bàn. Ta dạy các pháp thường, lạc, ngã, khiến cho các đệ tử đều được món ngon ưa thích.’

“Phật lại bảo người phụ nữ ấy rằng: ‘Như cô có việc phải đi đến xứ khác, nên xua đuổi những đứa con ngỗ nghịch ra khỏi nhà, rồi mới đem kho quý trong nhà mà giao cho những đứa con ngoan.’ Người phụ nữ bạch Phật rằng: ‘Đúng như lời Phật dạy, nên giao kho trân bảo cho những đứa con ngoan, không nên giao cho những đứa con ngỗ nghịch.’

“Phật dạy: ‘Này cô! Ta đây cũng thế, khi nhập Niết-bàn ta chẳng đem kho pháp vi diệu sâu kín và vô thượng của Như Lai mà trao cho các đệ tử Thanh văn; cũng như kho báu của cô không giao cho những đứa con ngỗ nghịch. Ta cần phó chúc cho hàng Bồ Tát, cũng như cô đem kho báu mà giao cho những đứa con ngoan. Vì sao vậy? Vì các đệ tử Thanh văn có tư tưởng biến đổi, cho rằng Phật Như Lai thật đã diệt độ. Nhưng ta thật ra chẳng có diệt độ. Ví như khi cô đi xa chưa về thì những đứa con ngỗ nghịch sẽ nói rằng cô đã chết. Mà thật ra cô không hề chết. Chư Bồ Tát đều nói rằng: Như Lai là

thường, chẳng biến đổi. Các vị ấy giống như những đứa con ngoan của cô, chẳng nói rằng cô đã chết. Vì nghĩa ấy, ta đem kho pháp bí mật vô thượng mà phó chúc cho chư Bồ Tát.’

“Thiện nam tử! Như có chúng sanh nào bảo rằng Phật là thường trụ, chẳng biến đổi, nên biết rằng có Phật ở tại nhà người ấy.

“Đó gọi là làm cho kẻ khác trở nên chân chánh.

“Thế nào là có thể tùy chỗ hỏi mà đáp?

“Như có người đến hỏi đức Thế Tôn rằng: ‘Tôi nên làm thế nào để không bỏ tiền của ra mà vẫn đáng gọi là bậc đại thí chủ?’

“Phật dạy: ‘Nếu có các vị sa-môn, bà-la-môn ít ham muốn, biết đủ, chẳng thọ nhận, chẳng chứa trữ những vật bất tịnh, nên thí cho các vị ấy những tôi trai tớ gái để làm kẻ hầu hạ sai khiến. Đối với những vị tu trì phạm hạnh, nên thí cho những nữ nhân. Đối với những người đã dứt bỏ rượu thịt, nên thí cho rượu thịt. Đối với những vị không ăn quá ngọt, nên thí cho những bữa cơm quá ngọt. Đối với những vị chẳng trang sức bằng hoa hương, nên thí cho hoa hương. Những người thí như vậy thì danh tiếng bố thí lan rộng ra khắp mọi nơi mà không phải mất mát tiền của chi cả.’ Đó gọi là có thể tùy chỗ hỏi mà đáp.”

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp bạch rằng: “Thế Tôn! Đối với người ăn thịt chẳng nên cho thịt. Vì sao vậy? Con thấy rằng người không ăn thịt được công đức lớn.”

Phật khen ngợi Bồ Tát Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Nay ông biết rõ ý ta. Bồ Tát hộ pháp nên làm như vậy.

“Thiện nam tử! Từ nay về sau ta không cho phép các đệ tử Thanh văn ăn thịt. Khi nhận ở người đàn-việt món thịt hiến cúng, nên quán tưởng đó như thịt con mình.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Tại sao Như Lai không cho phép ăn thịt?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Kẻ ăn thịt làm dứt mất hạt giống đại từ.”

Ca-diếp lại bạch Phật: “Vậy tại sao lúc trước Như Lai cho phép tỳ-kheo ăn ba loại tịnh nhục?”<sup>(2)</sup>

Phật dạy: “Ca-diếp! [Việc cho phép ăn] ba loại tịnh nhục, đó là tùy theo sự việc mà hạn chế dần dần.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà từ mười loại thịt bất tịnh cho đến chín loại tịnh nhục, Phật đều không cho phép dùng nữa?”<sup>(3)</sup>

Phật dạy Ca-diếp: “Đó cũng là nhân nơi sự việc mà ta dần dần hạn chế. Nên biết rằng đó là ý nghĩa vì sao nay ta cấm hẳn việc ăn thịt.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Tại sao Như Lai khen rằng cá là món ăn ngon?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta không hề nói rằng cá là món ăn ngon. Ta nói rằng: mía, cơm gạo, đường phèn, tất cả những thứ ngũ cốc cùng đường đen, sữa, bơ sữa, dầu... là những món ăn ngon. Tuy ta nói rằng có thể cất giữ các loại vải, nhưng phải làm cho mất vẻ đẹp đi,<sup>(4)</sup> huống chi lại còn ham thích ăn món cá hay sao?”

Ca-diếp lại bạch Phật: “Nếu Như Lai đã chế định không được ăn thịt, vậy sữa và các món được chế ra từ sữa, cùng với các loại dầu mè, cho đến các loại vải vóc, như hàng lụa kiêu-sa-da, những loại ngọc thạch, da thú, vàng bạc, chén bát<sup>(5)</sup>... các thứ ấy cũng chẳng nên dùng sao?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông không nên hiểu giống như bọn ngoại đạo Ni-kiên.<sup>(6)</sup> Như Lai chế định mỗi một giới cấm đều có dụng ý riêng. Vì có dụng ý riêng, nên ta cho phép ăn ba thứ tịnh nhục. Vì có dụng ý riêng, nên ta cấm dùng mười loại thịt bất tịnh. Và cũng vì có dụng ý riêng, nên nay ta cấm hẳn tất cả các loại thịt, kể cả thịt của những con thú tự nhiên chết, không bị giết hại.

“Ca-diếp! Kể từ hôm nay ta cấm tất cả các đệ tử không được ăn bất cứ loại thịt nào cả.

“Ca-diếp! Những người ăn thịt, trong khi đi, đứng, ngồi nằm đều xông ra hơi thịt, tất cả chúng sanh nghe hơi ấy, đều lấy làm sợ sệt. Ví như một người kia, đã gần gũi với sư tử, những kẻ khác khi gặp người ấy, nghe mùi hôi của sư tử cũng sanh lòng sợ sệt!

“Thiện nam tử! Ví như người ăn tỏi, xông ra mùi hôi khó chịu. Những ai gặp người ấy, người thấy mùi hôi liền bỏ đi. Dù là nhìn thấy từ xa còn chẳng muốn, huống chi lại muốn đến gần hay sao?

“Những người ăn thịt cũng như vậy. Tất cả chúng sanh khi người thấy mùi thịt thảy đều kinh sợ, phát sanh tư tưởng sợ chết. Những loài có mạng sống, hoặc lội dưới nước, hoặc đi trên đất, hoặc bay trên không trung, thảy đều xa lánh, đều cho rằng: ‘Người ấy là kẻ thù của chúng ta.’

“Bởi vậy, Bồ Tát không có thói quen ăn thịt. Vì độ chúng sanh nên các ngài thị hiện việc ăn thịt. Tuy thị hiện ăn thịt nhưng thật ra là chẳng ăn.

“Thiện nam tử! Hàng Bồ Tát như vậy, cả những món thanh tịnh còn chẳng ăn, huống chi lại ăn thịt hay sao?”



“Thiện nam tử! Sau khi ta nhập Niết-bàn, trải qua vô số năm, các vị thánh tu tập Tứ đạo<sup>(7)</sup> cũng đều nhập Niết-bàn. Chánh pháp diệt rồi, trong thời kỳ Tượng pháp sẽ có những tỳ-kheo, có vẻ như là giữ luật, nhưng ít đọc tụng kinh điển, tham muốn việc ăn uống, nuôi dưỡng xác thân. Họ mặc quần áo thô sơ xấu xí, hình dung tiêu tụy, chẳng có oai đức chi cả. Họ chăn bò, nuôi dê, gánh củi, đội cỏ, râu tóc để dài, móng tay ra nhọn...

“Tuy mặc áo cà-sa, nhưng bọn họ giống như thợ săn; mắt nhìn lăm lét, chân bước từ từ dường như mèo rình chuột. Họ thường nói rằng: ‘Ta đắc quả A-la-hán.’

“Họ có nhiều bệnh khổ, ngủ nằm nơi phần uest. Bên ngoài họ ra vẻ hiền lành mà trong lòng ôm giữ sự tham lam, đố kỵ, như người thợ phép cảm không nói của bà-la-môn.

“Họ đội lột sa-môn nhưng thật chẳng phải sa-môn, trong lòng đầy tà kiến, phỉ báng Chánh pháp.

“Những người như vậy phá hoại các giới luật mà Như Lai đã chế định, phá hoại oai nghi của hạnh chân chánh và quả giải thoát mà Phật đã thuyết. Họ lìa bỏ pháp thanh tịnh và phá hoại giáo pháp sâu xa bí mật của chư Phật.

“Mỗi người trong bọn họ đều theo ý mình mà nói ngược lại với kinh luật. Họ nói rằng: ‘Như Lai cho phép chúng tôi ăn thịt.’ Họ tự biện luận như thế, nhưng lại nói đó là lời Phật dạy. Họ cãi lầy và kiện cáo nhau, người nào cũng tự xưng mình là sa-môn Thích tử.

“Thiện nam tử! Lúc bấy giờ lại có những sa-môn chứa trữ lúa thóc, nhận các món thịt cá rồi tự tay làm lấy món ăn; cầm nắm bình dầu, lọng báu, giày da, thân cận với quốc vương, đại thần, trưởng giả; xem thiên văn đoán vận mệnh, học nghề làm thuốc; nuôi dưỡng nô tỳ,

chất chứa vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, pha lê, trân châu, san hô, hổ phách, ngọc bích, ngọc thạch, các thứ dưa quả... Họ học các nghề tinh xảo, vẽ hình, nắn tượng, viết sách, dạy học, gieo giống, trồng cây, làm thuốc độc, bùa chú, pha chế thuốc, đàn ca hát xướng, cài hoa xức hương, đánh bạc đánh cờ, học các nghề nghiệp...

“Nếu có những tỳ-kheo nào có thể rời bỏ các việc xấu ác ấy, nên nói rằng những vị ấy là đệ tử chân thật của ta.”

Lúc ấy, Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Chư tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di sống nhờ vào người khác. Trong khi khát thực, như gặp những món ăn có xen lẫn thịt thì nên ăn thế nào cho đúng phép thanh tịnh?”

Phật dạy: “Ca-diếp! Nên dùng nước mà rửa, loại bỏ thịt ra khỏi thức ăn rồi mới ăn. Như bát đựng cơm bị thịt làm ô uest, hãy rửa cho hết mùi vị đi rồi dùng thì không có tội. Như thấy trong thức ăn có nhiều thịt, chớ nên nhận lấy. Bất cứ món ăn nào nhìn thấy có thịt đều không nên ăn, nếu ăn thì có tội.

“Nay ta nói phép cấm ăn thịt là như vậy, nếu nói rộng ra thì không thể hết. Sắp đến lúc nhập Niết-bàn nên ta chỉ dạy chỗ đại lược như thế. Đó gọi là có thể tùy chỗ hỏi mà đáp.

“Ca-diếp! Thế nào là khéo giảng rõ nghĩa nhân duyên? Như có tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di đến hỏi ta rằng: ‘Thế Tôn! Nghĩa lý như vậy, tại sao lúc ban đầu Như Lai chẳng thuyết với vua Ba-tư-nặc ý nghĩa sâu xa vi diệu của pháp môn ấy? Hoặc khi thì thuyết lẽ sâu xa, khi thì thuyết lẽ nông cạn, hoặc khi gọi là phạm giới, khi gọi là chẳng phạm giới? Thế nào gọi là sa đọa? Thế nào gọi là giới luật? Thế nào là ý nghĩa của Ba-la-đề-mộc-xoa?’

“Phật dạy: ‘Ba-la-đề-mộc-xoa gọi là biết đủ, thành tựu các oai nghi, không nhận lãnh và chứa trữ gì cả, cũng gọi là đời sống trong sạch.

“Sa đọa tức là bốn nẻo ác.<sup>(8)</sup>

“Sa đọa lại cũng có nghĩa là sa đọa vào địa ngục, cho tới rơi vào địa ngục Vô gián.<sup>(9)</sup> Luận về chỗ mau chậm thì sự sa đọa ấy còn nhanh hơn cả cơn mưa to trút xuống. Người nghe biết như vậy phải sanh lòng kính sợ, giữ bền giới cấm, chẳng phạm oai nghi, tu tập hạnh biết đủ, đối với tất cả những vật bất tịnh đều không nhận lãnh.

“Sa đọa cũng có nghĩa là nuôi lớn thêm những cảnh giới địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

“Vì những nghĩa trên, nên gọi là sa đọa.

“Ba-la-đề-mộc-xoa<sup>(10)</sup> nghĩa là lìa bỏ những nghiệp bất thiện, tà vạy của thân, miệng, ý. Giới luật nghĩa là oai nghi của tám giới,<sup>(11)</sup> những nghĩa lành trong kinh sâu xa, ngăn chặn việc nhận lãnh hết thảy những vật bất tịnh cùng những nhân duyên bất tịnh, cũng ngăn dứt Bốn tội trọng,<sup>(12)</sup> Mười ba tội tăng tàn,<sup>(13)</sup> Hai tội không xác định,<sup>(14)</sup> Ba mươi tội xả đọa,<sup>(15)</sup> Chín mươi tội đơn đọa,<sup>(16)</sup> Bốn tội cần sám hối,<sup>(17)</sup> Một trăm hành vi không tốt cần phải học biết để tránh,<sup>(18)</sup> Bảy phép dứt tranh cãi.<sup>(19)</sup>

“Hoặc cũng có kẻ phạm vào tất cả các giới. Thế nào là tất cả? Đó là từ Bốn tội trọng cho tới Bảy phép dứt tranh cãi.

“Lại như có người phỉ báng Chánh pháp của kinh điển rất sâu xa, cho đến những kẻ nhất-xiển-đề,<sup>(20)</sup> hoặc kẻ cho là mình được thành tựu đầy đủ, dứt hết tất cả tướng, không còn nhân duyên. Những người như vậy

đều tự nói rằng: ‘Ta là người thông minh, có trí tuệ sắc bén.’ Các tội nặng hay nhẹ họ đều che giấu cả; họ che giấu các điều ác như con rùa giấu cả đầu đuôi và bốn chân vào dưới mu. Những tội như vậy, kéo dài mãi chẳng hề hối hận. Bởi không hối hận, nên tội lỗi ngày càng nhiều hơn. Những tỳ-kheo ấy đã phạm tội nhưng rốt cùng vẫn luôn giấu kín. Điều đó làm cho tội lỗi ngày càng lớn thêm, lan rộng. Như Lai đã biết việc ấy, nên lần lượt chế các giới cấm chứ không nói ra một lúc.

“Bấy giờ, có những thiện nam tử, thiện nữ nhân bạch Phật rằng: ‘Thế Tôn! Như Lai biết việc như vậy đã lâu rồi, tại sao trước đó không ngăn cấm? Lẽ nào Thế Tôn muốn cho chúng sanh phải vào địa ngục Vô gián hay sao? Ví như có nhiều người muốn đi đến phương khác, nhưng lạc mất con đường chính, đi theo đường lạc hướng. Những người ấy chẳng biết rằng họ đang đi lạc, thảy đều cho rằng mình đi đúng đường. Họ lại chẳng gặp ai để có thể hỏi xem đường đi đúng hay chẳng đúng.

“Chúng sanh cũng như thế, mê lạc mất Phật pháp, chẳng thấy được chỗ chân chánh. Như Lai trước nên vì họ chỉ dạy con đường chân chánh, dạy các tỳ-kheo rằng: Thế này là phạm giới. Thế này là trì giới. Ngài nên ngăn cấm như vậy. Vì sao vậy? Vì Như Lai Chánh giác là bậc chân thật, thấy biết con đường chân chánh. Chỉ có Như Lai, vị cao trời nhất trong các cõi trời, mới có thể thuyết dạy chỗ tăng thêm công đức và ý nghĩa của Mười điều lành. Vì vậy chúng con khải thỉnh Như Lai nên chế giới cấm từ trước khi xảy việc.’

“Phật dạy: ‘Thiện nam tử! Nếu nói rằng Như Lai có thể vì chúng sanh giảng dạy chỗ tăng thêm công đức của Mười điều lành, vậy tức là Như Lai coi chúng sanh

đồng như La-hầu-la. Sao lại vặn hỏi rằng: ‘Lẽ nào Thế Tôn muốn cho chúng sanh phải vào địa ngục?’ Khi ta thấy một người có nghiệp duyên phải đọa vào địa ngục Vô gián, ta còn vì người ấy mà trụ thế một kiếp hoặc một kiếp giảm. Ta có lòng đại từ bi đối với chúng sanh, đã thương như con một của mình thì duyên có chi lại đối gạt để cho chúng sanh phải vào địa ngục?

“Thiện nam tử! Ví như trong nước của vua có người mặc áo nọp y,<sup>(21)</sup> trước nhìn thấy áo có lỗ rách, rồi sau mới vá kín lại. Như Lai cũng thế, thấy chúng sanh có nhân duyên vào địa ngục Vô gián, mới dùng những giới lành mà vá kín những chỗ chẳng lành cho họ.

“Thiện nam tử! Ví như vị Chuyển luân Thánh vương, trước vì chúng sanh thuyết dạy Mười điều lành. Rồi về sau, nếu có những người làm ác, vua ấy sẽ tùy việc mà dần dần dứt bỏ những việc ác. Những việc ác đã dứt rồi thì phép tắc của Thánh vương tự nhiên lưu hành.

“Thiện nam tử! Ta đây cũng thế. Tuy có thuyết dạy, nhưng không thể chế các giới cấm từ trước. Cần phải dần dần do nơi những tỳ-kheo có việc làm phi pháp, mới theo từng việc mà chế các giới cấm. Có những chúng sanh hăm mộ Phật pháp, theo đúng lời dạy mà tu hành. Những chúng như vậy mới có thể thấy được Pháp thân Như Lai.

“Ví như bánh xe báu của vị Chuyển luân vương là không thể nghĩ bàn. Như Lai cũng như thế, không thể nghĩ bàn. Hai ngôi báu Pháp và Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Người có thể thuyết pháp và người nghe pháp cũng đều là không thể nghĩ bàn.

“Đó gọi là khéo giảng rõ nghĩa nhân duyên.

“Bồ Tát phân biệt và khai thị bốn ý nghĩa biểu lộ ra như vậy,<sup>(22)</sup> đó gọi là nghĩa nhân duyên trong Đại Niết-bàn của Đại thừa.

“Lại nữa, tự sửa mình chân chánh, ấy là đạt được Đại Bát Niết-bàn này. Làm cho kẻ khác trở nên chân chánh, là như ta vì các tỳ-kheo mà thuyết rằng: ‘Như Lai thường tôn, chẳng biến đổi.’ Ca-diếp! Tùy chỗ hỏi mà đáp, là như nhân nơi chỗ hỏi của ông mà ta thuyết rộng nghĩa lý rất thâm sâu vì diệu này với các vị Đại Bồ Tát, tỳ-kheo, tỳ-kheo ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di. Về nghĩa nhân duyên, hàng Thanh văn, Duyên giác chẳng thể hiểu rõ nghĩa rất sâu xa như vậy, chẳng nghe biết rằng chữ Y ( 𑖦 ) do ba chấm hợp thành, cũng như tạng bí mật do Giải thoát, Niết-bàn và Đại trí tuệ Bát-nhã hợp thành.

“Nay ta xiển dương phân biệt nghĩa này, vì hàng Thanh văn mà khai mở con mắt trí tuệ. Ví như có người nói rằng: ‘Trong bốn việc kể trên, sao gọi là một, chẳng phải là hư dối đó sao?’ Nên hỏi ngược lại rằng: ‘Như hư không đây vốn không có gì cả, chẳng động, chẳng ngại. Bốn việc ấy có gì khác nhau? Vậy có thể nói là hư dối chẳng?’”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn, không phải. Những lời như vậy đều là một nghĩa, ấy là nghĩa không. Các việc như tự sửa mình chân chánh, làm cho kẻ khác trở nên chân chánh, tùy chỗ hỏi mà đáp, giảng rõ nghĩa nhân duyên, cũng đều là như vậy, tức là Đại Niết-bàn, chẳng có gì khác nhau.”

Phật bảo Ca-diếp: “Như có kẻ nói rằng: Như Lai là vô thường. Làm sao biết là vô thường? Như Phật có nói: Dứt các phiền não gọi là Niết-bàn, cũng như lửa tắt chẳng còn gì cả. Dứt các phiền não lại cũng như vậy, cho

nên gọi là Niết-bàn. Vậy làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi?

“Như Phật có nói: Lìa khỏi các cảnh giới hiện hữu<sup>(23)</sup> mới gọi là Niết-bàn. Vậy trong Niết-bàn không có các cảnh giới hiện hữu, làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi?

“Như cái áo đã hư rách hết thì chẳng còn giống vật gì. Niết-bàn cũng thế, diệt hết các phiền não thì chẳng còn gì cả. Vậy làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi?

“Như Phật có nói: Lìa dục tịch diệt, gọi là Niết-bàn. Như người kia bị chém đầu, tức không có đầu. Lìa dục tịch diệt lại cũng như vậy, không có chi cả nên gọi là Niết-bàn. Vậy làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi? Như Phật có nói:

Ví như sắt nung đỏ,  
Búa nện, nháng lửa văng.  
Văng ra liền diệt mất,  
Chẳng biết ở nơi nào!  
Được giải thoát chân chánh,  
Lại cũng như vậy đó.  
Đã vượt khỏi: dâm dục,  
Các cảnh giới, bần lây,  
Được chỗ không lay động,  
Chẳng biết tới nơi nào!

“Vậy làm sao Như Lai lại là pháp thường trụ, không biến đổi?

“Ca-diếp! Như có người vặn hỏi [những điều] như vậy, thì đó là sự vặn hỏi sai trái. Ca-diếp! Ông cũng chẳng

nên nghĩ tưởng như thế, cho rằng tánh của Như Lai là dứt mất.

“Ca-diếp! Việc dứt các phiền não không thuộc về sự vật. Vì sao vậy? Vì dứt sạch mãi mãi nên gọi là thường. Nói như vậy nghĩa là vắng lặng hoàn toàn, không còn chi hơn nữa. Dứt sạch hết các tướng, chẳng còn chút dấu vết. Nói như vậy nghĩa là sáng rõ, thường trụ, chẳng thối lui. Vậy nên Niết-bàn gọi là thường trụ.

“Như Lai cũng thế, thường trụ, chẳng biến đổi. Khi búa nện xuống sắt đỏ, nháng lửa liền văng ra, đó là ví như phiền não. Văng ra liền diệt mất, chẳng biết ở nơi nào, đó là ví như các đức Như Lai đã dứt sạch phiền não, chẳng lưu chuyển trong Năm đường.<sup>(24)</sup> Cho nên Như Lai là pháp thường trụ, chẳng biến đổi.

“Lại nữa, Ca-diếp! Pháp là thầy của chư Phật, cho nên Như Lai cung kính cúng dường. Vì pháp là thường, nên chư Phật cũng là thường.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Như lửa phiền não dứt thì Như Lai cũng dứt. Như vậy tức là Như Lai không có chỗ thường trụ. Ví như những nháng lửa kia, khi màu đỏ tắt mất thì chẳng biết đi đến chỗ nào. Phiền não của Như Lai cũng vậy, chẳng biết đi đến chỗ nào. Lại như khối sắt kia, nung nóng có màu đỏ, khi nguội rồi thì hơi nóng và màu đỏ đều không còn nữa. Như Lai cũng thế, diệt rồi là vô thường, lửa phiền não đã dứt, liền nhập Niết-bàn. Nên biết rằng Như Lai là vô thường.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Khối sắt mà ông ví dụ đó, ấy là hạng phàm phu. Phàm phu tuy dứt phiền não, nhưng dứt rồi lại sanh ra, cho nên gọi là vô thường. Như Lai chẳng phải vậy, đã dứt rồi chẳng sanh ra nữa, cho nên gọi là thường.”

Bồ Tát Ca-diếp lại nói: “Như khối sắt kia đã mất màu đỏ, nếu đặt trở vào trong lửa thì màu đỏ lại sanh ra. Như Lai cũng thế, lẽ ra lại sanh các mối trói buộc. Nếu trói buộc lại sanh ra, tức là vô thường.”

Phật dạy: “Ca-diếp! Nay ông không nên nói Như Lai là vô thường. Tại sao vậy? Vì Như Lai là thường.

“Thiện nam tử! Như người đốt cây, lửa tắt rồi thì có tro. Phiền não dứt rồi, liền có Niết-bàn. Những ví dụ khác như cái áo rách nát, cái đầu bị chém, cái bình hư bể... cũng đều như vậy. Những vật ấy đều có tên gọi, như là cái áo rách nát, cái đầu bị chém, cái bình hư bể...

“Ca-diếp! Như sắt nguội rồi, có thể làm nóng lại. Như Lai chẳng phải thế, dứt sạch phiền não, rốt ráo trở nên trong sạch mát mẻ, lửa nóng phiền não không thể sanh trở lại.

“Ca-diếp! Nên biết rằng vô lượng chúng sanh cũng giống như sắt kia, ta dùng lửa nóng của trí tuệ vô lậu mà đốt cháy những phiền não trói buộc họ.”

Ca-diếp bạch rằng: “Lành thay, lành thay! Nay con đã rõ chỗ Như Lai thuyết dạy: ‘Chư Phật là thường tồn.’”

Phật dạy: “Ca-diếp! Ví như vị thánh vương, thường ngự nơi hậu cung, hoặc có khi ra sau vườn ngoạn cảnh. Dù vua chẳng ở giữa các cung nữ, nhưng không thể nói là thánh vương đã chết.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, dù nhập Niết-bàn, chẳng hiện ra ở cõi Diêm-phù-đề, nhưng không thể nói là vô thường.

“Như Lai đã ra khỏi vô lượng phiền não, vào cảnh an vui Niết-bàn, dạo chơi thanh thoát trong vườn hoa trí tuệ giác ngộ.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Như Phật có nói: ‘Từ lâu ta đã vượt qua biển cả phiền não.’ Nếu như Phật đã vượt qua biển phiền não từ lâu, vậy duyên có gì lại cùng bà Da-du-đà-la sanh ra La-hầu-la? Cứ theo như việc này thì thấy rằng Như Lai chưa vượt qua biển cả phiền não trói buộc. Vậy xin Như Lai giảng rõ nhân duyên này.”

Phật bảo Ca-diếp: “Ông chẳng nên nói rằng: ‘Như Lai từ lâu đã vượt qua biển cả phiền não, vậy duyên có gì lại cùng bà Du-da-đà-la sanh ra La-hầu-la? Cứ theo như việc này thì thấy rằng Như Lai chưa vượt qua biển cả phiền não trói buộc.’

“Thiện nam tử! Kinh Đại Niết-bàn này có thể kiến lập nghĩa lớn. Nay các ông nên hết lòng lắng nghe, ta sẽ vì mọi người mà thuyết rộng, chớ nên sanh tâm sợ sệt, nghi ngờ.

“Như có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, vị ấy có thể đem núi chúa Tu-di cao rộng như thế kia mà đưa vào trong vỏ hạt đình lịch.<sup>(25)</sup> Trong khi đó, những chúng sanh sống ở núi Tu-di ấy cũng chẳng có cảm giác bị dồn ép và mang đi, vẫn thấy như thường, không có chi lạ. Chỉ có người cần được hóa độ<sup>(26)</sup> mới thấy vị Bồ Tát ấy đem núi Tu-di đặt vào vỏ hạt đình lịch, rồi đặt núi ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

“Thiện nam tử! Lại như có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, vị ấy có thể đem cõi thế giới tam thiên đại thiên mà đặt vào trong vỏ hạt đình lịch. Trong khi ấy, chúng sanh ở toàn cõi thế giới chẳng có cảm tưởng là bị dồn ép và bị mang đi, thấy đều như thường, không có chi khác lạ. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy vị Bồ Tát ấy đem cõi thế giới tam thiên đại thiên mà đặt vào

vỏ hạt đình lịch, rồi đặt cối ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

“Thiện nam tử! Cũng giống như vậy, vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn có thể đem cối thế giới tam thiên đại thiên đặt vào một chỗ chân lông, rồi lại đem cối ấy đặt về chỗ cũ.

“Thiện nam tử! Lại có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, nắm lấy nhiều cối thế giới tam thiên đại thiên của chư Phật ở mười phương, đặt nơi đầu một cây kim, như xâu những lá táo lại, rồi ném những cối ấy đến các cối Phật ở phương khác. Trong khi ấy, tất cả chúng sanh ở những cối ấy chẳng hay biết rằng mình bị mang đi hay đang ở chỗ nào. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy được việc ấy. Cho đến khi Bồ Tát đặt những cối ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

“Thiện nam tử! Lại có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, nắm lấy các cối thế giới tam thiên đại thiên của chư Phật ở mười phương, đặt nơi lòng bàn tay phải của mình, như cái bàn xoay của người thợ lò gốm, rồi ném những cối ấy đến các cối thế giới nhiều như những hạt bụi nhỏ ở các phương khác, mà chẳng có một chúng sanh nào ở các cối ấy có cảm giác là bị mang đi. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy được việc ấy. Cho đến khi Bồ Tát đặt những cối ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

“Thiện nam tử! Lại có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, bứt lấy tất cả những cối thế giới của vô lượng chư Phật trong mười phương, dồn nập hết vào thân mình. Chúng sanh trong các cối ấy cũng chẳng có những cảm giác như là bị dồn ép, bị mang đi hay bị đặt ở chỗ nào. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy được việc ấy. Cho

đến khi Bồ Tát đặt những cối ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

“Thiện nam tử! Lại có vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn, đem tất cả các cối thế giới trong mười phương mà dồn nập vào trong một hạt bụi nhỏ. Các chúng sanh ở trong các cối ấy cũng chẳng có cảm giác là bị dồn ép và bị mang đi. Chỉ có người cần được hóa độ mới thấy được việc ấy. Cho đến khi Bồ Tát đặt những cối ấy trở lại chỗ cũ một cách yên ổn.

“Thiện nam tử! Vị Đại Bồ Tát trụ ở Đại Niết-bàn như vậy, có thể thị hiện vô số các loại thần thông biến hóa. Vì vậy nên gọi là Đại Bát Niết-bàn. Vô số các loại thần thông biến hóa mà vị Đại Bồ Tát ấy có thể thị hiện như vậy, tất cả chúng sanh đều không thể tính lường được.

“Nay ông làm sao có thể hiểu nổi chỗ Như Lai gần gũi ái dục, sanh ra La-hầu-la?

“Thiện nam tử! Từ lâu ta đã trụ ở Đại Niết-bàn này, thị hiện đủ các loại thần thông biến hóa. Ở thế giới tam thiên đại thiên này, trăm ngàn mặt trời mặt trăng, trăm ngàn cối Diêm-phù-đề, đủ mọi cách thị hiện, như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có giảng rộng.

“Ta ở trong cối thế giới tam thiên đại thiên, hoặc trong cối Diêm-phù-đề thị hiện nhập Niết-bàn, nhưng rất ráo không chấp giữ Niết-bàn. Hoặc ta ở cối Diêm-phù-đề thị hiện vào thai mẹ, khiến cha mẹ tưởng rằng ta là con. Nhưng thân này của ta hoàn toàn chẳng do ái dục hòa hiệp mà có thể sanh ra được. Từ vô lượng kiếp đến nay ta đã lìa bỏ ái dục. Thân này của ta tức là Pháp thân, vì tùy thuận thế gian nên thị hiện vào trong bào thai.

“Thiện nam tử! Tại cõi Diêm-phù-đề, trong vườn Lam-tì-ni,<sup>(27)</sup> ta thị hiện sanh ra bởi mẹ là bà Ma-da. Sanh ra rồi, ta liền đi bảy bước về phương đông, nói lên lời này: ‘Trong cõi trời, người, a-tu-la, ta là bậc cao quý hơn hết.’<sup>(28)</sup> Cha mẹ, mọi người, chư thiên thấy vậy đều lấy làm kinh dị và vui mừng, cho là việc chưa từng có.

“Nhưng ai nấy đều bảo rằng ta vẫn là một hài nhi. Tuy vậy, thân này của ta từ vô lượng kiếp đến nay đã lìa khỏi mọi cách nuôi dưỡng thông thường. Thân Như Lai tức là Pháp thân, chẳng phải do máu thịt, gân, mạch, cốt tủy mà thành. Vì tùy thuận theo pháp thế gian của chúng sanh nên thị hiện làm một hài nhi.

“Ta đi bảy bước về phương nam, thị hiện muốn làm chỗ ruộng phước cao trời nhất cho vô lượng chúng sanh.

“Ta đi bảy bước về phương tây, thị hiện không còn sanh ra nữa, mãi mãi chấm dứt sự già, chết, hiện thân cuối cùng.

“Ta đi bảy bước về phương bắc, thị hiện đã vượt khỏi mọi cảnh giới hiện hữu trong sanh tử.

“Ta đi bảy bước về phương đông, thị hiện làm bậc đi đầu dẫn đường cho tất cả chúng sanh.

“Ta đi bảy bước về bốn phương phụ,<sup>(29)</sup> thị hiện dứt sạch mọi phiền não và bốn thứ ma, thành bậc Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri.

“Ta đi bảy bước về phương trên, thị hiện chẳng bị nhiễm ô bởi những vật bất tịnh, dường như hư không.

“Ta đi bảy bước về phương dưới, thị hiện mưa pháp rưới tắt lửa địa ngục, khiến các chúng sanh ở đó được niềm vui an ổn, thị hiện [phá tan mọi tà kiến như] mù

sương và mưa đá [làm dập nát mọi thứ cây cỏ] đối với những kẻ phạm vào giới cấm.

“Ở cõi Diêm-phù-đề, khi sanh ra được bảy ngày ta lại thị hiện việc cạo tóc. Ai nấy đều gọi ta là một hài nhi. Lúc mới cạo tóc, hết thấy hàng trời, người, Ma vương Ba-tuần, sa-môn, bà-la-môn, không ai có thể thấy được tướng trên đỉnh đầu<sup>(30)</sup> của ta, hướng chi là có việc cầm dao cạo tóc? Không một người nào có thể cầm dao chạm được đến đỉnh đầu ta cả. Vì trong vô lượng kiếp ta vốn đã dứt trừ râu tóc, chỉ vì muốn tùy thuận pháp thế gian nên mới thị hiện việc cạo tóc đó thôi.

“Ta sanh ra rồi, cha mẹ bèn đưa ta vào đền thờ thiên thần để ta ra mắt vị Đại tự tại Thiên vương.<sup>(31)</sup> Vừa trông thấy ta, Đại tự tại Thiên vương liền chấp tay cung kính đứng sang một bên. Trong vô lượng kiếp qua ta đã lìa bỏ không vào những nơi thờ thiên thần như thế, chẳng qua vì muốn tùy thuận thế gian nên mới thị hiện như vậy.

“Ở cõi Diêm-phù-đề, ta thị hiện việc xỏ lỗ tai. Thật ra, trong tất cả chúng sanh không ai có thể xỏ lỗ tai ta được. Chẳng qua vì tùy thuận chúng sanh ở thế gian nên ta thị hiện như vậy. Người ta lại dùng các vật báu làm ra hoa tai sư tử để làm đẹp hai lỗ tai của ta. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp qua ta đã lìa bỏ những món trang sức như vậy. Chẳng qua vì muốn tùy thuận thế gian nên ta mới thị hiện như vậy.

“Ta thị hiện vào học đường, học tập sách vở. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp ta đã thành tựu đầy đủ, nhìn khắp chúng sanh trong Ba cõi không ai đủ sức làm thầy ta, cho nên danh hiệu của ta là Như Lai, Ứng cúng, Chánh biến tri. Chẳng qua vì muốn tùy thuận thế gian mà ta

thị hiện vào học đường. Ta học các phép cưỡi voi, phi ngựa, đấu sức và đủ các nghề khéo léo cũng chỉ là sự thị hiện tùy thuận chúng sanh giống như vậy.

“Ở cõi Diêm-phù-đề, ta thị hiện làm thái tử con vua. Chúng sanh đều thấy ta làm thái tử, vui hưởng năm món dục lạc.<sup>(32)</sup> Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp ta đã lìa bỏ sự vui thích năm món dục lạc ấy. Chẳng qua vì muốn tùy thuận phép thế gian, cho nên ta thị hiện tướng trạng như vậy.

“Vị thầy xem tướng cho ta đoán rằng: ‘Nếu không xuất gia sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, thống trị cõi Diêm-phù-đề.’ Tất cả chúng sanh đều tin lời ấy. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp ta đã lìa bỏ ngôi Chuyển luân mà làm vị Pháp luân vương.<sup>(33)</sup>

“Ở cõi Diêm-phù-đề, ta thị hiện lìa bỏ sự vui hưởng năm món dục với các cung nữ. Lại thị hiện gặp người già, người bệnh và thầy sa-môn, rồi xuất gia tu học đạo lý. Chúng sanh đều nói rằng: ‘Thái tử Tất-đạt mới vừa xuất gia.’ Tuy nhiên, ta vốn đã xuất gia học đạo từ vô lượng kiếp. Chẳng qua tùy thuận phép thế gian nên thị hiện như vậy.

“Ở cõi Diêm-phù-đề, ta thị hiện xuất gia, thọ giới cụ túc, tinh cần tu đạo, đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Chúng sanh đều bảo rằng ta thành tựu quả A-la-hán rất dễ dàng. Tuy nhiên, ta đã thành tựu quả A-la-hán từ vô lượng kiếp. Chẳng qua vì muốn độ thoát chúng sanh nên ta trải khổ làm tòa ngồi ở đạo tràng nơi cội cây bồ-đề mà hàng phục chúng ma. Mọi người đều bảo rằng ta mới vừa hàng phục binh ma ở đạo tràng nơi cội cây bồ-đề. Tuy nhiên,

ta đã hàng phục chúng ma từ vô lượng kiếp rồi. Chẳng qua vì muốn độ những chúng sanh ngang bướng nên ta thị hiện cách hóa độ ấy mà thôi.

“Ta lại thị hiện các việc đại, tiểu tiện, thở ra, thở vào... Ai nấy đều bảo ta có đại, tiểu tiện, thở ra, thở vào... Tuy nhiên, phước báo mà thân ta đây có được thật không có những việc đại, tiểu tiện, thở ra, thở vào ấy. Chẳng qua ta tùy thuận thế gian nên thị hiện như vậy.

“Ta lại thị hiện nhận sự bố thí của người có lòng tin. Tuy nhiên, thân ta vốn không có sự đói khát. Chẳng qua tùy thuận pháp thế gian nên ta thị hiện như vậy.

“Ta lại thị hiện đồng như chúng sanh, có sự ngủ nghỉ. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp rồi, ta đã có đầy đủ trí tuệ sâu xa mẫu nhiệm hơn hết, lìa xa Ba cõi.

“Ta cũng thị hiện những oai nghi như đi, đứng, nằm, ngồi, nhúc đầu, đau bụng, đau lưng, khảy đàn, rửa chân, rửa tay, rửa mặt, súc miệng, xỉa răng... Mọi người đều bảo rằng ta có những việc ấy. Tuy nhiên, thân này của ta vốn không có những việc ấy. Tay chân ta vốn sạch sẽ như hoa sen, hơi miệng ta thơm tho như hương hoa ưu-bát-la. Tất cả chúng sanh đều bảo rằng ta là người, nhưng thật ra ta vốn chẳng thuộc về loài người.

“Ta lại thị hiện thọ nhận y phấn tảo<sup>(34)</sup> rồi giặt giũ, vá may. Tuy nhiên, từ lâu ta vốn chẳng cần đến thứ áo như vậy.

“Mọi người đều nói rằng La-hầu-la là con ta, vua Tịnh-phạn<sup>(35)</sup> là cha ta, phu nhân Ma-da<sup>(36)</sup> là mẹ ta. Ta ở tại thế gian, thọ hưởng các sự khoái lạc, rồi lìa bỏ tất cả để xuất gia học đạo. Mọi người lại nói rằng: ‘Vị thái tử họ Cồ-đàm ấy lìa xa mọi sự vui sướng của thế gian, tìm cầu pháp xuất thế gian.’ Tuy nhiên, từ lâu ta đã lìa



xa mọi ái dục thế gian. Những việc như vậy chỉ là sự thị hiện. Tất cả chúng sanh đều bảo rằng ta là người, nhưng thật ra ta vốn chẳng thuộc về loài người.

“Thiện nam tử! Tuy rằng ta ở tại cõi Diêm-phù-đê này đã biết bao lần thị hiện nhập Niết-bàn, nhưng thật rất ráo chẳng nhập Niết-bàn. Chúng sanh đều bảo rằng Như Lai đã diệt mất, nhưng tánh Như Lai thật vĩnh viễn không diệt mất. Vì vậy, nên biết rằng đó là pháp thường trụ, pháp chẳng biến đổi.

“Thiện nam tử! Đại Niết-bàn là cõi pháp của chư Phật Như Lai. Ta lại thị hiện ra đời trong cõi Diêm-phù-đê. Chúng sanh đều bảo rằng ta mới thành Phật. Tuy nhiên, từ vô lượng kiếp ta đã làm xong những việc phải làm. Chẳng qua tùy thuận thế gian nên ta lại thị hiện ra đời rồi thành Phật ở cõi Diêm-phù-đê.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đê, không giữ giới cấm, phạm Bốn tội trọng.<sup>(37)</sup> Mọi người đều thấy, bảo rằng ta thật có phạm giới. Tuy nhiên, trong vô lượng kiếp rồi ta đã giữ giới cấm một cách kiên cố, chẳng hề có sự thiếu sót lỗi lầm.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đê, làm kẻ nhất-xiển-đê.<sup>(38)</sup> Mọi người đều thấy đó là kẻ nhất-xiển-đê. Tuy nhiên, ta thật chẳng phải là kẻ nhất-xiển-đê. Nếu ta là kẻ nhất-xiển-đê, làm sao có thể thành quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đê?

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đê, phá hòa hiệp Tăng. Chúng sanh đều bảo rằng ta là kẻ phá Tăng. Thật ra, ta quán xét khắp cõi trời người vốn chẳng ai có thể phá được Chúng tăng hòa hiệp!

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đê, hộ trì Chánh pháp. Ai nấy đều bảo rằng ta là người hộ pháp, thầy đều lấy làm kinh quái. Nhưng pháp của chư Phật là như thế, chẳng nên lấy làm kinh quái.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đê, làm ma Ba-tuần. Ai nấy đều bảo rằng ta là Ba-tuần. Tuy nhiên, từ vô lượng kiếp tới nay, ta đã lìa khỏi những việc của ma, thanh tịnh không nhiễm ô như hoa sen.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đê, làm thân nữ thành Phật. Mọi người đều nói: ‘Kỳ lạ thay! Người nữ mà có thể thành tựu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đê!’ Thật ra, Như Lai rất cùng chẳng thọ thân nữ. Chẳng qua vì muốn điều phục vô lượng chúng sanh nên hiện ra hình tượng người nữ. Vì thương xót tất cả chúng sanh, cho nên ta cũng thị hiện ra đủ mọi thứ hình sắc, cảnh tượng.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đê, sanh vào bốn nẻo ác.<sup>(39)</sup> Tuy nhiên, từ lâu ta đã dứt hết các nhân sanh vào đó. Chúng sanh vì nghiệp nhân mới sanh vào bốn nẻo ác, còn ta vì cứu độ chúng sanh nên sanh vào đó.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đê làm Phạm thiên vương, khiến những ai thờ Phạm thiên đều được trụ yên nơi Chánh pháp. Tuy nhiên, ta thật chẳng phải Phạm thiên. Chúng sanh đều bảo rằng ta thật là Phạm thiên. Cũng như thế, ta thị hiện làm hình tượng chư thiên ở khắp các miếu thờ thiên thần.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đê, vào nhà dâm nữ. Tuy nhiên, ta thật chẳng có tư tưởng tham dục, thanh tịnh chẳng nhiễm ô như hoa sen. Ta vì những chúng sanh tham dâm đắm sắc nên ở nơi ngã tư đường mà tuyên thuyết pháp mâu. Tuy nhiên, ta thật chẳng

có lòng dâm dục ô uế. Mọi người đều nói rằng ta che chở bảo vệ cho người nữ.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, vào chốn lầu xanh để giáo hóa các kỹ nữ, khiến họ trụ nơi Chánh pháp. Tuy nhiên, ta thật không có các nghiệp ác để phải đọa vào chốn ấy.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, làm người học rộng biết nhiều để dạy dỗ trẻ con, khiến cho trụ nơi Chánh pháp.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, vào những nơi quán rượu, những nơi cờ bạc, thị hiện nhận lấy mọi cách tranh đấu hơn thua, vì ta muốn cứu giúp những chúng sanh ở đó. Thật ra ta không có các nghiệp ác, nhưng chúng sanh đều thấy rằng ta tạo các nghiệp như vậy.

“Ta lại thị hiện ở lâu nơi vùng mờ mả, làm loài chim kên kên lớn để hóa độ các loài chim. Chúng sanh đều bảo rằng ta thật là thân kên kên. Tuy nhiên, từ lâu ta đã lìa khỏi các nghiệp như thế, chỉ vì muốn độ những loài chim kia nên thị hiện thân ấy.

“Ta lại thị hiện trong cõi Diêm-phù-đề, làm vị đại trưởng giả, vì ta muốn làm cho vô lượng chúng sanh trụ yên nơi Chánh pháp. Ta cũng thị hiện làm vua, quan đại thần, con vua, tể tướng... Ở trong mỗi hạng ấy, ta đều làm bậc cao trổi nhất. Vì tu tập Chánh pháp ta mới ở ngôi vua.

“Ta lại thị hiện [làm cho] trong cõi Diêm-phù-đề phát khởi bệnh dịch lớn nhất trong kiếp. Nhiều chúng sanh khổ não vì bệnh, trước ta cho họ thuốc men, sau mới thuyết Chánh pháp vi diệu, khiến họ được trụ yên nơi đạo bồ-đề vô thượng. Mọi người đều bảo rằng đó bệnh tật trong kiếp tự sanh khởi.

“Ta lại thị hiện [làm cho] trong cõi Diêm-phù-đề có nạn đói lớn nhất trong kiếp. Rồi tùy chỗ chúng sanh cần đến, ta cung cấp đủ món ăn thức uống cho họ, sau đó mới thuyết Chánh pháp vi diệu, khiến họ trụ yên nơi đạo bồ-đề vô thượng.

“Ta lại thị hiện [làm cho] trong cõi Diêm-phù-đề có nạn đao binh lớn nhất trong kiếp. Ta vì chúng sanh mà thuyết pháp, khiến họ lìa khỏi sự oán hận, được trụ yên nơi đạo bồ-đề vô thượng.

“Ta lại thị hiện vì những kẻ chấp thường mà giảng thuyết phép quán tưởng vô thường; vì những kẻ chấp lấy sự vui mà giảng thuyết phép quán tưởng lẽ khổ; vì những kẻ chấp ngã mà giảng thuyết phép quán vô ngã; vì những kẻ chấp lấy sự trong sạch mà giảng thuyết về sự bất tịnh.

“Như có những chúng sanh tham đắm Ba cõi, ta liền thuyết pháp khiến cho họ lìa khỏi Ba cõi. Vì độ chúng sanh, ta mới dùng đến món thuốc là Pháp vi diệu cao trổi nhất. Vì trừ tuyệt tất cả những cây phiền não, ta mới trồng cây thuốc Pháp cao trổi nhất. Vì muốn cứu vớt những kẻ ngoại đạo, ta mới diễn thuyết Chánh pháp. Tuy ta thị hiện làm thầy của chúng sanh, nhưng chẳng hề có tư tưởng là thầy của chúng sanh. Vì muốn cứu vớt những kẻ hạ tiện, ta mới thị hiện vào trong cảnh ngộ của họ mà thuyết pháp, chứ không phải vì nghiệp ác mà phải chịu thân hạ tiện.

“Như Lai Chánh giác trụ yên nơi Đại Bát Niết-bàn như vậy đó. Cho nên gọi là thường trụ, chẳng biến đổi. Lại giống như ở cõi Diêm-phù-đề, các cõi Phất-vu-đãi phương đông, cõi Cô-da-ni phương tây, cõi Uất-đan-việt phương bắc cũng đều như vậy.<sup>(40)</sup> Lại giống như bốn cõi

thiên hạ, cõi thế giới tam thiên đại thiên cũng đều như vậy. Cho đến khắp 25 cảnh giới hiện hữu<sup>(41)</sup> như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có giảng rộng. Vì vậy nên gọi là Đại Bát Niết-bàn. Như có vị Bồ Tát nào trụ yên nơi Đại Bát Niết-bàn ấy, có thể thị hiện biến hóa thân thông như vậy mà không có sự sợ sệt gì cả.

“Ca-diếp! Vì nhân duyên như thế, ông chớ nên nói rằng: ‘La-hầu-la là con của Phật.’ Vì sao vậy? Từ vô lượng kiếp đến nay ta đã lìa bỏ lòng tham dục. Vì vậy nên Như Lai gọi là thường trụ, không có biến đổi.”

Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Sao gọi Như Lai là thường trụ? Như Phật có dạy: ‘Như ngọn đèn tắt rồi, [ngọn lửa] chẳng đi về đâu cả; Như Lai cũng thế, khi diệt độ rồi cũng chẳng đi về đâu.’”

Phật bảo Ca-diếp: “Thiện nam tử! Nay ông không nên nói rằng: ‘Như ngọn đèn tắt rồi, [ngọn lửa] chẳng đi về đâu cả; Như Lai cũng thế, khi diệt độ rồi cũng chẳng đi về đâu.’”

“Thiện nam tử! Ví như người đốt đèn, châm dầu đầy vào đèn. Khi dầu còn thì đèn sáng, dầu hết thì đèn cũng hết sáng. Ánh sáng không còn là ví như phiền não đã dứt. Mặc dầu ánh sáng không còn nhưng cái đèn vẫn còn đó. Như Lai cũng vậy, phiền não tuy đã dứt, nhưng pháp thân vẫn thường còn.

“Thiện nam tử! Ông nghĩ sao, ánh sáng với cái đèn có phải cả hai đều mất đi chẳng?”

Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn! Chẳng phải vậy. Nhưng tuy cả hai không cùng mất đi, vẫn là vô thường. Nếu đem pháp thân mà ví như cái đèn, thì cái đèn là vô thường, pháp thân cũng vậy, hẳn là vô thường.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên cật vấn như thế. Như thế gian nói đến các món chứa đựng, thì Như Lai Thế Tôn là món chứa đựng pháp vô thượng. Món đồ chứa đựng của thế gian là vô thường, nhưng Như Lai chẳng phải là vô thường. Trong tất cả các pháp, Niết-bàn là thường. Như Lai là thể của Niết-bàn, cho nên gọi là thường.

“Lại nữa, Thiện nam tử! Nói là đèn tắt, đó là chỗ chứng Niết-bàn của A-la-hán. Bỏ dứt các phiền não tham ái, cho nên so sánh với đèn tắt vì hết dầu. Quả A-na-hàm gọi là còn có tham dục. Bỏ còn có tham dục nên không được so sánh với cây đèn tắt. Vậy nên trước kia ta lấy nghĩa này mà ví dụ như cây đèn tắt, thật ra không phải Đại Niết-bàn là cây đèn tắt.

“A-na-hàm nghĩa là không còn phải sanh lại chốn nhân gian nhiều lần nữa, cũng chẳng trở lại trong 25 cảnh giới hiện hữu, mãi mãi chẳng còn thọ lấy cái thân hôi hám, cái thân [là nơi tụ họp của các loài] trùng, cái thân nuôi sống bằng ăn uống, cái thân độc hại. Như vậy gọi là A-na-hàm.

“Như còn phải thọ thân sau thì gọi là Na-hàm, không còn phải thọ thân sau thì gọi là A-na-hàm. Còn đến và đi ở chốn này gọi là Na-hàm, chẳng còn đến và đi nữa gọi là A-na-hàm.”

## KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN

### HẾT QUYỂN BỐN

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì đây là phẩm Tứ tướng, thứ bảy, phần một (Tứ tướng phẩm, đệ thất chi nhất)
2. Ba loại thịt trong sạch: 1. Thịt của con vật mà mắt người ăn chẳng nhìn thấy nó bị giết. 2. Thịt của con vật mà tai người ăn chẳng nghe biết nó bị giết. 3. Thịt của con vật mà người ăn hoàn toàn không biết là đã bị giết để cho mình ăn.
3. Chín loại tịnh nhục: Bao gồm các loại thịt: 1. Thịt của con vật mà mắt chẳng nhìn thấy bị giết. 2. Thịt của con vật mà tai chẳng nghe biết khi bị giết. 3. Thịt của con vật mà hoàn toàn không biết là bị giết để cho mình ăn. 4. Thịt của con vật mà chẳng phải người ta giết để đãi mình. 5. Thịt của con vật chết tự nhiên, không bị giết hại. 6. Thịt của con vật do các loài chim dữ hại chết để ăn còn thừa. 7. Thịt khô. 8. Thịt bất ngờ gặp phải, không cố ý tìm ăn. 9. Thịt của con vật đã bị giết từ trước.
4. Làm cho mất vẻ đẹp đi (hoại sắc): khi nhận vải cúng dường để may y, vị tỳ-kheo phải làm cho mất màu đẹp của vải bằng cách nhuộm thuần một màu mà người thế gian chê bỏ, thường là màu nâu sậm, gọi là hoại sắc.
5. Bản Hán văn e có đôi chút sai lệch. Cứ theo văn kinh mà hiểu thì ở đây hẳn ngài Ca-diếp muốn nói đến các loại sản phẩm có được từ loài vật như sữa, da thú, tơ tằm, vỏ ốc... Như vậy có lẽ hợp lý hơn.
6. Ni-kiên hay Ni-kiên-đà (Sanskrit: Nirgrantha): Một trong 6 phái ngoại đạo đồng thời với đức Phật. Ni-kiên dịch nghĩa là Ly hệ giả (lìa sự ràng buộc). Người tu theo phái Ni-kiên không mặc quần áo (lỏa thể), vì họ cho rằng quần áo là các món ràng buộc.
7. Tứ đạo thánh nhân: Các vị tu tập vào bốn giai đoạn sắp chứng quả Niết-bàn. Tứ đạo được kể ra cụ thể là 4 giai đoạn tu tập trước khi đạt đến sự giải thoát rốt ráo, đó là: Gia hành đạo (加行道 - Sanskrit: prayoga-mārga), Vô vấn đạo (無間道 - Sanskrit: ānantarya-mārga), Giải thoát đạo (解脫道 - Sanskrit: vimukti-mārga) và Thắng tiến đạo (勝進道 - Sanskrit: viśeṣa-mārga).
8. Đây chỉ các cảnh giới: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la.
9. Vô gián địa ngục (tức là A-tỳ địa ngục): là cảnh giới địa ngục mà chúng sanh có tội nghiệp nặng nề nhất phải sanh vào. Ở đó sự hành hình đau đớn không phút giây nào gián đoạn nên gọi là vô gián.
10. Ba-la-đề-mộc-xoa (Sanskrit: prātimokṣa, Pali: pātimokkha): Hán dịch là Biệt giải thoát (別解脫), cũng gọi là Tùy thuận giải thoát (隨順解脫), tức là phần giới luật căn bản mà Phật đã chế định cho chúng tăng, tỳ-kheo và tỳ-kheo ni đều phải tuân theo.

11. Tám giới (Bát giới), ở đây chỉ chung các giới tướng nhìn thấy từ bên ngoài, cũng gọi là Tường kiến giới điều (詳見戒條).
12. Cũng gọi là Tứ ba-la-di (Pārājika), là các giới mà khi phạm vào phải bị trục xuất khỏi tăng đoàn. Ba-la-di, Hán dịch là Khí (棄), tức là dứt bỏ, cũng dịch là Cực ác (極惡). Đây là loại tội nặng nhất, người phạm vào phải bị trục xuất, không còn được sống chung trong chúng tăng (bất cộng trụ).
13. Cũng gọi là 13 tội Tăng-già bà-thi-sa (Saṅghāvāseṣa), Hán dịch là tăng tàn. Người phạm giới này như người bị chém mà chưa dứt hẳn, còn có thể cứu sống, đó là nhờ vào việc sám hối theo đúng pháp. Các tội này nhẹ hơn tội ba-la-di, nên gọi là tăng tàn. Có nơi gọi là tội hữu dư.
14. Nhị bất định pháp: Hai trường hợp phạm tội liên quan đến phụ nữ nhưng không thể xác định rõ, là vì xảy ra trong chỗ kín đáo, riêng chỉ có hai người, không còn ai khác biết được. Do đó, việc xác định tội phải tin theo lời của một người thứ ba biết chuyện, là người có tín tâm vững chắc.
15. Cũng gọi là Ni-tát-kỳ ba-dật-đề (Naihsargik-pāṭayantika). Ni-tát-kỳ, Hán dịch là tận xả, nghĩa là từ bỏ hết tất cả; ba-dật-đề, Hán dịch là đọa, nghĩa là rơi vào chỗ xấu ác. Người phạm tội này phải đọa vào địa ngục. Để trừ tội, trước hết phải mang tất cả tài vật liên quan đến trước chúng tăng mà xả bỏ hết, sau đó mới chân thành sám hối trước chúng tăng. Vì vậy, phép sám hối này cũng gọi là Xả đọa. Có ba mươi pháp, được gọi là Tam thập xả đọa.
16. Cũng gọi là Ba-dật-đề (Pāṭayantika), Hán dịch là đọa, nghĩa là rơi vào chỗ xấu ác. Nói chung, chín mươi pháp ba-dật-đề khác với ba mươi pháp ni-tát-kỳ ba-dật-đề là không có liên quan đến tài vật để phải xả bỏ, nên đều phải chí thành sám hối. Nếu chúng tăng nhận cho sự sám hối thì người phạm tội chỉ cần tự xét lại tâm mình, quyết lòng hối cải là được.
17. Cũng gọi là Ba-la-đề-đề-xá-ni (Pratideśanīya), thường gọi tắt là đề-xá-ni, Hán dịch là Đối tha thuyết hướng bỉ hối, nghĩa là người phạm tội phải hướng về người khác cầu sám hối.
18. Cũng gọi là Thức-xoa-ca-la-ni (Śikṣākaraṇīya), Hán dịch là ứng dương học, hay ứng học tác, nghĩa là cần phải học. Còn gọi là độn-kiết-la (Duṣkṛta), dịch nghĩa là ác tác, nghĩa là những hành vi không tốt. Các giới này thường được gọi chung là Bách chúng học pháp, bởi vì pháp này có một trăm điều cần phải học hỏi và noi theo, quy định chi tiết cách ứng xử hàng ngày, tạo nên oai nghi tế hạnh của người xuất gia. Những pháp này rất chi ly, không nhất thiết mỗi khi phạm vào đều phải bị xử phạt, nhưng là khuôn mẫu rất quan trọng cho mỗi người để sống tốt đời sống tu tập. Người xuất gia phải luôn luôn ghi nhớ và mỗi khi có phạm vào phải tự mình phát lộ sám hối.
19. Thất diệt tránh pháp: Bảy điều quy định khi có sự bất hòa hoặc tranh chấp giữa các tỳ-kheo, cần phải tuân theo để dứt sự tranh cãi. Nếu không tuân theo các pháp này tức là phạm giới.

20. Nhất-xiển-đề (Sanskrit: icchantika): người hoàn toàn không có tín tâm, không tin nhân quả, cũng chẳng tin vào Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng.
21. Nạp y: áo do nhiều miếng vải vụn nhỏ kết lại với nhau, nên gọi là nạp y. Người tu hành không cầu ăn mặc đẹp, nên nhặt lấy những mảnh vải vụn đã bỏ đi của người đời mà chắp vá lại thành áo mặc, cũng gọi là áo bá nạp (trăm mảnh vụn).
22. Bốn nghĩa tướng như vậy: ở đây tóm gọn để nhắc lại bốn nghĩa tướng vừa trình bày ở trên: Một là tự sửa mình chân chánh, hai là làm cho kẻ khác trở nên chân chánh, ba là có thể tùy theo chỗ hỏi mà đáp, bốn là khéo giảng rõ nghĩa nhân duyên.
23. Các cảnh giới hiện hữu (chư hữu): Các cảnh giới có chúng sanh, do nghiệp báo mà có. Về nghiệp báo của chúng sanh, do có nhân mà có quả, nên gọi là hiện hữu. Kể trọn trong Ba cõi có 25 cảnh giới hiện hữu (Nhị thập ngũ hữu): 14 cảnh thuộc về Dục giới, 7 cảnh thuộc về Sắc giới, 4 cảnh thuộc về Vô sắc giới.
24. Ngũ thú: chỉ các cõi trời, người, ngạ quỷ, địa ngục và súc sanh.
25. Hạt đĩnh lịch là một loại hạt rất nhỏ. Trong Nam bản ghi là hạt cải (giới tử).
26. Bồ Tát một khi hiển thị thần thông như vậy tức là phải có dụng tâm hóa độ, giúp chúng sanh khởi tín tâm, nên chỉ những người cần hóa độ mới thấy được việc làm của Bồ Tát.
27. Lam-tì-ni: Trong bản Hán văn ngài Đàm-vô-sám dùng các chữ 林微尼 (Lâm-vi-ni) để phiên âm tên khu vườn này là Lumbinī trong tiếng Phạn. Hầu hết các kinh văn khác đều dùng 藍毗尼 (Lam-tì-ni). Tên gọi Lam-tì-ni quen thuộc với nhiều người hơn.
28. Trong bản Hán văn, ngài Đàm Vô Sám dùng câu này là: 我於人天阿修羅中最尊最上 (Ngã ư nhân, thiên, a-tu-la trung tối tôn, tối thượng.) Cùng một nghĩa này, trong các kinh văn khác thường dùng hơn là: 天上天下, 惟我獨尊 (Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn. - Trên trời, dưới trời, chỉ có ta là tôn quý hơn hết.)
29. Bốn phương phụ (tứ duy), là bốn phương ở giữa bốn phương chính. Đó là: đông bắc, tây bắc, đông nam và tây nam.
30. Đỉnh tướng (Sanskrit: sahasrāra), gọi đủ là Vô kiến đỉnh tướng (無見頂相). Phật Quang Đại từ điển gọi tướng này là: Đỉnh tướng vô năng kiến giả (頂相無能見者 - Tướng đỉnh đầu không ai có thể thấy được.) Đây là tướng phụ thứ 66 trong 80 tướng phụ của Phật (Bát thập chủng hảo).
31. Ma-hê-thủ-la (Sanskrit: Maheśvara, Mahā-maheśvara): cũng viết: Ma-hê-thủ-la thiên vương, Đại tự tại thiên vương. Vị thiên thần mà đạo Bà-la-môn thờ kính, ở cảnh trời cao nhất trong cõi Sắc giới.
32. Ngũ dục: Năm điều làm chúng sanh cảm thấy sung sướng, khoái lạc, là sự thỏa mãn năm giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi và thân (xúc giác). Năm dục ấy là: sắc dục, thanh dục, hương dục, vị dục và xúc dục.

33. Pháp luân vương, hay Pháp vương, là vị vua của các pháp. Vì Phật nắm hiểu tất cả các pháp nên gọi là Pháp vương, lại vì thuyết dạy các pháp cho chúng sanh, tức là chuyển bánh xe pháp (chuyển pháp luân) nên gọi là Pháp luân vương.
34. Tắm y được may bằng những mảnh vải xấu đã bỏ đi chắp vá lại.
35. Bản Hán văn dùng 輪頭檀 (Du-đầu-đàn), phiên âm từ tiếng Phạn là Suddhodana, chỉ vua Tịnh-phạn.
36. Phiên âm tiếng Phạn là Mahāmāyā, gọi đủ là Ma-ha Ma-da.
37. Bốn tội trọng, cũng gọi: Tứ Ba-la-di (Sanskrit: Parajika): Bốn tội trọng của hàng Tỳ-kheo: 1. Dâm giới, 2. Đạo giới, 3. Sát giới, 4. Vọng ngữ giới.
38. Người hoàn toàn không có lòng tin vào Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng.
39. Bốn nẻo ác đó là: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a-tu-la.
40. Nghĩa là đều có những sự thị hiện để hóa độ chúng sanh như vừa kể trên.
41. Hai mươi lăm cảnh giới hiện hữu (Nhị thập ngũ hữu): 25 cõi hiện hữu của chúng sanh. Đó là sự phân chia ba cõi chúng sanh đang luân hồi thành 25 cảnh giới. Trong Dục giới có 14 cảnh giới, trong Sắc giới có 7 cảnh giới, trong Vô sắc giới có 4 cảnh giới. Hai mươi lăm cảnh giới này lại được phân chia thành: - Tứ ác đạo (四惡道 - bao gồm 1. Địa ngục, 2. Súc-sanh, 3. Ngạ-quỷ, 4. A-tu-la); - Tứ châu (四洲 hay Tứ thiên hạ, bao gồm 1. Phất-vu-đãi, 2. Cồ-da-ni, 3. Uất-đan-việt, 4. Diêm-phù-đề); - Lục dục thiên (六欲天, bao gồm 1. Tứ thiên vương xứ, 2. Tam thập tam thiên xứ, 3. Diêm-ma thiên, 4. Đâu-suất thiên, 5. Hóa lạc thiên, 6. Tha hóa tự tại thiên); - Mười bốn cảnh giới vừa kể thuộc về Dục giới. - Tứ thiên thiên (四禪天, bao gồm 1. Sơ thiên, 2. Nhị thiên, 3. Tam thiên, 4. Tứ thiên); - Tịnh cư thiên (淨居天, bao gồm 1. Đại phạm vương, 2. Vô tưởng, 3. Tịnh cư A-na-hàm). Bảy cảnh vừa kể thuộc về Sắc giới. - Tứ không xứ thiên (四空處天, bao gồm 1. Thức xứ, 2. Không xứ, 3. Bất dụng xứ hay Vô sở hữu xứ, 4. Phi tưởng phi phi tưởng xứ). Bốn cảnh giới cuối cùng này thuộc về Vô sắc giới.

# 大般涅槃經

## 卷第五如來性品第四之二

爾時迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說諸佛世尊有祕密藏。是義不然。何以故。諸佛世尊唯有密語無有密藏。譬如幻主機關木人。人雖睹見屈伸俯仰。莫知其內而使之然。佛法不爾咸令衆生悉得知見。云何當言諸佛世尊有祕密藏。

佛讚迦葉。善哉善哉。善男子。如汝所言。如來實無祕密之藏。何以故。如秋滿月處空顯露。清淨無翳人皆睹見。如來之言亦復如是。開發顯露清淨無翳。愚人不解謂之祕藏。智者了達則不名藏。

善男子。譬如有人多積金銀至無量億。其心慳悋不肯惠施拯濟貧窮。如是積聚乃名祕藏。如來不爾於無邊劫積聚無量妙法珍寶。心無慳悋常以惠施一切衆生。云何當言如來祕藏。

善男子譬如有人身根不具。或無一目一手一足。以羞恥故不令人見。人不見故名為祕藏。如來不爾所有正法具足無缺令人睹見。云何當言如來祕藏。

善男子。譬如貧人多負人財。怖畏債主隱不欲

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ NGŨ - NHƯ LAI TÁNH PHẨM - *Đệ tứ chi nhị*

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, chư Phật Thế Tôn hữu bí mật tạng. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Chư Phật Thế Tôn duy hữu mật ngữ, vô hữu mật tạng. Thí như huyễn chủ cơ quan mộc nhân. Nhân tuy đồ kiến khuất, thân, phủ, ngưỡng, mạc tri kỳ nội nhi sử chi nhiên. Phật pháp bát nhĩ, hàm linh chúng sanh, tất đắc tri kiến. Vân hà đương ngôn chư Phật Thế Tôn hữu bí mật tạng?

Phật tán Ca-diếp: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Như nữ sở ngôn, Như Lai thật vô bí mật chi tạng. Hà dĩ cố? Như thu mãn nguyệt, xử không hiển lộ, thanh tịnh vô ế, nhân giai đồ kiến. Như Lai chi ngôn, diệc phục như thị, khai phát hiển lộ, thanh tịnh vô ế. Ngu nhân bất giải, vị chi bí tạng. Trí giả liễu đạt, tắc bất danh tạng.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, đa tích kim ngân, chí vô lượng úc. Kỳ tâm khan lận, bất khảng huệ thí, chủng tế bản cùng. Như thị tích tụ, nãi danh bí tạng. Như Lai bát nhĩ, ư vô biên kiếp, tích tụ vô lượng diệu pháp trân bảo, tâm vô khan lận, thường dĩ huệ thí nhất thiết chúng sanh. Vân hà đương ngôn Như Lai bí tạng?

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, thân căn bất cụ, hoặc vô nhất mục, nhất thủ, nhất túc dĩ tu sĩ cố, bất linh nhân kiến. Nhân bất kiến cố, danh vi bí tạng. Như Lai bát nhĩ, sở hữu Chánh pháp, cụ túc vô khuyết, linh nhân đồ kiến. Vân hà đương ngôn Như Lai Bí tạng?

Thiện nam tử! Thí như bản nhân, đa phụ nhân tài. Bồ úy trái chủ, ẩn bất dục hiện, cố danh vi tạng. Như Lai bát nhĩ, bát

現故名為藏。如來不爾不負一切衆生世法。雖負衆生出世之法而亦不藏。何以故。恒於衆生生一子想。而為演說無上法故。

善男子。譬如長者多有財寶。唯有一子心甚愛重情無捨離。所有珍寶悉用示之。如來亦爾。視諸衆生同於一子。

善男子。如世間人以男女根醜陋鄙惡。以衣覆蔽故名為藏。如來不爾永斷此根。以無根故無所覆藏。

善男子。如婆羅門所有語論。終不欲令剎利毘舍首陀等聞。何以故。以此論中有過惡故。如來正法則不如是。初中後善。是故不得名為祕藏。

善男子。譬如長者唯有一子。心常憶念憐愍無已。將詣師所欲令受學。懼不速成尋便將還。以愛念故晝夜慇懃教其半字。而不教誨毘伽羅論。何以故。以其幼稚力未堪故。

善男子。假使長者教半字已。是兒即時能得了知毘伽羅論不。

不也世尊。

如是長者於是子所有祕藏不。

不也世尊。何以故。以子年幼故不為說。不以祕故憚而不說。所以者何。若有嫉妒祕憚之心乃名為藏。如來不爾。云何當言如來祕藏。

phụ nhất thiết chúng sanh thế pháp. Tuy phụ chúng sanh xuất thế chi pháp, nhi diệc bát tạng. Hà dĩ cố? Hằng ư chúng sanh, sanh nhất tử tưởng, nhi vị diễn thuyết vô thượng Pháp cố.

Thiện nam tử! Thí như trưởng giả, đa hữu tài bảo, duy hữu nhất tử. Tâm thậm ái trọng, tình vô xả ly, sở hữu trân bảo, tất dụng thị chi. Như Lai diệc nhĩ, thị chư chúng sanh, đồng ư nhất tử.

Thiện nam tử! Như thế gian nhân, dĩ nam nữ căn xú lậu bỉ ố, dĩ y phú tế, cố danh vi tạng. Như Lai bất nhĩ, vĩnh đoạn thủ căn. Dĩ vô căn cố, vô sở phú tạng.

Thiện nam tử! Như bà-la-môn sở hữu ngữ luận, chung bất dục linh sát-ly, tỳ-xá, thủ-đà đẳng văn. Hà dĩ cố? Dĩ thủ luận trung, hữu quá ác cố. Như Lai Chánh pháp, tác bất như thị, sơ, trung, hậu thiện. Thị cố bất đắc danh vi bí tạng.

Thiện nam tử! Thí như trưởng giả, duy hữu nhất tử. Tâm thường ức niệm, lân mẫn vô dĩ, tương nghệ sư sở, dục linh thọ học. Cự bất tốc thành, tâm tiện tương hoàn. Dĩ ái niệm cố, trú dạ ân cần giáo kỳ bán tự, nhi bất giáo hồi Tỳ-già-la luận. Hà dĩ cố? Dĩ kỳ ấu trĩ, lực vị kham cố.

Thiện nam tử! Giả sử Trưởng giả giáo bán tự dĩ, thị nhi tức thời năng đắc liễu tri Tỳ-già-la luận phủ?

Phát dã, Thế Tôn.

Như thị Trưởng giả, ư thị tử sở, hữu bí tạng phủ?

Phát dã, Thế Tôn. Hà dĩ cố? Dĩ tử niên ấu, cố bất vị thuyết, bất dĩ bí cố, lạn nhi bất thuyết. Sở dĩ giả hà? Nhược hữu tật đố bí lạn chi tâm, nãi danh vi tạng. Như Lai bất nhĩ, vân hà đương ngôn Như Lai bí tạng?

佛言。善哉善哉。善男子。如汝所言。若有瞋心嫉妒慳悋乃名為藏。如來無有瞋心嫉妒。云何名藏。

善男子。彼大長者謂如來也。所言一子者謂一切衆生。如來視於一切衆生猶如一子。教一子者謂聲聞弟子。半字者謂九部經。毘伽羅論者所謂方等大乘經典。以諸聲聞無有慧力。是故如來為說半字九部經典。而不為說毘伽羅論方等大乘。

善男子。如彼長者子既長大堪任讀學。若不為說毘伽羅論可名為藏若諸聲聞有堪任力。能受大乘毘伽羅論。如來祕惜不為說者。可言如來有祕密藏。如來不爾。是故如來無有祕藏。如彼長者教半字已。次為演說毘伽羅論。我今亦爾。為諸弟子說於半字九部經已。次為演說毘伽羅論。所謂如來常存不變。

復次善男子。譬如夏月興大雲雷降注大雨。令諸農夫下種之者多獲果實。不下種者無所克獲。無所獲者非龍王咎。而此龍王亦無所藏。我今如來亦復如是。降大法雨大涅槃經。若諸衆生種善子者得慧芽果。無善子者則無所獲。無所獲者非如來咎。然佛如來實無所藏。

迦葉復言。我今定知如來世尊無所祕藏。如佛

Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Như nữ sở ngôn, nhược hữu sân tâm, tật đố, khan lận, nãi danh vi tạng. Như Lai vô hữu sân tâm, tật đố, vân hà danh tạng?

Thiện nam tử! Bỉ đại trưởng giả, vị Như Lai dã. Sở ngôn nhất tử giả, vị nhất thiết chúng sanh. Như Lai thị ư nhất thiết chúng sanh do như nhất tử. Giáo nhất tử giả, vị Thanh văn đệ tử. Bán tự giả, vị cửu bộ kinh. Tỳ-già-la luận giả, sở vị phương đẳng Đại thừa kinh điển. Dĩ chư Thanh văn vô hữu huệ lực, thị cố Như Lai vị thuyết bán tự. Cửu bộ kinh điển, nhi bất vị thuyết Tỳ-già-la luận, phương đẳng Đại thừa.

Thiện nam tử! Như bỉ Trưởng giả, tử ký trưởng đại, kham nhiệm đọc học, nhược bất vị thuyết Tỳ-già-la luận, khả danh vi tạng. Nhược chư Thanh văn hữu kham nhiệm lực, năng thọ Đại thừa Tỳ-già-la luận, Như Lai bí tích, bất vị thuyết giả, khả ngôn Như Lai hữu bí mật tạng, Như Lai bất nhĩ, thị cố Như Lai vô hữu bí tạng. Như bỉ Trưởng giả giáo bán tự dĩ, thứ vị diễn thuyết Tỳ-già-la luận. Ngã kim diệc nhĩ, vị chư đệ tử, thuyết ư bán tự, cửu bộ kinh dĩ, thứ vị diễn thuyết Tỳ-già-la luận, sở vị Như Lai thường tồn bất biến.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hạ nguyệt, hưng đại vân lôi, giáng chú đại vũ, linh chư nông phu há chủng chi giả, đa hoạch quả thật. Bất há chủng giả, vô sở khắc hoạch. Vô sở hoạch giả, phi Long vương cửu. Nhi thử Long vương diệc vô sở tạng. Ngã kim Như Lai, diệc phục như thị, giáng Đại pháp vũ, Đại Niết-bàn Kinh. Nhược chư chúng sanh, chủng thiện tử giả, đắc huệ nha quả. Vô thiện tử giả, tắc vô sở hoạch. Vô sở hoạch giả, phi Như Lai cửu. Nhiên Phật Như Lai thật vô sở tạng.

Ca-diếp phục ngôn: Ngã kim định tri Như Lai Thế Tôn vô sở bí tạng. Như Phật sở thuyết, Tỳ-già-la luận, vị Phật Như



所說毘伽羅論。謂佛如來常存不變。是義不然。何以故。佛昔說偈。

諸佛與緣覺  
及以弟子衆  
猶捨無常身  
何況諸凡夫。

今者乃說常存無變。是義云何。

佛言。善男子。我為一切聲聞弟子。教半字故而說是偈。

善男子。波斯匿王其母命終悲號戀慕不能自勝來至我所。我即問言。大王。何以悲苦懊惱乃至於此。

王言。世尊。國太夫人是日命終。假使有能令我母命還如本者。我當捨國象馬七珍及以身命悉以賞之。

我復與言。大王。且莫愁惱憂悲啼哭。一切衆生壽命盡者名之為死。諸佛緣覺聲聞弟子尚捨此身況復凡夫。

善男子。我為波斯匿王教半字故而說是偈。我今為諸聲聞弟子說毘伽羅論。謂如來常存無有變易。若有人言如來無常。云何是人舌不墮落。

迦葉復言。如佛所說。

Lai thường tồn bất biến. Thị nghĩa bất nhiên. Hà dĩ cố? Phật tích thuyết kệ:

“Chư Phật dữ Duyên giác,  
Cập dĩ đệ tử chúng,  
Du xả vô thường thân,  
Hà hướng chư phàm phu?”

Kim giả nãi thuyết: Thường tồn vô biến, thị nghĩa vân hà?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ngã vị nhất thiết Thanh văn đệ tử, giáo bán tự cố, nhi thuyết thị kệ.

Thiện nam tử! Ba-tư-nặc Vương, kỳ mẫu mạng chung, bi hào luyến mộ, bất năng tự thắng, lai chí ngã sở. Ngã tức vấn ngôn: “Đại vương! Hà dĩ bi khổ áo não nãi chí ư thử?”

Wương ngôn: “Thế Tôn! Quốc thái phu nhân, thị nhật mạng chung. Giả sử hữu năng linh ngã mẫu mạng hoàn như bản giả, ngã đương xả quốc, tượng, mã, thất trân, cập dĩ thân mạng, tất dĩ thưởng chi.”

Ngã phục dữ ngôn: “Đại vương! Thả mặc sầu não, ưu bi đề khóc. Nhất thiết chúng sanh, thọ mạng tận giả, danh chi vi tử. Chư Phật, Duyên giác, Thanh văn đệ tử thượng xả thủ thân, hướng phược phàm phu?”

Thiện nam tử! Ngã vị Ba-tư-nặc Vương, giáo bán tự cố, nhi thuyết thị kệ. Ngã kim vị chư Thanh văn đệ tử, thuyết Tỳ-già-la luận, vị Như Lai thường tồn, vô hữu biến dị. Nhược hữu nhân ngôn Như Lai vô thường, vân hà thị nhân, thiết bất đọa lạc?

Ca-diếp phục ngôn: Như Phật sở thuyết:

無所積聚  
於食知足  
如鳥飛空  
跡不可尋。

是義云何。世尊。於此衆中誰得名為無所積聚。誰復得名於食知足。誰行於空跡不可尋。而此去者為至何方。

佛言迦葉。夫積聚者名曰財寶。

善男子。積聚有二種。一者有為。二者無為。有為積聚者即聲聞行。無為積聚者即如來行。

善男子。僧亦二種。有為無為。有為僧者名曰聲聞。聲聞僧者無有積聚。所謂奴婢非法之物庫藏穀米。鹽豉胡麻大小諸豆。若有說言如來聽畜奴婢僕使如是之物舌則卷縮。我諸所有聲聞弟子名無積聚。亦得名為於食知足。若有貪食名不知足。不貪食者是名知足。跡難尋者則近無上菩提之道。我說是人雖去無至。

迦葉復言。若有為僧尚無積聚況無為僧。無為僧者即是如來。如來云何當有積聚。夫積聚者名為藏匿。是故如來凡有所說無所悵惜，云何名藏。跡不可尋者所謂涅槃。涅槃之中無有日月星辰諸宿寒

“Vô sở tích tụ,  
Ư thực tri túc,  
Như điều phi không,  
Tích bất khả tầm.”

Thị nghĩa vân hà? Thế Tôn! Ư thử chúng trung, thùy đắc danh vi vô sở tích tụ? Thùy phục đắc danh ư thực tri túc? Thùy hành ư không, tích bất khả tầm? Nhi thử khứ giả, vi chí hà phương?

Phật ngôn: Ca-diếp! Phù tích tụ giả, danh viết tài bảo.

Thiện nam tử! Tích tụ hữu nhị chủng: Nhất giả hữu vi, nhị giả vô vi. Hữu vi tích tụ giả, tức Thanh văn hạnh, vô vi tích tụ giả, tức Như Lai hạnh.

Thiện nam tử! Tăng diệc nhị chủng: hữu vi, vô vi. Hữu vi tăng giả, danh viết Thanh văn. Thanh văn tăng giả, vô hữu tích tụ, sở vị: nô tỳ, phi pháp chi vật, khổ tạng, cốc mẽ, diêm thị, hồ ma, đại tiểu chư đậu. Nhược hữu thuyết ngôn: Như Lai thính súc nô tỳ, bộc sử, như thị chi vật, thiết tác quyền súc. Ngã chư sở hữu Thanh văn đệ tử, danh vô tích tụ, diệc đắc danh vi ư thực tri túc. Nhược hữu tham thực, danh bất tri túc. Bất tham thực giả, thị danh tri túc. Tích nan tầm giả, tác cận vô thượng bồ-đề chi Đạo. Ngã thuyết thị nhân tuy khứ, vô chí.

Ca-diếp phục ngôn: Nhược hữu vi tăng, thượng vô tích tụ, huống vô vi tăng? Vô vi tăng giả, tức thị Như Lai. Như Lai vân hà đương hữu tích tụ? Phù tích tụ giả, danh vi tạng nặc. Thị cố Như Lai phạm hữu sở thuyết, vô sở lạn tích, vân hà danh tạng? Tích bất khả tầm giả, sở vị Niết-bàn. Niết-bàn chi trung, vô hữu nhật nguyệt, tinh thần chư tú, hàn nhiệt phong vũ, sanh lão bệnh tử, nhị thập ngũ hữu, ly chư ưu khổ cập chư

熱風雨生老病死二十五有。離諸憂苦及諸煩惱。如是涅槃如來住處常不變易。以是因緣。如來至是娑羅樹間於大涅槃而般涅槃。

佛告迦葉。所言大者其性廣博。猶如有人壽命無量名大丈夫。是人若能安住正法名人中勝。如我所說八大人覺。為一人有為多人有。若一人具八則為最勝。所言涅槃者無諸瘡疣。

善男子。譬如有人為毒箭所射多受苦痛。值遇良醫為拔毒箭傳以妙藥。令其離苦得受安樂。是醫即便遊於城邑及諸聚落。隨有患苦瘡疣之處。即往其所為療眾苦。

善男子。如來亦爾。成等正覺為大醫王。見閻浮提苦惱眾生。無量劫中被婬怒癡煩惱毒箭受大苦切。為如是等說大乘經甘露法藥。療治此已復至他方有諸煩惱毒箭之處。示現作佛為其療治。是故名曰大般涅槃。大般涅槃者名解脫處。隨有調伏眾生之處。如來於中而作示現。以是真實甚深義故名大涅槃。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。世間醫師悉能療治一切眾生瘡疣病不。

善男子。世間瘡疣凡有二種。一者可治二不可治。凡可治者醫則能治。不可治者則不能治。

phiên não. Như thị Niết-bàn, Như Lai trụ xứ, thường bất biến dị. Dĩ thị nhân duyên, Như Lai chí thị sa-la thọ gian, ư Đại Niết-bàn, nhi bát Niết-bàn.

Phật cáo Ca-diếp: Sở ngôn đại giả, kỳ tánh quảng bác. Do như hữu nhân, thọ mạng vô lượng, danh đại trượng phu. Thị nhân nhược năng an trụ Chánh pháp, danh nhân trung thắng. Như ngã sở thuyết “Bát Đại Nhân Giác”, vi nhất nhân hữu, vi đa nhân hữu. Nhược nhất nhân cụ bát, tác vi tối thắng. Sở ngôn Niết-bàn giả, vô chư sang vưu.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân vị độc tiễn sở xạ, đa thọ khổ thống. Trị ngộ lương y, vị bác độc tiễn, truyền dĩ diệu dược, linh kỳ ly khổ, đắc thọ an lạc. Thị y tức tiện du ư thành ấp cập chư tụ lạc. Tùy hữu hoạn khổ sang vưu chi xứ, tức vãng kỳ sở, vị liệu chúng khổ.

Thiện nam tử! Như Lai diệt nhĩ, thành Đẳng chánh giác, vi Đại y vương. Kiến Diêm-phù-đề khổ não chúng sanh, vô lượng kiếp trung, bị dâm nộ si phiền não độc tiễn, thọ đại khổ thiết. Vị như thị đấng, thuyết Đại thừa kinh, cam lộ Pháp dược. Liệu trị thử dĩ, phục chí tha phương. Hữu chư phiền não độc tiễn chi xứ, thị hiện tác Phật, vị kỳ liệu trị. Thị cố danh viết Đại Bát Niết-bàn. Đại Bát Niết-bàn giả, danh giải thoát xứ. Tùy hữu điều phục chúng sanh chi xứ, Như Lai ư trung, nhi tác thị hiện. Dĩ thị chân thật thậm thâm nghĩa cố, danh Đại Niết-bàn.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thế gian y sư tất năng liệu trị nhất thiết chúng sanh sang vưu bệnh phủ?

Thiện nam tử! Thế gian sang vưu, phàm hữu nhị chủng: nhất giả khả trị, nhị bất khả trị. Phàm khả trị giả, y tác năng trị, bất khả trị giả, tác bất năng trị.

迦葉復言。如佛言者如來則為於閻浮提治衆生已。若言治已是諸衆生其中云何復有未能得涅槃者。若未悉得云何如來說言治竟欲至他方。

善男子。閻浮提內衆生有二。一者有信二者無信。有信之人則名可治。何以故。定得涅槃無瘡疣故。是故我說治閻浮提諸衆生已。無信之人名一闍提。一闍提者名不可治。除一闍提餘悉治已。是故涅槃名無瘡疣。

世尊。何等名涅槃。

善男子。夫涅槃者名為解脫。

迦葉復言。所言解脫為是色耶為非色乎。

佛言。善男子。或有是色或非是色。言非色者即是聲聞緣覺解脫。言是色者即是諸佛如來解脫。

善男子。是故解脫亦色非色。如來為諸聲聞弟子說為非色。

世尊。聲聞緣覺若非色者云何得住。

善男子。如非想非非想天亦色非色。我亦說為非色。若人難言。非想非非想天若非色者。云何得住去來進止。如是之義諸佛境界。非諸聲聞緣覺所知。解脫亦爾。亦色非色說為非色。亦想非想說為非想。如是之義諸佛境界。非諸聲聞緣覺所知。

Ca-diếp phục ngôn: Như Phật ngôn giả, Như Lai tác vị ư Diêm-phù-đề, trị chúng sanh dĩ. Nhược ngôn trị dĩ, thị chư chúng sanh, kỳ trung vân hà phục hữu vị năng đắc Niết-bàn giả? Nhược vị tất đắc, vân hà Như Lai thuyết ngôn trị cánh, dục chí tha phương?

Thiện nam tử! Diêm-phù-đề nội, chúng sanh hữu nhị: nhất giả hữu tín, nhị giả vô tín. Hữu tín chi nhân, tác danh khả trị. Hà dĩ cố? Định đắc Niết-bàn, vô sang vưu cố. Thị cố ngã thuyết: trị Diêm-phù-đề chư chúng sanh dĩ. Vô tín chi nhân, danh nhất-xiển-đề. Nhất-xiển-đề giả, danh bất khả trị. Trừ nhất-xiển-đề, dư tất trị dĩ. Thị cố Niết-bàn, danh vô sang vưu.

Thế Tôn! Hà đẳng danh Niết-bàn.?

Thiện nam tử! Phù Niết-bàn giả, danh vi Giải thoát.

Ca-diếp phục ngôn: Sở ngôn Giải thoát, vi thị sắc da? Vi phi sắc hồ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Hoặc hữu thị sắc, hoặc phi thị sắc. Ngôn phi sắc giả, tức thị Thanh văn, Duyên giác giải thoát. Ngôn thị sắc giả, tức thị chư Phật Như Lai giải thoát.

Thiện nam tử! Thị cố giải thoát diệt sắc, phi sắc. Như Lai vị chư Thanh văn đệ tử thuyết vi phi sắc.

Thế Tôn! Thanh văn, Duyên giác, nhược phi sắc giả, vân hà đắc trụ?

Thiện nam tử! Như phi tưởng phi phi tưởng thiên, diệt sắc phi sắc, ngã diệt thuyết vi phi sắc. Nhược nhân nạn ngôn: Phi tưởng phi phi tưởng thiên, nhược phi sắc giả, vân hà đắc trụ khứ lai tấn chỉ? Như thị chi nghĩa, chư Phật cảnh giới, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri. Giải thoát diệt nhĩ, diệt sắc phi sắc, thuyết vi phi sắc, diệt tưởng phi tưởng, thuyết vi phi tưởng. Như thị chi nghĩa, chư Phật cảnh giới, phi chư Thanh văn, Duyên giác sở tri.

爾時迦葉菩薩復白佛言。世尊。唯願哀愍重垂廣說大涅槃行解脫之義。

佛讚迦葉。善哉善哉。善男子。真解脫者名曰遠離一切繫縛。若真解脫離諸繫縛。則無有生亦無和合。譬如父母和合生子。真解脫者則不如是。是故解脫名曰不生。

迦葉。譬如醍醐其性清淨。如來亦爾。非因父母和合而生其性清淨。所以示現有父母者。為欲化度諸衆生故。真解脫者即是如來。如來解脫無二無別。譬如春月下諸種子。得煖氣已尋便出生。真解脫者則不如是。

又解脫者名曰虛無。虛無即是解脫。解脫即是如來。如來即是虛無非作所作。凡是作者猶如城郭樓觀卻敵。真解脫者則不如是。是故解脫即是如來。

又解脫者即無為法。譬如陶師作已還破。解脫不爾。真解脫者不生不滅。是故解脫即是如來。如來亦爾。不生不滅不老不死不破不壞非有為法。以是義故名曰如來入大涅槃。

不老不死有何等義。老者名為遷變。髮白面皺。死者身壞命終。如是等法解脫中無。以無是事

Nhĩ thời, Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Duy nguyện ai mẫn, trùng thù quảng thuyết Đại Niết-bàn hạnh, giải thoát chi nghĩa.

Phật tán Ca-diếp: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Chân giải thoát giả, danh viết viễn ly nhất thiết hệ phược. Nhược chân giải thoát, ly chư hệ phược, tắc vô hữu sanh, diệt vô hòa hiệp. Thí như phụ mẫu, hòa hiệp sanh tử. Chân giải thoát giả, tắc bất như thị, thị cố giải thoát danh viết bất sanh.

Ca-diếp! Thí như đề-hồ, kỳ tánh thanh tịnh Như Lai diệt nhĩ, phi nhân phụ mẫu hòa hiệp nhi sanh, kỳ tánh thanh tịnh. Sở dĩ thị hiện hữu phụ mẫu giả vị dục hóa độ chư chúng sanh cố. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai. Như Lai, giải thoát, vô nhị, vô biệt. Thí như xuân nguyệt, há chư chủng tử, đắc noãn khí dĩ, tâm tiện xuất sanh. Chân giải thoát giả, tắc bất như thị.

Hựu giải thoát giả, danh viết hư vô. Hư vô tức thị giải thoát. Giải thoát tức thị Như Lai. Như Lai tức thị hư vô, phi tác sở tác. Phạm thị tác giả, do như thành quách, lầu quán, khước địch. Chân giải thoát giả, tắc bất như thị. Thị cố giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, tức vô vi pháp. Thí như đào sư, tác dĩ hoàn phá. Giải thoát bất nhĩ. Chân giải thoát giả, bất sanh, bất diệt. Thị cố giải thoát, tức thị Như Lai. Như Lai diệt nhĩ, bất sanh, bất diệt, bất lão, bất tử, bất phá, bất hoại, phi hữu vi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, danh viết Như Lai nhập Đại Niết-bàn.

Bất lão, bất tử hữu hà đẳng nghĩa? Lão giả, danh vi thiên biến, phát bạch diện trứ. Tử giả, thân hoại mạng chung. Như thị đẳng pháp, giải thoát trung vô. Dĩ vô thị sự, cố danh giải

故名解脫。如來亦無髮白面皺有為之法。是故如來無有老也。無有老故則無有死。

又解脫者名曰無病。所謂病者四百四病及餘外來侵損身者。是處無故故名解脫。無疾病者即真解脫。真解脫者即是如來。如來無病是故法身亦無有病。如是無病即是如來。

死者名曰身壞命終。是處無死即是甘露。是甘露者即真解脫。真解脫者即是如來。

如來成就如是功德。云何當言如來無常。若言無常無有是處。是金剛身云何無常。是故如來不名命終。如來清淨無有垢穢。如來之身非胎所污。如分陀利本性清淨。如來解脫亦復如是。如是解脫即是如來。是故如來清淨無垢。

又解脫者諸漏瘡疣永無遺餘。如來亦爾。無有一切諸漏瘡疣。

又解脫者無有鬥爭。譬如饑人見他飲食生貪奪想。解脫不爾。

又解脫者名曰安靜。凡夫人言。夫安靜者謂摩醯首羅。如是之言即是虛妄。真安靜者畢竟解脫。畢竟解脫即是如來。

又解脫者名曰安隱。如多賊處不名安隱。清夷之

thoát. Như Lai diệc vô phát bạch diện trứ, hữu vi chi pháp, thị cố Như Lai vô hữu lão giả, vô hữu lão cố, tắc vô hữu tử.

Hựu giải thoát giả, danh viết vô bệnh. Sở vị bệnh giả, tứ bá tứ bệnh, cập dư ngoại lai xâm tổn thân giả. Thị xứ vô cố, cố danh giải thoát. Vô tật bệnh giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai. Như Lai vô bệnh, thị cố pháp thân diệc vô hữu bệnh. Như thị vô bệnh, tức thị Như Lai.

Tử giả, danh viết thân hoại mạng chung. Thị xứ vô tử, tức thị cam lộ. Thị cam lộ giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Như Lai thành tựu như thị công đức, vân hà đương ngôn Như Lai vô thường? Nhược ngôn vô thường, vô hữu thị xứ. Thị kim cang thân, vân hà vô thường? Thị cố Như Lai, bất danh mạng chung. Như Lai thanh tịnh, vô hữu cấu uế. Như Lai chi thân, phi thai sở ô, như phân-đà-ly, bỗng tánh thanh tịnh. Như Lai giải thoát diệc phục như thị. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai. Thị cố Như Lai thanh tịnh vô cấu.

Hựu giải thoát giả, chư lậu sang vu, vĩnh vô di dư. Như Lai diệc nhĩ, vô hữu nhất thiết chư lậu sang vu.

Hựu giải thoát giả, vô hữu đấu tranh. Thí như cơ nhọn, kiến tha ẩm thực, sanh tham đoạt tưởng. Giải thoát bất nhĩ.

Hựu giải thoát giả, danh viết an tĩnh. Phạm phu nhân ngôn: phù an tĩnh giả, vị Ma-hê-thủ-la. Như thị chi ngôn, tức thị hư vọng. Chân an tĩnh giả, tất cánh giải thoát. Tất cánh giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết an ổn: như đa tặc xứ, bất danh an ổn. Thanh di chi xứ, nãi danh an ổn. Thị giải thoát trung, vô hữu bố úy, cố danh an ổn. Thị cố an ổn, tức chân giải

處乃名安隱。是解脫中無有怖畏故名安隱。是故安隱即真解脫。真解脫者即是如來。如來者即是法也。

又解脫者無有等侶。有等侶者如有國王有鄰國等。夫解脫者則無如是。無等侶者謂轉輪聖王。無有能與作齊等者。解脫亦爾無有等侶。無等侶者即真解脫。真解脫者即是如來轉法輪王。是故如來無有等侶。有等侶者無有是處。

又解脫者名無憂愁。有憂愁者譬如國王畏難疆鄰而生憂愁。夫解脫者則無是事。譬如壞怨則無憂慮。解脫亦爾是無憂畏。無憂畏者即是如來。

又解脫者名無憂喜。譬如女人只有一子從役遠行卒得凶問。聞之愁苦後復聞活便生歡喜。夫解脫中無如是事。無憂喜者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者無有塵垢。譬如春月日沒之後風起塵霧。夫解脫中無如是事。無塵霧者喻真解脫。真解脫者即是如來。譬如聖王髻中明珠無有垢穢。夫解脫性亦復如是無有垢穢。無垢穢者喻真解脫。真解脫者即是如來。如真金性不雜沙石乃名真寶。有人得之生於財想。夫解脫性亦復如是如彼真寶。彼真寶者喻真解脫。真解脫者即是如來。

thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị pháp dã.

Hựu giải thoát giả, vô hữu đẳng lữ. Hữu đẳng lữ giả, như hữu quốc vương, hữu lân quốc đẳng. Phù giải thoát giả, tắc vô như thị. Vô đẳng lữ giả, vị Chuyển luân thánh vương, vô hữu năng dĩ tác tề đẳng giả. Giải thoát diệt nhĩ, vô hữu đẳng lữ. Vô đẳng lữ giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai, Chuyển pháp luân vương. Thị cố Như Lai, vô hữu đẳng lữ. Hữu đẳng lữ giả, vô hữu thị xứ.

Hựu giải thoát giả, danh vô ưu sầu. Hữu ưu sầu giả, thí như quốc vương, úy nạn cương lân, nhi sanh ưu sầu. Phù giải thoát giả, tắc vô thị sự. Thí như hoại oán, tắc vô ưu lự. Giải thoát diệt nhĩ, thị vô ưu úy. Vô ưu úy giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vô ưu hỷ. Thí như nữ nhân, chỉ hữu nhất tử. Tùng dịch viễn hành, thốt đắc hung vấn, văn chi sầu khổ. Hậu phục văn hoạt, tiện sanh hoan hỷ. Phù giải thoát trung, vô như thị sự. Vô ưu hỷ giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, vô hữu trần cấu. Thí như xuân nguyệt, nhật một chi hậu, phong khởi trần vụ. Phù giải thoát trung, vô như thị sự. Vô trần vụ giả, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai. Thí như Thánh vương, kế trung minh châu, vô hữu cấu uest. Phù giải thoát tánh, diệt phục như thị, vô hữu cấu uest. Vô cấu uest giả, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như lai. Như chân kim tánh, bất tạp sa thạch, nãi danh chân bảo. Hữu nhân đắc chi, sanh ư tài tướng. Phù giải thoát tánh, diệt phục như thị, như bỉ chân bảo. Bỉ chân bảo giả, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

譬如瓦瓶破而聲斃。金剛寶瓶則不如此。夫解脫者亦無斃破。金剛寶瓶喻真解脫。真解脫者即是如來。是故如來身不可壞。其聲斃者如蟬麻子盛熱之時置之日曝出聲震爆。夫解脫者無如是事。如彼金剛真寶之瓶無斃破聲。假使無量百千之人悉共射之無能壞者。無斃破聲喻真解脫。真解脫者即是如來。

如貧窮人負他物故。為他所繫枷鎖策罰受諸苦毒。夫解脫中無如是事無有負債。猶如長者多有財寶無量億數勢力自在不負他物。夫解脫者亦復如是。多有無量法財珍寶勢力自在無所負也。無所負者喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名無逼切。如春涉熱夏日食甜冬日觸冷。真解脫中無有如是不適意事。無逼切者喻真解脫。真解脫者即是如來。

又無逼切者譬如有人飽食魚肉而復飲乳。是人則為近死不久。真解脫中無如是事。是人若得甘露良藥所患得除。真解脫者亦復如是。甘露良藥喻真解脫。真解脫者即是如來。

云何逼切不逼切也。譬如凡夫我慢自高。而作是念一切衆中誰能害我。即便攜持蛇虎毒蟲。當知是人盡壽命則為橫死。真解脫中無如是事。不逼

Thí như ngõa bình, phá nhi thanh ty. Kim cang bảo bình, tắc bất như thị. Phù giải thoát giả, diệc vô ty phá. Kim cang bảo bình, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như lai. Thị cố Như Lai thân bất khả hoại. Kỳ thanh ty giả, như tỳ ma tử, thanh nhiệt chi thời, trí chi nhật bộc, xuất thanh chân bạo. Phù giải thoát giả, vô như thị sự. Như bỉ kim cang chân bảo chi bình, vô ty phá thanh. Giả sử vô lượng bá thiên chi nhân, tất cộng xạ chi, vô năng hoại giả. Vô ty phá thanh, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Như bản cùng nhân, phụ tha vật cố, vi tha sở hệ, già tảo sách phạt, thọ chư khổ độc. Phù giải thoát trung, vô như thị sự. Vô hữu phụ trái, do như trưởng giả, đa hữu tài bảo. Vô lượng ức số, thế lực tự tại, bất phụ tha vật. Phù giải thoát giả, diệc phục như thị, đa hữu vô lượng pháp tài trân bảo, thế lực tự tại, vô sở phụ dã. Vô sở phụ giả, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh Vô bức thiết. Như xuân thiệp nhiệt, hạ nhật thực điềm, đông nhật xúc lãnh. Chân giải thoát trung, vô hữu như thị bất thích ý sự. Vô bức thiết giả, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu vô bức thiết giả, thí như hữu nhân, bảo thực ngư nhục, nhi phục ẩm nũ, thị nhân tắc vi cận tử bất cứu. Chân giải thoát trung, vô như thị sự. Thị nhân nhược đắc cam lộ lương dược, sở hoạn đắc trừ. Chân giải thoát giả, diệc phục như thị. cam lộ lương dược, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Vân hà bức thiết, bất bức thiết dã? Thí như phạm phu, ngã mạn tự cao, nhi tác thị niệm: “Nhất thiết chúng trung, thùý năng hại ngã?” Tức tiện huê trì xà, hổ, độc trùng. Đương tri thị nhân, bất tận thọ mạng, tắc vi hoạn tử. Chân giải



切者如轉輪王。所有神珠能伏蜚蠊九十六種諸毒蟲等。若有聞是神珠香者諸毒消滅。真解脫者亦復如是。皆悉遠離二十五有。毒消滅者喻真解脫。真解脫者即是如來。

又不逼切者譬如虛空解脫亦爾。彼虛空者。喻真解脫。真解脫者即是如來。

又逼切者如近乾草然諸燈火。近則熾然。真解脫中無如是事。

又不逼切者譬如日月不逼衆生。解脫亦爾於諸衆生無有逼切。無有逼切喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名無動法猶如怨親。真解脫中無如是事。

又不動者如轉輪王更無聖王以為親友。若更有親則無是處。解脫亦爾更無有親。若有親者亦無是處。彼王無親喻真解脫。真解脫者即是如來。如來者即是法也。

又無動者譬如素衣易受染色解脫不爾。

又無動者如婆師花欲令有臭及青色者無有是處。解脫亦爾欲令有臭及諸色者亦無是處。是故解脫即是如來。

thoát trung, vô như thị sự. Bát bức thiết giả, như Chuyển luân Vương, sở hữu thân châu, năng phục khương lang, cứu thập lục chủng chư độc trùng đẳng. Nhược hữu văn thị thân châu hương giả, chư độc tiêu diệt. Chân giải thoát giả, diệt phục như thị, giai tất viễn ly nhị thập ngũ hữu. Độc tiêu diệt giả, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu bát bức thiết giả, thí như hư không. Giải thoát diệt nhĩ. Bĩ hư không giả, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu bức thiết giả, như cận càn thảo, nhiên chư đăng hỏa, cận tác xí nhiên. Chân giải thoát trung, vô như thị sự.

Hựu bát bức thiết giả, thí như nhật nguyệt, bát bức chúng sanh. Giải thoát diệt nhĩ, ư chư chúng sanh, vô hữu bức thiết. Vô hữu bức thiết, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vô động pháp, do như oán thân. Chân giải thoát trung, vô như thị sự.

Hựu bất động giả, như Chuyển luân Vương, cánh vô Thánh vương dĩ vi thân hữu. Nhược cánh hữu thân, tác vô thị xứ. Giải thoát diệt nhĩ, cánh vô hữu thân. Nhược hữu thân giả, diệt vô thị xứ. Bĩ vương vô thân, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị Pháp dã.

Hựu vô động giả, thí như tố y, dị thọ nhiễm sắc, giải thoát bất nhĩ.

Hựu vô động giả, như bà-sư hoa, dục linh hữu xú cập thanh sắc giả, vô hữu thị xứ. Giải thoát diệt nhĩ, dục linh hữu xú cập chư sắc giả, diệt vô thị xứ. Thị cố giải thoát, tức thị Như Lai.

又解脫者名為希有。譬如水中生於蓮花非為希有。火中生者是乃希有。有人見之便生歡喜。真解脫者亦復如是。其有見者心生歡喜。彼希有者喻真解脫。真解脫者即是如來。其如來者即是法身。

又希有者譬如嬰兒。其齒未生漸漸長大然後乃生。解脫不爾無有生與不生。

又解脫者名曰虛寂無有不定。夫不定者如一闍提究竟不移。犯重禁者不成佛道無有是處。何以故。是人若於佛正法中心得淨信。爾時即便滅一闍提。若復得作優婆塞者。亦得斷滅於一闍提。犯重禁者滅此罪已則得成佛。是故若言畢竟不移不成佛道無有是處。真解脫中都無如是滅盡之事。又虛寂者墮於法界。如法界性即真解脫。真解脫者即是如來。

又一闍提若盡滅者則不得稱一闍提也。何等名為一闍提耶。一闍提者斷滅一切諸善根本。心不攀緣一切善法。乃至不生一念之善。真解脫中都無是事。無是事故即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名不可量。譬如穀聚其量可知。真解脫者則不如是。譬如大海不可度量。解脫亦爾不可度量。不可量者即真解脫。真解脫者即是如來。

Hựu giải thoát giả, danh vi hy hữu. Thí như thủy trung, sanh ư liên hoa, phi vi hy hữu. Hỏa trung sanh giả, thị nãi hy hữu. Hữu nhân kiến chi, tiện sanh hoan hỷ. Chân giải thoát giả, diệt phục như thị, kỳ hữu kiến giả, tâm sanh hoan hỷ. Bỉ hy hữu giả, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai. Kỳ Như Lai giả, tức thị Pháp thân.

Hựu hy hữu giả, thí như anh nhi, kỳ xỉ vị sanh, tiệm tiệm trưởng đại, nhiên hậu nãi sanh. Giải thoát bất nhĩ, vô hữu sanh dữ bất sanh.

Hựu giải thoát giả, danh viết hư tịch, vô, hữu bất định. Phù bất định giả, như nhất-xiển-đề, cứu cánh bất di, phạm trọng cấm giả, bất thành Phật đạo. Vô hữu thị xứ. Hà dĩ cố? Thị nhân nhược ư Phật Chánh pháp trung, tâm đắc tịnh tín, nhĩ thời tức tiện diệt nhất-xiển-đề. Nhược phục đắc tác ưu-bà-tắc giả, diệt đắc đoạn diệt ư nhất-xiển-đề. Phạm trọng cấm giả, diệt thủ tội dĩ, tắc đắc thành Phật. Thị cố nhược ngôn: “Tất cánh bất di, bất thành Phật đạo”, vô hữu thị xứ. Chân giải thoát trung, đô vô như thị diệt tận chi sự. Hựu hư tịch giả, đọa ư pháp giới như pháp giới tánh, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu nhất-xiển-đề, nhược tận diệt giả, tắc bất đắc xưng nhất-xiển-đề dã. Hà đẳng danh vi nhất-xiển-đề da? Nhất-xiển-đề giả, đoạn diệt nhất thiết chư thiện căn bản, tâm bất phan duyên nhất thiết thiện pháp, nãi chí bất sanh nhất niệm chi thiện. Chân giải thoát trung, đô vô thị sự. Vô thị sự cố, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh bất khả lượng. Thí như cốc tụ, kỳ lượng khả tri. Chân giải thoát giả, tắc bất như thị. Thí như đại hải, bất khả đạc lượng. Giải thoát diệt nhĩ, bất khả đạc lượng. Bất khả lượng giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

又解脫者名無量法。如一衆生多有業報。解脫亦爾有無量報。無量報者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名為廣大。譬如大海無與等者。解脫亦爾無能與等。無與等者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰最上。譬如虛空最高無比。解脫亦爾最高無比。高無比者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名無能過。譬如師子所住之處一切百獸無能過者。解脫亦爾無有能過。無能過者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名為無上。譬如北方諸方中上。解脫亦爾為無有上。無有上者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名無上上。譬如北方之於東方為無上上。解脫亦爾無有上上。無上上者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰恒法。譬如人天身壞命終是名曰恒非不恒也。解脫亦爾非是不恒。非不恒者即真解脫。真解脫者即是如來。

Hựu giải thoát giả, danh vô lượng pháp. Như nhất chúng sanh đa hữu nghiệp báo. Giải thoát diệc nhĩ, hữu vô lượng báo. Vô lượng báo giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vi quảng đại. Thí như đại hải, vô dũ đẳng giả. Giải thoát diệc nhĩ, vô năng dũ đẳng. Vô dũ đẳng giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết tối thượng. Thí như hư không, tối cao vô tỷ. Giải thoát diệc nhĩ, tối cao vô tỷ. Cao vô tỷ giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vô năng quá. Thí như sư tử, sở trụ chi xứ, nhất thiết bá thú, vô năng quá giả. Giải thoát diệc nhĩ, vô hữu năng quá. Vô năng quá giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vi vô thượng. Thí như Bắc phương, chư phương trung thượng. Giải thoát diệc nhĩ, vi vô hữu thượng. Vô hữu thượng giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vô thượng thượng. Thí như Bắc phương, chi ư đông phương, vi vô thượng thượng. Giải thoát diệc nhĩ, vô hữu thượng thượng. Vô thượng thượng giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết hằng pháp. Thí như nhân thiên, thân hoại mạng chung, thị danh viết hằng, phi bất hằng dã. Giải thoát diệc nhĩ, phi thị bất hằng. Phi bất hằng giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

又解脫者名曰堅實。如佉陀羅栴檀沆水其性堅實。解脫亦爾其性堅實。性堅實者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰不虛。譬如竹葦其體空虛。解脫不爾。當知解脫即是如來。

又解脫者名不可住。譬如牆壁未被塗治蚊虻在上止住遊戲。若以塗治彩畫彫飾蟲聞彩香即便不住。如是不住喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰無邊。譬如聚落皆有邊表解脫不爾。譬如虛空無有邊際解脫亦爾無有邊際。如是解脫即是如來。

又解脫者名不可見。譬如空中鳥跡難見。如是難見喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰甚深。何以故。聲聞緣覺所不能入。不能入者即真解脫。真解脫者即是如來。

又甚深者諸佛菩薩之所恭敬。譬如孝子供養父母功德甚深。功德甚深喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名不可見。譬如有人不見自頂解脫亦爾。聲聞緣覺所不能見。不能見者即真解脫。真解脫者即是如來。

Hựu giải thoát giả, danh viết kiên thật. Như khu-dà-la, chiêm-dàn trầm thủy, kỳ tánh kiên thật. Giải thoát diệt nhĩ, kỳ tánh kiên thật. Tánh kiên thật giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết bất hư. Thí như trúc vĩ, kỳ thể không hư, giải thoát bất nhĩ. Đương tri giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh bất khả trụ. Thí như tường bích, vị bị đồ trị, mần manh tại thượng, chỉ trụ du hý. Nhược dĩ đồ trị, thải họa điều sức, trùng văn thải hương, tức tiện bất trụ. Như thị bất trụ, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết vô biên. Thí như tụ lạc, giai hữu biên biểu. Giải thoát bất nhĩ. Thí như hư không, vô hữu biên tế. Giải thoát diệt nhĩ, vô hữu biên tế. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh bất khả kiến. Thí như không trung, diểu tích nan kiến. Như thị nan kiến, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết thậm thâm. Hà dĩ cố? Thanh văn, Duyên giác, sở bất năng nhập. Bất năng nhập giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu thậm thâm giả, chư Phật Bồ Tát chi sở cung kính. Thí như hiếu tử, cúng dường phụ mẫu, công đức thậm thâm. Công đức thậm thâm, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh bất khả kiến. Thí như hữu nhân bất kiến tự đỉnh. Giải thoát diệt nhĩ, Thanh văn, Duyên giác, sở bất năng kiến. Bất năng kiến giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

又解脫者名無屋宅。譬如虛空無有屋宅解脫亦爾。言屋宅者喻二十五有。無有屋宅喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名不可取。如阿摩勒菓人可取持。解脫不爾不可取持。不可取持即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名不可執。譬如幻物不可執持。解脫亦爾不可執持。不可執持即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者無有身體。譬如有人體生瘡癩及諸癰疽癩狂乾枯。真解脫中無如是病。無如是病喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名為一味。如乳一味解脫亦爾唯有一味。如是一味即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰清淨。如水無泥澄靜清淨。解脫亦爾澄靜清淨。澄靜清淨即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰一味。如空中雨一味清淨。一味清淨喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰除卻。譬如滿月無諸雲翳。解脫

Hựu giải thoát giả, danh vô ốc trạch. Thí như hư không, vô hữu ốc trạch, giải thoát diệt nhĩ. Ngôn ốc trạch giả, dụ nhị thập ngũ hữu. Vô hữu ốc trạch, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh bất khả thủ. Như a-ma-lặc quả, nhân khả thủ trì. Giải thoát bất nhĩ, bất khả thủ trì. Bất khả thủ trì, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh bất khả chấp. Thí như huyễn vật, bất khả chấp trì. Giải thoát diệt nhĩ, bất khả chấp trì. Bất khả chấp trì, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, vô hữu thân thể. Thí như hữu nhân, thể sanh sang lại cập chư ung thư, điên cuồng, càn khô. Chân giải thoát trung, vô như thị bệnh. Vô như thị bệnh, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vi nhất vị. Như nhũ nhất vị, giải thoát diệt nhĩ, duy hữu nhất vị. Như thị nhất vị, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết thanh tịnh. Như thủy vô nê, trùng tĩnh thanh tịnh. Giải thoát diệt nhĩ, trùng tĩnh thanh tịnh. Trùng tĩnh thanh tịnh, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết nhất vị. Như không trung vũ, nhất vị thanh tịnh. Nhất vị thanh tịnh, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết trừ khước. Thí như măn

亦爾無諸雲翳。無諸雲翳即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰寂靜。譬如有人熱病除愈身得寂靜。解脫亦爾身得寂靜。身得寂靜即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者即是平等。譬如野田毒蛇鼠狼俱有殺心。解脫不爾無有殺心。無殺心者即真解脫。真解脫者即是如來。

又平等者譬如父母等心於子。解脫亦爾其心平等。心平等者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名無異處。譬如有人唯居上妙清淨屋宅更無異處。解脫亦爾無有異處。無異處者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰知足。譬如饑人值遇甘饌食之無厭。解脫不爾如食乳糜更無所須。更無所須喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰斷絕。如人被縛斷縛得脫。解脫亦爾斷絕一切疑心結縛。如是斷疑即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名到彼岸。譬如大河有此彼岸。解脫不爾雖無此岸而有彼岸。有彼岸者即真解脫。真解脫者即是如來。

nguyệt, vô chư vân ế. Giải thoát diệt nhĩ, vô chư vân ế. Vô chư vân ế, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết tịch tĩnh. Thí như hữu nhân, nhiệt bệnh trừ dữ, thân đặc tịch tĩnh. Giải thoát diệt nhĩ, thân đặc tịch tĩnh. Thân đặc tịch tĩnh, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, tức thị bình đẳng. Thí như dã điền, độc xà, thủ, lang, câu hữu sát tâm. Giải thoát bất nhĩ, vô hữu sát tâm. Vô sát tâm giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu bình đẳng giả, thí như phụ mẫu, đẳng tâm ư tử. Giải thoát diệt nhĩ, kỳ tâm bình đẳng. Tâm bình đẳng giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vô dị xứ. Thí như hữu nhân, duy cư thượng diệu thanh tịnh ốc trạch, cánh vô dị xứ. Giải thoát diệt nhĩ, vô hữu dị xứ. Vô dị xứ giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết tri túc. Thí như cơ nhân, trị ngộ cam soạn, thực chi vô yếm. Giải thoát bất nhĩ, như thực nhũ my, cánh vô sở tu. Cánh vô sở tu, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết đoạn tuyệt. Như nhân bị phục, đoạn phục đắc thoát. Giải thoát diệt nhĩ, đoạn tuyệt nhất thiết nghi tâm kết phục. Như thị đoạn nghi, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh đáo bỉ ngạn. Thí như đại hà, hữu thủ bỉ ngạn. Giải thoát bất nhĩ, tuy vô thủ ngạn, nhi hữu bỉ ngạn. Hữu bỉ ngạn giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

又解脫者名曰默然。譬如大海其水汎漲多諸音聲。解脫不爾如是解脫即是如來。

又解脫者名曰美妙。譬如衆藥雜呵梨勒其味則苦。解脫不爾味如甘露。味如甘露喻真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者除諸煩惱。譬如良醫和合諸藥善療衆病。解脫亦爾能除煩惱。除煩惱者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰無迕。譬如小舍不容多人。解脫不爾多所容受。多所容受即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名減諸愛不雜婬欲。譬如女人多諸愛欲。解脫不爾如是解脫即是如來。如來如是無有貪欲瞋恚愚癡憍慢等結。

又解脫者名曰無愛。愛有二種。一者餓鬼愛。二者法愛。真解脫者離餓鬼愛。憐愍衆生故有法愛。如是法愛即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者離我我所。如是解脫即是如來。如來者即是法也。

又解脫者即是滅盡離諸有貪。如是解脫即是如來。如來者即是法也。

Hựu giải thoát giả, danh viết mặc nhiên. Thí như đại hải, kỳ thủy phiếm trưởng, đa chư âm thanh. Giải thoát bát nhĩ. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết mỹ diệu. Thí như chúng dược, tạp ha-lê-lặc, kỳ vị tác khổ. Giải thoát bát nhĩ, vị như cam lộ. Vị như cam lộ, dụ chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, trừ chư phiền não. Thí như lương y, hòa hiệp chư dược, thiện liệu chúng bệnh. Giải thoát diệt nhĩ, năng trừ phiền não. Trừ phiền não giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả. Tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết vô trách. Thí như tiểu xá, bất dung đa nhân. Giải thoát bát nhĩ, đa sở dung thọ. Đa sở dung thọ, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh diệt chư ái, bất tạp dâm dục. Thí như nữ nhân, đa chư ái dục. Giải thoát bát nhĩ. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai. Như Lai như thị vô hữu tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn đẳng kết.

Hựu giải thoát giả, danh viết vô ái. Ái hữu nhị chủng: nhất giả ngã quý ái, nhị giả pháp ái. Chân giải thoát giả, ly ngã quý ái, lân mãn chúng sanh, cố hữu pháp ái. Như thị pháp ái, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, ly ngã, ngã sở. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị pháp dã.

Hựu giải thoát giả, tức thị diệt tận, ly chư hữu tham. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị pháp dã.

又解脫者即是救護。能救一切諸怖畏者。如是解脫即是如來。如來者即是法也。

又解脫者即是歸處。若有歸依如是解脫不求餘依。譬如有人依恃於王不求餘依。雖復依王則有動轉。依解脫者無有動轉。無動轉者即真解脫。真解脫者即是如來。如來者即是法也。

又解脫者名為屋宅。譬如有人行於曠野門有險難。解脫不爾無有險難。無險難者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者是無所畏。如師子王於諸百獸不生怖畏。解脫亦爾於諸魔眾不生怖畏。無怖畏者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者無有迮狹。譬如隘路乃至不受二人並行。解脫不爾如是解脫即是如來。

又有不迮譬如有人畏虎墮井。解脫不爾如是解脫即是如來。

又有不迮如大海中捨壞小船得堅牢船。乘之度海到安隱處心得快樂。解脫亦爾心得快樂。得快樂者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者拔諸因緣。譬如因乳得酪因酪得酥因酥得醍醐。真解脫中都無是因。無是因者即真解脫。真解脫者即是如來。

Hựu giải thoát giả, tức thị cứu hộ, năng cứu nhất thiết chư bố úy giả. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị pháp dã.

Hựu giải thoát giả, tức thị quy xứ. Nhược hữu quy y như thị giải thoát, bất cầu dư y, thí như hữu nhân, y thị ư vương, bất cầu dư y. Tuy phục y vương, tác hữu động chuyển. Y giải thoát giả, vô hữu động chuyển. Vô động chuyển giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị pháp dã.

Hựu giải thoát giả, danh vi ốc trạch. Thí như hữu nhân, hành ư khoáng dã, môn hữu hiểm nạn. Giải thoát bất nhĩ, vô hữu hiểm nạn. Vô hiểm nạn giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, thị vô sở úy. Như sư tử vương, ư chư bá thú, bất sanh bố úy. Giải thoát diệt nhĩ, ư chư ma chúng, bất sanh bố úy. Vô bố úy giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, vô hữu trách hiệp. Thí như ải lộ, nãi chí bất thọ nhĩ nhân tịnh hành. Giải thoát bất nhĩ. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu hữu bất trách, thí như hữu nhân, úy hồ đọa tỉnh. Giải thoát bất nhĩ. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu hữu bất trách, như đại hải trung, xả hoại tiểu thuyền, đắc kiên lao thuyền, thừa chi độ hải, đảo an ổn xứ, tâm đắc khoái lạc. Giải thoát diệt nhĩ, tâm đắc khoái lạc. Đắc khoái lạc giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, bạt chư nhân duyên. Thí như nhân nhũ đắc lạc, nhân lạc đắc tô, nhân tô đắc đề-hồ. Chân giải thoát trung, đô vô thị nhân. Vô thị nhân giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.



又解脫者能伏憍慢。譬如大王慢於小王。解脫不爾如是解脫即是如來。如來者即是法也。

又解脫者伏諸放逸。謂放逸者多有貪欲。真解脫中無有是名。無是名者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者能除無明。如上妙酥除諸滓穢乃名醍醐。解脫亦爾除無明滓生於真明。如是真明即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名為寂靜純一無二。如空野象獨一無侶。解脫亦爾獨一無二。獨一無二即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名為堅實如竹葦薺麻莖幹空虛而子堅實。除佛如來其餘人天皆不堅實。真解脫者遠離一切諸有流等。如是解脫即是如來。

又解脫者名能覺了增益於我。真解脫者亦復如是。如是解脫即是如來。

又解脫者名捨諸有。譬如有人食已而吐。解脫亦爾捨於諸有。捨諸有者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰決定。如婆師花香七葉中無。解脫亦爾如是解脫即是如來。

Hựu giải thoát giả, năng phục kiêu mạn. Thí như đại vương, mạn ư tiểu vương. Giải thoát bất nhĩ. Như thị giải thoát tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị pháp dã.

Hựu giải thoát giả, phục chư phóng dật. Vị phóng dật giả, đa hữu tham dục. Chân giải thoát trung, vô hữu thị danh. Vô thị danh giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, năng trừ vô minh. Như thượng diệu tô, trừ chư chỉ uế, nãi danh đề-hồ. Giải thoát diệt nhĩ, trừ vô minh chỉ, sanh ư chân minh. Như thị chân minh, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vi tịch tĩnh, thuần nhất vô nhị. Như không dã tượng, độc nhất vô lưỡng. Giải thoát diệt nhĩ, độc nhất vô nhị. Độc nhất vô nhị, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vi kiên thật. Như trúc vĩ, tỳ ma, hành cán không hư, nhi tử kiên thật. Trừ Phật Như Lai, kỳ dư nhân thiên, giai bất kiên thật. Chân giải thoát giả, viễn ly nhất thiết chư hữu lưu đẳng. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh năng giác liễu, tăng ích ư ngã. Chân giải thoát giả, diệt phục như thị. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh xả chư hữu. Thí như hữu nhân, thực dĩ nhi thổ. Giải thoát diệt nhĩ, xả ư chư hữu. Xả chư hữu giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết quyết định. Như bà-sư hoa hương, thất diệt trung vô. Giải thoát diệt nhĩ. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

又解脫者名曰水大。譬如水大於諸大勝能潤一切草木種子。解脫亦爾能潤一切有生之類。如是解脫即是如來。

又解脫者名曰為入。如有門戶則通入路。金性之處金則可得。解脫亦爾。如彼門戶，修無我者則得入中。如是解脫即是如來。

又解脫者名曰為善。譬如弟子隨逐於師善奉教敕得名為善。解脫亦爾如是解脫即是如來。

又解脫者名出世法。於一切法最為出過。如眾味中酥乳最勝。解脫亦爾如是解脫即是如來。

又解脫者名曰不動。譬如門閭風不能動。真解脫者亦復如是。如是解脫即是如來。

又解脫者名無濤波。如彼大海其水濤波。解脫不爾如是解脫即是如來。

又解脫者譬如宮殿。解脫亦爾當知解脫即是如來。

又解脫者名曰所用。如閻浮檀金多有所任。無有能說是金過惡。解脫亦爾無有過惡。無有過惡即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者捨嬰兒行。譬如大人捨小兒行。解脫亦爾除捨五陰。除捨五陰即真解脫。真解脫者即是如來。

Hựu giải thoát giả, danh viết thủy đại. Thí như thủy đại, ư chư đại thắng, năng nhuận nhất thiết thảo mộc chủng tử. Giải thoát diệt nhĩ, năng nhuận nhất thiết hữu sanh chi loại. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết vi nhập. Như hữu môn hộ, tắc thông nhập lộ. Kim tánh chi xứ, kim tắc khả đắc. Giải thoát diệt nhĩ. Như bỉ môn hộ, tu vô ngã giả, tắc đắc nhập trung. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết vi thiện. Thí như đệ tử, tùy trực ư sư, thiện phụng giáo sắc, đắc danh vi thiện. Giải thoát diệt nhĩ. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh xuất thế pháp, ư nhất thiết pháp, tối vi xuất quá. Như chúng vị trung, tô nhữ tối thắng. Giải thoát diệt nhĩ. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết bất động. Thí như môn khỏn, phong bất năng động. Chân giải thoát giả, diệt phục như thị. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vô đào ba. Như bỉ đại hải, kỳ thủy đào ba. Giải thoát bất nhĩ. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, thí như cung điện. Giải thoát diệt nhĩ. Dương tri giải thoát, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết sở dụng. Như Diêm-phù-đàn kim, đa hữu sở nhiệm, vô hữu năng thuyết thị kim quá ác. Giải thoát diệt nhĩ, vô hữu quá ác. Vô hữu quá ác, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, xả anh nhi hạnh. Thí như đại nhân, xả tiểu nhi hạnh. Giải thoát diệt nhĩ, trừ xả ngũ ấm. Trừ xả ngũ ấm, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

又解脫者名曰究竟。如被繫者從繫得脫洗浴清淨然後還家。解脫亦爾畢竟清淨。畢竟清淨即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名無作樂。無作樂者貪欲瞋恚愚癡吐故。喻如有人誤飲蛇毒為除毒故即服吐藥。既得吐已毒即除愈身得安樂。解脫亦爾吐於煩惱諸結縛毒身得安樂名無作樂。無作樂者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名斷四種毒蛇煩惱。斷煩惱者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名離諸有。滅一切苦得一切樂。永斷貪欲瞋恚愚癡。拔斷一切煩惱根本。拔根本者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名斷一切有為之法。出生一切無漏善法。斷塞諸道所謂若我無我非我非無我。唯斷取著不斷我見。我見者名為佛性。佛性者即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名不空空。空空者名無所有。無所有者即是外道尼犍子等所計解脫。而是尼犍實無解脫故名空空。真解脫者則不如是故不空空。不空空者即真解脫。真解脫者即是如來。

Hựu giải thoát giả, danh viết cứu cánh. Như bị hệ giả, tòng hệ đắc thoát, tẩy dục thanh tịnh, nhiên hậu hoàn gia. Giải thoát diệt nhĩ, tất cánh thanh tịnh. Tất cánh thanh tịnh, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh vô tác lạc. Vô tác lạc giả, tham dục, sân khuể, ngu si thổ cố. Dụ như hữu nhân, ngộ ẩm xà độc, vi trừ độc cố, tức phục thổ dục. Kỳ đắc thổ dĩ, độc tức trừ dĩ, thân đắc an lạc. Giải thoát diệt nhĩ, thổ ư phiền não, chư kết phục độc, thân đắc an lạc, danh vô tác lạc. Vô tác lạc giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh đoạn tứ chủng độc xà phiền não. Đoạn phiền não giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh ly chư hữu, diệt nhất thiết khổ, đắc nhất thiết lạc, vĩnh đoạn tham dục, sân khuể, ngu si, bạt đoạn nhất thiết phiền não căn bản. Bạt căn bản giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh đoạn nhất thiết hữu vi chi pháp, xuất sanh nhất thiết vô lậu thiện pháp, đoạn tác chư đạo, sở vị nhược ngã, vô ngã, phi ngã phi vô ngã. Duy đoạn thủ trước, bát đoạn ngã kiến. Ngã kiến giả, danh vi Phật tánh. Phật tánh giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh bất không không. Không không giả, danh vô sở hữu. Vô sở hữu giả, tức thị ngoại đạo Ni-kiền tử đẳng, sở kế giải thoát. Nhi thị Ni-kiền, thật vô giải thoát, cố danh không không. Chân giải thoát giả, tác bất như thị, cố bất không không. Bất không không giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

又解脫者名空不空。如水酒酪酥蜜瓶等。雖無水酒酪酥蜜時。猶故得名為水等瓶。而是瓶等不可說空及以不空。若言空者則不得有色香味觸。若言不空而復無有水酒等實解脫亦爾不可說色及以非色。不可說空及以不空。若言空者則不得有常樂我淨。若言不空誰受是常樂我淨者。

以是義故不可說空及以不空。空者謂無二十五有及諸煩惱。一切苦一切相一切有為行。如瓶無酪則名為空。不空者。謂真實善色常樂我淨不動不變。猶如彼瓶色香味觸故名不空。是故解脫喻如彼瓶。彼瓶遇緣則有破壞。解脫不爾不可破壞。不可破壞即真解脫。真解脫者即是如來。

又解脫者名曰離愛。譬如有人愛心希望釋提桓因大梵天王自在天王。解脫不爾若得成於阿耨多羅三藐三菩提已無愛無疑。無愛無疑即真解脫。真解脫者即是如來。若言解脫有愛疑者無有是處。

又解脫者斷諸有貪。斷一切相一切繫縛一切煩惱一切生死一切因緣一切果報。如是解脫即是如來。如來即是涅槃。

一切衆生怖畏生死諸煩惱故故受三歸。譬如群鹿怖畏獵師。既得免離若得一跳則喻一歸。如是三跳則喻三歸。以三跳故得受安樂。衆生亦爾怖畏四

Hựu giải thoát giả, danh không bất không. Như thủy, tửu, lạc, tô, mật bình đẳng. Tuy vô thủy, tửu, lạc, tô, mật thời, du cố đắc danh vi thủy đẳng bình. Nhi thị bình đẳng, bất khả thuyết không, cập dĩ bất không. Nhược ngôn không giả, tắc bất đắc hữu sắc, hương, vị xúc. Nhược ngôn bất không, nhi phục vô hữu thủy, tửu đẳng thật. Giải thoát diệt nhĩ, bất khả thuyết sắc cập dĩ phi sắc, bất khả thuyết không cập dĩ bất không. Nhược ngôn không giả, tắc bất đắc hữu thường, lạc, ngã, tịnh. Nhược ngôn bất không, tùy thọ thị thường, lạc, ngã, tịnh giả?

Dĩ thị nghĩa cố, bất khả thuyết không cập dĩ bất không. Không giả, vị vô nhị thập ngũ hữu, cập chư phiền não, nhất thiết khổ, nhất thiết tướng, nhất thiết hữu vi hạnh. Như bình vô lạc, tắc danh vi không. Bất không giả, vị chân thật thiện sắc thường, lạc, ngã, tịnh, bất động, bất biến. Do như bỉ bình, sắc, hương, vị, xúc, cố danh bất không. Thị cố giải thoát dụ như bỉ bình. Bỉ bình ngộ duyên, tắc hữu phá hoại. Giải thoát bất nhĩ, bất khả phá hoại. Bất khả phá hoại, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Hựu giải thoát giả, danh viết ly ái. Thí như hữu nhân, ái tâm hy vọng Thích-đề-hoàn-nhân, Đại phạm thiên vương, Tụ tại thiên vương. Giải thoát bất nhĩ. Nhược đắc thành ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề dĩ, vô ái, vô nghi. Vô ái, vô nghi, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai. Nhược ngôn giải thoát, hữu ái nghi giả, vô hữu thị xứ.

Hựu giải thoát giả, đoạn chư hữu tham, đoạn nhất thiết tướng, nhất thiết hệ phược, nhất thiết phiền não, nhất thiết sanh tử, nhất thiết nhân duyên, nhất thiết quả báo. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai. Như Lai, tức thị Niết-bàn.

Nhất thiết chúng sanh, bố úy sanh tử, chư phiền não cố, cố thọ Tam quy. Thí như quân lộc, bố úy liệt sư, ký đắc miễn ly. Nhược đắc nhất đào, tắc dụ nhất quy, như thị tam đào, tắc dụ

魔惡獵師故受三歸依。三歸依故則得安樂。受安樂者即真解脫。真解脫者即是如來。如來者即是涅槃。涅槃者即是無盡。無盡者即是佛性。佛性者即是決定。決定者即是阿耨多羅三藐三菩提。

迦葉菩薩白佛言。世尊。若涅槃佛性決定如來是一義者。云何說言有三歸依。

佛告迦葉。善男子。一切衆生怖畏生死故求三歸。以三歸故則知佛性決定涅槃。

善男子。有法名一義異。有法名義俱異。名一義異者。佛常法常比丘僧常。涅槃虛空皆亦是常。是名名一義異。名義俱異者。佛名為覺法名不覺僧名和合。涅槃名解脫虛空名非善亦名無礙。是為名義俱異。

善男子。三歸依者亦復如是名義俱異。云何為一。是故我告摩訶波闍波提憍曇彌。莫供養我當供養僧。若供養僧則得具足供養三歸。摩訶波闍波提即答我言。衆僧之中無佛無法。云何說言供養衆僧。則得具足供養三歸。我復告言。汝隨我語則供養佛。為解脫故即供養法。衆僧受者則供養僧。

善男子。是故三歸不得為一。

tam quy. Dĩ tam đào cố đắc thọ an lạc. Chúng sanh diệt nhĩ, bố úy tứ ma, ác liệt sư cố, thọ Tam quy y. Tam quy y cố, tắc đắc an lạc. Thọ an lạc giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai. Như Lai giả, tức thị Niết-bàn. Niết-bàn giả, tức thị vô tận. Vô tận giả, tức thị Phật tánh. Phật tánh giả, tức thị quyết định. Quyết định giả, tức thị A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược Niết-bàn, Phật tánh, quyết định, Như Lai, thị nhất nghĩa giả, vân hà thuyết ngôn hữu Tam quy y?

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Nhất thiết chúng sanh, bố úy sanh tử, cố cầu Tam quy. Dĩ tam quy cố, tắc tri Phật tánh, quyết định, Niết-bàn.

Thiện nam tử! Hữu pháp danh nhất nghĩa dị. Hữu pháp danh nghĩa câu dị. Danh nhất nghĩa dị giả, Phật thường, Pháp thường, Tỳ-kheo tăng thường, Niết-bàn, hư không, giai diệt thị thường. Thị danh danh nhất nghĩa dị. Danh nghĩa câu dị giả, Phật danh vi giác, Pháp danh bất giác, Tăng danh hòa hiệp, Niết-bàn danh giải thoát, hư không danh phi thiện, diệt danh vô ngại. Thị vi danh, nghĩa câu dị.

Thiện nam tử! Tam quy y giả, diệt phục như thị, danh nghĩa câu dị. Vân hà vi nhất? Thị cố ngã cáo Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di: “Mạc cúng dường ngã, đương cúng dường Tăng. Nhược cúng dường Tăng, tắc đắc cụ túc cúng dường Tam quy.” Ma-ha Ba-xà-ba-đề tức đáp ngã ngôn: “Chúng Tăng chi trung, vô Phật, vô Pháp. Vân hà thuyết ngôn cúng dường chúng Tăng, tắc đắc cụ túc cúng dường Tam quy?” Ngã phục cáo ngôn: “Nhữ tùy ngã ngữ, tắc cúng dường Phật. Vị giải thoát cố, tức cúng dường Pháp. Chúng Tăng thọ giả, tắc cúng dường Tăng.”

Thiện nam tử! Thị cố Tam quy, bất đắc vi nhất.

善男子。如來或時說一為三說三為一。如是之義諸佛境界非是聲聞緣覺所知。

迦葉復言。如佛所說畢竟安樂名涅槃者是義云何。夫涅槃者捨身捨智。若捨身智誰當受樂。

佛言。善男子。譬如有人食已心悶出外欲吐。既得吐已而復迴還。同伴問之汝今所患竟為瘥不。而復來還答言。已瘥身得安樂。如來亦爾畢竟遠離二十五有永得涅槃安樂之處。不可動轉無有盡滅。斷一切受名無受樂。如是無受名為常樂。若言如來有受樂者無有是處。是故畢竟樂者即是涅槃。涅槃者即真解脫。真解脫者即是如來。

迦葉復言。不生不滅是解脫耶。

如是如是善男子。不生不滅即是解脫。如是解脫即是如來。

迦葉復言。若不生不滅是解脫者。虛空之性亦無生滅應是如來。如如來性即是解脫。

佛告迦葉。善男子。是事不然。

世尊。何故不然。

善男子。如迦蘭伽鳥及命命鳥。其聲清妙寧可同於鳥鵲音不。

Thiện nam tử! Như Lai hoặc thời thuyết nhất vi tam, thuyết tam vi nhất. Như thị chi nghĩa, chư Phật cảnh giới, phi thị Thanh văn, Duyên giác sở tri.

Ca-diếp phục ngôn: Như Phật sở thuyết, tất cánh an lạc, danh Niết-bàn giả. Thị nghĩa vân hà? Phù Niết-bàn giả, xả thân, xả trí. Nhược xả thân trí, thùy đương thọ lạc?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, thực dĩ tâm muộn, xuất ngoại dục thổ. Kỳ đắc thổ dĩ, nhi phục hồi hoàn. Đồng bạn vấn chi: “Nhữ kim sở hoạn, cánh vi sai phủ, nhi phục lai hoàn?” Đáp ngôn: “Dĩ sai, thân đắc an lạc.” Như Lai diệt nhĩ, tất cánh viễn ly nhị thập ngũ hữu, vĩnh đắc Niết-bàn, an lạc chi xứ, bất khả động chuyển, vô hữu tận diệt, đoạn nhất thiết thọ, danh vô thọ lạc. Như thị vô thọ, danh vi thường lạc. Nhược ngôn: “Như Lai hữu thọ lạc giả”, vô hữu thị xứ. Thị cố tất cánh lạc giả, tức thị Niết-bàn. Niết-bàn giả, tức chân giải thoát. Chân giải thoát giả, tức thị Như Lai.

Ca-diếp phục ngôn: Bất sanh bất diệt, thị giải thoát da?

Như thị, như thị. Thiện nam tử! Bất sanh bất diệt, tức thị giải thoát. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Ca-diếp phục ngôn: Nhược bất sanh bất diệt thị giải thoát giả, hư không chi tánh diệt vô sanh diệt, ưng thị Như Lai! Như Như Lai tánh, tức thị giải thoát.

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Thị sự bất nhiên.

Thế Tôn! Hà cố bất nhiên?

Thiện nam tử! Như ca-lan-già điều cập mạng-mạng điều, kỳ thanh thanh diệu, ninh khả đồng ư ô thước âm phủ?

不也世尊。烏鵲之聲比命命等百千萬倍不可為比。

迦葉復言。迦蘭伽等其聲微妙身亦不同如來云何比之烏鵲無異葶蘆比須彌山。佛與虛空亦復如是。迦蘭伽聲可喻佛聲。不可以喻烏鵲之音。

爾時佛讚迦葉菩薩言。善哉善哉。汝今善解甚深難解如來有時以因緣故引彼虛空以喻解脫。如是解脫即是如來。

真解脫者一切人天無能為匹。而此虛空實非其喻。為化衆生故以虛空非喻為喻。當知解脫即是如來。如來之性即是解脫。解脫如來無二無別。

善男子。非喻者。如無比之物不可引喻。有因緣故可得引喻。如經中說面貌端正猶月盛滿。白象鮮潔猶如雪山。滿月不得即同於面。雪山不得即是白象。

善男子。不可以喻喻真解脫。為化衆生故作喻耳。以諸譬喻知諸法性皆亦如是。

迦葉復言。云何如來作二種說。

佛言善男子。譬如有人執持刀劍以瞋恚心欲害如來。如來和悅無恚恨色。是人當得壞如來身成逆罪不。

Phất dã, Thế Tôn. Ô thước chi thanh, tử mạng-mạng đẳng, bá thiên vạn bội, bất khả vi tỷ.

Ca-diếp phục ngôn: Ca-lan-già đẳng, kỳ thanh vi diệu, thân diệc bất đồng. Như Lai vân hà tử chi ô thước. Vô dị đình lịch tử Tu-di sơn. Phật dã hư không, diệc phục như thị. Ca-lan-già thanh, khả dụ Phật thanh, bất khả dĩ dụ ô thước chi âm.

Nhĩ thời Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai, thiện tai! Nhữ kim thiện giải thậm thâm nan giải. Như Lai hữu thời, dĩ nhân duyên cố, dẫn bỉ hư không, dĩ dụ giải thoát. Như thị giải thoát, tức thị Như Lai.

Chân giải thoát giả, nhất thiết nhân thiên, vô năng vi thất. Nhi tử hư không, thật phi kỳ dụ. Vị hóa chúng sanh, cố dĩ hư không phi dụ vi dụ. Đương tri giải thoát, tức thị Như Lai. Như Lai chi tánh, tức thị giải thoát. Giải thoát, Như Lai vô nhị, vô biệt.

Thiện nam tử! Phi dụ giả, như vô tử chi vật, bất khả dẫn dụ. Hữu nhân duyên cố, khả đắc dẫn dụ. Như kinh trung thuyết: Diện mạo đoan chánh, du nguyệt thanh mãn, bạch tượng tiên khiết, do như Tuyết sơn. Mãn nguyệt, bất đắc tức đồng ư diện, Tuyết sơn, bất đắc tức thị bạch tượng.

Thiện nam tử! Bất khả dĩ dụ, dụ chân giải thoát. Vị hóa chúng sanh, cố tác dụ nhĩ. Dĩ chư thí dụ, tri chư pháp tánh, giai diệc như thị.

Ca-diếp phục ngôn: Vân hà Như Lai tác nhị chủng thuyết?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Thí như hữu nhân, chấp trì đao kiếm, dĩ sân khuể tâm, dục hại Như Lai. Như Lai hòa duyệt, vô nhuế hận sắc. Thị nhân đương đắc hoại Như Lai thân, thành nghịch tội phủ?

不也世尊。何以故。如來身界不可壞故。所以者何。以無身聚唯有法性。法性之性理不可壞。是人云何能壞佛身。直以惡心故成無間。以是因緣引諸譬喻得知實法。

爾時佛讚迦葉菩薩。善哉善哉善男子。我所欲說汝今已說。

又善男子。譬如惡人欲害其母。住於野田在穀積下。母為送食其人見已尋生害心便前磨刀。母時知已逃入積中。其人持刀遶積遍斫。斫已歡喜生已殺想。其母尋後從穀積出還至家中。於意云何。是人成就無間罪不。

世尊。不可定說。何以故。若說有罪母身應壞。身若不壞云何言有。若說無罪生已殺想心懷歡喜。云何言無。是人雖不具足逆罪而亦是逆。以是因緣引諸譬喻得知實法。

佛讚迦葉。善哉善哉善男子。以是因緣我說種種方便譬喻以喻解脫。雖以無量阿僧祇喻。而實不可以喻為比。或有因緣亦可喻說。或有因緣不可喻說。是故解脫成就如是無量功德趣涅槃者。涅槃如來亦有如是無量功德。以如是等無量功德成就滿故名大涅槃。

Phất dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Như Lai thân giới, bất khả hoại cố. Sở dĩ giả hà? Dĩ vô thân tụ, duy hữu pháp tánh. Pháp tánh chi tánh, lý bất khả hoại. Thị nhân vân hà năng hoại Phật thân? Trục dĩ ác tâm, cố thành vô gián. Dĩ thị nhân duyên, dẫn chư thí dụ, đắc tri thật pháp.

Nhĩ thời, Phật tán Ca-diếp Bồ Tát: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Ngã sở dục thuyết, nhữ kim dĩ thuyết.

Hựu, thiện nam tử! Thí như ác nhân, dục hại kỳ mẫu, trụ ư dã điền, tại cốc tịch hạ. Mẫu vị tổng tự. Kỳ nhân kiến dĩ, tâm sanh hại tâm, tiện tiên ma dao. Mẫu thời tri dĩ, đào nhập tịch trung. Kỳ nhân trì đao, nhiễu tịch biến chúc. Chúc dĩ hoan hỷ, sanh dĩ sát tưởng. Kỳ mẫu tâm hậu, tùng cốc tịch xuất, hoàn chí gia trung. Ư ý vân hà? Thị nhân thành tựu vô gián tội phủ.

Thế Tôn! bất khả định thuyết. Hà dĩ cố? Nhược thuyết hữu tội, mẫu thân ưng hoại. Thân nhược bất hoại, vân hà ngôn hữu? Nhược thuyết vô tội, sanh dĩ sát tưởng, tâm hoài hoan hỷ, vân hà ngôn vô? Thị nhân tuy bất cụ túc nghịch tội, nhi diệt thị nghịch. Dĩ thị nhân duyên, dẫn chư thí dụ, đắc tri thật pháp.

Phật tán Ca-diếp: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên, ngã thuyết chủng chủng phương tiện thí dụ, dĩ dụ giải thoát. Tuy dĩ vô lượng a-tăng-kỳ dụ, nhi thật bất khả dĩ dụ vi tỷ. Hoặc hữu nhân duyên, diệt khả dụ thuyết. Hoặc hữu nhân duyên, bất khả dụ thuyết. Thị cố giải thoát thành tựu như thị vô lượng công đức, thú Niết-bàn giả. Niết-bàn, Như Lai diệt hữu như thị vô lượng công đức. Dĩ như thị đẳng vô lượng công đức, thành tựu mãn cố, danh đại Niết-bàn.



迦葉菩薩白佛言。世尊。我今始知如來至處為無有盡處。若無盡當知壽命亦應無盡。

佛言。善哉善哉善男子。汝今善能護持正法。若有善男子善女人欲斷煩惱諸結縛者。當作如是護持正法。

大般涅槃經卷第五

終

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim thủy tri Như Lai chí xú, vi vô hữu tận. Xú nhược vô tận, đương tri thọ mạng diệc ưng vô tận.

Phật ngôn: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim thiện năng hộ trì Chánh pháp. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân dục đoạn phiền não chư kết phược giả, đương tác như thị hộ trì Chánh pháp.

*Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ ngũ*

*Chung*

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN NĂM

## PHẨM TÁNH NHƯ LAI

### Phẩm thứ tư - Phần hai<sup>(1)</sup>

**L**úc ấy, Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy rằng: Chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật. Nghĩa ấy chẳng đúng. Tại sao vậy? Chư Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ mà thôi chứ không có mật tạng.<sup>(2)</sup> Ví như một hình nhân điều khiển bằng máy móc, tuy người ta thấy được hình nhân ấy co lại, duỗi ra, cúi xuống, ngẩng lên... nhưng chẳng ai biết được bên trong có những gì làm ra như vậy. Phật pháp không phải như thế, hết thảy chúng sanh đều được thấy biết. Như vậy, sao lại nói rằng chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật?”

Phật khen Bồ Tát Ca-diếp rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Đúng như lời ông nói, Như Lai thật chẳng có tạng bí mật. Tại sao vậy? Ví như vàng trắng thu tròn sáng, hiện rõ giữa không trung, trong trẻo không bị che lấp, ai nấy đều trông thấy. Lời dạy của đức Như Lai cũng vậy, hiển nhiên rõ rệt, trong sáng không che lấp. Kẻ ngu si không hiểu cho rằng đó là bí mật, che giấu. Người trí thông suốt không gọi đó là che giấu.

“Thiện nam tử! Ví như có người kia, chứa trữ vàng bạc, nhiều đến vô số. Người ấy có lòng keo lặn, không chịu bố thí và giúp đỡ kẻ bần cùng. Của cải tích tụ như vậy mới gọi là bí mật, che giấu. Như Lai chẳng phải

như thế, trong vô số kiếp đã tích tụ vô số trân bảo là diệu pháp, nhưng lòng không hề keo lặn, thường bố thí cho tất cả chúng sanh. Sao có thể gọi là tạng bí mật của Như Lai?

“Thiện nam tử! Ví như có người kia, thân thể và các giác quan chẳng đầy đủ, hoặc thiếu một mắt, một tay, một chân... Vì xấu hổ, người ấy không để cho người khác thấy được chỗ thiếu sót của mình. Vì không để người khác thấy nên gọi là che giấu. Như Lai chẳng phải như thế, Chánh pháp của ngài vốn đầy đủ không thiếu sót, đều khiến cho mọi người thấy được. Sao có thể gọi là tạng bí mật của Như Lai?

“Thiện nam tử! Ví như kẻ nghèo kia, thiếu nợ người ta rất nhiều. Người ấy sợ chủ nợ, trốn lánh không muốn lộ hình, cho nên gọi là che giấu. Như Lai chẳng phải như thế, chẳng hề thiếu nợ pháp thế gian của hết thảy chúng sanh. Dù có nợ pháp xuất thế của chúng sanh, nhưng không hề giấu giếm. Tại sao vậy? Đối với chúng sanh, ngài thường bình đẳng thương yêu như con một của ngài, nên vì chúng sanh mà giảng thuyết pháp vô thượng.

“Thiện nam tử! Ví như một trưởng giả, có nhiều của cải và trân bảo nhưng chỉ có một đứa con. Ông ta rất thương con, chẳng muốn xa rời, bao nhiêu trân bảo đều chỉ cho con biết hết. Như Lai cũng thế, xem chúng sanh đều như con một của ngài, [nên không có sự che giấu].

“Thiện nam tử! Ví như người đời cho rằng nam căn và nữ căn<sup>(3)</sup> là đáng xấu hổ, là thô tục, dùng y phục mà phủ kín nên gọi là che giấu. Như Lai chẳng phải như thế, đã dứt hẳn những căn ấy. Vì không có những căn ấy nên không có gì phải che giấu.

“Thiện nam tử! Ví như hàng bà-la-môn, trong khi nói năng, đàm luận, chẳng hề muốn cho hàng sát-ly, tỳ-xá, thủ-đà được nghe. Vì sao vậy? Vì trong việc đàm luận của họ có chỗ tội lỗi, xấu xa. Chánh pháp của Như Lai chẳng phải như vậy, từ đầu đến cuối chỉ toàn là những điều lành. Vì vậy nên không thể gọi là tạng bí mật.

“Thiện nam tử! Ví như người trưởng giả chỉ có một đứa con, lòng thường nghĩ nhớ đến và rất thương yêu, ông mang con đến trường, nhờ thầy dạy học. Rồi ông sợ con chậm thành tài, liền mang trở về nhà. Vì lòng thương con, ngày đêm ông ân cần dạy cho những điều sơ học,<sup>(4)</sup> nhưng không dạy luận Tỳ-già-la.<sup>(5)</sup> Tại sao vậy? Vì nó còn non nớt, chưa đủ sức học luận ấy.

“Thiện nam tử! Như khi vị trưởng giả dạy con những điều sơ học rồi, đứa con ấy liền có thể hiểu rành luận Tỳ-già-la hay chẳng?”

Bồ Tát Ca-diếp thưa: “Bạch Thế Tôn, không hiểu!”

Phật hỏi: “Như vậy, vị trưởng giả ấy có chỗ che giấu với con chẳng?”

Bồ Tát Ca-diếp đáp: “Bạch Thế Tôn, không có! Vì sao vậy? Vì đứa con còn nhỏ tuổi, cho nên ông ấy không thuyết dạy, chứ không phải vì muốn che giấu, tiếc giữ mà chẳng dạy. Như có lòng ganh ghét, keo lặn, mới gọi là che giấu. Như Lai không phải như thế, sao có thể gọi là tạng bí mật của Như Lai?”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, đúng như lời ông nói, nếu có lòng giận hờn, ganh ghét, keo lặn mới gọi là giấu giếm. Như Lai không có lòng giận hờn, ganh ghét, sao có thể gọi là che giấu?”

“Thiện nam tử! Vị trưởng giả ấy ví với Như Lai. Đứa con một ấy ví như tất cả chúng sanh. Như Lai xem

tất cả chúng sanh đồng như con một của ngài. Dạy dỗ đứa con một ấy, tức là Như Lai khuyên dạy hàng đệ tử Thanh văn. Những điều sơ học ví như chín bộ kinh điển. Tỳ-già-la luận ví như kinh điển Phương đẳng Đại thừa. Vì hàng Thanh văn chưa đủ trí tuệ nên Như Lai chỉ dạy những điều sơ học, tức là chín bộ kinh điển, nhưng không thuyết dạy luận Tỳ-già-la, là những kinh phương đẳng Đại thừa.

“Thiện nam tử! Như vị trưởng giả ấy, đến khi người con đã lớn khôn đủ sức đọc hiểu, nếu chẳng thuyết dạy luận Tỳ-già-la mới gọi là che giấu. Cũng vậy, nếu hàng Thanh văn đủ sức nhận lãnh kinh điển Đại thừa mà Như Lai tiếc giấu không thuyết dạy, như vậy mới có thể nói rằng Như Lai có tạng bí mật.

“Như Lai chẳng phải vậy, cho nên chẳng có tạng bí mật. Như Trưởng giả ấy đã dạy cho con những điều sơ học rồi, kể đó mới vì con mà giảng giải luận Tỳ-già-la. Nay ta cũng thế, ta dạy cho các đệ tử những điều sơ học rồi, tức là chín bộ kinh điển, kể đó mới vì các đệ tử mà diễn thuyết luận Tỳ-già-la, tức là nghĩa Như Lai thường tồn, không biến đổi.

“Lại nữa, Thiện nam tử! Ví như trong những tháng mùa hạ, trời kéo mây đen và sấm sét, rồi đổ mưa lớn, khiến người làm ruộng gieo giống gặt hái được nhiều. Như người không gieo giống thì không có gì để gặt hái. Họ không có gì để gặt hái, đó chẳng phải lỗi ở thời tiết, mà thời tiết không có gì gọi là che giấu. Nay Như Lai cũng vậy, đổ cơn mưa pháp lớn là kinh Đại Niết-bàn. Những chúng sanh nào gieo giống lành sẽ gặt hái được mầm trí tuệ, quả trí tuệ. Những ai không gieo giống lành, ắt không thu hoạch được gì cả! Họ không thâm hoạch được

gì, đó không phải lỗi của Như Lai. Như vậy, Như Lai thật không có gì gọi là che giấu.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch: “Nay con biết chắc rằng Như Lai Thế Tôn không có gì là bí mật, che giấu. Nhưng như Phật vừa dạy, luận Tỳ-già-la đó là ví với nghĩa Phật Như Lai thường tồn, không biến đổi, thì nghĩa ấy không đúng! Vì sao vậy? Vì trước kia Phật có thuyết kệ rằng:

Chư Phật và Duyên giác,  
Với hết thầy đệ tử,  
Còn bỏ thân vô thường,  
Huống chi kẻ phàm phu?

“Nay Phật lại dạy là thường tồn, không biến đổi, nghĩa ấy là thế nào?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ta vì tất cả đệ tử Thanh văn mà dạy những điều sơ học, nên mới thuyết kệ ấy.

“Thiện nam tử! Khi mẹ vua Ba-tư-nặc mạng chung, vua khóc kể luyến mến, không tự kiềm chế được, tìm đến chỗ ta. Ta hỏi vua rằng: ‘Đại vương! Tại sao lại buồn khổ áo não đến thế?’

“Vua đáp: ‘Thế Tôn! Hôm nay mẹ tôi vừa mất. Giá như có ai làm cho mẹ tôi sống lại được, tôi sẽ đem cả đất nước này, cùng với voi, ngựa, bầy món báu và cả thân mạng tôi mà đền đáp.’

“Ta liền bảo vua rằng: ‘Đại vương! Chớ nên sầu não, buồn đau khóc kể. Tất cả chúng sanh, khi thọ mạng đã hết thì gọi là chết. Chư Phật, Duyên giác và hàng đệ tử Thanh văn còn bỏ thân này, huống chi kẻ phàm phu?’

“Thiện nam tử! Vì ta dạy những điều sơ học cho vua Ba-tư-nặc nên mới thuyết bài kệ ấy. Nay ta lại vì hàng

đệ tử Thanh văn mà thuyết dạy [nghĩa chân thật như] luận Tỳ-già-la, tức là nghĩa Như Lai thường còn, không biến đổi. Nếu ai nói rằng Như Lai là vô thường, làm sao người ấy lại chẳng bị thụt lưỡi?”<sup>(6)</sup>

Ca-diếp lại thưa: “Như Phật có thuyết kệ rằng :

Không chứa giữ chi cả,  
Biết đủ trong ăn uống,  
Như chim giữa không trung,  
Dấu chân chẳng thể tìm.

“Nghĩa ấy là thế nào? Bạch Thế Tôn! Ở trong chúng này, ai có thể gọi là người không chứa giữ chi cả? Ai có thể gọi là người biết đủ trong việc ăn uống? Ai có thể đi giữa không trung chẳng để lại dấu vết? Và đi như thế sẽ đến nơi nào?”

Phật dạy: “Ca-diếp! Nói chứa giữ đó, là nói vật quý báu. Thiện nam tử! Có hai loại chứa giữ: một là hữu vi, hai là vô vi. Chứa giữ hữu vi, tức là hạnh Thanh văn. Chứa giữ vô vi, tức là hạnh Như Lai.

“Thiện nam tử! Tăng cũng có hai hạng: hữu vi và vô vi. Tăng hữu vi tức là hàng Thanh văn. Tăng Thanh văn không chứa giữ nô tỳ, những vật phi pháp, kho lẫm, lúa thóc, muối, tương, mè, đậu... Nếu ai nói rằng Như Lai cho phép hàng Thanh văn nuôi chứa tôi trai, tó gái, những kẻ hầu hạ, những vật như vậy, người ấy ắt phải bị thụt lưỡi.<sup>(7)</sup> Những đệ tử Thanh văn của ta đều là người không chứa giữ chi cả, và cũng là người biết đủ trong việc ăn uống. Nếu ai tham ăn thì gọi là chẳng biết đủ. Ai không tham ăn mới được gọi là biết đủ. Người khó tìm thấy dấu chân, ắt là đã đến gần đạo Bồ-đề Vô thượng. Ta nói rằng người ấy dù có đi mà chẳng có đến.”

Ca-diếp lại thưa rằng: “Như hạng tăng hữu vi còn chẳng có chứa giữ, huống chi là hạng tăng vô vi? Tăng vô vi tức là Như Lai. Làm sao Như Lai lại có chỗ chứa giữ? Nếu là chứa giữ, gọi là che giấu. Cho nên sự thuyết giảng của Như Lai không hề có sự keo lặn, sao lại gọi là che giấu? Dấu chân không thể tìm thấy, đó là Niết-bàn. Ở trong Niết-bàn chẳng có mặt trời, mặt trăng, các tinh tú, nóng, lạnh, gió, mưa, sanh, già, bệnh, chết, 25 cảnh giới hiện hữu, lìa các ưu khổ và phiền não. Niết-bàn như vậy, chỗ trụ của Như Lai là thường tồn, chẳng biến đổi. Vì nhân duyên ấy, đức Như Lai đến nơi rừng cây sa-la, do nơi Đại Niết-bàn mà nhập Niết-bàn.”

Phật bảo Ca-diếp: “Dùng chữ đại đó là nói tánh rộng khắp. Ví như có người sống lâu vô cùng, gọi là đại trượng phu. Nếu người ấy trụ yên nơi Chánh pháp thì gọi là Bậc cao trời nhất trong nhân loại. Như ta có thuyết về tám điều giác ngộ của bậc đại nhân,<sup>(8)</sup> một người có đủ, hoặc nhiều người có đủ. Nếu một người có đủ tám điều ấy là cao trời hơn hết.

“Nói Niết-bàn nghĩa là không có những đau đớn, thương tổn. Thiện nam tử! Ví như người kia bị trúng tên độc, chịu nhiều đau đớn khổ sở. May gặp vị lương y lấy mũi tên độc ra, cho uống vị thuốc hay, giúp người ấy dứt khổ, được sự an vui. Sau đó, vị lương y ấy lại đi đến các thành ấp, xóm làng. Nơi nào có người bị đau đớn, thương tổn, ông liền đến đó để điều trị cho mọi người dứt sự đau đớn khổ sở.

“Thiện nam tử! Như Lai cũng thế, ngài thành bậc Đẳng chánh giác, làm vị Đại y vương, thấy chúng sanh khổ não ở Diêm-phù-đề, trong vô lượng kiếp bị trúng tên độc là phiền não, tham dâm, sân hận, si mê; chịu sự khổ não cấp thiết. Ngài vì những chúng sanh ấy, diễn

thuyết kinh Đại thừa là vị thuốc pháp cam lộ. Trị bệnh xong rồi, ngài lại đi đến phương khác. Nơi nào có chúng sanh bị tên độc phiền não, ngài liền thị hiện làm Phật để liệu trị cho họ. Vì vậy nên gọi là Đại Bát Niết-bàn.

“Đại Bát Niết-bàn gọi là chỗ giải thoát. Nơi nào có chúng sanh cần điều phục, Như Lai liền thị hiện ở đó. Vì nghĩa chân thật rất sâu xa như vậy, nên gọi là Đại Niết-bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Một vị thầy thuốc thế gian có thể trị lành hết thảy những đau đớn, thương tổn của chúng sanh hay chăng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đau đớn, thương tổn ở thế gian có hai loại: một là có thể trị, hai là không thể trị. Với loại có thể trị thì thầy thuốc có thể trị lành, với loại không thể trị thì thầy thuốc không thể trị lành.”

Ca-diếp lại thưa hỏi: “Như Phật nói rằng: Như Lai đã trị dứt bệnh cho chúng sanh ở cõi Diêm-phù-đề. Nếu nói đã trị dứt, sao trong chúng sanh ấy vẫn còn những kẻ chưa được Niết-bàn? Nếu họ chưa được Niết-bàn, sao Như Lai nói rằng ngài đã trị dứt bệnh của họ nên muốn đến phương khác?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Trong cõi Diêm-phù-đề có hai hạng chúng sanh: một là hạng có đức tin, hai là hạng không có đức tin. Hạng có đức tin là có thể trị. Vì sao vậy? Vì những người ấy chắc chắn sẽ được Niết-bàn, không còn đau đớn, thương tổn. Cho nên ta nói là đã trị dứt cho chúng sanh ở cõi Diêm-phù-đề. Còn hạng người không có đức tin, gọi là nhất-xiển-đề. Như kẻ nhất-xiển-đề là không thể trị. Trừ hạng nhất-xiển-đề, còn ngoài ra ta đã trị dứt bệnh cho hết thảy chúng sanh. Vì vậy, Niết-bàn gọi là không có đau đớn, thương tổn.”

Bồ Tát Ca-diếp lại hỏi: “Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là Niết-bàn?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Giải thoát gọi là Niết-bàn.”

Ca-diếp lại thưa hỏi: “Giải thoát mà Phật nói đó là hình sắc hay không thuộc về hình sắc?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! [Giải thoát] cũng là hình sắc, cũng không phải hình sắc. Nói không phải hình sắc, đó là giải thoát của hàng Thanh văn, Duyên giác; nói phải là hình sắc, đó là giải thoát của chư Phật Như Lai.

“Thiện nam tử! Vì vậy cho nên giải thoát cũng là hình sắc, mà cũng không phải hình sắc. Như Lai vì hàng đệ tử Thanh văn mà dạy là không phải hình sắc.”

“Bạch Thế Tôn! Hàng Thanh văn, Duyên giác, nếu không phải hình sắc thì làm sao có thể trụ?”

“Thiện nam tử! Như cảnh trời Phi tướng phi phi tướng là sắc mà cũng không phải sắc, nhưng ta nói là không phải sắc. Như có người vắn hỏi rằng: ‘Nếu cảnh trời Phi tướng phi phi tướng không phải sắc, vậy chư thiên ở cảnh ấy làm sao đứng vững, làm sao đi lại, tới lui?’ Ý nghĩa như vậy là thuộc cảnh giới của chư Phật, không phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.

“Giải thoát cũng như thế, là sắc mà cũng không phải sắc, nhưng ta nói là không phải sắc; là tướng mà cũng không phải tướng, nhưng ta nói là không phải tướng. Ý nghĩa như vậy là thuộc cảnh giới của chư Phật, chẳng phải hàng Thanh văn, Duyên giác có thể biết được.”

Lúc ấy, Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Xin thương xót mà giảng rộng một lần nữa về ý nghĩa giải thoát của hạnh Đại Bát Niết-bàn.”

Phật ngợi khen Bồ Tát Ca-diếp: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Giải thoát chân thật là lìa xa hết thảy

mọi sự trói buộc. Lìa hết thảy trói buộc, tức là không có sanh ra, cũng không có sự hòa hợp. Ví như cha mẹ có sự hòa hợp mới sanh ra con. Giải thoát chân thật không phải như vậy, cho nên giải thoát gọi là không sanh ra.

“Ca-diếp! Ví như đề-hồ tự có bản tính thanh tịnh. Như Lai cũng thế, không do cha mẹ hòa hợp sanh ra nên bản tính thanh tịnh. Sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn hóa độ chúng sanh. Giải thoát chân thật chính là Như Lai. Như Lai và giải thoát chẳng phải là hai, chẳng phải là khác.

“Ví như trong mùa xuân gieo các loại giống, nhờ khí trời ấm áp mà dần dần mọc lên. Giải thoát chân thật chẳng phải như vậy!

“Lại nữa, giải thoát gọi là rỗng không; rỗng không tức là giải thoát. Giải thoát tức là Như Lai; Như Lai là rỗng không, vốn không tạo tác, không có chỗ được tạo tác. Nếu là tạo tác thì cũng giống như những cảnh thành quách, lầu đài... Giải thoát chân thật chẳng phải như vậy, cho nên giải thoát tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như người thợ lò gốm làm ra các món đồ, [về sau ắt] phải vỡ nát, hư hoại. Giải thoát không phải như thế. Giải thoát chân thật là không sanh, không diệt. Cho nên giải thoát tức là Như Lai. Như Lai cũng vậy, chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng già, chẳng chết, chẳng bị phá hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Vì nghĩa ấy cho nên nói là Như Lai nhập Đại Niết-bàn.

“Chẳng già, chẳng chết có những ý nghĩa gì? Già tức là thay đổi, tóc bạc, da nhăn... Chết tức là thân thể hư hoại, mạng sống chấm dứt. Giải thoát không có những việc như vậy. Vì không có những việc ấy nên mới gọi là giải thoát. Như Lai cũng không có tóc bạc, da nhăn,

không có những pháp hữu vi, cho nên Như Lai không có già; vì không có già nên không có chết.

“Lại nữa, giải thoát là không có bệnh. Nói về bệnh, có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh<sup>(9)</sup> cùng mọi việc từ ngoài xâm nhập làm tổn hại thân thể. Đại Niết-bàn không có như vậy nên gọi là giải thoát. Không có tật bệnh, tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Vì Như Lai không bệnh, cho nên pháp thân cũng không bệnh. Không bệnh như vậy tức là Như Lai.

“Chết tức là thân thể hư hoại, mạng sống dứt. Đại Niết-bàn không có sự chết, tức là thuốc cam lộ trường sanh. Cam lộ ấy là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Như Lai thành tựu công đức như vậy, sao có thể nói Như Lai là vô thường? Nếu nói là vô thường, thật không có lý! Thân kim cang này sao lại là vô thường? Vậy nên Như Lai không thể nói là mạng chung. Như Lai là thanh tịnh, không có nhơ nhớp. Thân của Như Lai chẳng bị thai bào làm cho nhơ nhớp, như hoa [sen trắng] phân-đà-ly vốn tánh thanh tịnh. Như Lai, giải thoát lại cũng như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai vốn là thanh tịnh, không có sự nhơ nhớp.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không còn các lậu hoặc, những sự đau đớn, thương tổn đều dứt sạch chẳng còn dấu vết. Như Lai cũng thế, không có tất cả các lậu hoặc, đau đớn, thương tổn.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không tranh giành. Ví như người đói, thấy kẻ khác ăn uống thì có ý muốn giành giật lấy; giải thoát chẳng phải như thế!

“Lại nữa, giải thoát gọi là yên tĩnh. Kẻ phàm phu nói rằng: ‘Yên tĩnh tức là cảnh trời Đại tự tại thiên.’ Nói như vậy tức là sai trái, không thật. Sự yên tĩnh chân thật là giải thoát rốt ráo. Giải thoát rốt ráo, tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là an ổn. Như trong vùng có nhiều giặc cướp không thể gọi là an ổn. Chốn thanh bình, vui vẻ mới gọi là an ổn. Trong sự giải thoát không có sợ sệt nên gọi là an ổn. Cho nên an ổn tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp vậy.<sup>(10)</sup>

“Lại nữa, giải thoát nghĩa là không có kẻ ngang hàng. Có kẻ ngang hàng là ví như một vị vua có những vua ngang hàng ở các nước láng giềng. Giải thoát thì không phải như thế. Không có kẻ ngang hàng, ví như vị Chuyển luân thánh vương không ai có thể sánh bằng. Giải thoát cũng vậy, không có ngang hàng. Không có ngang hàng tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai Chuyển pháp luân vương. Cho nên Như Lai là không ai sánh bằng. Nếu nói có người sánh bằng Như Lai thì thật là vô lý.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không lo buồn. Sự lo buồn đó, ví như một vị quốc vương vì sợ nạn xâm lăng của những nước mạnh ở gần bên sanh ra lo buồn. Giải thoát thì không có như vậy. Ví như những kẻ oán thù bị phá tan rồi thì không còn lo nghĩ. Giải thoát cũng thế, chẳng có lo sợ; không lo sợ tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không buồn vui. Ví như bà mẹ chỉ có một đứa con phải tòng quân chiến đấu nơi xa. Bỗng có tin dữ về, bà nghe được lấy làm buồn khổ. Sau đó, lại nghe rằng con bà vẫn còn sống, bà lấy làm vui mừng. Giải thoát thì không có những việc như thế.

Không buồn, không vui tức là giải thoát chân thật; giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không có bụi nhơ. Ví như vào mùa xuân, sau khi mặt trời lặn thì gió thổi tung bụi mù mịt. Trong giải thoát không có việc như vậy. Không có bụi mù là ví với giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Ví như hạt minh châu trong búi tóc của vị thánh vương, không có bọt nhơ. Tánh của giải thoát cũng như vậy, không có bọt nhơ. Không có bọt nhơ là ví như giải thoát chân thật; giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Ví như tánh chất của vàng thật là không thể hòa chung với cát đá, nên mới thật là vật quý. Người có được vàng liền nghĩ rằng mình có được vật quý. Tánh của giải thoát cũng vậy, như vàng thật quý ấy. Vàng quý là ví như giải thoát chân thật; giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Ví như cái bình sành, khi vỡ phát ra tiếng kêu loảng xoảng. Bình kim cang thì không [bể vỡ] như thế. Giải thoát không có bể vỡ. Bình quý kim cang là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Vì thế nên thân Như Lai không thể hư hoại.

“Phát ra tiếng kêu loảng xoảng, ấy cũng như hạt tỳ-ma đang khi trời nóng mà để ngoài nắng thì phát ra tiếng nổ. Giải thoát không có những chuyện như vậy. Như bình kim cang quý báu kia chẳng thể bể vỡ mà phát ra tiếng kêu loảng xoảng. Dầu cho có vô số trăm ngàn người cùng đập phá cũng không thể làm cho bể vỡ được. Không phát ra tiếng vỡ loảng xoảng là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Như người bần cùng, thiếu nợ những kẻ khác cho nên bị họ buộc trói, gông cùm, đánh đập, chịu nhiều khổ não.

Giải thoát thì không có chuyện như vậy. Không có nợ nần, ví như vị trưởng giả có nhiều cửa báu, số nhiều vô lượng, thế lực tự tại, không hề thiếu nợ người khác. Giải thoát cũng như thế, có vô lượng cửa báu là pháp, thế lực tự tại, không thiếu nợ ai cả. Không thiếu nợ ai là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không bị bức thiết. Như mùa xuân gặp nóng, mùa hạ ăn món ngọt,<sup>(11)</sup> mùa đông chịu lạnh. Trong giải thoát chân thật không có những việc trái ý như vậy. Không bị bức thiết là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, không bị bức thiết đó, ví như có người ăn cá đến no bụng rồi lại uống sữa vào, ắt không bao lâu sẽ chết. Trong giải thoát chân thật không có việc như thế. Như người ấy được món thuốc cam lộ thần diệu mới có thể thoát cơn nguy ngập. Giải thoát chân thật lại cũng như vậy. Món thuốc cam lộ là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Thế nào là bị bức thiết và không bị bức thiết? Ví như có kẻ phàm phu cao ngạo, tự nghĩ rằng: “Hết thảy mọi loài đều chẳng thể hại được ta.” Liền gần gũi tiếp xúc với những loài rắn, cạp, trùng độc... Nên biết rằng người như vậy, dù mạng số chưa hết cũng phải chết đột ngột. Giải thoát chân thật không có việc như vậy. Không bị bức thiết là ví như vị Chuyển luân vương có một hạt châu thần diệu. Hạt châu ấy có thể hàng phục loài bọ hung và chín mươi sáu thứ trùng độc. Nếu ai nghe được mùi thơm của hạt thần châu ấy thì các chất độc đều tiêu diệt. Giải thoát chân thật cũng như thế, lìa xa tất cả 25 cảnh giới hiện hữu. Các chất độc đều tiêu diệt là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.



“Lại nữa, không bị bức thiết là ví như hư không. Giải thoát cũng thế. Hư không ấy là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, chịu sự bức thiết là ví như ở gần cỏ khô mà đốt đèn lửa, tất phải cháy bùng. Trong giải thoát chân thật chẳng có việc như vậy.

“Lại nữa, không bị bức thiết là ví như mặt trời và mặt trăng chẳng bức bách chúng sanh. Giải thoát cũng thế, đối với chúng sanh không có bức thiết. Không có bức thiết là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là pháp không xao động. Ví như có [sự phân biệt] kẻ oán và người thân. Trong sự giải thoát chân thật không có việc như vậy.

“Lại nữa, không xao động là ví như vị Chuyển luân vương, không có Thánh vương nào để làm bạn hữu. Nếu vị ấy có bạn hữu, đó là chuyện vô lý. Giải thoát cũng thế, không có chỗ thân cận. Nếu giải thoát lại có chỗ thân cận, cũng là chuyện vô lý. Vị vua kia không có bạn hữu là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật, tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp vậy.<sup>(12)</sup>

“Lại nữa, không xao động đó, ví như cái áo trắng tinh thì dễ nhuộm các màu khác. Giải thoát chẳng phải như thế.

“Lại nữa, không xao động đó, ví như hoa bà-sư,<sup>(13)</sup> nếu muốn cho có mùi hôi và màu xanh, thật là chuyện vô lý. Giải thoát cũng như thế, nếu muốn cho có mùi hôi và các màu sắc thì thật vô lý. Vì vậy nên giải thoát tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là ít có. Ví như ở trong nước sanh ra hoa sen, đó là việc bình thường. Như ở trong lửa

sanh ra [hoa sen] mới thật là ít có, ai thấy được việc ấy đều lấy làm vui sướng. Giải thoát chân thật cũng như thế, như có người thấy được ít lấy làm vui sướng. Việc ít có là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Như Lai tức là Pháp thân.<sup>(14)</sup>

“Lại nữa, việc ít có đó, ví như đứa trẻ sơ sanh răng còn chưa mọc, dần dần lớn lên rồi răng mới mọc. Giải thoát chẳng phải như thế, không có việc sanh cùng chẳng sanh.<sup>(15)</sup>

“Lại nữa, giải thoát gọi là rỗng không vắng lặng, không có gì là không xác định. Không xác định là như [nói rằng] hạng nhất-xiển-đề rốt cùng không thay đổi, kẻ phạm trọng cấm<sup>(16)</sup> không thể thành Phật là vô lý. Vì sao vậy? Nếu những người này ở trong Chánh pháp của Phật có được lòng tin trong sạch, lập tức sẽ không còn là nhất-xiển-đề. Nếu được làm người cư sĩ nam,<sup>(17)</sup> cũng sẽ không còn là nhất-xiển-đề. Như kẻ phạm trọng cấm, nếu trừ xong tội ấy ít được thành Phật. Cho nên, nếu nói chắc chắn là không thay đổi, không thành Phật đạo thì thật là vô lý. Trong sự giải thoát chân thật không có những chuyện diệt mất như vậy.

“Lại nữa, rỗng không vắng lặng là dựa vào pháp giới. Như tánh của pháp giới tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, nếu nhất-xiển-đề là dứt mất thì không thể gọi là nhất-xiển-đề. Sao gọi là nhất-xiển-đề? Nhất-xiển-đề là kẻ dứt tuyệt gốc rễ của mọi điều lành, lòng không nương theo bất cứ pháp lành nào, thậm chí chẳng sanh được một niệm lành. Trong giải thoát chân thật không có việc như vậy. Không có việc như vậy tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng thể đo lường. Ví như một đồng lúa, có thể biết được số lượng. Giải thoát chân thật chẳng phải như vậy. Ví như biển cả không thể đo lường. Giải thoát cũng thế, không thể đo lường. Không thể đo lường tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là pháp vô lượng. Như mỗi chúng sanh có nhiều nghiệp báo. Giải thoát cũng thế, có vô lượng báo. Vô lượng báo tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là rộng lớn. Ví như biển cả rộng lớn không gì sánh bằng. Giải thoát cũng thế, rộng lớn không gì sánh bằng. Không gì sánh bằng tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là cao trổi hơn hết. Ví như hư không là cao nhất không gì sánh bằng. Giải thoát cũng thế, cao trổi hơn hết, không gì sánh bằng. Cao trổi hơn hết, không gì sánh bằng tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không thể vượt qua. Ví như nơi ở của sư tử thì hết thảy các loài thú không con nào có thể vượt qua. Giải thoát cũng thế, không ai có thể vượt qua. Không thể vượt qua tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không còn gì trên nữa. Ví như trong các phương, phương bắc là trên hết. Giải thoát cũng thế, không còn gì trên nữa. Không còn gì trên nữa tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là trên cả bậc cao nhất. Ví như phương bắc đối với phương đông là trên cả bậc cao nhất. Giải thoát cũng thế, không còn có bậc nào trên nữa. Không còn có bậc nào cao hơn nữa tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là pháp thường còn. Ví như loài người và chư thiên, khi thân thể đã hư hoại và mạng sống dứt rồi thì gọi là thường còn,<sup>(18)</sup> chẳng phải không thường còn. Giải thoát cũng thế, chẳng phải không thường còn. Chẳng phải không thường còn tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chắc thật. Ví như những cây khư-đà-la, chiêm-đàn trầm thủy, tánh vốn chắc thật. Giải thoát cũng thế, tánh vốn chắc thật. Tánh chắc thật tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng trống không. Ví như các loài tre, sậy, trong ruột trống rỗng. Giải thoát chẳng phải như thế. Vậy nên biết rằng giải thoát tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không thể bám víu. Ví như vách tường chưa quét vôi thì muỗi mòng bu đậu, bám vào trên đó. Nếu quét vôi và sơn vẽ lên rồi, chúng nghe mùi vôi và sơn thì không thể bám vào. Không thể bám víu là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không có giới hạn. Ví như làng xóm mỗi nơi đều có ranh giới bao quanh. Giải thoát chẳng phải như thế. Ví như hư không chẳng có ranh giới. Giải thoát cũng thế, không có giới hạn. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không thể thấy. Ví như giữa hư không, dấu chân chim khó thấy. Việc khó thấy như vậy ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là rất sâu xa. Vì sao vậy? Đó là chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác không thể vào được. Không thể vào được tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, rất sâu xa tức là chỗ mà chư Phật Bồ Tát đều cung kính. Ví như một người con hiếu, nhờ cung kính phụng dưỡng cha mẹ nên được công đức rất sâu xa. Công đức rất sâu xa là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không thể thấy. Ví như người ta không thể thấy đỉnh đầu của mình. Giải thoát cũng thế, đó là chỗ mà hàng Thanh văn, Duyên giác không thể thấy được. Không thể thấy được tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không có nhà cửa. Ví như giữa hư không chẳng có nhà cửa. Giải thoát cũng thế. Nói nhà cửa là ví như 25 cảnh giới hiện hữu. Không có nhà cửa là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không thể nắm bắt. Ví như trái a-ma-lặc, người ta có thể nắm lấy được. Giải thoát không như thế, không ai nắm bắt được. Không thể nắm bắt tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không thể cầm giữ. Ví như vật ảo hóa không thể cầm giữ được. Giải thoát cũng thế,

không thể cầm giữ được. Không thể cầm giữ tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không có thân thể. Ví như có người, từ nơi thân thể sanh ra các thứ ghẻ chốc, phung cùi, ung thư, điên cuồng, khô héo. Trong giải thoát chân thật không có những bệnh như vậy. Không có những bệnh như vậy là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chỉ có một vị. Ví như sữa chỉ có một vị. Giải thoát cũng thế, chỉ có một vị. Chỉ có một vị tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là trong sạch. Ví như nước không có bùn dơ, lắng yên trong sạch. Giải thoát cũng thế, lắng yên trong sạch. Lắng yên trong sạch tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chỉ có một vị. Ví như mưa giữa không trung, chỉ có một vị trong sạch. Một vị trong sạch là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là trừ bỏ hết. Ví như đêm trăng tròn không có mây che khuất. Giải thoát cũng thế, không có mây che khuất. Không có mây che khuất tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là vắng lặng yên tĩnh. Ví như có người trừ dứt bệnh nóng, thân thể được vắng lặng yên tĩnh. Giải thoát cũng thế, thân được vắng lặng yên tĩnh. Thân được vắng lặng yên tĩnh tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát tức là bình đẳng. Ví như ở nơi đồng hoang, những loài rắn độc, chuột, chó sói đều có tâm giết hại. Giải thoát chẳng phải như thế, không hề có tâm giết hại. Không có tâm giết hại tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, bình đẳng là ví như cha mẹ lòng luôn bình đẳng đối với các con. Giải thoát cũng thế, lòng luôn bình đẳng. Lòng bình đẳng tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không có nơi nào khác. Ví như có người chỉ ở nơi nhà cửa cao đẹp, sạch sẽ, không còn có nơi nào khác. Giải thoát cũng thế, không có nơi nào khác. Không có nơi nào khác tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là biết đủ. Ví như người đói gặp bữa cơm ngon thì ăn chẳng muốn thôi. Giải thoát chẳng phải thế, như ăn cháo sữa rồi thì chẳng cần ăn thêm gì nữa. Chẳng cần thêm gì nữa là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là dứt hẳn. Ví như người bị trói, cắt đứt dây trói thì được thoát ra. Giải thoát cũng thế, dứt hẳn tất cả sự trói buộc của lòng nghi ngờ. Dứt hẳn lòng nghi như vậy tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là đến bờ bên kia. Ví như một con sông lớn có bờ bên này và bờ bên kia. Giải thoát chẳng phải như thế, tuy không có bờ bên này nhưng có bờ bên kia. Có bờ bên kia tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là vắng lặng tự nhiên. Ví như biển cả, nước lớn mênh mông có nhiều loại tiếng ồn. Giải thoát chẳng phải như thế. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là vị ngon lạ. Ví như trong các món thuốc, có lẫn vị ha-lê-lạc thì phải bị đắng. Giải thoát chẳng phải như thế, có vị như chất cam lộ. Vị như cam lộ là ví như giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát là dứt trừ phiền não. Ví như một vị lương y pha trộn các vị thuốc, khéo trị các chứng bệnh. Giải thoát cũng thế, có thể dứt trừ phiền não. Dứt trừ phiền não tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không chật hẹp. Ví như nhà nhỏ không chứa được nhiều người. Giải thoát chẳng phải như thế, dung chứa được rất nhiều. Dung chứa rất nhiều tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là dứt trừ ái luyến, không còn lẫn sự dâm dục. Ví như người nữ có nhiều ái dục. Giải thoát chẳng phải như thế. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai chẳng hề có những sự trói buộc bởi tham dục, sân khuể, ngu si, kiêu mạn.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không có lòng ái luyến. Ái luyến có hai loại: một là lòng ái luyến của loài ngựa quý, hai là lòng ái luyến đối với pháp. Bậc giải thoát chân thật lìa xa lòng ái luyến của loài ngựa quý, vì thương xót chúng sanh nên có lòng ái luyến đối với pháp. Có lòng ái luyến đối với pháp tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát là lìa bỏ cái ta và vật của ta.<sup>(19)</sup> Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp.

“Lại nữa, giải thoát tức là dứt hết, lìa bỏ sự tham lam. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp.

“Lại nữa, giải thoát tức là che chở cứu giúp, có thể cứu giúp tất cả những kẻ sợ sệt. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp.

“Lại nữa, giải thoát tức là chỗ quay về. Như đã quay về nương tựa bậc giải thoát như vậy thì chẳng cần nương tựa nơi nào khác nữa. Ví như có người nương tựa với vua thì chẳng cần nương tựa ai khác. Tuy vậy, nương tựa với vua còn có sự biến động thay đổi, còn nương tựa bậc giải thoát thì không có sự biến động thay đổi. Không có sự biến động thay đổi tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp.

“Lại nữa, giải thoát gọi là nhà cửa. Ví như có người đi vào chốn đồng hoang ắt gặp nạn hiểm. Giải thoát chẳng phải như thế, không có nạn hiểm. Không có nạn hiểm tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát là không có sự sợ sệt. Ví như chúa sư tử đối với cả trăm loài thú cũng không hề sợ sệt. Giải thoát cũng thế, đối với chúng ma không hề sợ sệt. Không sợ sệt tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát tức là không chật hẹp. Ví như có con đường nhỏ hẹp, thậm chí không đủ chỗ để hai người cùng đi ngang nhau. Giải thoát chẳng phải như thế. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Lại nói không chật hẹp, ví như có người vì sợ cộp lại rơi xuống giếng.<sup>(20)</sup> Giải thoát chẳng như thế. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Lại nữa, không chật hẹp là ví như giữa biển cả mà bỏ thuyền nhỏ, được thuyền lớn vững chắc, dùng để vượt biển đến xứ an ổn, lòng được vui thích. Giải thoát cũng thế, trong lòng được vui thích. Được vui thích tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát nghĩa là dẹp bỏ các nhân duyên. Ví như có người nhờ có sữa mà làm được kem sữa, nhờ có kem sữa mà làm được bơ, nhờ có bơ lại làm được món đề-hồ.<sup>(21)</sup> Trong sự giải thoát không có những nhân tiếp nối như vậy. Không có nhân như vậy tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát có thể khuất phục được sự kiêu căng ngạo mạn. Ví như vị vua lớn kiêu căng ngạo mạn với các vua nhỏ. Giải thoát không phải như thế. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là pháp.

“Lại nữa, giải thoát là khuất phục sự buông thả, lười nhác. Buông thả, lười nhác ắt có nhiều ham muốn. Trong giải thoát chân thật chẳng có những tên gọi ấy. Chẳng có những tên gọi ấy tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát có thể trừ dứt vô minh. Ví như dùng loại bơ sữa tốt nhất loại bỏ hết những cặn cáu mới được đề-hồ. Giải thoát cũng thế, trừ được cặn cáu là vô minh, hiện ra sự sáng suốt chân thật. Sự sáng suốt chân thật đó tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là vắng lặng yên tĩnh, thuần nhất chẳng phân chia. Ví như con voi giữa đồng hoang, chỉ sống một mình không có bạn. Giải thoát cũng thế, duy nhất chẳng phân chia. Duy nhất chẳng phân chia tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chắc thật. Ví như thân cây tre, sậy, tỳ-ma đều rỗng ruột, nhưng măng non lại chắc đặc, không rỗng. Trừ ra Phật Như Lai, các hàng trời, người đều không chắc thật. Giải thoát chân thật lìa xa tất cả những cảnh hiện hữu lưu chuyển không bền. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là có thể hiểu rõ, thêm phần lợi ích cho mình. Giải thoát chân thật là như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là buông bỏ những cảnh giới hiện hữu. Ví như có người ăn xong rồi nôn ra. Giải thoát cũng như thế, buông bỏ những cảnh giới hiện hữu. Buông bỏ những cảnh giới hiện hữu tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là quyết định. Ví như hương hoa bà-sư [nhất định là] không có trong hoa thất diệp. Giải thoát cũng như thế. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chất nước.<sup>(22)</sup> Ví như chất nước hơn hẳn trong bốn đại, có thể làm tươi nhuận hạt giống hết thảy các loại cây cỏ. Giải thoát cũng thế, có thể làm tươi nhuận hết thảy những loài có mạng sống. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là nhập vào. Ví như nhà có cửa ngõ, ắt thông với đường đi. Lại như xứ có vàng, ắt

có thể lấy được vàng. Giải thoát cũng thế. Cũng như cửa ngõ kia, người tu pháp vô ngã ắt là vào được lẽ ấy. Giải thoát như vậy, tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là tốt lành. Ví như người đệ tử theo thầy hầu hạ, khéo vâng theo lời dạy, đó gọi là tốt lành. Giải thoát cũng thế. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là pháp xuất thế. Đối với tất cả pháp, pháp ấy là cao trội hơn hết. Như trong các mùi vị, mùi vị của bơ sữa là hơn hết. Giải thoát cũng thế. Giải thoát như vậy tức là Như lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng lay động. Ví như ở cửa buồng trong không có gió lay động. Giải thoát chân thật cũng thế. Giải thoát như vậy, tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không có sóng nước. Ví như nơi biển cả nước dậy thành sóng. Giải thoát chẳng phải như thế. Giải thoát như vậy, tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát ví như cung điện. Giải thoát cũng như thế. Nên biết rằng giải thoát tức là Như Lai.<sup>(23)</sup>

“Lại nữa, giải thoát gọi là chỗ dừng. Ví như vàng Diêm-phù-đàn có thể dùng vào nhiều việc, không ai có thể nói được chỗ xấu dở của loại vàng này. Giải thoát cũng thế, không có chỗ xấu ác. Không có chỗ xấu ác tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát là buông bỏ hết những hành vi trẻ con. Ví như người trưởng thành thì bỏ hết những nét trẻ con. Giải thoát cũng thế, trừ bỏ năm ấm.<sup>(24)</sup> Trừ bỏ năm ấm tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chỗ rốt ráo sau cùng. Ví như người bị trói, khi được mở trói liền tắm rửa sạch sẽ rồi mới về nhà. Giải thoát cũng thế, rốt ráo trở nên thanh tịnh. Rốt ráo thanh tịnh tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là niềm vui không tạo tác. Vui không tạo tác, là vì đã nôn ra hết những tham dục, sân khuể, ngu si. Ví như có người uống phải nọc độc của rắn. Muốn trừ chất độc ấy, phải dùng thuốc gây nôn. Khi nôn rồi, nọc đã ra hết thì thân thể được an vui. Giải thoát cũng thế, nôn ra nọc độc là các phiền não trói buộc, thân được an vui, đó gọi là niềm vui không tạo tác. Vui không tạo tác tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là trừ dứt bốn loại rắn độc phiền não. Dứt trừ phiền não tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là lìa bỏ các cảnh giới hiện hữu, diệt hết thấy sự khổ, được hết thấy sự vui, dứt trừ vĩnh viễn những tham dục, sân khuể, ngu si, nhổ bỏ hết thấy mọi gốc rễ của phiền não. Nhổ bỏ gốc rễ đó tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là dứt trừ hết thấy các pháp hữu vi, sanh ra hết thấy các pháp lành vô lậu, dứt hẳn các khuynh hướng như chấp ngã, vô ngã, chẳng phải ngã chẳng phải vô ngã. Chỉ dứt bỏ sự vướng chấp mà thôi, không dứt bỏ sự thấy biết về cái ngã. Sự thấy biết về cái ngã đó gọi là tánh Phật. Tánh Phật tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là chẳng phải không không.

Không không đó gọi là không có gì hết. Không có gì hết, tức là cách hiểu giải thoát của bọn ngoại đạo Ni-kiên. Nhưng bọn Ni-kiên ấy thật chẳng có giải thoát, nên gọi là không không. Giải thoát chân thật chẳng phải như vậy, cho nên chẳng phải không không. Chẳng phải không không, tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là không chẳng phải không. Ví như những cái bình đựng nước, rượu, kem sữa, bơ sữa, đường. Mặc dầu trong những bình ấy không có nước, rượu, kem sữa, bơ sữa, đường, nhưng vẫn gọi là bình nước, bình rượu.v.v... Những cái bình như vậy, không thể nói là không, cũng không thể nói là chẳng phải không. Nếu nói là không thì chẳng thể có những hình sắc, mùi vị, xúc chạm... Nếu nói là chẳng phải không thì những cái bình ấy thật là không có nước, rượu.v.v... Giải thoát cũng thế, không thể nói là hình sắc hay chẳng phải hình sắc, không thể nói là không hay chẳng phải không. Nếu nói là không thì chẳng thể có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu nói là chẳng phải không thì ai thọ nhận những thường, lạc, ngã, tịnh ấy?

“Vì nghĩa ấy nên chẳng thể nói là không hay là chẳng phải không. Không, đó là không 25 cảnh giới hiện hữu cùng với các phiền não, tất cả các khổ, tất cả các tướng, tất cả hạnh hữu vi. Ví như cái bình không có đựng sữa thì gọi là không. Còn chẳng phải không là nói đến những hình sắc chân thật tốt đẹp như thường, lạc, ngã, tịnh, bất động, bất biến. Như cái bình kia, có hình sắc, hương vị, xúc chạm, nên gọi là chẳng phải không. Vì vậy nên giải thoát ví như cái bình kia. Nhưng cái bình ấy nếu gặp duyên xấu thì hư nát. Giải thoát chẳng phải như vậy,

không thể hư nát. Không thể hư nát tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.

“Lại nữa, giải thoát gọi là lìa bỏ luyến ái. Ví như người có lòng luyến ái, mong cầu được cảnh Đế-thích, cảnh Đại Phạm thiên vương, cảnh Tự tại thiên vương. Giải thoát chẳng như thế. Nếu thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề rồi thì không có luyến ái, không có nghi ngại. Không luyến ái, không nghi ngại tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Nếu nói rằng giải thoát có luyến ái, có nghi ngại thì thật là vô lý.

“Lại nữa, giải thoát là dứt hết các mối tham, dứt hết tất cả tướng, hết thảy mọi sự trói buộc, hết thảy phiền não, hết thảy sanh tử, hết thảy nhân duyên, hết thảy quả báo. Giải thoát như vậy tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết-bàn.

“Tất cả chúng sanh vì sợ sanh tử và các phiền não nên mới quy y nơi Tam bảo. Ví như bầy nai, vì sợ người thợ săn mà được thoát ly. Như thoát được một lần là ví như một sự quy y, thoát được ba lần là ví như quy y Tam bảo. Thoát được ba lần nên được yên vui.

“Chúng sanh cũng thế, vì sợ thợ săn dữ là bốn loại ma<sup>(25)</sup> nên mới quy y Tam bảo. Nhờ quy y Tam bảo nên được yên vui. Được yên vui tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai. Như Lai tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là không cùng tận. Không cùng tận tức là tánh Phật. Tánh Phật tức là quyết định. Quyết định tức là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nếu Niết-bàn, tánh Phật, sự quyết định và Như Lai là cùng một nghĩa, vì sao nói rằng có Ba quy y?”<sup>(26)</sup>

Phật dạy Ca-diếp: “Thiện nam tử! Tất cả chúng sanh vì sợ sanh tử nên cầu quy y Tam bảo. Nhờ quy y Tam bảo nên biết được tánh Phật, quyết định, Niết-bàn.

“Thiện nam tử! Có những pháp cùng tên mà khác nghĩa. Lại có những pháp tên và nghĩa đều khác nhau. Cùng tên mà khác nghĩa là như Phật thường, Pháp thường, Tỳ-kheo tăng thường; Niết-bàn, hư không cũng là thường. Đó là cùng một tên mà khác nghĩa.

“Tên và nghĩa đều khác nhau, như Phật gọi là giác, Pháp gọi là bất giác, Tăng gọi là hòa hiệp, Niết-bàn gọi là giải thoát, hư không gọi là chẳng lành, cũng gọi là không ngăn ngại. Đó là tên và nghĩa đều khác nhau.

“Thiện nam tử! Ba quy y cũng vậy, tên và nghĩa đều khác nhau, sao lại gọi là một? Cho nên ta có dạy bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiều-đàm-di<sup>(27)</sup> rằng: ‘Đừng cúng dường ta, nên cúng dường chư tăng. Như cúng dường chư tăng tức là cúng dường đủ cả ba chỗ quy y.’<sup>(28)</sup> Bà Ma-ha Ba-xà-ba-đề liền hỏi lại rằng: ‘Trong chúng tăng không có Phật, không có Pháp, sao nói rằng cúng dường chúng tăng là cúng dường đủ cả ba chỗ quy y?’ Ta lại dạy rằng: ‘Nếu bà vâng theo lời ta, đó là cúng dường Phật; vì cầu sự giải thoát, đó là cúng dường Pháp; chúng tăng thọ dụng, đó là cúng dường Tăng.’

“Thiện nam tử! Vậy nên Ba quy y không thể là một.

“Thiện nam tử! Ba quy y đó, có khi Như Lai nói một là ba, có khi nói ba là một. Những nghĩa như vậy thuộc về cảnh giới của chư Phật, chẳng phải chỗ hàng Thanh văn, Duyên giác có thể rõ biết được.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa rằng: “Như Phật có dạy: ‘Rốt ráo được yên vui gọi là Niết-bàn.’ Nghĩa ấy là thế nào?



Niết-bàn tức là xả thân, bỏ trí. Như đã xả thân bỏ trí thì còn ai là người thọ nhận cái vui ấy?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như có người vừa ăn xong thấy trong bụng khó chịu, muốn ra ngoài nôn. Nôn xong, người ấy trở vào. Các bạn hỏi rằng: ‘Anh đã hết khó chịu chưa mà vào đây?’ Người ấy đáp: ‘Đã hết khó chịu rồi, bây giờ thân được yên vui.’

“Như Lai cũng thế, rốt ráo xa lìa 25 cảnh giới hiện hữu, mãi mãi được Niết-bàn, cảnh yên vui, không thể lay động, chuyển đổi, không có sự diệt mất, dứt hết mọi cảm thọ, gọi là chỗ vui không cảm thọ. Chỗ không cảm thọ như vậy gọi là thường lạc. Nếu nói rằng Như Lai có thọ nhận cái vui, thật là vô lý. Cho nên cái vui rốt ráo tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là giải thoát chân thật. Giải thoát chân thật tức là Như Lai.”

Ca-diếp lại hỏi: “Có phải chẳng sanh chẳng diệt là giải thoát chăng?”

Phật dạy: “Đúng vậy, đúng vậy! Thiện nam tử! Chẳng sanh chẳng diệt tức là giải thoát. Giải thoát như vậy, tức là Như Lai.”

Ca-diếp lại nói: “Nếu chẳng sanh chẳng diệt là giải thoát, thì tánh của hư không vốn không sanh diệt, ắt cũng là Như Lai. Như tánh Như Lai, tức là giải thoát.”

Phật bảo Ca-diếp: “Thiện nam tử! Chẳng phải như vậy!”

“Bạch Thế Tôn! Tại sao chẳng phải như vậy?”

“Thiện nam tử! Như chim ca-lan-già và chim mạng-mạng, tiếng kêu trong trẻo rất hay, có giống với tiếng quạ kêu chăng?”

“Bạch Thế Tôn, không giống! Như tiếng chim ca-lan-

già và chim mạng-mạng mà so với tiếng quạ kêu thì vượt trội hơn đến trăm ngàn vạn lần, không thể so sánh được!”

Bồ Tát Ca-diếp lại nói: “Những loài chim như ca-lan-già tiếng kêu rất hay, thân hình lại chẳng giống quạ, vì sao Như Lai lại so sánh với chim quạ? Như vậy chẳng khác nào đem hạt đĩnh lịch mà so với núi Tu-di. Phật so với hư không lại cũng như thế. Tiếng chim ca-lan-già có thể so sánh với âm thanh của Phật, chứ không thể so với tiếng kêu của quạ.”

Lúc ấy, Phật khen Bồ Tát Ca-diếp rằng: “Lành thay, lành thay! Nay ông đã hiểu rõ việc rất khó hiểu. Có khi vì nhân duyên nên Như Lai lấy hư không mà ví như giải thoát. Giải thoát như vậy tức là Như Lai.

“Giải thoát chân thật đó, hết thảy loài người và chư thiên không ai có thể sánh được. Như hư không kia thật ra cũng chẳng thể dùng làm thí dụ so sánh được. Nhưng Phật vì hóa độ chúng sanh nên lấy hư không mà tạm so sánh với giải thoát. Vậy nên biết rằng giải thoát tức là Như Lai. Tánh của Như Lai tức là giải thoát. Giải thoát và Như Lai vốn chẳng phân chia, chẳng khác biệt nhau.

“Thiện nam tử! Không tỷ dụ được, là ví như có một vật không chi sánh được, thì không thể lấy vật gì khác mà làm thí dụ so sánh. Nhưng vì nhân duyên nên có thể [tạm] dẫn làm thí dụ so sánh. Như trong kinh nói ‘vẻ mặt đóa chánh dương như trăng tròn, voi trắng tinh sạch dường như núi tuyết.’ Thật ra, mặt trăng tròn không thể đồng với khuôn mặt, núi tuyết cũng chẳng thể là voi trắng.

“Thiện nam tử! Không tỷ dụ được, là ví như giải thoát chân thật. Ta vì hóa độ chúng sanh nên đặt ra các thí

dụ. Nhờ có các thí dụ mà biết được tánh của các pháp, thảy đều là như vậy.”

Bồ Tát Ca-diếp lại hỏi: “Vì sao Như Lai thuyết dạy hai nghĩa khác nhau?”<sup>(29)</sup>

Phật dạy: “Thiện nam tử! Ví như có người tay cầm dao kiếm, vì giận tức nên muốn làm hại Như Lai. Nhưng đức Như Lai vẫn hiền hòa vui vẻ, không có vẻ giận. Vậy người ấy có phá hoại được thân Như Lai mà thành tội nghịch hay chăng?”

“Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì sao vậy? Thân Như Lai không ai có thể phá hoại được. Vì sao vậy? Vì không có cái thân kết tụ, chỉ có pháp tánh. Tánh của pháp tánh, tất nhiên là không thể phá hoại. Vậy người ấy làm sao có thể phá hoại thân Phật? Chỉ vì người ấy đem lòng ác muốn làm hại Phật, cho nên thành tội vô gián. Vì nhân duyên ấy, các thí dụ đưa ra có thể giúp người ta hiểu được pháp chân thật.”

Lúc ấy, Phật khen Bồ Tát Ca-diếp rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Việc ta muốn nói, nay ông đã nói.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có kẻ ác muốn hại mẹ mình, bèn núp dưới đồng rơm ngoài đồng ruộng. Bà mẹ đem cơm ra đồng cho con. Thấy mẹ từ xa, người ấy sanh lòng muốn hại mẹ, liền lấy dao ra mài. Bà mẹ đã biết, bèn trốn vào trong đồng rơm. Người ấy cầm dao, vừa đi quanh đồng rơm vừa chém. Chém xong, lấy làm thỏa dạ, tưởng rằng đã giết được mẹ rồi. Sau đó, bà mẹ từ trong đồng rơm bước ra, trở về nhà. Ý ông thế nào? Người ấy có tạo thành tội vô gián chăng?”

“Thế Tôn! Không thể nói chắc được. Vì sao vậy? Nếu nói rằng người ấy có tội, thì thân thể bà mẹ phải bị

chém. Nhưng thân thể của bà không bị tổn hại, sao có thể nói rằng người ấy có tội? Nhưng nếu nói là không có tội, thì lúc tưởng là đã giết mẹ rồi, lấy làm thỏa dạ, sao có thể nói là không tội? Tuy người ấy chưa tạo ra đầy đủ tội nghịch, nhưng cũng là nghịch. Vì nhân duyên ấy, các thí dụ đưa ra có thể giúp người ta hiểu được pháp chân thật.”

Phật khen Ca-diếp rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy, ta nói ra rất nhiều thí dụ phương tiện để so sánh với giải thoát. Tuy dùng vô số thí dụ, nhưng thật ra chẳng thể lấy thí dụ mà so sánh được. Tùy theo nhân duyên, có khi ta có thể nói ra thí dụ, cũng có khi không thể nói ra bằng thí dụ.

“Cho nên giải thoát thành tựu vô lượng công đức như vậy, hướng về Niết-bàn. Niết-bàn và Như Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Vì có đầy đủ vô lượng công đức như vậy nên gọi là Đại Niết-bàn.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Nay con mới biết chỗ đến của Như Lai là không cùng tận. Nếu chỗ ấy là không cùng tận, thì nên biết rằng thọ mạng của Như Lai cũng là không cùng tận.”

Phật dạy: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông có thể khéo hộ trì Chánh pháp. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn dứt hết các phiền não trôi buộc thì nên hộ trì Chánh pháp giống như vậy.”

## **KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN**

### **HẾT QUYỂN NĂM**

# CHÚ GIẢI

1. Trong Nam bản thì đây là phẩm Tứ tướng, phần sau (Tứ tướng phẩm chi dư).
2. Mật ngữ: Lời nói vi mật, hàm súc nhiều ý nghĩa. Chỉ có bậc Bồ Tát trí tuệ lớn mới hiểu thấu được mật ngữ của chư Phật. Mật tạng: kho tàng bí mật. Kinh điển đại thừa do Phật thuyết giảng ý nghĩa rất sâu rộng. Vì hàng tiểu căn, trung căn chẳng hiểu nổi, chẳng thể làm theo cho nên gọi là Mật tạng.
3. Nam căn: cơ quan sanh dục nam; nữ căn: cơ quan sanh dục nữ.
4. Nguyên văn dùng bán tự (半字): một nửa chữ. Trong tiếng Phạn thì bán tự là các yếu tố của chữ viết khi chưa được ghép lại để thành một chữ có nghĩa. Đây là ví dụ những điều sơ học, chưa đầy đủ. Khi đủ sức học đầy đủ thì học luận Tỳ-già-la. Cũng như thế, Phật trước dùng Tiểu thừa để dẫn dắt những người sơ cơ, thấp trí, rồi sau mới giảng kinh điển Đại thừa.
5. Luận Tỳ-già-la (Vyākaraṇa): Một trong 6 bộ luận quan trọng của ngoại đạo ở Ấn Độ, được truyền bá từ trước thời đức Phật, được xem là bộ luận có nội dung sâu xa nhất, là cơ sở về ngữ âm và ngữ pháp của Phạn ngữ. Luận này được truyền tụng là do Phạm thiên thuyết dạy, nên cũng gọi là Phạm thư.
6. Ý nói rằng đây là lời sai trái, hoàn toàn không đúng với lý chân thật.
7. Vì là lời sai trái, không đúng với lời Phật dạy.
8. Tức trong kinh Bát Đại Nhân Giác.
9. Thân thể do tứ đại hợp thành. Mỗi đại tăng giảm bất thường có thể sanh ra 101 bệnh não. Do cách tính này nên bốn đại sanh ra 404 bệnh não. Tuy nhiên, đây cũng chỉ là cách nói tượng trưng, diễn ý là có rất nhiều bệnh tật khác nhau.
10. Câu cuối đoạn này dường như không có nghĩa ăn khớp với toàn đoạn, có vẻ như thừa so với cấu trúc của các đoạn khác. Bản dịch kinh Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển không có câu này.
11. Trong bản dịch Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển thì chi tiết này là “mùa hạ uống rượu” (夏時飲酒 - hạ thời ẩm tửu).
12. Câu cuối đoạn này cũng không thấy trong bản dịch kinh Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển, theo ý thì có vẻ như thừa.
13. Phiên âm từ tên Phạn ngữ là *Varsika*, dịch nghĩa là vũ thời hoa, vì sanh trưởng vào mùa mưa, là một loại hoa có màu trắng và rất thơm.
14. Câu cuối đoạn này cũng không thấy trong bản dịch kinh Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển, và cũng có vẻ như thừa.
15. Nguyên đoạn văn này ý nghĩa không rõ, chúng tôi xin trích đoạn tương đương trong bản dịch kinh Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển để đọc giả so sánh: “譬如嬰兒其齒未出不能令生。真解脫者亦復如是，非時得者無有是

處。 - Thí như anh nhi kỳ xỉ vị xuất bất năng linh sanh. Chân giải thoát giả diệt phục như thị, phi thời đắc giả vô hữu thị xứ.” (Ví như trẻ sơ sanh răng chưa mọc không thể làm cho mọc. Giải thoát chân thật cũng vậy, chưa đúng lúc thích hợp mà đạt được thì thật là vô lý.)

16. Trọng cấm: Tứ trọng cấm (bốn giới cấm quan trọng), cũng gọi là Tứ ba-la-di. Người xuất gia phạm vào bốn tội nặng này thì không còn được xem là người xuất gia, phải rời khỏi tăng chúng. Các giới đó là: 1. Dâm dục, 2. Trộm cắp, 3. Giết người, 4. Đại vọng ngữ.
17. Ưu-bà-tắc: là người đàn ông tu tại gia, tức là cư sĩ nam.
18. Thân mạng phải chịu sự hư hoại, nên là không thường còn. Thân mạng đã mất, không còn sắc tướng để hư hoại nên gọi là thường còn.
19. Ta và vật của ta: (ngã, ngã sở) là kiến chấp sai lầm khiến chúng sanh phát sanh phiền não, do chấp lấy có một bản ngã, một cái “ta” của riêng mình, và từ đó khao khát thu gom mọi thứ quanh mình cho là “của ta”
20. Sợ chết vì cọp nên chạy trốn, nhưng vì không có chỗ trốn nên lại rơi xuống giếng sâu, cũng không khỏi chết. Vì thế mà nói là chật hẹp.
21. Đây là các món chế biến từ sữa. Sữa có thể chế ra lạc (酪 - kem sữa), từ lạc chế ra được tô (酥 - bơ sữa) có hai loại là sanh tô (生酥 - bơ sống) và thực tô (熟酥 - bơ chín). Từ nơi tô chế ra được món ngon nhất, tinh khiết nhất là đề-hồ (醍醐). Đây ý nói các nhân duyên sanh khởi nối tiếp nhau, nhờ cái này mà có được cái kia.
22. Một trong bốn đại: đất, nước, gió, lửa.
23. Câu này dường như không đủ nghĩa, e rằng bị thiếu trong nguyên bản.
24. Năm ấm cũng tức là năm uẩn, gồm sắc, thọ, tưởng, hành và thức.
25. Bốn loại ma (Tứ ma): Ma, nghĩa là sự nhiễu hại tâm và thân. Bốn ma là: 1. Ma phiền não, 2. Ma ám (Ngũ ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức), 3. Ma chết, 4. Ma trời (Ma vương và bọn tùy thuộc của Ma vương).
26. Tức là quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng. Ngài Ca-diếp nêu thắc mắc này cũng đồng nghĩa như nếu Phật, Pháp, Tăng là một thể duy nhất thì tại sao còn phải phân biệt quy y thành 3 đối tượng.
27. Ma-ha Ba-xà-ba-đề Kiêu-đàm-di (Mahā Prajāpati Gautamī): Ma-ha nghĩa là “lớn”, “đại”, ba-xà-ba-đề dịch nghĩa là “ái đạo”, kiêu-đàm-di dịch nghĩa là “nữ thanh”. Vị tỳ-kheo ni này là dì của Phật, là người hết lòng xin cho nữ giới được xuất gia, và cũng là một trong những vị tỳ-kheo ni đầu tiên.
28. Tức là Tam bảo.
29. Nhị chủng thuyết: thuyết dạy hai nghĩa khác nhau, như một nghĩa là có tánh, một nghĩa là vô tánh. Phật vì chúng sanh mà thuyết pháp tánh, lại vì các bậc hiền thánh mà thuyết là không có pháp tánh. Vì thế nên gọi là nhị chủng thuyết.

# 大般涅槃經

## 卷第六如來性品第四之三

善男子。是大涅槃微妙經中，有四種人。能護正法建立正法憶念正法能多利益。憐愍世間為世間依安樂人天。何等為四。有人出世具煩惱性是名第一。須陀洹人。斯陀含人是名第二。阿那含人是名第三。阿羅漢人是名第四。是四種人出現於世。能多利益憐愍世間為世間依安樂人天。

云何名為具煩惱性。若有人能奉持禁戒威儀具足建立正法。從佛所聞解其文義轉為他人分別宣說。所謂少欲是道，多欲非道，廣說如是八大人覺，有犯罪者教令發露懺悔滅除。善知菩薩方便所行秘密之法。是名凡夫非第八人。第八人者不名凡夫。名為菩薩不名為佛。

第二人者名須陀洹斯陀含人。若得正法受持正法從佛聞法。如其所聞聞已書寫受持讀誦轉為他說。若聞法已不寫不受不持不說。而言奴婢不淨之物佛聽畜者無有是處。是名第二人。如是之人未得第三。第三住處名為菩薩已得受記。

第三人者名阿那含。阿那含者誹謗正法。若言

# ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN KINH

## QUYỂN ĐỆ LỤC - NHƯ LAI TÁNH PHẨM - Đệ tứ chi tam

Thiện nam tử! Thị đại Niết-bàn vi diệu kinh trung, hữu tứ chủng nhân năng hộ Chánh pháp, kiến lập Chánh pháp, ức niệm Chánh pháp, năng đa lợi ích lân mẫn thế gian, vi thế gian y an lạc nhân thiên. Hà đẳng vi tứ? Hữu nhân xuất thế cụ phiền não tánh thị danh đệ nhất. Tu-đà-hoàn nhân, Tư-đà-hàm nhân thị danh đệ nhị. A-na-hàm nhân thị danh đệ tam. A-la-hán nhân thị danh đệ tứ. Thị tứ chủng nhân xuất hiện ư thế, năng đa lợi ích lân mẫn thế gian, vi thế gian y an lạc nhân thiên.

Vân hà danh vi cụ phiền não tánh? Nhược hữu nhân năng phụng trì cấm giới, oai nghi cụ túc, kiến lập Chánh pháp, tụng Phật sở văn, giải kỳ văn nghĩa, chuyển vị tha nhân, phân biệt tuyên thuyết. Sở vị thiếu dục thị đạo, đa dục phi đạo, quảng thuyết như thị Bát Đại Nhân Giác, hữu phạm tội giả giáo linh phát lộ, sám hối diệt trừ, thiện tri Bồ Tát phương tiện sở hành bí mật chi pháp. Thị danh phạm phu phi đệ bát nhân. Đệ bát nhân giả, bất danh phạm phu danh vi Bồ Tát, bất danh vi Phật.

Đệ nhị nhân giả danh Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm nhân. Nhược đắc Chánh pháp, thọ trì Chánh pháp, tụng Phật văn pháp, như kỳ sở văn, văn dĩ thơ tả, thọ trì, đọc tụng, chuyển vị tha thuyết. Nhược văn pháp dĩ, bất tả, bất thọ, bất trì, bất thuyết, nhi ngôn: nô tỳ, bất tịnh chi vật, Phật thánh súc giả, vô hữu thị xứ. Thị danh đệ nhị nhân. Như thị chi nhân vị đắc đệ tam. Đệ tam trụ xứ danh vi Bồ Tát dĩ đắc thọ ký.

Đệ tam nhân giả danh A-na-hàm. A-na-hàm giả phỉ báng Chánh pháp, nhược ngôn: thánh súc nô tỳ, bặc sử bất tịnh chi

聽畜奴婢僕使不淨之物。受持外道典籍書論及為客塵煩惱所障。諸舊煩惱之所覆蓋。若藏如來真實舍利。及為外病之所惱害。或為四大毒蛇所侵。論說我者悉無是處。若說無我斯有是處。說著世法無有是處。若說大乘相續不絕斯有是處。若所受身有八萬戶蟲亦無是處。永離婬欲乃至夢中不失不淨斯有是處。臨終之日生怖畏者亦無是處。阿那含者為何謂也。是人還如上所說。所有過患永不能汙。往返周旋名為菩薩已得受記。不久得成阿耨多羅三藐三菩提。是則名為第三人也。

第四人者名阿羅漢。阿羅漢者斷諸煩惱捨於重擔。逮得己利所作已辦住第十地得自在智。隨人所樂種種色像悉能示現。如所莊嚴欲成佛道即能得成。能成如是無量功德名阿羅漢。

是名四人出現於世能多利益憐愍世間為世間依安樂人天。於人天中最尊最勝猶如如來。名人中勝為歸依處。

迦葉白佛言。世尊。我今不依是四種人。何以故。如瞿師羅經中佛為瞿師羅說。若天魔梵為欲破壞變為佛像。具足莊嚴三十二相八十種好圓光一尋。面部圓滿猶月盛明眉間毫相白踰珂雪。如是莊嚴來向汝者。汝當檢校定其虛實。既覺知已應當降伏。

vật, thọ trì ngoại đạo điển tịch thơ luận, cập vi khách trần phiến não sở chướng, chư cụ phiến não chi sở phú cái, nhược tàng Như Lai chân thật xá lý, cập vi ngoại bệnh chi sở não hại, hoặc vi tứ đại độc xà sở xâm, luận thuyết ngã giả tất vô thị xứ. Nhược thuyết vô ngã tư hữu thị xứ. Thuyết trước thế pháp vô hữu thị xứ. Nhược thuyết Đại thừa tương tục bất tuyệt, tư hữu thị xứ. Nhược sở thọ thân hữu bát vạn hộ trùng diệp vô thị xứ. Vĩnh ly dâm dục, nãi chí mộng trung, bất thất bất tịnh, tư hữu thị xứ. Lâm chung chi nhật sanh bố úy giả diệp vô thị xứ. A-na-hàm giả vi hà vị dã? Thị nhân bất hoàn như thượng sở thuyết. Sở hữu quá hoạn vĩnh bất năng ô. Vãng phản châu thiên danh vi Bồ Tát dĩ đắc thọ ký, bất cứu đắc thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Thị tác danh vi đệ tam nhân dã.

Đệ tứ nhân giả danh A-la-hán. A-la-hán giả đoạn chư phiến não, xả ư trọng đảm, đãi đắc kỷ lợi, sở tác dĩ biện, trụ đệ thập địa, đắc tự tại trí tùy nhân sở nhạo, chủng chủng sắc tượng tất năng thị hiện. Như sở trang nghiêm dục thành Phật đạo tức năng đắc thành. Năng thành như thị vô lượng công đức danh A-la-hán.

Thị danh tứ nhân xuất hiện ư thế, năng đa lợi ích lân mẫn thế gian, vị thế gian y an lạc nhân thiên. Ư nhân thiên trung tối tôn tối thắng, do như Như Lai danh nhân trung thắng vi qui y xứ.

Ca-diếp bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim bất y thị tứ chủng nhân. Hà dĩ cố? Như Cô-sư-la kinh trung, Phật vị Cô-sư-la thuyết: “Nhược thiên ma, phạm vị dục phá hoại, biến vi Phật tượng, cụ túc trang nghiêm, tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, viên quang nhất tâm, diện bộ viên mãn, do nguyệt thanh minh, mi gian hào tướng, bạch du khoa tuyết. Như thị trang nghiêm lai hướng nhữ giả, nhữ đương kiểm giáo định kỳ hư thật. Ký giác trí dĩ ưng đương hàng phục.”

世尊。魔等尚能變作佛身况當不能作羅漢等四種之身。坐臥空中左脅出水右脅出火身出煙燄猶如火聚。以是因緣我於是中心不生信。或有所說不能稟受亦無敬念而作依止。

佛言善男子。於我所說若生疑者尚不應受况如是等。是故應當善分別知是善不善可作不可作。如是作已長夜受樂。

善男子。譬如偷狗夜入人舍。其家婢使若覺知者即應驅罵汝疾出去。若不出者當斷汝命。偷狗聞之即去不還。汝等從今亦應如是降伏波旬。應作是言波旬汝今不應作如是像。若故作者當以五繫繫縛於汝。魔聞是已便當還去。如彼偷狗更不復還。

迦葉白佛言。世尊。如佛為瞿師羅長者說。若能如是降伏魔者。亦可得近於大涅槃。如來何必說是四人為歸依處。如是四人所可言說未必可信。

佛告迦葉。善男子。如我所說亦復如是非為不爾。

善男子。我為聲聞有肉眼者說言降魔。不為修學大乘人說。聲聞之人雖有天眼故名肉眼。學大乘者雖有肉眼乃名佛眼。何以故。是大乘經名為佛乘。最上最勝。

善男子。譬如有人勇健威猛有怯弱者常來依

Thế Tôn! Ma đấng thượng năng biến tác Phật thân, huống đương bất năng tác La-hán đấng tứ chủng chi thân? Tọa ngọa không trung, tả hiệp xuất thủy, hữu hiệp xuất hỏa, thân xuất yên diệm do như hỏa tụ. Dĩ thị nhân duyên, ngã ư thị trung tâm bất sanh tín. Hoặc hữu sở thuyết bất năng bảm thọ, diệc vô kính niệm nhi tác y chỉ.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Ư ngã sở thuyết nhược sanh nghi giả, thượng bất ưng thọ hưởng như thị đấng! Thị cố ưng đương thiện phân biệt tri: thị thiện, bất thiện, khả tác, bất khả tác. Như thị tác dĩ trường dạ thọ lạc.

Thiện nam tử! Thí như du cầu dạ nhập nhân xá. Kỳ gia tỳ sử, nhược giác tri giả tức ưng khu mạ: “Nhữ tật xuất khứ. Nhược bất xuất giả đương đoạn nhữ mạng.” Du cầu văn chi tức khứ bất hoàn. Nhữ đấng từng kim diệc ưng như thị hàng phục Ba-tuần. Ưng tác thị ngôn: “Ba-tuần! Nhữ kim bất ưng tác như thị tượng. Nhược cố tác giả đương dĩ ngũ hệ, hệ phục ư nhữ.” Ma văn thị dĩ tiện đương hoàn khứ, như bỉ du cầu cánh bất phục hoàn.

Ca-diếp bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật vị Cồ-sư-la trưởng giả thuyết: “Nhược năng như thị hàng phục ma giả, diệc khả đắc cận ư Đại Niết-bàn.” Như Lai hà tất thuyết thị tứ nhân vi quy y xứ! Như thị tứ nhân sở khả ngôn thuyết vị tất khả tín.

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Như ngã sở thuyết diệc phục như thị, phi vi bất nhĩ.

Thiện nam tử! Ngã vị Thanh Văn hữu nhục nhãn giả thuyết ngôn hàng ma, bất vị tu học Đại thừa nhân thuyết. Thanh văn chi nhân tuy hữu thiên nhãn, cố danh nhục nhãn. Học Đại thừa giả tuy hữu nhục nhãn nãi danh Phật nhãn. Hà dĩ cố? Thị Đại thừa kinh danh vi Phật thừa, tối thượng tối thắng.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân dũng kiện oai mãnh. Hữu khiếp nhược giả thường lai y phụ. Kỳ dũng kiện nhân

附。其勇健人常教怯者。汝當如是持弓執箭修學稍道長鉤繩索。又復告言。夫鬪戰者雖如履刃不應生於怖畏之想。當視人天生輕弱想。應自生心作勇健想。或時有人素無膽勇詐作健相。執持弓刀種種器仗以自莊嚴。來至陣中唱呼大喚。汝於是人亦復不應生於憂怖。如是輩人若見汝時不怖畏者。當知是人不久散壞如彼偷狗。

善男子。如來亦爾告諸聲聞。汝等不應畏魔波旬。若魔波旬化作佛身至汝所者。汝當精勤堅固其心降伏於魔。時魔即當愁憂不樂復道而去。

善男子。如彼健人不從他習。學大乘者亦復如是。得聞種種深密經典其心欣樂不生驚怖。何以故。如是修學大乘之人。已曾供養恭敬禮拜過去無量萬億佛故。雖有無量億千魔眾欲來侵擾。於是事中終不驚畏。

善男子。譬如有人得阿竭陀藥不畏一切毒蛇等畏。是藥力故亦能消除一切毒等。是大乘經亦復如是。如彼藥力不畏一切諸魔毒等。亦能降伏令更不起。

復次善男子。譬如有龍性甚妬弊。欲害人時或以眼視或以口噓。是故一切師子虎豹豺狼狗犬皆生

thường giáo khiếp giả: “Nhữ đương như thị trì cung chấp tiễn, tu học sóc đạo, trường câu, quyển tác.” Hựu phục cáo ngôn: “Phù đấu chiến giả, tuy như lý nhận, bất ứng sanh ư bố úy chi tưởng. Đương thị nhân thiên sanh khinh nhược tưởng. Ứng tự sanh tâm tác dũng kiện tưởng. Hoặc thời hữu nhân tố vô đảm dũng, trá tác kiện tướng chấp trì cung đao, chủng chủng khí trượng, dĩ tự trang nghiêm, lai chí trận trung, xướng hô đại hoán. Nhữ ư thị nhân diệc phục bất ứng sanh ư ưu bố. Như thị bối nhân, nhược kiến nhữ thời bất bố úy giả, đương tri thị nhân bất cứu tán hoại như bỉ du cầu.”

Thiện nam tử! Như Lai diệc nhĩ cáo chư Thanh văn: “Nhữ đẳng bất ứng úy ma Ba-tuần. Nhược ma Ba-tuần hóa tác Phật thân, chí nhữ sở giả, nhữ đương tinh cần, kiên cố kỳ tâm, hàng phục ư ma. Thời ma tức đương sầu ưu bất lạc, phục đạo nhi khứ.”

Thiện nam tử! Như bỉ kiện nhân bất tùng tha tập, học Đại thừa giả diệc phục như thị, đắc văn chủng chủng thâm mật kinh điển, kỳ tâm hân lạc bất sanh kinh bố. Hà dĩ cố? Như thị tu học Đại thừa chi nhân, dĩ tăng cúng dường, cung kính, lễ bái quá khứ vô lượng vạn ức Phật cố. Tuy hữu vô lượng ức thiên ma chúng dục lai xâm nhiễu, ư thị sự trung chung bất kinh úy.

Thiện nam tử! Thí như hữu nhân đắc A-kiệt-đà dược, bất úy nhất thiết độc xà đẳng úy. Thị dược lực cố, diệc năng tiêu trừ nhất thiết độc đẳng. Thị Đại thừa kinh diệc phục như thị, như bỉ dược lực bất úy nhất thiết chư ma độc đẳng, diệc năng hàng phục linh cánh bất khởi.

Phục thứ, thiện nam tử! Thí như hữu long tánh thậm đố tộ. Dục hại nhân thời hoặc dĩ nhân thị, hoặc dĩ khẩu hư. Thị cố nhất thiết sư tử, hổ, báo, sài lang, cầu khuyến giai cánh bố úy.

怖畏。是等惡獸或聞聲見形或觸其身無不喪命。有善呪者以呪力故。能令如是諸惡毒龍金翅鳥等惡象師子虎豹豺狼。皆悉調善任爲御乘。如是等獸見彼善呪即便調伏。

聲聞緣覺亦復如是。見魔波旬皆生恐怖。而魔波旬亦復不生畏懼之心猶行魔業。學大乘者亦復如是。見諸聲聞怖畏魔事於此大乘不生信樂。先以方便降伏諸魔悉令調善堪任爲乘。因爲廣說種種妙法。聲聞緣覺見調魔已不生怖畏。於此大乘無上正法方生信樂。作如是言我等從今不應於此正法之中而作障礙。

復次善男子。聲聞緣覺於諸煩惱而生怖畏。學大乘者都無恐懼。修學大乘有如是力。以是因緣先所說者。爲欲令彼聲聞緣覺調伏諸魔非爲大乘。

是大涅槃微妙經典不可消伏甚奇甚特。若有聞者聞已信受。能信如來是常住法。如是之人甚爲希有如優曇華。

我涅槃後若有得聞如是大乘微妙經典生信敬心。當知是等於未來世百千億劫不墮惡道。

爾時佛告迦葉菩薩。善男子。我般涅槃後當有百千無量衆生。誹謗不信是大涅槃微妙經典。

Thị đẳng ác thú hoặc văn thính kiến hình, hoặc xúc kỳ thân vô bất táng mạng. Hữu thiện chú giả, dĩ chú lực cố, năng linh như thị chư ác độc long, kim sí điều đẳng, ác tượng, sư tử, hổ, báo, sài lang giai tất điều thiện, nhiệm vi ngự thừa. Như thị đẳng thú kiến bỉ thiện chú tức tiện điều phục.

Thanh văn, Duyên giác diệt phục như thị, kiến ma Ba-tuần giai sanh khủng bố. Nhi ma Ba-tuần diệt phục bất sanh úy cụ chi tâm do hành ma nghiệp. Học Đại thừa giả diệt phục như thị, kiến chư Thanh văn bố úy ma sự, ư thủ Đại thừa bất sanh tín nhạo, tiên dĩ phương tiện hàng phục chư ma, tất linh điều thiện, kham nhiệm vi thừa, nhân vị quảng thuyết chủng chủng diệu pháp. Thanh văn, Duyên giác kiến điều ma dĩ, bất sanh bố úy, ư thủ Đại thừa vô thượng Chánh pháp, phương sanh tín nhạo, tác như thị ngôn: “Ngã đẳng tòng kim bất ứng ư thủ Chánh pháp chi trung nhi tác chướng ngại.”

Phục thú, thiện nam tử! Thanh văn, Duyên giác ư chư phiến não nhi sanh bố úy. Học Đại thừa giả đô vô khủng cụ. Tu học Đại thừa hữu như thị lực. Dĩ thị nhân duyên tiên sở thuyết giả, vị dục linh bỉ Thanh văn, Duyên giác điều phục chư ma, phi vị Đại thừa.

“Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển bất khả tiêu phục, thậm kỳ thậm đặc. Nhược hữu văn giả, văn dĩ tín thọ, năng tín Như Lai thị thường trụ pháp. Như thị chi nhân thậm vi hy hữu như ưu đàm hoa.

Ngã Niết-bàn hậu, nhược hữu đắc văn như thị Đại thừa vi diệu kinh điển sanh tín kính tâm, đương tri thị đẳng ư vị lai thế bách thiên ức kiếp bất đọa ác đạo.

Nhĩ thời, Phật cáo Ca-diếp Bồ Tát: Thiện nam tử! Ngã bát Niết-bàn hậu đương hữu bách thiên vô lượng chúng sanh phi báng bất tín thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển.



迦葉菩薩復白佛言。世尊。是諸衆生於佛滅後久近便當誹謗是經。

世尊。復有何等純善衆生。當能拔濟是謗法者。

佛告迦葉。善男子。我般涅槃後四十年中於閻浮提廣行流布。然後乃當隱沒於地。

善男子。譬如甘蔗稻米石蜜乳酥醍醐隨有之處。其土人民皆言是味味中第一。或復有人純食粟米及以稗子。是人亦言我所食者最爲第一。是薄福人受業報故。若是福人耳初不聞粟稗之名。所食唯是粳糧甘蔗石蜜醍醐。是大涅槃微妙經典亦復如是。鈍根薄福不樂聽聞。如彼薄福憎惡粳糧及石蜜等。二乘之人亦復如是。憎惡無上大涅槃經。或有衆生其心甘樂聽受是經聞已歡喜不生誹謗。如彼福人食於稻糧。

善男子。譬如有王居在山中險難惡處。雖有甘蔗粳糧石蜜以其難得貪惜積聚。不敢噉食懼其有盡唯食粟稗。有異國王聞之憐笑。即以車載粳糧甘蔗而送與之。其王得已即便分張舉國共食。民既食已皆生歡喜。咸作是言因彼王故令我得是希有之食。

善男子。是四種人亦復如是。爲此無上大法之將。是四種中或有一人見於他方無量菩薩雖學如是

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thị chư chúng sanh ư Phật diệt hậu, cửu cận tiện đương phỉ báng thị kinh?

Thế Tôn! Phục hữu hà đẳng thuần thiện chúng sanh đương năng bạt tế thị báng pháp giả?

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Ngã bát Niết-bàn hậu tứ thập niên trung, ư Diêm-phù-đề quảng hành lưu bố, nhiên hậu nãi đương ẩn một ư địa.

Thiện nam tử! Thí như cam giá, đạo mẽ, thạch mật, nhũ, tô, đề-hồ tùy hữu chi xứ, kỳ thổ nhân dân giai ngôn thị vị, vị trung đệ nhất. Hoặc phục hữu nhân thuần thực túc mễ cập dĩ bại tử. Thị nhân diệc ngôn: “Ngã sở thực giả tối vi đệ nhất.” Thị bạc phước nhân thọ nghiệp báo cố. Nhược thị phước nhân nhĩ sơ bất văn túc bái chi danh, sở thực duy thị canh lương, cam giá, thạch mật, đề-hồ. Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển diệc phục như thị, độn căn bạc phước bất nhạo thính văn. Như bỉ bạc phước tắng ổ canh lương cập thạch mật đẳng, nhị thừa chi nhân diệc phục như thị, tắng ổ vô thượng Đại Niết-bàn kinh. Hoặc hữu chúng sanh kỳ tâm cam nhạo thính thọ thị kinh, văn dĩ hoan hỷ bất sanh phỉ báng, như bỉ phước nhân thực ư đạo lương.

Thiện nam tử! Thí như hữu vương cư tại sơn trung, hiểm nạn ác xứ. Tuy hữu cam giá, canh lương, thạch mật dĩ kỳ nan đắc, tham tích tích tụ bất cảm đạm thực, cụ kỳ hữu tận duy thực túc bái. Hữu dị quốc vương văn chi lân tiểu, túc dĩ xa tải canh lương, cam giá nhi tổng dĩ chi. Kỳ vương đắc dĩ, tức tiện phân trưng cử quốc cộng thực. Dân ký thực dĩ giai sanh hoan hỷ, hàm tác thị ngôn: “Nhân bỉ vương cố linh ngã đắc thị hy hữu chi thực.”

Thiện nam tử! Thị tứ chủng nhân diệc phục như thị, vị thử vô thượng đại pháp chi tướng. Thị tứ chủng trung hoặc hữu

大乘經典若自書寫若令他書。為利養故為稱譽故為了法故為依止故。為用博易其餘經故。不能廣為他人宣說。是故持是微妙經典送至彼方與彼菩薩。令發無上菩提之心安住菩提。是菩薩得是經已即便廣為他人演說令無量眾生得受如是大乘法味。皆悉因此一菩薩力所未聞經悉令得聞。如彼人民因王力故得希有食。

又善男子。是大涅槃微妙經典所流布處。當知其地即是金剛。是中諸人亦如金剛。若有能聽如是經者。即不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。隨其所願悉得成就如我今日所可宣說。汝等比丘應善受持。若有眾生不能聽聞如是經典。當知是人甚可憐愍。何以故。是人不能受持如是大乘經典甚深義故。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如來滅後四十年中是大乘典大涅槃經於閻浮提廣行流布。過是已後沒於地者。卻後久近復當還出。

佛言。善男子。若我正法餘八十年前四十年。是經復當於閻浮提雨大法雨。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。如是經典正法滅時正戒毀時。非法增長時無如法眾生時。誰能聽受奉持讀誦。令其通利供養恭敬書寫解說唯願如來。憐

nhất nhân kiến ư tha phương vô lượng Bồ Tát, tuy học như thị Đại thừa kinh điển, nhược tự thọ tả, nhược linh tha thọ vị lợi dưỡng cố, vị xung dự cố, vị liễu pháp cố, vị y chỉ cố, vị dụng bác dịch kỳ dư kinh cố. Bát năng quảng vị tha nhân tuyên thuyết. Thị cố trì thị vi diệu kinh điển, tổng chí bỉ phương dĩ bỉ Bồ Tát, linh phát vô thượng bồ-đề chi tâm, an trụ bồ-đề. Thị Bồ Tát đắc thị kinh dĩ, tức tiện quảng vị tha nhân diễn thuyết, linh vô lượng chúng sanh đắc thọ như thị Đại thừa pháp vị. Giai tất nhân thủ nhất Bồ Tát lực, sở vị văn kinh tất linh đắc văn, như bỉ nhân dân, nhân vương lực cố đắc hy hữu thực.

Hựu thiện nam tử! Thị Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển sở lưu bố xứ, đương tri kỳ địa tức thị kim cang, thị trung chư nhân diệc như kim cang. Nhược hữu năng thính như thị kinh giả, tức bất thoái chuyển ư A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, tùy kỳ sở nguyện tất đắc thành tựu. Như ngã kim nhật sở khả tuyên thuyết, nhữ đẳng Tỳ-kheo ưng thiện thọ trì. Nhược hữu chúng sanh bất năng thính văn như thị kinh điển, đương tri thị nhân thậm khả lân mẫn. Hà dĩ cố? Thị nhân bất năng thọ trì như thị Đại thừa kinh điển thậm thâm nghĩa cố.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Lai diệt hậu tứ thập niên trung, thị Đại thừa điển Đại Niết-bàn kinh, ư Diêm-phù-đề quảng hành lưu bố, quá thị dĩ hậu một ư địa giả. Khước hậu cứu cận phục đương hoàn xuất?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhược ngã Chánh pháp dư bát thập niên, tiên tứ thập niên thị kinh phục đương ư Diêm-phù-đề vũ đại pháp vũ.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị kinh điển Chánh pháp diệt thời, chánh giới hủy thời, phi pháp tăng trưởng thời, vô như pháp chúng sanh thời thù năng thính thọ, phụng trì, độc tụng, linh kỳ thông lợi, cúng dường, cung kính,

愍衆生分別廣說令諸菩薩聞已受持。持已即得不退阿耨多羅三藐三菩提心。

爾時佛讚迦葉。善哉善哉。善男子。汝今善能問如是義。

善男子。若有衆生於熙連河沙等諸佛所發菩提心。乃能於是惡世受持如是經典不生誹謗。

善男子。若有能於一恆河沙等諸佛世尊發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法愛樂是典。不能爲人分別廣說。

善男子。若有衆生於二恆河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。正解信樂受持讀誦亦不能爲他人廣說。

若有衆生於三恆河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。受持讀誦書寫經卷雖爲他說未解深義。

若有衆生於四恆河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。受持讀誦書寫經卷爲他廣說十六分中一分之義。雖復演說亦不具足。

若有衆生於五恆河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。受持讀誦書寫經卷廣爲人說十六分中八分之義。

thơ tả, giải thuyết? Duy nguyện Như Lai lân mẫn chúng sanh, phân biệt quảng thuyết, linh chú Bồ Tát văn dĩ thọ trì, trì dĩ tức đắc bất thối A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm.

Nhĩ thời Phật tán Ca-diếp: Thiện tai, thiện tai! Thiện nam tử! Nhữ kim thiện năng vấn như thị nghĩa.

Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh ư Hy-liên hà sa đẳng chư Phật sở, phát bồ-đề tâm nãi năng ư thị ác thế, thọ trì như thị kinh điển bất sanh phỉ báng.

Thiện nam tử! Nhược hữu năng ư nhất Hằng hà sa đẳng chư Phật Thế Tôn phát bồ-đề tâm, nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị pháp, ái nhạo thị điển, bất năng vị nhân phân biệt quảng thuyết.

Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh ư nhị Hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ-đề tâm, nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị pháp, chánh giải tín nhạo, thọ trì, độc tụng diệc bất năng vị tha nhân quảng thuyết.

Nhược hữu chúng sanh ư tam Hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ-đề tâm, nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị pháp, thọ trì, độc tụng, thơ tả kinh quyển. Tuy vị tha thuyết vị giải thâm nghĩa.

Nhược hữu chúng sanh ư tứ Hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ-đề tâm, nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị pháp, thọ trì, độc tụng, thơ tả kinh quyển. Vị tha quảng thuyết thập lục phần trung, nhất phần chi nghĩa. Tuy phục diễn thuyết diệc bất cụ túc.

Nhược hữu chúng sanh ư ngũ Hằng hà sa đẳng Phật sở phát bồ-đề tâm, nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bất báng thị pháp, thọ trì, độc tụng, thơ tả kinh quyển, quảng vị nhân thuyết thập lục phần trung, bát phần chi nghĩa.

若有衆生於六恆河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。受持讀誦書寫經卷爲他廣說十六分中十二分義。

若有衆生於七恆河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。受持讀誦書寫經卷爲他廣說十六分中十四分義。

若有衆生於八恆河沙等佛所發菩提心。然後乃能於惡世中不謗是法。受持讀誦書寫經卷亦勸他人令得書寫。自能聽受復勸他人令得聽受讀誦通利。擁護堅持憐愍世間諸衆生故供養是經。亦勸他人令其供養恭敬尊重讀誦禮拜亦復如是具足。能解盡其義味。所謂如來常住不變畢竟安樂。廣說衆生悉有佛性。善知如來所有法藏。供養如是諸佛等已。建立如是無上正法受持擁護。

若有始發阿耨多羅三藐三菩提心。當知是人未來之世必能建立如是正法受持擁護。是故汝今不應不知未來世中護法之人。何以故。是發心者於未來世必能護持無上正法。

善男子。有惡比丘聞我涅槃不生憂愁。今日如來入般涅槃何期快哉。如來在世遮我等利今入涅槃誰復當有遮奪我者。若無遮奪我則還得如本利養。

Nhược hữu chúng sanh ư lục Hằng hà sa đấng Phật sở phát bồ-đề tâm, nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bát báng thị pháp, thọ trì, độc tụng, thơ tả kinh quyển. Vị tha quảng thuyết thập lục phân trung, thập nhị phần nghĩa.

Nhược hữu chúng sanh ư thất Hằng hà sa đấng Phật sở phát bồ-đề tâm, nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bát báng thị pháp, thọ trì, độc tụng, thơ tả kinh quyển. Vị tha quảng thuyết thập lục phân trung, thập tứ phần nghĩa.

Nhược hữu chúng sanh ư bát Hằng hà sa đấng Phật sở phát bồ-đề tâm, nhiên hậu nãi năng ư ác thế trung bát báng thị pháp, thọ trì, độc tụng, thơ tả kinh quyển, diệc khuyến tha nhân linh đắc thơ tả. Tự năng thính thọ phục khuyến tha nhân, linh đắc thính thọ, độc tụng thông lợi, ủng hộ kiên trì, lân mẫn thế gian chư chúng sanh cố cúng dường thị kinh, diệc khuyến tha nhân linh kỳ cúng dường, cung kính, tôn trọng, độc tụng, lễ bái diệc phục như thị cụ túc. Năng giải tận kỳ nghĩa vị, sở vị: Như Lai thường trụ bất biến tất cánh an lạc. Quảng thuyết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Thiện tri Như Lai sở hữu pháp tạng. Cúng dường như thị chư Phật đấng dĩ. Kiến lập như thị vô thượng Chánh pháp, thọ trì, ủng hộ.

Nhược hữu thủy phát A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề tâm, đương tri thị nhân vị lai chi thế tất năng kiến lập như thị Chánh pháp, thọ trì, ủng hộ. Thị cố nữ kim bát ưng bát tri vị lai thế trung hộ pháp chi nhân. Hà dĩ cố? Thị phát tâm giả ư vị lai thế tất năng hộ trì vô thượng Chánh pháp.

Thiện nam tử! Hữu ác tỳ-kheo, văn ngã Niết-bàn, bất sanh ưu sầu: “Kim nhật Như Lai nhập Bát Niết-bàn hà kỳ khoái tai! Như Lai tại thế già ngã đấng lợi. Kim nhập Niết-bàn thù phục đương hữu già đoạt ngã giả? Nhược vô già đoạt, ngã tắc

如來在世禁戒嚴峻今入涅槃悉當放捨。所受袈裟本為法式今當廢壞如木頭幡。如是等人誹謗拒逆是大乘經。

善男子。汝今應當如是憶持。若有衆生成就具足無量功德。乃能信是大乘經典信已受持。其餘衆生有樂法者。若能廣為解說此經。其人聞已過去無量阿僧祇劫所作惡業皆悉除滅。

若有不信是經典者。現身當為無量病苦之所惱害。多為衆人所見罵辱。命終之後人所輕賤顏貌醜陋。資生艱難常不供足雖復少得麤澀弊惡。生生常處貧窮下賤誹謗正法邪見之家。若臨終時或值荒亂刀兵競起。帝王暴虐怨家讎隙之所侵逼。雖有善友而不遭遇。資生所須求不能得。雖少得利常患饑渴。唯為凡下之所顧識。國王大臣悉不齒錄。設復聞其有所宣說正使是理終不信受。如是之人不至善處。如折翼鳥不能飛行。是人亦爾於未來世不能得至人天善處。

若復有人能信如是大乘經典。本所受形雖復麤陋。以經功德即便端正威顏色力日更增多。常為人天之所樂見。恭敬愛戀情無捨離。國王大臣及家親屬聞其所說悉皆敬信。

hoàn đặc như bồn lợi dưỡng. Như Lai tại thế cấm giới nghiêm tuấn. Kim nhập Niết-bàn tất đương phóng xả. Sở thọ cà-sa bồn vi pháp thức, kim đương phế hoại như mộc đầu phan.” Như thị đẳng nhân phỉ báng, cự nghịch thị Đại thừa kinh.

Thiện nam tử! Nhữ kim ưng đương như thị ức trì: Nhược hữu chúng sanh thành tựu cụ túc vô lượng công đức, nãi năng tín thị Đại thừa kinh điển, tín dĩ thọ trì. Kỳ dư chúng sanh hữu nhạo pháp giả. Nhược năng quảng vị giải thuyết thủ kinh, kỳ nhân văn dĩ, quá khứ vô lượng a-tăng-kỳ kiếp sở tác ác nghiệp giai tất trừ diệt.

Nhược hữu bất tín thị kinh điển giả, hiện thân đương vi vô lượng bệnh khổ chi sở não hại. Đa vi chúng nhân sở kiến mạ nhục. Mạng chung chi hậu nhân sở khinh tiện. Nhan mạo xú lậu, tư sanh gian nan, thường bất cung túc. Tuy phục thiếu đặc, thô, sáp, tệ, ác. Sanh sanh thường xử bản cùng hạ tiện, phỉ báng Chánh pháp tà kiến chi gia. Nhược lâm chung thời, hoặc trị hoang loạn đao binh cạnh khởi, đế vương bạo ngược, oan gia thù khích chi sở xâm bức. Tuy hữu thiện hữu nhi bất tạo ngộ. Tư sanh sở tu, cầu bất năng đắc. Tuy thiếu đặc lợi thường hoạn cơ khát. Duy vi phạm hạ chi sở cố thức. Quốc vương, đại thân tất bất xỉ lục. Thiết phục văn kỳ hữu sở tuyên thuyết, chánh sử thị lý chung bất tín thọ. Như thị chi nhân bất chí thiện xứ, như chiết dục điều bất năng phi hành. Thị nhân diệt nhĩ, ư vị lai thế bất năng đắc chí nhân thiên thiện xứ.

Nhược phục hữu nhân năng tín như thị Đại thừa kinh điển, bồn sở thọ hình tuy phục thô lậu, dĩ kinh công đức tức tiện đoan chánh, oai nhan sắc lực nhật cánh tăng đa. Thường vi nhân thiên chi sở nhạo kiến, cung kính ái luyến tình vô xả ly. Quốc vương, đại thân cập gia thân thuộc, văn kỳ sở thuyết tất giai kính tín.

若我聲聞弟子之中欲行第一希有事者。當為世間廣宣如是大乘經典。

善男子。譬如霧露勢雖欲住不過日出。日既出已消滅無餘。善男子。是諸衆生所有惡業亦復如是。住世勢力不過得見大涅槃日。是日既出悉能除滅一切惡業

復次善男子。譬如有人出家剃髮雖服袈裟。故未得受沙彌十戒。或有長者來請衆僧。未受戒者即與大衆俱共受請。雖未受戒已墮僧數。善男子。若有衆生發心始學是大乘典大涅槃經。書持讀誦亦復如是。雖未具足位階十地則已墮於十住數中。或有衆生是佛弟子或非弟子。若因貪怖或因利養聽受是經乃至一偈。聞已不謗當知是人則為已近阿耨多羅三藐三菩提。

善男子。以是因緣我說四人為世間依。善男子。如是四人若以佛說言非佛說無有是處。是故我說如是四人為世間依。善男子。汝應供養如是四人。

世尊。我當云何識知是人而為供養。

佛告迦葉。若有建立護持正法。如是之人應從啟請當捨身命而供養之。如我於是大乘經說。

Nhược ngã Thanh văn đệ tử chi trung, dục hành đệ nhất hy hữu sự giả, đương vị thế gian quảng tuyên như thị Đại thừa kinh điển.

Thiện nam tử! Thí như vụ lộ, thế tuy dục trụ bất quá nhật xuất. Nhật ký xuất dĩ tiêu diệt vô dư. Thiện nam tử! Thị chư chúng sanh sở hữu ác nghiệp diệt phục như thị, trụ thế thế lực bất quá đắc kiến Đại Niết-bàn nhật, thị nhật ký xuất tất năng trừ diệt nhất thiết ác nghiệp.

Phục thứ thiện nam tử! Thí như hữu nhân xuất gia thế phát. Tuy phục cà-sa, cố vị đắc thọ sa-di thập giới. Hoặc hữu trưởng giả lai thỉnh chúng tăng, vị thọ giới giả tức dĩ đại chúng câu cộng thọ thỉnh. Tuy vị thọ giới dĩ đọa tăng số. Thiện nam tử! Nhược hữu chúng sanh phát tâm thủy học thị Đại thừa điển, Đại Niết-bàn kinh, thơ trì, đọc tụng diệt phục như thị, tuy vị cụ túc vị giai thập địa, tắc dĩ đọa ư thập trụ số trung. Hoặc hữu chúng sanh thị Phật đệ tử, hoặc phi đệ tử, nhược nhân tham bố hoặc nhân lợi dưỡng thỉnh thọ thị kinh, nãi chí nhất kệ văn dĩ bất báng, đương trì thị nhân tắc vi dĩ cận A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

Thiện nam tử! Dĩ thị nhân duyên ngã thuyết tứ nhân vi thế gian y. Thiện nam tử! Như thị tứ nhân nhược dĩ Phật thuyết, ngôn phi Phật thuyết vô hữu thị xứ. Thị cố ngã thuyết như thị tứ nhân vi thế gian y. Thiện nam tử! Nhữ ưng cúng dường như thị tứ nhân.

Thế Tôn! Ngã đương vân hà thức tri thị nhân nhi vi cúng dường?

Phật cáo Ca-diếp: Nhược hữu kiến lập, hộ trì Chánh pháp, như thị chi nhân ưng tòng khải thỉnh đương xả thân mạng nhi cúng dường chi. Như ngã ư thị Đại thừa kinh thuyết:

有知法者  
若老若少  
故應供養  
恭敬禮拜  
猶如事火  
婆羅門等。  
有知法者  
若老若少  
故應供養  
恭敬禮拜  
亦如諸天  
奉事帝釋。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如佛所說供養師長正應如是。今有所疑唯願廣說。若有長宿護持禁戒。從年少邊諮受未聞云何是人當禮敬不。若當禮敬是則不名為持戒也。若是年少護持禁戒。從諸宿舊破戒人邊諮受未聞復應禮不。若出家人從在家人諮受未聞復當禮不。然出家人不應禮敬在家人也。然佛法中年少幼小應當恭敬耆舊長宿。以是長宿先受具戒成就威儀。是故應當供養恭敬。如佛言曰其破戒者。是佛法中所不容受。猶如良田多有稊稗。

又如佛說有知法者。若老若少故應供養如事帝釋。如是二句其義云何。將非如來虛妄說耶。如佛言曰持戒比丘亦有所犯。何故如來而作是說。

Hữu tri pháp giả,  
Nhược lão nhược thiếu.  
Cố ứng cúng dường,  
Cung kính lễ bái.  
Do như sự hỏa,  
Bà-la-môn đẳng.  
Hữu tri pháp giả,  
Nhược lão nhược thiếu.  
Cố ứng cúng dường,  
Cung kính lễ bái.  
Diệc như chư thiên,  
Phụng sự Đế-thích.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, cúng dường sư trưởng chánh ứng như thị. Kim hữu sở nghi, duy nguyện quảng thuyết. Nhược hữu trưởng túc hộ trì cấm giới, tòng niên thiếu biên tư thọ vị văn. Vân hà thị nhân, đương lễ kính phủ? Nhược đương lễ kính, thị tác bất danh vi trì giới dã. Nhược thị niên thiếu hộ trì cấm giới, tòng chư túc cự phá giới nhân biên tư thọ vị văn. Phục ứng lễ phủ? Nhược xuất gia nhân tòng tại gia nhân, tư thọ vị văn phục đương lễ phủ? Nhiên xuất gia nhân bất ứng lễ kính tại gia nhân dã. Nhiên Phật pháp trung niên thiếu ấu tiểu, ứng đương cung kính kỳ cự trưởng túc, dĩ thị trưởng túc tiên thọ cụ giới, thành tựu oai nghi. Thị cố ứng đương cúng dường cung kính. Như Phật ngôn viết: “Kỳ phá giới giả thị Phật pháp trung sở bất dung thọ, do như lương điền đa hữu đề bái.”

Hựu như Phật thuyết: Hữu tri pháp giả, nhược lão nhược thiếu, cố ứng cúng dường... như sự Đế-thích. Như thị nhị cú kỳ nghĩa vân hà? Tương phi Như Lai hư vọng thuyết da? Như Phật ngôn viết: “Trì giới tỳ-kheo diệc hữu sở phạm. Hà cố Như Lai nhi tác thị thuyết?”

世尊。亦於餘經中說聽治破戒。如是所說其義未了。

佛告迦葉。善男子。我為未來諸菩薩等學大乘者說如是偈。不為聲聞弟子說也。

善男子。如我先說正法滅已毀正戒時增長破戒。非法盛時一切聖人隱不現時。受畜奴婢不淨物時。是四人中當有一人出現於世。剃除鬚髮出家修道。見諸比丘各各受畜奴婢僕使不淨之物。淨與不淨一切不知。是律非律亦復不識。是人為欲調伏如是諸比丘故。與共和光不同其塵。自所行處及佛行處善能別知。雖見諸人犯波羅夷默然不舉。何以故。我出於世為欲建立護持正法。是故默然而不舉處。

善男子。如是之人為護法故雖有所犯不名破戒。

善男子。如有國王遇病崩亡。儲君稚小未任紹繼。有旃陀羅豐饒財寶巨富無量多有眷屬。自以強力伺國虛弱篡居王位治化未久。國人居士婆羅門等亡叛逃走遠投他國。雖有在者乃至不欲眼見是王。或有長者婆羅門等不離本土。譬如諸樹隨其生處即是中死。

旃陀羅王知其國人逃叛者眾尋即還遣諸旃陀羅守邏諸道。復於七日擊鼓唱令。諸婆羅門有能為我作灌頂師者。當以半國而為爵賞。

Thế Tôn diệc ư dư kinh trung thuyết: Thính trị phá giới. Như thị sở thuyết, kỳ nghĩa vị liễu.

Phật cáo Ca-diếp: Thiện nam tử! Ngã vị vị lai chư Bồ Tát đẳng học Đại thừa giả, thuyết như thị kệ bát vị Thanh văn đệ tử thuyết dã.

Thiện nam tử! Như ngã tiên thuyết Chánh pháp diệt dĩ, hủy chánh giới thời, tăng trưởng phá giới, phi pháp thịnh thời, nhất thiết thánh nhân ẩn bất hiện thời, thọ súc nô tỳ, bất tịnh vật thời, thị tứ nhân trung đương hữu nhất nhân xuất hiện ư thế, thế trừ tu phát xuất gia tu đạo. Kiến chư tỳ-kheo các các thọ súc nô tỳ, bộc sử bất tịnh chi vật. Tịnh dĩ bất tịnh nhất thiết bát tri, thị luật phi luật diệc phục bất thức. Thị nhân vi dục điều phục như thị chư tỳ-kheo cố, dĩ cộng hòa quang bất đồng kỳ trần. Tự sở hành xứ cập Phật hành xứ thiện năng biệt tri. Tuy kiến chư nhân phạm ba-la-di mặc nhiên bất cử. Hà dĩ cố? Ngã xuất ư thế vị dục kiến lập, hộ trì Chánh pháp. Thị cố mặc nhiên nhi bất cử xứ.

Thiện nam tử! Như thị chi nhân vị hộ pháp cố, tuy hữu sở phạm bất danh phá giới.

Thiện nam tử! Như hữu quốc vương ngộ bệnh băng vong. Trừ quân tử tiểu vị nhiệm thiệu kế. Hữu chiên-đà-la phong nhiều tài bảo, cự phú vô lượng, đa hữu quyến thuộc, tự dĩ cường lực, tứ quốc hư nhược, oán cư vương vị. Trị hóa vị cửu, quốc nhân cư sĩ, bà-la-môn đẳng vong phản đảo tẩu, viễn đầu tha quốc. Tuy hữu tại giả, nãi chí bất dục nhãn kiến thị vương. Hoặc hữu trưởng giả, bà-la-môn đẳng bất ly bản thổ, thí như chư thọ tùy kỳ sanh xứ tức thị trung tử.

Chiên-đà-la vương trị kỳ quốc nhân đảo phản giả chúng, tâm tức hoàn khiển chư chiên-đà-la, thủ la chư đạo, phục ư thất nhật, kích cổ xướng lệnh: “Chư bà-la-môn hữu năng vị ngã tác quán đánh sư giả, đương dĩ bán quốc nhi vị tước thưởng.”



諸婆羅門聞是語已悉無來者各作是言。何處當有婆羅門種作如是事。

旃陀羅王復作是言。婆羅門中若無一人為我師者。我要當令諸婆羅門與旃陀羅共住食宿同其事業。若有能來灌我頂者。半國之封此言不虛。呪術所致三十三天上妙甘露不死之藥。亦當共分而共食之。

爾時有一婆羅門子。年在弱冠修治淨行長髮為相善知呪術。往至王所白言。大王。王所勅使我悉能為。

爾時大王心生歡喜。受此童子作灌頂師。諸婆羅門聞是事已。皆生瞋恚責此童子。汝婆羅門。云何乃作旃陀羅師。

爾時其王即分半國與是童子。因共治國經歷多時。爾時童子語其王言。我捨家法來作王師。然教大王微密呪術。而今大王猶不見親。時王答言。我今云何不親汝耶。童子答言。先王所有不死之藥猶未共食。王言善哉善哉大師。我實不知師若須者唯願持去。

是時童子聞王語已。即取歸家請諸大臣而共食之。諸臣食已即共白王。快哉大師。有是甘露不死之藥。王既知已語其師言。云何大師。獨與諸臣服食甘露而不見分。

Chư bà-la-môn văn thị ngữ dĩ, tất vô lai giả. Các tác thị ngôn: “Hà xứ đương hữu bà-la-môn chủng tác như thị sự?”

Chiên-đà-la vương phục tác thị ngôn: “Bà-la-môn trung nhược vô nhất nhân vi ngã sư giả, ngã yếu đương linh chư bà-la-môn dĩ chiên-đà-la cộng trụ thực túc, đồng kỳ sự nghiệp. Nhược hữu năng lai quán ngã đẳng giả bán quốc chi phong. Thủ ngôn bất hư. Chú thuật sở trí Tam thập tam thiên, thượng diệu cam lộ bất tử chi dược, diệc đương cộng phân nhi cộng thực chi.”

Nhĩ thời hữu nhất bà-la-môn tử, niên tại nhược quán, tu trị tịnh hạnh, trường phát vi tướng, thiện tri chú thuật, vãng chí vương sở, bạch ngôn: “Đại vương! Vương sở sắc sử ngã tất năng vi.”

Nhĩ thời đại vương tâm sanh hoan hỷ, thọ thủ đồng tử tác quán đẳng sư. Chư bà-la-môn văn thị sự dĩ, giai sanh sân khuyển, trách thủ đồng tử: “Nhữ bà-la-môn vân hà nãi tác chiên-đà-la sư.”

Nhĩ thời kỳ vương túc phân bán quốc dĩ thị đồng tử, nhân cộng trị quốc kinh lịch đa thời. Nhĩ thời đồng tử ngữ kỳ vương ngôn: “Ngã xả gia pháp lai tác vương sư. Nhiên giáo đại vương vi mật chú thuật, nhi kim đại vương do bất kiến thân.” Thời vương đáp ngôn: “Ngã kim vân hà bất thân nhữ da?” Đồng tử đáp ngôn: “Tiên vương sở hữu bất tử chi dược do vị cộng thực.” Vương ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Đại sư! Ngã thật bất tri. Sư nhược tu giả duy nguyện trì khứ.”

Thị thời đồng tử văn vương ngữ dĩ túc thủ qui gia, thỉnh chư đại thân nhi cộng thực chi. Chư thân thực dĩ, túc cộng bạch vương: “Khoái tai! Đại sư hữu thị cam lộ bất tử chi dược.” Vương ký tri dĩ, ngữ kỳ sư ngôn: “Vân hà Đại sư độc dĩ chư thân phục thực cam lộ nhi bất kiến phân.”

爾時童子更以其餘雜毒之藥與王令服。王既服已須臾藥發。悶亂躃地無所覺知猶如死人。爾時童子立本儲君還以為王。作如是言。師子御座法不應令旃陀羅昇。我從昔來未曾聞見旃陀羅種而為王也。若旃陀羅治國理民無有是處。汝今應還紹繼先王正法治國。

爾時童子經理是已。復以解藥與旃陀羅令其醒寤。既醒寤已驅令出國。是時童子雖為是事猶故不失婆羅門法。其餘居士婆羅門等聞其所作歎未曾有。讚言善哉善哉仁者。善能驅遣旃陀羅王。

善男子。我涅槃後護持正法諸菩薩等亦復如是。以方便力與彼破戒。假名受畜一切不淨物僧同其事業。爾時菩薩若見有人雖多犯戒能治毀禁諸惡比丘。即往其所恭敬禮拜四事供養。經書什物悉以奉上。如其自無要當方便從諸檀越求覓而與。為是事故應畜八種不淨之物。何以故。是人為治諸惡比丘。如彼童子驅旃陀羅。爾時菩薩雖復恭敬禮拜是人受畜八種不淨之物。悉無有罪。何以故。以是菩薩為欲擯治諸惡比丘。令清淨僧得安隱住。流布方等大乘經典利益一切諸天人故。

善男子。以是因緣我於經中說是二偈。令諸菩薩皆共讚歎護法之人。如彼居士婆羅門等稱讚童子

Nhĩ thời đồng tử cánh dĩ kỳ dư tạp độc chi dược, dĩ vương linh phục. Vương ký phục dĩ, tu du dược phát, muộn loạn tịch địa, vô sở giác tri, do như tử nhân. Nhĩ thời đồng tử lập bản trừ quân, hoàn dĩ vi vương, tác như thị ngôn: “sư tử ngự tọa, pháp bất ưng linh chiên-đà-la thăng. Ngã từng tích lai vị tăng văn kiến chiên-đà-la chủng nhi vi vương dã. Nhược chiên-đà-la trị quốc lý dân vô hữu thị xứ. Nhữ kim ưng hoàn thiệu kế tiên vương Chánh pháp trị quốc.”

Nhĩ thời đồng tử kinh lý thị dĩ, phục dĩ giải dược dĩ chiên-đà-la linh kỳ tỉnh ngộ. Kỳ tỉnh ngộ dĩ khu linh xuất quốc. Thị thời đồng tử tuy vi thị sự, do cố bất thất bà-la-môn pháp. Kỳ dư cư sĩ, bà-la-môn đẳng, văn kỳ sở tác, tán vị tăng hữu, tán ngôn: “Thiện tai, thiện tai! Nhân giả thiện năng khu khiến chiên-đà-la vương.”

Thiện nam tử! Ngã Niết-bàn hậu hộ trì Chánh pháp chư Bồ Tát đẳng diệc phục như thị, dĩ phương tiện lực dĩ bỉ phá giới, giả danh thọ súc nhất thiết bất tịnh vật tăng, đồng kỳ sự nghiệp. Nhĩ thời Bồ Tát nhược kiến hữu nhân, tuy đa phạm giới, năng trị hủy cấm chư ác tỳ-kheo, tức vãng kỳ sở, cung kính lễ bái, tứ sự cúng dường, kính thờ thập vật tất dĩ phụng thượng. Như kỳ tự vô, yếu đương phương tiện, từng chư đàn-việt, cầu mịch nhi dĩ. Vị thị sự cố, ưng súc bát chủng bất tịnh chi vật. Hà dĩ cố? Thị nhân vị trị chư ác tỳ-kheo, như bỉ đồng tử khu chiên-đà-la. Nhĩ thời Bồ Tát tuy phục cung kính lễ bái thị nhân, thọ súc bát chủng bất tịnh chi vật, tất vô hữu tội. Hà dĩ cố? Dĩ thị Bồ Tát vi dục tẩn trị chư ác tỳ-kheo, linh thanh tịnh tăng đắc an ổn trụ, lưu bố phương đẳng Đại thừa kinh điển, lợi ích nhất thiết chư thiên nhân cố.

Thiện nam tử! dĩ thị nhân duyên ngã ư kinh trung thuyết thị nhị kệ, linh chư Bồ Tát giai cộng tán tán hộ pháp chi nhân, như bỉ cư sĩ, bà-la-môn đẳng xưng tán đồng tử: “Thiện

善哉善哉。護法菩薩正應如是。若有人見護法之人與破戒者同其事業說有罪者。當知是人自受其殃。是護法者實無有罪。

善男子。若有比丘犯禁戒已。憍慢心故覆藏不悔。當知是人名真破戒。菩薩摩訶薩為護法故雖有所犯不名破戒。何以故。以無憍慢發露悔故。

善男子。是故我於經中覆相說如是偈。

有知法者  
若老若少  
故應供養  
恭敬禮拜  
猶如事火  
婆羅門等  
如第二天  
奉事帝釋。

以是因緣我亦不為學聲聞人。但為菩薩而說此偈。

迦葉菩薩白佛言。世尊。如是等菩薩摩訶薩於戒極緩。本所受戒為具在不。

佛言善男子。汝今不應作如是說。何以故。本所受戒如本不失。設有所犯即應懺悔悔已清淨。

善男子。如故隄塘穿決有孔水則淋漏。何以

tai, thiện tai! Hộ pháp Bồ Tát chánh ưng như thị.” Nhược hữu nhân kiến hộ pháp chi nhân dĩ phá giới giả đồng kỳ sự nghiệp, thuyết hữu tội giả đương tri thị nhân, tự thọ kỳ ương. Thị hộ pháp giả thật vô hữu tội.

Thiện nam tử! Nhược hữu tỳ-kheo phạm cấm giới dĩ, kiêu mạn tâm cố, phú tàng bất hối, đương tri thị nhân danh chân phá giới. Bồ Tát ma-ha-tát vị hộ pháp cố, tuy hữu sở phạm bất danh phá giới. Hà dĩ cố? Dĩ vô kiêu mạn phát lộ hối cố.

Thiện nam tử! Thị cố ngã ư kinh trung phú tướng, thuyết như thị kệ:

“Hữu tri pháp giả,  
Nhược lão nhược thiếu,  
Cố ưng cúng dường,  
Cung kính lễ bái,  
“Do như sự hỏa,  
Bà-la-môn đẳng,  
Như đệ nhị thiên,  
Phụng sự Đế-thích.”

Dĩ thị nhân duyên, ngã diệc bất vị học Thanh văn nhân, dẫn vị Bồ Tát nhi thuyết thủ kệ.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Như thị đẳng Bồ Tát ma-ha-tát, ư giới cực hoãn, bản sở thọ giới vi cụ tại phủ?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhữ kim bất ưng tác như thị thuyết. Hà dĩ cố? Bản sở thọ giới như bản bất thất. Thiết hữu sở phạm túc ưng sám hối. Hối dĩ thanh tịnh.

Thiện nam tử! Như cố đề đường xuyên quyết hữu không, thủy tắc lâm lậu. Hà dĩ cố? Vô nhân trị cố. Nhược hữu nhân trị

故。無人治故。若有人治水則不出。菩薩亦爾。雖與破戒共作布薩受戒自恣同其僧事。所有戒律不如隄塘穿决淋漏。何以故。若無清淨持戒之人。僧則損減慢緩懈怠日有增長。若有清淨持戒之人。即能具足不失本戒。

善男子。於乘緩者乃名為緩。於戒緩者不名為緩。菩薩摩訶薩於此大乘心不懈慢是名本戒。為護正法以大乘水而自澡浴。是故菩薩雖現破戒不名為緩。

迦葉菩薩白佛言。眾僧之中有四種人。如菴羅菓生熟難知。破戒持戒云何可識

佛言善男子。因大涅槃微妙經典則易可知。云何因是大涅槃經可得知耶。譬如田夫種稻穀等耘除稗糞。以肉眼觀名為淨田。至其成實草穀各異。如是八事能汙染僧若能除卻。以肉眼觀則知清淨。若有持戒破戒不作惡時。以肉眼觀難可分別。若惡彰露則易可知。如彼稗糞易可分別。僧中亦爾若能遠離於八不淨毒蛇之法是名清淨。聖眾福田應為人天之所供養。清淨果報非是肉眼所能分別。

復次善男子。如迦羅迦林其樹眾多。於是林中唯有一樹名鎮頭迦。是迦羅迦樹鎮頭迦樹。二菓相似不可分別。其菓熟時有一女人悉皆拾取。鎮頭迦菓纔有一分。迦羅迦菓乃有十分。是女不識齋來詣

thủy tác bất xuất. Bồ Tát diệc nhĩ, tuy dĩ phá giới cộng tác bố-tát, thọ giới, tự tứ, đồng kỳ tăng sự, sở hữu giới luật bất như dê đường xuyên quyết lâm lậu. Hà dĩ cố? Nhược vô thanh tịnh trì giới chi nhân tăng tác tổn giảm, mạn, hoãn, giải đãi nhật hữu tăng trưởng. Nhược hữu thanh tịnh trì giới chi nhân, túc năng cụ túc bất thất bản giới.

Thiện nam tử! Ư thừa hoãn giả nãi danh vi hoãn. Ư giới hoãn giả bất danh vi hoãn. Bồ Tát ma-ha-tát ư thủ Đại thừa, tâm bất giải mạn thị danh bản giới. Vị hộ Chánh pháp dĩ Đại thừa thủy nhi tự tẩy dục. Thị cố Bồ Tát tuy hiện phá giới bất danh vi hoãn.

Ca-diếp Bồ Tát bạch Phật ngôn: Chúng tăng chi trung hữu tứ chủng nhân. Như am-la quả sanh thực nan tri. Phá giới, trì giới vân hà khả thức?

Phật ngôn: Thiện nam tử! Nhân Đại Niết-bàn vi diệu kinh điển tác dị khả tri. Vân hà nhân thị Đại Niết-bàn kinh khả đắc tri da? Thí như điền phu chủng đạo cốc đẳng, vân trừ bái tú. Dĩ nhục nhãn quan danh vị tịnh điền. Chí kỳ thành thật thảo cốc các dị. Như thị bát sự năng ô nhiễm tăng. Nhược năng trừ khước, dĩ nhục nhãn quan, tác tri thanh tịnh. Nhược hữu trì giới, phá giới bất tác ác thời, dĩ nhục nhãn quan nan khả phân biệt. Nhược ác chương lộ tác dị khả tri. Như bĩ bái tú dị khả phân biệt, Tăng trung diệc nhĩ. Nhược năng viễn ly ư bát bất tịnh, độc xà chi pháp thị danh thanh tịnh, thánh chúng phước điền ưng vị nhân thiên chi sở cúng dường. Thanh tịnh quả báo phi thị nhục nhãn sở năng phân biệt.

Phục thứ thiện nam tử! Như ca-la-ca lâm kỳ thọ chúng đa. Ư thị lâm trung duy hữu nhất thọ, danh trấn-đầu-ca. Thị ca-la-ca thọ, trấn-đầu-ca thọ nhị quả tương tự bất khả phân biệt. Kỳ quả thực thời, hữu nhất nữ nhân tất giai thập thủ: trấn-đầu-ca quả tài hữu nhất phần, ca-la-ca quả nãi hữu

市而銜賣之。凡愚小兒復不別故。買迦羅迦菓噉已命終。有智人輩聞是事已即問女人。姊於何處持是菓來。是時女人即示方所。諸人即言。如是方所多有無量迦羅迦樹。唯有一根鎮頭迦樹。諸人知己笑而捨去。

善男子。大眾之中八不淨法亦復如是。於是衆中多有受用如是八法。唯有一人清淨持戒。不受如是八不淨法。而知諸人受畜非法。然與同事不相捨離。如彼林中一鎮頭迦樹。有優婆塞見是諸人多有非法。併不恭敬供養。是人若欲供養應先問言。大德。如是八事應受畜不。佛所聽不。若言佛聽。如是之人得共布薩羯磨自恣不。

是優婆塞如是問已。衆皆答言。如是八事如來憐愍皆悉聽畜。優婆塞言。祇洹精舍有諸比丘或言金銀佛所聽畜。或言不聽有言聽者。是不聽者不與共住說戒自恣。乃至不共一河飲水。利養之物悉不共之。汝等云何言佛聽許。佛天中天雖復受之。汝等衆僧亦不應畜。若有受者乃至不應與共說戒自恣羯磨同其僧事。若共說戒自恣羯磨同僧事者。命終即當墮於地獄。如彼諸人食迦羅菓已而便命終。

復次善男子。譬如城市有賣藥人。有妙甘藥出於雪山。亦復多賣其餘雜藥味甘相似。時有諸人咸

thập phần. Thị nữ bắt thức, tề lai nghệ thị nhi huyễn mại chi. Phạm ngu tiểu nhi phục bất biệt cố, mại ca-la-ca quả. Đạm dĩ mạng chung. Hữu trí nhân bồi vấn thị sự dĩ, tức vấn nữ nhân: “Tỷ ư hà xứ, trì thị quả lai? Thị thời nữ nhân tức thị phương sở. Chư nhân tức ngôn: Như thị phương sở đa hữu vô lượng ca-la-ca thọ. Duy hữu nhất căn trấn-đầu-ca thọ.” Chư nhân tri dĩ tiểu nhi xả khứ.

Thiện nam tử! Đại chúng chi trung bát bất tịnh pháp diệc phục như thị. Ư thị chúng trung đa hữu thọ dụng như thị bát pháp. Duy hữu nhất nhân thanh tịnh trì giới, bất thọ như thị bát bất tịnh pháp. Nhi tri chư nhân thọ súc phi pháp, nhiên dĩ đồng sự bất tương xả ly, như bỉ lâm trung nhất trấn-đầu-ca thọ. Hữu ưu-bà-tắc kiến thị chư nhân, đa hữu phi pháp tịnh bất cung kính cúng dường. Thị nhân nhược dục cúng dường, ưng tiên vấn ngôn: “Đại Đức! Như thị bát sự ưng thọ súc phủ? Phật sở thính phủ? Nhược ngôn Phật thính như thị chi nhân đắc cộng bố-tát, yết-ma, tỳ tứ phủ?”

Thị ưu-bà-tắc như thị vấn dĩ, chúng giai đáp ngôn: “Như thị bát sự Như Lai lân mẫn giai tất thính súc.” Ưu-bà-tắc ngôn: “Kỳ-hoàn tinh xá hữu chư tỳ-kheo, hoặc ngôn: Kim ngân Phật sở thính súc, hoặc ngôn: bất thính. Hữu ngôn thính giả, thị bất thính giả, bất dĩ cộng trụ, thuyết giới, tỳ tứ, nãi chí bất cộng nhất hà ẩm thủy. Lợi dưỡng chi vật tất bất cộng chi.” Nhữ đẳng vân hà ngôn Phật thính hứa? Phật thiên trung thiên tuy phục thọ chi, nhữ đẳng chúng tăng diệc bất ưng súc. Nhược hữu thọ giả nãi chí bất ưng dĩ cộng thuyết giới, tỳ tứ, yết-ma, đồng kỳ tăng sự. Nhược cộng thuyết giới, tỳ tứ, yết-ma, đồng tăng sự giả, mạng chung tức đương đọa ư địa ngục, như bỉ chư nhân thực ca-la quả dĩ nhi tiện mạng chung.

Phục thứ thiện nam tử! Thí như thành thị hữu mại dược nhân, hữu diệu cam dược xuất ư Tuyết sơn. Diệc phục đa mại kỳ dư tạp dược vị cam tương tự. Thời hữu chư nhân hàm giai

皆欲買然不識別。至賣藥所問言。汝有雪山藥不。其賣藥人即答言有。是人欺詐以餘雜藥語買者言。此是雪山甘妙好藥。時買藥者以肉眼故。不能善別即買持去。復作是念我今已得雪山甘藥。

迦葉。若聲聞僧中有假名僧有真實僧。有和合僧若持戒破戒。於是眾中等應供養恭敬禮拜。是優婆塞以肉眼故不能分別。喻如彼人不能分別雪山甘藥。誰是持戒誰是破戒誰是真僧誰是假僧。有天眼者乃能分別。

迦葉。若優婆塞知是比丘是破戒人不應給施禮拜供養。若知是人受畜八法亦復不應給施所須禮拜供養。若於僧中有破戒者。不應以被袈裟因緣恭敬禮拜。

迦葉菩薩復白佛言。世尊。善哉善哉。如來所說真實不虛我當頂受。譬如金剛珍寶異物。如佛所說是諸比丘當依四法。何等為四。依法不依人。依義不依語。依智不依識。依了義經不依不了義經如是四法應當證知非四種人。

佛言善男子。依法者。即是如來大般涅槃。一切佛法即是法性。是法性者即是如來。是故如來常住不變。若復有言如來無常。是人不知不見法性。若不知見是法性者不應依止。如上所說四人出世護

dục mãi nhiên bất thức biệt. Chí mại dược sở, vấn ngôn: “Nhữ hữu Tuyết sơn dược phủ?” Kỳ mại dược nhân tức đáp ngôn hữu. Thị nhân khi trá, dĩ dư tạp dược, ngũ mãi giả ngôn: “Thủ thị Tuyết sơn cam diệu hảo dược.” Thời mãi dược giả, dĩ nhục nhãn cố bất năng thiện biệt, tức mãi trì khứ. Phục tác thị niệm: “Ngã kim dĩ đắc Tuyết sơn cam dược.”

Ca-diếp! Nhược Thanh văn tăng trung hữu giả danh tăng, hữu chân thật tăng, hữu hòa hiệp tăng, nhược trì giới, phá giới. Ư thị chúng trung đẳng ưng cúng dường, cung kính, lễ bái. Thị ưu-bà-tắc dĩ nhục nhãn cố bất năng phân biệt, dụ như bỉ nhân bất năng phân biệt Tuyết sơn cam dược. Thùy thị trì giới? Thùy thị phá giới? Thùy thị chân tăng? Thùy thị giả tăng? Hữu thiên nhãn giả nãi năng phân biệt.

Ca-diếp! Nhược ưu-bà-tắc tri thị tỳ-kheo thị phá giới nhân, bất ưng cấp thí, lễ bái, cúng dường. Nhược tri thị nhân thọ súc bát pháp, diệc phục bất ưng cấp thí sở tu, lễ bái, cúng dường. Nhược ư tăng trung hữu phá giới giả bất ưng dĩ bị cà-sa nhân duyên, cung kính lễ bái.

Ca-diếp Bồ Tát phục bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Thiện tai, thiện tai! Như Lai sở thuyết chân thật bất hư. Ngã đương đỉnh thọ, thí như kim cang, trân bảo dị vật. Như Phật sở thuyết thị chư tỳ-kheo đương y tứ pháp. Hà đẳng vi tứ? Y pháp, bất y nhân. Y nghĩa, bất y ngữ. Y trí, bất y thức. Y liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa kinh. Như thị tứ pháp ưng đương chứng tri phi tứ chủng nhân.

Phật ngôn: Thiện nam tử! Y pháp giả: tức thị Như Lai. Đại Bát Niết-bàn nhất thiết Phật pháp tức thị pháp tánh. Thị pháp tánh giả tức thị Như Lai. Thị cố Như Lai thường trụ bất biến. Nhược phục hữu ngôn: “Như Lai vô thường”, thị nhân bất tri bất kiến pháp tánh. Nhược bất tri kiến thị pháp tánh

持法者。應當證知而為依止。何以故。是人善解如來微密深奧藏故。能知如來常住不變。若言如來無常變易無有是處。如是四人即名如來。

何以故。是人能解如來密語及能說故。若有人能了知如來甚深密藏。及知如來常住不變。如是之人若為利養說言如來是無常者無有是處。如是之人尚可依止。何況不依是四人也。依法者即是法性。不依人者即是聲聞。法性者即是如來。聲聞者即是有為。如來者。即是常住。有為者即是無常。善男子。若人破戒為利養故。說言如來無常變易。如是之人所不應依。善男子。是名定義。

依義不依語者。義者名曰覺了。覺了義者名不羸劣。不羸劣者名曰滿足。滿足義者。名曰如來常住不變。如來常住不變義者即是法常。法常義者即是僧常。是名依義不依語也。

何等語言所不應依。所謂諸論綺飾文辭。如佛所說無量諸經。貪求無厭多姦諛諂。詐現親附現相求利。經理白衣為其執役。又復唱言。佛聽比丘畜諸奴婢不淨之物。金銀珍寶穀米倉庫牛羊象馬。販賣求利於饑饉世憐愍子故。聽諸比丘儲貯陳宿手自作食不受而噉。如是等語所不應依。

giả bất ưng y chỉ. Như thượng sở thuyết tứ nhân xuất thế hộ trì pháp giả, ưng đương chứng tri nhi vi y chỉ. Hà dĩ cố? Thị nhân thiện giải Như Lai vi mật thâm áo tạng cố, năng tri Như Lai thường trụ bất biến. Nhược ngôn Như Lai vô thường biến dị, vô hữu thị xứ. Như thị tứ nhân tức danh Như Lai.

Hà dĩ cố? Thị nhân năng giải Như Lai mật ngữ cập năng thuyết cố. Nhược hữu nhân năng liễu tri Như Lai thậm thâm mật tạng cập tri Như Lai thường trụ bất biến, như thị chi nhân nhược vị lợi dưỡng, thuyết ngôn: “Như Lai thị vô thường giả”, vô hữu thị xứ. Như thị chi nhân thượng khả y chỉ, hà huống bất y thị tứ nhân dã? Y pháp giả: tức thị pháp tánh. Bất y nhân giả: tức thị Thanh văn. Pháp tánh giả: tức thị Như Lai. Thanh văn giả: tức thị hữu vi, Như Lai giả, tức thị thường trụ. Hữu vi giả: tức thị vô thường. Thiện nam tử! Nhược nhân phá giới vị lợi dưỡng cố, thuyết ngôn: Như Lai vô thường biến dị, như thị chi nhân sở bất ưng y. Thiện nam tử! Thị danh định nghĩa.

Y nghĩa, bất y ngữ giả: nghĩa giả, danh viết giác liễu, giác liễu nghĩa giả: danh bất luy liệt. Bất luy liệt giả: danh viết mãn túc. Mãn túc nghĩa giả: danh viết Như Lai thường trụ bất biến. Như Lai thường trụ bất biến nghĩa giả: tức thị pháp thường. Pháp thường nghĩa giả: tức thị tăng thường. Thị danh y nghĩa, bất y ngữ dã.

Hà đẳng ngữ ngôn sở bất ưng y? Sở vị chư luận y súc văn từ. Như Phật sở thuyết vô lượng chư kinh, tham cầu vô yểm, đa gian du siểm, trá hiện thân phụ, hiện tướng cầu lợi, kinh lý bạch y, vị kỳ chấp dịch. Hựu phục xướng ngôn: “Phật thính tỳ-kheo súc chư nô tỳ, bất tịnh chi vật, kim ngân, trân bảo, cốt mẽ, thương khố, ngư, dương, tượng, mã, phán mại cầu lợi. Ư cơ căn thể lân mãn tử cố, thính chư tỳ-kheo trừ trừ trần túc, thủ tự tác thực bất thọ nhi đạm.” Như thị đẳng ngữ sở bất ưng y.

依智不依識者。所言智者即是如來。若有聲聞不能善知如來功德。如是之識不應依止。若知如來即是法身。如是真智所應依止。若見如來方便之身。言是陰界諸入所攝食所長養亦不應依。是故知識不可依止。

若復有人作是說者。及其經書亦不應依。

依了義經不依不了義經。不了義經者。謂聲聞乘。聞佛如來深密藏處悉生疑怪。不知是藏出大智海。猶如嬰兒無所別知。是則名為不了義也。了義者名為菩薩。真實智慧隨於自心。無礙大智猶如大人無所不知。是名了義。又聲聞乘名不了義。無上大乘乃名了義。若言如來無常變易名不了義。若言如來常住不變是名了義。

聲聞所說應證知者名不了義。菩薩所說應證知者名為了義。若言如來食所長養是不了義。若言常住不變易者是名了義。若言如來入於涅槃如薪盡火滅名不了義。若言如來入法性者是名了義。聲聞乘法則不應依。何以故。如來為欲度眾生故。以方便力說聲聞乘。猶如長者教子半字。

善男子。聲聞乘者猶如初耕未得果實。如是名為不了義也。是故不應依聲聞乘。大乘之法則應依止。何以故。如來為欲度眾生故。以方便力說於大乘是故應依。是名了義。如是四依應當證知。

Y trí, bất y thức giả: sở ngôn trí giả tức thị Như Lai. Nhược hữu Thanh văn bất năng thiện tri Như Lai công đức, như thị chi thức bất ứng y chỉ. Nhược tri Như Lai tức thị pháp thân, như thị chân trí sở ứng y chỉ. Nhược kiến Như Lai phương tiện chi thân, ngôn thị âm giới chư nhập sở nhiếp, thực sở trưởng dưỡng diệc bất ứng y. Thị cố tri thức bất khả y chỉ.

Nhược phục hữu nhân tác thị thuyết giả, cập kỳ kinh thơ diệc bất ứng y.

Y liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa kinh: bất liễu nghĩa kinh giả: vị Thanh văn thừa, văn Phật Như Lai thâm mật tạng xứ tất sanh nghi quái, bất tri thị tạng xuất đại trí hải, do như anh nhi vô sở biệt tri. Thị tác danh vi bất liễu nghĩa dã. Liễu nghĩa giả: danh vi Bồ Tát chân thật trí tuệ, tùy ư tự tâm vô ngại đại trí, do như đại nhân vô sở bất tri. Thị danh liễu nghĩa. Hựu Thanh văn thừa danh bất liễu nghĩa. Vô thượng Đại thừa nãi danh liễu nghĩa. Nhược ngôn: “Như Lai vô thường biến dị” danh bất liễu nghĩa. Nhược ngôn: “Như Lai thường trụ bất biến”, thị danh liễu nghĩa.

Thanh văn sở thuyết ứng chứng tri giả danh bất liễu nghĩa. Bồ Tát sở thuyết ứng chứng tri giả danh vi liễu nghĩa. Nhược ngôn: “Như Lai thực sở trưởng dưỡng”, thị bất liễu nghĩa. Nhược ngôn: “thường trụ bất biến dị giả”, thị danh liễu nghĩa. Nhược ngôn: “Như Lai nhập ư Niết-bàn như tân tận hỏa diệt”, danh bất liễu nghĩa. Nhược ngôn: “Như Lai nhập pháp tánh giả”, thị danh liễu nghĩa. Thanh văn thừa pháp tác bất ứng y. Hà dĩ cố? Như Lai vị dục độ chúng sanh cố, dĩ phương tiện lực thuyết Thanh văn thừa, do như trưởng giả giáo tử bán tự.

Thiện nam tử! Thanh văn thừa giả do như sơ canh, vị đắc quả thật. Như thị danh vi bất liễu nghĩa dã. Thị cố bất ứng y Thanh văn thừa. Đại thừa chi pháp tác ứng y chỉ. Hà dĩ cố? Như Lai vị dục độ chúng sanh cố, dĩ phương tiện lực thuyết ư Đại thừa. Thị cố ứng y. Thị danh liễu nghĩa. Như thị tứ y ứng đương chứng tri.



復次依義者。義名質直。質直者名曰光明。光明者名不羸劣。不羸劣者名曰如來。又光明者名為智慧。質直者名為常住。

如來常者名為依法。法者名常亦名無邊。不可思議不可執持不可繫縛而亦可見。若有說言不可見者。如是之人所不應依。是故依法不依於人。若有人以微妙之語宣說無常。如是之言所不應依。是故依義不依於語。

依智者。衆僧是常無為不變。不畜八種不淨之物。是故依智不依於識。若有說言識作識受無和合僧。何以故。夫和合者名無所有。無所有者云何言常。是故此識不可依止。

依了義者。了義者名為知足。終不詐現威儀清白。憍慢自高貪求利養。亦於如來隨宜方便所說法中不生執著。是名了義。若有能住如是等中。當知是人則為已得住第一義。是故名為依了義經不依不了義。不了義者如經中說。一切燒燃一切無常一切皆苦一切皆空一切無我。是名不了義。何以故。以不能了如是義故。令諸衆生墮阿鼻獄。所以者何。以取著故於義不了。一切燒者謂如來說涅槃亦燒。一切無常者涅槃亦無常。苦空無我亦復如是。是故名為不了義經不應依止。

Phục thứ y nghĩa giả: Nghĩa, danh chất trực. Chất trực giả, danh viết quang minh. Quang minh giả, danh bất luy liệt. Bất luy liệt giả, danh viết Như Lai. Hựu quang minh giả, danh vi trí tuệ. Chất trực giả, danh vi thường trụ.

Như Lai thường giả: danh vi y pháp. Pháp giả, danh thường, diệc danh vô biên bất khả tư nghị, bất khả chấp trì, bất khả hệ phục nhi diệc khả kiến. Nhược hữu thuyết ngôn: “Bất khả kiến giả”. Như thị chi nhân sở bất ưng y. Thị cố y pháp bất y ư nhân. Nhược hữu nhân dĩ vi diệu chi ngữ, tuyên thuyết vô thường, như thị chi ngôn sở bất ưng y. Thị cố y nghĩa bất y ư ngữ.

Y trí giả: Chúng tăng thị thường, vô vi, bất biến, bất súc bát chủng bất tịnh chi vật. Thị cố y trí bất y ư thức. Nhược hữu thuyết ngôn: “Thức tác, thức thọ, Vô hòa hiệp tăng. Hà dĩ cố? Phù hòa hiệp giả danh vô sở hữu. Vô sở hữu giả vân hà ngôn thường?” Thị cố thủ thức bất khả y chỉ.

Y liễu nghĩa giả: Liễu nghĩa giả: danh vi tri túc chung bất trá hiện oai nghi thanh bạch, kiêu mạn tự cao, tham cầu lợi dưỡng. Diệc ư Như Lai tùy nghi phương tiện sở thuyết pháp trung bất sanh chấp trước thị danh liễu nghĩa. Nhược hữu năng trụ như thị đẳng trung, đương tri thị nhân tác vi dĩ đắc trụ đệ nhất nghĩa. Thị cố danh vi: y liễu nghĩa kinh, bất y bất liễu nghĩa. Bất liễu nghĩa giả như kinh trung thuyết: nhất thiết thiêu nhiên, nhất thiết vô thường, nhất thiết giai khổ, nhất thiết giai không, nhất thiết vô ngã thị danh bất liễu nghĩa. Hà dĩ cố? Dĩ bất năng liễu như thị nghĩa cố, linh chư chúng sanh đọa A-tỳ ngục. Sở dĩ giả hà? Dĩ thủ trước cố ư nghĩa bất liễu. Nhất thiết thiêu giả: vị Như Lai thuyết, Niết-bàn diệc thiêu. Nhất thiết vô thường giả: Niết-bàn diệc vô thường, khổ, không, vô ngã diệc phục như thị. Thị cố danh vi bất liễu nghĩa kinh, bất ưng y chỉ.

善男子。若有人言如來憐愍一切衆生善知時宜。以知時故說輕爲重說重爲輕。如來觀知所有弟子有諸檀越供給所須令無所乏。如是之人佛則不聽受畜奴婢金銀財寶販賣市易不淨物等。

若諸弟子無有檀越供給所須。時世饑饉飲食難得。爲欲建立護持正法。我聽弟子受畜奴婢金銀車乘田宅穀米貿易所須。雖聽受畜如是等物要當淨施篤信檀越。

如是四法所應依止。若有戒律阿毗曇修多羅。不違是四亦應依止。

若有說言有時非時有能護法。不能護法。如來悉聽一切比丘受畜如是不淨物者。如是之言不應依止。若有戒律阿毗曇修多羅中有同是說。如是三分亦不應依。

我爲肉眼諸衆生等說是四依。終不爲於有慧眼者。是故我今說是四依。

法者即是法性。義者即是如來常住不變。智者了知一切衆生悉有佛性。了義者了達一切大乘經典。

## 大般涅槃經卷第六

終

Thiện nam tử! Nhược hữu nhân ngôn: Như Lai lân mẫn nhất thiết chúng sanh thiện tri thời nghi. Dĩ tri thời cố thuyết khinh vi trọng, thuyết trọng vi khinh. Như Lai quán tri sở hữu đệ tử, hữu chư đàn-việt cung cấp sở tu, linh vô sở pháp. Như thị chi nhân Phật tác bất thính thọ súc nô tỳ, kim, ngân, tài bảo, phán mại thị dịch bất tịnh vật đẳng.

Nhược chư đệ tử vô hữu đàn-việt cung cấp sở tu, thời thế cơ cản, ẩm thực nan đắc, vị dục kiến lập, hộ trì Chánh pháp, ngã thính đệ tử thọ súc nô tỳ, kim, ngân, xa thặng, điền trạch, cốc mễ, mậu dịch sở tu. Tuy thính thọ súc như thị đẳng vật, yếu đương tịnh thí, đốc tín đàn-việt.

Như thị tứ pháp sở ứng y chỉ. Nhược hữu giới luật, A-tỳ-đàm, Tu-đa-la bất vi thị tứ dịch ứng y chỉ.

Nhược hữu thuyết ngôn: “Hữu thời, phi thời, hữu năng hộ pháp, bất năng hộ pháp Như Lai tất thính nhất thiết tỳ-kheo, thọ súc như thị bất tịnh vật giả.” Như thị chi ngôn bất ứng y chỉ? Nhược hữu giới luật, A-tỳ-đàm, Tu-đa-la trung, hữu đồng thị thuyết, như thị tam phần diệc bất ứng y.

Ngã vị nhục nhãn chư chúng sanh đẳng, thuyết thị tứ y, chung bất vi ư hữu huệ nhãn giả. Thị cố ngã kim thuyết thị tứ y.

Pháp giả: tức thị pháp tánh. Nghĩa giả: tức thị Như Lai thường trụ bất biến. Trí giả: liễu tri nhất thiết chúng sanh tất hữu Phật tánh. Liễu nghĩa giả: liễu đạt nhất thiết Đại thừa kinh điển.

## Đại Bát Niết-bàn Kinh quyển đệ lục

Chung

# KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN QUYỂN SÁU

## PHẨM TÁNH NHƯ LAI

### Phẩm thứ tư - Phần ba<sup>(1)</sup>

**P**hật dạy: “Thiện nam tử! Theo kinh Đại Niết-bàn vì diệu này, có bốn hạng người có thể ủng hộ Chánh pháp, kiến lập Chánh pháp, nghĩ tưởng đến Chánh pháp, có thể thương xót và làm lợi ích nhiều cho thế gian, là chỗ nương theo cho thế gian, làm cho loài người và chư thiên đều được yên vui.

“Bốn hạng người ấy là những ai? Thứ nhất là những người ra đời có đủ tánh phiền não. Thứ nhì là các vị Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm. Thứ ba là các vị A-na-hàm. Thứ tư là các vị A-la-hán.<sup>(2)</sup> Bốn hạng người này xuất hiện ở đời có thể thương xót và làm lợi ích nhiều cho thế gian, là chỗ nương theo cho thế gian, làm cho loài người và chư thiên đều được yên vui.

“Sao gọi là có đủ tánh phiền não? Như người có thể vâng giữ giới cấm, đầy đủ các oai nghi, kiến lập Chánh pháp, theo Phật nghe pháp, hiểu được nghĩa lý rồi phân biệt giảng rộng với người khác. Chẳng hạn như nói rằng: ít ham muốn là hợp đạo, nhiều ham muốn là trái đạo... giảng rộng tám điều giác ngộ<sup>(3)</sup> của bậc đại nhân như vậy, đối với kẻ phạm tội liền dạy họ phát lộ sám hối<sup>(4)</sup> để diệt trừ tội lỗi, hiểu rành những phép phương tiện và sở hành bí mật của Bồ Tát. Gọi là phạm phu thì chẳng phải là người có đủ tám điều giác ngộ.<sup>(5)</sup> Người có đủ tám

điều giác ngộ thì chẳng gọi là phạm phu, gọi là Bồ Tát, chẳng gọi là Phật.

“Hạng người thứ nhì là các vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm. Các vị này nếu được Chánh pháp, thọ trì Chánh pháp, theo Phật nghe pháp, liền y như chỗ đã nghe mà ghi chép, thọ trì, đọc tụng, đem giảng giải với người khác. Như với các vị này mà bảo rằng nghe pháp rồi chẳng ghi chép, chẳng thọ trì, chẳng đem giảng giải cho người khác, lại nói rằng Phật cho phép chứa trữ nô tỳ, những vật bất tịnh, đều là chuyện vô lý. Như vậy là hạng người thứ nhì. Các vị này chưa được như hạng người thứ ba. Được như hạng người thứ ba gọi là Bồ Tát đã được thọ ký.

“Hạng người thứ ba là các vị A-na-hàm. Nếu bảo rằng các vị A-na-hàm phỉ báng Chánh pháp, như nói: Như Lai cho phép chứa trữ nô tỳ, tôi tớ, những vật bất tịnh; hoặc nói các vị thọ trì kinh sách, luận thuyết của ngoại đạo; hoặc nói các vị bị phiền não khách trần<sup>(6)</sup> ngăn trở, bị các phiền não từ trước che lấp; hoặc nói các vị giấu giếm xá-ly chân thật của Như Lai; hoặc nói các vị bị các bệnh ở ngoài gây não hại, hoặc bị rắn độc bốn đại xâm tổn; hoặc nói các vị theo luận thuyết chấp ngã, đều là những việc vô lý.

“Nếu bảo rằng các vị A-na-hàm giảng thuyết pháp vô ngã, đó là việc có lý. Nếu bảo rằng các vị giảng lẽ chấp trước theo pháp thế gian, đó là việc vô lý. Nếu bảo các vị giảng pháp Đại thừa tiếp nối chẳng dứt, đó là việc có lý.

“Nếu bảo rằng các vị A-na-hàm có cái thân chứa tám vạn loại trùng,<sup>(7)</sup> đó cũng là việc vô lý. Nếu bảo rằng các vị đã vĩnh viễn xa lìa sự dâm dục, cho đến trong giấc mộng cũng không phạm việc bất tịnh, đó là việc có

lý. Nếu bảo rằng các vị A-na-hàm đến ngày lâm chung sanh lòng sợ sệt, đó cũng là việc vô lý.

“Vậy A-na-hàm có nghĩa là gì? Như trước đây ta có nói, bậc A-na-hàm chẳng còn phải trở lại thế gian này; những lỗi lầm tai hại từ trước chẳng còn có thể nhiễm ô. Nếu vị ấy còn tới lui ở cõi thế gian này, đó gọi là Bồ Tát đã được thọ ký, chẳng bao lâu sẽ được thành A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề. Đó là hạng người thứ ba.

“Hạng người thứ tư gọi là A-la-hán. Vị A-la-hán là người đã dứt hết phiền não, đã trút bỏ gánh nặng, đã được sự lợi ích cho mình, đã làm xong việc phải làm, trụ ở địa vị thứ mười.<sup>(8)</sup> Bậc ấy được trí tự tại, tùy theo sự ưa thích của chúng sanh có thể thị hiện ra mọi thứ hình sắc, ảnh tượng. Như chỗ trang nghiêm của vị này, nếu muốn thành Phật đạo liền có đủ khả năng để thành. Có thể thành tựu vô lượng công đức như vậy nên gọi là A-la-hán.

“Đó gọi là bốn hạng người xuất hiện ở đời có thể thương xót và làm lợi ích nhiều cho thế gian, là chỗ nương cậy cho thế gian, làm cho loài người và chư thiên đều được yên vui. Các vị này đều là bậc tối tôn, tối thắng trong cõi trời người, không khác gì đức Như Lai. Gọi là bậc cao trội trong loài người, tức là chỗ quay về nương theo của cả nhân loại và chư thiên.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Nay con chẳng nương theo bốn hạng người ấy. Vì sao vậy? Như trong kinh Cồ-sư-la,<sup>(9)</sup> Phật dạy ông Cồ-sư-la rằng: ‘Như có thiên ma hay Phạm thiên, vì muốn phá hoại nên biến ra hình Phật có đủ 32 tướng tốt trang nghiêm, 80 vẻ đẹp, hào quang chiếu quanh một tâm,<sup>(10)</sup> khuôn mặt tròn đầy như trăng rằm sáng rõ, có lông trắng ở khoảng giữa hai

chân mày màu trắng như ngọc, như tuyết. Nếu có người hình thể trang nghiêm như vậy đi đến chỗ ông, thì ông nên xét kỹ xem là thật hay là giả. Khi biết rõ [là ma giả dạng] rồi thì nên hàng phục nó.’

“Thế Tôn! Bọn ma ấy có thể hóa làm thân Phật được, huống chi là các thân như A-la-hán, A-na-hàm... của bốn hạng người trên, hoặc những việc như nằm ngồi giữa không trung, hông trái phun nước, hông phải phun lửa, thân thể tuôn ra khói lửa như một đám lửa. Vì nhân duyên ấy, với những hạng người này con chẳng sanh lòng tin, hoặc như có thuyết giảng điều chi, con cũng không thể nhìn nhận, cũng không sanh tâm cung kính mà nương theo họ.”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Đối với những điều chính ta giảng thuyết, nếu có lòng nghi còn chẳng nên nhận, huống chi là với những hạng người ấy. Cho nên phải khéo phân biệt biết rõ là điều lành hay dữ, nên làm hay chẳng nên làm. Nếu được như vậy thì sẽ thọ hưởng sự yên vui lâu dài.

“Thiện nam tử! Ví như con chó hoang ban đêm vào nhà người ta. Kẻ tôi tớ nhà ấy nếu hay biết được, liền đuổi mắng rằng: ‘Mày mau đi khỏi đây. Nếu mày chẳng đi ngay tao sẽ giết mày.’ Chó hoang nghe vậy liền bỏ đi không dám trở lại. Từ nay trở đi các ông cũng nên làm như vậy để hàng phục ma Ba-tuần. Nên nói như thế này: ‘Ba-tuần! Nay ông không nên biến ra hình tượng như vậy. Nếu ông còn cố ý hóa hiện như vậy nữa, ta sẽ dùng năm sợi dây mà trói buộc ông.’ Ma nghe lời ấy ắt sẽ ra đi, cũng như con chó hoang kia không còn dám trở lại.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy trưởng giả Cồ-sư-la rằng: ‘Nếu ông có thể dùng cách ấy

mà hàng phục ma thì cũng có thể đến gần Đại Niết-bàn.’ Như Lai cần chi phải nói rằng bốn hạng người ấy là chỗ quay về nương theo? Bốn hạng người như vậy có giảng thuyết điều chi, chưa chắc đã là đáng tin.”

Phật dạy Ca-diếp: “Thiện nam tử! Ngay như những điều ta thuyết dạy, cũng là như vậy, chẳng ra ngoài lẽ ấy.

“Thiện nam tử! Ta vì hàng Thanh văn mắt thịt mà nói việc hàng phục chúng ma, không phải vì những người tu học Đại thừa mà nói. Hàng Thanh văn đều có thiên nhãn cũng gọi là mắt thịt. Người tu học Đại thừa tuy mang mắt thịt nhưng gọi là Phật nhãn. Vì sao vậy? Kinh Đại thừa này gọi là Phật thừa, cao quý hơn hết, vượt trội hơn hết.

“Thiện nam tử! Ví như có người mạnh mẽ, oai dũng. Những kẻ yếu đuối nhút nhát thường đến nương tựa người ấy. Người mạnh mẽ ấy thường dạy những kẻ yếu đuối nhút nhát rằng: ‘Các ông nên cầm cung tên như thế này, luyện tập múa giáo, móc câu, quăng dây trói như thế này...’ Rồi lại dạy rằng: ‘Trong việc chiến đấu, tuy như đi trên mũi nhọn cũng không được sợ sệt. Hãy nhìn người khác với ý tưởng coi khinh là yếu ớt. Tự mình nên có tư tưởng là người mạnh mẽ. Như gặp người vốn không can đảm dũng mãnh nhưng giả làm bộ dạng mạnh mẽ, cầm cung xách đao cùng mọi thứ khí giới bước ra giữa trận lớn tiếng quát thét; đối với người ấy đừng sanh lòng sợ sệt. Hạng người như vậy, nếu thấy ông chẳng khiếp sợ, nên biết rằng chẳng bao lâu họ sẽ tự tan rã, bại hoại, cũng như con chó hoang kia vậy.’

“Thiện nam tử! Như Lai cũng vậy, thường dạy các vị Thanh văn rằng: ‘Các ông chớ nên sợ ma Ba-tuần. Nếu ma Ba-tuần hóa làm thân Phật và đi đến chỗ các ông,

các ông nên tinh cần giữ tâm vững chãi, hàng phục ma ấy. Khi ấy ma sẽ phải lo sầu chẳng vui, theo đường cũ mà rút lui.

“Thiện nam tử! Như người dũng mãnh kia, không chịu bắt chước theo kẻ khác. Người tu học Đại thừa cũng thế, khi nghe được đủ các kinh điển sâu xa bí mật, trong lòng lấy làm vui sướng, chẳng hề kinh sợ. Vì sao vậy? Vì người tu học Đại thừa như vậy vốn đã từng cúng dường, cung kính, lễ bái vô số đức Phật trong quá khứ, đều có vô số ma muốn đến quấy rối, phá hoại thì đối với việc ấy người cũng chẳng hề kinh sợ.

“Thiện nam tử! Ví như có người được món thuốc a-kiệt-đà,<sup>(11)</sup> chẳng còn sợ bất cứ loài rắn độc nào. Loại thuốc này có thể giải trừ tất cả các loại chất độc. Kinh Đại thừa này cũng như vậy, có công năng như loại thuốc kia, không sợ tất cả các thứ độc hại của chúng ma, lại còn có thể hàng phục khiến cho không còn dấy lên được nữa.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có một con rồng tánh hay ganh ghét, xấu xa. Khi muốn hại người thì lấy mắt mà nhìn hoặc dùng miệng mà phun, cho nên tất cả những giống sư tử, cọp, beo, sói, chó đều sợ sệt. Các loài thú dữ ấy, hoặc nghe tiếng nó, hoặc nhìn thấy nó, hoặc đụng chạm với nó đều phải mất mạng.

“Nhưng có một người giỏi về chú thuật, có thể dùng sức của thần chú mà làm cho các loài rồng độc, chim kim sí cùng với voi dữ, sư tử, cọp, beo, sói thảy đều trở nên hiền hòa, dùng để cưỡi hoặc kéo xe. Những loài thú ấy thấy người giỏi về chú thuật kia liền chịu khuất phục.

“Hàng Thanh văn, Duyên giác cũng thế, nhìn thấy ma Ba-tuần thì thảy đều khiếp sợ. Còn ma Ba-tuần lại chẳng hề sợ sệt, cứ làm việc của ma.

“Người tu học Đại thừa lại cũng như người giỏi chú thuật kia, thấy hàng Thanh văn khiếp sợ những việc của ma, đối với Đại thừa chẳng đem lòng tin tưởng, ưa thích, nên trước dùng phương tiện hàng phục chúng ma, khiến cho trở nên hiền hòa, có thể điều khiển được, rồi nhân đó mới giảng rộng đủ các môn diệu pháp. Hàng Thanh văn, Duyên giác thấy người điều phục chúng ma rồi, không còn sợ sệt, đối với Chánh pháp Vô thượng Đại thừa mới sanh lòng tin tưởng, ưa thích mà nói rằng: ‘Chúng ta từ nay đối với Chánh pháp này không nên ngăn trở nữa.’”

“Lại nữa, thiện nam tử! Hàng Thanh văn, Duyên giác đối với phiền não sanh lòng sợ sệt. Những người tu học Đại thừa thấy đều không khiếp sợ. Người tu học Đại thừa có sức mạnh như vậy. Vì nhân duyên này, nên những điều ta thuyết dạy trước đây là vì muốn cho hàng Thanh văn, Duyên giác điều phục các ma, chẳng phải vì hàng Đại thừa mà nói.

“Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này không thể tiêu mất, không thể thua kém, rất kỳ diệu và đặc biệt! Nếu có người nghe được kinh điển này rồi sanh lòng tin tưởng, thọ trì, có thể tin rằng Như Lai là pháp thường trụ, đó là người rất ít có, ví như hoa ưu-đàm.

“Sau khi ta nhập Niết-bàn, nếu như có người được nghe kinh điển Đại thừa vi diệu như thế này rồi đem lòng tin tưởng, kính trọng, nên biết rằng những người ấy trong đời vị lai, cho đến trăm nghìn ức kiếp không còn rơi vào các nẻo dữ.”

Bấy giờ, Phật dạy Bồ Tát Ca-diếp rằng: “Thiện nam tử! Sau khi ta nhập Niết-bàn, sẽ có trăm ngàn vô lượng chúng sanh phỉ báng và không tin vào kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Bạch Thế Tôn, sau khi Phật nhập Niết-bàn bao lâu thì những chúng sanh ấy sẽ phỉ báng kinh này? Lại có những chúng sanh thuần thiện nào có thể cứu vớt những kẻ phỉ báng giáo pháp?”

Phật bảo Ca-diếp: “Thiện nam tử! Ta nhập Niết-bàn rồi, trong 40 năm kinh Đại thừa này sẽ được truyền bá rộng rãi trong cõi Diêm-phù-đề. Nhưng sau đó lại đành mai một.

“Thiện nam tử! Ví như các loại mía đường, nếp hương, đường phèn, sữa, bơ sữa, đề-hồ, tùy theo mỗi xứ mà người dân đều chọn một món trong đó cho là ngon nhất. Lại có những người chỉ ăn toàn cháo kê. Những người ấy cũng nói rằng: ‘Món mà chúng tôi ăn là ngon nhất.’ Ấy là những người ít phước nên phải chịu nghiệp báo. Nếu là người có phước thì tai chẳng hề nghe đến cháo kê, chỉ ăn toàn các loại gạo ngon, mía ngọt, đường phèn, đề-hồ.

“Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này cũng thế. Những kẻ căn cơ đần độn, ít phước chẳng hề thích nghe. Cũng như những kẻ ít phước kia không ưa các loại gạo ngon, đường phèn... Hàng Nhị thừa<sup>(12)</sup> cũng thế, không ưa kinh Đại Niết-bàn cao trổi nhất này. Như có những chúng sanh sẵn lòng ưa thích nghe và thọ trì kinh này, nghe rồi vui vẻ, không sanh lòng phỉ báng, cũng như những người có phước kia, được ăn toàn các loại gạo ngon.

“Thiện nam tử! Ví như có một vị vua ở giữa vùng núi non hiểm trở. Tuy vua ấy có các món mía đường, gạo ngon, đường phèn... nhưng cho là khó kiếm nên tham tiếc mà tích trữ, chẳng dám ăn vì sợ hết đi, chỉ ăn toàn món cháo kê mà thôi. Có một vị vua nước khác nghe được chuyện ấy, lấy làm thương xót và buồn cười, liền cho xe chở gạo ngon, mía đường đến biếu tặng. Vua kia nhận

được rồi, liền phân phát rộng ra khắp nước để cùng ăn. Dân chúng ăn xong, lấy làm vui sướng, nói rằng: ‘Nhờ có vị vua kia nên chúng ta mới được ăn những món ít có này.’

“Thiện nam tử! Bốn hạng người kia lại cũng như vậy. Họ là những tướng soái của Đại pháp Vô thượng này. Trong bốn hạng người ấy, như có một người nhìn thấy ở phương khác có vô số Bồ Tát, dẫu tu học kinh điển Đại thừa này, tự mình sao chép hay khiến người khác sao chép, vì lợi dưỡng hay vì danh dự, hoặc vì muốn hiểu rõ pháp, hoặc vì muốn làm người cho kẻ khác nương theo, hoặc vì muốn trao đổi rộng rãi với các kinh khác, nhưng lại chẳng đủ sức vì người khác mà giảng thuyết. Nhìn thấy như vậy rồi, vị ấy liền mang kinh điển vi diệu này đến phương ấy mà tặng cho các Bồ Tát kia, khiến cho các vị ấy phát tâm bồ-đề vô thượng, trụ yên nơi bồ-đề. Các Bồ Tát ấy được kinh này rồi, liền vì người khác mà giảng rộng, khiến vô lượng chúng sanh được hưởng thọ vị pháp của Đại thừa như thế này. Đó đều là nhờ sức của một vị Bồ Tát mà những ai chưa nghe kinh này thấy đều được nghe, cũng như nhờ sức của vị vua kia mà ai nấy đều được món ăn ngon ít có.

“Lại nữa, thiện nam tử! Kinh điển Đại Niết-bàn vi diệu này lưu hành ở xứ nào, nên biết rằng vùng đất đó hẳn là kim cang, người ở đó cũng như kim cang. Nếu ai có thể nghe được kinh này liền không còn thối chuyển đối với quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, có cầu nguyện việc chi ắt đều được thành tựu. Như hôm nay ta tuyên thuyết ra đây, tỳ-kheo các ông nên khéo thọ trì. Nếu những chúng sanh nào chẳng thể nghe được kinh điển như thế này, nên biết là những người ấy rất đáng

thương xót. Vì sao vậy? Vì những người ấy chẳng đủ sức thọ trì kinh điển Đại thừa nghĩa lý rất sâu xa này.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Lai nhập Niết-bàn rồi, trong 40 năm kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn này sẽ được lưu hành rộng rãi trong cõi Diêm-phù-đề, sau đó thì đành mai một. Nhưng rồi bao lâu sau nữa sẽ được xuất hiện trở lại?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Cho đến khi Chánh pháp của ta còn ở cõi thế được 80 năm, thì trong 40 năm đầu kinh này sẽ đổ cơn mưa pháp lớn ở cõi Diêm-phù-đề.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật: “Thế Tôn! Vào lúc Chánh pháp đã diệt, Chánh giới bị tiêu hủy, phi pháp tăng trưởng, không có chúng sanh nào làm theo đúng pháp, liệu còn ai có thể nghe nhận, phụng trì, đọc tụng kinh này cho thông thuộc, cùng là cúng dường, cung kính, sao chép, giảng thuyết kinh này? Xin Như Lai thương xót chúng sanh, phân biệt thuyết rộng, khiến chư Bồ Tát nghe rồi thọ trì; thọ trì rồi liền không còn thối chuyển đối với tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.”

Lúc ấy, Phật khen Ca-diếp rằng: “Lành thay, lành thay! Thiện nam tử! Nay ông khéo có thể hỏi ta về nghĩa như vậy.

“Thiện nam tử! Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát sông Hy-liên<sup>(13)</sup> mà phát tâm bồ-đề, thì mới có thể ở vào đời xấu ác ấy<sup>(14)</sup> mà thọ trì kinh điển như thế này, chẳng sanh lòng phỉ báng.

“Thiện nam tử! Như người có thể ở nơi chư Phật Thế Tôn nhiều như số cát một con sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà không phỉ báng pháp này, lại ưa thích kinh điển này, nhưng không thể vì người khác mà phân biệt giảng rộng.

“Thiện nam tử! Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát hai sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà không phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, ưa thích, thọ trì, đọc tụng, nhưng cũng không thể vì người khác mà phân biệt giảng rộng.

“Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát ba sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà không phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh. Tuy có thể vì người khác giảng thuyết nhưng chưa giảng được nghĩa sâu.

“Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát bốn sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà không phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, vì người khác mà giảng rộng được một phần trong mười sáu phần nghĩa lý của kinh này. Tuy là giảng thuyết nhưng cũng chưa được đầy đủ.

“Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát năm sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà không phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, vì người khác mà giảng rộng được tám phần trong mười sáu phần nghĩa lý của kinh này.

“Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát sáu sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà không phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, vì người khác mà giảng rộng được mười hai phần trong mười sáu phần nghĩa lý của kinh này.

“Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát bảy sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở

vào đời xấu ác ấy mà không phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, vì người khác mà giảng rộng được mười bốn phần trong mười sáu phần nghĩa lý của kinh này.

“Như có chúng sanh nào ở nơi chư Phật nhiều như số cát tám sông Hằng mà phát tâm bồ-đề, rồi mới có thể ở vào đời xấu ác ấy mà không phỉ báng pháp này, lại thọ trì, đọc tụng, sao chép kinh, khuyến khích và làm cho người khác sao chép. Tự mình có thể nghe và thọ nhận, lại khuyến khích và làm cho người khác nghe và thọ nhận, đọc tụng thông thuộc, kiên trì ủng hộ; vì lòng thương xót chúng sanh trong thế gian mà cúng dường kinh này, lại khuyến khích và làm cho người khác cúng dường. Đối với các việc như cung kính, tôn trọng, đọc tụng, lễ bái kinh này, lại cũng thực hiện đầy đủ như vậy. Người ấy có thể giảng trọn ý nghĩa kinh này, như là: Như Lai là thường trụ, không biến đổi, rất rạo yêu vui; giảng rộng nghĩa tất cả chúng sanh đều có tánh Phật; hiểu rõ được chỗ pháp tạng của Như Lai. Người ấy đã cúng dường chư Phật như vậy rồi, kiến lập Chánh pháp vô thượng như thế này và thọ trì, ủng hộ.

“Như có người vừa mới phát tâm A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, nên biết rằng trong đời vị lai người ấy sẽ có khả năng kiến lập được Chánh pháp như thế này và thọ trì, ủng hộ. Cho nên hiện nay các ông có thể biết được những người hộ pháp trong đời vị lai. Vì sao vậy? Vì người vừa mới phát tâm ấy trong đời vị lai ắt sẽ đủ sức hộ trì Chánh pháp vô thượng.

“Thiện nam tử! Có những tỳ-kheo xấu, nghe ta vào Niết-bàn chẳng sanh lo buồn, lại nói rằng: ‘Hôm nay Như Lai nhập Niết-bàn, thật vui thích biết bao! Như Lai



ở đời này luôn ngăn trở sự lợi dưỡng của chúng ta. Nay Như Lai đã nhập Niết-bàn, còn ai ngăn trở làm mất sự lợi dưỡng của chúng ta nữa? Nếu chẳng có ai ngăn trở thì chúng ta lại sẽ được sự lợi dưỡng như cũ. Như Lai ở đời này đưa ra những giới cấm rất nghiêm khắc. Nay Như Lai nhập Niết-bàn, chúng ta sẽ buông bỏ hết. Áo cà-sa vốn là pháp thức chúng ta đã thọ lãnh, từ nay chúng ta sẽ bỏ đi như tháo bỏ lá phước trên ngọn cây.’ Những kẻ như vậy sẽ phỉ báng, chống lại kinh Đại thừa này.

“Thiện nam tử! Nay ông nên ghi nhớ lấy điều này: ‘Chỉ có chúng sanh nào thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mới có thể tin được kinh điển Đại thừa này, tin rồi thọ trì. Ngoài ra, trong các chúng sanh khác còn có những người ưa thích pháp. Nếu có thể rộng vì những người ấy mà giảng thuyết kinh này, họ được nghe rồi thì những ác nghiệp đã tạo ra trong vô lượng vô số kiếp đã qua thấy đều tiêu diệt.

“Những ai không tin kinh điển này, ở đời hiện tại sẽ chịu vô số bệnh khổ não hại, nhiều người trong số ấy thường bị người mắng nhiếc, làm nhục. Sau khi qua đời sẽ bị người ta khinh chê, lại sanh làm người mặt mũi hình tướng xấu xí, việc mưu sinh vất vả khó khăn, thường không được đầy đủ, tuy có kiếm được đôi chút cũng chỉ là những món thô xấu, tồi tệ. Rồi đời này qua đời khác họ luôn sanh ra trong những cảnh bần cùng, hạ tiện, sanh vào những nhà tà kiến phỉ báng Chánh pháp. Cho đến lúc lâm chung, hoặc gặp buổi loạn lạc đao binh, vua chúa bạo ngược, hoặc là bị việc xâm hại bức bách bởi những kẻ oán thù hiểm khích. Dầu họ có bạn lành nhưng phải xa cách không được gặp gỡ. Những thứ cần dùng trong cuộc sống, mong cầu đều chẳng được. Dầu

có được đôi chút lợi lạc nhưng thường phải đói khát. Chỉ những kẻ tầm thường, hạ tiện mới giao du với họ; hàng quốc vương, đại thần đều khinh rẻ không biết đến tên tuổi họ. Như họ có nói ra điều gì rất hợp lý cũng chẳng ai tin nhận. Người như vậy không thể sanh về những nơi tốt đẹp, cũng như con chim bị chặt cánh không thể bay đi. Người này cũng thế, trong đời vị lai không thể được sanh về những nơi tốt đẹp trong cõi trời người.

“Nếu ai có thể tin vào kinh điển Đại thừa này, tuy đáng phải thọ hình tướng thô xấu<sup>(15)</sup> nhưng nhờ công đức của kinh nên sẽ được hình dung đoan chánh, oai nghiêm, sức mạnh ngày càng tăng. Người và chư thiên đều muốn được gặp gỡ, cung kính, yêu mến, chẳng muốn rời xa người ấy. Các bậc quốc vương, đại thần cùng với thân thuộc của họ, nếu nghe người ấy nói ra điều gì đều kính trọng tin theo.

“Trong hàng đệ tử Thanh văn của ta, như ai muốn làm nên việc ít có hơn hết, thì nên vì thế gian mà giảng rộng kinh điển Đại thừa như thế này.

“Thiện nam tử! Ví như sương mù, dù tồn tại cũng khg qua khỏi lúc mặt trời mọc. Khi mặt trời hiện ra liền tan biến chẳng còn gì. Thiện nam tử! Nghiệp ác của chúng sanh lại cũng như vậy, tồn tại ở đời cũng khg qua khỏi lúc chúng sanh được thấy mặt trời Đại Niết-bàn. Khi mặt trời Đại Niết-bàn xuất hiện liền có thể tiêu trừ hết thấy các nghiệp ác.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như có người cạo tóc xuất gia, tuy mặc áo cà-sa nhưng chưa được thọ mười giới sa-di.<sup>(16)</sup> Nếu có người trưởng giả đến thỉnh chúng tăng thì người chưa thọ giới ấy cũng được đi cùng đại chúng. Tuy chưa thọ giới cũng đã được dự vào hàng tăng chúng.

Thiện nam tử! Nếu có những chúng sanh phát tâm bắt đầu tu học kinh điển Đại thừa Đại Niết-bàn, sao chép và thọ trì, đọc tụng kinh thì cũng giống như vậy, tuy chưa được đầy đủ các địa vị trong Thập địa<sup>(17)</sup> nhưng cũng đã dự vào trong hàng Bồ Tát Thập trụ.<sup>(18)</sup>

“Như có những chúng sanh là đệ tử Phật, hoặc chẳng phải đệ tử Phật, hoặc vì tham lam, hoặc vì sợ sệt, hoặc vì lợi dưỡng mà nghe và thọ trì kinh này, nghe rồi không chê bai, thậm chí chỉ là một bài kệ trong kinh, nên biết rằng những người ấy đã được đến gần quả A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề.

“Thiện nam tử! Vì nhân duyên ấy, ta dạy rằng có bốn hạng người là chỗ nương theo của thế gian. Thiện nam tử! Không có lý nào bốn hạng người ấy đối với những điều Phật đã thuyết dạy lại nói rằng không phải Phật thuyết. Vì vậy mà ta nói rằng bốn hạng người ấy là chỗ nương theo của thế gian. Thiện nam tử! Các ông nên cúng dường bốn hạng người ấy.”

Bồ Tát Ca-diếp lại thưa hỏi: “Bạch Thế Tôn! Làm sao chúng con nhận biết được bốn hạng người ấy để cúng dường?”

Phật dạy Ca-diếp: “Nếu như có người kiến lập, hộ trì Chánh pháp thì những hạng người này sẽ đi theo thừa thừa, nên bỏ cả thân mạng mà cúng dường. Như ta thuyết dạy trong kinh Đại thừa này:

Nếu có người biết pháp,  
Dù người già, người trẻ,  
Nên thành tâm cúng dường,  
Cung kính và lễ bái,

Như người bà-la-môn,  
Thờ phụng vị thần lửa.

Nếu có người biết pháp,  
Dù người già, người trẻ,  
Nên thành tâm cúng dường,  
Cung kính và lễ bái,  
Cũng như hàng chư thiên,  
Hầu hạ vị Đế-thích.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Thế Tôn! Như Phật có dạy, cúng dường bậc sư trưởng nên làm như vậy. Nay con có chỗ nghi, xin Phật giảng rộng. Như có bậc trưởng lão nghiêm trì giới luật, theo người trẻ tuổi để học hỏi và thọ nhận những điều chưa biết, làm sao vị trưởng lão ấy lại nên lễ kính [người trẻ tuổi]? Nếu như [vị ấy] lễ kính [người trẻ tuổi] thì không thể gọi là bậc trì giới.

“Lại như người trẻ tuổi nghiêm trì giới luật, theo người cao niên không giữ giới để học hỏi và thọ nhận những điều chưa biết, vậy có nên lễ kính [kẻ phá giới kia] chăng?”

“Như có người xuất gia theo người tại gia để học hỏi và thọ nhận những điều chưa được nghe, có nên lễ kính [người tại gia ấy] hay không?”

“Theo lý thì người xuất gia không nên lễ kính người tại gia; trong Phật pháp thì người nhỏ tuổi phải cung kính bậc cao niên, vì bậc cao niên đã thọ giới cụ túc trước và thành tựu các oai nghi, cho nên phải cung kính cúng dường. [Nhưng] Phật có dạy: ‘Phật pháp không chấp nhận những kẻ phá giới, họ như cỏ dại trong đám ruộng tốt.’

“Lại như Phật vừa dạy: ‘Nếu có người biết pháp, dù người già, người trẻ, nên thành tâm cúng dường...’ cho

đến ‘như hàng chư thiên hầu hạ vị Đế-thích.’ Hai bài kệ ấy là nghĩa thế nào? Lẽ nào Phật lại nói ra điều sai trái hay sao? Như Phật có nói: ‘Tỳ-kheo trì giới cũng có chỗ sai phạm.’ Vì sao Như Lai nói ra lời ấy? Lại trong các kinh khác Thế Tôn có nói: ‘Ta cho phép trừng trị những kẻ phá giới.’ Những lời dạy như thế ắt là không rõ nghĩa.”

Phật bảo Ca-diếp: “Thiện nam tử! Ta vì các vị Bồ Tát tu học Đại thừa trong đời vị lai mà dạy hai bài kệ trên, chẳng phải vì hàng đệ tử Thanh văn.

“Thiện nam tử! Như ta đã nói, vào lúc Chánh pháp đã diệt, Chánh giới bị tiêu hủy, những kẻ phá giới tăng trưởng, những sự phi pháp phát triển rất mạnh, hết thảy các bậc thánh đều ẩn dật không xuất hiện, những tội trai, tố gái và những vật bất tịnh đều được thọ nhận và chứa trữ. Vào lúc ấy, ắt sẽ có một trong bốn hạng người trên xuất hiện ở thế gian, cạo bỏ râu tóc xuất gia tu đạo. Vị ấy nhìn thấy các tỳ-kheo thọ nhận và chứa trữ tội trai, tố gái và những vật bất tịnh, lại không biết thế nào là thanh tịnh hay không thanh tịnh, cũng không biết thế nào là đúng luật hay không đúng luật. Vị ấy vì muốn điều phục các tỳ-kheo như vậy nên cùng họ giao tiếp gần gũi, nhưng không nhiễm lấy những thói xấu của họ.<sup>(19)</sup> Từ chỗ sở hành của bản thân cho đến chỗ sở hành của chư Phật, vị ấy đều khéo phân biệt rõ. Tuy thấy những người phạm các giới ba-la-di<sup>(20)</sup> nhưng vị ấy lặng thinh chẳng nêu tội ấy ra.<sup>(21)</sup> Vì sao vậy? Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta ra đời là để kiến lập và hộ trì Chánh pháp.’ Cho nên vị ấy lặng thinh chẳng nêu tội ấy ra.

“Thiện nam tử! Người như vậy là vì sự hộ pháp, nên dù có chỗ phạm giới cũng chẳng gọi là phá giới.

“Thiện nam tử! Ví như có vị quốc vương mang bệnh băng hà. Vị trừ quân<sup>(22)</sup> còn non nớt chưa đủ sức nối ngôi cai trị. Bấy giờ, có một người chiêm-đà-la<sup>(23)</sup> giàu có vô cùng, lại có nhiều quyến thuộc, bèn dùng sức mạnh của mình, nhân lúc đất nước suy yếu mà cướp ngôi vua. Người này làm vua chẳng bao lâu thì những người trong nước, cư sĩ,<sup>(24)</sup> bà-la-môn... thấy đều chẳng phục, bỏ trốn sang nước khác. Tuy có những người ở lại, họ cũng chẳng muốn nhìn thấy vua ấy. Nếu có những người trưởng giả,<sup>(25)</sup> bà-la-môn... không rời xứ ấy, chỉ như cây cối sanh trưởng ở nơi nào rồi cũng chết tại nơi ấy.<sup>(26)</sup>

“Vị vua chiêm-đà-la biết rằng người trong nước trốn đi rất nhiều, bèn sai những người chiêm-đà-la đi tuần trên các nẻo đường trọn bảy ngày, đánh trống truyền lệnh của vua rằng:<sup>(27)</sup> ‘Trong hàng bà-la-môn, nếu có ai chịu làm vị thầy ban lễ quán đảnh<sup>(28)</sup> cho ta, ta sẽ đem phân nửa đất nước mà phong thưởng.’

“Nghe được lời ấy, trong hàng bà-la-môn chẳng có ai tìm đến. Thấy đều nói rằng: ‘Không khi nào có một người dòng bà-la-môn lại chịu làm việc ấy!’

“Vua chiêm-đà-la lại nói rằng: ‘Nếu trong hàng bà-la-môn chẳng có ai chịu làm thầy ta, ta sẽ buộc những người bà-la-môn và chiêm-đà-la ăn ở chung cùng với nhau, cùng làm việc với nhau.<sup>(29)</sup> Còn nếu có ai đến làm phép quán đảnh cho ta, ta sẽ đem phân nửa đất nước mà phong thưởng. Lời nói ấy chẳng phải là giả dối. Thuốc trường sanh thượng diệu cam lộ của cõi trời Tam thập tam thiên do chú thuật mà có được, ta cũng sẽ chia đều cho người ấy cùng hưởng với ta.’

“Lúc ấy có một thầy bà-la-môn tuổi vừa được hai mươi, vâng giữ hạnh thanh tịnh, để tóc dài, thông thạo chú thuật, tìm đến chỗ vua tâu rằng: ‘Đại vương! Tôi chịu làm theo lệnh của ngài.’

“Lúc ấy, vị đại vương lấy làm vui sướng, liền nhận người thanh niên bà-la-môn ấy làm thầy ban phép quán đảnh. Nghe được việc ấy, các vị bà-la-môn đều nổi giận, chê trách người trẻ tuổi ấy rằng: ‘Ông là dòng bà-la-môn, sao lại làm thầy truyền pháp cho người dòng chiên-đà-la?’

“Bấy giờ, vua liền chia phân nửa nước cho thầy bà-la-môn trẻ tuổi ấy, cả hai cùng trị nước qua một thời gian dài. Rồi thầy bà-la-môn trẻ tuổi ấy mới bảo vua rằng: ‘Tôi đã bỏ cả phép nhà<sup>(30)</sup> đến đây làm thầy của vua, đã đem chú thuật vi mật truyền dạy cho vua, nhưng nay vua chưa xem tôi là người thân.’ Vua hỏi: ‘Như hiện nay chẳng phải tôi đã thân với thầy rồi sao?’ Thầy bà-la-môn nói: ‘Đến nay chúng ta vẫn chưa cùng hưởng vị thuốc trường sanh của vua trước để lại.’ Vua nói: ‘Lành thay, lành thay! Đại sư! Thật tôi chẳng biết điều ấy, nếu thầy cần xin cứ lấy đi.’

“Thầy bà-la-môn trẻ tuổi nghe vua nói lời ấy rồi liền lấy thuốc mang về nhà, mời các đại thần cùng đến dùng với mình. Các quan dùng xong, đồng tâu với vua rằng: ‘Vui thay! Đại sư có thuốc cam lộ bất tử.’ Vua biết điều đó, liền trách thầy: ‘Tại sao đại sư chỉ cùng các quan dùng thuốc cam lộ ấy mà không thấy chia cho trẫm?’

“Lúc ấy thầy bà-la-môn trẻ tuổi liền lấy loại thuốc trộn lẫn rất nhiều chất độc đưa cho vua uống. Vua uống xong, chỉ trong giây lát thì hơi thở rối loạn, mê man té nhào xuống đất, chẳng còn biết gì cả, dường như người đã chết.

“Thầy bà-la-môn trẻ tuổi khi ấy liền tôn vị trừ quân của vua trước lên ngôi, bảo vị ấy rằng: ‘Nơi tòa sư tử không nên để cho chiên-đà-la lên ngôi. Xưa nay, ta chưa từng nghe thấy người chiên-đà-la làm vua bao giờ. Nếu người chiên-đà-la trị nước, chặn dân, đó là việc vô lý! Nay ngài nên kế vị tiên vương, lấy Chánh pháp mà trị nước.’

“Bấy giờ, thầy bà-la-môn trẻ tuổi sắp đặt mọi việc xong rồi, liền lấy thuốc giải độc cho người chiên-đà-la, khiến cho được tỉnh lại, rồi đuổi ra khỏi nước. Lúc ấy, thầy bà-la-môn trẻ tuổi tuy làm mọi việc như vậy nhưng chẳng để mất khuôn phép dòng bà-la-môn. Những vị cư sĩ, bà-la-môn khác, khi nghe biết được việc người ấy làm đều khen là việc chưa từng có, ca ngợi rằng: ‘Lành thay, lành thay! Nhân giả có tài khéo léo đuổi được vua chiên-đà-la.’

“Thiện nam tử! Sau khi ta vào Niết-bàn, các vị Bồ Tát hộ trì Chánh pháp cũng làm như thế, dùng sức phương tiện ở chung với những kẻ phá giới, giả làm vị tăng đầu nhận và chứa trữ tất cả những vật bất tịnh, cùng làm công việc giống như họ. Lúc bấy giờ, nếu Bồ Tát thấy có người phạm nhiều cấm giới nhưng lại có thể trừ trị những tà-kheo xấu ác phá hủy giới cấm, liền đến chỗ người ấy, cung kính lễ bái, cúng dường đủ bốn việc,<sup>(31)</sup> dâng lên cho họ đủ thứ kinh sách và mọi vật. Như tự mình chẳng có của cải, liền dùng phương tiện đến tìm cầu ở người đàn-việt<sup>(32)</sup> để có mà dâng cho họ. Vì làm việc như vậy, cho nên phải chứa trữ tám thứ vật bất tịnh.<sup>(33)</sup> Vì sao vậy? Vì người ấy muốn sửa trị những tà-kheo xấu ác, cũng như thầy bà-la-môn trẻ tuổi kia đuổi người chiên-đà-la vậy. Lúc bấy giờ, vị Bồ Tát tuy cung kính lễ bái người ấy, chứa trữ tám thứ đồ vật bất tịnh,

nhưng không có tội. Vì sao vậy? Vì Bồ Tát ấy muốn xua đuổi, trừng trị những tỳ-kheo xấu, làm cho những vị tăng thanh tịnh được sống yên ổn, rộng truyền kinh điển phương đẳng Đại thừa, làm lợi ích cho tất cả chư thiên và loài người.

“Thiện nam tử! Bởi nhân duyên ấy, nên trong kinh ta thuyết hai bài kệ trên, khiến chư Bồ Tát đều khen ngợi người hộ pháp, cũng như các hàng cư sĩ, bà-la-môn kia khen ngợi thầy bà-la-môn trẻ tuổi kia, nói rằng: ‘Lành thay, lành thay! Bồ Tát hộ pháp phải là như vậy!’

“Nếu ai thấy người hộ pháp cùng làm công việc với kẻ phá giới mà cho là có tội, nên biết rằng kẻ ấy tự chịu lấy tai ương. Người hộ pháp ấy thật không có tội.

“Thiện nam tử! Như có thầy tỳ-kheo đã phạm giới cấm, nhưng vì lòng kiêu mạn bèn che giấu tội lỗi, chẳng chịu sám hối, nên biết rằng người như vậy mới thật là kẻ phá giới. Còn vị Đại Bồ Tát, vì việc hộ pháp, dù có chỗ phạm giới cũng chẳng gọi là phá giới. Tại sao vậy? Vì không có lòng kiêu mạn, biết bày tỏ và sám hối.

“Thiện nam tử! Cho nên trong kinh ta che lấp chỗ hình tướng mà nói kệ rằng:

Nếu có người biết pháp,  
Dù người già, người trẻ,  
Nên thành tâm cúng dường,  
Cung kính và lễ bái,  
Như người bà-la-môn,  
Thờ phụng vị thần lửa.  
Lại như đệ nhị thiên,<sup>(34)</sup>  
Hầu hạ vị Đế-thích.”

“Vì nhân duyên ấy, ta không phải vì người tu học trong hàng Thanh văn mà chỉ vì hàng Bồ Tát nói ra kệ ấy.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Các vị Đại Bồ Tát như vậy đối với giới luật có phần chênh mảng. Vậy giới luật mà họ đã thọ từ trước có còn được nguyên vẹn hay chăng?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nay ông chẳng nên nói ra lời ấy. Vì sao vậy? Giới luật mà các vị Bồ Tát ấy đã thọ vẫn còn nguyên vẹn chẳng mất. Ví như có phạm điều chi, vị ấy liền tức thời sám hối. Sám hối rồi liền trở nên thanh tịnh.

“Thiện nam tử! Ví như cái bờ đê cũ, có lỗ thủng bên này xuyên qua bên kia, tất nhiên nước phải rỉ chảy. Vì sao vậy? Vì không có ai sửa chữa. Nếu có người sửa chữa, ất nước không còn chảy ra. Bồ Tát cũng thế, tuy cùng với những người phá giới mà bố-tát,<sup>(35)</sup> thọ giới, tự tứ,<sup>(36)</sup> làm các việc tăng với họ, nhưng về giới luật của mình thì không để cho như bờ đê bị thủng lỗ. Vì sao vậy? Nếu không có những người giữ giới thanh tịnh thì chúng tăng phải tổn giảm, những kẻ kiêu mạn, chênh mảng, biếng nhác ngày càng nhiều hơn. Nếu có những người giữ giới thanh tịnh thì có thể làm cho đầy đủ, không mất đi giới luật căn bản.

“Thiện nam tử! Đối với [việc tu tập] giáo pháp mà trì trệ mới gọi là chênh mảng; đối với giới luật nếu có chỗ chậm trễ không gọi là chênh mảng. Vị Đại Bồ Tát đối với giáo pháp Đại thừa này không có tâm biếng nhác, ngạo mạn, đó gọi là giới căn bản. Vì bảo vệ Chánh pháp nên vị ấy dùng nước Đại thừa để tự tắm rửa. Vì vậy nên Bồ Tát tuy thị hiện phá giới cũng không gọi là chênh mảng.”

Bồ Tát Ca-diếp bạch Phật: “Trong chúng tăng có bốn hạng người mà Phật đã dạy. Nhưng ví như trái am-la, rất khó phân biệt trái sống với trái chín. Làm sao nhận biết được là người trì giới hay phá giới?”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Nhờ kinh điển vi diệu Đại Niết-bàn này, có thể dễ dàng biết được. Vì sao mà nhờ kinh Đại Niết-bàn này có thể biết được? Ví như người làm ruộng gieo trồng lúa nếp, nhổ bỏ cỏ dại. Lấy mắt thường mà xem thì ai cũng gọi là đám ruộng sạch cỏ, nhưng đến khi có hạt thì cỏ và lúa ắt phải khác nhau.

“Cũng vậy, tám việc bất tịnh có thể ô nhiễm chúng tăng. Như vị nào có thể trừ bỏ được tám việc ấy thì dùng mắt thường mà xem cũng biết được đó là vị tăng thanh tịnh.

“Như có những người trì giới và phá giới, trong khi không làm việc ác thì khó dùng mắt thường mà phân biệt. Nếu như việc ác đã biểu hiện ra, liền có thể biết được một cách dễ dàng. Cũng như cỏ dại kia đến lúc có hạt thì dễ phân biệt. Trong chúng tăng cũng thế. Nếu như ai có thể lìa xa tám việc bất tịnh, các pháp độc hại, thì những người ấy gọi là thánh chúng phước điền, xứng đáng cho loài người và chư thiên cúng dường. Chỗ quả báo thanh tịnh không thể lấy mắt thường mà phân biệt được.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như trong rừng ca-la-ca, thứ cây ấy chiếm đa phần, chỉ xen có một cây trăn-đầu-ca. Hai loại trái cây ấy tương tự như nhau, không thể phân biệt. Vào mùa trái chín, có một cô gái đến hái. Cô hái được chỉ một phần là trái trăn-đầu-ca mà đến mười phần là trái ca-la-ca. Cô chẳng biết việc ấy, liền mang hết ra chợ bán. Có những đứa nhỏ ngu dại chẳng biết phân biệt, mua lấy những trái ca-la-ca, ăn xong thì chết.

“Những người có trí nghe được chuyện ấy, bèn hỏi cô gái ấy rằng: ‘Chị hái những trái cây ấy ở đâu mang lại đây?’ Lúc ấy, cô gái liền nói ra chỗ hái trái cây. Những người ấy liền nói rằng: ‘Chỗ ấy có rất nhiều cây ca-la-ca, nhưng chỉ có một cây trăn-đầu-ca mà thôi.’ Biết như vậy rồi liền cười chê mà bỏ đi.

“Thiện nam tử! Tám pháp bất tịnh ở trong đại chúng lại cũng như vậy. Trong chúng này có rất nhiều người thọ dụng tám phép ấy, chỉ có một người thanh tịnh trì giới, chẳng thọ nhận tám phép bất tịnh. Mặc dầu biết rằng những người khác thâm nhận và chứa trữ vật phi pháp, nhưng người ấy cũng làm việc với họ, chẳng rời bỏ họ, như cây trăn-đầu-ca duy nhất đứng giữa rừng kia.

“Có người ưu-bà-tắc thấy trong chúng tăng có nhiều người không theo đúng pháp, cho nên đối với tất cả đều chẳng cung kính cúng dường. Người ấy nếu muốn cúng dường, trước hết nên hỏi rằng: ‘Đại đức! Tám việc như vậy có nên thâm nhận và chứa trữ hay chẳng? Phật có cho phép hay chẳng? Nếu nói rằng Phật cho phép, thì những người như vậy có được chung cùng với người thanh tịnh mà thi hành các pháp bố-tát, yết-ma và tự tứ chẳng?’

“Người ưu-bà-tắc ấy hỏi như vậy rồi, chúng tăng đều đáp rằng: ‘Đức Phật vì lòng thương xót, có cho phép chứa trữ tám việc như vậy.’ Người ưu-bà-tắc ấy nói rằng: ‘Ồ Kỳ-hoàn tinh xá có những tỳ-kheo nói rằng: Phật cho phép chứa trữ vàng, bạc. Lại có những tỳ-kheo khác nói rằng: Phật không cho phép chứa trữ. Những tỳ-kheo nói rằng ‘cho phép’ và những tỳ-kheo nói rằng ‘không cho phép’, hai nhóm tỳ-kheo ấy chẳng ở chung, chẳng thuyết giới chung và chẳng tự tứ với nhau, cho

đến chẳng uống nước chung một dòng sông. Và đồ vật lợi dưỡng họ cũng chẳng hưởng chung. Như vậy, vì sao các vị lại nói rằng Phật có cho phép? Đức Phật là bậc cao quý nhất trong tất cả các cõi trời, dầu có thân nhận đi nữa thì chúng tăng cũng chẳng nên chứa trữ. Nếu có vị nào thân nhận tám món bất tịnh, thì chớ nên thuyết giới, tụng, yết-ma, làm tăng sự chung với vị ấy. Nếu chung cùng với vị ấy mà thuyết giới, tụng, yết-ma, làm tăng sự, thì khi thác sẽ đọa nơi địa ngục, cũng như những người kia ăn nhằm trái ca-la-ca mà chết vậy.

“Lại nữa, thiện nam tử! Ví như ở thành thị có người bán thuốc. Người ấy có món thuốc rất hay, có vị ngọt, lấy ở Tuyết sơn. Người ấy còn bán nhiều món thuốc tạp nhạp khác, cũng có vị ngọt tương tự.

“Lúc ấy, có những người muốn mua thuốc nhưng chẳng biết phân biệt. Họ đến chỗ bán thuốc, hỏi rằng: ‘Ông có món thuốc ở Tuyết sơn chẳng?’ Người bán thuốc đáp là có. Người này dối trá, lấy những món thuốc tạp nhạp mà nói với người mua rằng: ‘Đây là món thuốc rất hay ở Tuyết sơn, có vị ngọt.’ Bấy giờ, những người mua thuốc lấy mắt thường mà nhìn nên không thể phân biệt được, liền mua lấy mang về, lại nghĩ rằng: ‘Nay ta đã có được món thuốc Tuyết sơn rất hay và có vị ngọt.’

“Ca-diếp! Như trong số tăng ở hàng Thanh văn, có kẻ giả danh là tăng, cũng có những vị tăng chân thật, có chư tăng hòa hiệp, hoặc trì giới, hoặc phá giới. Ở trong chúng đây thì hết thấy đều nên cúng dường, cung kính, lễ bái. Người ưu-bà-tắc kia với mắt thường không thể phân biệt, cũng như người mua thuốc chẳng phân biệt được món thuốc ở Tuyết sơn. Ai là người trì giới? Ai là

kẻ phá giới? Ai là tăng chân chính? Ai là tăng giả danh? Chỉ người có thiên nhãn mới phân biệt được.

“Ca-diếp! Như người ưu-bà-tắc biết rằng tỳ-kheo nào đó là người phá giới, thì chẳng nên cung cấp đồ thí, chẳng nên lễ bái cúng dường. Nếu biết rằng người ấy thân nạp và chứa trữ tám vật phi pháp, thì cũng chẳng nên cấp thí những đồ cần dùng, chẳng nên lễ bái, cúng dường. Nếu trong chúng tăng có người phá giới, chẳng nên vì lễ người ấy mặc áo cà-sa mà cung kính lễ bái.”

Bồ Tát Ca-diếp lại bạch Phật rằng: “Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Việc Như Lai nói đó là chân thật, chẳng có giả dối. Con sẽ cúi đầu thọ lãnh, dường như kim cương, vật lạ trân bảo.

Như Phật có dạy, các tỳ-kheo nên y theo bốn pháp. Bốn pháp đó là gì? Đó là: (1) Y theo pháp chẳng y theo người, (2) y theo ý nghĩa chẳng y theo văn tự, lời nói; (3) y theo trí tuệ, chẳng y theo [nhận] thức, (4) y theo kinh thật nghĩa rất ráo, chẳng y theo kinh [quyền thừa] không rất ráo trọn nghĩa.<sup>(37)</sup> Bốn pháp như vậy cần phải rõ biết [để nương theo], không [nương theo] bốn hạng người [như Phật đã nói].”

Phật dạy: “Thiện nam tử! Y theo pháp ấy, tức là Đại Bát Niết-bàn của Như Lai. Hết thấy pháp Phật đều là tánh pháp. Tánh pháp ấy tức là Như Lai. Cho nên Như Lai là thường trụ, không biến đổi. Như có ai nói rằng: ‘Như Lai là vô thường’, người ấy không biết, không thấy tánh pháp. Nếu người đã không biết, không thấy tánh pháp thì chẳng nên nương theo.

“Như trên ta đã nói về bốn hạng người ra đời để bảo vệ giữ gìn Chánh pháp, cần nên rõ biết để nương theo

họ. Vì sao vậy? Vì những người ấy hiểu rõ tạng bí mật, sâu kín của Như Lai, nên có thể biết Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi. Như nói rằng Như Lai là vô thường, biến đổi, thật không có lý như vậy.

“Bốn hạng người như vậy tức là Như Lai. Vì sao vậy? Vì những người ấy có thể hiểu rõ những mật ngữ của Như Lai và có thể giảng thuyết. Như ai có thể hiểu rõ tạng bí mật sâu thẳm của Như Lai và biết Như Lai là thường trụ không biến đổi, nếu nói rằng người như thế mà vì lợi dưỡng mới nói rằng: ‘Như Lai là vô thường’ thì thật vô lý. Những người như vậy còn có thể nương theo, hướng chỉ lại chẳng nương theo bốn hạng người mà ta đã nói?”

“Y theo pháp, tức là tánh pháp; chẳng y theo người, tức là hàng Thanh văn. Tánh Pháp là Như Lai, hàng Thanh văn là hữu vi. Như Lai là thường trụ, hữu vi là vô thường.

“Thiện nam tử! Nếu như người phá giới, vì lợi dưỡng mà nói rằng: ‘Như Lai vô thường, biến đổi’, thì không nên nương theo người ấy. Thiện nam tử! Đó gọi là nghĩa quyết định.

“Y theo nghĩa chẳng y theo văn tự, lời nói. Nghĩa tức là sáng suốt, hiểu biết trọn vẹn. Hiểu biết trọn vẹn gọi là không thiếu sót, yếu kém. Không thiếu sót, yếu kém tức là đầy đủ. Nghĩa đầy đủ đó, gọi là Như Lai thường trụ không biến đổi. Nghĩa Như Lai thường trụ không biến đổi tức là pháp thường. Nghĩa pháp thường tức là Tăng thường. Đó gọi là y theo nghĩa chẳng y theo lời nói.

“Những văn tự, lời nói như thế nào là không nên nương theo? Đó là những văn từ trau chuốt trong các sách

luận, cũng nhiều vô số như kinh điển Phật đã thuyết, nhưng toàn nói những việc tham cầu không chán, gian trá nịnh hót, giả vờ thân cận bợ đỡ để cầu lợi, thường đến nhà cư sĩ mà làm công việc cho họ. Lại còn nói rằng: ‘Phật cho phép các tỳ-kheo chứa trữ tài vật và các vật bất tịnh như: vàng, bạc, trân bảo, lúa gạo, kho lẫm, bò, dê, voi, ngựa, buôn bán kiếm lời; rằng vào thời mất mùa đói kém, vì thương xót đệ tử nên Phật cho phép tỳ-kheo để dành đồ vật, tay làm hàm nhai, không thọ nhận mà vẫn có ăn.’ Những lời như vậy đều chẳng nên nương theo.

“Y theo trí tuệ chẳng y theo nhận thức. Nói trí tuệ tức là Như Lai. Như có những người Thanh văn không thể biết rõ công đức của Như Lai, chỗ nhận thức như vậy không nên nương theo. Như người biết rằng Như Lai tức là pháp thân, chỗ trí tuệ chân thật như vậy là nên nương theo.

“Như có người thấy cái thân phương tiện của Như Lai bèn nói rằng thân ấy là do các ấm, giới, nhập<sup>(38)</sup> không chế, là do thức ăn mà được nuôi lớn. Chỗ nhận thức như vậy chẳng nên nương theo. Do đó mà biết được những chỗ nhận thức chẳng nên nương theo. Như có người nói những lời như trên, cho đến những kinh sách nào nói như vậy đều chẳng nên nương theo.

“Y theo kinh thật nghĩa rất ráo, không y theo kinh [quyền thừa] không rất ráo trọn nghĩa. Kinh không rất ráo trọn nghĩa là nói hàng Thanh văn, nghe đến tạng bí mật sâu xa của Phật Như Lai ắt sanh tâm nghi ngờ, sợ sệt, không biết rằng tạng ấy từ nơi biển đại trí tuệ mà ra, cũng như trẻ con chưa biết phân biệt. Đó gọi là không trọn nghĩa. Kinh thật nghĩa rất ráo là nói hàng Bồ Tát trí tuệ chân thật, tùy theo đại trí vô ngại nơi tự



tâm, cũng như người người đã trưởng thành hiểu biết tất cả. Đó gọi là rốt ráo trọn nghĩa.

“Lại nữa, Thanh văn thừa gọi là không rốt ráo trọn nghĩa, Đại thừa vô thượng mới gọi là rốt ráo trọn nghĩa. Như nói rằng: ‘Như Lai là vô thường, biến đổi’, đó gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Như nói rằng: ‘Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi’, đó gọi là rốt ráo trọn nghĩa.

“Chỗ thuyết dạy của hàng Thanh văn nên rõ biết, gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Chỗ thuyết dạy của hàng Bồ Tát nên rõ biết, gọi là rốt ráo trọn nghĩa. Nếu nói rằng: ‘Như Lai nhờ ăn uống mà được nuôi lớn’, đó là không rốt ráo trọn nghĩa. Nếu nói: ‘Như Lai là thường trụ, chẳng biến đổi’, đó là rốt ráo trọn nghĩa. Nếu nói rằng: ‘Như Lai nhập Niết-bàn, như củi hết thì lửa tắt’, đó gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Nếu nói rằng: ‘Như Lai thể nhập pháp tánh’,<sup>(39)</sup> đó gọi là rốt ráo trọn nghĩa.

“Không nên nương theo pháp của Thanh văn thừa. Vì sao vậy? Như Lai vì muốn hóa độ chúng sanh nên dùng sức phương tiện giảng thuyết Thanh văn thừa, cũng như trưởng giả kia dạy con những điều sơ học.

“Thiện nam tử! Thanh văn thừa cũng ví như lúc mới cày ruộng, chưa gặt lúa. Như vậy gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Vì vậy chẳng nên nương theo Thanh văn thừa. Nên nương theo pháp Đại thừa. Vì sao vậy? Vì Như Lai muốn độ chúng sanh nên dùng sức phương tiện giảng thuyết Đại thừa, vì vậy nên nương theo. Như vậy gọi là rốt ráo trọn nghĩa.

“Bốn pháp y theo như vậy, cần phải rõ biết.

“Lại nữa, nói y theo nghĩa, nghĩa đó gọi là thật thà thẳng thắn. Thật thà thẳng thắn gọi là sáng tỏ rõ ràng.

Sáng tỏ rõ ràng gọi là không thiếu kém. Không thiếu kém gọi là Như Lai.

“Lại nữa, sáng tỏ rõ ràng gọi là trí tuệ. Thật thà thẳng thắn gọi là thường trụ.

“Như Lai thường tồn, gọi là y theo pháp. Pháp gọi là thường, cũng gọi là không bờ bến, không thể nghĩ bàn, không thể cầm nắm, không thể bị trói buộc, nhưng có thể thấy được. Như có người nói rằng: “không thể thấy được”, thì chẳng nên nương theo người ấy. Vì vậy cho nên y theo pháp chẳng y theo người. Như có người nào dùng lời nói vi diệu mà thuyết lẽ vô thường, thì chớ nên nương theo lời ấy. Vì vậy cho nên y theo nghĩa chứ chẳng y theo lời nói, văn tự.

“Nói y theo trí, đó là: chúng tăng là thường, vô vi, không biến đổi, không chứa trữ tám thứ vật bất tịnh. Vậy nên y theo trí tuệ chẳng y theo thức. Như có kẻ nói rằng: ‘Do thức tạo tác nên thức nhận chịu. Không có chúng tăng hòa hiệp. Vì sao vậy? Hòa hiệp đó gọi là không sở hữu gì cả. Không sở hữu gì cả thì sao gọi là thường?’ Vì thế nên chớ nhận thức như vậy không thể nương theo.

“Nói y theo chỗ rốt ráo trọn nghĩa, rốt ráo trọn nghĩa đó gọi là biết đủ, không bao giờ giả hiện oai nghi thanh bạch, không kiêu mạn tự cao, không tham cầu lợi dưỡng. Lại cũng không chấp trước các pháp mà Như Lai tùy nghi phương tiện thuyết dạy. Đó gọi là rốt ráo trọn nghĩa. Như ai có thể trụ ở chỗ như vậy thì nên biết rằng người đó đã trụ ở đệ nhất nghĩa.<sup>(40)</sup> Vì vậy nên gọi là: y theo kinh rốt ráo trọn nghĩa, chẳng y theo kinh không rốt ráo trọn nghĩa.

“Chỗ không rốt ráo trọn nghĩa đó, như trong kinh nói rằng hết thảy đều cháy thiêu, hết thảy đều vô thường, hết thảy đều là khổ, hết thảy đều là không, hết thảy đều là vô ngã, đó gọi là không rốt ráo trọn nghĩa. Vì sao vậy? Vì không hiểu trọn những nghĩa như vậy, nên chúng sanh đọa vào địa ngục A-tỳ. Vì sao vậy? Vì chấp trước nên không hiểu được rốt ráo trọn nghĩa. Hết thảy đều cháy thiêu, lại hiểu rằng Như Lai dạy Niết-bàn cũng cháy thiêu; hết thảy đều vô thường, lại hiểu rằng Như Lai dạy Niết-bàn cũng là vô thường. Đối với những lẽ khổ, không, vô ngã cũng hiểu sai như vậy! Cho nên gọi là hiểu không rốt ráo trọn nghĩa kinh, chẳng nên nương theo.

“Thiện nam tử! Như có người nói rằng: ‘Như Lai thương xót tất cả chúng sanh, khéo biết rõ lúc nào nên làm việc gì. Vì biết được lúc thích hợp, nên nói việc khinh là trọng, việc trọng là khinh. Như Lai xét biết có những đệ tử được đàn việt cung cấp những vật cần dùng, không hề thiếu hụt. Đối với những người ấy, Phật không cho phép thâu nạp và chứa trữ tội tở, vàng, bạc, của cải, vật báu cùng là buôn bán đổi chác những vật bất tịnh. Nếu những đệ tử không có đàn việt cung cấp những vật cần dùng, gặp khi mất mùa đói khổ, khó tìm món ăn vật uống; vì muốn kiến lập, hộ trì Chánh pháp, Phật cho phép những đệ tử ấy thâu nạp và chứa trữ tội tở, vàng, bạc, xe cộ, ruộng vườn, lúa thóc và đổi chác mua bán để chi dùng. Mặc dầu được phép thâu nạp và chứa trữ những vật như vậy, nhưng cần phải tịnh thí, làm cho đàn việt thêm lòng tin tưởng.’ Nói như vậy là hợp với bốn pháp như trên, hãy nương theo đó. Như có

kinh, luật, luận nào chẳng trái với bốn pháp trên thì cũng nên nương theo.

“Như có người nói rằng: ‘Dù là lúc thích hợp hay không thích hợp, dù là người có thể hộ pháp hay không thể hộ pháp, Như Lai đều cho phép tất cả tỳ-kheo thâu nạp và chứa trữ các vật bất tịnh kia.’ Lời nói như vậy chẳng nên nương theo. Như trong các kinh, luật, luận nào có chỗ nói như vậy thì cũng chẳng nên nương theo.

“Ta vì những chúng sanh mất thịt mà giảng thuyết bốn pháp nương theo này, chẳng phải vì người có tuệ nhãn.

“Vì vậy mà nay ta giảng thuyết bốn chỗ nương theo: (1) pháp tức là tánh pháp, (2) nghĩa tức là Như Lai thường trụ không biến đổi, (3) trí tức là biết rõ tất cả chúng sanh đều có tánh Phật, (4) hiểu nghĩa rốt ráo trọn vẹn là thông đạt hết thảy kinh điển Đại thừa.”

## **KINH ĐẠI BÁT NIẾT-BÀN**

### **HẾT QUYỂN SÁU**

## CHÚ GIẢI

1. Theo Nam bản thì đây là phẩm Tứ y, thứ 8 (Tứ y phẩm, đệ bát). Theo bản dịch Đại Bát Nê-hoàn của ngài Pháp Hiển thì từ đây bắt đầu quyển 4, phẩm thứ 9.
2. Đây là bốn Thánh quả theo Thanh văn thừa, được xếp từ thấp lên cao như sau: 1. Tu-đà-hoàn (Sanskrit: śrotāni) dịch nghĩa: Nhập lưu, Dự lưu, là bậc bắt đầu dự vào hàng Thánh quả. 2. Tư-đà-hàm (Sanskrit: sakṛdāgāmin), dịch nghĩa: Nhất lai, còn chia làm hai bậc là Nhất lai hướng, tức bậc mới chứng nhập, và Nhất lai quả, tức là bậc đã chứng quả trọn vẹn. Đây là quả vị chỉ còn tái sinh một lần nữa trước khi đạt giải thoát rốt ráo. 3. A-na-hàm (Sanskrit: anāgāmin), dịch nghĩa: Bất lai, Bất hoàn, là bậc không còn phải trở lại vòng sanh tử vì nghiệp quả. 4. A-la-hán (Sanskrit: arhat), dịch nghĩa: Bất sanh, là bậc đã diệt trừ hết các phiền não, đoạn diệt nghiệp sanh tử. Theo Thanh văn thừa thì quả vị này là cao nhất, là Niết-bàn giải thoát. Cần chú ý trong các tôn hiệu của Phật cũng có danh xưng A-la-hán, nhưng được dùng với nghĩa khác chứ không chỉ quả vị này.
3. Tám điều giác ngộ, rõ biết của bậc đại nhân được giảng rõ trong kinh Bát đại nhân giác. 一世間無常覺, 二多欲為苦覺, 三心無厭足覺, 四懈怠墮落覺, 五愚痴生死覺, 六貧苦多怨覺, 七五欲過患覺, 八生死熾然苦惱無量覺。(Nhất thế gian vô thường giác, nhị đa dục vi khổ giác, tam tâm vô yếm túc giác, tứ giải đãi đoạ lạc giác, ngũ ngu si sinh tử giác, lục bần khổ đa oán giác, thất ngũ dục quá hoạn giác, bát sinh tử si nhiên khổ não vô lượng giác.) Một là biết rõ thế gian vô thường; hai là biết rõ nhiều tham dục là khổ; ba là biết rõ tâm không nhàm chán, không biết đủ [nên phải lưu ý mà phòng hộ, xa lìa năm món dục]; bốn là biết rõ sự lười nhác dẫn đến truy lạc, sa đoạ; năm là biết rõ sự ngu si là cội gốc dẫn đến phải trầm luân trong sanh tử [nên cần phải tinh tấn học hỏi Chánh pháp để thoát ra]; sáu là biết rõ sự nghèo khổ bần cùng sanh nhiều oán hại [dễ sa vào tội lỗi, vì thế phải mở rộng lòng bố thí, cứu giúp những kẻ bần cùng]; bảy là biết rõ chỗ xấu ác, gây ra lỗi lầm của năm món dục; tám là biết rõ sanh tử như ngọn lửa thiêu đốt khổ não vô lượng.
4. Phát lộ sám hối: tự mình bộc lộ, bày tỏ chỗ sai trái, phạm lỗi của mình ra cho mọi người đều biết và quyết tâm hối cải không tái phạm nữa.
5. Người có đủ tám đức giác tri (tám điều hiểu biết) đã dạy trong kinh Bát Đại Nhân Giác.
6. Phiền não khách trần (Khách trần phiền não): Phiền não ví như khách trần. Phiền não chẳng phải là sẵn có nơi mình, mà là từ bên ngoài đến (khách), chỉ vì mình mê lầm nên ngỡ khách là chủ mà thôi. Chính cái tâm trong sạch sẵn có mới là chủ. Vậy nên gọi phiền não là khách. Lại nữa, phiền não bám vào như bụi đóng dơ, cho nên gọi là trần (bụi bặm).

7. Cái thân có tám vạn loại trùng: chỉ thân xác thịt dễ hư hoại, thối rữa, là chỗ nương náu, chui rúc của muôn loại vi trùng.
8. Địa vị thứ mười (Đệ thập địa): Địa vị thứ mười là địa vị rốt ráo trong Thanh Văn thừa. Thanh Văn thừa có mười địa vị: 1. Thọ tam quy địa 2. Tín địa 3. Pháp địa 4. Nội phạm phu địa 5. Học tín giới địa 6. Nhập nhân địa 7. Tu-đà-hoàn địa 8. Tư-đà-hàm địa 9. A-na-hàm địa 10. A-la-hán địa. Cần phân biệt với Thập địa của Bồ Tát.
9. Cô-sư-la (瞿師羅) (Sanskrit: Ghoṣira, Pali: Ghosita) cũng đọc là Cụ-sử-la (具史羅), Cù-tư-la (瞿私羅) hay Cù-sử-la (叡史羅), dịch nghĩa là Mỹ âm (美音) hay Diệu âm thanh (妙音聲). Đây là tên một vị trưởng giả trong kinh Trung bản khởi (中本起經). Kinh Cô-sư-la nhắc đến ở đây có lẽ là tên khác của kinh này (Đại chánh tạng, quyển 4, trang 147, kinh số 196).
10. Tầm: đơn vị đo chiều dài, bằng 8 thước cổ, mỗi thước bằng khoảng 0,33 mét. Như vậy, mỗi tầm có thể là vào khoảng 2,64 mét.
11. Tên một loại thuốc quý trị được bách bệnh, phiên âm từ Phạn ngữ Agada, cũng đọc là a-già-đà, dịch nghĩa là vô bệnh, phổ khứ hay bất tử dược.
12. Nhị thừa: chỉ hai thừa Thanh văn và Duyên giác.
13. Sông Hy-liên (熙連), Sanskrit: Hiraṇyavatī - có chỗ cũng viết là 希連.
14. Tức là vào lúc Chánh pháp đã diệt như ngài Ca-diếp vừa nêu lên trong câu hỏi trước đó.
15. Nghĩa là do những nghiệp ác đã làm trước đây.
16. Mười giới của sa-di: 1. Không sát sanh; 2. Không trộm cắp; 3. Không dâm dục; 4. Không nói dối; 5. Không uống rượu; 6. Không cài hoa, xức dầu thơm, thoa phấn đẹp; 7. Không đàn ca múa hát; 8. Không nằm ngồi trên giường rộng, ghế cao; 9. Không ăn sai giờ, nghĩa là chỉ ăn mỗi ngày một lần trước giờ ngo; 10. Không sở hữu, sử dụng tiền, vàng, đồ trang sức quý báu.
17. Mười địa (Thập địa): Mười địa vị của Bồ Tát Đại thừa: 1. Hoan hỷ địa; 2. Ly cấu địa; 3. Phát quang địa; 4. Diễm huệ địa; 5. Cực nan thắng địa; 6. Hiện tiền địa; 7. Viễn hành địa; 8. Bất động địa; 9. Thiện huệ địa; 10. Pháp vân địa.
18. Mười trụ (Thập trụ): 1. Phát tâm trụ; 2. Trì địa trụ; 3. Tu hành trụ; 4. Sanh quý trụ; 5. Phương tiện cụ túc trụ; 6. Chánh tâm trụ; 7. Bất thối trụ; 8. Đồng chơn trụ; 9. Pháp vương tử trụ; 10. Quán đảnh trụ.
19. Giao tiếp gần gũi nhưng không nhiễm lấy những thói xấu: Nguyên văn chữ Hán diễn đạt khái niệm này là “dữ cộng hòa quang bất đồng kỳ trần” (與共和光不同其塵). Về sau, quan điểm “hòa quang đồng trần” trở thành một trong các tôn chỉ của Đại thừa, với ý nghĩa đưa Chánh pháp vào đời sống thế tục để tiếp độ những kẻ lỗi lầm, truy lạc. Có thể xem tư tưởng này là xuất phát từ đây.

20. Ba-la-di (Sanskrit: Pārājika): Bất cộng trụ pháp, tức bốn tội trọng. Vị tỳ-kheo phạm vào tội ba-la-di thì phải trục xuất, không còn được sống chung với các tỳ-kheo khác trong tăng đoàn. Bốn tội ba-la-di của tỳ-kheo là: 1. Đại dâm giới, 2. Đại đạo giới, 3. Đại sát giới, 4. Đại vọng ngữ giới.
21. Đoạn này chúng tôi ngờ rằng thiếu đi một ý, vì trong bản dịch của ngài Pháp Hiển có vẻ rõ nghĩa hơn: “時有誦習九部經典犯戒違律。是人雖知彼犯重罪，為護法故方便默然不說其過。而自謙卑從彼受學。(Bấy giờ có người tụng đọc được chín bộ kinh điển của Như Lai nhưng vì phạm vào giới luật, người này tuy biết kẻ ấy đã phạm trọng tội nhưng vì lòng hộ pháp nên dùng phương tiện lặng thinh không nói ra lỗi lầm của kẻ ấy, còn tự hạ mình theo kẻ ấy để học [cho được chín bộ kinh điển của Như Lai].) So sánh thì thấy đoạn văn này đầy đủ và rõ nghĩa hơn.
22. Trừ quân (儲君): Người đã được chọn sẵn để nối ngôi vua nhưng chưa chính thức lên ngôi. Trừ quân thường là vị thái tử, nhưng cũng có khi là một hoàng tử hay hoàng thân.
23. Chiên-đà-la (Sanskrit: Candāla): Hạng người bị xem là hạ tiện nhất ở Ấn Độ vào thời đức Phật, thậm chí không được xem là một giai cấp. Xã hội thời ấy có bốn giai cấp, hay bốn chủng tộc là: sát-đế-ly (hàng vua chúa, quan tướng), bà-la-môn (hàng tu sĩ, thầy tế), phê-xá (hàng trưởng giả, phú hộ), thủ-đà-la (hàng thợ thuyền, nông dân hoặc thương nhân buôn bán nhỏ). Hạng chiên-đà-la bị đặt ra ngoài bốn giai cấp ấy, bị xem là hạ tiện, không đáng kể đến.
24. Cư sĩ: Ở đây dùng từ này để chỉ giai cấp thủ-đà-la (Sanskrit: Sūdra), là những người làm ruộng và thợ thủ công... tức là giai cấp thứ tư của Ấn Độ thời cổ.
25. Trưởng giả: giai cấp phê-xá (Vaisya), tức là những thương gia giàu có, những người có thể lực, là giai cấp thứ ba trong xã hội Ấn Độ thời cổ.
26. Ý nói bất đắc dĩ vì không muốn bỏ quê hương xứ sở nên những người này mới ở lại.
27. Thời ấy những người truyền lệnh của vua dùng tiếng trống để gọi sự chú ý của đám đông trước khi đọc lệnh, cũng như ở nước ta trước đây dùng tiếng mõ.
28. Lễ quán đảnh: Nghi lễ do một vị thầy bà-la-môn thực hiện, bao gồm việc đọc kinh cầu nguyện và rưới nước bốn biển lên đầu cho vua. Khi một vị vua lên ngôi, cần phải làm lễ quán đảnh như một nghi lễ chính thức để được nhân dân thừa nhận sự cai trị của vị vua ấy.
29. Đây là điều tối kỵ đối với xã hội phân biệt giai cấp lúc bấy giờ, bởi vì những người thuộc giai cấp cao hơn không bao giờ chịu tiếp xúc, giao thiệp với những người thuộc giai cấp thấp hơn mình, huống chi là những người thuộc dòng chiên-đà-la.
30. Phép nhà: Tức là khuôn phép của đạo Bà-la-môn. Bởi vì đạo bà-la-môn không nhìn nhận một người chiên-đà-la làm vua. Người bà-la-môn cũng không được làm phép quán đảnh cho người chiên-đà-la, nhìn nhận người ấy làm vua.

31. Cúng dường đủ bốn việc (Tứ sự cúng dường): là cung cấp đủ bốn thứ cần dùng, bao gồm: 1. Y phục, 2. Thức ăn uống, 3. Chỗ ở, giường ngủ, 4. Thuốc men trị bệnh.
32. Đàn việt (Sanskrit: dānapati): tín chủ, thí chủ, chỉ người do tín tâm mà cúng dường tài vật cho chư tăng.
33. Tám vật bất tịnh (Bát chủng bất tịnh chi vật, hay Bát bất tịnh): 1. Tội trai, tở gái; 2. Vàng; 3. Bạc; 4. Trân bảo; 5. Lúa thóc; 6. Kho lẫm; 7. Bò, dê, voi, ngựa; 8. Mối lợi thu hoạch do sự buôn bán. Tám thứ ấy là không trong sạch đối với người xuất gia giữ tịnh giới.
34. Đệ nhị thiên: Cõi trời thứ nhì. Các cõi trời trong Tam giới được kể từ dưới lên là: 1. Đệ nhất thiên: Tứ thiên vương thiên 2. Đệ nhị thiên: Đao-lợi thiên hay Tam Thập Tam thiên 3. Đệ tam thiên: Hàng chư thiên hầu hạ quanh vua trời Đế Thích.
35. Bố-tát (Sanskrit: Upavasatha): Đọc trọn là Ưu-bổ-đà-bà, nghĩa là đoạn diệt điều ác, tăng trưởng điều thiện. Bố-tát tức là thiết giới, tụng giới mỗi tháng hai kỳ, thường vào ngày sóc và ngày vọng ( Rằm và mồng một).
36. Tự tứ, tức là tùy ý. Trong khi chư tăng nhóm họp để bố-tát (tụng giới), người nào thấy mình có lỗi lầm thì tùy ý khai ra để sám hối, rồi chư tăng cũng tùy ý mà quyết định hình thức cần áp dụng cho người đã phạm lỗi.
37. Kinh điển Tiểu thừa do Phật quyền thuyết, dẫn dắt người sơ cơ, nên gọi là chưa trọn nghĩa (bất liễu nghĩa). Bởi vì trong đó vẫn nói lên những lẽ chân thật, đúng đắn, nhưng chỉ là chưa được trọn vẹn, rất ráo. Kinh điển Đại thừa đạt đến chỗ giải thoát rốt ráo, không còn nghĩa nào khác vượt ngoài đó nữa, nên gọi là trọn nghĩa (liễu nghĩa). Có người cho rằng “bất liễu nghĩa” là “không hiểu nghĩa”, điều này không hợp lý. Vì nếu nói kinh điển Tiểu thừa là “không hiểu nghĩa”, đó chính là không hiểu nghĩa phương tiện của Như Lai.
38. Ấm, giới, nhập: Ấm là năm ấm, giới là mười tám giới, nhập là mười hai nhập. Năm ấm (cũng gọi là năm uẩn) gồm có: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Mười tám giới gồm có: sáu căn ở trong (lục căn nội giới), sáu trần ở ngoài (lục trần ngoại giới) và sáu thức ở khoảng giữa (lục thức trung giới). Mười hai nhập là mười hai điều quan hệ mật thiết với nhau: sáu căn (nhãn, nhĩ, tỉ, thiệt, thân, ý) nhập với sáu trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp); sáu trần lại nhập với sáu căn. Ví dụ như: con mắt nhập với hình sắc gọi là nhãn nhập; hình sắc nhập với con mắt gọi là sắc nhập. Con mắt là căn, hình sắc là trần, đối nhập với nhau thành ra sự thấy...
39. Như Lai thể nhập pháp tánh: Phật nhập Niết-bàn, tức là Như Lai vào pháp tánh. Pháp tánh là tánh tự nhiên của các pháp, tánh ấy vốn yên lặng, tự nhiên, không biến đổi. Pháp tánh cũng gọi là: chân như, thật tướng, tự tánh thanh tịnh tâm.
40. Đệ nhất nghĩa: nghĩa lý chân thật rất ráo, dẫn đến sự giải thoát, cũng gọi là Thắng nghĩa, Chân thật nghĩa.

## MỤC LỤC

### PHẦN HÁN VĂN & CHÚ ÂM

卷第一	
壽命品第一之一 .....	34-35
卷第二	
壽命品第一之二 .....	128-129
卷第三	
壽命品第一之三 .....	242-243
金剛身品第二 .....	276-277
名字功德品第三 .....	292-293
卷第四	
如來性品第四之一 .....	340-341
卷第五	
如來性品第四之二 .....	414-415
卷第六	
如來性品第四之三 .....	506-507

### PHẦN DỊCH NGHĨA

#### QUYỂN MỘT

##### PHẨM THỌ MẠNG

Phẩm thứ nhất - Phần một..... 86

#### QUYỂN HAI

##### PHẨM THỌ MẠNG

Phẩm thứ nhất - Phần hai..... 194

#### QUYỂN BA

##### PHẨM THỌ MẠNG

Phẩm thứ nhất - Phần ba..... 298

##### PHẨM THÂN KIM CANG

Phẩm thứ nhì .....

##### PHẨM CÔNG ĐỨC DANH TỰ

Phẩm thứ ba .....

#### QUYỂN BỐN

##### PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư - Phần một..... 382

#### QUYỂN NĂM

##### PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư - Phần hai..... 470

#### QUYỂN SÁU

##### PHẨM TÁNH NHƯ LAI

Phẩm thứ tư - Phần ba..... 552